

V100002735



DIÊN BIÊN PHỦ



MỐC VÀNG THỜI ĐẠI



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

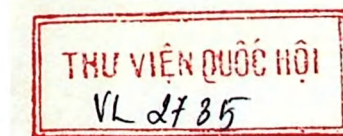
NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

Bản sao lưu trữ

355(V)09 + 9(V)2
————— 991 - 2003
QĐND - 2004

ĐIỆN BIÊN PHỦ[?]
MỐC VÀNG
THỜI ĐẠI

Bản sách



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

*** CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN:**

- Đại tá, TS. **PHẠM GIA ĐỨC**
- Đại tá **PHẠM QUANG ĐỊNH**
- Đại tá, ThS. **PHẠM BÁ TOÀN**
- Đại tá **ĐẶNG VĂN LÂM**

*** BIÊN SOẠN:**

- Đại tá, TS. **PHẠM GIA ĐỨC** (*Chủ biên*)
- Đại tá **NGUYỄN DUY TƯỜNG**
- Đại tá **VÕ TÁ TAO**
- Cử nhân **BÙI THU HƯƠNG**

“ĐIỆN BIÊN PHỦ NHƯ LÀ MỘT CÁI MỐC
CHÓI LỢI BẰNG VÀNG CỦA LỊCH SỬ. NÓ
GHI RÕ NƠI CHỦ NGHĨA THỰC DÂN LẤN
XUỐNG DỐC VÀ TAN RÃ, ĐỒNG THỜI
PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC KHẮP
THẾ GIỚI ĐANG LÊN CAO TỚI THẮNG LỢI
HOÀN TOÀN...”.

Chủ tịch
HỒ CHÍ MINH

Bản sách lưu trữ

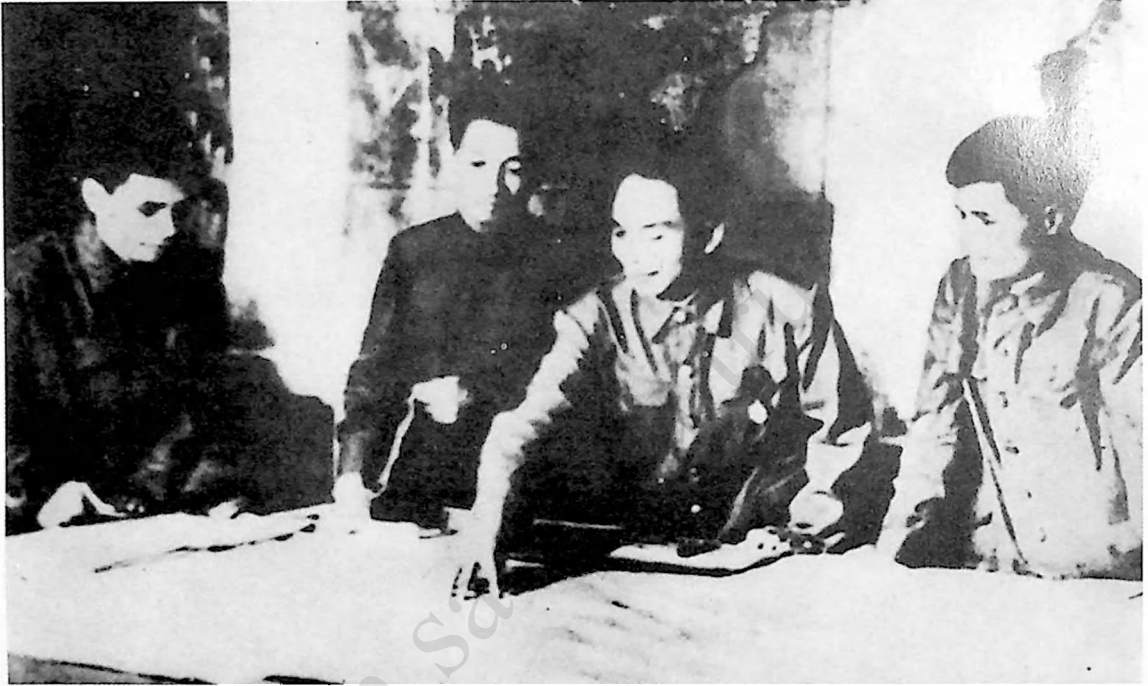
“... TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ VĨ ĐẠI ĐÃ ĐƯỢC
GHI VÀO LỊCH SỬ DÂN TỘC NHƯ MỘT
BẠCH ĐĂNG, MỘT CHI LĂNG HAY MỘT
ĐỒNG ĐA TRONG THẾ KỶ 20, VÀ ĐI VÀO
LỊCH SỬ THẾ GIỚI NHƯ MỘT CHIẾN CÔNG
CHÓI LỢI ĐỘT PHÁ THÀNH TRÌ CỦA
HỆ THỐNG NÔ DỊCH THUỘC ĐỊA CỦA
CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC...”.

LÊ DUẨN

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam



Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị Trung ương Đảng bàn kế hoạch Đông Xuân 1953-1954



Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam bàn kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến thắng to lớn nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1945 - 1954). Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của dân tộc ta trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét: “Điện Biên Phủ như là một cái mốc chói lọi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống đáy và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao tới thắng lợi hoàn toàn...”

*Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 50 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tổ chức biên soạn và ấn hành cuốn **ĐIỆN BIÊN PHỦ - MỐC VÀNG THỜI ĐẠI**. Cuốn sách được soạn thảo cơ bản dựa trên các tài liệu tổng kết, lịch sử và các văn kiện đã xuất bản, gồm bốn phần chính như sau:*

- 1. Điện Biên trong lịch sử.*
- 2. Chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.*
- 3. Một số bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội về chiến thắng Điện Biên Phủ.*
- 4. Điện Biên Phủ qua những trang tư liệu.*

Những nội dung trên giới thiệu một cách tương đối hệ thống, toàn diện về chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và ý nghĩa thời đại của nó. Mong rằng cuốn sách sẽ đáp ứng phần nào yêu cầu của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân và bạn đọc rộng rãi tìm hiểu lịch sử vẻ vang của quân đội và nhân dân ta, nhằm phát huy hơn nữa bản chất, truyền thống

tốt đẹp của quân và dân ta trong công cuộc đổi mới và trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay.

Mặc dù đã cố gắng trong sưu tầm, biên soạn, nhưng cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong được sự đóng góp ý kiến của các đồng chí và bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Bản sao lưu trữ

**THƯ GỬI
CÁN BỘ VÀ CHIẾN SĨ
MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ**

Thân ái gửi cán bộ và chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ¹

Thu - Đông năm nay, các chú lại có nhiệm vụ tiến quân vào Điện Biên Phủ để tiêu diệt thêm sinh lực địch, mở rộng thêm căn cứ kháng chiến, giải phóng thêm đồng bào còn bị giặc đè nén.

Năm ngoái, các chú đã anh dũng chiến đấu, tiêu diệt nhiều địch, đã thắng lợi to. Bác rất vui lòng.

Năm nay, sau những cuộc chỉnh huấn chính trị và quân sự, các chú đã tiến bộ hơn. Các chú phải chiến đấu anh dũng hơn, chịu đựng gian khổ hơn, phải giữ vững quyết tâm trong mọi hoàn cảnh:

Quyết tâm tiêu diệt địch,

Quyết tâm giữ vững chính sách,

Quyết tâm tranh nhiều thắng lợi.

Bác và Chính phủ chờ tin thắng lợi để khen thưởng các chú.

Chào thân ái và quyết thắng

Tháng 12 năm 1953

HỒ CHÍ MINH

Sách *Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1962, tr. 150.

1. Nội dung bức thư này còn được gửi cho cán bộ, chiến sĩ ở một số mặt trận khác.

THƯ GỬI CÁN BỘ VÀ CHIẾN SĨ Ở MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Thân ái gửi toàn thể cán bộ và chiến sĩ ở mặt trận,

Các chú sắp ra mặt trận. Nhiệm vụ các chú lần này rất to lớn, khó khăn, nhưng rất vinh quang.

Các chú vừa được chỉnh quân chính trị và chỉnh huấn quân sự và đã thu được nhiều thắng lợi về tư tưởng và chiến thuật, kỹ thuật. Nhiều đơn vị cũng đã đánh thắng trên các mặt trận. Bác tin chắc rằng các chú sẽ phát huy thắng lợi vừa qua, quyết tâm vượt mọi khó khăn gian khổ để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang sắp tới.

Bác chờ các chú báo cáo thành tích để thưởng những đơn vị và cá nhân xuất sắc nhất.

Chúc các chú thắng to.

Bác hôn các chú.

Chào thân ái và quyết thắng

Tháng 3 năm 1954

HỒ CHÍ MINH

Báo Quân đội nhân dân, xuất bản tại mặt trận, số 131, ngày 14-3-1954.

**ĐIỆN CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
VÀ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GỬI CÁN BỘ
VÀ CHIẾN SĨ Ở MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ**

Thân ái gửi toàn thể cán bộ và chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ,

Bác và Trung ương Đảng được báo cáo về hai trận thắng đầu tiên của quân đội ta ở Điện Biên Phủ. Bác và Trung ương Đảng có lời khen các đồng chí. Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng.

Địch sẽ ra sức đối phó, ta phải cố gắng, chiến đấu dẻo dai, bền bỉ, chớ chủ quan khinh địch, giành toàn thắng cho chiến dịch này.

Ngày 15 tháng 3 năm 1954

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

Báo Quân đội nhân dân,
xuất bản tại mặt trận,
số 133, ngày 18-3-1954.

THƯ GỬI TOÀN THỂ CÁN BỘ VÀ CHIẾN SĨ Ở MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Trước hết Bác gửi lời thân ái thăm các chú thương binh.

Toàn thể các chú cũng như cán bộ và chiến sĩ ở toàn quốc đã quyết tâm tranh được thắng lợi lớn để chúc thọ Bác.

Bác quyết định khao các chú. Khao thế nào tùy theo điều kiện, nhưng nhất định khao.

Thế là Bác cháu ta cùng vui. Vui để cố gắng mới, để khắc phục khó khăn mới và để tranh thắng lợi mới.

Bác và Chính phủ định thưởng cho tất cả các chú huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên Phủ”. Các chú tán thành không?

Bác dặn các chú một lần nữa:

Chớ vì thắng mà kiêu, chớ chủ quan khinh địch, phải luôn luôn sẵn sàng làm trọn nhiệm vụ Đảng và Chính phủ giao cho các chú.

Bác hôn các chú

Bác
HỒ CHÍ MINH

**THƯ KHEN NGỢI BỘ ĐỘI, DÂN CÔNG,
THANH NIÊN XUNG PHONG
VÀ ĐỒNG BÀO TÂY BẮC
ĐÃ CHIẾN THẮNG VỀ VANG Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ**

Quân ta đã giải phóng Điện Biên Phủ. Bác và Chính phủ thân ái gửi lời khen ngợi cán bộ, chiến sĩ, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào địa phương đã làm tròn nhiệm vụ một cách vẻ vang.

Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu. Chúng ta không nên vì thắng mà kiêu, không nên chủ quan khinh địch. Chúng ta kiên quyết kháng chiến để tranh lại độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình. Bất kỳ đấu tranh về quân sự hay ngoại giao cũng đều phải đấu tranh trường kỳ gian khổ mới đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Bác và Chính phủ sẽ khen thưởng những cán bộ, chiến sĩ, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào địa phương có công trạng đặc biệt.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 8 tháng 5 năm 1954

HỒ CHÍ MINH

Phần thứ nhất
ĐIỆN BIÊN TRONG LỊCH SỬ

I- ĐẤT VÀ NGƯỜI ĐIỆN BIÊN

Điện Biên trước đây là một huyện của tỉnh Lai Châu, Tây Bắc Việt Nam một địa bàn có vị trí chiến lược, một vùng kinh tế trù phú.

Ngày 18 tháng 4 năm 1992, Điện Biên Phủ được quyết định là thị xã của tỉnh Lai Châu.

Ngày 26 tháng 9 năm 2003, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Nghị định số 110/2003/NĐ-CP thành lập thành phố Điện Biên Phủ trực thuộc tỉnh Lai Châu trên cơ sở diện tích tự nhiên, dân số và đơn vị hành chính trực thuộc thị xã Điện Biên Phủ. Chính phủ cũng quyết định điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Điện Biên Phủ. Sau khi điều chỉnh và thành lập phường mới, thành phố Điện Biên Phủ có diện tích tự nhiên 6.009 héc-ta và 70.639 nhân khẩu. Thành phố có 8 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm các phường: Mường Thanh, Tân Thanh, Him Lam, Thanh Bình, xã Thanh Minh và 3 phường mới là: Nam Thanh, Thanh Trường, Noọng Bua.

Từ rất lâu, vùng Điện Biên còn có tên gọi là Mường Then (Mường Trời)¹, Mường Theng² vẫn quen gọi là Mường Thanh. Đến với Điện Biên là đến với một vùng rừng núi bao la điệp trùng đan xen những thung lũng nhỏ hẹp, màu mỡ. Trung tâm là cánh đồng Mường Thanh, nằm trên trục đường từ Thượng Lào qua Lai Châu, xuống Sơn La... về Hà Nội và từ Tây Nam Trung Quốc xuống miền Trung Việt Nam, Trung Lào. Với địa thế đó, Điện Biên đã được xem là vùng đất mà một tiếng gà gáy, người dân ba nước (Việt Nam, Lào, Trung Quốc) đều nghe. Cũng bởi vậy mà Điện Biên là điểm gặp, nơi hội tụ của nhiều dân tộc, tiếng nói, văn hóa tộc người, phong tục tập quán khác nhau.

Bao bọc xung quanh cánh đồng Mường Thanh là những dãy núi cao thấp khác nhau, muôn hình muôn vẻ. Phía tây và nam là dãy núi Pú Xam Xao

1. Mường Trời: theo truyền thuyết thì đây là nơi cư trú của các bậc thánh thần (các Then) và tổ tiên các dân tộc ở Tây Bắc.

2. Mường Theng: gọi chệch âm của Mường Then.

chạy dọc biên giới Việt - Lào, với đỉnh cao nhất là 1.897 mét, tạo thành một dãy trường thành thiên nhiên một bức bình phong kỳ vĩ. Phía bắc giáp với Pú Xam Xao là dãy Tây Trang - một hệ thống núi đá vôi, có nhiều cây cối um tùm và nhiều hang động tự nhiên khá hấp dẫn. Nơi đây, có cửa khẩu Tây Trang - cửa ngõ của Điện Biên và cả vùng Tây Bắc thông sang vùng Thượng Lào. Phía đông có dãy núi cao từ 1.200 đến 1.700 mét. Từ dãy núi chính này xòe ra ba nhánh ôm lấy cánh đồng Mường Thanh.

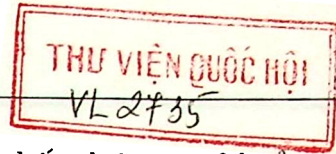
Xen giữa những dãy núi là những thung lũng hẹp, những cánh đồng mà diện tích rất khiêm nhường, xinh xắn, men theo những dòng suối, những chi nhánh thượng nguồn của sông Mã, sông Nậm Mác, Nậm Múa (chi nhánh sông Nậm Hu). Chính những dòng suối, nhánh sông nhỏ nhắn này đã đem lại sự mỡ màu, sức sống cho những cánh đồng ở Điện Biên; đem lại màu xanh trù phú, ấm no cho những bản mường nơi địa đầu biên cương của Tổ quốc.

Cánh đồng Mường Thanh nằm gọn giữa ba dãy núi lớn kể trên và còn được bao bọc bởi chừng hai mươi ngọn núi cao thấp, lớn nhỏ khác nhau. Với chiều dài hơn hai mươi ki-lô-mét, rộng hơn năm ki-lô-mét, Mường Thanh là cánh đồng phì nhiêu nhất của vùng Tây Bắc Việt Nam. Bởi vậy, từ lâu nhân dân trong vùng đã khái quát thành: "*Nhất Thanh, nhì Lò, tam Than, tứ Tấc*" Trong bốn cánh đồng, bốn vựa lúa lớn của Tây Bắc thì Mường Thanh lớn và trù phú nhất; gạo thóc canh tác ở đây đủ nuôi sống chừng 200-300 nghìn người. Thứ hai là Mường Lò - cánh đồng Nghĩa Lộ thuộc huyện Văn Chấn (Yên Bái). Thứ ba là Mường Than - tức cánh đồng Than Uyên (Lai Châu - giáp Yên Bái) và thứ tư là Mường Tấc - tức cánh đồng Phù Yên, phía nam tỉnh Sơn La.

Cuối cánh đồng Mường Thanh về phía nam, con sông Nậm Núa tỏa ra một nhánh sông có "tính khí" thất thường. Mùa nước cạn, sông chảy hững hờ, hiền lành. Khi mưa lũ, sông trở nên hung dữ, như ngựa tuột dây cương, nên được nhân dân đặt tên là Nậm Rốm.

Núi non, sông suối, những thung lũng hẹp và mở ra là cánh đồng Mường Thanh thẳng cánh cò bay đã tạo cho Điện Biên cảnh trí tuyệt vời. Đứng ở những triền núi cao nhìn xuống, vào mùa lúa chín, những thung khe, và Mường Thanh như những thảm vàng nổi lên giữa bốn bề núi non hùng vĩ.

Khí hậu vùng Điện Biên chia làm hai mùa khá tách bạch. Mùa khô bắt đầu từ tháng 10 và kết thúc vào tháng 5 (dương lịch) năm sau. Thường về mùa khô, trong thung lũng Mường Thanh, sương mù bao phủ dày đặc, và chỉ tan khi mặt trời thoát khỏi những dãy núi phía đông. Vào mùa này, ít mưa, khí hậu khô hanh.



Mùa mưa ở Điện Biên bắt đầu từ tháng 6 và kết thúc vào khoảng cuối tháng 10 (dương lịch). Suốt 5 tháng mùa mưa, khí hậu ẩm thấp. Vào khoảng tháng 7 và tháng 8, nhiều khi mưa bất thần ập xuống như trút nước, và nước từ núi cao bốn phía đổ về lòng chảo Điện Biên gây lũ lớn; nhiều khi mưa tầm tã, rả rích mấy ngày liền; trời bao phủ một màu ảm đạm như chì.

Do kết cấu địa hình đa dạng, đất đai màu mỡ, trù phú, nên Điện Biên có nhiều nguồn tài nguyên quý giá. Ngoài lúa gạo Mường Thanh đứng hàng đầu Tây Bắc, Điện Biên có nguồn lâm thổ sản dồi dào như: sa nhân, sáp vàng, diêm tiêu, lưu huỳnh, sắt; động vật muông thú khá đa dạng cùng nhiều thứ gỗ quý, như: lim, lát, pơmu...

Theo một số nhà sử học, dân tộc học và khảo cổ học, thì từ rất sớm, Điện Biên nằm trên con đường giao lưu văn hóa. Bởi vậy, nơi đây đã xuất hiện yếu tố giao lưu giữa văn hóa trồng trọt của các cư dân bản địa văn minh lúa nước ở Đông Nam Á với văn hóa của cư dân các vùng lân cận. Từ rất sớm, nhiều con đường mòn từ Điện Biên tỏa đi khắp những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa trong vùng giáp giới ba nước Việt Nam Trung Quốc Lào. Từ Điện Biên, dọc theo Mường Pồn, Mường Muôn, có thể qua Mường Lay (Lai Châu) đi Phong Thổ và Lào Cai. Và ngược lại, qua Tây Trang sang đất Lào, trôi xuôi xuống Sầm Nưa, Luông Phra Băng hoặc ngược lên Phong Xa Lỳ, giáp giới Mi-an-ma (Miến Điện).

Từ Điện Biên, đi theo hướng đông nam sẽ qua Mường Phăng, Mường Ảng về Tuần Giáo; vượt tiếp đèo Pha Đin về Thuận Châu, Mường La (Sơn La); nếu đi theo hướng tây nam sẽ qua vùng Trung Lào hoặc miền tây Thanh Hóa, Nghệ An.

Là nơi xuất phát của chi nhánh nhiều dòng sông lớn, vào mùa khô, người dân Điện Biên với những con thuyền nhỏ có thể ngược khắp các dòng sông quen thuộc của vùng Tây Bắc. Từ dòng Nậm Rốm, người dân nơi đây có thể theo thuyền qua sông Nậm Núa, cập vào Pắc U để vào sông Nậm Hu (Bắc Lào), và từ đó nhập vào dòng Nậm Khoong (Mê Kông). Nếu muốn về đồng bằng, người dân xuống bến tại Mường Pồn, theo dòng Nậm Mắc rẽ vào sông Đà, xuôi về Tạ Bú, Tạ Khoa... (Sơn La) tới Chợ Bờ (Hòa Bình) rồi về Hà Nội... Từ Mường Pồn, theo sông Đà (nhưng ngược dòng) sẽ lên Mường Lay, Phong Thổ, Lai Châu, và có thể lên cả Trung Quốc. Người dân Điện Biên cũng có thể dùng thuyền ngược dòng Nậm Rốm, rồi Nậm Cô, Nậm Núa; từ đây xuôi theo Nậm Mạ (sông Mã), xuống Xốp Cộp rồi qua đất bạn Lào anh em, xuôi về vùng người Thái, người Mường miền tây Thanh Hóa...

Ngày nay những tuyến đường mòn, đường thồ, đường thủy dành cho những con thuyền gỗ nhỏ chỉ còn trong ký ức và nhường chỗ cho những

tuyến giao thông hiện đại. Không chỉ có đường bộ được mở mang, thăm nhạ; đường sông dùng canô, thuyền máy mà còn có cả đường không từ Điện Biên tỏa đi nhiều nơi, cả trong nước và quốc tế.

Do Điện Biên ở vào vị thế quan trọng và là miền đất trù phú, giàu có, nên từ xa xưa, nơi đây đã là nơi quần tụ sinh sống của nhiều dân tộc anh em. Các dân tộc tới làm ăn sinh sống ngày càng đông; cùng chung sức chế ngự thiên nhiên, sản xuất và chiến đấu bảo vệ bản mường. Từ trong lao động và chiến đấu, sự cố kết, đoàn kết giữa các cộng đồng tộc người, các dân tộc ở nơi đây càng thêm keo sơn, bền chặt. Điện Biên dần dần trở thành một bộ phận hữu cơ của Tổ quốc Việt Nam. Lịch sử Điện Biên gắn liền với lịch sử dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam.

Vào thời điểm nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời (9-1945), Điện Biên Mường Thanh đã là quê hương của gần một chục dân tộc anh em. Những dân tộc đó có ở Mường Thanh vào từng thời điểm khác nhau, trong những hoàn cảnh khác nhau, nhưng cùng chung mục đích là ổn định cuộc sống bản thân, gia đình, cộng đồng bản mường và cao hơn là xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Những dân tộc định cư lâu đời ở đất Mường Thanh, gồm người Kinh, người Thái, người H'Mông, người Tày, người Khơ Mú, người Cống, người Lào, người Kháng, người Xinh Mun...

Người Kinh thường sống tập trung ở các thị trấn, thị xã, dọc đường giao thông chính, làm việc ở các nông trường, xí nghiệp, các khu kinh tế mới; các cơ quan dân chính đảng từ cấp xã đến cấp tỉnh; hoặc phục vụ trong các đơn vị quân đội, công an... Theo các nhà dân tộc học, con cháu của những người Kinh đầu tiên theo Hoàng Công Chất lên giải phóng Mường Thanh (giữa thế kỷ XVIII) nay không còn. Có thể để tránh sự khủng bố của chính quyền phong kiến, những người này đã phân tán vào sinh sống với người Thái định cư từ trước và đã "Thái hóa" Ở một số làng bản xung quanh lòng chảo Mường Thanh, nhiều người trước đây tự nhận mình là con cháu của "keo Chất" (tức người Kinh có tên là Chất); đây là một trong những dấu tích của hiện tượng người Kinh đã "Thái hóa"

Từ sau khởi nghĩa Hoàng Công Chất, triều đình phong kiến do ý thức được tầm quan trọng của Mường Thanh, nên đã đưa một số người Kinh lên đảm nhiệm một số chức việc, sinh cơ lập nghiệp ở vùng địa đầu phía tây của

Tổ quốc; và cũng đã có một số gia đình người Kinh do sinh sống ở dưới xuôi khó khăn, phải lên lập nghiệp ở đây. Tuy vậy, đến trước Cách mạng tháng Tám 1945, số người Kinh có ở Mường Thanh vẫn rất ít. Phải đến kháng chiến chống thực dân Pháp và đặc biệt từ sau chiến thắng Điện Biên Phủ, theo tiếng gọi của Đảng, Nhà nước, người Kinh mới lên xây dựng quê hương mới ở Điện Biên ngày càng đông.

Trên quê hương mới ở Điện Biên, trong bất cứ thời kỳ nào, người Kinh cũng được sống trong sự đùm bọc, chở che, giúp đỡ của người dân địa phương, trong tình đoàn kết keo sơn của đại gia đình các dân tộc Việt Nam, trong sự ưu ái của đất đai, tài nguyên của Điện Biên. Dưới chế độ mới, được Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, tình đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa người dân địa phương với người Kinh từ bốn phương về đây, sinh sống, công tác, lao động trong các cơ sở sản xuất, cơ quan Nhà nước không những được tăng cường thắt chặt thêm mà còn có sự phát triển về chất sự hợp tác xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, ở Điện Biên dân số người Kinh đứng thứ hai, sau người Thái.

Theo tài liệu sử học và dân tộc học thì người Thái có ở Điện Biên muộn nhất cách ngày nay khoảng 800 năm thời tù trưởng Lạng Chương tiến quân vào đất Mường Thanh. Lạng Chương đặt dinh đứng vào vị trí đồi A1 ngày nay.

Người Thái ở Điện Biên ngày nay thuộc ngành Thái Đen, chủ yếu có gốc gác từ Tuần Giáo (Lai Châu), Thuận Châu, Mai Sơn (Sơn La) di cư lên qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau. Trong đó, thời kỳ người Thái di cư ồ ạt và gần đây nhất tới Mường Thanh là lúc thủ lĩnh người Thái có tên là Cầm Ten (hay Bạc Cầm Tiến) liên kết với tù trưởng Khơ Mú đánh giặc Cờ vàng.

Từ trước tới nay, người Thái là cư dân chiếm số dân đông nhất ở Điện Biên. Ở Điện Biên, người Thái làm ruộng nước, có kinh nghiệm trong việc đưa nước vào canh tác và sử dụng để sinh hoạt. Bằng chứng sống động của điều này là hệ thống mương phai khá hoàn chỉnh trên cánh đồng Mường Thanh và hàng trăm cối giã gạo hoạt động bằng cánh quạt, guồng nước dày đặc dọc theo các sông suối. Phụ nữ người Thái, ngoài việc đồng áng, còn rất khéo tay dệt vải, thêu đan..., thể hiện bằng vải vóc với màu sắc sặc sỡ, những tấm khăn piêu... do bàn tay khéo léo của họ tạo ra. Người Thái ở Điện Biên còn thạo nghề chài lưới, giỏi chăn nuôi trâu bò, gà lợn, làm đồ gốm... Ngành nghề đa dạng; nghề nào cũng thành thạo, giỏi giang, nên đời sống vật chất của người Thái thường khá hơn những tộc người thiểu số khác; và cũng từ đó đời sống tinh thần phong phú, đa dạng, biểu hiện ở những lời ca, điệu múa, những tác phẩm văn học khá nổi tiếng.

Với một cơ sở xã hội ổn định, một nền văn hóa phát triển khá cao, đời sống kinh tế sung túc, dân tộc Thái trở thành “hạt nhân” thu hút các cộng đồng tộc người khác quanh vùng cùng chung sức xây dựng, bảo vệ bản làng quê hương mình, chống lại mọi thế lực cường quyền áp bức. Tuy nhiên, chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Hồ Chí Minh đứng đầu mới là lực lượng lãnh đạo đấu tranh giải phóng đồng bào các dân tộc nói chung và người Thái nói riêng thoát khỏi sự thống trị của thực dân Pháp và chế độ phiá tạo một chế độ phong kiến vô cùng nặng nề ngự trị trong đời sống xã hội người Thái hàng nghìn năm.

Cũng vì vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, người Thái đã dốc hết tâm lực của mình vào công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần quan trọng làm nên chiến thắng Điện Biên lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu; tiếp đó, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng quê hương Tây Bắc, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc, vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sau năm 1975.

Cũng như nhiều nơi khác, người H'Mông ở Điện Biên cư trú trên những đỉnh núi cao bao bọc xung quanh lòng chảo Mường Thanh. Theo tư liệu dân tộc học và sử học, do không chịu khuất phục chế độ thống trị hà khắc và chính sách đồng hóa của triều đình phong kiến tập quyền Trung Quốc, người H'Mông sang Việt Nam vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Những triền núi xung quanh Mường Thanh đã trở thành vùng cư trú lý tưởng của người H'Mông cách ngày nay hơn một trăm năm. Chọn nơi đây sinh sống, người H'Mông đã dần dần hòa đồng với các dân tộc anh em, cùng hợp lực đấu tranh chống lại chế độ áp bức bóc lột của các triều đại phong kiến, thực dân. Trong cuộc đấu tranh đó, ở Điện Biên đã nổi lên gương anh hùng Giàng Tả Chay - một thủ lĩnh người H'Mông đã lãnh đạo nhiều dân tộc khắp vùng Tây Bắc Việt Nam, sau đó có cả người Lào nổi dậy chống thực dân Pháp vào những năm 1918-1922. Trong kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp (1945-1954), người H'Mông ở Điện Biên tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường bất khuất của mình. Nhiều căn cứ kháng chiến được người H'Mông xây dựng, như Pù Nhung, Mường Tình. Trong kháng chiến chống Mỹ cũng như công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ngày nay, người H'Mông ở Điện Biên cùng chung lòng, chung sức với các dân tộc anh em xây dựng làng bản quê hương yên bình, làm thất bại âm mưu gây rối, phá hoại của các thế lực thù địch; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

Với đức tính cần cù lao động, người H'Mông đã biến những triền núi thành ruộng bậc thang, trồng hai vụ lúa một năm. Tuy nhiên, dưới chế độ

phong kiến, thực dân, để phục vụ cho quyền lợi của một nhóm ít người, tầng lớp trên, người H'Mông đã bị biến thành những kẻ phá rừng để trồng thuốc phiện, du canh du cư triển miên năm này qua năm khác, đời này qua đời khác. Chỉ từ khi có Đảng lãnh đạo, và đặc biệt dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, người H'Mông ở Điện Biên mới được tổ chức lại sản xuất; có điều kiện phát huy những truyền thống quý báu của mình trong sản xuất, tiếp thu kỹ thuật mới..., chấm dứt tình trạng du canh du cư, xây dựng một cuộc sống ổn định, ngày càng sung túc hơn.

Một trong những tộc người khá đông ở Điện Biên là người Khơ Mú từ đất nước Lào vào Tây Bắc Việt Nam theo yêu cầu đoàn kết chống kẻ thù chung là giặc Cờ vàng.

Là một trong những tộc người trình độ phát triển xã hội thấp, trước đây chuyên sống du canh du cư, bị chế độ phong kiến áp bức tàn tệ và bị ràng buộc bởi nhiều hủ tục mê tín nặng nề nên đời sống của người Khơ Mú vô cùng thiếu thốn, nghèo khổ. Đây chính là một trong những nhân tố sớm đưa người Khơ Mú đến với cách mạng. Vùng đất họ sinh sống dần dần đã trở thành những căn cứ du kích trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, và người Khơ Mú cũng thật sự dũng cảm ngoan cường trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Đảng và cách mạng đã đem lại cuộc đời mới cho người Khơ Mú, đưa họ vào con đường làm ăn tập thể; đời sống của người Khơ Mú do đó không ngừng được cải thiện.

Ngoài những dân tộc có số lượng khá đông nêu trên, người Xinh Mun, người Kháng, người Cống cũng là thành viên dân cư của Điện Biên. Hiện nay ở Điện Biên, ba dân tộc này không đông lắm. Cũng như người Khơ Mú, người Xinh Mun, người Kháng và người Cống bị chế độ phong kiến đè nén bóc lột nặng nề và phân biệt đối xử vô cùng tàn nhẫn, được xem là những thân phận thấp kém nhất của xã hội phong kiến, của chế độ “phìa tạo” Về kinh tế, trước đây người Khơ Mú là những tộc người du canh du cư, nay đây mai đó, sống bám theo những triền núi; thu nhập chính là những món lúa nương ít ỏi. Giờ đây, họ đã định cư thành làng bản, tăng gia sản xuất tập trung, đời sống kinh tế tuy còn nhiều khó khăn, nhưng cũng cao hơn trước nhiều lần.

Ở Điện Biên còn có người Lào, người Tày những tộc người đến sinh cơ lập nghiệp muộn hơn; nhưng dù sớm hay muộn, họ đều xem Điện Biên là nơi “chôn rau cắt rốn” của mình. Người Tày hay người Lào đều là những nông dân cần cù, sống thành từng cụm mấy chục gia đình, cạnh những cánh đồng

phì nhiêu hoặc dọc theo những con sông nhỏ, cày cấy, canh tác, tạo lập cuộc sống. Người Lào, người Tày còn giỏi dệt thổ cẩm, chài lưới... Về đời sống tinh thần, họ là chủ nhân của những làn điệu dân ca trữ tình, những điệu múa mềm mại, uyển chuyển... Cũng như những dân tộc anh em khác trên đất Mường Thanh, người Tày, người Lào yêu chuộng hòa bình; sẵn sàng chiến đấu chống lại mọi thế lực áp bức và kẻ thù ngoại xâm, bảo vệ độc lập chủ quyền quê hương, đất nước.

II- ĐIỆN BIÊN TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945

Qua những câu chuyện huyền thoại còn lưu truyền trong nhân dân và qua các tài liệu lịch sử, dân tộc học..., thì từ thời cổ xưa, Mường Thanh đã là một trung tâm về kinh tế, văn hóa. Mường Thanh là đất cư trú của các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á.

Theo tư liệu lịch sử chính thống của Trung Quốc, các dân tộc cư trú, sinh sống thời xa xưa ở miền Nam Trung Quốc và miền Bắc Việt Nam, đều gọi là Man hay Việt (có ý miệt thị). Từ tên chung Man hay Việt, dần dần được tách ra thành các tên gọi cụ thể, gắn với những nhóm người chung sống trong khu vực địa lý khác nhau. Đến những thiên niên kỷ cuối cùng trước Công nguyên, ở miền Đông Dương và có thể cả vùng phía Bắc giáp Đông Dương là địa bàn hình thành và sinh sống, quần tụ chủ yếu của tổ tiên các dân tộc thuộc ngữ hệ Việt Mường; còn vùng Quảng Đông - Quảng Tây (Trung Quốc) và có thể thấp xuống phía Nam là địa bàn hình thành, sinh tụ chủ yếu của tổ tiên các dân tộc thuộc ngữ hệ Tày - Thái.

Đến khoảng thiên niên kỷ thứ nhất sau Công nguyên, các nhóm dân tộc Thái, bao gồm các nhóm Lào, Lự, Thái... đã lập được một loạt “nhà nước” nối liền nhau ở vùng Vân Nam (Trung Quốc), Thượng Lào và Tây Bắc Việt Nam. Các “nhà nước” này nối kề cận với khu vực thuộc các dân tộc có chung ngôn ngữ ở vùng Quảng Đông - Quảng Tây, Quý Châu, Hồ Nam (Trung Quốc) và miền Bắc Việt Nam; tồn tại xen kẽ với những “nhà nước”, thuộc các bộ tộc hay bộ lạc Môn - Khơme và Tạng - Miến.

Ở Tây Bắc vào thời kỳ này, các nhóm dân tộc như Kháng, Xinh Mun, Mảng... cư trú khắp các miền thung lũng từ Hoàng Liên Sơn đến Sơn La và Lai Châu. Tổ chức xã hội của họ là những bộ tộc, do tù trưởng cầm đầu; chức vị này tồn tại theo chế độ thế tập (cha truyền con nối). Nhân dân sống chủ yếu bằng nghề nông, có trình độ văn minh khá cao, đã biết sử dụng trống đồng và các công cụ bằng đồng; biết trồng lúa nước với trình độ kỹ thuật khá

cao (dẫn thủy nhập điền). Theo tư liệu có được thì vào đầu Công nguyên, cư dân nơi đây đã biết sử dụng tiền trong trao đổi hàng hóa. Xã hội đã hình thành giai cấp. Thế lực thống trị là giai cấp quý tộc; người bị bóc lột (bằng tô lao dịch và tô hiện vật) là nông nô.

Tình hình xã hội của các nhóm dân tộc Nam Á này được ghi lại trong một số sách cổ, và qua các câu chuyện truyền miệng của người Thái. Ở Mường Thanh, họ cư trú trong các thung lũng ven sông Đà, sông Mã và một số chi nhánh của sông Mê Công (như Nậm Khoong). Ở phía nam cánh đồng Mường Thanh cũng có một số bản mường của nhóm người này, nhưng không đông lắm.

Dân tộc Lự một chi nhánh của dân tộc thuộc ngôn ngữ Tày - Thái, chiếm cứ vùng Phong Xa Lỳ và vùng lưu vực sông Nậm Hu (Bắc Lào) chạy qua phía bắc Điện Biên, sông Nậm Núa. Bên cạnh các bộ tộc Nam - Á và Lự, còn có các nhóm Thái cư trú lẻ tẻ khắp miền Tây Bắc và ngay cả trong vùng Mường Thanh. Theo tư liệu dân tộc học, thì các nhóm dân tộc thuộc các ngôn ngữ khác nhau ở trên có mối quan hệ hòa đồng, hữu nghị, đoàn kết. Văn hóa của người Thái ảnh hưởng đến văn hóa các dân tộc khác và ngược lại cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều của các nền văn hóa khác.

Theo sử của Trung Quốc, đến thế kỷ thứ VII sau Công nguyên, nước Nam Chiếu thuộc về tổ tiên người Di, người Bạch ở vùng Vân Nam. Trong nước Nam Chiếu, bộ phận người Thái ở vào địa vị phụ thuộc. Vào thời cực thịnh, thế lực cầm đầu nước Nam Chiếu đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh để bành trướng thế lực cũng như lãnh thổ của mình. Các bộ tộc tồn tại độc lập ở Thượng Lào, Tây Bắc Việt Nam ngày nay là đối tượng thu phục của Nam Chiếu. Nhiều bộ tộc Thái đã liên kết với nhau đối phó với mưu đồ thôn tính của Nam Chiếu, trên thực tế họ đã ngày càng hùng mạnh lên. Những tù trưởng người Thái mở rộng dần thế lực xuống phía Nam địa bàn sinh sống của những dân tộc yếu hơn ở Thượng Lào và Tây Bắc Việt Nam. Từ thế kỷ VIII đến XIV, những tù trưởng người Thái đã liên kết với đế quốc Nguyên Mông thu phục nước Đại Lý (tức Nam Chiếu), để dần dần hình thành nước Thái (Thái Lan) hiện nay.

Sự hình thành, diệt vong của một số quốc gia trong vùng, đặc biệt là quá trình ra đời nhà nước Thái cũng là những thế kỷ mà đất và người Mường Thanh - Điện Biên trải qua nhiều biến đổi lớn.

Vào khoảng thế kỷ thứ IX - thứ X sau Công nguyên, một bộ phận của người Lào, người Lự tràn xuống miền Bắc nước Lào theo các con sông Nậm U, Nậm Tà, và chiếm được vùng Luông Pha Băng hiện nay. Cũng trong thời gian này, bộ phận người Lự ở Mường Thanh cũng hưng thịnh lên, phát triển thế lực ra khắp lòng chảo Điện Biên và tiếp tục mở rộng ảnh hưởng ra các châu khác thuộc tỉnh Lai Châu và xuống cả Tuần Giáo, Sơn La.

Trong khi người Lào, người Lự bành trướng thế lực mạnh mẽ thì nhóm người thuộc ngữ hệ Nam Á (tổ tiên người Mảng, người Kháng) lùi về các vùng xung quanh lòng chảo Mường Thanh như Mường Hóa, Mường Phăng.

Vào khoảng thế kỷ XI - XII, một bộ phận tổ tiên người Thái Đen từ vùng đất giữa sông Nậm Hu và sông Hồng - phía nam Vân Nam, do Tào Ngần (Tào Xuông) cầm đầu thiên di xuống chiếm Mường Lò (cánh đồng Nghĩa Lộ) và tiếp tục mở rộng ảnh hưởng ra xung quanh. Đến đời con Tào Ngần là Tào Lò phát triển thế lực đến Tú Lệ, Than Uyên, Văn Bàn... Đến đời Lạng Chương con Tào Lò, đã cầm quân đánh thắng các bộ tộc thuộc ngữ hệ Nam Á từ Nghĩa Lộ, qua Sơn La đến Điện Biên.

Sau khi chiến thắng các bộ tộc thuộc ngữ hệ Nam - Á, Lạng Chương dựng mường trung tâm ở cánh đồng Mường Thanh¹. Con cháu, vây cánh thân thích của Lạng Chương được chia quyền cai quản các vùng đất vừa chiếm được. Cuộc "chinh phục" của Lạng Chương kết thúc cũng đồng nghĩa với sự mở đầu của giai đoạn các thế lực thống trị của người Thái làm chủ cả miền Tây Bắc Việt Nam rộng lớn.

Vào lúc này ở miền xuôi - đồng bằng châu thổ, vương triều nhà Lý đang ở thời điểm cực thịnh; đang tăng cường mở rộng ảnh hưởng đến các miền biên giới, thu phục thủ lĩnh - tù trưởng các dân tộc thiểu số. Nhà Lý thu phục các tù trưởng bằng cách phong quan tước, giúp đỡ họ khi tiến hành xung đột vũ trang với dân tộc khác... Với những phương cách đó, triều Lý đã thu phục được nhiều tù trưởng ở Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Cạn...

Ở Tây Bắc, khi mở rộng ảnh hưởng, xuống làm chủ ở Nghĩa Lộ và vùng phụ cận, các tù trưởng của người Thái Đen đều chịu triều cống hàng năm². Lễ vật gồm: trầm hương, ngà voi,... Nhà Lý cũng đã từng gả con gái cho tù trưởng người Thái và giúp họ bành trướng thế lực ra khắp vùng Tây Bắc.

1. Vị trí đối A1 ngày nay.

2. Vào đời Lý Thái Tông, tháng hai năm 1057 người Ngưu Hồng (tổ tiên người Thái) và Ai Lao đều triều cống nhà Lý. Dẫn theo: Đinh Xuân Lâm - Đặng Nghiêm Vạn: *Điện Biên trong lịch sử*, Nxb Khoa học xã hội - Hà Nội, 1979.

Sau khi người có công dựng nên cơ nghiệp của người Thái ở Tây Bắc là Lạng Chương mất, quyền bính được “thế tập” truyền cho con cháu từ đời này sang đời khác. Nhưng cũng từ đây sự tranh giành quyền bính, mâu thuẫn nội bộ dòng tộc diễn ra triền miên. Nhân cơ hội đó, người Lự, người Lào trở lại đánh đuổi chúa Thái ra khỏi Mường Thanh, thiết lập quyền cai trị của người Lự ở Mường Thanh. Tiếp đó là những tháng ngày liên tiếp xảy ra giao tranh giữa các tù trưởng địa phương, tranh giành quyền bính giữa những người trong cùng dòng tộc... Chiến tranh, giặc giã, làm cho nhân dân các dân tộc ở Tây Bắc vốn cực khổ, lại càng cực hơn. Đó cũng là nguyên cơ dẫn tới nhiều cuộc nổi dậy của nhân dân đấu tranh đòi quyền tự do làm ăn sinh sống; trong số đó có các cuộc nổi dậy của Ý Pung, Ý Chương, Ý Khuyên, Tạo Công... ở vùng Tuần Giáo và ngoại vi Mường Thanh.

Sang thế kỷ XV, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến 10 năm chống quân Minh xâm lược (1417-1427) Lê Lợi lên ngôi và lập nên triều Lê. Vào các đời vua: Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Thánh Tông, chế độ phong kiến tập quyền ở nước ta vào thời kỳ thịnh trị nhất. Nhằm mở mang bờ cõi, củng cố vùng biên ải, các triều vua Lê kể trên đều có chung kế sách là phải đoàn kết được các tù trưởng các dân tộc thiểu số. Theo đó, nhà vua vừa thực hiện chính sách phong quan tước, giúp đỡ các tù trưởng khi họ cần...; đồng thời dần dần thiết lập hệ thống quan binh và tiến hành từng bước việc trấn áp những tù trưởng có thái độ nghiêng ngả (khi thì thần phục triều đình, khi thì chống lại). Ngay từ các triều Lê Sơ, nhà vua đã áp dụng chính sách biến các tù trưởng dân tộc thiểu số thành những quan lại của triều đình. Những tù trưởng này được ân huệ chức tước của triều đình đứng đầu các địa phương của họ, cai trị dân theo cách thức, phong tục riêng; nhưng phải tuân theo pháp luật của triều đình Trung ương, hàng năm phải cống nộp lễ vật cho triều đình; thực hiện chế độ phu phen tạp dịch thời bình và huy động binh lính khi xảy ra chiến tranh.

Riêng vùng Tây Bắc, các triều vua Lê nhanh chóng chấm dứt tình trạng ngả nghiêng, “lá mặt lá trái” của các tù trưởng người Thái, lúc muốn dựa vào nhà Lê để chống lại người Lào và ngược lại, lúc lại dựa vào người Lào để chống lại chính quyền Trung ương.

Bằng những kế sách chiêu dụ của triều đình nhà Lê mà miền biên cương phía Tây Bắc của Tổ quốc được bảo vệ, tình hình nơi đây sau một thời gian dài bất ổn đã dần dần ổn định hơn trước. Theo đó, trấn Hưng Hóa được thành lập (năm 1463). Các tù trưởng người Thái Trắng, Thái Đen đều quy phục triều đình.

Trong khi các tù trưởng người Thái quy phục triều đình, thì các chúa Lự vẫn thay nhau thống trị ở Mường Thanh. Các chúa Lự cho xây dựng thành Tam Vạn ở phía nam cánh đồng Mường Thanh. Thành Tam Vạn rất lớn, bằng một phần năm cánh đồng, có thể chứa được hàng vạn gia đình và ba vạn quân (nên gọi là Tam Vạn). Bao quanh thành là hệ thống thành cao, hào sâu; đồn lũy canh phòng được bố trí ở những vị trí thuận tiện, có giá trị về quân sự.

Xung quanh thành Tam Vạn, người Lự ở đan xen với người Thái, Kháng, Xinh Mun, Hà Nhi, Cống...; canh tác ruộng nước, nương rẫy tùy theo điều kiện đất đai, nguồn nước. Cư dân ở đây đều thần phục chúa Lự. Những chúa Lự ở Mường Thanh vẫn duy trì chính sách “lá mặt lá trái” vừa thân Việt, vừa thân Lào. Vào thời điểm triều Lê đang hưng thịnh, họ nhất mực quy phục nhà Lê, không những không dám quấy rối các vùng phụ cận ở Tây Bắc, mà còn góp phần bảo vệ vùng Điện Biên, chống lại những cuộc đánh phá, cướp bóc của các thế lực từ Vân Nam, Thượng Lào tràn xuống... Khi triều đình nhà Lê suy yếu, các chúa Lự sẵn sàng kết cánh, tiếp tay cho ngoại bang uy hiếp vùng Tây Bắc, hoặc gây sự, tranh giành ảnh hưởng thế lực và quyền lợi vật chất, thậm chí lấn chiếm, bắt các chúa Thái ở quanh vùng thần phục.

Lịch sử cho thấy, suốt 19 đời chúa Lự thống trị Mường Thanh, đất Điện Biên trở thành một nơi tranh chấp về quyền bính, đất đai...

*

Từ đầu thế kỷ XVIII, ở Việt Nam, triều đình phong kiến trung ương tập quyền rệu rã, không đủ sức với tới vùng Tây Bắc. Cũng từ đây, lịch sử vùng Điện Biên, Tuần Giáo... bước vào thời kỳ xâu xé, tranh giành quyền lực của thế lực phong kiến địa phương. Các chúa Lự ở Mường Thanh mở rộng quyền lực ra cả vùng Tuần Giáo, Sinh Hồ. Nhưng ngay sau đó, một thảm họa đã xảy ra đối với người dân vùng Điện Biên. Dưới thời vua Bảo Thái (1720-1729), giặc Phẻ ở miền Thượng Lào và Tây Nam Trung Quốc tràn sang xâm chiếm Mường Thanh, đánh chiếm thành Tam Vạn và tràn xuống cả vùng Sơn La. Giặc tràn sang đã gây bao đau thương cho nhân dân trong vùng. Nhân dân Mường Thanh tan tác đi nhiều nơi để tránh giặc. Nhiều thủ lĩnh người Thái và các dân tộc khác kêu gọi nhân dân đứng lên chống giặc, nhưng “lực bất tòng tâm”, tất cả mọi cuộc nổi dậy đều thất bại. Nhiều người đứng lên chống lại giặc Phẻ, đã bị chúng tàn sát, hành hình rất man rợ. Để tránh quân địch truy nã, một số thủ lĩnh người Thái chạy sang vùng

Mường Puồn (thuộc tỉnh Sầm Nưa của nước Lào hiện nay). Tại Mường Puồn, những người chạy giặc đã gặp Hoàng Công Chất. Sự kiện này đánh dấu một cột mốc mới của lịch sử Điện Biên.

Hoàng Công Chất là một lãnh tụ nông dân kiệt xuất vùng Sơn Nam. Từ năm 1739 ông dựng cờ, chiêu tập lực lượng, liên kết với các lãnh tụ nông dân khác, như Nguyễn Hữu Cầu (Quận He), Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ... đấu tranh chống lại chính quyền phong kiến Lê Trịnh thối nát. Sau một thời gian hoạt động ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, đến năm 1751 Hoàng Công Chất vào hoạt động ở miền tây Thanh Hóa.

Sau khi gặp một số thủ lĩnh người Thái, được lực lượng nghĩa quân người Thái và các dân tộc ở địa phương giúp sức, Hoàng Công Chất cho quân tiến theo sông Mã lên bao vây đánh chiếm thành Tam Vạn nơi quân Phế đang đồn trú. Mặc dù quân Phế dồn mọi lực lượng, vũ khí để chống cự, nhưng vẫn bị thất bại. Thủ lĩnh quân Phế chết tại trận, tàn quân chạy sang Lào. Nghĩa quân của Hoàng Công Chất giải phóng và làm chủ hoàn toàn Mường Thanh.

Sau khi giải phóng Mường Thanh, Hoàng Công Chất chủ trương xây dựng nơi đây thành căn cứ cố thủ lâu dài. Lúc đầu, ông lấy luôn thành Tam Vạn làm đại bản doanh. Nhưng về sau thấy thành Tam Vạn hạn chế về thể phòng thủ và những yếu tố khác, ông quyết định xây thành mới ở Chiềng Lè. Đây là một công trình quân sự quan trọng của nghĩa quân Hoàng Công Chất. Thành Chiềng Lè¹ rộng gần 30 héc-ta (80 mẫu Bắc Bộ) tựa vào dòng Nậm Rốm. Thành cao 5 mét, mặt rộng từ 4 đến 6 mét; voi ngựa đi lại được trên mặt thành. Bên ngoài có đường thành đắp bằng đất, trồng tre gai bện kín. Ngoài cùng có hào rộng 4 đến 5 mét, sâu 10 mét. Thành có 4 cửa: Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Ở mỗi cửa có đắp đồn cao, có vọng gác. Trong thành có khu ngoại vi là nơi binh lính đóng. Tại đây, Hoàng Công Chất cho đào 133 giếng và ao để trữ nước cho quân lính dùng. Ở vị trí trung tâm là Phủ, dành cho các thủ lĩnh. Hiện nay ở Điện Biên còn lưu truyền bài ca về thành Bản Phủ.

Trong 15 năm (từ 1754 đến 1769), Hoàng Công Chất vừa cho củng cố mọi mặt ở Mường Thanh, vừa mở rộng thế lực ra cả vùng Tây Bắc. Hoạch sớm hoặc muộn, hầu như toàn bộ các thủ lĩnh - chúa đất dọc theo sông Mã, sông Đà, sông Thao đều thân phục họ Hoàng và không chịu cống nạp cho triều đình Lê Trịnh. Hoàng Công Chất còn liên kết với Lê Duy Mật, phối hợp khống chế suốt một dải từ miền tây Nghệ An, Thanh Hóa đến miền Tây Bắc.

1. Sau này thường gọi là thành Bản Phủ thuộc xã Noọng Hẹt, Điện Biên.

Sau khi thu phục được cả vùng Tây Bắc, ngoài việc thu cống nạp, tích trữ vật chất, củng cố và phát triển thực lực, Hoàng Công Chất còn chia ruộng cho dân, lệnh cho nghĩa quân bảo vệ dân, giữ gìn ổn định trong vùng. Vì vậy uy tín, công đức của ông thấm sâu vào tình cảm của nhân dân địa phương nhiều thế hệ¹.

Công lao to lớn của họ Hoàng dưới thời Hoàng Công Chất cầm đầu ở Mường Thanh là đã giữ yên một vùng biên ải của Tổ quốc, tránh được họa xâm lăng của người Miến (Mianma ngày nay) vào những năm 1753-1765. Sau khi đô hộ toàn bộ vương quốc Luông Phra Băng, vùng Tây Bắc - mà trực tiếp là Mường Thanh Điện Biên là miếng mồi của các tập đoàn người Miến. Nhưng rồi thành Bản Phủ vẫn bình yên, cuộc sống của người dân ở Mường Thanh vẫn bình yên. Dưới sự lãnh đạo của Hoàng Công Chất, nghĩa quân còn không chế được sự nhùng nhịu, cướp của, lấn đất của các bè đảng, những nhóm “giặc cỏ” phương Bắc tiến xuống; đồng thời tập hợp lực lượng, kêu gọi nhân dân chống lại triều đình nhà Lê thối nát, một ruộng.

Năm 1767, Hoàng Công Chất chết, con trai là Công Toàn lên thay. Lúc này, ở miền xuôi sau khi dẹp yên các cuộc khởi nghĩa của nông dân, chúa Trịnh có điều kiện tập trung binh lực đối phó với cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất và Lê Duy Mật. Đồng thời, giữa hai toán quân của họ Hoàng và họ Lê, sau một thời gian đoàn kết, hữu hảo, nay đã bộc lộ những mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được. Đây là điều kiện để chúa Trịnh nhanh chóng thu phục lại miền Tây Bắc. Đến năm 1769, quân Trịnh đánh bại hoàn toàn nghĩa quân của họ Hoàng, thu phục lại Mường Thanh và cả vùng Tây Bắc. Mặc dù có một số điều khoản nhằm tăng cường uy lực của triều đình phong kiến Lê Trịnh ở vùng biên ải, nhưng thực tế sau khi đánh bại nghĩa quân của họ Hoàng, chúa Trịnh lại chẳng nhòm ngó gì đến Mường Thanh cũng như cả miền biên ải Tây Bắc, để mặc cho bọn quan lại vùng Vân Nam (Trung Quốc) và vùng Thượng Lào xâm xé. Kết cục là Mường Thanh lại bị lệ thuộc vào Lào. Khi Lào bị chính quyền phong kiến Miến Điện và Xiêm bảo hộ thì vùng Mường Thanh lại chịu hậu họa của tình trạng loạn lạc xảy ra triền miên; đến năm 1775, Lào mới trả Mường Thanh cho Việt Nam. Hai năm sau (1777) chúa Trịnh cử Lý Đình Lập người ở Hải Dương làm tri châu và Cẩm Nhân Tài người ở Phù Yên làm phó tri châu Mường Thanh. Cũng từ đó vùng Mường Thanh tạm yên ổn, trở thành một trung tâm giao

1. Hiện nay trong nhân dân địa phương còn lưu truyền lời ca về công đức của Hoàng Công Chất; trong đó có câu:

*“... Vây quanh thành Bản Phủ
Chúa thật yêu dân,
Chúa xây bản, dựng mường,
Mọi người mới được yên ổn làm ăn...”*

lưu buôn bán giữa Tây Nam Trung Quốc, Bắc Lào với Tây Bắc Việt Nam. Mọi hoạt động diễn ra phẳng lặng, trôi chảy cho đến hết thế kỷ XVIII.

Từ khi nhà Nguyễn xác lập quyền thống trị (năm 1802) cho đến khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (năm 1858), hầu như trong nước không lúc nào yên ổn. Nhân dân bị áp bức bởi thể chế phong kiến lạc hậu, mục ruỗng, đã liên tiếp vùng lên đấu tranh. Chính quyền phong kiến Trung ương bất lực trước phong trào đấu tranh của nhân dân và khuất phục trước thực dân Pháp. Đất nước rơi vào tay quân xâm lược.

Trong bối cảnh chung của đất nước, gần một thế kỷ, vùng đất Điện Biên luôn luôn bị nạn binh đao giặc giã hoành hành. Hết giặc Lự sang cướp phá lại đến quân Xiêm sang xâm chiếm, tiếp đến là quân Cờ vàng từ Trung Quốc sang... Bất bình trước cảnh đói khổ, bị áp bức bóc lột nhiều bề, nhân dân ở Mường Thanh đã vùng lên đấu tranh chống lại triều đình phong kiến nhà Nguyễn và quan lại ở địa phương; họ còn cùng nhau tập hợp lực lượng chống quân Xiêm, quân Cờ vàng.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Sau khi chiếm được các tỉnh Nam Bộ, Pháp kéo quân ra miền Bắc (Bắc Kỳ) và Trung Kỳ. Do gần như nằm ngoài vòng cương tỏa của nhà Nguyễn, nên thời gian này, Điện Biên do quân Xiêm chiếm giữ.

Trong hai lần Pháp kéo quân ra Bắc Kỳ (năm 1873 và 1882), nhân dân Tây Bắc nói chung và vùng Điện Biên nói riêng đã có đóng góp tích cực trong việc cản bước tiến của giặc. Tù trưởng người Thái vùng Lai Châu - Điện Biên là Đèo Văn Trì¹ đã sát cánh với thủ lĩnh quân Cờ Đen là tướng Lưu Vĩnh Phúc kéo quân xuống miền xuôi hợp sức cùng quân đội triều đình Huế đánh quân Pháp. Tại Hà Nội, trong trận Cầu Giấy thứ nhất (ngày 21 tháng 12 năm 1873), nghĩa quân Thái Đen trực tiếp chiến đấu và vận chuyển lương thực, vũ khí. Trong trận Cầu Giấy thứ hai (ngày 19 tháng 5 năm 1883), có cả quân Thái Đen và quân Thái Trắng, dưới sự chỉ huy của tù trưởng người Thái Trắng là Đèo Văn Trì, tù trưởng Thái Đen là Nguyễn Văn Quang - phụ trách chuyển lương. Hai trận đánh nổi tiếng ở ngay cửa ngõ Hà Nội của quân và dân ta đã buộc hai sĩ quan chỉ huy quân Pháp là Gác-ni-ê (Francis Garnier) và Ri-vi-e (Henri Rivière) phải tử trận.

Thực hiện kế hoạch đánh chiếm miền Tây Bắc Việt Nam, năm 1883, Pháp cho quân đánh lên Hưng Hóa. Nhưng vừa tới cửa ngõ của Tây Bắc, quân Pháp đã gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của quân và dân ta, do viên tuần phủ Nguyễn Quang Bích chỉ huy, có sự phối hợp của một số tù trưởng

1. Trước đó, Đèo Văn Trì đã được vua Hàm Nghi giao cho cầm đầu phong trào đấu tranh chống Pháp ở Tây Bắc; được phong chức: Hưng Hóa thập lục châu tuyên phủ sứ.

người Thái; trong đó có Đèo Văn Trì tù trưởng người Thái Trắng ở Lai Châu, Đèo Văn Toa ở Phong Thổ, Đèo Văn Sanh ở Điện Biên... Mặc dù nhân dân dưới sự chỉ huy của Nguyễn Quang Bích đã chiến đấu rất kiên cường, nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch, vũ khí trang bị hầu như không có gì, thành Hưng Hóa rơi vào tay giặc. Sau khi thành Hưng Hóa thất thủ, Nguyễn Quang Bích lui quân về vùng Phú Thọ xây dựng căn cứ, chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Lúc này Tôn Thất Thuyết, theo lệnh vua Hàm Nghi, sau khi xuống chiếu Cần Vương, đã phong Nguyễn Quang Bích chức Lễ bộ Thượng thư sung Hiệp thống Bắc Kỳ quân vụ đại thần, tước Thuần Trung; ban cho nhiều quyền hành để đảm trách phong trào chống Pháp ở cả vùng Tây Bắc rộng lớn.

Năm 1886, tù trưởng người Thái Trắng là Đèo Văn Trì được vua Hàm Nghi phong chức Hưng Hóa thập lục châu tuyên phủ sứ. Sau khi được phong chức, Đèo Văn Trì nhanh chóng xây dựng căn cứ ở vùng Than Uyên - quãng giữa sông Hồng và sông Đà, phía nam Lào Cai, tổ chức lực lượng chuẩn bị đối phó với quân Pháp.

Đầu năm 1888, sau khi dè bẹp phái “chủ chiến” trong triều đình Huế, thực dân Pháp đánh rộng ra miền Bắc, nhanh chóng tiến lên Tây Bắc. Ngày 16 tháng 1, quân Pháp tới Lai Châu; ngày 23 tháng 1, tới Điện Biên... Mưu đồ thâm độc của quân Pháp là nhanh chóng thiết lập một tuyến kiểm soát dọc theo biên giới Việt - Trung, không cho Nguyễn Quang Bích và nghĩa quân liên lạc với các nghĩa quân của Trung Quốc.

Đối phó với âm mưu của thực dân Pháp, Nguyễn Quang Bích và nghĩa quân lợi dụng địa thế hiểm trở vùng rừng núi và dựa vào nhân dân các dân tộc Tây Bắc duy trì cuộc chiến đấu lâu dài.

Về phía Pháp, sau một thời gian tiến hành nhiều cuộc càn quét quy mô lớn, đến tháng 6 năm 1888, chúng đã thiết lập được quyền cai trị ở các vùng dọc theo lưu vực sông Thao, sông Đà và thượng lưu sông Mã. Tuy vậy, trong một thời gian khá dài sau đó, nghĩa quân của Đèo Văn Trì vẫn hoạt động mạnh ở Lai Châu, Điện Biên. Đến cuối năm 1888, sau khi kết hợp dùng uy lực quân sự và chính trị, buộc quân Xiêm phải rút khỏi Điện Biên, thực dân Pháp dồn lực lượng đánh chiếm vùng đất cuối cùng nơi biên ải này. Kết hợp tiến công quân sự với mua chuộc, chia rẽ tù trưởng, thổ ty, lang đạo trong vùng, thực dân Pháp đã từng bước thu phục được Điện Biên. Từ tháng 3 năm 1890, Đèo Văn Trì thủ lĩnh chống Pháp của người Thái ở Điện Biên đầu hàng và trở thành tay sai đắc lực của thực dân Pháp, trở lại đàn áp phong trào. Cùng thời gian này ông Nguyễn Quang Bích người đại diện tối

cao của triều đình nhà Nguyễn, tổng chỉ huy phong trào chống Pháp của nhân dân ta ở vùng Tây Bắc cũng bị mất trong chiến đấu.

Như vậy, đến năm 1890, phong trào Cần Vương chống Pháp ở Tây Bắc nói chung và Mường Thanh Điện Biên nói riêng, do các tù trưởng người Thái cầm đầu cơ bản đã chấm dứt. Tuy nhiên phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân trong vùng vẫn tiếp tục diễn ra. Ở từng địa phương vẫn nổ ra những cuộc đấu tranh lẻ tẻ chống thực dân xâm lược và tay sai của chúng. Những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, phong trào chống Pháp ở vùng cao Tây Bắc chủ yếu do một bộ phận quân Cờ Đen sót lại và một số tù trưởng người Thái cầm đầu. Được sự ủng hộ của nhân dân các dân tộc, biết lợi dụng địa thế hiểm yếu của núi rừng, các cuộc chiến đấu mang tính chất du kích của nghĩa quân đã gây cho kẻ thù không ít khó khăn, tổn thất.

Để đàn áp những cuộc đấu tranh của đồng bào ta, thực dân Pháp đã cho đặt ở mỗi châu, mỗi mường một nhà giam (nhà tối). Tiếp đó, năm 1908, Pháp cho xây nhà tù ở Sơn La để giam giữ những người yêu nước bị bắt trong cả nước.

Năm 1924, Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ. Nhân thời cơ đế quốc Pháp đang bị mắc kẹt ở chiến trường châu Âu, phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta nổ ra ở nhiều nơi. Ở Tây Bắc thời gian này đã nổ ra hai cuộc bạo động lớn mang tính chất chính trị, đều lấy Điện Biên làm địa bàn chính. Đó là cuộc bạo động do Lương Bảo Định cầm đầu và cuộc bạo động do Giàng Tả Chay cầm đầu.

Mùa thu năm 1914, nhiều nhóm cách mạng Việt Nam trước đó lánh sang hoạt động ở Trung Quốc, Thái Lan, đã tìm đường trở về nước. Những nhóm người này đã về vùng Tây Bắc tuyên truyền xây dựng cơ sở trong số người Hoa thuộc dòng tộc Lưu Vĩnh Phúc và rải rác trong các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc. Sau một quá trình chuẩn bị, ngày 10 tháng 11 năm 1914 cuộc khởi nghĩa do Lương Bảo Định cầm đầu bùng nổ. Ngay lập tức, cuộc khởi nghĩa được nhiều tù trưởng người Thái tham gia. Nghĩa quân đột nhập đồn Sầm Nưa (Lào) giết chỉ huy người Pháp - đại úy Căm-be (Cambert); phá hủy công sở, kho tàng, thu 120 khẩu súng, nhiều đạn dược và 10 vạn đồng. Sau đó, nghĩa quân nhanh chóng rút vào rừng, tránh đòn phản kích, đánh úp của quân Pháp. Trên đà thắng lợi, nghĩa quân của Lương Bảo Định kéo về bao vây tiến công quân địch ở thị xã Sơn La. Mặc dù gây cho địch ở đây nhiều tổn thất và khiếp sợ, nhưng nghĩa quân vẫn không chiếm được trại lính. Được tin viện binh của địch tới, nghĩa quân nhanh chóng lui về Mường Thanh. Trước sức tiến công của nghĩa quân, đồn trưởng Mường Thanh “người Pháp” tự sát; nghĩa quân chiếm đồn nhanh chóng. Tiếp đó, nghĩa

quân tiến dần lên mạn Bắc Lào. Trên thực tế, trong một thời gian khá dài, nghĩa quân do Lương Bảo Định cầm đầu đã làm chủ hầu hết vùng Tây Bắc. Nghĩa quân đã phục kích chặn đánh các toán quân địch đi lẻ, chặn cướp các đoàn vận tải lương thực; đánh chiếm nhiều đồn lẻ... của chúng.

Hoạt động của nghĩa quân Lương Bảo Định ở Tây Bắc gây chấn động mạnh đến bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp tại Hà Nội. Toàn quyền Đông Dương quyết định tổ chức một binh đoàn chuyên lo đánh chiếm lại Tây Bắc, do đại tá Phơ-ri-cơ-nhông chỉ huy. Sau khi binh lính Pháp tràn lên Mường Thanh, nhiều trận chiến đấu giữa nghĩa quân của Lương Bảo Định với quân Pháp đã diễn ra nơi đây. Do tương quan lực lượng quá chênh lệch, nhiều căn cứ kháng chiến rơi vào tay giặc và nghĩa quân buộc phải rút sang lánh tạm trên đất Trung Quốc. Sau một vài lần trở lại đánh úp một vài đồn của Pháp ở xung quanh Điện Biên, Mường Thanh không thành, nghĩa quân Lương Bảo Định dần dần tan rã trên đất Trung Quốc vào tháng 3 năm 1916.

Sau một thời gian phong trào chống Pháp ở Điện Biên tạm thời lắng xuống do kẻ địch tàn sát, khủng bố gắt gao, mùa hè năm 1918, phong trào đấu tranh lại bùng nổ ở Tây Bắc và Điện Biên, dưới sự chỉ huy của một thanh niên người H'Mông là Giàng Tả Chay. Tháng 10 năm 1918, hưởng ứng lời kêu gọi và trực tiếp tổ chức, chỉ huy của Giàng Tả Chay, người H'Mông ở Điện Biên đã nổi dậy đấu tranh đòi không nộp thuế, bạc trắng, thuốc phiện cho thực dân Pháp và tay sai, đòi quyền tự chủ. Cuộc nổi dậy lần này đã tập hợp được mấy trăm người tham gia.

Phong trào đấu tranh của nhân dân vùng cao Điện Biên chống thực dân Pháp ngày càng phát triển mạnh, lan xuống cả Sơn La và sang cả Bắc Lào. Để đàn áp phong trào, Pháp đã đưa quân từ Sơn La lên, Lai Châu xuống và Yên Bái sang, tìm mọi cách đánh vào khu căn cứ của nghĩa quân ở Điện Biên. Dưới sự chỉ huy của Giàng Tả Chay, nghĩa quân khéo léo dựa vào địa thế rừng núi hiểm yếu, cơ động linh hoạt, lại được đồng bào các dân tộc cư mang, giúp đỡ, đã gây cho địch nhiều tổn thất. Trong 2 năm 1919 và 1920, phong trào chống Pháp do Giàng Tả Chay cầm đầu không chỉ bó hẹp ở Điện Biên, mà đã lan ra cả vùng thượng nguồn sông Nậm U, cao nguyên Trấn Ninh, Sầm Nưa của Lào. Bởi vậy, phong trào đã từ một cuộc đấu tranh mang tính chất địa phương phát triển thành một cuộc khởi nghĩa rộng lớn vượt cả quy mô quốc gia vươn ra quốc tế, tập hợp được rộng rãi nhiều dân tộc thiểu số chống thực dân xâm lược.

Cũng như phong trào của Lương Bảo Định, sự phát triển cũng như ảnh hưởng to lớn của cuộc khởi nghĩa do Giàng Tả Chay cầm đầu đã làm toàn quyền Pháp lo lắng, quyết huy động lực lượng đối phó.

Cuối năm 1920, Pháp tập trung một lực lượng mở cuộc tiến công quy mô lớn vào căn cứ của nghĩa quân ở dãy núi Chom Chích, Chom Chăng. Tại đây đã nổ ra nhiều trận chiến đấu quyết liệt giữa nghĩa quân và quân Pháp. Sau nhiều lần tiến công liên tiếp của quân Pháp, nghĩa quân bị tổn thất. Ngày 19 tháng 1 năm 1921, Giàng Tả Chay quyết định đốt doanh trại, đưa toàn bộ lực lượng còn lại rút vào rừng và suy yếu dần.

Mặc dù bị thất bại sau 3 năm chiến đấu oanh liệt, cuộc khởi nghĩa của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc nói chung và vùng Mường Thanh Điện Biên nói riêng, do Giàng Tả Chay cầm đầu đã có tiếng vang và ý nghĩa vô cùng lớn lao. Phong trào khẳng định tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc của đồng bào các dân tộc miền Tây Bắc. Phong trào đã vượt qua tính chất địa phương để trở thành một cuộc khởi nghĩa có quy mô, rộng lớn của cả một dân tộc vùng lên chống thực dân xâm lược; không những thế, cuộc khởi nghĩa còn lan sang và tập hợp cả nhân dân các bộ tộc Lào cùng chống Pháp.

Trong dòng chảy lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta, từ năm 1858 đến trước ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, nhân dân Tây Bắc nói chung và vùng Mường Thanh Điện Biên nói riêng đã bằng máu xương, tâm lực của mình viết nên những trang sử oanh liệt, góp phần tôn thêm bề dày lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Các phong trào kháng chiến, nhiều cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra ở Tây Bắc, Điện Biên là biểu hiện sống động của truyền thống đoàn kết keo sơn, truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của nhân dân các dân tộc thiểu số trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Truyền thống yêu nước, đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm là tiền đề, là mảnh đất mỡ màu để chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhanh chóng bén rễ, nảy mầm, đơm hoa kết trái, là tiền đề để sau khi ra đời, Đảng ta nhanh chóng lãnh đạo phong trào kháng chiến ở Tây Bắc đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Quá trình đánh chiếm, thu phục Tây Bắc nói chung và Điện Biên nói riêng cũng là quá trình thực dân Pháp thiết lập, củng cố bộ máy thống trị, đàn áp, bóc lột nhân dân các dân tộc trong vùng.

Thực dân Pháp ráo riết thực hiện mưu đồ mua chuộc, lôi kéo bọn lãnh chúa phong kiến và tù trưởng ở địa phương. Pháp muốn thông qua các thế lực này để bóc lột tàn tệ đồng bào các dân tộc. Về thủ đoạn cai trị, Pháp kết

hợp chặt chẽ giữa gây áp lực quân sự, chia rẽ về chính trị và mua chuộc kinh tế để khống chế, lôi kéo bọn quan lại địa phương. Vùng Mường Thanh, Điện Biên, thực dân Pháp đã mua chuộc, lôi kéo được Đèo Văn Trì, biến tên tù trưởng này trở thành một tên tay sai đắc lực trong việc đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân và bóc lột họ về kinh tế.

Cùng với dụ dỗ, mua chuộc các lãnh chúa ở Tây Bắc, thông qua thế lực này tìm hiểu phong tục tập quán của người dân địa phương để tìm cách cai trị cho phù hợp, thực dân Pháp đồng thời bằng mọi cách hạn chế quyền lực của đám tay sai. Về quân sự, Pháp tổ chức các đạo quan binh để thông qua lực lượng này khống chế chặt chẽ thêm vùng biên ải xa xôi Tây Bắc. Về tổ chức bộ máy hành chính cơ sở, Pháp giữ lại hầu như nguyên vẹn đội ngũ phỉa tạo, tù trưởng - cơ cấu bộ máy cai trị ở cấp châu, xã. Âm mưu của thực dân Pháp là thông qua bộ máy quan lại phong kiến cũ để nắm dân, ràng buộc dân với đám chúa đất này; bóc lột dân một cách gián tiếp mà do trình độ hiểu biết của dân có hạn, không thấy được chính sách đô hộ, bóc lột của thực dân. Thâm độc hơn, Pháp còn sử dụng người của dân tộc này làm quan cai trị dân tộc khác, đưa người Kinh miền xuôi lên làm quan ở miền núi, gây mâu thuẫn, hận thù giữa các dân tộc và giữa người dân tộc thiểu số với người Kinh.

Về kinh tế, sau khi thực dân Pháp thiết lập quyền thống trị, những quyền lợi cơ bản nhất trước đây thuộc bọn chúa đất, đã về tay người Pháp, như: sở hữu ruộng đất, hầm mỏ, rừng, định các loại thuế chủ yếu. Người Pháp mặc sức chiếm đất, lập ra nhiều đồn điền ở Nghĩa Lộ, Lai Châu. Nông dân lao động nhận ruộng cày cấy phải chịu nhiều thứ thuế cay nghiệt... Thực dân Pháp còn áp dụng nhiều chính sách thâm độc khác để nắm và khống chế chặt kinh tế của các địa phương Tây Bắc.

Đối với tầng lớp phỉa tạo, lãnh chúa địa phương, một mặt bị thực dân Pháp khống chế, biến thành tay sai, nhưng các thế lực này cũng lợi dụng việc Pháp duy trì các hình thức phong kiến và nửa phong kiến để bóc lột nhân dân lao động tàn tệ hơn, nhằm bù lại phần đã bị thực dân Pháp độc chiếm. Không ít chúa đất, hoặc bằng cách này hoặc bằng cách khác chiếm rất nhiều ruộng đất của dân. Ở Lai Châu, Đèo Văn Long có tới hàng trăm mẫu đất.

Như vậy, dưới thời thuộc Pháp, cũng như người dân lao động ở mọi miền quê khác, đồng bào các dân tộc ở Tây Bắc chịu mấy tầng lớp áp bức của thực dân, phong kiến; hơn thế, do đặc thù của thiết chế xã hội nơi đây và trình độ văn hóa của người dân hạn chế, nên họ còn phải gánh chịu nhiều chế độ bóc lột hà khắc hơn.

Không cam chịu ách thống trị, bóc lột hà khắc, nặng nề của thực dân và các thế lực phong kiến phía tạo, tù trưởng, chúa đất địa phương, đồng bào các dân tộc Tây Bắc đã liên tục vùng lên đấu tranh nhằm xây dựng một cuộc sống độc lập, tự do, bình đẳng. Nhưng như phần trước đã trình bày, cùng trong tình trạng phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước, những cuộc đấu tranh chống Pháp của nhân dân các dân tộc ở Tây Bắc và Điện Biên nói riêng trước năm 1930, đều thất bại. Nguyên nhân chủ yếu là chưa có được một đường lối cách mạng thích hợp với thời đại mới – thời đại chủ nghĩa đế quốc và cách mạng vô sản và chưa có một lực lượng lãnh đạo có đủ điều kiện đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) ra đời. Cách mạng Việt Nam chấm dứt thời kỳ khủng hoảng lãnh đạo. Từ đây, giai cấp công nhân Việt Nam với đội tiên phong là Đảng Cộng sản đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, huy động được sức mạnh của toàn dân tộc và sức mạnh thời đại, lãnh đạo công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước tới thắng lợi cuối cùng.

Do đặc thù của vùng đất rừng núi hẻo lánh xa xôi nơi biên ải phía tây, nên trong thời gian vừa mới thành lập, Đảng Cộng sản chưa có điều kiện vươn tới Điện Biên. Phải đến khi thực dân Pháp xây dựng xong nhà tù Sơn La (1931), tiếp đó là cảng Nghĩa Lộ (1942-1943) để giam cầm những chiến sĩ cộng sản, thì thông qua hoạt động của các chi bộ cộng sản tại nhà tù Sơn La, Nghĩa Lộ, ánh sáng của Đảng mới có điều kiện ảnh hưởng, lan tỏa đến các bản mường Tây Bắc.

Vào nửa cuối thập kỷ 30, hoạt động của chi bộ nhà tù Sơn La đã tác động, thức tỉnh tinh thần yêu nước của một số phần tử người Thái như: Chu Văn Thịnh, Lò Văn Giá. Tiếp đó, các cơ sở tổ chức quần chúng của Đảng bén rễ và lan nhanh ra các vùng Mường La, Thuận Châu, Mường Thanh. Đặc biệt “Hội người Thái cứu quốc” ra đời đã tập hợp được các tầng lớp nhân dân lao động, học sinh, binh sĩ yêu nước trong hàng ngũ chống thực dân, chúa đất... Nhiệm vụ chủ yếu của Hội là tuyên truyền đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng, động viên nhân dân đánh đuổi thực dân Pháp... Đến những năm 1942-1943 sau khi liên lạc được với Trung ương, “Hội người Thái cứu quốc” phát triển mạnh mẽ, thành lập được tổ chức Thanh niên cứu quốc, các tổ vũ trang bí mật... hoạt động suốt từ Mộc Châu, Yên Châu, Thuận Châu... lên đến Tuần Giáo, Mường Thanh, Điện Biên.

Đến đầu tháng 8 năm 1945, hoạt động sửa soạn Tổng khởi nghĩa giành chính quyền sôi nổi khắp các địa phương ở Tây Bắc. Sau khi Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi ở Hà Nội, Đảng đã phát động nhân dân cướp chính quyền ở Sơn La (28-9) và các châu, lỵ khác.

Cách mạng tháng Tám thành công, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân các dân tộc ở Tây Bắc hồ hởi phấn khởi xây dựng chính quyền mới, cuộc sống mới, thì tháng 11 năm 1945, hai tiểu đoàn quân Pháp trước đây chạy trốn quân Nhật sang Trung Quốc (9-3-1945) từ Vân Nam kéo vào Lai Châu. Đây là cuộc xâm nhập lớn nhất của quân Pháp vào miền Bắc lúc này.

Cuối năm 1945, Đèo Văn Long tên tay sai bán nước, sau một thời gian nương náu ở bên kia biên giới Việt - Lào, đã trở về Lai Châu chuẩn bị cơ sở cho quan thầy Pháp. Sau đó, tàn quân Pháp được chính quyền Tưởng Giới Thạch (dưới danh nghĩa quân Đồng Minh vào miền Bắc Việt Nam, giải giáp quân Nhật) dung túng đã trở lại chiếm Phong Thổ - Lai Châu (8-2-1946).

Được Đèo Văn Long giúp sức, tàn quân Pháp nhanh chóng chiếm đóng Điện Biên Phủ, Quỳnh Nhai, thị xã Lai Châu.

Để kịp thời chặn đứng hành động xâm lăng mới của quân Pháp, Trung ương Đảng quyết định thành lập Mặt trận Tây Bắc. Nhiều đại đội vệ quốc quân được điều lên Tây Bắc. Nhân dân Tây Bắc dưới sự lãnh đạo của cấp bộ Đảng địa phương đã bán trâu, tậu súng, tổ chức tự vệ, cho con em vào du kích. Ta đã đánh nhiều trận tập kích, phục kích, gây cho địch nhiều khó khăn, tổn thất. Điển hình là trận Tuần Giáo. Đến tháng 3 năm 1946, lực lượng của Pháp ở Lai Châu - Điện Biên đã lên tới 5.000, nhưng chúng vẫn bị chặn lại ở phía bắc Sơn La.

Như vậy, chỉ vài tháng sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chưa được tận hưởng trọn vẹn niềm vui sống trong độc lập, tự do, nhân dân Tây Bắc cũng như đồng bào Nam Bộ đã sớm bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ. Phát huy truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Tây Bắc nói chung và Điện Biên nói riêng đã anh dũng đứng lên cầm súng diệt giặc, bảo vệ bản mường, quê hương, đất nước.

III. ĐIỆN BIÊN PHỦ TRONG BỐI CẢNH CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP ĐẾN TRƯỚC CHIẾN CUỘC ĐÔNG XUÂN 1953-1954

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á được thành lập. Dân tộc Việt Nam bước vào một thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh - thời đại nhân dân Việt Nam thực sự làm chủ vận

mệnh của mình; thời đại giải phóng dân tộc, thực hiện dân chủ nhân dân và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Việc Việt Nam giành độc lập và nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời đã chặt đứt một khâu trọng yếu trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc ở Đông Nam Á, báo hiệu sự sụp đổ tất yếu của nền thống trị của chủ nghĩa đế quốc; cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới đang dâng lên mạnh mẽ từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Bởi vậy, chủ nghĩa đế quốc đã dùng trăm phương nghìn kế, tập trung lực lượng để tiêu diệt nhà nước và chế độ dân chủ cộng hòa Việt Nam từ trong trứng nước.

Ngay sau khi nhân dân ta vừa giành được độc lập từ tay phát xít Nhật, lấy danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch đã tràn vào miền Bắc (từ vĩ tuyến 16 trở ra). Đồng thời, núp bóng quân Anh, Ấn, tàn quân Pháp trở lại đánh chiếm Nam Bộ; chưa tròn một tháng sau khi ta giành được chính quyền ở Sài Gòn, ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp đã gây hấn ở đây, mở đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

Với 6.000 quân, gồm 2 trung đoàn bộ binh; dựa vào hơn một vạn quân Anh và bốn vạn quân Nhật, thực dân Pháp hy vọng đánh chiếm và bình định Nam Bộ trong một hai tháng, rồi dùng Nam Bộ làm bàn đạp đánh chiếm cả Việt Nam và Đông Dương. Nhưng mưu đồ, tham vọng xâm lược đó của thực dân Pháp đã bước đầu bị phá sản. Lực lượng vũ trang và nhân dân Nam Bộ được cả nước ủng hộ, chi viện kịp thời, đã đứng lên kháng chiến vô cùng anh dũng. Quân và dân ta ở Nam Bộ đã tiến hành một cuộc chiến tranh du kích rộng khắp, cản bước tiến của địch; vừa đánh bại kế hoạch chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp xâm lược, vừa giữ gìn và phát triển lực lượng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến trường kỳ.

Trong bối cảnh thế nước như “nghìn cân treo sợi tóc”, thù trong giặc ngoài; giặc đói, giặc dốt đang tiến công chính quyền cách mạng non trẻ, để gạt 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch ra khỏi đất nước và để có thời gian xây dựng lực lượng, chuẩn bị đối phó với kẻ thù trực tiếp nguy hiểm nhất là thực dân Pháp, Chính phủ ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện kế sách “hòa để tiến” Theo đó, Chính phủ ta đã ký với Chính phủ Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 và Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946. Nhưng với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, thực dân Pháp đã xé bỏ những điều chúng đã cam kết, tiếp tục tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, huy động 15 vạn quân tăng cường càn quét, mở rộng vùng chiếm đóng ở Nam Bộ, đánh ra Trung Bộ và Bắc Bộ; hồng đê bẹp lực lượng vũ trang cũng như phong trào kháng chiến của ta ở khắp ba miền Bắc - Trung - Nam.

Tình hình trên đã phản ánh một thực tế lịch sử là: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa”¹

Trước tình hình đó, Trung ương Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh hạ quyết tâm phát động toàn dân kháng chiến:

“Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào, chúng ta phải đứng lên!”².

Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chỉ thị toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng (22-12-1946) là tiếng gọi của non sông đất nước, là mệnh lệnh tiến công, thôi thúc giục giã, tập hợp và soi đường chỉ lối cho toàn dân, toàn quân ta đứng lên cầm vũ khí giết giặc, cứu nước.

Đêm 19 tháng 12 năm 1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu bằng cuộc tiến công đồng loạt của quân và dân ta vào nhiều vị trí của địch ở thủ đô Hà Nội và nhiều thành phố thị xã lớn, như Vinh, Nam Định, Hải Dương, Huế, Đà Nẵng.

Cuộc chiến đấu của quân và dân ta chủ động đánh địch ở các thành phố, thị xã đã giành thắng lợi. Ta đã làm thất bại hoàn toàn âm mưu và kế hoạch của thực dân Pháp hòng đánh úp cơ quan đầu não của ta ở Hà Nội; tiêu diệt lực lượng vũ trang ta tại các thành phố lớn. Ta đã vây hãm quân địch trong các thành phố một thời gian khá dài, tiêu hao nhiều sinh lực địch; tạo điều kiện cho cả nước chủ động bước vào cuộc kháng chiến.

Mùa xuân năm 1947, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại Việt Bắc. Núi rừng Việt Bắc quê hương cách mạng trở thành trung tâm chỉ đạo cả nước kháng chiến.

Về phía Pháp, đầu năm 1947, sau khi có viện binh từ Pháp sang, nâng tổng số quân viễn chinh lên trên 10 vạn, địch mở cuộc phản công và tiến công ồ ạt, đánh ra Trung Bộ, Tây Bắc, Đông Bắc Bắc Bộ..., nhằm giải vây các thành phố, kiểm soát các trục đường giao thông huyết mạch và vùng rừng núi Tây Bắc... hình thành thế bao vây ta từ biển lên và núi xuống, nhanh chóng đánh chiếm cả nước. Kẻ thù muốn “đánh nhanh, thắng nhanh”, nhưng công cuộc phá hoại của nhân dân ta, với tinh thần “phá hoại để kháng chiến” đã cản bước tiến của chúng trên các hướng và các chiến trường Bắc - Trung - Nam.

1, 2. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh *Hồ Chí Minh về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970, tr. 168.

Cuối năm 1947, một lần nữa thực dân Pháp quyết tâm kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược nước ta bằng chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” Theo đó, đầu tháng 10 năm 1947, địch huy động 12 nghìn quân tinh nhuệ nhất, gồm cả hải, lục, không quân, với nhiều loại vũ khí tinh xảo, có uy lực, mở cuộc tiến công quy mô lớn lên Việt Bắc. Đây là cuộc tiến công chiến lược của thực dân Pháp nhằm phục bắt, phá cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực ta, khủng bố nhân dân, lập chính phủ bù nhìn để thống trị lại nước ta. Nhưng, cuộc tiến công chiến lược của địch đã thất bại thảm hại.

Thực hiện chỉ thị “Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp” của Thường vụ Trung ương Đảng và lời kêu gọi bộ đội, dân công, nhân dân ra sức tiêu diệt địch của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân Việt Bắc, được sự phối hợp chặt chẽ của các chiến trường trên cả nước, đã tiến hành chiến dịch phản công cực kỳ anh dũng, giành thắng lợi to lớn. Toàn chiến dịch, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 quân Pháp, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến và ca nô, phá hủy 100 khẩu pháo, súng cối, hàng nghìn súng bộ binh, hàng trăm xe quân sự...

Chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947 đánh dấu bước trưởng thành mới của quân đội ta; làm phá sản chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, đưa cuộc kháng chiến của quân và dân ta chuyển sang một giai đoạn mới.

Về ý nghĩa lớn lao của chiến thắng này, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (mở rộng) từ ngày 15 đến 17 tháng 1 năm 1948, đánh giá: “Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc và chiến tranh nổi mạnh ở miền Nam đã gây tinh thần nỗ lực, phấn khởi trong toàn dân, thêm tin tưởng ở tiền đồ kháng chiến vẻ vang của dân tộc... Chiến dịch Việt Bắc đã mang lại cho cuộc kháng chiến lâu dài của dân tộc ta một chuyển biến lớn...”¹.

Để đeo đuổi chiến tranh xâm lược, sau khi chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” thất bại, thực dân Pháp phải chuyển sang đánh kéo dài; tăng cường đánh phá, “bình định” vùng chiếm đóng, lấn chiếm vùng tự do của ta, thực hiện mưu đồ “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” Cũng vì vậy, cuộc kháng chiến của quân và dân ta chuyển sang giai đoạn mới - giai đoạn đấu tranh giằng co quyết liệt giữa ta và địch.

Hy vọng đạt được một thắng lợi quân sự trong cuộc chiến tranh Đông Dương, mùa hè năm 1949, Chính phủ Pháp quyết định tăng viện cho chiến trường Việt Nam gần hai vạn quân, trong đó ưu tiên hàng đầu cho chiến

1. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng từ ngày 15 - 17 tháng 1 năm 1948, lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Trung ương Đảng, hồ sơ 31.

trường Bắc Bộ. Xác định Bắc Bộ là chiến trường quyết định, chiến trường chính, nên Pháp dự định, sau khi có được hai vạn quân tăng viện sẽ triển khai củng cố phòng tuyến biên giới Việt - Trung; chiếm đóng trung du Bắc Bộ để ngăn chặn hoạt động giao thông tiếp tế giữa Việt Bắc với Liên khu 3 Liên khu 4; tăng cường phòng thủ tứ giác Lạng Sơn - Tiên Yên - Hải Phòng - Hà Nội, giữ vững vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đồng thời, với mưu đồ “dùng người Việt đánh người Việt”, thực dân Pháp đã chú trọng phát triển quân ngụy; sử dụng quân ngụy vào mục đích chiếm đóng, để tập trung quân Âu-Phi xây dựng lực lượng cơ động. Cuối năm 1949 và đầu năm 1950, địch đã tiến hành nhiều cuộc hành quân đánh chiếm vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

Trước tình hình đó, để phát huy thắng lợi của chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947, đẩy mạnh cuộc kháng chiến tiến tới, từ năm 1948, Trung ương Đảng ta chủ trương phát triển mạnh mẽ chiến tranh du kích ở vùng địch tạm chiếm.

Thực hiện chủ trương đó, ta đã phân tán một bộ phận quan trọng các trung đoàn chủ lực (vệ quốc quân) thành các đại đội độc lập tiến sâu vào vùng sau lưng địch, phối hợp cùng nhân dân phát triển chiến tranh du kích rộng rãi, làm phá sản bước đầu âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp. Với chủ trương trên, ta đã biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta, buộc địch phải bị động phân tán lực lượng đối phó với chiến tranh du kích “thiên la địa võng”, mất dần khả năng tiến công chiến lược.

Trên cơ sở chiến tranh du kích phát triển, trong hai năm 1948-1949, ta đã tích cực phát triển mạnh ba thứ quân, đặc biệt là bộ đội chủ lực. Từ giữa năm 1949 đến đầu năm 1950, các đại đội độc lập được lệnh rút về, tăng cường thêm quân số, vũ khí trang bị để cùng với các tiểu đoàn tập trung xây dựng thành trung đoàn, đại đoàn chủ lực. Đầu năm 1950, lực lượng chủ lực của ta trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh đã có Đại đoàn 308, Đại đoàn 304 và hai trung đoàn (174, 209). Đây là những đơn vị chủ lực có nhiệm vụ “đi tiên phong” trên con đường đánh vận động. Với việc hình thành các đại đoàn, trung đoàn chủ lực lúc này trên chiến trường chính, lực lượng chủ lực cơ động của ta đã đông hơn lực lượng chủ lực cơ động của địch. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân khắp ba miền Trung - Nam - Bắc, sự kiện thành lập khối chủ lực cơ động có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của cục diện chiến tranh.

Sau khi xây dựng, phát triển lực lượng chủ lực cơ động, ta chủ trương tiến hành một loạt các chiến dịch nhỏ và vừa như: Chiến dịch Sông Thao

(Yên Bái, 5-1949), chiến dịch Sông Lô (5-1949), chiến dịch Lê Lợi (Hòa Bình, 11-1949), chiến dịch Lê Hồng Phong I (Tây Bắc, đầu 1950)..., nhằm tiêu diệt từng bộ phận lực lượng địch.

Năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân ta phát triển mạnh mẽ. Đồng thời, tình hình thế giới, khu vực có những chuyển biến quan trọng, đặc biệt là cách mạng Trung Quốc thành công nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa ra đời.

Trước tình hình đó, từ đầu năm 1950, Trung ương đã chỉ thị cho Liên khu Việt Bắc chuẩn bị chiến trường Đông Bắc để khi có điều kiện sẽ mở một chiến dịch lớn, quét địch ra khỏi đường số 4, đánh bại quân địch trong vùng Đông Bắc. Ngày 16 tháng 9 năm 1950, chiến dịch Biên Giới bắt đầu và kết thúc thắng lợi vào ngày 14 tháng 10.

Thắng lợi to lớn của ta trong chiến dịch Biên Giới thu đông năm 1950 đánh dấu một bước nhảy vọt của cuộc kháng chiến. Lần đầu tiên, quân và dân ta đã mở một chiến dịch tiến công quy mô lớn, đánh tiêu diệt lớn lực lượng cơ động tinh nhuệ của địch. Với chiến dịch Biên Giới, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8.000 tên, gồm 8 tiểu đoàn, trong đó có 5 tiểu đoàn ứng chiến (hơn một nửa lực lượng cơ động chiến lược của Pháp ở Bắc Đông Dương); phá vỡ hệ thống phòng ngự đường số 4 của địch, giải phóng 5 thị xã, 13 thị trấn với 35 vạn dân, nhiều vùng quan trọng ở vùng biên giới Việt Trung, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, nối liền nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa.

Thắng lợi của chiến dịch Biên Giới 1950 đã đưa cuộc kháng chiến của ta chuyển sang một giai đoạn mới. Ta đã bước đầu nắm quyền chủ động tiến công chiến lược trên chiến trường chính. Chiến tranh chính quy đã xuất hiện trên chiến trường Bắc Bộ, báo hiệu những thắng lợi to lớn tiếp theo.

Chiến thắng Biên Giới 1950 đã chấm dứt sự bao vây của chủ nghĩa đế quốc đối với cách mạng Việt Nam; liên lạc giữa Việt Nam với Trung Quốc và nhiều nước xã hội chủ nghĩa được khai thông.

Đối với thực dân Pháp, thất bại trong chiến dịch Biên Giới mở đầu thời kỳ mất quyền chủ động chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ.

Sau thất bại trong chiến dịch Biên Giới năm 1950, thực dân Pháp thấy rõ một thực trạng là chúng không thể một mình theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương. Vì vậy, mặc dù có mâu thuẫn với Mỹ, nhưng Pháp vẫn phải dựa vào Mỹ để thực hiện mục đích xâm lược của mình.

Về phần Mỹ, từ lâu Mỹ vẫn nuôi mưu đồ từng bước thay chân Pháp để thôn tính thống trị ba nước trên bán đảo Đông Dương. Theo đó, Mỹ càng

ngày càng can thiệp trắng trợn vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương; tăng cường viện trợ vũ khí, trang bị cho thực dân Pháp.

Được Mỹ tiếp sức, thực dân Pháp tiếp tục theo đuổi mục tiêu xâm lược, tiếp tục thực hiện chiến lược “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” triệt để hơn. Pháp tập trung lực lượng tổ chức phòng ngự và bình định vùng đồng bằng Bắc Bộ; đồng thời ra sức tăng cường lực lượng, trang bị vũ khí để phản công giành lại quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính.

Về ta, sau thắng lợi chiến dịch Biên Giới, Trung ương Đảng, Bộ Quốc phòng Tổng Tư lệnh chủ trương nhanh chóng chấn chỉnh lực lượng vũ trang ba thứ quân - đặc biệt là bộ đội chủ lực. Theo đó, thêm một loạt các đại đoàn chủ lực cơ động ra đời (các đại đoàn bộ binh 312, 316, 320, 325 và Đại đoàn công pháo 351). Đồng thời, ta chủ trương mở tiếp các chiến dịch nhằm tiêu diệt nhiều sinh lực địch; đẩy mạnh chiến tranh du kích, phá kế hoạch của địch nhằm củng cố thế phòng thủ và bình định đồng bằng Bắc Bộ; giữ vững quyền chủ động chiến lược của ta trên chiến trường chính.

Bước sang năm 1951, ta liên tiếp mở một loạt các chiến dịch: Trung Du (Trần Hưng Đạo), Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám) và Hà Nam Ninh (Quang Trung).

Ba chiến dịch trên là những chiến dịch quy mô lớn đầu tiên ta đánh vào phòng tuyến kiên cố của địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Ta đã tiêu diệt hơn một vạn tên địch, gần một nửa trong số đó là quân cơ động. Bộ đội ta được rèn luyện trong điều kiện tác chiến với kẻ địch được tăng cường máy bay, đại bác; có hỏa lực mạnh, có công sự kiên cố và sức cơ động cao.

Về phía địch, được Mỹ giúp sức và có quân tăng viện, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương chủ trương bình định gấp rút, phản công quyết liệt; nhanh chóng tập trung quân Âu-Phi tinh nhuệ, thiện chiến để xây dựng một lực lượng cơ động chiến lược mạnh; đồng thời phát triển quân nguy với quy mô lớn để bổ sung cho quân đội viễn chinh; tăng cường hệ thống phòng ngự ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Pháp còn chủ trương tiến hành kiểu “chiến tranh tổng lực”, bình định một cách ráo riết những vùng tạm bị chiếm và vùng du kích, nhằm vơ vét sức người, sức của của nhân dân ta, chuẩn bị phản công giành lại thế chủ động trên chiến trường.

Đầu tháng 11 năm 1951, trong khi các đại đoàn chủ lực của ta khẩn trương chuẩn bị mở một số chiến dịch ở trung du, hữu ngạn sông Hồng và Tây Bắc thì quân địch đưa phần lớn lực lượng cơ động chiến lược ra đánh chiếm Hòa Bình.

Nắm chắc kịp thời mọi diễn biến tình hình địch, Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy quyết định mở chiến dịch Hòa Bình phản công tiêu diệt địch. Trong chiến dịch này, do khéo kết hợp chặt chẽ giữa phản công ở chính diện với tiến công và nổi dậy mạnh mẽ ở các vùng tạm chiếm, ta đã đánh bại âm mưu của địch hòng giành lại quyền chủ động, đẩy chúng càng lún sâu hơn nữa vào thế bị động. Kết quả: ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên địch. Đây là số quân địch bị tiêu diệt cao nhất trong một chiến dịch kể từ đầu cuộc kháng chiến. Phần lớn kết quả bình định đồng bằng Bắc Bộ trong cả năm 1951 của địch bị phá sản. Âm mưu của địch hòng phản công tiêu diệt bộ đội chủ lực ta, giành lại quyền chủ động trên chiến trường bị phá sản.

Thắng lợi của chiến dịch Hòa Bình là thành công của Đảng ta trong việc chỉ đạo tiến công địch trên cả hai hướng chiến lược chủ yếu, kết hợp mặt trận chính diện và sau lưng địch, kết hợp đánh vận động và đánh du kích, kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng.

Qua chiến dịch Hòa Bình, lực lượng vũ trang ta có bước tiến bộ mới về trình độ kỹ thuật, chiến thuật, về khả năng chiến đấu liên tục dài ngày, về sự phối hợp tác chiến giữa ba thứ quân.

Phát huy thắng lợi của chiến dịch Hòa Bình, từ đầu năm 1952, Trung ương Đảng, Bộ Tổng Tư lệnh chủ trương đẩy mạnh tiến công địch ở vùng địch hậu. Thực hiện chủ trương của trên, quân và dân đồng bằng Bắc Bộ đã lần lượt đánh bại nhiều cuộc càn quy mô lớn của thực dân Pháp ở địa bàn Hà Nam, Thái Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương... Qua chiến đấu và xây dựng, lực lượng vũ trang không ngừng phát triển, đặc biệt là lực lượng vũ trang địa phương, làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh của nhân dân địa phương. Khu Tả ngạn trở thành một căn cứ vững chắc ở đồng bằng Bắc Bộ. Cũng thời gian này thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các chiến trường Bình Trị Thiên, Liên khu 5, Nam Bộ cũng vượt qua biết bao thử thách khó khăn, giành được những thắng lợi lớn.

Đến mùa hè năm 1952, dưới sự chỉ đạo đúng đắn của Trung ương Đảng, quân và dân ta trên các chiến trường sau lưng địch ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ đã tiêu hao, tiêu diệt, kiềm chế một phần quan trọng sinh lực địch, bồi dưỡng và phát triển lực lượng ta, mở rộng nhiều vùng căn cứ; đánh bại âm mưu bình định của địch, làm cho cục diện chiến trường sau lưng địch ở cả ba miền thay đổi có lợi cho ta; buộc địch phải bị động đối phó, tạo điều kiện cho ta củng cố, mở rộng vùng tự do, xây dựng và phát triển nhanh bộ

đội chủ lực, chủ động mở những chiến dịch tiến công ngày càng lớn trên mặt trận chính diện.

Mùa thu năm 1952, Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy quyết định chuyển hướng tiến công chủ yếu của bộ đội chủ lực lên Tây Bắc. Thực hiện chủ trương đó, đầu tháng 9 năm 1952, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Tây Bắc.

Mục đích của chiến dịch là: tiêu diệt sinh lực địch, tranh thủ nhân dân, giải phóng một bộ phận đất đai ở vùng Tây Bắc.

Với tầm quan trọng và ý nghĩa lớn của chiến dịch, Bộ Tổng tư lệnh quyết định sử dụng các đại đoàn 308, 312, 316, 351 và Trung đoàn 148 đánh địch ở Tây Bắc. Đại đoàn 320 và Đại đoàn 304 hoạt động ở vùng sau lưng địch - chủ yếu là Liên khu 3. Các tỉnh từ Thanh Nghệ Tĩnh trở ra huy động hơn 35.000 dân công phối hợp cùng các đơn vị công binh sửa đường, vận chuyển tiếp tế cho chiến dịch.

Chiến dịch diễn ra qua ba đợt. Ngày 14 tháng 10 năm 1952, chiến dịch mở màn.

Đợt 1, ta tiến công phân khu Nghĩa Lộ và tiểu khu Phù Yên.

Đợt 2 chiến dịch, ta đánh vào khu phòng thủ của địch trên cao nguyên Châu Mộc.

Đợt 3 ta tiến công Nà Sản. Chiến dịch Tây Bắc kết thúc ngày 10 tháng 12 năm 1952.

Cùng lúc chiến dịch diễn ra ở hướng chính Tây Bắc, tại mặt trận sau lưng địch ở Liên khu 3, Đại đoàn 320 và Đại đoàn 304 đánh địch ở Ninh Bình và Nam Định, cùng lực lượng vũ trang mở một đợt hoạt động mạnh và liên tục dài ngày.

Với chiến dịch Tây Bắc, trên cả hai mặt trận, bộ đội ta loại khỏi vòng chiến đấu 13.800 tên địch, đánh bại âm mưu củng cố “xứ Thái”, “xứ Mường”, “xứ Nùng” tự trị của địch; giải phóng 28.500 ki-lô-mét vuông với 25 vạn dân thuộc các tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản), 4 huyện thuộc tỉnh Lai Châu, 2 huyện phía tây tỉnh Yên Bái, nối liền Tây Bắc với căn cứ địa Việt Bắc.

Các đơn vị tham gia chiến dịch tiến bộ rõ rệt về trình độ đánh công kiên, đánh vận động ở chiến trường rừng núi xa hậu phương.

Sau chiến dịch Tây Bắc, cách mạng Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn để phối hợp với cách mạng Lào.

Đầu tháng 4 năm 1953, Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Chính phủ kháng chiến Lào và Mặt trận Ít-xa-la, quyết định điều các Đại đoàn 308, 312, 316, 304, Trung đoàn 148 phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng Lào mở chiến dịch tiến công địch ở Sầm Nưa, Xiêng Khoảng, (chiến dịch Thượng Lào) nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một bộ phận đất đai, xây dựng, củng cố các căn cứ du kích, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào.

Chiến dịch Thượng Lào diễn ra gần một tháng (từ ngày 8 tháng 4 đến ngày 3 tháng 5). Trước sức tiến công của liên quân Lào - Việt, quân địch bỏ chạy. Bộ đội ta chuyển sang truy kích, giải phóng tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa Ly (bằng một phần năm diện tích nước Lào). Căn cứ kháng chiến của cách mạng Lào được mở rộng, nối liền với vùng tự do của Việt Nam.

Thắng lợi của chiến dịch góp phần củng cố tình đoàn kết chiến đấu của quân và dân hai nước Việt - Lào chống kẻ thù chung, chiến trường Tây Bắc Việt Nam có được hậu thuẫn vững chắc.

Với thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc mùa đông 1952 và chiến dịch Thượng Lào cuối xuân - đầu hè năm 1953, cục diện chiến tranh ở Việt Nam nói riêng và ở Đông Dương nói chung càng chuyển biến mạnh theo hướng có lợi cho quân và dân ta, bất lợi cho thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Tại chiến trường chính Bắc Bộ, vùng tự do bao gồm hầu hết các tỉnh miền núi ở Việt Bắc, Tây Bắc, Hòa Bình. Vùng tạm bị chiếm thu hẹp lại trong phạm vi các tỉnh trung du, đồng bằng duyên hải Đông Bắc và hai khu vực ở Tây Bắc là thị xã Lai Châu và căn cứ Nà Sản (Sơn La). Trong các vùng tạm bị chiếm, phong trào du kích phát triển mạnh.

Ở Trung Bộ, vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh (bắc Liên khu 4) và vùng tự do Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên (duyên hải Khu 5) ngày càng được củng cố. Cũng như ở Bắc Bộ, phong trào du kích trong vùng tạm bị chiếm ở Khu 5 đều phát triển mạnh từ Bình Trị Thiên cho tới Tây Nguyên, bắc Quảng Nam, Khánh Hòa.

Ở Nam Bộ, vùng tự do Khu 9 và các căn cứ du kích ngày càng được củng cố. Phong trào du kích lan rộng đến nhiều địa phương nằm sâu trong vùng

tạm chiếm. Cơ sở kháng chiến được gây dựng, củng cố khắp các vùng nông thôn, đồng bằng, đô thị.

Phong trào kháng chiến tiếp tục phát triển ở Lào và Cam-pu-chia. Đặc biệt, vùng giải phóng ở Thượng Lào được mở rộng, gồm phần lớn tỉnh Xiêng Khoảng và một phần tỉnh Luông Phra Băng.

Qua gần 8 năm vừa chiến đấu vừa xây dựng, lực lượng vũ trang nhân dân ta đã phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Tổng số quân trong cả nước, gồm cả bộ đội chủ lực trực thuộc Bộ, bộ đội chủ lực liên khu, bộ đội địa phương lên tới gần 300 nghìn. Khối quân chủ lực trực thuộc Bộ đã phát triển lên 6 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn công binh pháo binh và nhiều trung đoàn độc lập. Bộ đội chủ lực các liên khu từ Liên khu 5 trở ra đã tổ chức tới cấp trung đoàn. Cùng với gần 300 nghìn bộ đội tập trung, trong cả nước còn có hàng trăm nghìn dân quân du kích. Mặt khác, do bộ đội địa phương và dân quân du kích phát triển mạnh, nên bộ đội chủ lực trực thuộc Bộ có điều kiện tập trung cho nhiệm vụ cơ động chiến lược.

Để nâng cao hơn nữa sức mạnh chiến đấu của bộ đội, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến, theo chỉ thị của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, mùa hè năm 1953, Tổng Quân ủy quyết định tiến hành một đợt chỉnh quân chính trị trong toàn quân. Qua cuộc chỉnh quân lần này, trình độ giác ngộ chính trị, giác ngộ giai cấp của bộ đội được nâng lên một bước, làm cho tổ chức được trong sạch và củng cố, sức chiến đấu của bộ đội vì thế được nâng cao.

Sau đợt chỉnh quân chính trị, vào mùa thu năm 1953, các đơn vị chủ lực trực thuộc Bộ Tổng Tư lệnh và các liên khu đều sẵn sàng thực hiện các cuộc tiến công chiến lược trên các hướng chiến trường.

Ở khu vực Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái có các Đại đoàn 308, 312, 351.

- Ở khu vực Thanh Hóa, tây nam Ninh Bình có các Đại đoàn 304, 320 và 316 (thiếu Trung đoàn 176).

- Ở khu vực Thái Nguyên, Bắc Giang có hai trung đoàn chủ lực của Liên khu Việt Bắc.

- Ở khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh có Đại đoàn 325 (thiếu Trung đoàn 95 đang hoạt động ở Bình - Trị - Thiên) và hai trung đoàn chủ lực Liên khu 4.

- Ở khu vực Tây Bắc có Trung đoàn 148 chủ lực Khu và Trung đoàn 176 thuộc Đại đoàn 316.

- Ở khu vực Tả Ngạn và Hữu Ngạn có các trung đoàn chủ lực 42, 64... của hai khu này.

Như vậy, lực lượng chủ lực của ta được bố trí thành thế uy hiếp quân địch ở đồng bằng Bắc Bộ.

Lúc này, hậu phương chiến lược - căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, vùng tự do Liên khu 3, Liên khu 4 được củng cố vững chắc. Các chính sách kinh tế tài chính được thực hiện từ năm 1951 đã đạt được kết quả tốt. Đời sống của nhân dân và quân đội được cải thiện một bước. Chính sách giảm tô được thực hiện phổ biến; cải cách ruộng đất được tiến hành thí điểm ở một số địa phương đạt kết quả tốt đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần kháng chiến của quân và dân ta...

Giữa lúc Đảng Lao động Việt Nam cùng toàn quân, toàn dân Việt Nam nhân đà thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc, Thượng Lào, đang dồn lực phấn đấu đẩy mạnh cuộc kháng chiến về mọi mặt thì thực dân Pháp thực sự sa lầy trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Trải qua gần tám năm kể từ ngày nổ súng xâm lược trở lại Nam Bộ, cho đến mùa hè năm 1953, nước Pháp đã đổ vào cuộc chiến tranh trên bán đảo Đông Dương 2.130 tỷ phơ-răng¹, bị thu hút và giam chân ở chiến trường này hàng chục vạn quân chính quy. Đến tháng 11 năm 1953, phía Pháp đã bị thiệt hại trên 320 nghìn binh lính và sĩ quan (kể cả lính Âu-Phi và lính ngụy).

Cuộc chiến tranh hao người, tốn của kéo dài vẫn ở trong “đường hầm không lối thoát” đã khiến cho các tầng lớp nhân dân lao động Pháp những người chịu tác động trực tiếp của chính sách thuế khóa, binh dịch..., liên tục đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh. Mặt khác, chính bản thân giai cấp cầm quyền Pháp cũng mâu thuẫn gay gắt. Trong 8 năm, nước Pháp đã 18 lần thay đổi Chính phủ. Vấn đề được xem như “căn bệnh mạn tính” của Pháp trong chiến tranh xâm lược Đông Dương là sự bế tắc về cách thức tiến hành chiến tranh.

Giờ đây, sau thất bại ở Tây Bắc Việt Nam và Thượng Lào, một lần nữa đòi hỏi Chính phủ Pháp tiến hành cải tổ bộ máy lãnh đạo và chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, may chăng có được chính sách mới, tìm cho nước Pháp một “lối thoát danh dự”

Với hy vọng đó, Hăng-ri Na-va, một vị tướng tài năng, đang giữ chức Tham mưu trưởng Bộ tư lệnh lực lượng Trung Âu thuộc khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) được điều sang giữ chức Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương thay cho tướng Xa-lăng bị triệu hồi.

1. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam - *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954* - tập V, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1992, tr. 19.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi H. Na-va sang Đông Dương thì viên thủ tướng thứ 18, Rơ-nê May-e từ chức và Chính phủ mới được thành lập do J. La-ni-en làm Thủ tướng. Được sự ủng hộ của Chính phủ mới, ngay sau khi sang Đông Dương, H. Na-va đã ráo riết hoạt động để nhanh chóng tìm ra một kế hoạch chiến lược mới, hy vọng xoay chuyển cục diện chiến tranh theo hướng có lợi cho Pháp.

Dựa theo ý đồ chính trị của Chính phủ Pháp và thái độ của tập đoàn cầm quyền Mỹ đối với cuộc chiến tranh Đông Dương và sau khi dành một thời gian nghiên cứu chiến trường, H. Na-va cố gắng tìm ra giải pháp cho những vấn đề gay gắt, bức xúc nhất đang đặt ra đối với bộ tổng chỉ huy Pháp ở Đông Dương, như: mâu thuẫn giữa phân tán binh lực ra các nơi để bình định, giữ đất với tập trung lực lượng để hình thành những binh đoàn cơ động chiến lược mạnh, có khả năng tiến hành những chiến dịch mạnh, có khả năng tiến hành những chiến dịch quy mô lớn; hoặc, mâu thuẫn giữa thực trạng binh lực có hạn, nhưng yêu cầu phải cùng lúc giữ vững cả ba vùng quan trọng về chiến lược ở Bắc Đông Dương là: đồng bằng Bắc Bộ, Lai Châu (Tây Bắc) và Luông Phra Băng, Cánh Đồng Chum (Thượng Lào)...

Ngày 24 tháng 7 năm 1953, H. Na-va trình bày một chương trình hành động mới trước Hội đồng Quốc phòng tại Pa-ri. Bản chương trình hành động gồm hai phần chính: Phần thứ nhất nói về những điều kiện chính trị chi phối kế hoạch quân sự. Phần thứ hai là kế hoạch quân sự.

Về kế hoạch quân sự, việc đầu tiên là Na-va xác định “tìm một lối thoát ra khỏi sự bế tắc ở Đông Dương” Theo viên tướng này thì “lối thoát” chỉ có thể là “lối thoát chính trị”, tức là phải tạo nên những điều kiện quân sự làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có danh dự đối với Chính phủ Pháp. Cụ thể là Pháp sẽ bằng mọi cố gắng để chứng minh cho “Việt Minh” biết rằng, nếu Pháp không thắng trong cuộc chiến tranh này, thì Việt Minh cũng không thể thắng Pháp bằng quân sự. Và, con đường tắt yếu là hai bên phải nói chuyện với nhau trên bàn hội nghị. H. Na-va cho rằng: Muốn có giải pháp chính trị tốt thì điều kiện quân sự của cuộc chiến tranh là phải bảo vệ những vị trí của chúng ta và cải thiện nó trong điều kiện có thể.

Kế hoạch quân sự của H. Na-va nêu rõ hai vấn đề: tổ chức quân đội và tác chiến.

Về tổ chức quân đội, từ nghiên cứu thực tế, tương quan lực lượng giữa quân khối liên hiệp Pháp với “bộ đội Việt Minh”, H. Na-va khẳng định; điều chủ yếu là phải xúc tiến xây dựng một quân đoàn tác chiến mạnh và một lực lượng tổng dự bị chiến lược đông đảo. Theo H. Na-va thì quân đoàn tác chiến gồm 6 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn dù, được biên chế thành 24 binh đoàn cơ

động (trong đó có 12 binh đoàn quân ngụy Việt Nam), 3 binh đoàn dù. Để có lực lượng tổ chức các binh đoàn cơ động, phải thực hiện 2 yêu cầu:

1- Rút các đơn vị Âu-Phi đang phân tán đóng giữ các vị trí về làm nhiệm vụ tác chiến cơ động; thay vào đó là các đơn vị quân bổ sung Âu-Phi hoặc quân ngụy chính quy.

2- Tuyển mộ quân bổ sung (Âu-Phi) và phát triển nhanh quân ngụy.

Về tác chiến, H. Na-va chủ trương: trong đông xuân 1953-1954 tránh giao chiến toàn bộ với chủ lực đối phương, tập trung vào việc tổ chức quân đoàn tác chiến mạnh; đến chiến cuộc 1954-1955 (khi quân đoàn cơ động tác chiến đủ mạnh) sẽ tiến hành giao chiến toàn bộ với đối phương. Xét trên hai khu vực miền Bắc và miền Nam (lấy vĩ tuyến 18 Đà Nẵng làm ranh giới), Na-va định ra kế hoạch tác chiến 2 năm tới cụ thể như sau:

Trong chiến cuộc 1953-1954 thực hiện phòng ngự chiến lược ở phía bắc vĩ tuyến 18, tránh giao chiến toàn diện; nhưng cố gắng thực hiện tiến công ở phía nam vĩ tuyến 18, nhằm bình định miền Nam và miền Trung Đông Dương, đặc biệt là tiến công chiếm đóng vùng tự do Liên khu 5.

Sau khi đã có được ưu thế về lực lượng cơ động, từ mùa thu 1954 sẽ chuyển lên tiến công phía bắc vĩ tuyến 18, tạo nên một cục diện quân sự khiến cho Pháp có được một giải pháp chính trị cho cuộc chiến tranh¹.

Bản kế hoạch chiến lược của H. Na-va được chính giới Pháp và Mỹ đánh giá rất cao, được mang tên là “kế hoạch Na-va”

Để thực hiện kế hoạch tác chiến phòng ngự chiến lược ở phía bắc vĩ tuyến 18 và tiến công ở chiến trường phía nam, trong 2 năm 1953-1954, bộ tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương định ra hai giai đoạn tác chiến cụ thể như sau:

+ Giai đoạn thứ nhất (hè thu 1953), Pháp tập trung bình định đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ; đồng thời mở những cuộc hành quân lên miền Tây Bắc và Lào nhằm quấy rối hậu phương của ta, mở rộng vùng chiếm đóng ra các vùng xung quanh Luông Phra Băng, Cánh Đồng Chum.

+ Giai đoạn hai (mùa khô 1953-1954), tiến hành những chiến dịch lớn nhằm phá hoại các cuộc tiến công của ta trong mùa khô và mở những chiến dịch lớn nhằm đánh chiếm vùng tự do của ta ở phía nam vĩ tuyến 18.

Với những âm mưu, thủ đoạn kể trên, ngay từ khi sang Đông Dương (tháng 5 năm 1953) đến đầu mùa thu, trên các chiến trường Đông Dương đã diễn ra nhiều cuộc hành quân nhằm càn quét vùng địch hậu hoặc quấy rối

1. *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp...* tập V - Sdd, tr. 28.

hậu phương ta. Cuộc đấu tranh giữa ta và địch cũng vì thế mà trở nên gay go quyết liệt.

Tại Nam Bộ, trong hè thu 1953, quân Pháp liên tục tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét đánh vào các căn cứ du kích của ta nhằm hoàn thành mục đích bình định địa bàn. Địch chủ trương tiến công, trong khi ở một số nơi, ta phạm sai lầm hữu khuynh, hạn chế, thậm chí thủ tiêu đấu tranh vũ trang, nên địch đã đạt được một số kết quả và gây cho ta nhiều khó khăn. Nhìn chung, vùng căn cứ của ta bị thu hẹp, lực lượng vũ trang tập trung bị tiêu hao nặng phải phân tán; công tác hậu cần tiếp tế gặp khó khăn. Ở một vài nơi, địch thực hiện được âm mưu rút dân từ các vùng căn cứ về vùng tạm bị chiếm và do không chế được dân, chúng bắt thêm được lính, mở rộng quân ngụy thay thế các đơn vị Âu Phi và Pháp đang được rút ra tăng cường cho các đơn vị cơ động chiến lược ở phía bắc.

Trung ương Cục miền Nam đã kịp thời phát hiện những sai lầm, hữu khuynh ở một số địa phương kể trên, để từ đó tích cực sửa chữa. Vì vậy tình hình ngày một phát triển tích cực, cả ở miền Đông và miền Tây Nam Bộ. Các căn cứ cũ dần dần được khôi phục. Nhiều cơ sở mới được xây dựng lại. Lực lượng vũ trang tập trung, du kích phát triển. Nhiều trận đánh quy mô nhỏ và vừa liên tiếp diễn ra. Ngay cả trong nội thành Sài Gòn, quân địch cũng bị tiến công.

Trong thời gian này, đi đôi với việc vận dụng khá phổ biến chiến thuật phục kích, tập kích để phát triển tiến công địch, quân và dân Nam Bộ còn tiến hành nhiều trận chống càn, bảo vệ các vùng căn cứ. Điển hình là trận chống càn ở chiến khu Đồng Tháp Mười ngày 25 tháng 6 năm 1953 của Tiểu đoàn 309 đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn quân ngụy; trận chống càn của địch vào chiến khu Dương Minh Châu, bẻ gãy mũi tiến công của một tiểu đoàn ngụy, một tiểu đoàn Lê dương... Thắng lợi của phong trào chống càn đã khơi dậy không khí thi đua kháng chiến trong quân và dân Nam Bộ.

Ở Bình Trị Thiên, hè thu 1953, quân Pháp đã liên tiếp mở nhiều cuộc càn quét lớn nhỏ vào các căn cứ kháng chiến dọc theo đường số 1 từ nam Đông Hà vào đến Huế. Tuy nhiên, lực lượng vũ trang và nhân dân Trị Thiên không chỉ đánh bại các cuộc càn quét của địch, giữ vững căn cứ kháng chiến, mà còn đánh mạnh vào giao thông của địch trên đường số 1, đường số 9...

Ở chiến trường đồng bằng Bắc Bộ, từ cuối tháng 5 đến cuối tháng 7 năm 1953, địch tiến hành càn quét liên miên các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Kiến An. Cùng với càn quét bình định, phá căn cứ du kích, địch đẩy mạnh lập tế. Do chưa kịp thời chuẩn bị đối phó, nên khi kẻ địch đánh tới, một số cơ sở gặp không ít khó khăn.

Bằng các cuộc càn quét, quân Pháp tuy có thiết lập được một số căn cứ, vị trí kiểm soát trên các trục giao thông huyết mạch; củng cố thêm một số vùng tề, cường bức được thanh niên vào lính..., nhưng thực chất Pháp vẫn không cải thiện được gì đáng kể thế chiếm đóng của chúng trong điều kiện các khu căn cứ du kích tiếp tục đứng vững và ngày càng lớn mạnh.

Với chiến trường Tây Bắc, trong tháng 6 và tháng 7 năm 1953, địch tăng cường hoạt động gián điệp, tung biệt kích xuống một số nơi ở Mộc Châu, sông Mã, Mai Sơn (phía nam Sơn La). Được quân Pháp hà hơi tiếp sức, các nhóm phi dân dần hồi phục, rục rịch tập hợp lực lượng hoạt động.

Lúc này, một số đơn vị của Sư đoàn 316 đang tập trung chỉnh quân chính trị ở Mộc Châu; tiểu đoàn 970 hoạt động xung quanh Nà Sản là nơi quân Pháp đang xây dựng một tập đoàn cứ điểm phòng ngự. Tiểu đoàn 970 đưa một lực lượng sang Mường Lầm phối hợp với cán bộ địa phương làm công tác dân vận, giữ vững và mở rộng cơ sở trong quần chúng, chuẩn bị chống phi, bảo vệ vùng tự do.

Ở hướng Thượng Lào, trung tuần tháng 6 năm 1953, quân địch từ Luông Phra Băng mở cuộc hành quân hòng đánh chiếm vùng giải phóng ở phía đông bắc. Một bộ phận Sư đoàn 316 hoạt động ở Sầm Nưa và Luông Phra Băng đã cùng bộ đội tình nguyện Bắc Lào và bộ đội địa phương của bạn phối hợp chiến đấu đánh bại cuộc hành quân càn quét của địch.

Hè thu năm 1953, trong khi một bộ phận chủ lực của ta đang cùng các lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân tích cực chống địch càn quét ở vùng địch hậu; bảo vệ và củng cố vùng tự do; đại bộ phận các đại đoàn chủ lực tập trung chỉnh quân chính trị ở vùng tự do, thì Bộ Tổng tham mưu tập trung nghiên cứu tình hình chiến trường, về địch, về ta, để xây dựng kế hoạch tác chiến chiến lược trong thu đông 1953-1954.

Quán triệt phương hướng chiến lược: tạm thời tránh chỗ mạnh của địch, đánh vào chỗ yếu để phân tán tiêu diệt lực lượng địch, mở rộng vùng tự do, và căn cứ vào tình hình chiến trường chính Bắc Bộ lúc này địch còn mạnh ở trung du và đồng bằng; ở Tây Bắc, địch đang chốt giữ Nà Sản và thị xã Lai Châu, Bộ Tổng tham mưu dự kiến sẽ sử dụng một bộ phận chủ lực đánh địch ở Lai Châu và Nà Sản. Hướng tiến công chủ yếu trong chiến dịch này là tập đoàn cứ điểm Nà Sản.

Để chuẩn bị chiến trường theo dự kiến trên, ta đẩy mạnh công tác chuẩn bị, đặc biệt là làm đường ô tô nối Việt Bắc với Tây Bắc, nối Hòa Bình với Tây Bắc. Đồng thời, Bộ Tổng tư lệnh triệu tập hội nghị cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên bàn cách đánh cụ thể. Tại hội nghị này, các cán bộ chỉ huy, tham mưu tập trung thảo luận hai cách đánh: Một là đánh “bóc vở”, hai là đánh xuyên tâm; đồng thời, Bộ Tổng tham mưu tiếp tục chủ trương bám sát mọi động thái của địch trên chiến trường để kịp thời có phương án tác chiến thích hợp nhất.

Về phía địch, ngay sau khi “kế hoạch Na-va” được Hội đồng Quốc phòng Pháp thông qua, H. Na-va trở lại Đông Dương (tháng 8-1953) tổ chức lại quân đội theo hướng ưu tiên xây dựng binh đoàn chủ lực cơ động. Theo đó, chỉ trong một thời gian ngắn, H. Na-va đã cho thành lập nhiều đơn vị khinh quân mới thế chỗ cho các đơn vị chủ lực Âu-Phi đã được rút về đóng giữ ở nhiều vị trí quan trọng ở đồng bằng Bắc Bộ làm nhiệm vụ cơ động chiến lược. Trung tuần tháng 8 năm 1953, H. Na-va còn cho rút bỏ tập đoàn cứ điểm Nà Sản mà trước đó chúng đã cất công tạo dựng. Tiếp đó, một số đơn vị chủ lực cơ động đang trấn giữ ở Thượng Lào cũng được điều về vùng đồng bằng Bắc Bộ; nâng tổng số quân cơ động ở châu thổ sông Hồng lên 112 tiểu đoàn, trong đó có 44 tiểu đoàn cơ động và 68 tiểu đoàn chiếm đóng¹

Sau khi dồn binh lực về vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Pháp tích cực cho quân càn quét, bình định vùng chiếm đóng và uy hiếp vùng tự do. Trọng tâm đánh phá của địch thời gian này là vùng địch hậu khu du kích thuộc địa bàn tập trung nhiều đồng bào Công giáo ở Hải Hậu, Nghĩa Hưng... (Nam Định); Bùi Chu, Phát Diệm, Kim Sơn... (Ninh Bình). Tuy quân số đông, áp dụng nhiều biện pháp càn quét tàn bạo..., kẻ địch có gây cho ta một số tổn thất khó khăn; nhưng khi quân chủ lực cơ động rút đi, bộ đội và du kích lại chủ động tiến công lực lượng khinh quân, tề ngụy, khôi phục địa bàn, củng cố cơ sở.

Do theo dõi, bám nắm mọi động thái của địch trên chiến trường, nên khi địch rút bỏ tập đoàn cứ điểm Nà Sản, Trung ương Đảng ta đã nhận định: Việc rút quân khỏi Nà Sản là một thất bại của địch, thất bại của âm mưu chiếm giữ Tây Bắc; và rút quân khỏi Nà Sản cũng là một hành động nằm trong “kế hoạch Na-va” Chúng mong tập trung binh lực, tăng lực lượng cơ động để tăng cường hoạt động đối phó với những cuộc tiến công của ta. Từ nhận định đó, Trung ương đề ra phương hướng hoạt động của ta nhằm chống lại âm mưu của địch như sau:

“a- Ở địch hậu,... phải có chuẩn bị về tư tưởng và kế hoạch để đối phó với các cuộc càn quét của địch. Các cuộc càn quét đó có thể tiến hành trong một

1. *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp...* tập V, Sdd, tr. 40.

thời gian dài, dùng quân cơ động phối hợp với bọn khinh quân; sau khi càn quét, chúng có thể để lại lực lượng khá nhiều để chiếm đóng. Vì vậy, trong kế hoạch đối phó cần phân tích những đặc điểm của chiến thuật càn quét mới đó mà định đối sách của ta...

b- Ở vùng tự do, nhất là những vùng dễ bị uy hiếp như Lạng Sơn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hòa Bình, Nho Quan, Thanh Hóa, chúng ta không những phải giải thích cho nhân dân biết để phòng âm mưu địch mà phải có kế hoạch đối phó với địch, tiêu diệt địch khi chúng đánh tới. Kế hoạch này cần phải cụ thể và phối hợp được các lực lượng chủ lực và địa phương và phối hợp quân - dân - chính”¹.

Nắm vững những diễn biến mới của tình hình, đặc biệt là việc địch rút quân khỏi tập đoàn cứ điểm Nà Sản về tập trung cho đồng bằng, Bộ Tổng tham mưu đã kịp thời xác định lại hướng tiến công chiến lược trong thu đông 1953 và đề ra phương án tác chiến mới là *sử dụng từng bộ phận chủ lực thay phiên nhau tiến công vào trung du và đồng bằng Bắc Bộ nhằm mục đích rèn luyện cho bộ đội chủ lực để có thể tiến tới đánh lớn ở đồng bằng*.

Ngày 20 tháng 8 năm 1953, Tổng Quân ủy trình lên Bộ Chính trị đề án *“Tình hình địch, ta ở Bắc Bộ sau khi địch rút khỏi Nà Sản và chủ trương tác chiến của ta trong thu đông 1953”*

Phân tích tình hình và âm mưu địch, Tổng Quân ủy cho rằng địch rút khỏi Nà Sản là tập trung binh lực, củng cố hệ thống phòng ngự của chúng ở đồng bằng để giữ đồng bằng, tiến tới giành quyền chủ động trên chiến trường chính này.

Về tình hình lực lượng ta ở Bắc Bộ, Tổng Quân ủy đánh giá binh lực của ta chưa chiếm ưu thế so với địch; ta cũng chưa có khả năng thực hiện được ưu thế binh lực tuyệt đối trên hướng chính trong một chiến dịch ở đồng bằng. Muốn tác chiến lớn ở đồng bằng Bắc Bộ, bộ đội chủ lực cần giải quyết một số vấn đề về tư tưởng, chiến thuật...; trong khi đó, cuộc đấu tranh ở vùng địch hậu chưa phát triển đồng đều. Từ tương quan lực lượng giữa ta, địch và tình hình chiến trường, Tổng Quân ủy xác định để phá tan âm mưu của địch, tạo điều kiện đánh lớn ở đồng bằng, cần phải:

1. Đẩy mạnh đấu tranh và chiến tranh du kích ở vùng địch hậu.
2. Chủ lực dùng phương thức hoạt động thích hợp để tiêu diệt từng bộ phận nhỏ sinh lực địch và giúp vùng địch hậu đẩy mạnh tiến công địch.
3. Tăng cường lực lượng vũ trang và bán vũ trang ở vùng tự do, có kế hoạch tiêu diệt địch khi chúng đánh ra vùng tự do.

1. *Văn kiện quân sự của Đảng*, tập III, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977.

4. Tăng cường hoạt động ở Thượng Lào và các chiến trường khác để phân tán chủ lực của địch.

Trong 4 công tác lớn kể trên, Tổng Quân ủy đặc biệt lưu ý, nhấn mạnh hai việc quan trọng hàng đầu là đẩy mạnh đấu tranh ở vùng địch hậu và rèn luyện chủ lực.

Cùng với việc xây dựng quyết tâm chiến lược, phương hướng tác chiến, đối phó với âm mưu của địch ở đồng bằng Bắc Bộ, Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu cần xây dựng quyết tâm đề phòng địch đánh lên Việt Bắc, đánh ra vùng tự do giáp giới hai tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình (Chi Nê Nho Quan...).

Đầu tháng 9 năm 1953, ngay sau khi kết thúc đợt chỉnh quân chính trị, các đơn vị chủ lực bước vào chỉnh huấn quân sự. Theo chỉ thị của Bộ Tổng tư lệnh, các đơn vị được huấn luyện cả đánh công kiên và đánh vận động.

Về đánh công kiên, bộ đội học cách đánh vị trí công sự mới công sự boong-ke. Về đánh vận động, bộ đội học cách đánh quân địch đang vận động, quân địch mới chiếm lĩnh trận địa; huấn luyện đánh những trận vận động lớn đối với quân địch ở chiến trường đồng bằng có lực lượng cơ động mạnh. Các đơn vị không chỉ huấn luyện đánh đêm mà cả đánh ngày trong điều kiện có phi pháo yểm hộ. Vừa qua chỉnh quân chính trị, giác ngộ quyền lợi giai cấp, tinh thần căm thù đế quốc, phong kiến của cán bộ, chiến sĩ như được nhân lên gấp bội. Bộ đội bất chấp gian khổ, khó khăn, hăng say luyện tập nắm vững kỹ thuật, chiến thuật...; chuẩn bị cho những chiến dịch lớn sắp tới.

Lúc này, do địch đang gấp rút tăng cường quân cơ động, cần quét đánh phá vùng địch hậu và vùng tự do, nên các đại đoàn chủ lực tích cực luyện tập và sẵn sàng chiến đấu cao.

Từ đầu tháng 9 năm 1953, cùng với việc tăng cường binh lực, dân quân bắt lính phục vụ cho kế hoạch xây dựng binh đoàn cơ động, quân Pháp ở Đông Dương được bổ sung nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh do Mỹ viện trợ¹. Lo sợ các đại đoàn chủ lực của ta mở cuộc tiến công lớn vào đồng bằng Bắc Bộ, nhằm cô lập để tiến tới đánh chiếm Hà Nội, Hải Phòng, Bộ chỉ huy Pháp đã điều tất cả các lực lượng cơ động có thể tập trung và giữ đồng bằng. Vì vậy, đến giữa tháng 9 năm 1953, vùng châu thổ sông Hồng đã tập trung một lực lượng quân cơ động chiến lược rất lớn, gồm 8 binh đoàn bộ binh và lính dù, 7 binh đoàn thiết giáp, 2 binh đoàn xe lội nước với nhiều vũ khí, phương tiện chiến tranh khá tối tân, hiện đại.

1. Ngày 10-9-1953, Mỹ viện trợ cho Pháp 385 triệu đô-la trong khoản chiến phí ở Đông Dương.

Sau khi củng cố được khối quân cơ động chiến lược, Bộ chỉ huy Pháp mở hàng loạt cuộc hành quân càn quét lớn vào các tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình..., hòng phá cơ sở kháng chiến, tiêu diệt lực lượng kháng chiến ngày càng lớn mạnh không ngừng ở vùng châu thổ. Cùng với việc càn quét đánh phá dữ dội vùng chiếm đóng ở đồng bằng, Bộ chỉ huy Pháp đã tung nhiều nhóm biệt kích lên vùng Tây Bắc, để móc nối với bọn phỉ, tạo phản động ở địa phương và binh lính cũ, vũ trang cho số này để lập ra nhiều toán phỉ. Thổ phỉ ở Tây Bắc đã chiếm nhiều vị trí, suốt từ Mường Lầm qua Thuận Châu, tới giáp sông Đà và thị xã Sơn La. Địch còn chuẩn bị lực lượng để mở các cuộc hành quân đánh ra các vùng tự do tây nam Ninh Bình và vùng tự do Liên khu 5 một địa bàn chiến lược được chúng xác định là trọng điểm của kế hoạch bình định miền Nam Đông Dương.

Trước những thay đổi lớn về tình hình địch, đặc biệt là sự tăng vọt các binh đoàn cơ động và việc chúng tập trung lực lượng về chiếm đóng, cố thủ đồng bằng Bắc Bộ..., Bộ Tổng tư lệnh thấy rằng phương án tác chiến của ta sử dụng chủ lực luân phiên nhau đánh chiếm đồng bằng có nhiều điểm không còn phù hợp nữa. Vấn đề đặt ra đối với chúng ta lúc này là phải nhanh chóng làm phá sản kế hoạch Na-va, đẩy nhanh sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh là phá tan kế hoạch Na-va, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh kịp thời chỉ thị Bộ Tổng tham mưu nghiên cứu kỹ về địch, về ta, đặc biệt là chiến trường chính Bắc Bộ, rồi từ đó định ra phương án tác chiến mới thích hợp. Trọng tâm là: làm phân tán lực lượng cơ động chiến lược của địch, phá việc xây dựng khối quân cơ động chiến lược của chúng. Theo đó, Bộ Tổng tham mưu dự kiến phương án đẩy mạnh chiến tranh du kích trên tất cả các chiến trường để giam chân, tiêu hao lực lượng địch; mở một số chiến dịch tiến công trên các địa bàn chiến lược hiểm yếu mà địch sơ hở; buộc chúng phải điều lực lượng cơ động đối phó trên các hướng như Lai Châu, Trung Lào..., rồi tập trung chủ lực tiêu diệt lớn.

Cuối tháng 9 năm 1953, tại Tuyên Quang - căn cứ địa Việt Bắc, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì bàn nhiệm vụ quân sự trong đông xuân 1953-1954. Dự hội nghị có đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị: Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp...

Tại hội nghị, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh, trình bày hai phương án tác chiến do Bộ Tổng tham mưu

chuẩn bị. Tổng Quân ủy cũng cho rằng: Do địch đang dồn lực lượng cơ động chiến lược về đồng bằng Bắc Bộ, nên lúc này ta chưa nên đánh vào đồng bằng ngay mà phải phá âm mưu tập trung binh lực của địch, để tạo điều kiện tác chiến tương đối lớn. Dự kiến, ta sẽ đưa một số đơn vị chủ lực lên hoạt động ở Tây Bắc là chiến trường chúng sơ hở, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Đồng thời, ta tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích tại tất cả các chiến trường địch hậu Bắc Trung Nam; trọng tâm là đồng bằng Bắc Bộ.

Sau khi nghe các phương án tác chiến của Bộ Tổng tham mưu và ý định của Tổng Quân ủy, đồng thời phân tích một cách toàn diện tình hình địch, âm mưu những chỗ mạnh, chỗ yếu của chúng; khả năng tác chiến và những khó khăn, thuận lợi của ta, Bộ Chính trị đề ra chủ trương tác chiến trong đông xuân 1953-1954 là: Sử dụng một bộ phận chủ lực mở những cuộc tiến công vào những hướng địch sơ hở; đồng thời tranh thủ cơ hội tiêu diệt địch nếu chúng đánh ra vùng tự do của ta; đẩy mạnh chiến tranh du kích trên tất cả các chiến trường sau lưng địch... Bộ Chính trị cũng đề ra kế hoạch tác chiến cụ thể trên hai chiến trường miền Bắc, miền Nam như sau:

Trên chiến trường chính miền Bắc:

1. Sử dụng một bộ phận chủ lực cơ động mở cuộc tiến công lên hướng Tây Bắc, tiêu diệt quân địch còn chiếm đóng Lai Châu, giải phóng hoàn toàn khu Tây Bắc.
2. Phối hợp với quân giải phóng Lào mở chiến dịch tiến công địch ở Trung Lào, tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng.
3. Chuẩn bị một lực lượng dự bị. Nếu khi ta tiến công Tây Bắc, địch tăng viện cho Tây Bắc, thì ta dễ điều động tiếp lực lượng dự bị cho hướng Tây Bắc để tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Đồng thời lực lượng dự bị sẽ sẵn sàng đánh địch nếu chúng đánh sâu vào căn cứ địa Việt Bắc, hoặc vùng tự do khác.
4. Đẩy mạnh chiến tranh du kích ở hướng đồng bằng.

Đối với chiến trường miền Nam.

1. Tập trung phần lớn chủ lực của Liên khu V mở cuộc tiến công lên chiến trường Tây Nguyên, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng.
2. Ở chiến trường Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ, nhiệm vụ chính là đẩy mạnh chiến tranh du kích; tiêu hao từng bộ phận sinh lực địch; mở rộng, củng cố căn cứ du kích.

Tại hội nghị đặc biệt quan trọng này, Chủ tịch Hồ Chí Minh kết luận nhiều vấn đề. Về hướng hoạt động, Người chủ trương: "Lấy Tây Bắc làm

hướng chính, các hướng khác là hướng phối hợp. Hướng chính hiện nay không thay đổi, nhưng trong hoạt động thì có thể thay đổi. Phép dùng binh là phải thiên biến vạn hóa”¹

Thực hiện chủ trương và kế hoạch tác chiến trên đây, Bộ Tổng tham mưu kịp thời có kế hoạch sử dụng chủ lực và phối hợp tác chiến trên chiến trường như sau:

Đại đoàn 316 (thiếu Trung đoàn 176) tiến công tiêu diệt địch ở Lai Châu, giải phóng hoàn toàn Tây Bắc. Tiếp đó, Trung đoàn 148 phối hợp với bộ đội giải phóng Lào tiến công giải phóng Phong Xa Lỳ.

Trung đoàn 101 được tăng cường Tiểu đoàn 274 của Trung đoàn 18 Đại đoàn 325 phối hợp với bộ đội giải phóng Lào tiến công địch ở Trung Lào, tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai; buộc địch phải đưa một bộ phận chủ lực cơ động ra đối phó, vì vậy mà phân tán khối cơ động chiến lược...

Khối chủ lực lớn nhất còn lại của ta gồm các đại đoàn 308, 312, 304 và 351 được bố trí bí mật ở Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, hình thành thế trận đánh tiêu diệt lớn nếu kẻ địch đánh lên Việt Bắc. Nhưng, nếu địch đưa chủ lực lên Tây Bắc thì chính những đại đoàn chủ lực này sẽ cơ động tiêu diệt chúng.

Các khu Tả Ngạn, Hữu Ngạn và Thành đội Hà Nội tăng cường đánh địch, nhằm tiêu hao tiêu diệt địch, đánh phá giao thông thủy bộ, sân bay... nhằm giam chân chủ lực địch. Riêng Đại đoàn 320 làm lực lượng dự bị, chuẩn bị sẵn sàng tiến công địch ở đồng bằng.

Trung đoàn 246 và Trung đoàn 238 của Liên khu Việt Bắc được bố trí ở khu vực Thái Nguyên, sẵn sàng đánh địch tiến công lên Việt Bắc; đồng thời chuẩn bị sẵn sàng để khi có lệnh sẽ tiến vào vùng sau lưng địch ở trung du.

- Ở Liên khu 5, Trung đoàn 108 và Trung đoàn 803 cùng một số tiểu đoàn độc lập của Liên khu 5 sẽ tiến công lên Bắc Tây Nguyên, tiêu diệt địch, giải phóng đất đai, tạo điều kiện phá cuộc càn quy mô lớn của địch vào vùng tự do ven biển.

Bình Trị Thiên, bắc Quảng Nam và cực Nam Trung Bộ, Nam Bộ đẩy mạnh chiến tranh du kích để phối hợp với chiến trường chính.

1. Một vài hồi ức về Điện Biên Phủ, In lần thứ hai, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1964, tr. 14.

Kế hoạch sử dụng chủ lực và tác chiến phối hợp chiến trường của Bộ Tổng tham mưu đã được Tổng Quân ủy thông qua và được Bộ Chính trị phê chuẩn. Với kế hoạch này, ta dự kiến vào giữa tháng 11 năm 1953, các đơn vị có nhiệm vụ tiến công lên Lai Châu và Thượng Lào sẽ xuất phát, còn ở Tây Nguyên có thể nổ súng muộn hơn.

Sau khi kế hoạch tác chiến đông xuân 1953-1954 được Bộ Chính trị phê chuẩn; công tác chuẩn bị chiến trường, phục vụ chiến trường chủ yếu là hướng chiến lược Tây Bắc, được Ủy ban chi viện tiền tuyến Trung ương chỉ đạo và tổ chức thực hiện hết sức khẩn trương. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu lúc này là nhanh chóng củng cố, phát triển hệ thống đường chiến dịch. Công binh cùng dân quân tập trung sửa chữa, nâng cấp đường 41 từ Suối Rút (Hòa Bình) qua Mộc Châu, Cò Nòi (Sơn La) lên Lai Châu; mở đường 13 qua Yên Bái, Tạ Khoa lên Cò Nòi. Vào trung tuần tháng 11 năm 1953, đường số 13 đã được mở tới trục đường 41 ở Cò Nòi. Đường số 41 được sửa tới Nậm Mực, cách thị xã Lai Châu khoảng 40 kilômét. Đây là một trong những yếu tố cho phép chúng ta có thể mở màn chiến dịch giải phóng Lai Châu.

Cùng với mở đường chiến dịch, công tác huy động nhân tài vật lực của hậu phương cho tiền tuyến được triển khai rầm rộ, hiệu quả. Ở các vùng tự do Việt Bắc, Liên khu 4 (Thanh Nghệ Tĩnh), hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", nhân dân nô nức tham gia phong trào đóng góp sức người, sức của gửi ra mặt trận, cử người đi dân công tiếp vận; động viên thanh niên tòng quân, đi chiến đấu.

Trong khi quân và dân ta dồn sức, bí mật chuẩn bị cho chiến dịch giải phóng Lai Châu, Pháp lại phán đoán ta sẽ tiến công vào vùng châu thổ đồng bằng Bắc Bộ, và một trong những bàn đạp của cuộc tiến công đó là vùng Nho Quan Ninh Bình (nơi đứng chân của Đại đoàn 320). Từ phán đoán đó, Bộ chỉ huy Pháp quyết định giành quyền chủ động mở cuộc tiến công phá kế hoạch của địch đánh vào tây nam Ninh Bình, phá tan mối uy hiếp đối với lực lượng liên hiệp Pháp ở đồng bằng Bắc Bộ.

Để nhằm đạt được những mục đích to lớn cả về quân sự, chính trị, Bộ chỉ huy Pháp đã huy động cho cuộc hành quân quy mô lớn mang tên Hải Âu, gồm 6 binh đoàn cơ động, 22 tiểu đoàn bộ binh, 8 tiểu đoàn pháo binh, 2 tiểu

đoàn thiết giáp cùng một số đơn vị công binh; do tướng Cô-nhi, tư lệnh Bắc Bộ trực tiếp chỉ huy.

Nắm bắt kịp thời diễn biến tình hình và những động thái của địch, Bộ Tổng tư lệnh kịp thời chỉ đạo Đại đoàn 320 và các đơn vị bộ đội địa phương, dân quân du kích chuẩn bị chống càn “Hải Âu”, đập tan mọi mưu đồ của địch.

Ngày 15 tháng 10 năm 1953, tại Ninh Bình, 5 binh đoàn cơ động chiến lược của địch từ khu vực Ghềnh theo đường 59 đánh chiếm Rịa; cùng lúc, một binh đoàn khác tiến ra Gián Khẩu. Ngày 16 tháng 10, tại Thanh Hóa, Pháp cho 500 quân đổ bộ lên Ba Làng; huy động nhiều tàu chiến, máy bay “diều võ dương oai” trên vùng ven biển Thanh Hóa, Ninh Bình... Ngày 17 tháng 10, binh đoàn cơ động số 1 của Pháp từ Rịa đánh tỏa ra địa bàn Nho Quan và khu vực xung quanh.

Ngay từ những ngày đầu địch mở cuộc hành quân “Hải Âu”, Đại đoàn 320 và bộ đội địa phương, dân quân du kích các huyện Gia Viễn, Yên Mô, Nho Quan đã chủ động hợp sức chặn bước tiến của địch. Tiếp đó, Trung đoàn 64 và Trung đoàn 42 đã tổ chức tập kích một số vị trí quan trọng của địch, gây cho chúng nhiều tổn thất.

Trên cơ sở nhận định, đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn của địch, Bộ Tổng tư lệnh kiên trì chuẩn bị cho phương án tác chiến đã định; chỉ thị cho Đại đoàn 320 chủ động phục kích, tập kích làm phá sản cuộc hành quân Hải Âu của địch. Các Đại đoàn 308, 312, 316, 351... vẫn tiếp tục chuẩn bị, sẵn sàng chờ lệnh.

Sau một tuần ra quân, ngày 22 tháng 10, Cô-nhi cho 4 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn pháo binh và 1 tiểu đoàn thiết giáp từ khu vực Rịa tiến công thị trấn Nho Quan. Trung đoàn 52 và Trung đoàn 64 Đại đoàn 320 sử dụng một số đơn vị phân tán đã đánh lẻ, đánh địch khắp nơi địch đi qua, gây cho chúng nhiều tổn thất.

Ngày 25 tháng 10, Cô-nhi tung 4 tiểu đoàn bộ binh, 4 tiểu đoàn pháo binh và một số tiểu đoàn thiết giáp từ khu vực Ghềnh càn quét về hướng Bím Sơn - Quý Hương, nơi mà địch cho là “đại bản doanh” của Đại đoàn 320. Mặc dầu đã tung một lực lượng khá lớn cho cuộc càn, nhưng Pháp vẫn không đạt được kết quả gì, trái lại đi đến đâu, quân địch đều bị chủ lực và bộ đội địa phương, du kích tiến công gây nhiều tổn thất.

Đầu tháng 11 năm 1953, phó tổng thống Mỹ Ních-xơn trực tiếp đến thị sát khu vực tây nam Ninh Bình, dự duyệt binh và khen thưởng, “lên dây cót” tinh thần cho quân Pháp và ngụy binh. Cùng lúc này, Cô-nhi tung

7 tiểu đoàn mở cuộc hành quân thọc lên thị trấn Nho Quan lần thứ hai. Nhưng cũng như lần trước, địch không thu được kết quả gì đáng kể, ngược lại, còn bị Đại đoàn 320 đón đánh, tiêu diệt thêm một phân sinh lực. Ngày 6 tháng 11 năm 1953, địch buộc phải kết thúc cuộc hành quân “Hải Âu”

Toàn bộ chiến dịch, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn bốn nghìn tên địch. Đây là một thắng lợi lớn, giáng một đòn nặng nề vào lực lượng cơ động chiến lược mà kẻ địch tập trung mọi cố gắng để xây dựng. Địch bị đánh phủ đầu, trong khi các đại đoàn chủ lực của ta vẫn được giữ nguyên, tiến hành chuẩn bị theo kế hoạch. Đây là thuận lợi lớn cho cuộc tiến công đông xuân 1953-1954 của quân và dân ta.

*

Cùng với cả nước, đến trước thu đông 1953-1954, quân và dân Tây Bắc nói chung và Điện Biên nói riêng đã trải qua 8 năm kháng chiến với muôn vàn khó khăn, thử thách khốc liệt, nhưng cũng đã từng bước giành được những thắng lợi quan trọng; đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp kháng chiến thần thánh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Sau khi cơ bản chiếm được Tây Bắc (vào cuối năm 1947), thực dân Pháp rắp tâm thành lập “xứ Thái tự trị” giả hiệu, nhằm xiết chặt hơn ách thống trị đối với nhân dân các dân tộc Tây Bắc, phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược của chúng. Theo đó, năm 1948, cái gọi là “Liên bang Thái tự trị” ra đời gồm 16 châu ở Tây Bắc, được chia làm 3 tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Mường So (gồm 2 huyện Phong Thổ và Than Uyên) và đặc khu Nghĩa Lộ. Thủ phủ của liên bang là thị xã Lai Châu. Cẩm đầu liên bang là tên tay sai Đèo Văn Long. Mỗi tỉnh trong liên bang có một tỉnh trưởng. Mỗi châu có một “chầu mừng” cẩm đầu. Xứ Thái có một nghị viên dân biểu; về hình thức do nhân dân bầu, nhưng thực chất là do Pháp chỉ định.

Xứ Thái tự trị cũng là một tổ chức quân sự, gồm “lính xứ Thái”, có nhiệm vụ cùng quân Pháp đi càn quét, đánh phá trong vùng và lính đóng tập trung bảo vệ cơ quan hành chính châu. Trong xứ Thái tự trị, đồng bào các dân tộc bị thế lực thống trị đối xử bất bình đẳng. Nhằm chia rẽ khối đoàn kết của các dân tộc, Pháp đề cao chúa đất Thái Trắng, buộc tù trưởng các dân tộc khác phải phụ thuộc. Pháp còn xúi bẩy Đèo Văn Long đốt hết các sách chữ Thái cũ, hòng xóa bỏ di sản văn hóa quý báu của dân tộc Thái... Chúng còn áp dụng nhiều thủ đoạn nhằm kích động tinh thần dân tộc hẹp hòi, mê hoặc nhân dân Thái với tư tưởng “đại Thái”, làm cho các dân tộc khác chống lại người Thái.

Cùng với xây dựng, củng cố bộ máy kìm kẹp, thống trị với chiêu bài “Xứ Thái tự trị”, thực dân Pháp còn đẩy mạnh tuyên truyền chống phá sự nghiệp kháng chiến; xuyên tạc đường lối kháng chiến của Đảng, vu khống bộ đội là “thổ phỉ” Ngược lại, chúng đề cao “công lao” của quân cướp nước và bọn Việt gian bán nước, như Đèo Văn Long, Đèo Văn An... Thực dân Pháp còn tiến hành rào làng bản, dồn dân, khủng bố đàn áp những người theo kháng chiến; khuyến khích lính ngụy truy lùng cán bộ hoạt động xây dựng cơ sở...

Để phục vụ cho chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp câu kết chặt chẽ với thế lực phong kiến chúa đất địa phương để tăng cường bóc lột nhân dân Thái và các dân tộc trong khu vực.

Lợi dụng chế độ ruộng công ở Tây Bắc, thực dân Pháp định ra cho người dân khi nhập ruộng phải đi lính, đi phu... Đồng thời, Pháp tăng cường bắt lính, bắt phu. Trung bình hàng tháng, mỗi người phải đi phu 15 đến 20 ngày...

Để tăng cường bóc lột, vơ vét của cải, tiền bạc của nhân dân, thực dân Pháp đặt ra nhiều thứ thuế và nhiều tạp dịch hà khắc, nặng nề. Người dân bình thường nhận ruộng (nếu không có con đi lính, đi làm gái xoè...) phải nộp mỗi mẫu là 80-100 đồng Đông Dương. Đến năm 1951, thuế ruộng mỗi mẫu là 250 đồng và 180-300 kg thóc...¹

Cùng với đặt ra thuế khóa nặng nề, hà khắc, thực dân Pháp còn để cho bọn phong kiến chúa đất và bọn tay sai mặc sức bóc lột nhân dân; quy định một số đặc ân cho bọn tay sai vơ vét của dân, phục vụ cho chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” của chúng.

Dưới hai tầng áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, người dân Tây Bắc vô cùng cực khổ, bị huy động đi phu, bắt lính, làm gái xoè..., bị thu vét đến cùng kiệt của cải; bị kìm kẹp, o ép cả về tinh thần... Ở Điện Biên, Nà Sản, khi Pháp cho quân nhảy dù xuống xây dựng tập đoàn cứ điểm, đồng bào các bản người Thái bị tập trung lại, chịu sự kiểm soát hết sức gắt gao.

Cả vùng Tây Bắc giờ đây nhiều bản làng tiêu điều xơ xác, dân cư ly tán. Ở Thuận Châu, nhân dân kéo nhau lên Điện Biên, Hát Lót; thậm chí nhiều bản làng bỏ sang Lào.

Những hành động dã man, tàn ác kể trên đã vạch trần bộ mặt thật của thực dân, phong kiến chúa đất, vạch trần bản chất chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của thực dân Pháp. Cũng vì vậy, nhân dân Tây Bắc ngày càng thấy rõ cần đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ kháng chiến và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đánh đuổi thực dân, phong kiến, giành độc lập tự do, cơm no áo ấm.

1. *Điện Biên trong lịch sử...* Sdd, tr. 138.

Chính trong bối cảnh đó, đường lối kháng chiến của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2-1951) và chính sách dân tộc của Đảng thực sự là ngọn cờ tập hợp đại gia đình các dân tộc Việt Nam, huy động sức mạnh của cả nước cho công cuộc kháng chiến.

Nhờ có đường lối chính sách đúng đắn của Đảng ta được thực thi có hiệu quả mà nhân dân Tây Bắc ngày càng thấy rõ bộ mặt thật cùng với sự lừa bịp thâm độc của thực dân, phong kiến, từ đó ngày càng tham gia kháng chiến tích cực hơn.

Sau chiến thắng Việt Bắc thu đông năm 1947, đánh bại kế hoạch của địch tiến công lên chiến khu Việt Bắc, cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn mới.

Chấp hành chủ trương phân tán các đơn vị chủ lực thành các đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung (của hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1-1948), một số đại đội độc lập đã được thành lập và tiến vào Tây Bắc. Những đơn vị này đi sâu vào hậu phương địch, phát động chiến tranh nhân dân. Mường Thanh Điện Biên Phủ được các đại đội độc lập chọn làm nơi hội tụ. Vượt qua muôn vàn khó khăn gia khổ, hy sinh, sau một quá trình lăn lộn tuyên truyền, khơi dậy truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước của đồng bào các dân tộc Tây Bắc, đến cuối năm 1948, các đội vũ trang tuyên truyền đã gây được một số cơ sở trong lòng địch.

Trong những đại đội độc lập vũ trang tuyên truyền lên Tây Bắc, nổi lên có các đại đội Kim Sơn, Xung Phong, Quyết Thắng... Đến năm 1949, các Đại đội này đã cùng đồng bào các dân tộc xây dựng được một số căn cứ du kích vững chắc khắp trong ba tỉnh Lai Châu, Sơn La, Nghĩa Lộ. Ở Điện Biên Phủ có các căn cứ du kích Tam Luân vùng giáp Pú Nhung, Long Hẹ của người Thái, Xá, H'Mông, Dao... Tại những căn cứ du kích, chính quyền nhân dân được duy trì, các ủy ban kháng chiến đều có đại biểu dân tộc thiểu số tham gia. Mọi người bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ kháng chiến.

Trong nhiều năm liền, các căn cứ du kích là mục tiêu đánh phá của kẻ thù. Chúng không chỉ tiến hành các cuộc hành quân càn quét mà còn tiến công bằng những thủ đoạn chính trị lừa phỉnh, chia rẽ, gây hận thù giữa các dân tộc. Nhưng mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đều thất bại. Nhân dân Tây Bắc đặc biệt là đồng bào các dân tộc trong các cơ sở, căn cứ du kích đã chiến đấu ngoan cường, một lòng vì sự nghiệp kháng chiến. Trong chiến đấu đã xuất hiện nhiều gương tiêu biểu như: Vừ A Dìn, Vàng Ít Tả, Sùng Phái Sinh, Giàng A Hồ, Lý Tiến Thành, Đinh Văn Quý...; đồng thời, cũng đã xuất hiện biết bao tấm gương nhân dân cùng sát cánh với bộ đội đánh địch.

Trên đà phát triển của kháng chiến, trung tuần tháng 3 năm 1948, ta mở chiến dịch Nghĩa Lộ, bức rút 7 vị trí địch, gọi hàng gần 200 lính ngụy. Tháng 8 năm 1948, ta mở tiếp chiến dịch Xuân Đại (Sơn La), tiêu diệt 2 căn cứ quan trọng của địch. Đầu tháng 4 năm 1949, ta tiêu diệt vị trí Thu Cúc, Lai Đồng, phá vỡ tuyến phòng thủ Thu Cúc - Quang Huy của địch. Ngày 19 tháng 5 năm 1949, ta mở chiến dịch sông Thao, diệt các vị trí Đại Bực, Đại Phác, Phố Ràng... Đầu tháng 11 năm 1949, ta tiến công phòng tuyến sông Mã, diệt vị trí Xiềng Kho (Sơn La), bức rút 9 vị trí khác, phá vỡ tuyến hành lang sông Mã dài 100 kilômét từ Mường Lầm đến Sốp Hào... Đầu tháng 2 năm 1950, ta mở chiến dịch Lê Hồng Phong I, diệt nhiều vị trí địch ở tả ngạn sông Thao, trong đó có Phố Lu. Để phối hợp với chiến dịch Lê Hồng Phong II - chiến dịch Biên Giới thu đông 1950, ta tiến công địch ở tả ngạn sông Hồng và Lào Cai, giải phóng Lào Cai, buộc địch phải dùng máy bay yểm trợ để rút quân về Sơn La, Lai Châu.

Từ sau chiến dịch Biên Giới, địch đã mất quyền chủ động trên chiến trường chính và chuyển hẳn sang thế phản công cục bộ. Cuối tháng 9 năm 1951, ở Tây Bắc, ta mở chiến dịch Lý Thường Kiệt, đánh địch ở Nghĩa Lộ, bức địch rút nhiều vị trí ở vòng ngoài, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn quân Pháp, buộc chúng phải rút bỏ Phong Thổ (Lai Châu).

Trước tình hình "hậu phương an toàn" bị uy hiếp mạnh, năm 1952, địch buộc phải tăng cường cho Tây Bắc với các phân khu Nghĩa Lộ, Sơn La, Thuận Châu, Lai Châu và hàng chục tiểu khu; bố trí gần mười nghìn quân chốt giữ hơn 100 vị trí lớn nhỏ để đánh phá các cơ sở và khu căn cứ, án ngữ vùng Thượng Lào và uy hiếp vùng tự do của ta ở tả ngạn sông Thao, nam Phú Thọ.

Để phá tan âm mưu của địch, giải phóng Tây Bắc, trung tuần tháng 10 năm 1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc (*đã trình bày ở phần trên*). Thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc làm cho nhân dân các dân tộc Tây Bắc càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, tin tưởng vào sự toàn thắng của sự nghiệp kháng chiến. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã đánh giá: "Thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc chứng minh chính sách dân tộc của Đảng hết sức đúng và rất hợp với nguyện vọng của các dân tộc thiểu số. Đó là nguyên nhân thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc, thắng lợi cả về quân sự và chính trị, nhờ đó ta đã tranh thủ được nhân dân trong một vùng dân tộc thiểu số khá rộng mà cơ sở quần chúng còn non yếu"¹.

Sau khi kết thúc thắng lợi chiến dịch Tây Bắc, Trung ương Đảng và Chính phủ tập trung chỉ đạo việc cứu đói, ổn định đời sống của đồng bào các

1. Văn kiện của Đảng về chính sách dân tộc. Hà Nội, 1965.

dân tộc; tiếp đó, ta tạm cấp ruộng đất công, ruộng đất của bọn Việt gian phản động, chúa đất đã chạy theo giặc; chia trâu bò... cho nhân dân. Cán bộ, bộ đội khẩn trương giúp dân ổn định trật tự trị an bản mường, xây dựng lực lượng dân quân du kích; mở các lớp bình dân học vụ; một số trường phổ thông cấp I được khôi phục... Với nỗ lực cố gắng của đồng bào các dân tộc và bộ đội, đời sống nhân dân vùng giải phóng Tây Bắc nhanh chóng được phục hồi. Đây là tiền đề để đồng bào các dân tộc Tây Bắc nói chung và Điện Biên Lai Châu nói riêng góp sức cùng toàn dân, toàn quân chuẩn bị bước vào trận độ sức cuối cùng với kẻ thù, trên chính quê hương mình, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ.

Bản sao lưu trữ

*Phần thứ hai***CHIẾN CUỘC ĐÔNG XUÂN 1953-1954 VÀ CHIẾN DỊCH
ĐIỆN BIÊN PHỦ****I- CÁC ĐÒN TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC
TRONG ĐÔNG XUÂN 1953-1954 VÀ CÔNG CUỘC CHUẨN BỊ
CHO CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ**

TA TIẾN CÔNG LAI CHÂU, ĐỊCH NHẢY DÙ CHIẾM ĐÓNG ĐIỆN BIÊN PHỦ
VÀ ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐƯỢC CHỌN LÀM ĐIỂM QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC

Thắng lợi của quân và dân ta trong hè thu 1953, đặc biệt chiến thắng tây nam Ninh Bình, tạo thêm thuận lợi để cả nước bước vào chiến cuộc Đông Xuân.

Cho tới những ngày cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm 1953, Na-va và bộ chỉ huy quân đội viễn chinh xâm lược Pháp ở Đông Dương còn rất chủ quan. Với một số kết quả hoạt động quân sự của phía Pháp trong mùa thu 1953, Na-va cho rằng việc triển khai kế hoạch chiến lược mới của quân Pháp đang trên đà phát triển thuận lợi và kế hoạch tác chiến thu đông của ta đã bước đầu bị phá vỡ. Vì thế, cuộc hành quân Hải Âu đánh ra vùng tự do tây nam Ninh Bình vừa chấm dứt ngày hôm trước, thì ngày hôm sau (7-11-1953) Na-va cho phát đi một bức thư gửi các sĩ quan, binh lính thuộc quyền, trong đó ông ta giải thích: “Tôi có nói với các bạn rằng tôi sẽ nắm quyền chủ động bằng những cuộc hành quân lớn mà tôi sẽ phóng vào lúc và nơi mà tôi sẽ lựa chọn. Cuộc hành quân Hải Âu là đòn đầu tiên trong những đòn mà tôi có ý định đánh vào đối phương. Trong cuộc hành quân đó, chúng ta đã đạt được mục tiêu của chúng ta: lợi thời gian, chúng ta đã buộc Bộ tư lệnh Việt Minh phải xét lại kế hoạch tiến công và sẽ phải sửa đổi lại tới một ngày mà họ mong có thể hoạt động mạnh mẽ. Chúng ta đã nắm quyền chủ động và chúng ta muốn giữ vững quyền đó”¹ Trong cuộc họp báo ngày 7 tháng 11 năm 1953, trung tướng Cô-nhi, tư lệnh quân Pháp ở Bắc Bộ, đã tuyên bố:

1. Thư của tướng Na-va, ngày 7-11-1953.

Tôi xin cải chính, cuộc hành quân Hải Âu không hề nhằm mục đích chiếm đóng vĩnh viễn đất đai. Vùng Nho Quan không có lợi gì cả, ta cũng chưa có ý định chiếm Thanh Hóa. Ta đổ bộ vào duyên hải Thanh Hóa là để đánh lừa Việt Minh mà thôi. Quả nhiên chúng đã bị lừa, ta đã đạt được mục đích. Chúng ta đã thắng lợi, loại trừ được Sư đoàn 320 ra ngoài vòng chiến, giam chân Sư đoàn 304 ở Thanh Hóa, trì hoãn được cuộc tiến công Thu Đông của Việt Minh vào đồng bằng Bắc Bộ, quân đội viễn chinh Pháp đã thành công trong việc mở đầu cho một chiến thuật tiến công mới”¹ Phụ họa những lời tuyên bố của giới quân sự Pháp, các tờ báo xuất bản ở Pa-ri, Sài Gòn, Hà Nội trong thời gian này đều đăng lên trang đầu nhiều bài ca ngợi “thắng lợi rực rỡ” của phía Pháp trong cuộc đánh ra tây nam Ninh Bình. Tờ Pa-ri Prét (Bản tin Pa-ri) đưa ra lời bình luận: “Tướng Na-va đã thắng hiệp đầu trong cuộc đọ sức tay đôi với tướng Giáp”²

Đang trong không khí lạc quan như vậy bỗng nhiên Na-va nhận được báo cáo “Đại đoàn 316 đóng quân ở phía nam Hòa Bình từ ngày 15 tháng 11 sẽ di chuyển về xứ Thái, nơi mà nó đã có sẵn một trung đoàn (trung đoàn 176). Dự kiến Đại đoàn 316 sẽ đến Tuần Giáo vào khoảng từ ngày 7 đến 11 tháng 12 năm 1953”³ Tin này chứng tỏ rằng hướng tiến công chủ yếu của đối phương trong chiến cuộc 1953-1954 không phải là đồng bằng Bắc Bộ như ông ta và bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương đã phán đoán, mà có thể lại chính là Tây Bắc. Và như thế cả Thượng Lào cùng kinh đô Luông Phra Băng đều bị uy hiếp.

Tiếp tục thực hiện chiêu bài độc lập giả hiệu, ngày 22 tháng 10 năm 1953 chính phủ Pháp đã ký với chính quyền tay sai một hiệp ước công nhận Lào là một nước độc lập trong khối liên hiệp Pháp. Việc để mất kinh đô Luông Phra Băng và Thượng Lào ngay khi một hiệp ước “phòng thủ chung” giữa Pháp và Lào vừa được ký kết, có thể dẫn tới những hậu quả chính trị, quân sự khó lường. Suy đi nghĩ lại, cuối cùng Na-va thấy cần phải “đi trước hành động của Đại đoàn 316 bằng cách tăng cường hệ thống bố trí ở xứ Thái, che chở cho Luông Phra Băng”⁴. Để thực hiện ý đồ đó, ngày 2 tháng 11, Na-va chỉ thị cho tướng Cô-nhi chuẩn bị chiếm đóng Điện Biên Phủ bằng một cuộc hành binh không vận vào trước ngày 1 tháng 12 (tức là khoảng 15 ngày, trước khi Đại đoàn 316 có thể đến được vùng này).

Điện Biên Phủ như đã trình bày ở phần thứ nhất là một thung lũng rộng lớn ở phía tây vùng rừng núi Tây Bắc, có chiều dài gần hai mươi kilômét, rộng từ sáu đến tám kilômét, cách Hà Nội khoảng 300 kilômét, cách Luông

1. Theo tin báo *Tia sáng*, Hà Nội, ngày 9-11-1953.

2. *Paris Press*, ngày 2-11-1953.

3, 4. Y-ơ Gơ-ra, *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương* (phần 5: cuộc dương đầu cuối cùng). Nxb Plông, Pari, 1979.

Phra Băng khoảng 200 kilômét đường chim bay. Thung lũng này nằm gần biên giới Việt Lào, trên một ngã ba của nhiều tuyến đường quan trọng (trong đó có đường từ Tuần Giáo chạy sang Lào), có sông Nậm Rốm chảy theo hướng nam bắc đổ xuống sông Nậm Hu và có sân bay Mường Thanh được xây dựng từ năm 1889. Dân số Điện Biên Phủ có hơn hai vạn người của mười một dân tộc khác nhau (Thái, Mông, Xá, Puộc, Lào, Tày, Mường, Nùng, Pú-nọi, Hoa, Kinh).

Theo đánh giá của Na-va và nhiều nhà quân sự Pháp thì Điện Biên Phủ “là một vị trí chiến lược quan trọng chẳng những đối với chiến trường Đông Dương, mà còn đối với miền Đông Nam Á một trục giao thông nối liền các miền biên giới Lào, Thái Lan, Miến Điện và Trung Quốc”¹. Đó là “một cái chìa khóa để bảo vệ Thượng Lào”, một “bàn xoay” có thể xoay đi bốn phía Việt Nam, Lào, Miến Điện, Trung Quốc² Điện Biên Phủ lại là một cánh đồng rộng lớn nhất, đông dân và giàu có nhất vùng Tây Bắc. “Lúa gạo của vùng này có thể nuôi sống từ 20.000 đến 25.000 người trong nhiều tháng”³. Từ Điện Biên Phủ, quân Pháp “có thể bảo vệ được Lào, rồi từ đó đánh chiếm lại các vùng đã mất ở Tây Bắc trong năm 1952-1953 và tạo điều kiện thuận lợi để tiêu diệt các sư đoàn chủ lực của đối phương nếu họ đến đây”

Ý định đưa quân lên chiếm đóng Điện Biên Phủ của Na-va không phải là điều gì mới lạ. Trước đây Xa-lăng đã từng rất mong muốn đưa quân lên chiếm đóng Điện Biên Phủ, nhưng chưa thực hiện được. Tướng Cô-nhi cũng đã đề nghị với Na-va thực hiện điều đó từ tháng 6 năm 1953. Cô-nhi cho rằng “muốn giành chủ động phải chiếm đóng Điện Biên Phủ” Nhưng tới khi Na-va quyết định hành động, thì do lo sợ sẽ thiếu quân để bảo vệ “đồng bằng có ích”, Cô-nhi và một số sĩ quan dưới quyền của ông ta đã có những ý kiến trái ngược hẳn lại.

Ngày 4 tháng 11 năm 1953, đại tá Ba-xchi-a-ni, tham mưu trưởng lục quân Bắc Bộ, đưa ra ý kiến phản đối chủ trương chiếm đóng Điện Biên Phủ với lý do là hiện nay Thượng Lào chưa có hiện tượng gì bị uy hiếp cả. Và cho dù trong trường hợp Thượng Lào có bị uy hiếp, thì ở cái xứ Đông Dương này, người ta không thể chỉ ngăn chặn bước tiến của Việt Minh trên một hướng, đó là khái niệm ở châu Âu, ở đây không có giá trị gì. Đáng lẽ quân Pháp phải được sử dụng tập trung để bảo vệ miền đồng bằng đang bị đe dọa, thì lại bị tung lên một miền rừng núi cách Hà Nội 300 kilômét làm một việc không có tác dụng gì thiết thực cả; “muốn hay không muốn, Điện Biên Phủ cũng sẽ trở thành một vực thẳm nuốt các tiểu đoàn của quân viễn chinh Pháp” Cùng với ý kiến phản đối có tính chiến lược của Ba-xchi-a-ni, các sĩ quan tác chiến, không quân, hậu cần của Bộ tham mưu Bắc Bộ còn đưa ra những khó

1, 3. G. Xa-ba-chi-ê, *Số phận Đông Dương - Kỷ niệm và tư liệu, 1941-1951*, Pa-ri, 1952.

2. Nava, *Đông Dương hấp hối*, Nxb Plông, Pa-ri, 1958.

khăn về chiến thuật, kỹ thuật trong việc nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ và việc phải bảo đảm tiếp tế bằng đường không cho một căn cứ lớn và lại ở cách xa miền đồng bằng như vậy.

Trung tuần tháng 11 năm 1953, sự kiện Đại đoàn 316 bắt đầu chuyển quân lên miền Tây Bắc đã tạm thời chấm dứt cuộc tranh cãi giữa các tướng tá Pháp. Gạt sang một bên những ý kiến bất đồng, trong cuộc họp ngày 17 tháng 11 tại tổng hành dinh quân đội Pháp ở Hà Nội, Na-va quyết tâm giữ vững ý định thực hiện cuộc hành quân Ca-xto chiếm đóng Điện Biên Phủ. Tướng Gin, nguyên chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm Nà Sản được cử làm chỉ huy trưởng cuộc hành quân và như sau này, các tướng tá Pháp đã mô tả lại thì ngay chiều hôm ấy, “tại một dinh thự biệt lập ở Hà Nội, bốn sĩ quan dù, hai phi công cùng với cô thư ký của tướng Cô-nhi đã cho in rô-nê-ô và soạn những mệnh lệnh về cuộc hành quân Ca-xto sẽ được tiến hành vào ngày 18, 19 hoặc 20 tháng 11 năm 1953, tùy theo tình hình thời tiết tốt xấu... Chính họ cũng không biết rằng họ đang làm việc đó để chuẩn bị cho một trong những biến cố vĩ đại sẽ làm đảo lộn phương Tây”¹.

Sau khi đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, ngày 20 tháng 11 năm 1953, cuộc hành binh Ca-xto đánh chiếm Điện Biên Phủ được chính thức khai diễn. Do chỉ tập trung được 60 chiếc Đa-cô-ta vào việc chở quân, đợt đầu (từ 10 giờ 35 phút đến 10 giờ 45 phút) địch thả hai tiểu đoàn dù xuống khu vực lòng chảo Điện Biên Phủ. Chiều 20 tháng 11 và trong các ngày tiếp sau đó chúng thả tiếp bốn tiểu đoàn khác và một đại đội công binh.

Vào thời điểm địch mở cuộc hành binh Ca-xto, về phía ta có trung đoàn bộ trung đoàn 148 và tiểu đoàn 910 đang đóng quân ở Điện Biên Phủ tranh thủ củng cố, huấn luyện và chuẩn bị tiêu diệt vị trí Mường Pồn, phối hợp cùng Đại đoàn 316 tiến đánh Lai Châu. Cuộc nhảy dù của địch có gây bất ngờ cho cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 148. Nhưng tới khi nhận biết được triệu chứng quân địch sắp nhảy dù, bộ đội ta lập tức triển khai lực lượng chiếm giữ các vị trí có lợi và liên tục đánh trả địch suốt sáu tiếng đồng hồ. Đến 16 giờ ngày 20, do thời cơ diệt địch không còn, đạn hết, để bảo toàn lực lượng, cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 148 rút vào rừng và sau đó đã chuyển về Mường Phăng chuẩn bị cho nhiệm vụ mới.

Về phía địch, sau khi thả sáu tiểu đoàn cơ động cùng một khối lượng lớn đạn dược, lương thực và các thiết bị chiến tranh xuống Điện Biên Phủ, quân Pháp bắt tay ngay vào việc xây dựng cấu trúc trận địa và tiến hành các hoạt động tiến công để mở tuyến giao thông đường bộ nối Điện Biên Phủ với Lai Châu và Luông Phra Băng. Ngày 25 tháng 11, theo lệnh của Na-va,

1. Trích theo *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Sdd, tr. 86.

Cre-vơ Cơ - chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Lào sử dụng sáu tiểu đoàn mở cuộc hành binh từ Luông Phra Bông lên khu giải phóng Lào ở lưu vực sông Nậm Hu. Cùng ngày hôm đó, sân bay Mường Thanh được sửa chữa xong và chiếc Đa-cô-ta đầu tiên của quân Pháp đã hạ cánh an toàn xuống khu vực Điện Biên Phủ.

Tiếp sau cuộc hành quân Hải Âu đánh ra vùng tây - nam Ninh Bình, cuộc hành quân Ca-xto chiếm đóng Điện Biên Phủ kết thúc tương đối trót lọt, lại càng làm cho Na-va và Cô-nhi thêm tin rằng quân đội Pháp ở Đông Dương đã trở lại nắm được quyền chủ động tiến công và tình thế trên chiến trường đang nhanh chóng được cải thiện theo chiều hướng có lợi cho phía Pháp. Trong cuộc họp báo ngày 22 tháng 11, Cô-nhi lớn tiếng tuyên bố với các nhà báo rằng cuộc hành binh Ca-xto “không phải là một cuộc nhảy dù biệt kích như Lạng Sơn, đây là khởi đầu của một cuộc tiến công đại quy mô”¹. “Điện Biên Phủ là một điểm chốt. Nếu tập đoàn cứ điểm Nà Sản lấp được trên các bánh xe lăn, có lẽ tôi đã chuyển nó lên Điện Biên Phủ ngay từ khi tôi nhậm chức cách đây 5 tháng”². Trong buổi tiếp đờ đốc Ca-ba-ni-ê ngày 20 tháng 11, mặc dù đã được thông báo chính thức là sẽ không có 9 tiểu đoàn quân tăng viện như Na-va đã yêu cầu, nhưng khi được nghe truyền đạt câu hỏi của tổng thống O-ri-ôn và thủ tướng La-ni-en là “trong lúc quân đội viễn chinh Pháp vừa chiến thắng, trong lúc Triều Tiên vừa ký kết đình chiến có nên đặt vấn đề ngừng bắn không”, Na-va đã trả lời rằng: tốt hơn hết nên chờ kết quả của chiến cuộc mùa đông, tình hình trong mùa xuân tới có thể sáng sủa hơn. Còn đối với việc Đại đoàn 316 đang tiến lên Tây Bắc, thì chỉ cần “một con nhím loại vừa” độ sáu tiểu đoàn như vậy cũng đủ để đối phó.

Có thể thấy rằng, mặc dù bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương đã tung lực lượng cơ động ứng chiến lên vùng rừng núi Tây Bắc, cho tới lúc này cuộc hành binh chiếm đóng Điện Biên Phủ đối với phía Pháp “vẫn còn là một cuộc hành binh thứ yếu có tính chất phòng vệ chiến lược và tính chất chính trị địa phương”³. Phải tới cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 1953 do một chuỗi các quyết định của cả hai bên tham chiến, Điện Biên Phủ mới trở thành một thử thách quyết định mà thực ra tướng Na-va rất muốn tránh trong chiến cuộc 1953-1954.

Ngày 25 tháng 11 năm 1953, bộ chỉ huy Pháp nhận được báo cáo của phòng nhì (quân báo) là đêm qua tướng Giáp đã ra lệnh cho các đại đoàn 308, 312, 351 tiến quân lên miền Tây Bắc (sự thật không đúng như vậy)⁴. Trước đó, Đại đoàn 304 (thiếu một trung đoàn) cũng đã rời khỏi vùng tự do

1, 2. Tuyên bố của Cô-nhi với phóng viên AFP Lơ-cun-tơ ngày 22 tháng 11 năm 1953.

3. Y-ơ Ga-ra, *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương*, Sđd.

4. *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Sđd, tr. 90.

Thanh Hóa. Trung đoàn 66 của Đại đoàn 304 đã tiến vào chuẩn bị phối hợp cùng Đại đoàn 325 hoạt động ở miền Trung Đông Dương. Những tin này đã buộc Na-va và các tướng lĩnh dưới quyền của ông ta phải tìm cách để đối phó.

Lo ngại về những trận đánh lớn có thể sẽ diễn ra ở vùng rừng núi Tây Bắc, Cô-nhi đề nghị một phương án phân tán chủ lực ta bằng các cuộc hành quân tập kích chớp nhoáng đánh lên Phú Thọ, Yên Bái hoặc Thái Nguyên để giữ chủ lực của ta lại. Nhưng đề nghị đó của Cô-nhi không được chấp nhận vì Na-va không tin rằng đối phương lại có thể khắc phục khó khăn bảo đảm tiếp tế được cho bốn đại đoàn chủ lực tác chiến dài ngày ở xa hậu phương như vậy. Suy đi nghĩ lại, Na-va vẫn yên tâm khẳng định rằng chủ lực ta lúc này thực tế vẫn chưa có khả năng đánh diệt các tập đoàn cứ điểm như kiểu Nà Sản và việc chiếm đóng Điện Biên Phủ, tổ chức xây dựng ở đó một tập đoàn cứ điểm mạnh là hoàn toàn chính xác. Còn nếu chủ lực đối phương dám liều lĩnh kéo lên đây, thì quân viễn chinh Pháp cần tương kế, tựu kế biến Điện Biên Phủ thành một pháo đài vững chắc, vừa là một cái chốt, vừa là “một cái bẫy hay một cái máy nghiền, sẵn sàng nghiền nát các sư đoàn thép của đối phương, đồng thời lại vẫn bảo vệ được nước Lào”, ngăn chặn được các cuộc tiến công lớn của chủ lực đối phương vào cái “đồng bằng có ích” Sau khi đã cùng tướng Cô-nhi đáp máy bay lên Điện Biên Phủ xem xét tại chỗ và cho thẩm tra lại một cách kỹ càng những tin tức tình báo về các hướng tiến công của chủ lực đối phương trong đông xuân này, Na-va quyết định chấp nhận giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ. Trong bản chỉ thị gửi Cô-nhi ngày 3 tháng 12 năm 1953. Na-va giao nhiệm vụ cho bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ phải bảo vệ Điện Biên Phủ bằng bất cứ giá nào và đưa thêm lực lượng lên tăng cường phòng ngự, xây dựng Điện Biên Phủ thành một pháo đài bất khả xâm phạm, một cứ điểm mạnh hơn cả Nà Sản. Cụ thể, cần thả dù thêm ba tiểu đoàn cơ động ứng chiến, đưa lực lượng phòng giữ Điện Biên Phủ từ sáu tiểu đoàn lên chín tiểu đoàn bộ binh và khoảng ba tiểu đoàn pháo. Đối với các đơn vị đồn trú ở Lai Châu thì có thể duy trì nếu điều kiện cho phép, hoặc có thể co về tăng cường cho Điện Biên Phủ.

Ngày 5 tháng 12 năm 1953, các đơn vị nhảy dù xuống Điện Biên Phủ được chuyển thành binh đoàn tác chiến Tây Bắc, gọi tắt là GONO (Groupement Opérationnel du Nord Ouest). Vài ngày sau đó, chỉ thị tăng cường thêm ba tiểu đoàn cho Điện Biên Phủ của Na-va cũng đã được thực hiện.

Khi chấp nhận giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ, tướng Na-va vẫn không hề nghĩ rằng nó lại có thể trở thành đòn quyết định nhất của toàn bộ chiến

cuộc 1953-1954. Trung thành với những tư duy chiến lược của mình được thể hiện ở bản “kế hoạch Na-va”, trong một bức thư mật gửi chính phủ Pháp ngày 7 tháng 12 năm 1953, Na-va khẳng định rằng trong chiến cuộc này, ông ta vẫn tập trung sự nỗ lực chiến lược chủ yếu vào miền Trung Việt Nam. Bằng một cuộc hành quân quy mô lớn mang tên Át-lăng, ông ta sẽ chiếm đóng vùng tự do Liên khu 5 và toàn bộ các hoạt động quân sự của phía Pháp trong sáu tháng đầu năm 1954 sẽ phải phụ thuộc vào cuộc hành quân quan trọng đó. Nếu cuộc hành quân Át-lăng thành công thì dù có bị thất bại ở nơi khác, triển vọng chung của cuộc chiến tranh đối với phía Pháp vẫn đáng được coi là tốt đẹp.

Mùa ra quân năm nay diễn ra hết sức khẩn trương và sôi động.

Trung tuần tháng 11 năm 1953, sau khi đã hạ lệnh hành quân cho Đại đoàn 316, đơn vị có vinh dự được đi tiên phong trong cuộc tiến quân lên miền Tây Bắc và nhắc nhở các đơn vị khác chuẩn bị sẵn sàng cơ động, ngày 19 tháng 11 năm 1953 tại một vùng rừng núi Thái Nguyên thuộc căn cứ địa Việt Bắc, Bộ Tổng tư lệnh quân đội ta mở hội nghị cán bộ phổ biến nhiệm vụ quân sự và kế hoạch Đông Xuân 1953-1954. Hội nghị kéo dài trong năm ngày từ 19 đến 23 tháng 11 năm 1953. Tham dự hội nghị có các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Trần Đăng Ninh, Văn Tiến Dũng, Hoàng Văn Thái, cùng đông đảo cán bộ chủ trì các cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng Tổng tư lệnh, cán bộ chỉ huy các chiến trường từ Liên khu 5 trở ra và cán bộ chỉ huy các đại đoàn chủ lực 308, 304, 312, 316, 320, 325, 351. Đại tướng Võ Nguyên Giáp chủ trì hội nghị. Hội nghị đã nghe đồng chí Đại tướng Tổng tư lệnh thay mặt Tổng Quân ủy phổ biến Nghị quyết của Bộ Chính trị và kế hoạch tác chiến của ta trong chiến cuộc Đông Xuân. Các đại biểu về dự hội nghị tích cực tham gia thảo luận từ chủ trương, phương châm chỉ đạo tác chiến tới nhiệm vụ và những yêu cầu cụ thể của từng hướng chiến trường.

Hội nghị họp đến ngày thứ hai thì địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ. Ngay tối hôm ấy Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh đã kịp thời họp bàn để xem xét, đánh giá tình hình. Nhận định và kết luận bước đầu của Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh là:

Địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, mặc dầu ta không phán đoán được cụ thể về địa điểm và thời gian, nhưng cũng nằm trong phạm vi phán đoán trước của ta là nếu Tây Bắc bị uy hiếp thì địch sẽ tăng viện lên hướng đó. Như vậy là trước sự uy hiếp của ta, địch đã phải bị động đối phó, phân

tán một bộ phận lực lượng cơ động lên Điện Biên Phủ để yểm hộ cho Tây Bắc, để che chở cho Thượng Lào, để phá kế hoạch tiến công của ta.

Rồi đây tình hình địch có thể còn biến hóa như thế nào nữa?

Chúng có thể vừa giữ Điện Biên Phủ, vừa giữ Lai Châu, một nơi chính, một nơi phụ, có thể lấy Điện Biên Phủ làm chính.

Nếu bị ta uy hiếp, chúng có thể co về một nơi và tăng viện thêm một chừng nào; cũng chả nhất định co về nơi nào, nhưng khả năng co về Điện Biên nhiều hơn.

Nếu bị ta uy hiếp mạnh hơn, chúng có thể tăng viện nhiều và biến thành một tập đoàn cứ điểm (trong trường hợp này chúng có thể lấy Điện Biên làm nơi thiết lập trận địa), nhưng chúng cũng có thể rút.

Hiện nay ta chưa thể quyết đoán địch sẽ đóng hay rút, sẽ đóng một nơi hay hai nơi, sẽ đóng lâu dài hay trong thời gian ngắn, sẽ tăng viện nhiều hay ít, v.v. Một là vì ta chưa có đủ căn cứ cụ thể để phán đoán âm mưu địch, hai là vì địch cũng có nhiều khó khăn, rút thì mất đất, tăng nhiều thì phân tán quân cơ động và có thể bị tiêu diệt nên chưa nhất định đã có chủ trương dứt khoát, hoặc hiện có chủ trương nhưng khi gặp khó khăn do sự đối phó của ta gây nên cũng có thể thay đổi.

Vô luận rồi đây địch thay đổi thế nào, địch nhả dù xuống Điện Biên Phủ căn bản là có lợi cho ta¹. Vì thế cần phải tìm cách kéo thêm chủ lực của chúng lên Điện Biên Phủ và giữ chúng lại đó.

Từ những nhận định và kết luận trên, Bộ Tổng tư lệnh quyết định Đại đoàn 316 vẫn gấp rút tiến lên đánh địch ở Lai Châu và điều thêm Đại đoàn 308 lên để vây địch ở Điện Biên Phủ. Ở Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang, các đại đoàn 312, 351, và cả Đại đoàn 304 (thiếu) được lệnh phải tuyệt đối giữ bí mật và sẵn sàng đánh trả địch nếu chúng liều lĩnh tiến công lên vùng căn cứ địa của ta².

1. Báo cáo kết luận của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong "Hội nghị cán bộ chiến dịch Đông Xuân" ngày 23 tháng 11 năm 1953. Trích trong tập Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn, tập 3 (chiến dịch Điện Biên Phủ), Bộ Tổng tham mưu xuất bản, năm 1963, tr. 15-16.

2. Ngày 20 tháng 11 năm 1953, Đại đoàn 304 (thiếu một trung đoàn) đã được lệnh rời khỏi vùng tự do Thanh Hóa theo đường Thọ Xuân, Ngọc Lạc, Vạn Mai, Suối Rút, đường số 41 hành quân lên Mộc Châu rồi bí mật chuyển về Phú Thọ tiếp thu vị trí của Đại đoàn 308. Cùng thời gian đó, Đại đoàn 308 đã rời Phú Thọ hành quân gấp lên Tây Bắc để vây địch ở Điện Biên Phủ. Như vậy là ở thời điểm cuối tháng 11, đầu tháng 12, các đại đoàn chủ lực của ta được bố trí như sau: hai đại đoàn (316, 308) đang hành quân lên Tây Bắc. Trung đoàn 66 Đại đoàn 304, trung đoàn 101 và tiểu đoàn 274, trung đoàn 18 Đại đoàn 325 đang tiến sang Trung, Hạ Lào. Trung đoàn 18 đang hành quân trở về vùng sau lưng địch Bình - Trị - Thiên. Còn ba đại đoàn (312, 304 (thiếu), 351) vẫn đang đứng chân ở căn cứ địa Việt Bắc; một đại đoàn (320) đang ở vùng tự do tây - nam Ninh Bình; một trung đoàn (trung đoàn 95 Đại đoàn 325) đang ở vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh.

Ngày 23 tháng 11 năm 1953 Hội nghị phổ biến kế hoạch Đông Xuân kết thúc, cán bộ chỉ huy các đơn vị, các chiến trường nhanh chóng trở về tổ chức, lãnh đạo bộ đội thực hiện nhiệm vụ đã được cấp trên giao cho. Theo sự hướng dẫn của Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu vừa theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch đã được xác định, đồng thời vừa khẩn trương nghiên cứu, xây dựng phương án đánh địch ở Lai Châu và Điện Biên Phủ. Đầu tháng 12 năm 1953, khi Na-va quyết định tiếp nhận cuộc giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ và quyết giữ Điện Biên Phủ bằng bất cứ giá nào, thì phương án tiến công Điện Biên Phủ của ta, về cơ bản cũng đã được dự thảo xong.

Ngày 6 tháng 12 năm 1953, Bộ Chính trị họp nghe Tổng Quân ủy báo cáo quyết tâm tiến công Điện Biên Phủ.

Về tình hình địch và phương hướng chiến dịch, phương án tác chiến của Tổng Quân ủy ghi rõ: “Tuy hiện nay chưa thể khẳng định nhưng muốn bảo đảm thực hiện được quyết tâm của Trung ương là tiêu diệt địch và giải phóng vùng Lai Châu - Phong Xa Lỳ cho đến Luông Phra Băng trong Đông Xuân thì phải nhằm trường hợp địch tăng cường thành tập đoàn cứ điểm mà chuẩn bị.

Trong trường hợp này, trận Điện Biên Phủ sẽ là một trận công kiên lớn nhất từ trước đến nay. Vì vậy, sự chuẩn bị có nhiều khó khăn, cần ráo riết tập trung lực lượng mới làm kịp, nhưng nếu kiên quyết khắc phục khó khăn, hoàn thành được chiến dịch thì thắng lợi này sẽ là một thắng lợi rất lớn”¹.

Về binh lực và thời gian tác chiến, phải sử dụng chín trung đoàn bộ binh và toàn bộ pháo binh, công binh, phòng không và một bộ phận pháo cao xạ, tổng số là 35.000 người. Nếu tính cả Bộ chỉ huy chiến dịch khoảng 1.850 người và 4.000 tân binh bổ sung sẽ đưa lên làm hai đợt thì quân số phải cung cấp cho hỏa tuyến sẽ tăng lên đến 40.850, chưa kể dân công.

Ở trung tuyến (từ Sơn La trở về) quân số bộ đội phải bố trí để bảo vệ tuyến cung cấp có 1.720 người. Quân số tổng quát của chiến dịch là 42.750. Thời gian tác chiến ở Điện Biên Phủ ước độ 45 ngày, nhưng còn tùy tình hình thay đổi, cũng có thể rút ngắn hơn.

Về nhu cầu nhân lực, vật lực: số dân công phải huy động từ trung tuyến trở lên cần khoảng chừng 14.500, gồm cả dân công theo đơn vị, vận tải xe đạp và khuân vác, chưa kể số dân công của Hội đồng cung cấp mặt trận.

1. Báo cáo của Tổng Quân ủy trình Bộ Chính trị ngày 6 tháng 12 năm 1953. Lưu trữ Bộ Quốc phòng, hồ sơ 109, phòng Quân ủy Trung ương.

Thời gian phục vụ ở mặt trận ước trên dưới ba tháng. Gạo, từ trung tuyến trở ra cần 4.200 tấn, chưa kể số gạo phải huy động cho dân công của Hội đồng cung cấp mặt trận. Thực phẩm cần 100 tấn rau khô, 100 tấn thịt, 80 tấn muối, 12 tấn đường, tất cả các thứ này chủ yếu sẽ đưa từ Thanh Hóa lên. Đạn dược cần độ 300 tấn, nhưng chỉ cần vận chuyển ra hỏa tuyến trên 170 tấn. Số này có thể rút xuống vì có thể dùng một phần đạn dược lấy của địch trong đợt một và một phần của ta còn lại.

Về tình hình đường sá và kế hoạch vận chuyển: Vấn đề làm đường và sửa đường là vấn đề quan trọng nhất trong các công tác chuẩn bị cho chiến dịch, nhưng hiện nay các con đường cần thiết cho chiến dịch đều rất xấu. Đường số 13 từ Yên Bái đi Tạ Khoa tuy được báo cáo là đã hoàn thành vào đầu tháng 11 và sau đó đã được tu bổ thêm, nhưng thực tế thì chưa đủ tiêu chuẩn cho xe kéo pháo chạy qua. Nhiều quãng đường cong còn rất hẹp, xe kéo pháo không thể qua được. Từ kilômét 50 đến kilômét 70 còn nhiều đoạn lầy, có đoạn dài tới một kilômét, xe đi một giờ chỉ được hơn năm kilômét. Số dân công huy động vào việc tu bổ con đường này đến cuối tháng 11, mới chỉ đạt bảy mươi phần trăm nhu cầu. Đường số 41 từ Mộc Châu đi Lai Châu có nhiều đoạn hiểm trở, hiện nay muốn cho xe kéo pháo đi được thì phải sửa chữa lại rất nhiều, nhưng số dân công lại thường xuyên thiếu. Còn đoạn đường từ Tuần Giáo đi Điện Biên Phủ thì do đã lâu năm không dùng đến nên hiện nay hư hỏng rất nhiều. Lực lượng công binh của ta đang bắt đầu sửa chữa. Nhưng vì đoạn đường này dài (84 kilômét) và quá xấu, có nhiều đoạn bị sụt lở nặng, mặt đường chỉ còn khoảng một mét, nên cũng phải mất nhiều thì giờ, công sức mới có thể hoàn thành được.

Tổng Quân ủy kiến nghị: Muốn bảo đảm sự thực hiện quyết tâm của Trung ương là giải phóng Lai Châu Phong Xa Lý, vấn đề mấu chốt hiện nay trong công tác chuẩn bị là bảo đảm đường sá. Cần phải tập trung khả năng và có kế hoạch cụ thể để tích cực giải quyết ngay từ bây giờ, chậm lắm là đến cuối tháng Giêng năm 1954, cần phải bảo đảm cho xe kéo pháo chạy được.

Sau khi nghe báo cáo quyết tâm của Tổng Quân ủy, Bộ Chính trị phân tích và kết luận: Về địch, Điện Biên Phủ sẽ là một tập đoàn cứ điểm mạnh, nhưng chúng có cái yếu cơ bản là bị cô lập, mọi việc tiếp viện, tiếp tế đều phải dựa vào đường không. Về ta, với chất lượng đã được nâng cao thêm một bước trong chỉnh huấn, chỉnh quân, với những kinh nghiệm sẵn có và sự tiến bộ về trang bị kỹ thuật, quân đội ta tới đây đã có thể đánh được tập đoàn cứ điểm. Vấn đề đường sá tiếp tế cho chiến dịch đúng là một khó khăn rất lớn. Nhưng với quyết tâm của toàn Đảng, cả hậu phương đang chuyển động

manh trong cải cách ruộng đất sẽ tập trung toàn lực chi viện cho tiền tuyến và nhất định bảo đảm cung cấp cho chiến dịch.

Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất trí thông qua phương án tác chiến của Tổng Quân ủy.

Trong khi cơ quan tham mưu chiến lược của ta đang tập trung xây dựng phương án tiến công địch thì cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn 316 và 308 vẫn đang gấp rút tiến lên thực hiện nhiệm vụ đánh địch ở Lai Châu, vây địch ở Điện Biên Phủ.

Đêm 7 tháng 12 năm 1953, đại đoàn bộ Đại đoàn 316 và trung đoàn 174 hành quân tới ngã ba Tuần Giáo, còn trung đoàn 98 mới hành quân tới bên kia đèo Pha Đin. Một ngày trước đó, lo sợ ta bị chia cắt lực lượng, Cô-nhi vội vã ra lệnh cho quân lính rút toàn bộ lực lượng khỏi Lai Châu, tập trung về tăng cường phòng ngự Điện Biên Phủ. Kế hoạch tháo chạy khỏi Lai Châu được Cô-nhi đặt tên là cuộc hành quân Pôn-luych, một bộ phận được chuyên chở bằng máy bay, số còn lại rút theo đường bộ và ngày 18 tháng 12 năm 1953 sẽ rút xong. Tuy việc rút quân khỏi Lai Châu, thực ra cũng đã được cả Na-va và Cô-nhi tính đến từ trước, nhưng do sự xuất hiện nhanh chóng của Đại đoàn 316 trên vùng rừng núi Tây Bắc, quyết định này của Cô-nhi đã “được đưa ra đột ngột đến nỗi binh đoàn biệt kích hỗn hợp không vận không có đủ thời gian để tập hợp 25 đại đội phụ lực người Thái đang được bố trí rải rác trong rừng rậm. Binh đoàn này chỉ có thể báo tin cho họ qua vô tuyến điện là phải chạy về Điện Biên Phủ một cách nhanh nhất”¹. Và để tới đích chúng sẽ phải vượt qua đoạn đường khoảng 100 kilômét và chắc chắn là sẽ rất nguy hiểm.

Được tin địch rút, ngay trong đêm mùng 7 tháng 12, sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh², lập tức chỉ thị cho Đại đoàn 316 nhanh chóng cho một bộ phận theo đường số 41 đánh thẳng vào thị xã Lai Châu, còn đại bộ phận lực lượng phải tập trung cắt đứt cho bằng được đường Lai Châu Điện Biên Phủ để chặn đánh, tiêu diệt bọn địch đang rút chạy bằng đường bộ. Đồng thời Bộ cũng đôn đốc Đại đoàn 308 khẩn trương tiến lên bao vây địch ở Điện Biên Phủ.

1. Y-vơ Gơ-ra, *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương*, Sdd.

2. Sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh lúc này được đặt ở hang Thẩm Púa, gần kilômét 15 trên đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ, do đồng chí Hoàng Văn Thái, Phó Tổng tham mưu trưởng và Lê Liêm, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị phụ trách. Hang Thẩm Púa cách Điện Biên Phủ gần 70 kilômét và cách Lai Châu khoảng 110 kilômét đường bộ.

Căn cứ vào nhiệm vụ trên giao và tình hình cụ thể của đơn vị, đồng chí Lê Quảng Ba, đại đoàn trưởng và đồng chí Chu Huy Mân, chính ủy Đại đoàn 316 quyết định sử dụng tiểu đoàn 439 dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Phạm Quang Vinh, phó chính ủy trung đoàn 98 tiến đánh Lai Châu. Đại đoàn bộ cùng với trung đoàn 174, tiểu đoàn 215 và trung đoàn bộ trung đoàn 98 tiếp tục hành quân theo đường Tuần Giáo - Điện Biên, đến Nà Tấu sẽ xuyên rừng vượt đèo Pa Thông, cắt đường Lai Châu - Điện Biên Phủ ở quãng Pu San - Mường Pôn. Còn tiểu đoàn 938 trung đoàn 98 tạm dừng lại làm nhiệm vụ bảo vệ Tuần Giáo đề phòng địch nhảy dù tập kích vào phía sau, phá hậu phương trực tiếp của chiến dịch.

Tuy đã 20 đêm liền hành quân nhưng toàn đại đoàn vẫn náo nức bắt tay ngay vào cuộc đuổi đánh địch.

Trên đường tiến quân vào thị xã Lai Châu đêm 9 tháng 12 năm 1953, tiểu đoàn 439 được sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh dùng xe chở gạo chở bộ đội đến Nậm Mực (cách Tuần Giáo 45 kilômét). Vì đoạn đường tiếp theo quá xấu, ô tô không thể đi được, cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn 439 lại xuống xe tiếp tục hành quân bộ. Tối mồng 10, đơn vị tiến đến Pa Ham (cách thị xã Lai Châu 32 kilômét). Pa Ham có một đồn nhỏ của địch, nhưng khi nghe tin chủ lực ta đang tiến đánh Lai Châu, địch vội vàng rút một số vị trí lẻ co cụm về đây, nên quân số trong đồn đã tăng lên tới ba đại đội.

22 giờ, tiểu đoàn 439 nổ súng tiến công Pa Ham, sau nửa giờ cầm cự, binh lính địch bỏ đồn tháo chạy. Tiểu đoàn 439 phát triển tiếp lên đánh chiếm đèo Cơ-la-vô. Đèo này nằm cách thị xã Lai Châu 14 kilômét, địa thế rất hiểm trở. Bình thường chỉ cần một đại đội chốt giữ thì hàng trung đoàn cũng khó vượt qua được. Nhưng hoảng sợ trước thế mạnh của ta, nên khi cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn 439 vừa xuất hiện địch đã vội vã tháo chạy.

24 giờ ngày 11 tháng 12 năm 1953, tiểu đoàn 439 đến sát thị xã Lai Châu. Được đồng bào địa phương hướng dẫn, bộ đội ta vượt qua cầu sắt liên tiếp đánh bật địch ra khỏi các vị trí, hoàn thành việc giải phóng thị xã Lai Châu vào chiều ngày 12.

Trong khi tiểu đoàn 439 tiến đánh Lai Châu thì bộ phận lực lượng chủ yếu của Đại đoàn 316, sau bốn ngày hành quân gian khổ đã từ Tuần Giáo tới đường Điện Biên Phủ - Lai Châu. Trung đoàn 174 bố trí ở khu vực Mường Muôn, Mường Pôn, đón đánh quân địch từ Lai Châu chạy về. Trung đoàn 98 tiến xuống Pu San chặn đánh bọn địch từ Điện Biên Phủ kéo ra. Tiểu đoàn 888 trung đoàn 176, theo nhiệm vụ đã được giao từ trước, tiếp tục hoạt động bám địch ở phía Him Lam - Bản Tấu.

Sáng ngày 12, đại đội 674 tiểu đoàn 251 dẫn đầu đội hình trung đoàn 174 tiến xuống Mường Pôn. Phát hiện trong bản có nhiều địch từ Lai Châu chạy về đang tạm dừng ở đó, đại đội 674 tổ chức bao vây. Bọn địch có máy bay từ Điện Biên Phủ lên bắn phá yểm hộ, ráo riết phản kích phá vây. Mặc dù lực lượng ít, lại ở vào một địa thế không có lợi phải từ dưới thấp đánh lên điểm cao, nhưng với quyết tâm chặn bằng được quân địch tạo điều kiện cho lực lượng tiếp sau kịp tiến lên tiêu diệt chúng, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 674 chiến đấu dũng cảm đánh lui nhiều đợt phản kích của địch. Chiến sĩ liên lạc Bé Văn Đàn mang lệnh đến cho tiểu đội Chu Văn Pù giữa lúc cả tiểu đội chỉ còn bốn người đang phải chặn đánh một cánh quân địch đông gấp nhiều lần. Địch từ trên cao tràn xuống. Chu Văn Pù có khẩu trung liên trong tay nhưng không tìm được chỗ đặt súng để bắn ngược lên. Bé Văn Đàn lao tới nhấc hai chân súng đặt lên vai mình và giục đồng đội bắn... Người chiến sĩ dũng cảm đó hy sinh, nhưng đợt phản kích của địch đã bị chặn đứng.

Trong cả ngày 12, lực lượng địch tạm dừng ở Mường Pôn vẫn bị đại đội 674 vây chặt. Táng sáng ngày 13, có đại đội 317 kịp đến tiếp sức, bộ đội ta đã hoàn toàn làm chủ Mường Pôn, loại khỏi vòng chiến đấu hai đại đội thuộc tiểu đoàn nguy số 301 và một đại đội vận tải, diệt tại chỗ 95 tên, bắt sống 52 tên khác, thu nhiều vũ khí và lựu đạn.

Cũng trong những ngày này, hai tiểu đoàn địch (tiểu đoàn dù lê-dương số 1 và tiểu đoàn dù nguy số 5) từ Điện Biên Phủ kéo ra đón cánh quân ở Lai Châu rút về đã bị tiểu đoàn 888 chặn đánh ở Bản Tấu, loại khỏi vòng chiến gần một trăm tên. Trưa ngày 13, các lực lượng còn lại của hai tiểu đoàn này mò ra được tới Pu San (đông nam Mường Pôn bốn kilômét). Tại đây, sau nhiều lần tổ chức xung phong đánh chiếm điểm cao 1.168 (một điểm cao không chế rất lợi hại đang được các chiến sĩ tiểu đoàn 215 và đại đội phòng không 677 chốt giữ) không thành công, hai tiểu đoàn dù này vội vã rời Pu San, tháo chạy trở về Điện Biên Phủ. Trong những ngày sau đó, mặc dù máy bay địch đã giội nhiều bom đạn để chặn bước tiến của các chiến sĩ Đại đoàn 316, nhưng cũng không cứu nổi các cánh quân của chúng đang bị đánh tan tác trong rừng.

Qua 12 ngày đêm liên tục chiến đấu, truy kích, bao vây, tập kích trên miền rừng núi Tây Bắc hiểm trở, Đại đoàn 316 đã tiêu diệt và bức hàng 24 đại đội địch, giải phóng toàn bộ khu vực Lai Châu, uy hiếp Điện Biên Phủ từ phía bắc. Thắng lợi của chiến dịch giải phóng Lai Châu là kết quả mở đầu xuất sắc của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân.

Tuy đã bị thiệt hại nặng ở Lai Châu và biết rằng một số đơn vị của ta đang tiếp tục tiến lên Tây Bắc, Na-va vẫn chưa thấy được mối nguy hiểm

sắp đến đối với Điện Biên Phủ. Ông ta vẫn đặt nhiều kỳ vọng vào “cái bẫy”, “cái máy nghiền” sẵn sàng nghiền nát các sư đoàn thép của đối phương và quyết tâm giữ nó bằng bất kỳ giá nào. Ngày 22 tháng 12 năm 1953, một lần nữa Na-va lại quyết định tăng cường thêm cho Điện Biên Phủ ba tiểu đoàn bộ binh và một đại đội xe tăng nhẹ, đưa lực lượng của binh đoàn tác chiến Tây Bắc (GONO) lên 12 tiểu đoàn và bảy đại đội bộ binh lẻ, hai tiểu đoàn và ba đại đội pháo, một đại đội xe tăng nhẹ, một đại đội vận tải với tổng quân số là 12.000 người.

Sau đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ đã trở thành nơi tập trung binh lực thứ hai của địch trên toàn chiến trường Đông Dương. Tuy vẫn quyết tâm giữ Điện Biên Phủ đến cùng, nhưng để đề phòng những trường hợp bất trắc, Na-va đã chỉ thị cho Cô-nhi và Cre-voer Cơ bí mật chuẩn bị một kế hoạch rút lui khỏi Điện Biên Phủ. Ngày 23 tháng 12 năm 1953, binh đoàn tác chiến Tây Bắc (GONO) cho một cánh quân vượt biên giới, sang bắt liên lạc với quân của Cre-voer Cơ ở Xốp Nao (Thượng Lào) rồi rút ngay về Điện Biên Phủ. Nhưng bốn ngày sau đó, khi trung đoàn 36 Đại đoàn 308 đã cơ động lên chốt ở Pom Lót, hình thành thế bao vây địch ở phía nam thì tuyến giao thông đường bộ nối giữa Điện Biên Phủ và Thượng Lào cuối cùng đã bị cắt đứt.

ĐÒN TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC Ở TRUNG LÀO VÀ SỰ CHUẨN BỊ CHO TRẬN QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC ĐIỆN BIÊN PHỦ

Một trong những chủ trương lớn của ta trong kế hoạch tác chiến chiến lược Đông Xuân 1953-1954 là đề nghị với quân giải phóng Pa-thét Lào phối hợp cùng bộ đội tình nguyện Việt Nam mở cuộc tiến công địch ở Trung, Hạ Lào nhằm thu hút quân cơ động Pháp, phá thế tập trung quân của tướng Na-va ở đồng bằng Bắc Bộ, tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực tinh nhuệ của chúng, mở rộng và củng cố vùng giải phóng Trung, Hạ Lào xây dựng cơ sở kháng chiến lâu dài và đánh thông hành lang chiến lược Bắc Nam, phối hợp chặt chẽ với chiến trường chính Tây Bắc và các chiến trường khác giành thắng lợi lớn trong Đông Xuân.

Lực lượng ta tham gia tiến công địch ở Trung, Hạ Lào gồm trung đoàn 66 Đại đoàn 304, trung đoàn 101 và trung đoàn 18 Đại đoàn 325 (trung đoàn 18 đến giai đoạn hai mới đưa toàn bộ lực lượng sang Trung Lào) cùng các đơn vị quân tình nguyện của Liên khu 4, 5 đã sang phối hợp với bạn hoạt động từ những năm trước. Để thống nhất việc lãnh đạo, chỉ huy các lực lượng của ta và bạn cùng hoạt động trên chiến trường này, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và Bộ chỉ huy tối cao các lực

lượng vũ trang yêu nước Lào quyết định thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch Trung Lào lấy mật danh là “mặt trận D” Đồng chí Hoàng Sâm, đại đoàn trưởng Đại đoàn 304, đồng chí Trần Quý Hai, chính ủy kiêm đại đoàn trưởng Đại đoàn 325, đồng chí Võ Thúc Đồng, chính ủy Liên khu 4 được cử tham gia Bộ chỉ huy Liên quân.

Cuối tháng 11 năm 1953, các lực lượng của Đại đoàn 325 và 304 tham gia chiến dịch Trung Lào, chia làm ba cánh hành quân sang nước bạn: Cánh thứ nhất gồm trung đoàn 66, trung đoàn 101 và tiểu đoàn 274 trung đoàn 18 và đại đoàn bộ Đại đoàn 325 hành quân theo tỉnh lộ vào tới Chu Lệ, Hương Khê rồi vượt đèo Quắc và dốc Trìm Trẹo sang miền Bắc Trung Lào. Cánh thứ hai, trung đoàn 18 (thiếu) theo đường số 1 tới Kỳ Anh, vượt đèo Móng Gà sang Cổ Càng, Lê Sơn rồi tiến vào vùng bắc đường số 9 (Quảng Trị) theo đường Ba Rền, U Bò. Cánh thứ ba, tiểu đoàn 436 trung đoàn 101 theo đường mòn xuyên Trường Sơn tiến thẳng vào hướng nam.

Địa hình miền Trung bán đảo Đông Dương giống như một mái nhà khổng lồ mà nóc là dãy Trường Sơn, mái phía đông là Trung Bộ Việt Nam, mái phía tây là Trung, Hạ Lào. Các nhà chiến lược phương Tây coi chiến trường Trung, Hạ Lào là một trong những địa bàn chiến lược quan trọng đối với toàn bán đảo Đông Dương và vùng lục địa Đông Nam châu Á, đặc biệt là các khu vực đường số 12, đường số 9 (Trung Lào) và cao nguyên Bô-lô-ven (Hạ Lào). Nắm được các địa bàn này quân Pháp sẽ tạo được thế chia cắt chiến lược trên toàn Đông Dương và là một bàn đạp tiến công rất lợi hại.

Từ ngày trở lại gây chiến tranh xâm lược ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, thực dân Pháp vẫn cho Trung, Hạ Lào là vùng hậu phương của chúng. Do các lực lượng kháng chiến chưa lần nào mở các cuộc tiến công lớn ở đây nên việc tổ chức phòng thủ của địch còn rất sơ hở, chủ yếu chúng dùng quân ngụy Lào đóng rải rác trên các trục đường số 8, 12, 9, 13, 23... Đầu tháng 12 năm 1953, phát hiện thấy chủ lực ta đang tiến sang Trung Lào, Na-va vội vã điều sáu tiểu đoàn bộ binh (binh đoàn cơ động số 2 và 3) và một tiểu đoàn pháo từ đồng bằng Bắc Bộ sang tăng cường cho mặt trận Trung Lào. Chúng chia lực lượng ra bố trí thành ba cụm phòng thủ, nhằm bịt các cửa ngõ, ngăn chặn quân ta từ phía đông đánh sang.

Cụm A ở khu vực Na Pê, Cam Cốt, Lạc Sao (đường số 8) gồm tiểu đoàn Ta-bo số 9 và một đại đội pháo 105.

Cụm B ở Ba-na-phào, Nhom-ma-lát (đường số 12) gồm hai tiểu đoàn bộ binh Ma-rốc số 1 và 2, trung đoàn 1, tiểu đoàn bộ binh Ma-rốc số 2 trung đoàn 4, tiểu đoàn bộ binh An-giê-ri số 27 và một tiểu đoàn pháo 105 thuộc trung đoàn pháo binh An-giê-ri số 69.

Cụm C ở Nậm The-un có tiểu đoàn bộ binh cơ giới Xpa-hi số 6 làm lực lượng dự bị.

Các đơn vị ứng chiến Pháp và Âu - Phi trên đây đều là những đơn vị từng trải trên chiến trường miền Trung, mới được chuyển ra đồng bằng Bắc Bộ theo kế hoạch tập trung quân xây dựng lực lượng cơ động mạnh của Na-va. "Chọn mặt gửi vàng", Na-va đã điều đích danh các đơn vị đó trở lại miền Trung với hy vọng chúng sẽ nhanh chóng làm chủ được chiến trường. Từ khi đặt chân tới Trung Lào, các binh đoàn cơ động số 2 và 3 ráo riết củng cố, mở rộng các vị trí án ngữ thành những cứ điểm kiên cố, vừa thường xuyên tổ chức hành quân thăm dò, thọc sâu vào các vùng căn cứ du kích Trung Lào và vùng biên giới Việt - Lào để phát hiện những hoạt động của ta.

Về phía Liên quân Lào - Việt, căn cứ vào chủ trương chung và trên cơ sở nghiên cứu, phân tích tình hình địch, Bộ chỉ huy Liên quân quyết định kế hoạch tác chiến đợt 1 của chiến dịch là:

Tập trung lực lượng cả 2 trung đoàn 66 và 101 (thiếu) tiến công cụm phòng thủ then chốt của địch trên đường số 12 (hướng tiến công chủ yếu của chiến dịch). Trung đoàn 66 đánh cứ điểm Mụ Giạ, Ba-na-phào. Trung đoàn 101 phục kích đánh viện trên đường số 12 quãng giữa Thà Khẹt và Ba-na-phào. Hướng phát triển tiếp theo của hai đơn vị là theo đường số 12 đánh về Nhom-ma-rát, giải phóng miền đông tỉnh Khăm Muộn.

Tiểu đoàn 319 trung đoàn 101 cùng bộ đội bạn đánh Na Pê, Lạc Sao, Cam Cốt (hướng tiến công thứ yếu của chiến dịch). Sau đó phát triển theo trục đường số 8, đánh xuống đường số 12.

Tiểu đoàn 436 trung đoàn 101 - mũi thọc sâu của chiến dịch đánh xuống Hạ Lào, tạo bàn đạp cho lực lượng lớn của ta phát triển xuống phía nam.

Trung đoàn 18 (thiếu một tiểu đoàn) giai đoạn đầu phối hợp với lực lượng vũ trang Bình Trị Thiên đánh địch ở đường số 9 Quảng Trị, cắt đứt tuyến giao thông chiến lược Đà Nẵng - Huế - Đông Hà - Xa-van-na-khết. Tiếp đó theo đường 9 số phát triển sang đánh địch ở Trung, Hạ Lào.

Về phương châm chỉ đạo tác chiến và cách đánh, để đạt được yêu cầu của nhiệm vụ trong điều kiện chiến trường rộng, lực lượng ta không có ưu thế hơn lực lượng địch, ta cần phải hành động hết sức bí mật, bất ngờ, đánh chắc thắng. Chỉ đánh các vị trí trọng yếu, hết sức tranh thủ tiêu diệt địch trong vận động. Từ đánh quy một bộ phận sinh lực tinh nhuệ của địch trong vận động, tiến lên giải phóng một bộ phận đất đai. Hết sức giữ gìn lực lượng để đánh liên tục, đánh dài hơi, kết hợp giữa tác chiến với địch vận, kết hợp tác chiến với vận động quần chúng, cùng các lực lượng tại chỗ xây dựng các vùng mới giải phóng thành căn cứ kháng chiến của cách mạng Lào.

Theo kế hoạch thì ngày 23 tháng 12 năm 1953 trung đoàn 66 sẽ nổ súng tiến công cứ điểm Mụ Giạ, Ba-na-phào, mở màn chiến dịch, nhưng một tình huống bất ngờ đã làm cho thời điểm nổ súng của chiến dịch diễn ra sớm hơn.

Thực hiện nhiệm vụ của Bộ chỉ huy Liên quân giao cho, sáng ngày 20 tháng 12 đoàn cán bộ trung đoàn 101 do các đồng chí Trần Văn Bành - trung đoàn trưởng và Hoàng Văn Thái - chính ủy dẫn đầu tiến ra đường số 12 trinh sát thực địa. Đi tới suối Nậm Ôn bộ đội ta chạm trán với một toán địch đang lùng sục vào khu vực này và đã bắt sống được tên đại úy Guy cùng bốn lính Âu Phi khác. Theo lời khai của Guy và binh lính của hắn thì quân Pháp ở cụm phòng thủ đường số 12 lo sợ cứ điểm Mụ Giạ và Ba-na-phào bị uy hiếp, cách đây bốn hôm đã cho tiểu đoàn cơ động An-giê-ri số 27 (27^eBTA) và một đại đội 105 từ Thà Khết, Nhom-ma-rát lên xây dựng thêm một cứ điểm mới ở khu vực cầu Khăm He. Bọn chỉ huy binh đoàn cơ động số 2 cũng lên thiết lập sở chỉ huy nhẹ ở khu vực cầu Kha Ma (đường số 12).

Nắm vững thời cơ quân địch đứng chân chưa vững, cán bộ chỉ huy trung đoàn 101 quyết định chuyển từ chuẩn bị phục kích sang khẩn trương tập kích tiêu diệt tiểu đoàn Âu-Phi ở cứ điểm Khăm He và điện báo cáo Bộ chỉ huy Liên quân đề nghị thay đổi quyết tâm chiến đấu của đơn vị.

Cơ hội diệt địch tới làm nức lòng cán bộ, chiến sĩ 101. Không khí chuẩn bị chiến đấu ở khắp các đơn vị tấp nập hẳn lên. Mọi người đều bỏ bớt trang bị nặng để vận động cho gọn và lập tức lên đường. Đội hình hành quân chiến đấu của trung đoàn bố trí theo thứ tự: trung đội trinh sát và một đại đội bộ binh đi đầu dẫn đường, gặp địch là đánh ngay. Cán bộ chỉ huy trung đoàn, cán bộ tham mưu tác chiến, các đồng chí tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng đi với phân đội trinh sát để tiện việc hạ quyết tâm chiến đấu khi gặp địch. Tiếp sau là đội hình hành quân của đơn vị do các đồng chí cấp phó chỉ huy. Toàn trung đoàn tiến quân theo hướng đường số 12.

Xuống tới chân đèo Phu-ắc, trung đoàn gặp một toán Âu-Phi chốt chặt trên một quả đồi ven đường. Đại đội đi đầu lập tức hình thành thế bao vây tiêu diệt toán địch. Trời vừa tối, toàn trung đoàn đã ra tới mặt đường.

Trong khi cán bộ, chiến sĩ 101 đang khẩn trương vận động thì những tên địch thoát chết ở suối Nậm Ôn và đèo Phu-ắc chạy về cứ điểm Khăm He mang theo những tin "không vui" về sự xuất hiện bất ngờ của chủ lực ta. Bọn chỉ huy cứ điểm vội vã phát lệnh báo động và thúc quân hối hả tăng cường bố trí phòng thủ.

Không cho quân địch trên cụm phòng thủ đường số 12 kịp trở tay đối phó, ngay trong đêm 21, bộ đội 101 hoàn thành công tác chuẩn bị ngay trong quá

trình bí mật tiếp cận mục tiêu và nổ súng tiến công. Cứ điểm rộng, lực lượng địch đông, lính Âu-Phi ngoan cố dựa vào hệ thống công sự trong cứ điểm chống cự lại. Các phân đội theo kế hoạch hiệp đồng từ trước, sau khi thọc sâu diệt mục tiêu liền tỏa rộng, chia cắt địch thành từng mảnh nhỏ, phối hợp trong đánh ra, ngoài đánh vào. Tới rạng sáng, trận đánh kết thúc. Hầu hết binh lính thuộc tiểu đoàn An-giê-ri số 27 và đại đội pháo 105 bị tiêu diệt tại trận. Hơn 60 tên bị bắt sống. Trung đoàn 101 hoàn toàn làm chủ trận địa, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng, trong đó có 4 khẩu pháo 105 nguyên vẹn cùng hàng nghìn viên đạn pháo.

Để dân công hỏa tuyến cùng bộ đội tận thu vũ khí địch và vận chuyển pháo, đạn ra ngoài rừng cất giấu, trung đoàn 101 cho lực lượng lên bố trí hai đầu đường sẵn sàng chặn địch từ Ba-na-phào, Nhom-ma-rát kéo tới.

11 giờ trưa ngày 22, không thể ngờ bộ đội ta sau khi diệt xong mục tiêu vẫn trụ lại chiến trường, tên thiếu tá Pháp chỉ huy cứ điểm Ba-na-phào đích thân dẫn một đại đội thuộc tiểu đoàn bộ binh Ma-rốc số 2 trung đoàn 4 tiến xuống Khăm He tiếp cứu cho đồng bọn. Rơi vào trận địa phục kích của tiểu đoàn 274, chúng đã bị diệt gọn, viên thiếu tá Pháp bị giết chết tại trận. Ta thu một xe jeep cùng nhiều tài liệu quý trong đó có tấm bản đồ phòng thủ Trung Lào.

Chiều ngày 22, trung đoàn 101 chuyển lực lượng xuống tiến công vị trí Kha Ma. Cùng thời gian đó, bọn chỉ huy binh đoàn cơ động số 2 được tin tiểu đoàn 27^e BTA bị tiêu diệt, vội vã điều lính Ma-rốc lên đóng thêm trên các dãy đồi phía bắc đường số 12 dựa vào các địa thế có lợi cấu trúc trận địa và rời sở chỉ huy về Nhom-ma-rát. Nhưng dù đã tăng cường phòng thủ, số phận bọn lính Âu-Phi ở Kha Ma cũng không hơn gì đồng bọn của chúng ở Khăm He.

Đêm 22, trung đoàn 101 tiến tới Bản Bo. Cán bộ cơ sở của bạn và nhân dân Lào yêu nước ở quanh vùng nghe tin quân ta tiến xuống, đã ra đường chờ bắt liên lạc, cung cấp nhiều tin tức quan trọng về địch và địa hình khu vực Kha Ma. Được nhân dân dẫn đường, đơn vị lập tức áp sát Kha Ma, dàn thế trận bao vây. Tất cả công tác chuẩn bị đều được hoàn thành trong đêm. Trời vừa sáng, toàn đơn vị bắt đầu nổ súng rồi đồng loạt xông lên, áp đảo quân địch ngay từ phút đầu. Sau 5 giờ chiến đấu quyết liệt, toàn bộ vị trí Kha Ma đã bị ta đánh chiếm. Xác địch nằm ngổn ngang trên khắp trận địa. Hơn 90 tên lính Ma-rốc bị bắt sống. Bọn sống sót tháo chạy thục mạng về thị trấn Nhom-ma-rát.

Chưa đầy 30 giờ đồng hồ, trung đoàn 101 đã thắng liên ba trận, tiêu diệt gọn 1 tiểu đoàn và 2 đại đội Âu-Phi, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn Âu-Phi

khác, xóa bỏ 2 cứ điểm lớn do quân cơ động Pháp vừa dựng lên ở Khăm He và Kha Ma. Thắng lợi đó làm cho cục diện chiến trường Trung Lào thay đổi nhanh chóng và làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch ở Trung Lào. Bị đòn tiến công táo bạo, bất ngờ của chủ lực ta làm cho choáng váng và thấy tinh thần của binh lính Pháp trên tuyến phòng thủ phía đông đã bị suy sụp, Bộ chỉ huy Pháp ra lệnh cho các đơn vị chiếm giữ đường số 8, đường số 12 rút nhanh về thị xã Thà Khẹt và thị xã Xa-van-na-khẹt cố thủ, giữ phòng tuyến Mê Công.

Thời cơ tiêu diệt lớn quân địch, giải phóng địa bàn xuất hiện sớm hơn dự kiến. Phát hiện được ý định chuẩn bị rút chạy khỏi đường số 12 và đường số 8 của địch, Bộ chỉ huy Liên quân chỉ thị cho trung đoàn 66, tiểu đoàn 319, các đơn vị quân tình nguyện Liên khu IV và bộ đội Pa-thét Lào gấp rút đánh vào các mục tiêu quy định. Trung đoàn 101 thừa thắng đánh thẳng xuống thị trấn Nhom-ma-rát.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, đêm 23 tháng 12, trung đoàn 66 tiến vào bao vây vị trí Mụ Giạ và Ba-na-phào. Nhưng quân địch ở các vị trí này đã bỏ đồn tháo chạy về hướng Pà Cuội từ buổi chiều. Lo sợ bị ta đuổi đánh, quân Pháp bắt một toán lính địa phương ở lại đồn đốt lửa và thỉnh thoảng gây vài tiếng nổ làm như vẫn còn lực lượng lớn ở đó để nghi binh lừa ta. Khi trung đoàn 66 phát hiện ra âm mưu xảo trá đó thì tiểu đoàn Ma-rốc đã chạy trước được một ngày.

Một cuộc săn đuổi diệt địch vô cùng khẩn trương diễn ra trên khắp các địa bàn tỉnh Khăm Muộn. Kiên quyết không để cho tiểu đoàn Ma-rốc số 2 trung đoàn 4 yên ổn rút chạy về Xa-van-na-khẹt, trung đoàn 66 cắt đường rừng gấp rút đuổi theo địch đang chạy trước bằng cơ giới. Vận động tới khu vực Pà Cuội, đơn vị bắt kịp tiểu đoàn Ma-rốc. Tranh thủ lúc chúng đang hoảng hốt, rối loạn, trung đoàn 66 lập tức nổ súng tiến công, diệt và bắt gọn bọn này cùng đơn vị ngụy Lào ở vị trí Pà Cuội.

Ở hướng đường số 12, trung đoàn 101 khẩn trương đánh về Nhom-ma-rát. Trong ngày 23 và 24, đơn vị liên tiếp đập tan các cụm chốt chặn của binh đoàn Âu-Phi số 2 ở khu vực cầu Bi Lan, cầu Buông Pao, bản Na Hay, diệt và bắt nhiều địch; đồng thời quét luôn hàng loạt tổ chức kìm kẹp của địch ở các bản dọc đường số 12.

Ngày 24, trung đoàn đánh thẳng vào giải phóng thị trấn Nhom-ma-rát, chọc thủng phòng tuyến sông Mê Công, mở toang cửa ngõ vào Thà Khẹt. Lúc này, tiểu đoàn dân công hỏa tuyến Nghệ An đi cùng trung đoàn 101 bị hút vào nhiệm vụ thu dọn chiến trường, vận chuyển chiến lợi phẩm ở Khăm He,

Kha Ma nên tụt lại phía sau. Để tranh thủ đuổi gấp quân địch và tập trung được lực lượng của trung đoàn vào nhiệm vụ đánh chiếm mục tiêu Thà Khẹt, đơn vị giáo dục và sử dụng luôn hơn 200 tù binh vào việc vận chuyển đạn, gạo, khiêng cáng thương binh tiến cùng đơn vị.

Cùng thời gian này, trên hướng tiến công thứ yếu của mặt trận một số đơn vị Pa-thét Lào đã thực hiện được việc đánh phá, cắt đứt giao thông địch trên đường số 13 đoạn giữa Trung Lào và Thượng Lào. Tiểu đoàn 319 cùng bộ đội bạn tiến lên chiếm Na Pê, Cam Cốt, Lạc Sao. Tiểu đoàn Ta-bo số 9 không thể rút chạy bằng đường bộ, phải phá hủy xe pháo và những trang bị nặng rồi lên máy bay, chuyển thẳng về Xa-van-na-khẹt.

Bị đòn tiến công, đuổi đánh liên tục của Liên quân Lào - Việt, hai binh đoàn cơ động Pháp trên tuyến phòng thủ đường số 12, đường số 8 đã bị thiệt hại rất nặng nề. Chúng không còn đủ sức để thực hiện kế hoạch “cố thủ Thà Khẹt”. Bọn ngụy quân, ngụy quyền địa phương bị chấn động mạnh bởi các đòn đánh tiêu diệt liên tiếp của bộ đội Lào - Việt và bị dân quân du kích Khăm Muộn bao vây uy hiếp, phần tan rã, phần bỏ đồn lủi trốn theo quân cơ động Pháp để tránh bị tiêu diệt. Ngày 25 tháng 12 năm 1953, trung đoàn 101 cùng bộ đội Pa-thét Lào tiến vào giải phóng thị xã Thà Khẹt bên bờ sông Mê Công. Tỉnh Khăm Muộn rộng hơn bốn vạn kilômét vuông với hàng chục vạn dân được giải phóng. Báo chí địch ở Hà Nội, Sài Gòn, Pa-ri mô tả sự kiện này như là một thảm kịch của phía Pháp: “Đông Dương đang bị Việt Minh cắt làm đôi”. Để trấn an dư luận và cứu vãn tình thế, sau khi đã cấp tốc bay sang thị xã Xa-van-na-khẹt cùng với tướng Phrăng-xi xem xét tại chỗ, Na-va đã chỉ thị cho các tướng lĩnh dưới quyền điều thêm nhiều đơn vị cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ đến Xa-van-na-khẹt.

Trong bốn ngày cuối cùng của năm 1953, Na-va điều đến Xa-van-na-khẹt chín tiểu đoàn gồm hai tiểu đoàn dù Âu-Phi số 1 và số 2, tiểu đoàn dù số 2 trung đoàn 1, hai tiểu đoàn dù lê-dương số 2 và số 6, tiểu đoàn dù ngụy số 3, tiểu đoàn cơ động ngụy số 17, hai tiểu đoàn pháo ngụy số 1 và 35. Sang đầu tháng 1 năm 1954, Na-va ném tiếp vào Xa-van-na-khẹt binh đoàn lê-dương số 1, binh đoàn cơ động ngụy số 51 và một số đại đội lẻ để bổ sung, củng cố các đơn vị bị tổn thất ở Khăm Muộn.

Qua hai đợt ồ ạt tăng viện, lực lượng cơ động của địch ở Trung Lào đã lên tới 19 tiểu đoàn bộ binh, ba tiểu đoàn pháo binh được tổ chức thành một tập đoàn cứ điểm ở Sê Nô, với tên gọi là “Binh đoàn tác chiến Trung Lào”, viết tắt là GOML, đặt dưới quyền chỉ huy của tướng Phrăng-xi. Sau đồng bằng Bắc Bộ và Điện Biên Phủ, Sê Nô trở thành nơi tập trung quân cơ động thứ ba của quân viễn chinh Pháp.

Bị động chấp nhận cuộc đọ sức với chủ lực ta trên miền rừng núi Trung Lào, địch đã vấp phải những mâu thuẫn không thể khắc phục nổi. Tuy có nhiều đơn vị cơ động trong tay, tướng Phrăng-xi vẫn không đủ lực lượng để căng ra khắp miền rừng núi bao la Trung Lào. Cụm lại ở Sê Nô để bảo toàn lực lượng và giữ khu vực thị xã Xa-van-na-khệt thì bị sơ hở ở các nơi khác và dễ bị mất đất. Dàn mỏng lực lượng ra để giữ đất như ở Khăm Muộn hoặc đưa lực lượng ra ngoài Sê Nô mở cuộc hành quân lên các miền rừng núi Trung Lào thì dễ bị tiêu diệt từng bộ phận. Bọn ngụy Lào ở các địa phương không có quân cơ động Pháp làm chỗ dựa sẽ nhanh chóng tan rã từng mảng trước phong trào chiến tranh du kích của bạn đang ngày một phát triển mạnh mẽ. Nhưng phân tán quân cơ động đi chiếm đóng các nơi để vực quân ngụy Lào dậy thì chúng lại mất cái “ưu thế” về lực lượng mới tạo nên được ở Trung Lào để đối phó với các đòn tiến công lớn của chủ lực ta. Thành thử tuy có nhiều đơn vị cơ động lớn trong tay, Phrăng-xi vẫn không có cách gì để giành lại thế chủ động trên chiến trường Trung Lào như tham vọng của Na-va và bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp.

Bước sang đầu năm 1954, mặc dù địch đã tăng cường phòng thủ và điều thêm nhiều binh đoàn cơ động tới tạo ra một ưu thế hơn hẳn lực lượng chủ lực ta trên chiến trường (lúc cao nhất là sáu trên hai sáu), nhưng bằng những cách đánh linh hoạt, Liên quân Lào - Việt vẫn tiếp tục giành thêm thắng lợi mới quan trọng trong cả nhiệm vụ phát triển tiến công xuống phía nam và trong các cuộc phản kích đánh trả lực lượng địch hành quân lên chiếm đóng Thà Khệt, Khăm Muộn. Trong trận Hìn Xiù ngày 8 tháng 1, bộ đội ta đã đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn cơ động ngụy vừa mò ra chiếm đóng lại vị trí Hìn Xiù, loại khỏi vòng chiến gần 400 địch, bắt sống 88 tên, trong đó có tên đại úy tiểu đoàn trưởng Môn Lê và trung úy Duy Cam Clốt. Trong các ngày từ 7 đến 12 tháng 1, ta và bạn liên tiếp tập kích, phục kích ở Khơ May, Na Khan, Noong Khát Luông đánh thiệt hại ba tiểu đoàn Âu-Phi khi chúng hành quân ra vùng này. Trong trận phản kích ở Na Khan ngày 18 tháng 1, đại đội phó Cao Thế Chiến chỉ huy hai trung đội vệ binh, nêu gương dũng cảm chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ sở chỉ huy, bảo vệ chính quyền và nhân dân bạn. Trong một tình huống bất lợi, đồng đội bị thương vong, bản thân cũng bị thương nặng, nhưng với một khẩu trung liên và hai thùng đạn anh đã diệt 60 tên, kìm chân mũi tiến công của tiểu đoàn Ma-rốc số 1 ở ngoài cánh đồng suốt hai giờ, tạo điều kiện cho các lực lượng phía sau của ta tiến lên phản kích đẩy lùi cuộc tiến công của chúng.

Qua các cuộc hành quân lên phía bắc, địch đã chiếm lại được thị xã Thà Khệt và một số vị trí quan trọng trên địa bàn tỉnh Khăm Muộn, nhưng quyền chủ động trên chiến trường Trung Lào vẫn thuộc về phía Liên quân cách mạng. Mặc dù phải đối phó với các cuộc hành quân của địch để bảo vệ tỉnh Khăm Muộn mới được giải phóng của bạn, trong nửa cuối tháng 1 năm 1954, chủ lực ta đã mở tiếp một đợt tiến công mới xuống khu vực đường số 9 thắng lợi, san phẳng các vị trí Pha Lan, Hu Xa Lai, Xê Ta Mốc, Mường Phìn và đánh bại nhiều cuộc hành quân của địch ra khu vực đường số 9, mở rộng vùng giải phóng của cách mạng Lào xuống miền đông tỉnh Xa-van-na-khệt. Trên tuyến đường số 9 thuộc đất Lào từ Sê Nô tới Lao Bảo địch chỉ còn giữ được hai vị trí là Đồng Hên và Sê Pôn.

Trong những ngày cuối năm 1953, đầu năm 1954, sau những thắng lợi mở đầu quan trọng của ta ở Lai Châu, Trung Lào, do khả năng địch đánh lên Việt Bắc chỉ còn rất ít, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh quyết định điều một bộ phận lực lượng còn lại lên tiến hành chiến dịch Điện Biên Phủ theo phương án đã được Bộ Chính trị phê chuẩn. Ngày 22 tháng 12 năm 1953, Đại đoàn 351 dưới sự chỉ huy của các đồng chí Phạm Ngọc Mậu, chính ủy đại đoàn và Đào Văn Trường, đại đoàn phó, bắt đầu hành quân. Đại đoàn 312 dưới sự chỉ huy của đồng chí Lê Trọng Tấn, đại đoàn trưởng và Trần Độ, chính ủy đại đoàn cũng rời khỏi Yên Bái hai ngày sau đó. Sang đầu tháng 1 năm 1954, Bộ Tổng tư lệnh quyết định điều thêm trung đoàn 57 Đại đoàn 304 lên Điện Biên Phủ. Còn trung đoàn 9 Đại đoàn 304 được giữ lại ở Phú Thọ làm lực lượng dự bị và đảm bảo an toàn tuyến sau của mặt trận.

Có thể thấy rằng việc điều động lực lượng lên Điện Biên Phủ của Bộ Tổng tư lệnh đã được thực hiện từng bước với sự cân nhắc kỹ lưỡng. Thế nhưng, việc chuẩn bị các mặt cho trận quyết chiến chiến lược ấy lại được tiến hành một cách khẩn trương, tích cực ngay từ đầu tháng 12 năm 1953 mà điều quan trọng nhất chính là làm đường và vận chuyển gạo, đạn bảo đảm cho chiến dịch.

Việc làm đường được Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh coi là một trọng tâm của công tác chuẩn bị. Như ở phần trên đã nói, ngay từ đầu năm 1953, với ý định chuẩn bị đánh tập đoàn cứ điểm Nà Sản ta đã làm đường từ Ba Khe đi Tạ Khoa. Đó là một thuận lợi, nhưng nay còn phải tập trung lực lượng để sửa chữa, mở rộng đường từ Tạ Khoa đi Cò Nòi và làm đường từ Tuần Giáo đi Điện Biên Phủ.

Đường Tuần Giáo đi Điện Biên Phủ dài hơn 80 kilômét, trước là đường ô tô nhỏ, bỏ lâu ngày đã thành đường ngựa thồ, mặt đường bé, cua hẹp, nhiều đoạn bị sụt lở, có hơn một trăm cầu lớn nhỏ cũng đều hỏng cả. Muốn xe ô tô và xe pháo của Đại đoàn 351 lên được Điện Biên Phủ phải gấp rút mở đường này. Để giải quyết vấn đề đó ta đã điều hai trung đoàn bộ binh từ lực lượng bao vây ra cùng trung đoàn công binh 151 tập trung làm suốt ngày đêm. Sau mười một ngày đêm nỗ lực vượt bậc, đường Tuần Giáo đi Điện Biên Phủ đã được khai thông. Tuy vậy, vì đường còn rất xấu, trong quá trình sử dụng sau này, các đơn vị công binh vẫn phải thường xuyên tu sửa thêm. Mặt khác, do hướng chiến dịch của ta lúc này cũng không còn hoàn toàn giữ được bí mật nữa, đường lên Điện Biên Phủ lại là đường độc đạo và bị địch đánh phá ngày càng dữ dội nên cũng gặp nhiều trở ngại.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật, qua bước đầu chuẩn bị, cơ quan tham mưu và cơ quan cung cấp chiến dịch nhận thấy, khối lượng vật chất cần phải đảm bảo cho chiến dịch đã tăng lên và phức tạp hơn nhiều so với kế hoạch ban đầu. Cụ thể phải cần 7.730 tấn gạo, 140 tấn muối, 465 tấn thực phẩm khô, 434 tấn đạn dược. Thời gian chuẩn bị chỉ có hơn một tháng, từ trung tuần tháng 12 năm 1953 đến 20 tháng 1 năm 1954 phải hoàn thành. Về gạo, ý định của ta là sẽ huy động ngay tại Tây Bắc 6.060 tấn và sẽ lấy ở Sơn La, Lai Châu là chủ yếu, để đỡ tốn công vận chuyển và giảm bớt lượng gạo tiêu thụ trên đường vận chuyển. Trong nửa cuối tháng 12 năm 1953 và nửa đầu tháng 1 năm 1954 Tổng cục Cung cấp tiền phương cùng Khu ủy Tây Bắc đã tổ chức các đoàn cán bộ xuống từng huyện, xã để lo việc huy động và vận chuyển gạo. Đồng bào các dân tộc Tây Bắc vốn giàu lòng yêu nước, sẵn sàng đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, song vì điều kiện ở phân tán, việc tập trung gạo không thể làm nhanh được nên ở thời kỳ đầu ta vẫn phải sử dụng gạo chở từ hậu phương và các tuyến sau lên là chủ yếu.

Việc tổ chức vận chuyển đường dài từ các vùng tự do lên Điện Biên Phủ lúc này đã được Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy quy định như sau: Hội đồng Cung cấp mặt trận phụ trách vận chuyển lương thực, thực phẩm và đưa dân công lên giao cho Tổng cục Cung cấp tiền phương, hướng từ Việt Bắc sang giao ở Ba Khe; hướng từ Liên khu 3 và Liên khu 4 lên giao ở Suối Rút. Tổng cục Cung cấp hậu phương phụ trách chuyển vũ khí, đạn dược, xăng dầu... lên tới Ba Khe thì giao lại cho Tổng cục Cung cấp tiền phương, Tổng cục Cung cấp tiền phương phụ trách vận chuyển từ Ba Khe, Suối Rút lên Điện Biên Phủ, tổ chức các tổng kho dự trữ ở quanh thị xã Sơn La và các kho trung tuyến ở khoảng từ cây số 31 đến cây số 87 đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ. Việc sửa chữa, bảo đảm đường sá, từ Ba Khe qua Việt Bắc

(đoạn đường này dài khoảng 300 kilômét) và Suối Rút về vùng tự do Liên khu 3, 4 do Hội đồng Cung cấp mặt trận phụ trách; còn từ Ba Khe, Suối Rút trở lên do Tổng cục Cung cấp tiền phương cùng Khu ủy và Ủy ban kháng chiến Khu Tây Bắc phụ trách. Để có thể sử dụng xe ô-tô được sớm, ta chủ trương lúc đầu sửa gấp bảo đảm cho xe có thể tạm đi được, sau đó mới tiếp tục củng cố dần.

Đầu tháng 1 năm 1954, giữa lúc việc vận chuyển đạn, gạo bảo đảm cho chiến dịch đang diễn ra khẩn trương thì Đại đoàn 351 pháo binh tiến vào tuyến đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ. Đường phải dành ưu tiên cho pháo. Các xe kéo pháo công kênh mà đường lại hẹp nên bị ùn tắc nhiều. Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh phải tổ chức một Ban chỉ huy đường, quy định nghiêm ngặt giờ giấc hành quân của từng bộ phận và việc che giấu xe pháo ở những nơi tạm dừng. Ở những đoạn đường pháo đang hành quân, các xe vận chuyển đạn, gạo không thể đi được nữa. Để tranh thủ thời gian, Tổng cục Cung cấp tiền phương điều chỉnh, chuyển lực lượng xe vận tải đến những đoạn đường pháo đã đi qua hoặc hành quân chưa tới, tiếp tục đẩy hàng lên từng chặng. Mặt khác để tranh thủ mọi phương tiện thô sơ ta đã gấp rút mở thêm tuyến Mường Luôn - Nà Sang, chuyển gạo ở vùng sông Mã về nam Điện Biên Phủ. Tuy khả năng khai thác ở tuyến vận tải thô sơ này chỉ có hạn, nhưng sau này nó đã có tác dụng lớn trong việc bảo đảm cho các lực lượng ta tác chiến ở phía nam Điện Biên Phủ, vì việc vận chuyển gạo từ các kho chiến dịch ở phía đông muốn đưa xuống phía nam Điện Biên Phủ bắt buộc phải đi theo đường vòng ngược trở lên phía bắc rồi qua hướng tây mà đi xuống nên gặp rất nhiều trở ngại. Việc vận chuyển đạn, gạo ở tuyến trong đưa vào các trận địa bao vây, tiến công Điện Biên Phủ chủ yếu phải dùng sức người. Do các tuyến đường tiến vào trận địa bao vây tiến công lúc đó đang được tập trung sử dụng vào việc kéo pháo nên lực lượng dân công khiêng vác và xe đạp thồ không đi được. Nếu chờ bộ đội kéo pháo xong mới vận chuyển đạn, gạo thì không kịp vì thời gian nổ súng đã tới gần. Trước tình hình đó, Tổng cục Cung cấp tiền phương quyết định cho tranh thủ vận chuyển theo đường mòn vượt núi qua Khẩu Hu, Cò Cháy ở phía bắc Điện Biên Phủ rồi vòng sang phía tây. Đồng thời ta đã tổ chức cho lực lượng dân công khiêng vác và xe đạp thồ đi tiếp ngay sau bộ đội kéo pháo. Việc tổ chức và tính toán giờ giấc đã được thực hiện một cách tỉ mỉ, vừa không để ảnh hưởng tới việc kéo pháo của bộ đội, vừa không để lãng phí thì giờ và công sức của dân công. Vì thế khi bộ đội và pháo vào tới các trận địa bao vây tiến công ở xung quanh lòng chảo Điện Biên Phủ thì đạn, gạo cũng đã có đủ để có thể sẵn sàng nổ súng được ngay.

Trong khi bộ đội, xe pháo đang hành quân, ngành hậu cần quân đội và lực lượng dân công, thanh niên xung phong đang nỗ lực thực hiện công tác vận chuyển tiếp tế để bảo đảm cho chiến dịch, thì dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tổng tư lệnh tiền phương, cơ quan tham mưu chiến dịch của ta đã khẩn trương tổ chức nắm địch, nghiên cứu các phương án tác chiến, tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Để bảo đảm cho Bộ chỉ huy chiến dịch hạ quyết tâm chính xác và đối phó với các tình huống kịp thời, phòng quân báo mật trận đã triển khai một mạng lưới trinh sát nắm địch khá công phu, vì thế những diễn biến về địch ở Điện Biên Phủ, về cơ bản ta đã nắm được khá rõ. Sau khi nhảy dù xuống khu vực lòng chảo Điện Biên, địch đã bắt tay ngay vào việc thành lập các trung tâm đề kháng ở xung quanh sân bay, ở bản Mường Thanh và các điểm cao phía đông sông Nậm Rốm. Ngày 10 tháng 12 năm 1953, địch bắt đầu xây dựng trung tâm đề kháng Him Lam, cách Mường Thanh 2,5 kilômét. Ở đồi Độc Lập, bắc Mường Thanh ba kilômét, và ở Hồng Cúm, nam Mường Thanh bảy kilômét mới có các vị trí tiên tiêu. Chỉ riêng ở Him Lam và các điểm cao phía đông sông Nậm Rốm địch đã kịp xây dựng công sự vững chắc, còn ở các nơi khác công sự khá sơ sài, nhất là ở hướng nam và tây nam Điện Biên Phủ, việc tổ chức phòng ngự của địch còn rất sơ hở.

Một trong những khó khăn bước đầu của ta trong nghiên cứu các phương án tác chiến là không có một tấm bản đồ chi tiết về khu vực Điện Biên Phủ. Bộ Tổng tham mưu chiến dịch đã thử bằng mọi cách cho trinh sát đứng trên các ngọn núi cao trên bốn phía đông, tây, nam, bắc để chụp ảnh toàn cảnh khu vực lòng chảo Điện Biên và bắt tù binh để khai thác... Nhưng những tài liệu thu được vẫn chưa đủ để vẽ một bản đồ địa hình và sự bố trí của địch một cách tương đối chính xác. Một lần trong dịp thâm nhập vào vùng lòng chảo địch để nắm địch, trung đội trinh sát của ta ở khe Hồng Lếch đã chiếm được một chiếc hòm của địch thả dù xuống. Khi chiếc hòm được chuyển về sở chỉ huy và được mở ra thì thấy ở trong đó có cả bản đồ địa hình Điện Biên Phủ tỷ lệ 1/25.000, máy bay địch mới thả dù xuống cho đồng bọn của chúng ở Điện Biên Phủ. Tấm bản đồ quý báu ấy lập tức được mang về hậu phương để in thành nhiều bản ba màu, phân phát cho các đơn vị.

Ngày 29 tháng 12 năm 1953, tại sở chỉ huy tiền phương ở hang Thẩm Púa Kilômét 15 đường Tuần Giáo - Điện Biên, cơ quan tham mưu chiến dịch đã họp nghiên cứu kế hoạch, đề ra phương án tác chiến, chờ đồng chí Tổng tư lệnh cùng Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ lên họp và thông qua.

Ngày 14 tháng 1 năm 1954, cũng tại sở chỉ huy tiền phương ở hang Thẩm Púa, Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch mở Hội nghị cán bộ phổ biến kế hoạch tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Về dự Hội nghị có đông đủ các cán bộ chủ chốt trong Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch, cán bộ chỉ huy các đại đoàn 308, 312, 316, 304, 351 và cán bộ phụ trách các cục của Bộ Tổng tư lệnh tiền phương. Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Tư lệnh kiêm bí thư đảng ủy chiến dịch chủ trì hội nghị. Một bàn cát lớn đắp nổi toàn cảnh tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được đặt ngay bên cạnh hội trường để cán bộ các đơn vị dễ hình dung hình thái bố trí địch - ta trên vùng giao chiến.

Chiến dịch Điện Biên Phủ được Bộ Chính trị phê chuẩn mang mật danh là *Chiến dịch Trần Đình*. Mục đích của chiến dịch là tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực tinh nhuệ của địch gồm 13 tiểu đoàn đóng thành tập đoàn cứ điểm ở Điện Biên Phủ (trong đó có 12 tiểu đoàn cơ động, tức là bằng khoảng một phần ba lực lượng cơ động của địch ở Bắc Bộ và bằng khoảng một phần năm lực lượng cơ động của chúng trên toàn chiến trường Đông Dương), giải phóng toàn bộ lãnh thổ Tây Bắc và tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang bạn giải phóng miền Bắc Thượng Lào, mở rộng và củng cố căn cứ địa kháng chiến của nước bạn ở Thượng Lào, đồng thời tạo điều kiện để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch trên khắp các chiến trường toàn quốc và toàn Đông Dương. "*Đây là trận công kiên lớn nhất trong lịch sử quân đội ta từ trước đến nay*. Chiến thắng trận này, quân ta tiến từ đánh công kiên với một, hai trung đoàn tập trung đến mấy đại đoàn tập trung, từ chưa đánh công kiên có bộ, pháo hiệp đồng trên quy mô lớn đến đánh công kiên có nhiều binh chủng phối hợp trên một quy mô lớn, từ tiêu diệt từng cứ điểm một, hai đại đội, nhiều nhất là một tiểu đoàn đến tiêu diệt một tập đoàn cứ điểm của địch có 13 tiểu đoàn. Trận này thắng lợi sẽ đánh dấu *một bước tiến vượt bậc trong quá trình trưởng thành của quân đội* chúng ta và do bước tiến đó, trận công kiên này sẽ có ảnh hưởng nhiều đối với tình hình quân sự sau này"¹.

Quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị là tập trung lực lượng, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ theo nguyên tắc "*đánh chắc thắng*" Sau khi đã quán triệt quyết tâm chiến lược đó và phân tích kỹ chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, khó khăn, thuận lợi của ta, Hội nghị thảo luận sôi nổi một vấn đề hết sức quan trọng được đặt ra trong kế hoạch tác chiến là phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bằng cách nào? Bộ chỉ huy chiến dịch đã nêu ra

1. "Kết luận của đồng chí Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp ở Hội nghị cán bộ chiến dịch Điện Biên Phủ ngày 14 tháng 1 năm 1954". Trích trong tài liệu *Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn*, tập 3 (Chiến dịch Điện Biên Phủ), Bộ Tổng tham mưu xuất bản năm 1963, tr. 32-33.

hai cách đánh khác nhau để Hội nghị thảo luận: Một là, *đánh nhanh thắng nhanh*, tức là tranh thủ khi địch mới chiếm đóng chưa kịp củng cố, bố trí còn nhiều sơ hở mà tập trung lực lượng đột phá phòng ngự địch, có hướng đột kích chủ yếu, hướng thứ yếu, hướng phối hợp, mạnh dạn đánh thọc sâu vào lòng địch, chia cắt tập đoàn cứ điểm thành nhiều bộ phận, rồi tập trung binh lực, hỏa lực mạnh hơn địch, diệt bộ phận quan trọng nhất, sau đó diệt các bộ phận khác, hoàn thành việc tiêu diệt tập đoàn cứ điểm trong một thời gian ngắn. Hai là *đánh chắc tiến chắc*, tức là chia chiến dịch thành nhiều giai đoạn, từng bước tập trung binh lực, hỏa lực mạnh hơn địch, tiêu diệt từng khu vực của tập đoàn cứ điểm, bảo đảm từng bước đánh chắc thắng, chiến dịch được tiến hành bằng một loạt đợt đánh công sự vững chắc kế tiếp nhau để tiêu diệt tập đoàn cứ điểm trong một thời gian dài.

Hội nghị đã cân nhắc kỹ lưỡng cả hai phương châm nói trên. “Đánh nhanh thắng nhanh” thì chiến dịch sẽ không bị kéo dài, bộ đội đỡ mệt mỏi và ít bị tiêu hao hơn, việc bảo đảm tiếp tế lương thực, đạn dược cũng đỡ khó khăn hơn. Do việc tổ chức phòng ngự của địch còn nhiều sơ hở, bộ đội ta lại đang sung sức, sau đợt sinh hoạt chính trị, tinh thần và quyết tâm chiến đấu càng được củng cố, nâng cao thêm. Vì thế lúc này ta có điều kiện để đánh nhanh thắng nhanh. Nhưng mặt hạn chế là ta chưa có kinh nghiệm thực tế về mặt tư tưởng cũng chưa được chuẩn bị để đánh nhanh, thắng nhanh nên việc bảo đảm “đánh chắc thắng” cũng không dễ. Còn nếu ta thực hiện “đánh chắc tiến chắc” thì sẽ bảo đảm chắc thắng, nhưng thời gian chiến dịch sẽ bị kéo dài, địch sẽ tăng cường lực lượng và độ vững chắc của hệ thống phòng ngự. Phải tác chiến dài ngày, bộ đội ta sẽ bị mệt mỏi, bị tiêu hao nhiều và sẽ gặp những khó khăn rất lớn về mặt tiếp tế.

Đa số ý kiến trong Hội nghị nghiêng về vận dụng phương châm “đánh nhanh thắng nhanh” Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận thấy địch ở Điện Biên Phủ hiện tại đang còn nhiều sơ hở, phải tranh thủ thời cơ khi trận địa phòng ngự của chúng còn chưa được củng cố vững chắc mà tiến công tiêu diệt chúng, từ đó đã kết luận: Trước mắt chuẩn bị để vận dụng phương châm “đánh nhanh thắng nhanh” nhưng nếu địch thay đổi, ta cũng có thể vận dụng phương châm “đánh chắc tiến chắc” Đó không phải là một quyết tâm không có cơ sở, bởi vì khi địch còn đang ở trong trạng thái phòng ngự lâm thời, thì “đánh nhanh thắng nhanh” là phương châm đánh có thể vận dụng.

Để vận dụng phương châm *đánh nhanh thắng nhanh*, “*kế hoạch tác chiến của ta là tập trung tuyệt đối ưu thế binh hỏa lực từ phía tây đột phá, đánh nhanh vào trung tâm Mường Thanh, đồng thời từ phía đông giáp công.*”

Trong bước đầu, nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ quân địch ở trung tâm Mường Thanh và những cứ điểm ở phía tây, tây bắc; sang bước hai giải quyết bộ phận địch còn lại ở phía đông, đông - bắc và phía nam (hoặc đồng thời hoặc chia làm hai bước)”¹

Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị như sau:

Đại đoàn 308 được phối thuộc thêm hai tiểu đoàn bộ binh (tiểu đoàn 910/ trung đoàn 148, 188/ Đại đoàn 316) một đại đội sơn pháo, một đại đội 120 ly, một đại đội 82 ly làm nhiệm vụ trên hướng chủ yếu đột phá vào trung tâm Mường Thanh ở phía tây và tây nam (phạm vi gồm khu vực Mường Thanh và Nà Noọng).

Đại đoàn 312 được phối thuộc một đại đội sơn pháo, một đại đội pháo cối 120 mm, một đại đội pháo cối 82 mm có nhiệm vụ nhanh chóng tiêu diệt địch ở các vị trí Độc Lập, Bản Kéo, Căng Na (311) rồi đột nhập tiêu diệt toàn bộ quân địch trong khu vực sân bay gồm các cứ điểm 105, 106, 203, 204, 205, 206, 207, 303, 309.

Đại đoàn 316 (thiếu 1 trung đoàn) được phối thuộc một đại đội sơn pháo, một đại đội 120 mm, tám khẩu 82 mm có nhiệm vụ từ phía đông nhanh chóng tiêu diệt địch ở khu A để phối hợp với hướng chính tiêu diệt quân địch ở khu trung tâm Mường Thanh. Sau khi đã tiêu diệt khu A sẽ tùy điều kiện nhanh chóng phát triển tiêu diệt địch ở khu C. Trong khi tác chiến đại đoàn tổ chức lực lượng kiềm chế địch ở đồi E, đồi D. Giám thị địch ở Him Lam.

Trung đoàn 45 và trung đoàn 367 tập trung ở phía bắc (Bản Nghịu, Nà Hy) yểm hộ cho bộ binh và pháo binh hoàn thành nhiệm vụ.

Về thời gian nổ súng, lúc đầu ta dự kiến là 16 giờ ngày 20 tháng 1 năm 1954. Nhưng tất cả còn tùy thuộc vào việc có đưa được pháo lớn lên chiếm lĩnh trận địa bắn đúng thời gian quy định hay không.

Để đưa pháo vào chiếm lĩnh trận địa bắn, Đại đoàn 351 tiếp tục dùng xe kéo pháo theo đường Tuần Giáo - Điện Biên Phủ. Đến kilômét 69 thì phối hợp cùng bộ binh, công binh, dùng sức người kéo pháo trên một con đường làm gấp dài 15 kilômét, khởi điểm từ Bản Nham, vượt đỉnh Pha Sông sang Bản Tố rồi vào Bản Nghịu. Việc dùng sức người để kéo những khối sắt thép nặng hàng tấn vượt qua núi cao, vực thẳm quả là một kỳ công. Do chưa lường hết khó khăn trở ngại, ta dự tính chỉ cần kéo trong ba đêm thì sẽ thực hiện xong việc đưa pháo vào Bản Nghịu, nhưng trong thực tế thì việc kéo pháo đã kéo dài tới đêm thứ bảy mà pháo của ta vẫn chưa đến được vị trí

1. Kết luận của đồng chí Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp ở Hội nghị cán bộ chiến dịch Điện Biên Phủ ngày 14 tháng 1 năm 1954 (Tài liệu đã dẫn), tr. 35-36.

quy định. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy chiến dịch buộc phải cho Đại đoàn 351 được đưa phần lớn lực lượng của mình vào khu vực Tà Ên, Nà Hy để giảm đi khoảng ba ngày đường kéo pháo và quyết định lùi giờ nổ súng của toàn chiến dịch đến 16 giờ ngày 25 tháng 1 năm 1954.

Trong khi ta đang gấp rút chuẩn bị tiến công Điện Biên Phủ thì tại khu vực lòng chảo, Đờ Cát-xơ-ri¹ cũng ráo riết đốc thúc binh lính làm thêm công sự, vật chướng ngại để biến Điện Biên Phủ thành một “pháo đài khổng lồ không thể phá vỡ được” như Na-va đã chỉ thị.

Hàng ngày địch sử dụng từ 50 đến 60 chuyến bay để chở từ 150 đến 200 tấn vật liệu chiến tranh và các đồ dùng quân sự lên tiếp tế và bảo đảm cho việc tổ chức phòng thủ Điện Biên Phủ. Từ cuối năm 1953 đầu 1954, Na-va đã biết là ta sẽ đưa pháo lớn lên đánh Điện Biên Phủ và lực lượng ta sử dụng vào trận giao chiến này sẽ gồm từ ba đến bốn đại đoàn bộ binh cùng toàn bộ lực lượng pháo binh, cao xạ (Đại đoàn 351). Vì thế ông ta không còn chủ quan như lúc ban đầu mà dự kiến là cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ sẽ rất gay go, ác liệt và tích cực chuẩn bị cho quân Pháp theo hướng đó. Hầu như tuần nào Na-va và Cô-nhi cũng có mặt ở Điện Biên Phủ để kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức phòng thủ và động viên binh lính dưới quyền². Việc đối phó với pháo binh ta được cả Na-va, Cô-nhi và Đờ Cát rất quan tâm tìm cách giải quyết. Việc phát huy sức mạnh của xe tăng trong tác chiến phòng ngự ở Điện Biên Phủ cũng được họ hết sức chú ý. Na-va cũng đặc biệt quan tâm tới việc sử dụng lực lượng không quân đánh phá hậu phương chiến dịch, ngăn chặn các con đường vận chuyển tiếp tế của ta lên Điện Biên Phủ và đã có những chỉ thị cụ thể cho Cô-nhi, Đờ Cát và Lô-danh (chỉ huy không quân Bắc Việt) về vấn đề này.

Vì dự kiến là trận Điện Biên Phủ sẽ rất gay go, ác liệt nên một lần nữa Cô-nhi lại đề nghị Na-va hủy bỏ kế hoạch mở cuộc hành binh Át-lăng đánh

1. Đại tá Đờ Cát-xơ-ri được Na-va cử lên thay thế thiếu tướng Gin làm chỉ huy trưởng binh đoàn tác chiến Tây Bắc (GONO) từ ngày 8 tháng 12 năm 1953.

2. Trong hơn ba tháng triển khai việc tổ chức phòng thủ Điện Biên Phủ, Cô-nhi - tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ đã lên thăm và kiểm tra tại chỗ 11 lần; Na-va - tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương chín lần; Đờ Giảng - cao ủy Pháp ở Đông Dương hai lần; Đờ Sơ-vi-nê bộ trưởng chiến tranh Pháp 2 lần, Plê-ven bộ trưởng quốc phòng, Giắc-kê - bộ trưởng “các quốc gia liên kết”, E-ly, Bơ-lăng, Phay, Nô-my - tổng tham mưu trưởng tối cao và tổng tham mưu trưởng các lực lượng hải, lục, không quân Pháp đều đã đến ít nhất một lần.

Tướng O. Đa-ni-en “chỉ huy các lực lượng lục quân Mỹ ở Thái Bình Dương, trưởng phái đoàn quân sự Mỹ ở Đông Dương, người phát ngôn chính của nhóm chủ trương can thiệp vào Đông Dương” cũng đã lên thăm Điện Biên Phủ ngày 2 tháng 2 năm 1954 và được Đờ Cát đích thân lái xe, dẫn đi xem xét từng trung tâm đề kháng của tập đoàn cứ điểm.

chiếm vùng tự do Liên khu 5 để có thêm lực lượng bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ và sẵn sàng mở các cuộc hành quân giải tỏa Điện Biên Phủ. Nhưng đề nghị đó của Cô-nhi đã bị Na-va kiên quyết từ chối.

Cho tới trước ngày quân ta dự định sẽ nổ súng tiến công Điện Biên Phủ, tập đoàn cứ điểm này đã được tăng cường mạnh mẽ gồm 12 tiểu đoàn và bảy đại đội bộ binh (phần lớn là các đơn vị tinh nhuệ nhất của địch); ba tiểu đoàn pháo binh, trong đó có hai tiểu đoàn pháo binh 105, một đại đội pháo 155 và hai đại đội cối 120 (20 khẩu); một tiểu đoàn công binh; một đại đội 10 chiếc xe tăng M24 và một đại đội vận tải có khoảng 200 ô-tô; không quân có một phi đội 12 máy bay thường trực ngay tại sân bay Điện Biên Phủ (sau tăng lên 14 chiếc: bảy máy bay khu trục, sáu máy bay liên lạc trinh sát và một máy bay lên thẳng)¹

Với một lực lượng được tăng cường mạnh mẽ như vậy, địch đã bố trí một hệ thống phòng ngự dày đặc có tới 49 cứ điểm và được khoanh thành tám cụm, mỗi cụm mang tên một thiếu nữ:

1. Ga-bri-en (Gabrielle) tức đồi Độc Lập.
2. Bê-a-tơ-ri-xơ (Béatrice) tức Him Lam.
3. An-nơ Ma-ri (Anne Marie) gồm các cứ điểm ở tây bắc sân bay như Bản Kéo, Căng Na...
4. Huy-ghét (Huguette) cụm cứ điểm tây sân bay Mường Thanh, hữu ngạn sông Nậm Rốm.
5. Clô-din (Claudine) cụm cứ điểm nam sân bay Mường Thanh, hữu ngạn sông Nậm Rốm.
6. E-li-an (Éliane) cụm cứ điểm phía đông, tả ngạn sông Nậm Rốm, khu vực sở chỉ huy của Đờ Cát.

1. Cụ thể phiên hiệu của các đơn vị đó như sau:

- Tiểu đoàn 5 thuộc trung đoàn An-giê-ri thứ 7 (5/7 RTA)
- Tiểu đoàn 3 thuộc trung đoàn An-giê-ri thứ 3 (3/3 RTA)
- Tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn An-giê-ri thứ 1 (2/1 RTA)
- Tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn Ma-rốc thứ 4 (1/4 RTM)
- Tiểu đoàn 1 thuộc bán lữ đoàn lê-dương thứ 13 (1/13 DBLE)
- Tiểu đoàn 3 thuộc bán lữ đoàn lê-dương thứ 13 (3/13 DBLE)
- Tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn lê-dương thứ 2 (1/2 REI)
- Tiểu đoàn 3 thuộc trung đoàn lê-dương thứ 3 (3/3 REI)
- Tiểu đoàn 1 dù thuộc địa (1 trung đoàn BPC)
- Tiểu đoàn 8 dù thuộc địa (8 trung đoàn BPC)
- Tiểu đoàn Thái thứ 2 (2 trung đoàn BAT)
- Tiểu đoàn Thái thứ 3 (3 trung đoàn BAT)
- Tiểu đoàn 2 pháo 105 trung đoàn 4 pháo thuộc địa (2/4 RAC)
- Tiểu đoàn 3 pháo 105 trung đoàn 10 pháo thuộc địa (3/10 RAC)
- Một đại đội pháo 155 thuộc 4/4 RAC (tiểu đoàn 4 trung đoàn 4 pháo thuộc địa) và 2 đại đội pháo cối 120.

7. Đô-mi-ních (Dominique) cụm cứ điểm đông sân bay, tả ngạn sông Nậm Rốm.

8. I-da-ben (Isabelle) tức Hồng Cúm.

Tám cụm cứ điểm này lại được tổ chức thành ba bộ phận lớn: Bộ phận thứ nhất là *một trận địa trung tâm* gồm năm cứ điểm đặt ngay giữa Mường Thanh (châu lỵ Điện Biên Phủ). Bộ phận lớn thứ hai gồm hai cụm cứ điểm nằm cách trận địa trung tâm khoảng hai hoặc ba kilômét về phía bắc và đông bắc có nhiệm vụ bảo vệ trận địa trung tâm trên những hướng nguy hiểm nhất và mở rộng vùng trời an toàn trên sân bay Mường Thanh. Bộ phận lớn thứ ba nằm cách bảy kilômét về phía nam bao gồm cụm cứ điểm I-da-ben có sân bay dự bị và được tổ chức thành một căn cứ pháo binh để chi viện cho trận địa trung tâm trong tác chiến phòng ngự. Ngoài ra địch còn tổ chức một đội dự bị mạnh gồm ba tiểu đoàn bộ binh và một đại đội xe tăng làm nhiệm vụ cơ động tác chiến và được phân phối giữa trận địa trung tâm và cụm cứ điểm phía nam (I-da-ben).

Trong ba bộ phận lớn nói trên, bộ phận quan trọng nhất là trận địa trung tâm có nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ sân bay Mường Thanh, nơi được coi là “trái tim” và là “cái dạ dày” của tập đoàn cứ điểm. Đờ Cát đã tập trung ở đây tới hai phần ba lực lượng, riêng bộ binh đã có tới tám tiểu đoàn: năm tiểu đoàn chiếm đóng, ba tiểu đoàn làm nhiệm vụ đội dự bị mạnh. Năm cụm cứ điểm thuộc trận địa trung tâm đều có thể yểm hộ đặc lực cho nhau khi bị đối phương tiến công và các cứ điểm ở phía đông của trận địa trung tâm này (gồm các điểm cao A, C, D, E) hợp thành một bức bình phong thiên nhiên vững chắc mà địch cho là ta khó lòng vượt qua nổi.

Về công sự, hầm chỉ huy của GONO ngay từ đầu đã được xây đắp khá kiên cố, bảo đảm chịu được cả đạn cối 120 ly. Mỗi cứ điểm của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đều có những tuyến chiến hào lượn quanh và giao thông hào nối liền các hầm chỉ huy, hầm đạn, hầm ngủ với nhau. Hai bên thành giao thông hào có nhiều hầm ếch để tránh pháo. Trừ một số đoạn giao thông hào ở một số vị trí quan trọng có nắp, còn phần lớn là hào lộ thiên. Các ụ súng đều được đắp dày ba mét, ở trên phủ những tấm sắt. Xung quanh mỗi cứ điểm đều có nhiều lớp rào dây thép gai vây bọc. Trung bình các lớp rào này dày từ 50 đến 75 mét. Ở những hướng ít quan trọng cũng có từ ba đến năm hàng rào thép gai rộng từ 40 đến 50 mét. Ở những hướng quan trọng bề rộng của hàng rào dây thép gai từ 100 đến 200 mét. Lấn vào trong các hàng rào và nằm giữa các hàng rào dây thép gai là các bãi mìn dày đặc. Tính ra mỗi tiểu đoàn địch đã dùng số dây thép gai nhiều gấp ba lần

mức bình thường và để bảo vệ Điện Biên Phủ, chỉ riêng về dây thép gai địch đã sử dụng tới 3.000 tấn.

Về hỏa lực, địch có thể huy động lực lượng không quân tại chỗ hoặc từ dưới miền đồng bằng lên chi viện trực tiếp cho Điện Biên Phủ hoặc chi viện gián tiếp bằng cách oanh tạc các trục đường tiếp tế, hệ thống kho tàng và các lực lượng phía sau của ta. Về pháo lớn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có gần 50 khẩu, bố trí thành hai căn cứ, ở căn cứ thứ nhất là Mường Thanh, có một tiểu đoàn pháo 105, một đại đội pháo 155, và 16 cối 120 mm. Căn cứ thứ hai là Hồng Cúm có một tiểu đoàn pháo 105. Các trận địa của hai căn cứ này có thể phát huy hỏa lực chi viện cho tất cả các cứ điểm trong tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngoài lực lượng pháo binh chung của tập đoàn cứ điểm nói trên, ở mỗi cụm cứ điểm còn có cối 81, một số cụm cứ điểm có cả cối 120 dùng để yểm hộ cho các cứ điểm trong cụm và khi cần thiết cũng có thể chi viện cho các cụm gần đó. Còn ở mỗi cứ điểm thông thường có khoảng bốn đại liên, từ 40 đến 45 tiểu liên, chín trung liên, chín súng phóng lựu, hai súng cối 60, một pháo không giật 57 mm. Đặc biệt địch còn trang bị thêm cho binh lính của chúng ở Điện Biên Phủ cả một số vũ khí mới như súng phun lửa, súng dùng hồng ngoại tuyến để bắn đêm không cần đèn và các phương tiện chống đạn khói... Lượng dự trữ sẵn ở Điện Biên Phủ mà địch đã chuẩn bị để đề phòng trường hợp ta tiến công là chín ngày lương ăn, tám cơ số xăng, sáu cơ số đạn cho mỗi tiểu đoàn bộ binh, từ sáu đến bảy cơ số đạn cho pháo 105, bảy cơ số đạn cho pháo 155, tám cơ số đạn cho pháo cối 120 và chín cơ số đạn cho pháo 75 của xe tăng M24. Cô-nhi cũng đã tính trước là khi xảy ra tác chiến, lượng vật chất mà hàng ngày ông ta cần phải đưa lên để tiếp tế cho quân đồn trú ở Điện Biên Phủ là từ 70 đến 100 tấn.

Do tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã có lực lượng mạnh, binh khí kỹ thuật nhiều và hệ thống công sự, vật cản được xây dựng công phu, vững chắc như vậy, Na-va và các tướng tá dưới quyền của ông ta tỏ ra rất lạc quan. Trong một dịp tiếp khách thăm tại mặt trận, khi thấy nhà báo Ghi-lanh còn tỏ ra có chút ít lo ngại về cái thế ở dưới thấp của khu vực lòng chảo, nó chẳng khác gì một cái “sân vận động mà Việt Minh đã chiếm những hàng ghế bậc cao”, Đờ Cát đã đáp lại một cách khá ngạo mạn: “Được lắm! Họ từ trên cao bắn xuống chúng tôi ư? Tôi sẽ đội cái mũ ca nô đỏ của tôi cho họ trông rõ tôi hơn” “Phải làm cho Việt Minh kéo xuống thung lũng này. Nếu họ xuống chúng tôi sẽ tóm được họ. Trận đánh có thể gay nhưng nhất định chúng tôi sẽ chặn họ lại và cuối cùng thế nào cũng nắm được một mục tiêu tập trung mà chúng tôi sẽ quật”¹. Ở chín lần phát biểu trước các nhà báo trong vòng

1. Trích: *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Sđd, tr. 110-111.

hai tháng (từ cuối tháng 11 năm 1953 đến giữa tháng 2 năm 1954), Cô-nhi đều khẳng định niềm tin của mình vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ông ta tuyên bố: “Tôi mong muốn có một cuộc chạm trán ở Điện Biên Phủ”¹ (ngày 30-12-1953). “Bộ chỉ huy Pháp tin chắc sẽ gây cho Việt Minh một thất bại nghiêm trọng ở Điện Biên Phủ. Chúng tôi chờ đợi những cuộc chiến đấu gay go và kéo dài. Chúng tôi sẽ thắng”² (ngày 8-1-1954). “Pháo binh Việt Minh có thể gây ra phiền toái nhưng người ta sẽ làm chúng phải câm họng... Pháo phòng không của Việt Minh sẽ chẳng bao giờ làm ngưng được Điện Biên Phủ... Tướng Giáp bị bắt buộc phải đánh. Ông ta không thể tiến mạnh ở Lào vì bị một cái nút xuất hiện bịt lại... Tôi sẽ làm tất cả để cho ông ta ăn bụi và khiến ông ta phải chừa cái ý muốn thực hiện chiến lược quân sự lớn đi”³ (ngày 14-1-1954).

Niềm tin tưởng vào khả năng chiến thắng và sức mạnh của binh đoàn tác chiến Tây Bắc (GONO) không phải chỉ riêng có trong Cô-nhi, Đờ Cát, mà hầu như đã biểu hiện ở tất cả các nhân vật chính trị quan trọng, các tướng lĩnh, chuyên gia quân sự cao cấp Pháp. Mỹ từng có dịp đến Điện Biên Phủ trong thời gian tập đoàn cứ điểm đang được triển khai xây dựng. Sau những chuyến đi thăm và kiểm tra tại chỗ, họ đều “bày tỏ lòng tin cậy” và “sự hân hoan của mình trước tổ chức bố trí ở Điện Biên Phủ”⁴. Vì thế Na-va càng thêm chủ quan cho là quân ta ít có khả năng tiến công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và nếu cuộc tiến công có xảy ra thì chắc chắn quân ta cũng sẽ bị thất bại nặng nề.

Mặc dù được phòng nhì (tình báo) cho biết “chủ lực đối phương có thể sẽ tiến công Điện Biên Phủ vào một thời điểm gần đây”, Na-va vẫn kiên quyết thực hiện chủ trương tiến công chiến lược ở miền Nam. Ngày 20 tháng 1 năm 1954, ông ta ra lệnh bắt đầu mở cuộc hành binh Át-lăng, một đòn tiến công chiến lược đã được chuẩn bị từ trước, nhằm đánh chiếm toàn bộ vùng tự do Liên khu 5 của ta ở Nam Trung Bộ.

CÁC ĐÒN TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC CỦA TA VÀ BẠN Ở TÂY NGUYÊN, THƯỢNG LÀO VÀ HẠ LÀO

Cho đến ngày 25 tháng 1 năm 1954, cuộc chuẩn bị tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của quân và dân ta đã cơ bản hoàn thành. Các đại đoàn bộ binh đã chiếm lĩnh bàn đạp xuất phát tiến công. Gạo, đạn đã được lực

1, 2, 3. Trích: *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Sdd, tr. 110-111.

4. Trong cuốn hồi ký *Đông Dương hấp hối* (Sdd), Na-va trình bày: “Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ - một cứ điểm mạnh nhất từ trước tới nay chưa bao giờ có ở Đông Dương. Chưa có một quan chức dân sự hoặc quân sự nào đến thăm Điện Biên Phủ mà lại không kinh ngạc trước sự hùng mạnh của nó cũng như không bày tỏ với tôi tình cảm của họ”.

lượng dân công hỏa tuyến đưa vào trận địa đủ cơ số quy định. Trừ Đại đoàn 351 do gặp những trở ngại quá lớn trên đường cơ động nên nhiều khẩu đội chưa kéo được pháo vào chiếm lĩnh trận địa bắn, còn tất cả các đơn vị khác đều đã sẵn sàng chờ lệnh nổ súng.

Để tiếp tục theo dõi công cuộc chuẩn bị tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và chỉ đạo các đơn vị được thuận tiện hơn, sau Hội nghị cán bộ họp ở hang Thẩm Púa ngày 14 tháng 1 năm 1954, Bộ chỉ huy chiến dịch chuyển lên lập sở chỉ huy mới tại Mường Phăng.

Một trong những vấn đề được Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch quan tâm hàng đầu ở thời điểm này là tiến độ kéo pháo vào trận địa của Đại đoàn 351. Hầu hết các cán bộ chủ trì các cơ quan của Bộ chỉ huy chiến dịch đồng thời cũng là tiền phương của Bộ Tổng tư lệnh như Cục trưởng Cục Tác chiến, Cục trưởng Cục Tuyên huấn, Cục phó Cục Bảo vệ đã được phái xuống tận nơi để giúp Đảng ủy và Bộ tư lệnh Đại đoàn 351 chỉ đạo việc kéo pháo. Đồng thời việc nghiên cứu nắm địch cũng được các đồng chí trong Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch hết sức lưu tâm. Qua báo cáo của tiểu đoàn trinh sát 426 và Cục Quân báo Bộ Tổng tham mưu thì gần đây tình hình địch đã có những thay đổi đáng kể: ở phía bắc, đồi Độc Lập, trước chỉ là một vị trí tiền tiêu, nay phình ra thành một cụm cứ điểm mạnh có hệ thống hầm hào kiên cố do một tiểu đoàn Âu-Phi đóng giữ. Ở phía đông - bắc, điểm cao Him Lam án ngữ con đường từ Tuần Giáo tới Điện Biên Phủ đã được tiếp tục tăng cường thành một trung tâm phòng ngự kiên cố và mạnh vào bậc nhất của địch ở Điện Biên Phủ. Ở các hướng khác địch đã bố trí thêm nhiều cứ điểm, không còn sơ hở như trước đây nữa.

Trong tình hình địch tăng cường phòng ngự như vậy, ta “đánh nhanh, thắng nhanh”, liệu có chắc thắng không? Khi bị tiến công nếu địch co lại giữ các điểm cao điểm ở phía đông, liệu ta có giải quyết nhanh được không? Trong điều kiện đánh nhanh thì không xây được trận địa tiến công, nếu phải đánh cả ban ngày dưới phi pháo địch, bộ đội ta sẽ phải chiến đấu như thế nào?

Trong mấy ngày liền đồng chí Tổng tư lệnh, kiêm Tư lệnh và Bí thư Đảng ủy chiến dịch Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đã suy nghĩ rất nhiều và nhận thấy, trong tình hình địch đã đi vào phòng ngự có lực lượng mạnh và hệ thống hầm hào kiên cố thì đánh nhanh sẽ không chắc thắng. Phải chuyển sang “đánh chắc tiến chắc”

Ngày 25 tháng 1 năm 1954, Đảng ủy chiến dịch bắt đầu họp ngay từ sáng sớm. Cuộc họp kéo dài tới quá buổi trưa, sang cả buổi chiều với ba lần hội ý. Sau khi xét kỹ ý kiến của đồng chí Tổng tư lệnh và ý kiến của những phái viên từ các đơn vị về báo cáo, Đảng ủy chiến dịch cuối cùng nhất trí là cần

thay đổi cách đánh, chuyển sang vận dụng phương châm “đánh chắc tiến chắc” và quyết tâm khắc phục mọi khó khăn để thực hiện phương châm đó.

Chủ trương thay đổi cách đánh và chuyển sang vận dụng phương châm “đánh chắc tiến chắc” của Đảng ủy chiến dịch Điện Biên Phủ đã được Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh phê chuẩn. Khi phê chuẩn việc thay đổi phương châm và cách đánh chiến dịch, Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời cũng quyết định sẽ động viên sự nỗ lực cao độ của hậu phương để giải quyết những khó khăn về tiếp tế cho Điện Biên Phủ, bảo đảm cho bộ đội ta chiến đấu thắng lợi.

Chiều 25 tháng 1 năm 1954, lệnh thay đổi phương châm và cách đánh chiến dịch, kéo pháo ra khỏi trận địa được phổ biến tới tất cả các đơn vị. Ta cần thêm thời gian để chuẩn bị tiếp và điều chỉnh thế trận. Đồng thời các chiến trường trên toàn quốc được lệnh tích cực đánh địch theo nhiệm vụ đã được giao, đẩy mạnh tiến công tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đất đai, phân tán triệt để hơn nữa khối cơ động chiến lược của địch, buộc chúng luôn luôn phải bị động đối phó, tạo điều kiện thuận lợi cho mặt trận Điện Biên Phủ chuẩn bị giáng cho địch một đòn quyết định.

Một kế hoạch tác chiến chiến lược của Bộ Tổng tư lệnh được hình thành với những nội dung chủ yếu là:

Đốc thúc mặt trận Bắc Tây Nguyên sớm đánh địch một cách táo bạo, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở khu vực địch mới đánh chiếm và các khu vực tạm bị chiếm khác.

Phối hợp cùng bạn tiếp tục phát triển tiến công từ Khăm Muộn (Trung Lào) xuống đường số 9, sau đó phát triển tiến công xuống Hạ Lào.

Đẩy mạnh chiến tranh du kích ở Bình Trị Thiên, đánh mạnh trên đường số 9 và đường số 1 để phối hợp với Trung, Hạ Lào.

Vì nhận định địch ít có khả năng đưa quân đánh lên Thái Nguyên nữa nên Bộ Tổng tư lệnh quyết định cho trung đoàn 246 và trung đoàn 238 của Việt Bắc tiến vào vùng sau lưng địch ở trung du; sử dụng Đại đoàn 320 (thiếu một trung đoàn) tiến công địch ở phòng tuyến sông Đáy (Hà Nam Ninh Bình) đẩy mạnh chiến tranh du kích ở Tả Ngạn và Hữu Ngạn, đánh mạnh các đường giao thông thủy, bộ, đặc biệt là đường số 5 và các sân bay để cắt dạ dày của địch ở Điện Biên Phủ.

Đẩy mạnh chiến tranh du kích ở nam phần Trung Bộ, Nam Bộ và phối hợp cùng bạn đẩy mạnh chiến tranh du kích ở Lào, Cam-pu-chia, tranh thủ nhân dân, mở rộng các căn cứ du kích và vùng giải phóng.

Riêng ở Điện Biên Phủ trong khi gấp rút tiến hành mọi công tác chuẩn bị theo cách đánh mới, Bộ Tổng tư lệnh quyết định sử dụng Đại đoàn 308 tiến quân vào lưu vực sông Nậm Hu, sát cánh cùng bộ đội Pa-thét Lào và

quân tình nguyện tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, mở thêm một mặt trận mới phân tán thêm khối cơ động chiến lược của Na-va, đánh lạc hướng sự phán đoán của địch, làm chúng tưởng ta không đánh Điện Biên Phủ tạo thêm điều kiện để giữ bí mật, bất ngờ cho mặt trận này. Đồng thời với việc tiến quân sang lưu vực sông Nậm Hu, Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho trung đoàn 148 nhanh chóng tiến sang Phong Xa Lý cùng lực lượng vũ trang bạn tiêu diệt địch, giải phóng đất đai.

Như vậy là vào thời điểm cuối tháng 1, đầu tháng 2 năm 1954, giữa lúc Na-va bắt đầu tung ra đòn tiến công chiến lược đầu tiên trong Đông Xuân nhằm đánh chiếm vùng tự do Liên khu 5, thì quân và dân ta cũng bắt đầu thực hiện một đợt tiến công chiến lược mới tiếp tục gây cho địch những tổn thất nặng nề, đẩy chúng lún sâu hơn nữa vào thế bị động và phải phân tán lực lượng đối phó với ta ở khắp nơi.

Ở Nam Trung Bộ, việc chuẩn bị tiến công giải phóng Bắc Tây Nguyên của quân dân Liên khu 5 diễn ra gần như đồng thời với các hoạt động chuẩn bị mở cuộc hành binh Át-lăng của địch. Cuộc hành binh này “nhằm mục đích chủ yếu là phòng ngừa một hiểm họa rất lớn, phá tan mối đe dọa thường xuyên đối với miền Nam Đông Dương bao gồm Nam Bộ, Hạ Lào và Cao Miên. Đó là vì Liên khu 5 hiện nay là một căn cứ tiến công của đối phương vào những năm 1954-1955”¹

Theo hướng dẫn của Na-va và bộ tham mưu dưới quyền của ông ta (*bản hướng dẫn đại cương liên quan tới cuộc hành binh quý I năm 1954 ở miền Nam Trung Việt* số 964/EMIFI/3.0/TS ngày 7 tháng 12 năm 1953), kế hoạch Át-lăng được chia làm ba bước: Bước một có tên là “A-rê-tút” sử dụng 25 tiểu đoàn bộ binh, hai tiểu đoàn công binh và ba đơn vị pháo binh, từ Đắc Lắc đánh xuống, Khánh Hòa đánh ra và từ biển đổ bộ vào đánh chiếm thị xã Tuy Hòa rồi tràn ra chiếm toàn tỉnh Phú Yên. Bước hai có tên là “A-xen” tiến hành vào đầu tháng 3 năm 1954, sẽ tăng thêm lực lượng để phát triển đánh chiếm thị xã Quy Nhơn và tỉnh Bình Định bởi ba cánh quân từ Phú Yên ra, An Khê xuống và từ biển vào. Bước cuối cùng bước quyết định có tên là “Át-ti-la” bắt đầu vào tháng 5 năm 1954, sử dụng 45 tiểu đoàn bộ binh, tám đơn vị pháo binh, hợp vây từ bốn phía để đánh chiếm thị xã và tỉnh Quảng Ngãi, hoàn thành mục tiêu xóa bỏ vùng tự do Liên khu 5. Tướng Đờ Bô-pho chỉ huy quân Pháp ở Tây Nguyên được giao chỉ huy bước một và bước hai của kế hoạch Át-lăng.

Cũng từ tháng 12 năm 1953, để chuẩn bị cho đòn tiến công đầu tiên nhằm vào Phú Yên, địch lần lượt đưa một số binh đoàn cơ động về đặt dưới

1. Na-va, *Đông Dương hấp hối*, Sdd.

sự chỉ huy của tướng Đờ Bô-pho. Đó là binh đoàn cơ động số 10 (GM.10) vừa từ Pháp sang, binh đoàn cơ động số 100 (GM.100) từ chiến trường Nam Triều Tiên về, binh đoàn cơ động số 11 (GM.11) từ Bình Trị Thiên vào, binh đoàn cơ động số 21 (GM.21) từ Nam Bộ ra, hợp cùng các binh đoàn cơ động số 41, 42 (GM.41, GM.42) và một số tiểu đoàn độc lập đã có mặt ở chiến trường Nam Trung Bộ từ trước.

Kế hoạch Át-lăng và việc điều động lực lượng trên đây của địch, về đại thể cơ quan tham mưu chiến lược của ta và quân dân Nam Trung Bộ cũng sớm nắm được qua nhiều nguồn tin. Trước tình hình đó, có ý kiến cho rằng, trong khi địch sắp mở cuộc tiến công lớn vào vùng tự do Liên khu 5 có nên điều chủ lực lên Tây Nguyên tiến công địch không? Nếu đánh lên Tây Nguyên mà không phá vỡ được thế trận phòng ngự của địch, không giành được một khu vực nào có giá trị chiến lược, mà lại để mất vùng tự do, hoặc ta chưa kịp đánh lên Tây Nguyên mà địch đã tiến công ra vùng tự do thì tình hình sẽ trở nên phức tạp. Từ đó có ý kiến cho rằng cần phải giữ chủ lực ở đồng bằng, tập trung lực lượng củng cố căn cứ địa, bảo vệ vùng tự do và phải coi nhiệm vụ bảo vệ vùng tự do Liên khu 5 là quan trọng số một.

Nếu nhìn toàn bộ chiến trường Nam Trung Bộ và nhìn rộng ra toàn chiến trường miền Nam Đông Dương thì Tây Nguyên vẫn là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng hơn cả. Từ cuối tháng 11 năm 1953, khi giao nhiệm vụ cho Liên khu 5, Bộ Chính trị cũng như Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh đã chỉ rõ: *phương châm chiến lược của Liên khu 5 trong Đông Xuân này là phải tích cực và mạnh bạo phát triển vào Tây Nguyên, trước hết là phía bắc*, đồng thời tiếp tục củng cố *vùng tự do hiện nay*. Có phát triển vào Tây Nguyên mới giành được khu chiến lược quan trọng nhất ở miền Nam. Nếu khu chiến lược đó còn ở trong tay địch thì cục diện miền Nam rất khó cải biến. Chỉ có phát triển vào Tây Nguyên, mở rộng vùng tự do về hướng tây thì mới giữ vững được vùng tự do hiện nay. Ta uy hiếp mạnh Tây Nguyên, Hạ Lào, Đông Miên thì địch phải phân tán lực lượng đối phó với ta ở đó, do đó chúng khó thực hiện được âm mưu đánh chiếm vùng tự do của ta. Nhiệm vụ phát triển lên Tây Nguyên phải coi là nhiệm vụ quan trọng thứ nhất. Vì thế chủ trương và nhiệm vụ quân sự trước mắt của ta ở Liên khu 5 là *“tranh thủ thời gian, tích cực tăng cường lực lượng vũ trang của Liên khu về số lượng và chất lượng, phát triển mạnh về hướng Tây Nguyên và Hạ Lào, chủ yếu hiện nay là hướng Bắc Tây Nguyên để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa (kể cả vùng tự do hiện nay) về phía tây, củng cố vùng hành lang Bắc Tây*

Nguyên nổi Liên khu 5 và Hạ Lào và phát triển rộng ra, phá âm mưu củng cố Tây Nguyên và chiếm rộng ra vùng ven biển”¹ của địch.

Nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị và mệnh lệnh của Trung ương, Hội nghị Liên khu ủy và Đảng ủy, Bộ tư lệnh Liên khu 5 hạp vào thượng tuần tháng 12 năm 1953 quyết định:

Tập trung toàn bộ chủ lực cho nhiệm vụ tiến công địch lên Tây Nguyên. Cụ thể trên hướng bắc Công Tum (hướng chủ yếu của chiến dịch) sử dụng hai trung đoàn 108, 803 và hai tiểu đoàn chủ lực độc lập phối hợp cùng các lực lượng địa phương thực hành tiến công địch theo hai bước: Bước một, sử dụng trung đoàn 108 và liên đội đặc công đánh diệt hai cứ điểm Măng Đen, Măng Bút, kéo quân tiếp viện của địch từ Công Tum ra cho trung đoàn 803 đánh viện trên đường Công Brây Măng Đen; tiếp đó tiêu diệt Công Brây, uy hiếp thị xã Công Tum, đánh quân cứu viện của địch trên đường Công Tum Công Brây. Sau khi đã tiêu diệt được một bộ phận sinh lực địch, sang bước hai sẽ phát triển tiến công tiêu diệt toàn bộ hệ thống cứ điểm của địch từ Đắc Tô đến Đắc Lây, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng bắc Công Tum. Trên hướng đường số 19 An Khê (hướng thứ yếu của chiến dịch), trung đoàn địa phương 120 cùng một đại đội và một tiểu đoàn chủ lực, đánh diệt các cứ điểm Kà Tung, Ba Bả Kà Tu và đánh cắt giao thông trên đường số 19 để tiêu diệt sinh lực địch, thu hút, giam chân một bộ phận lực lượng của chúng, chuẩn bị sẵn chiến trường cho các hoạt động tiếp sau.

Giao nhiệm vụ bảo vệ vùng tự do cho lực lượng địa phương. Trước mắt, khẩn trương xây dựng lực lượng, xây dựng làng chiến đấu, nghiên cứu phương án tác chiến cho từng vùng. Địch đánh đến địa phương nào thì ở nơi đó tự tìm cách đối phó, tìm mọi cách tiêu hao tiêu diệt từng bộ phận địch, kìm chân không cho chúng nhanh chóng mở rộng được phạm vi kiểm soát, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại do địch gây ra. Địa phương nào địch chưa đánh tới, phải tích cực động viên, tổ chức nhân dân phục vụ tiền tuyến.

Các mặt trận sau lưng địch, phải tích cực đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh phá giao thông, bao vây các đồn bốt, đánh sâu vào các thị xã, thị trấn gây rối loạn ngay trong sào huyệt địch, đẩy mạnh công tác binh vận, phá kế hoạch xây dựng ngụy quân của chúng. Khi chủ lực ta đánh mạnh ở Tây Nguyên hoặc lúc địch đánh ra vùng tự do phải tổ chức các đợt hoạt động mạnh để kìm giữ, không cho địch rút lực lượng đi tăng cường cho các nơi

1. *Tình hình địch - ta ở Liên khu 5, chủ trương chiến lược và kế hoạch công tác quân sự của ta sắp tới* (Báo cáo của Tổng Quân ủy trình Bộ Chính trị, ngày 27 tháng 11 năm 1953 được Bộ Chính trị thông qua). Trích trong tập *Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh vũ trang của Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh*, Bộ Tổng tham mưu xuất bản năm 1963, tr. 133.

khác, đồng thời lợi dụng lúc địch sơ hở tích cực tiêu hao tiêu diệt sinh lực của chúng và tranh thủ mở rộng các vùng du kích, căn cứ du kích sau lưng địch.

Để thống nhất việc lãnh đạo chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân trên chiến trường, được sự ủy nhiệm của Trung ương, Liên khu ủy 5 quyết định thành lập Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch Tây Nguyên. Đồng chí Nguyễn Chánh, Bí thư Liên khu ủy 5 giữ chức Bí thư Đảng ủy, tư lệnh kiêm chính ủy chiến dịch. Gần hai trăm cán bộ cấp tỉnh và huyện được điều động về tăng cường cho bộ máy lãnh đạo dân công phục vụ mặt trận. Hàng trăm cán bộ khác của cơ quan Liên khu ủy và Bộ tư lệnh Liên khu 5 được phái xuống cơ sở cùng các cấp ủy và chính quyền địa phương kiểm tra đôn đốc việc xây dựng lực lượng, sẵn sàng đánh trả địch.

Đêm 26 tháng 1 năm 1954, trên hướng thứ yếu của chiến dịch, bộ đội ta nổ súng tiêu diệt các vị trí Kà Tung, Ba Bả Kà Tu, Búp Bê mở màn chiến dịch Tây Nguyên.

Đêm 27 rạng 28 tháng 1, trên hướng chủ yếu của chiến dịch, trung đoàn 108 và tiểu đoàn đặc công tiến công Măng Đen, Măng Bút, Công Brây, trong đó trận Măng Đen diễn ra gay go nhất và có tính chất quyết định đối với chiều hướng phát triển của toàn chiến dịch.

Măng Đen - Măng Bút - Công Brây là những cứ điểm mạnh nhất trong hệ thống phòng thủ Bắc Tây Nguyên của địch. Măng Đen và Măng Bút cách nhau mười kilômét. Công Brây nằm lùi về phía Công Tum, phía sau Măng Đen 25 kilômét và cách Công Tum 30 kilômét. Măng Đen là cứ điểm then chốt nhất trong hệ thống phòng thủ Bắc Tây Nguyên của địch. Nó nằm trên một quả đồi hình yên ngựa và được bố trí thành hai khu: Khu A, đồn lớn cấu trúc theo hình tam giác, ở giữa có lô cốt mẹ bằng bê tông cốt thép, ba góc là ba lô cốt khác và có hệ thống hào giao thông ngầm nối liền các lô cốt với nhau. Xung quanh là hệ thống dây thép gai hình ngôi sao rộng từ 30 đến 90 mét. Khu B được xây theo hình móng ngựa, ngoài ba lô cốt còn có hầm ngầm và hệ thống hào giao thông ngầm. Giữa hai khu A và B rộng 800 mét có một sân bay nhỏ. Khu A do hai đại đội địch đóng giữ, còn khu B thường có từ 100 đến 150, có khi lên tới 400 lính ứng chiến của tỉnh Công Tum đến ở.

23 giờ 30 phút, hai tiểu đoàn ta cùng một lúc đánh vào cả hai khu A và B. Nhưng ngay từ những phút đầu ở khu A tiểu đoàn 19 đã gặp khó khăn. Ở mũi đột phá thứ nhất địch chặn đánh quyết liệt; tổ bộc phá đã thương vong hết mà vẫn còn tới năm lớp rào chưa phá được. Bộc phá viên của thế đội hai điều lên tăng cường và đã thương vong một số, nhưng vẫn chưa mở được cửa. Ở mũi đột phá thứ hai ta chiếm được lô cốt đầu cầu nhưng không phát triển được. Đại đội dự bị bước vào chiến đấu cũng bị chặn lại. Địch dựa vào hầm

ngầm đánh trả quyết liệt. Trận đánh rơi vào thế giằng co, thương vong của ta mỗi lúc một tăng, trời lại sắp sáng. Thường vụ đảng ủy trung đoàn 108 họp bàn chủ trương giải quyết mục tiêu tiến công.

Ở khu B do công sự và hỏa lực địch yếu hơn, sau sáu giờ chiến đấu, tiểu đoàn 79 đã hoàn toàn làm chủ trận địa. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 79 đề nghị trung đoàn cho đơn vị tổ chức lực lượng bí mật vượt qua sân bay đánh vào phía sau lưng địch. Trận đánh trở nên thuận lợi hơn. Được đồng đội yểm hộ, tiểu đội trưởng Võ Cát dẫn đầu tổ bộc phá tiến sang mở thêm một cửa mới đánh vào khu A từ hướng sân bay. Bị kẹp giữa hai gọng kìm tiến công của tiểu đoàn 19 và tiểu đoàn 79, các ổ đề kháng của địch ở khu A lần lượt bị đè bẹp, 7 giờ ngày 28 tháng 1 trận đánh kết thúc thắng lợi.

Cũng trong đêm 27, tiểu đoàn 59 nhận nhiệm vụ đánh Công Brây. Do phải hành quân theo đường vòng nên khi bên hướng Măng Đen nổ súng, tiểu đoàn 59 vẫn còn cách mục tiêu năm kilômét. Vì thế bọn địch ở Công Brây đã kịp cảnh giác đề phòng, đưa một bộ phận ra phục kích ngoài đồi. Mặc dù yếu tố bất ngờ không còn nữa, tiểu đoàn 59 vẫn bí mật cho bộ đội luồn vào áp sát địch chờ thời cơ. Tảng sáng ngày 28 khi địch đang rút lực lượng trở lại đồn thì tiểu đoàn 59 bất ngờ nổ súng đánh cả vào hai bộ phận địch và đã kết thúc trận đánh vào hồi 6 giờ 35 phút.

Ở hướng Măng Bút, trận đánh diễn ra nhanh gọn. Bộ đội ta đã hoàn toàn tiêu diệt cứ điểm sau 30 phút chiến đấu.

Măng Đen Măng Bút Công Brây bị san phẳng. Cụm phòng ngự then chốt của địch ở Bắc Công Tum bị đập tan. Cửa ngõ tiến vào Bắc Tây Nguyên mở toang. Đòn tiến công mở đầu này đã gây chấn động mạnh đối với binh lính địch trên toàn vùng. Bọn sĩ quan, binh lính địch ở thị xã Công Tum liên tiếp điện xin quân tiếp viện. Đờ Bô-pho đang theo dõi cuộc hành quân ở Phú Yên đã vội vã bay ngay lên Công Tum và điều gấp binh đoàn cơ động số 100 trở về để trấn an và tăng cường phòng thủ. Tuy nhiên, các binh đoàn cơ động Pháp lúc này đều còn đang vướng chân ở Phú Yên. Nếu rút ra được thì cũng phải mất bốn, năm ngày mới về kịp.

Thời cơ giải phóng địa bàn xuất hiện sớm hơn dự kiến. Tranh thủ lúc tình thế đang có nhiều thuận lợi. Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho các đơn vị đẩy mạnh tốc độ tiến công. Trung đoàn 108 phát triển về hướng tây, tiêu diệt các cứ điểm Đắc Tô, Đắc Sút, Đắc Lây... giải phóng vùng Bắc Công Tum. Trung đoàn 803 đưa lực lượng áp sát và bao vây, uy hiếp thị xã Công Tum và cho một bộ phận lực lượng xuyên rừng vòng xuống phía nam, cắt đứt giao thông địch trên đường số 14 đoạn Plây Cu đi Công Tum. Ở hướng đường số 19 trung đoàn 120 phát triển tiếp lên phía tây đèo Măng Giang diệt địch.

Tình hình phát triển rất nhanh, quân địch ở Đắc Tô, Đắc Sút, Đắc Lây cùng nhiều đồn bốt khác đã bỏ chạy trước khi ta đến. Thiếu ăn, thiếu ngủ, bộ đội ta vẫn kiên quyết đuổi đánh địch không kể ngày đêm vượt mấy chục kilômét đường rừng mỗi ngày. Các đoàn dân công nam nữ, gùi gánh gạo, đạn nặng vai luôn luôn sát cánh cùng bộ đội trong cuộc đuổi đánh diệt địch. Trong vòng chưa đầy nửa tháng, trung đoàn 108 đã quét sạch một loạt cứ điểm địch trên đường số 14 giải phóng Bắc Công Tum; trung đoàn 803 liên tiếp tập kích vào thị xã Công Tum và đánh chặn diệt viện trên đường Plây Cu đi Công Tum gây cho địch nhiều thiệt hại, có trận diệt hàng trăm địch. Ở hướng đường 19 bộ đội ta cũng diệt tiếp các cứ điểm Plây Bông, Krông, Kơ Tu quét sạch địch ở khu vực ngã ba đường 19A và 19B. Hoảng hốt vì đã rơi vào thế bị bao vây cô lập, Đờ Bô-pho vội ra lệnh cho lực lượng địch đóng ở thị xã Công Tum tháo chạy về Plây Cu.

Ngày 5 tháng 2 năm 1954, thị xã Công Tum và toàn bộ vùng Bắc Tây Nguyên được giải phóng.

Mất Công Tum, thị xã Plây Cu và miền Nam Tây Nguyên bị uy hiếp. Tình hình này làm cho Na-va và bộ tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương hết sức lúng túng. Na-va buộc phải chấp nhận cho Đờ Bô-pho tạm ngừng cuộc tiến công ở đồng bằng Liên khu 5 và điều động mười một tiểu đoàn từ Nam Bộ và Bình Trị Thiên đến để tăng cường cho Đờ Bô-pho tổ chức hai tập đoàn cứ điểm An Khê, Plây Cu và một loạt cứ điểm mới ở miền Nam Tây Nguyên. Sau đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ và Trung Lào, Plây Cu và một số cụm cứ điểm ở Nam Tây Nguyên trở thành nơi tập trung binh lực thứ tư của địch trên chiến trường Đông Dương¹.

1. Đầu tháng 2 năm 1954, sau khi tháo chạy khỏi Công Tum, theo chỉ thị của Na-va, tướng Đờ Bô-pho đã điều chỉnh bố trí lại lực lượng của quân Pháp ở miền Nam Trung Bộ hình thành hai khối lớn:

Khối thứ nhất ở Tây Nguyên có 24 tiểu đoàn:

9 tiểu đoàn (trong đó có binh đoàn cơ động số 100) bố trí hình thành một cánh cung lớn từ đồn điền Đắc Đoa (bắc thị xã Plây Cu 15 kilômét) chạy vòng về phía tây giáp với đồn điền Buôn Hồ, để chống đỡ các cuộc tiến công của ta từ hướng Công Tum xuống bảo vệ thị xã Plây Cu và tỉnh Plây Cu.

- 9 tiểu đoàn (trong đó có các binh đoàn cơ động số 11 và 21) tổ chức thành tuyến chốt chặn trên đường số 19 - An Khê, để phòng chủ lực ta vượt đường đánh vào cao nguyên Đắc Lắc và thị xã Buôn Ma Thuột.

- 6 tiểu đoàn (hai binh đoàn cơ động số 41 và 42) bố trí tại cao nguyên Trà Khê vừa làm nhiệm vụ chốt chặn cửa ngõ đi vào Nam Tây Nguyên, vừa làm lực lượng cơ động, sẵn sàng được điều đi chi viện cho các hướng bị uy hiếp.

Khối thứ hai ở đồng bằng có 16 tiểu đoàn:

10 tiểu đoàn (trong đó có binh đoàn cơ động số 10) chiếm đóng thị xã Tuy Hòa và các vị trí trọng yếu khác mà chúng mới đánh chiếm được cuối tháng 1 năm 1954 thuộc địa bàn tỉnh Phú Yên.

- 6 tiểu đoàn đứng chân ở Ninh Hòa, Nha Trang làm lực lượng dự bị.

Từ thế bố trí này của địch có thể thấy, Na-va và Bô-pho đã buộc phải chuyển sang dành ưu tiên số một cho việc đối phó với ta trên miền rừng núi Tây Nguyên. Nhưng rõ ràng là chúng cũng chưa chịu từ bỏ "kế hoạch Ất-lăng" và vẫn đang cài thế, tạo thế để có thể tiếp tục thực hiện kế hoạch đó.

Không để cho địch kịp củng cố thế phòng ngự, ngay sau khi thực hiện xong nhiệm vụ giải phóng tỉnh Công Tum, hai trung đoàn 108 và 803 lập tức phát triển tiếp về hướng Plây Cu, đuổi đánh địch trên một đoạn đường hơn hai trăm kilômét diệt thêm nhiều địch. Ngày 18 tháng 2, trung đoàn 803 tiến công tiêu diệt cứ điểm Đắc Đoa, loại khỏi vòng chiến hai đại đội địch. Cùng thời gian đó bộ binh và đặc công Liên khu 5 còn tập kích vào các cơ sở kho tàng, cơ quan chỉ huy địch ở trong thị xã Plây Cu, phục kích địch ở phía nam đồn điền Buôn Hồ, v.v. liên tiếp giáng cho bọn địch đang cố thủ ở thị xã Plây Cu những đòn đau.

Chiến thắng Bắc Tây Nguyên là một thắng lợi lớn của ta trong chiến cuộc Đông Xuân.

Kiên quyết thực hiện phương hướng chiến lược của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, nêu cao tinh thần chiến đấu dũng cảm, tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, chỉ trong một thời gian ngắn, quân và dân Liên khu 5 đã đập tan toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch ở Công Tum, diệt và bắt 2.600 địch, thu một số lớn vũ khí đủ để trang bị cho hơn một trung đoàn, giải phóng địa bàn chiến lược Bắc Tây Nguyên rộng mười sáu nghìn kilômét cùng với hai mươi vạn dân. Vùng tự do của ta ở Liên khu 5 được mở rộng từ ven biển Quảng Nam, Quảng Ngãi đến biên giới Việt - Lào, nối liền với vùng giải phóng của bạn ở Hạ Lào.

Chiến thắng Tây Nguyên còn giáng một đòn nặng nề vào kế hoạch tiến công chiến lược ở miền Nam của địch. Bị thất bại nặng nề, địch từ tranh thủ tiến công để giành chủ động phải quay sang phòng ngự bị động, từ nắm được cả địa bàn chiến lược Tây Nguyên, nay phải tăng thêm quân chỉ mong giữ được nửa phần còn lại, và như thế khối cơ động chiến lược của Na-va càng bị phân tán hơn nữa.

Ở Thượng Lào, sau khi Lai Châu được giải phóng và Điện Biên Phủ bị rơi vào tình trạng quá cô lập, Na-va đã chỉ thị cho Cre-voer Cơ đưa sáu tiểu đoàn lên chiếm đóng dọc lưu vực sông Nậm Hu cho đến Mường Khoa tìm cách phối hợp với lực lượng của binh đoàn tác chiến Tây Bắc mở đường giao thông nối liền Điện Biên Phủ với Thượng Lào.

Để đánh lạc hướng phán đoán của địch, tiêu diệt thêm sinh lực của chúng, buộc chúng phải tiếp tục phân tán binh lực, tạo điều kiện tốt cho việc tiếp tục tiến hành mọi công tác chuẩn bị tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, Bộ Tổng tư lệnh tiền phương quyết định giao nhiệm vụ cho Đại đoàn 308 gấp rút tiến quân sang

tiến công phòng tuyến sông Nậm Hu. Đồng thời trung đoàn 148 được lệnh nhanh chóng tiến sang Phong Xa Lý phối hợp cùng bộ đội Pa-thét Lào tranh thủ tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, mở rộng thêm vùng căn cứ cách mạng của bạn ở Thượng Lào.

Đại đoàn 308 nhận nhiệm vụ mới trong một hoàn cảnh có nhiều khó khăn. Hai giờ sau khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ thị nhiệm vụ qua điện thoại cho đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ, toàn đại đoàn đã lập tức rời khe Hồng Lếch, vừa hành quân vừa nắm địch, nghiên cứu địa hình, tổ chức chiến đấu và khắc phục mọi mặt về bảo đảm hậu cần, vì chiến trường chưa được chuẩn bị và mỗi người chỉ có vài ngày gạo mang theo. Toàn đại đoàn chia làm hai cánh tiến sang Thượng Lào: Cánh thứ nhất gồm trung đoàn 102, tiểu đoàn phòng không và đơn vị cối 120. Cánh thứ hai có trung đoàn 36 và trung đoàn 88. Dẫn đầu cuộc tiến quân là một đội quân báo do phó tham mưu trưởng đại đoàn phụ trách với nhiệm vụ đi trước để tìm đường, nắm địch và chuẩn bị các phương án tác chiến. Cùng tiến trước với đội quân báo còn có bảy cán bộ hậu cần do đồng chí phó chủ nhiệm hậu cần phụ trách có nhiệm vụ tìm bắt liên lạc với bộ đội Pa-thét Lào và cơ sở kháng chiến của bạn nhờ giúp đỡ giải quyết vấn đề lương thực, bảo đảm cái ăn cho bộ đội trên dọc đường tiến quân.

Cuộc tiến quân trên miền rừng núi hiểm trở Thượng Lào mà hầu hết là những nơi không một bóng người, không nguồn cấp dưỡng là một thử thách lớn đối với cán bộ chiến sĩ Đại đoàn 308. Ở không ít đơn vị bộ đội ta chỉ có túi gạo rang đeo bên thắt lưng để thỉnh thoảng nhấm nháp cầm hơi, đề phòng tình hình có thể sẽ còn khó khăn hơn.

Sau bốn ngày hành quân gian khổ, cả hai cánh quân của Đại đoàn 308 đã tiến sát phòng tuyến sông Nậm Hu. Trước đó một ngày, hoảng hốt trước tin đại quân ta đã rời khỏi Điện Biên Phủ, phát triển tiến công sang Thượng Lào, quân địch vội vã bỏ cả phòng tuyến rút chạy về hướng Mường Sài, Luông Phra Băng.

Không bỏ lỡ cơ hội diệt địch và vận dụng một cách sáng tạo những kinh nghiệm đuổi đánh địch đường dài của chiến dịch Sầm Nưa, cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn 308 đã khắc phục những khó khăn rất lớn về tiếp tế để thực hiện nhiệm vụ không kể ngày đêm.

Ngày 30 tháng 1, cánh quân thứ nhất của đại đoàn do trung đoàn 102 đảm nhiệm bắt đầu tổ chức vượt sông Nậm Hu. Cùng đi với cánh quân này còn có sở chỉ huy nhẹ của đại đoàn do đại đoàn phó Cao Văn Khánh phụ trách. Do thuyền mảng có ít, chỉ đủ chở vũ khí nặng, cán bộ, chiến sĩ các đơn vị đã khẩn trương kiếm tre, bương, dùng vải nhựa gói ba lô, quần áo làm

phao, dìu nhau bơi qua sông theo đội hình từng tổ chiến đấu. Sang tới bờ sông bên kia, vừa tập hợp xong lực lượng, đơn vị lập tức lên đường theo hướng dẫn của một chiến sĩ bộ đội địa phương bạn. Nửa đêm 30, bộ đội trung đoàn 102 vừa được lệnh dừng lại tranh thủ nghỉ một giờ ngay bên lề đường. Nhưng vừa nghỉ chưa được bao lâu thì có tin quân báo đã phát hiện thấy lực lượng địch đang trên đường chạy về Mường Sài và ở cách đơn vị khoảng mười kilômét.

Cả đoàn quân lập tức bật dậy và lại gấp rút lên đường. Tuy không nắm được cụ thể nhưng chắc chắn địch chỉ còn cách ta không xa, đồng chí Hùng Sinh trung đoàn trưởng trung đoàn 102 ra lệnh cho các đơn vị nhanh chóng đuổi địch, bất kể đơn vị nào, bộ phận nào, ai có sức thì cứ vượt lên trước, thấy địch là đánh, gặp bạn là phối hợp. Ở phía trước phân đội quân báo của ta do đồng chí Mai Hữu Thao tham mưu phó Đại đoàn 308 trực tiếp phụ trách cũng nhanh chóng tìm đường vòng lên phía trước lực lượng địch đang tháo chạy để chặn chúng lại.

Rạng sáng 31 tháng 1 năm 1954, khi đội quân báo đại đoàn đã tạo được một "cái nút" bịt chặt đường rút của địch ở phía trước, thì từ phía sau thoát đầu chỉ có đại đội 261, tiếp đó là cả tiểu đoàn 18 cũng kịp thời ập tới, chia làm nhiều mũi đánh xuyên vào giữa đoàn quân địch đang hết sức kinh hoàng vì sự xuất hiện bất ngờ của chủ lực ta. Một đại đội Pa-thét Lào đang trên đường hành quân nghe tiếng súng nổ liền chủ động tạt vào phối hợp cùng bộ đội ta chiến đấu. Địch bị chia cắt làm đôi: Tên thiếu tá Vô-đơ-rây nắm cụm quân thứ nhất có tiểu đoàn Ta-bo số 5 và ba đại đội ngụy. Tên thiếu tá Ca-ba-ri và đại úy Lăm-be nắm cụm quân thứ hai có ba đại đội thuộc tiểu đoàn Lê-dương số 2 và một đại đội ngụy. Địch mỗi lúc càng ngập sâu hơn vào thế bất lợi, một số bị chết và bị bắt sống tại trận, một số bị đánh tan tác tìm đường lủi trốn. Tuy nhiên, do lực lượng địch đông, địa hình rừng núi lại rất phức tạp, khó thực hiện bao vây chúng một cách triệt để nên bộ đội ta và bạn cũng không thể nhanh chóng dứt điểm trận đánh.

Chiều 31, đại bộ phận lực lượng của trung đoàn 102 đã tiến tới sát khu chiến. Cán bộ chỉ huy trung đoàn quyết định đưa thêm các tiểu đoàn 79, 54 vào phối hợp với tiểu đoàn 18 tiến công. Do công tác chuẩn bị của tiểu đoàn 79 chậm nên khi trời tối, bốn đại đội địch do Ca-ba-ri và Lăm-be nắm, rẽ xuống một khe suối rậm, tìm đường lủi trốn về Mường Sài.

Một cuộc săn đuổi diệt địch hết sức khắk trương lại tiếp tục diễn ra. Bộ đội ta đã trải qua năm ngày đêm ăn đói, nhịn khát, hành quân liên tục vẫn hăng hái vượt lên phía trước đuổi đánh địch. Và như Rô-be Ghi-lanh, một nhà báo kiêm nhà bình luận quân sự Pháp đã từng có mặt ở Tây Bắc

Thượng Lào vào thời điểm đó ghi lại thì cuộc săn đuổi này phải được gọi là “một cuộc chạy việt dã quái đản xuyên qua rừng rậm, vượt trên sức bất cứ đội quân nào”¹. Chính sau này Na-va khi đã trở thành một bại tướng rồi, cũng phải công nhận rằng trong cuộc đuổi đánh quân Pháp rút chạy khỏi phòng tuyến sông Nậm Hu, quân ta đã đạt được “một tốc độ phi thường để đuổi kịp và đánh thắng”

Trên đoạn đường từ Mường Khoa đi Mường Sài bộ đội ta tiếp tục đuổi đánh địch theo một hình thái ít thấy: Toán quân của Vô-đơ-rây chạy đầu và đang bị tiểu đoàn 18 bám riết. Nhưng ở phía sau tiểu đoàn 18 một quãng là toán quân thuộc cụm thứ hai của Ca-ba-ri đang bị các chiến sĩ tiểu đoàn 79, 54 đuổi theo. Chiều 31, khi toán quân Vô-đơ-rây đang mài miết xuống núi, cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn 18 đã tranh thủ chiếm lĩnh thế cao kết hợp giữa hỏa lực và xung lực đánh xuống bọn địch đang ở dưới thấp diệt tại trận hàng trăm tên, bắt sống 54 tên khác.

Ở phía sau, qua một đêm tìm kiếm, tảng sáng ngày 1 tháng 2 năm 1954, tiểu đoàn 79 phát hiện thấy các đại đội địch thuộc cụm thứ hai của Ca-ba-ri đang tập trung trong một vạt rừng rậm. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 79 lập tức chia quân làm hai cánh: một cánh đánh thẳng vào quân địch đang tạm dừng, một cánh theo đường cái vòng xuống phía nam, cài sẵn bẫy, chốt chặn ở một ngã ba suối, không cho chúng thoát về Mường Sài.

Trận giao chiến chỉ diễn ra rất ngắn ngủi. Vì quân địch đã quá khiếp sợ và mệt mỏi sau một đêm mò mẫm, lẩn trốn trong rừng, nên khi các chiến sĩ tiểu đoàn 79 xuất hiện, cụm quân này nhanh chóng tan rã.

Trong các ngày này, trung đoàn 102 vừa khẩn trương đuổi đánh địch ở phía trước, vừa tổ chức lực lượng truy quét, bắt được hàng trăm tên địch đang lủi trốn trong các cánh rừng rậm ở phía sau (trong số tàn binh bị bắt sống này có cả tên thiếu tá Ca-ba-ri và tên đại úy Lăm-be). Hai tiểu đoàn địch ở Mường Khoa rút chạy về Mường Sài đã bị trung đoàn 102 tiêu diệt gần hết, trong đó có một tiểu đoàn Lê-dương bị tiêu diệt gọn. Ngày 2 tháng 2 năm 1954, trung đoàn 102 tiến đến sát Mường Sài, đơn vị dừng lại khẩn trương củng cố chờ nhận nhiệm vụ mới.

Cùng thời gian này, cánh quân thứ hai của Đại đoàn 308 sau những ngày hành quân gian khổ đã tiến sát đến Mường Ngòi. Ở đây địch cũng vừa rút chạy. Trung đoàn 36 tìm cách vượt sông Nậm Hu nhưng thuyền bè đã bị bọn địch lấy vượt sông rồi chìm đi tất cả. Đơn vị cử người đi tìm dân và một lát sau, dân bản đã huy động được một số thuyền độc mộc tới để giúp đơn vị chở

1. Rô-be Ghi-lanh, *Kết thúc của những ảo tưởng*, Nxb Trung tâm nghiên cứu chính trị nước ngoài, Pa-ri, 1954.

vũ khí nặng và các chiến sĩ đau yếu, còn toàn đơn vị lại làm bè mảng và dùng mọi thứ làm phao để dìu nhau bơi qua sông.

Vượt qua một chặng đường khá dài, các chiến sĩ tiểu đoàn 89 đơn vị đi đầu của trung đoàn 36 phát hiện thấy khoảng một tiểu đoàn ngụy đang dừng chân trên mấy quả đồi ven đường liền tổ chức tiến công ngay và đã nhanh chóng đánh tan bọn địch này. Trong ngày hôm ấy trên đường tiến quân, tiểu đoàn 89 đánh liên mười trận, trận nào cũng nhanh chóng giành được thắng lợi, diệt thêm hàng trăm địch.

Ngày 2 tháng 2 năm 1954, trung đoàn 36 tiến vào thung lũng Nậm Bạc. Phát hiện thấy quân địch trong đồn đang nhốn nháo chuẩn bị rút chạy, đại đội 395 ập thẳng vào đồn chiếm gọn mục tiêu.

Từ Nậm Bạc có hai đường: một đường đi Nậm Ngà rồi thẳng đến kinh đô Luông Phra Băng, nơi có sở chỉ huy quân Pháp trên chiến trường Thượng Lào, một đường rẽ sang Mường Sài là hướng hoạt động của cánh quân thứ nhất do trung đoàn 102 phụ trách. Ngày 3 tháng 2, trung đoàn 36 tiếp tục hướng mũi tiến quân về Nậm Ngà. Phía sau trung đoàn 36, trung đoàn 88 cũng đã tiến vào khu vực mới giải phóng truy quét tàn binh địch, cùng bộ đội và nhân dân bản xây dựng cơ sở cách mạng.

Ngày 5 tháng 2 năm 1954, trung đoàn 36 tiến đến sát Nậm Ngà. Khi tiểu đoàn 89 dẫn đầu đội hình tiến quân vào đến ngã ba Nậm Bạc - Nậm Ngà - Mường Sài thì cũng là lúc hai đại đội thuộc tiểu đoàn ngụy Thái số 1 (1°BTA) vừa từ Mường Sài kéo tới tăng cường cho khu vực này.

Một trận "tao ngộ chiến" dữ dội đã diễn ra ngay tại cửa ngõ Nậm Ngà. Vừa phát hiện được địch, bộ đội ta nhanh chóng tỏa ra các hướng hình thành một thế bao vây và mạnh dạn thọc sâu kết hợp chặt chẽ giữa trong đánh ra và ngoài đánh vào diệt địch. Chưa đầy 30 phút nổ súng, cả hai đại đội của tiểu đoàn ngụy Thái số 1 đã bị xóa sổ. Thừa thắng tiểu đoàn 89 tung lực lượng đánh thẳng vào tiêu diệt các toán quân địch đang chiếm đóng Nậm Ngà diệt gọn một đại đội địch. Đây là một trong những trận thắng giòn giã, diệt và bắt được nhiều địch, thu nhiều vũ khí, đạt hiệu suất chiến đấu cao của Đại đoàn 308 trong cuộc truy kích địch trên miền rừng núi Thượng Lào lần này.

Ngay sau khi trận đánh Nậm Ngà vừa kết thúc thắng lợi, đồng chí Vương Thừa Vũ, đại đoàn trưởng Đại đoàn 308 và ban chỉ huy trung đoàn 36 đã vào quan sát trận địa còn ngổn ngang xác giặc và chiến lợi phẩm. Đồng chí đại đoàn trưởng khen ngợi bộ đội, thăm hỏi thương binh và chỉ thị cho trung đoàn 36 nhanh chóng tổ chức lực lượng tiến về hướng Luông Phra Băng.

Trên đường hành quân từ Nậm Ngà vào Luông Phra Băng địch gài khá nhiều mìn. Để đảm bảo tốc độ tiến quân, các đồng chí Hồng Sơn trung đoàn trưởng và Chu Thanh Hương - chính ủy trung đoàn 36 quyết định cho bộ đội đóng bè mảng vượt sông, tiến đến mục tiêu quy định bằng con đường khác. Chiều ngày 7 tháng 2 năm 1954, các tiểu đoàn 80, 84 và trung đoàn bộ trung đoàn 36 tiến tới Pắc Sương thì bắt được liên lạc với tiểu đoàn địa phương 970. Theo tin quân báo cho biết thì hôm trước ở Pắc Sương lực lượng địch có năm đại đội, nhưng lo sợ bị tiêu diệt chúng đã bỏ đồn tháo chạy và tiểu đoàn 970 đã tiêu diệt được một số.

Trung đoàn 36 lại tiếp tục tiến gấp về Luông Phra Băng. Đêm 11 bộ đội ta vượt sông Nậm Hu (quãng ngã ba sông Nậm Hu gặp sông Mê Công) và nổ súng tiến công san phẳng đồn Bản Na diệt 70 địch. Sau trận thắng địch ở Bản Na, Bộ Tổng tư lệnh chỉ thị cho Đại đoàn 308 tạm ngừng tiến công, chuẩn bị trở về Điện Biên Phủ.

Trong hơn mười ngày chiến đấu và đuổi đánh địch trên một chặng đường dài hơn 200 kilômét, Đại đoàn 308 đã đánh nhiều trận, tiêu diệt 17 đại đội địch, trong đó có tiểu đoàn lính lê-dương bị tiêu diệt gọn, thu hàng chục tấn vũ khí, đạn dược, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu, cô lập hoàn toàn quân địch ở Điện Biên Phủ. Nhân lúc địch hoang mang, trung đoàn 148 sát cánh cùng bộ đội Pa-thét Lào trong năm ngày chiến đấu đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, lần lượt giải phóng Bun Tây, Bun Nứa và khu vực tỉnh lỵ. Toàn bộ tỉnh Phong Xa Lỳ rộng khoảng một vạn kilômét vuông được hoàn toàn giải phóng.

Những thất bại của địch ở Thượng Lào trong Đông Xuân này còn chứng tỏ ý định của Na-va chiếm đóng Điện Biên Phủ để bảo vệ Thượng Lào, bảo vệ Luông Phra Băng đã bị phá sản. Hoảng hốt vì chủ lực ta đã tới sát Luông Phra Băng, cố đô của nước Lào và Mường Sài, nơi “phải được coi là một cột mốc của thế giới tự do mà cộng sản không thể vượt qua”¹, Na-va buộc phải lập cầu hàng không chở quân tăng viện đến cụm lại ở Luông Phra Băng, Mường Sài thành lập hai tập đoàn cứ điểm mới. Ở Luông Phra Băng địch đưa binh đoàn cơ động số 7 (GM.7) từ Bắc Bộ và tiểu đoàn 4/4 RIC từ Xiêng Khoảng đến. Ở Mường Sài địch điều trung đoàn 11 RIC, tiểu đoàn Ta-bo số 10, tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 và tiểu đoàn khinh quân số 301 từ đồng bằng Bắc Bộ đến. Mường Sài - Luông Phra Băng trở thành nơi tập trung binh lực thứ năm của địch trên chiến trường Đông Dương.

1. Tuyên bố của ngoại trưởng Mỹ Phó-xtơ Đa-lét, tháng 4 năm 1953.

Trong những ngày cuối tháng 1 đầu tháng 2 năm 1954 giữa lúc bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp đang mải lo đối phó với các cuộc tiến công mạnh mẽ của ta và bạn ở Tây Nguyên, Thượng Lào, thì một đòn tiến công bất ngờ mới đã nổ ra ở Hạ Lào, khiến cho địch càng thêm lúng túng và bị động.

Nằm trong kế hoạch tác chiến chung của ta và bạn ở miền Trung và vùng bán đảo Đông Dương trong Đông Xuân 1953-1954, cuộc tiến công địch ở Hạ Lào cũng đã được ta và bạn thỏa thuận từ trước. Ngay từ giữa tháng 11 năm 1953, khi giao nhiệm vụ cho Đại đoàn 325 phối hợp cùng các lực lượng bạn mở cuộc tiến công lớn ở Trung Lào, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh đồng thời đã chỉ thị cho đại đoàn tổ chức một mũi thọc sâu đánh xuống Hạ Lào gây bất ngờ cho địch về chiến dịch, phối hợp với các cuộc tiến công lớn ở Tây Nguyên, Trung Lào và tạo sẵn bàn đạp cho chủ lực ta phát triển tiếp xuống phía nam, mở rộng vùng giải phóng của bạn, đánh thông hành lang chiến lược bắc - nam Đông Dương.

Để đi đến một quyết định táo bạo đưa chủ lực thọc sâu xuống Hạ Lào mở cuộc tiến công địch, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh đã phân tích sâu sắc yếu tố bí mật bất ngờ của hoạt động tác chiến trên một địa bàn nằm sâu trong vùng hậu phương địch nơi hệ thống phòng thủ của chúng đang còn rất sơ hở và cân nhắc, tính toán kỹ lưỡng điều kiện hoạt động của chủ lực ta cùng những biện pháp chủ yếu để cải thiện những điều kiện đó.

Trở ngại lớn nhất mà ta phải khắc phục là chiến trường ở quá xa hậu phương. Muốn đi tới Hạ Lào, trong điều kiện của ta lúc bấy giờ, thì con đường duy nhất có thể đi được là hành quân theo các lối mòn dọc dải Trường Sơn, hầu hết là những nơi không một bóng người, không nguồn cấp lương. Từ vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh đến Hạ Lào, nếu đi theo tuyến đường mòn này bộ đội ta sẽ phải vượt khoảng một nghìn hai trăm kilômét đường rừng hiểm trở và cần khoảng hai tháng mới có thể hành quân tới đích. Khi tới chiến trường, chủ lực ta sẽ phải hoàn toàn dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân địa phương bạn để có lương ăn và khi đã đánh hết cơ số đạn mang theo trên vai bộ đội thì phải triệt để thực hiện phương châm "lấy súng đạn địch đánh địch" Thời gian hoạt động có thể là mấy tháng nhưng cũng có thể kéo dài. Đây là một nhiệm vụ thọc sâu hết sức phức tạp. Nhưng nếu ta khắc phục được khó khăn để đưa chủ lực xuống Hạ Lào thì sẽ tạo nên một bất ngờ cho địch về chiến dịch và với yếu tố bất ngờ đó chủ lực ta có thể đạt được hiệu quả chiến đấu rất cao mà trong những điều kiện bình thường không thể có được.

Sau khi xem xét ý kiến đề nghị của Đảng ủy, Bộ tư lệnh Đại đoàn 325 và trên cơ sở phân tích các yếu tố đảm bảo thắng lợi, Tổng Quân ủy và Bộ Tổng

tư lệnh quyết định phương án đưa tiểu đoàn 436 thọc sâu xuống Hạ Lào và tạo mọi điều kiện cho đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

Về quân số, tiểu đoàn được ưu tiên tuyển chọn các chiến sĩ có ý chí, kinh nghiệm chiến đấu, sức khỏe tốt và được bổ sung lên tới 760 người biên chế thành năm đại đội bộ binh, hai đại đội hỏa lực (một đại đội ĐKZ và một đại đội súng cối 81). Bộ binh được trang bị toàn tiểu liên K50 hoặc trung liên, đại liên... là những loại vũ khí quân và dân ta mới được Đảng, Chính phủ, nhân dân Liên Xô, Trung Quốc viện trợ để chống kẻ thù xâm lược. Đơn vị còn được Tổng cục Cung cấp phát cho một số tiền Đông Dương (loại tiền của Pháp lưu hành trong các vùng tạm bị chiếm) và đã mang theo lượng dự trữ muối đủ dùng trong một năm cùng khá nhiều đạn.

Cuối tháng 11 năm 1953, hoàn thành mọi mặt chuẩn bị, tiểu đoàn 436 bắt đầu rời Nam Đàn (Nghệ An) tiến về phương Nam. Để đảm bảo cho cuộc hành quân đường dài của tiểu đoàn 436, Hội đồng Cung cấp mặt trận và Liên khu ủy 4 chỉ thị cho hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh lo việc tiếp tế và huy động dân công giúp đơn vị vận chuyển đạn, gạo vào tới bắc sông Bến Hải. Tiếp đó là hai tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên lo việc tiếp tế và huy động dân công giúp đơn vị vận chuyển đạn, gạo vào tới dốc A Liêng (Quảng Nam). Từ A Liêng trở đi do các tỉnh thuộc Liên khu 5 đảm nhiệm. Sau gần hai tháng hành quân xuyên dọc theo dải Trường Sơn, tiểu đoàn 436 vượt dốc Pan Ninh theo đường dây liên lạc của Liên khu 5 vào tập kết trong vùng căn cứ du kích của bạn thuộc địa bàn tỉnh A-tô-pơ với đầy đủ quân số và trang bị.

Không để cho địch kịp tăng cường phòng bị, vừa vào tới mặt trận, tiểu đoàn 436 bắt tay ngay vào cùng các lực lượng tại chỗ chuẩn bị tiến công Pui - A-tô-pơ, cụm phòng thủ then chốt của địch trên địa bàn Cực Nam Lào. Ở đây lực lượng địch có khoảng một nghìn tên (một tiểu đoàn tăng cường) bố trí thành hai cụm: Cụm thứ nhất là khu vực thị xã và sân bay có bốn đại đội địch. Cụm thứ hai là cứ điểm Pui (tây nam thị xã A-tô-pơ 19 kilômét) có một đại đội xung kích và một trung đội pháo. Đại đội xung kích này được coi là đơn vị thiện chiến nhất trong khu vực, chúng đưa ra chiếm đóng Pui nhằm án ngữ cửa ngõ vào khu vực du kích của bạn.

Kế hoạch tiến công của ta và bạn là: Bước một, tập trung toàn bộ lực lượng của tiểu đoàn 436 đánh cứ điểm Pui, đại đội quân tình nguyện Liên khu 5 và bộ đội, du kích Lào bao vây khu vực thị xã và tiến đánh tiêu hao địch. Bước hai, tiểu đoàn 436 chuyển về cùng các đơn vị bạn tiến công giải phóng thị xã và phát triển ra giải phóng toàn vùng A-tô-pơ.

Đêm 29, rạng 30 tháng 1 năm 1954, tiểu đoàn 436 tiến công cứ điểm Pui và san phẳng vị trí này sau 30 phút nổ súng. Cuộc tiến công đã phát triển

đúng như kế hoạch của ta và bạn, nhưng sự chấn động do đòn tiêu diệt gọn ở Pui đưa lại và sự tan vỡ trong thế trận phòng thủ của chúng ở Hạ Lào thì đã vượt rất xa dự kiến. Sáng 30 bọn địch trong thị xã chưa bị đánh đã rối loạn. Theo lời khai của binh lính và sĩ quan địch thì lúc đó chúng tưởng có cả một đạo quân lớn của ta đã tràn xuống Hạ Lào nên tinh thần chiến đấu của binh lính địch suy sụp nhanh chóng. Chớp thời cơ có lợi, bộ đội và du kích bạn tăng cường vây ép, các cán bộ Neo Lào Hắc-xạt phát động nhân dân thị xã đấu tranh với địch, đưa hàng trăm gia đình binh sĩ ngụ Lào tới các đồn bắt gọi chồng con về. Trước đòn quân sự, binh vận phối hợp của bạn, bọn sĩ quan Pháp không còn chỉ huy nổi binh lính, phải vội vã cho binh lính rút lui về thị xã Pắc Xế để tránh bị tiêu diệt. Chúng cho đốt cháy các kho tàng, hủy bỏ vũ khí nặng để tháo chạy. Khi tiểu đoàn 436 từ Pui vận động về gần tới nơi thì lửa khói trong thị xã đang bốc lên ngùn ngụt. Đơn vị lập tức cùng bạn đánh thẳng vào giải phóng thị xã.

Không dừng lại trước những thắng lợi đã đạt được, tiểu đoàn 436 cùng bộ đội bạn chuyển sang tiến công mở rộng địa bàn giải phóng và đuổi đánh địch đang rút chạy về thị xã Pắc Xế. Trong các ngày từ mùng 1 đến mùng 3 tháng 2, trên đường đuổi địch, tiểu đoàn 436 liên tiếp quét sạch các vị trí Nha Hôn, Keng Xay, Huội Coòng v.v... Binh lính địch ở các vị trí trên và ở Pui, A-tô-pơ đều bị tiêu diệt và tan rã. Trên đà thắng lợi, tiểu đoàn 436 được sự hướng dẫn và phối hợp của du kích bạn đã liên tục phát triển tiến công giải phóng toàn bộ vùng cao nguyên Bô Lô Ven. Vùng giải phóng của bạn được mở rộng thêm gần hai vạn kilômét vuông, gồm toàn bộ tỉnh A-tô-pơ, cao nguyên Bô Lô Ven và được nối liền với vùng giải phóng Bắc Tây Nguyên ở phía đông.

Ngày 5 tháng 2, tiểu đoàn 436 đánh vào các cứ điểm Bung Kma, Lào Ngam, phối hợp cùng bạn giải phóng miền nam Xa Ra Van. Bọn địch ở đây không dám giao chiến, bỏ chạy về thị xã Xa Ra Van. Tiểu đoàn 436 tiếp tục đánh sang thị trấn Thà Teng (Viêng Thông). Bọn địch ở đây đã bị đơn vị chủ lực Hạ Lào bao vây tiến công từ trước đó bốn ngày. Khi phát hiện thấy có thêm tiểu đoàn 436 đang tiến quân tới, chúng cũng vội vã tháo chạy về thị xã Xa Ra Van.

Cùng với bộ đội bạn, tiểu đoàn 436 chuyển sang bao vây thị xã Xa Ra Van. Tướng Na-va và Phrăng-xi buộc phải điều một binh đoàn lê-dương vừa từ Bắc Bộ sang và binh đoàn ngụ số 51 từ Sê Nô xuống lập thêm hai cụm cứ điểm mới ở thị xã Xa Ra Van và Pắc Xế để đối phó với cuộc tiến công của ta và bạn ở Hạ Lào. Quân cơ động Pháp vì thế lại càng bị phân tán hơn nữa.

Như vậy là bằng lực lượng không lớn, những cuộc tiến công của chủ lực ta vào Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào và Hạ Lào đã giành được thắng lợi rất lớn, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng chiến lược quan trọng, tạo thành một thế trận tiến công uy hiếp địch trên toàn bộ chiến trường Đông Dương. Trước đây, địch không có ý định điều quân chủ lực lên các chiến trường miền núi nằm bên phía tây vùng bán đảo Đông Dương, nhưng nay chúng đã buộc phải phân tán khối cơ động chiến lược ra phòng ngự ở nhiều nơi như Điện Biên Phủ, Luông Phra Băng, Mường Sài, Sê Nô, Xa Ra Van, Pắc Xế, Plây Cu, An Khê, Tuy Hòa, Quy Nhơn... Tình hình đó đã tạo thêm thuận lợi để ta tiến lên thực hiện trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ và phát triển mạnh mẽ phong trào chiến tranh du kích ở các vùng sau lưng địch giành thắng lợi lớn hơn nữa.

ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH DU KÍCH VÀ KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN Ở CÁC VÙNG SAU LƯNG ĐỊCH, PHỐI HỢP VỚI CÁC ĐÒN TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC CỦA CHỦ LỰC TRONG ĐÔNG XUÂN

Trong khi trên các mặt trận chính diện Tây Bắc, Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào, Hạ Lào, chủ lực ta với tinh thần hết sức “tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” đã cùng các lực lượng tại chỗ tiến công địch thắng lợi, thì ở các mặt trận sau lưng địch từ Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Bình Trị Thiên đến đồng bằng Bắc Bộ, quân và dân ta cũng đẩy mạnh cuộc đấu tranh toàn diện và tiến công địch bằng những lối đánh táo bạo của chiến tranh du kích để tiêu hao, tiêu diệt chúng.

Ở Nam Bộ, ngay từ trước Đông Xuân, các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng cùng Trung ương Cục miền Nam đã họp bàn phân tích tình hình, âm mưu địch và đề ra phương hướng hoạt động của quân dân Nam Bộ trong Đông Xuân này. So sánh lực lượng giữa địch và ta trong phạm vi Nam Bộ, Trung ương Cục phân tích: Trong tám năm nay, địch luôn luôn có âm mưu bình định Nam Bộ nhưng chúng đã thất bại. Trong năm 1953, địch bị động đối phó với ta ở chiến trường chính, phải rút nhiều quân từ Nam ra Bắc. Nhưng ở Nam Bộ địch vẫn chủ động càn quét chiếm đóng thêm nhiều đất đai và xúc tiến được việc dồn làng gom dân bắt lính. Trong năm 1953, nói chung ta gặp nhiều khó khăn, sáu tháng đầu năm chiến tranh du kích sút xuống hẳn. Nguyên nhân căn bản là đã áp dụng sai phương châm chính sách vùng sau lưng địch. Một số địa phương như Mỹ Tho, Long Châu Sa, Cần Thơ đã hữu khuynh trong chủ trương về ngụy vận, đặc biệt là trong chủ trương giải quyết vấn đề lực lượng vũ trang Hòa Hảo. Gần đây đã sửa chữa

một phần những sai lầm ấy và phong trào chiến tranh du kích đã phát triển ở nhiều nơi, nhất là miền Đông.

Hiện nay quân Pháp đã và đang bị động và thất bại nặng nề ở chiến trường chính. Muốn đối phó lại địch không thể đưa thêm nhiều quân Âu-Phi sang vì nước Pháp cũng đang gặp nhiều khó khăn. Cho rằng Nam Bộ là nơi có nhiều điều kiện thực hiện âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” nên chúng sẽ càng ráo riết xúc tiến việc càn quét bình định. Hơn nữa, trước sự phát triển mạnh mẽ của cuộc kháng chiến, địch càng phải lo củng cố nơi đây làm hang ổ cuối cùng của chúng. Tình hình ấy làm cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ càng thêm khó khăn và lâu dài. Nhưng ở đây có nhiều thuận lợi để đối phó thắng lợi với âm mưu của địch. Một là quân dân Nam Bộ đã chiến đấu bền bỉ, gian khổ, anh dũng suốt tám năm. Đó là một thuận lợi căn bản để giữ vững phong trào kháng chiến. Hai là địch càng thua ở chiến trường chính, càng bị động, tinh thần càng suy nhược. Ta có nhiều điều kiện để tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực đối phương, phá âm mưu càn quét, bình định của chúng. Trung ương Cục quyết định “Chuẩn bị đón lấy thời cơ mới” đẩy mạnh cuộc tiến công về quân sự, chính trị, kết hợp với “chiến dịch địch, nguy vận” Trung ương Cục đề ra ba nhiệm vụ chính của chiến trường Nam Bộ trong Đông Xuân và trong năm 1954 là:

- “1. Giữ vững và đẩy mạnh chiến tranh du kích.
2. Củng cố và mở rộng căn cứ.
3. Đẩy mạnh công tác nguy vận”¹.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Cục cộng với sự nỗ lực vượt bậc của quân và dân Nam Bộ đã tạo cho cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện tại địa bàn có bước chuyển biến và tiến bộ rõ rệt. Từ tháng 9 năm 1953, phong trào chiến tranh du kích đã phát triển trở lại tương đối đều khắp ở các tỉnh miền Đông cũng như các tỉnh miền Tây. Các trận đánh nhỏ, diệt nhỏ vẫn diễn ra ngày càng nhiều và có hiệu quả hơn. Chiến thuật đặc công vẫn là một hình thức độc đáo và được áp dụng rộng rãi để tiến công các hệ thống chiếm đóng và đánh sâu vào hậu cứ địch. Hệ thống tháp canh “Đờ-la-tua” của địch đứng trước thảm họa tan vỡ từng mảng. Ngay trong vùng đô thị quân giặc cũng không được yên thân. Trong trận đột nhập vào khách sạn Ô Cấp, bộ đội đặc công Bà Rịa, Chợ Lớn diệt một lúc hàng trăm sĩ quan Pháp.

1. *Văn kiện quân sự của Đảng*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977, tập III, tr. 503.

Có sự tác động trực tiếp của các đòn tiến công quân sự và phối hợp chặt chẽ với các hoạt động quân sự đó, Đảng bộ và nhân dân các địa phương ra sức thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, đẩy mạnh tiến công địch bằng chính trị và binh, dịch vận. Ở nhiều nơi ta đã huy động được đông đảo người thân của binh lính ngụy lên tận đồn, bốt đấu tranh, kêu gọi con em mình trở về. Có từng trung đội, đại đội ngụy đã đào ngũ tập thể hoặc mang vũ khí trở về với kháng chiến. Được cơ sở của ta tuyên truyền, giác ngộ, sáu đại đội lính Hòa Hảo ở Mỹ Tho đã bỏ về nhà làm ăn. Cả đại đội ngụy ở đồn Ba Tri (Bến Tre) đã đào ngũ tập thể. Chỉ tính riêng trên địa bàn miền Đông Nam Bộ đã có khoảng 4.000 binh lính địch đào, rã ngũ. Phong trào chống chiến tranh, chống bắt lính, phong trào đòi quyền dân sinh dân chủ của các tầng lớp nhân dân lao động phát triển mạnh ở các đô thị và các vùng tạm bị chiếm, tiêu biểu là các cuộc đấu tranh của công nhân các nhà in Sài Gòn, công nhân hãng dầu Sen, hãng xe ô tô buýt và hãng dệt, hãng thuốc lá Ngô Vinh, hãng thuốc lá Míc và của phu khuân vác hãng Xơ-ri. Ở Sài Gòn, Lộc Ninh, Cái Bè và nhiều đô thị khác nhân dân và học sinh đã xuống đường cản xe địch, giải thoát cho những thanh niên mới bị chúng bắt lính. Ở nhiều vùng tạm bị chiếm, nhân dân đã tổ chức canh gác, thông tin để kịp thời báo cho thanh niên tạm tránh mỗi khi quân địch cho binh lính luân vào các xóm ấp vây bắt thanh niên đi lính. Ở Mỹ Tho trong 39 xã tạm bị chiếm có 1.136 thanh niên trốn lính và 1.476 người đấu tranh không đi tập quân sự do địch tổ chức.

Cuộc đấu tranh toàn dân, toàn diện và phong trào chiến tranh du kích sau lưng địch phát triển mạnh, đặc biệt là sự trưởng thành nhanh chóng của bộ đội địa phương, dân quân du kích trong các hoạt động đánh nhỏ, diệt nhỏ đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều địch và đẩy quân Pháp trên chiến trường Nam Bộ trở lại thế bị động, phải lúng túng đối phó ở khắp nơi. Tướng Bong-đi, tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Nam Bộ lúc này chỉ còn sáu tiểu đoàn cơ động chiến thuật trong tay không còn đủ sức làm chỗ dựa cho đội quân tay sai vốn đã thiếu về số lượng, yếu về tinh thần lại đang bị rải ra để chiếm giữ một địa bàn rộng lớn. Bị quân và dân ta đánh mạnh, địch hoảng sợ, co vào phòng ngự bị động. Nhiều nơi ngay cả ban ngày, chúng cũng không dám mò vào các thôn xóm lưng sục như trước nữa. Việc bảo đảm giao thông liên lạc giữa các vùng căn cứ, giữa miền Đông với miền Tây của ta trở nên thuận lợi hơn. Thế uy hiếp của địch trước đây đối với các vùng căn cứ của ta bị phá tan, buộc chúng phải quay về đối phó với ta ngay tại các vùng tranh chấp và vùng tạm bị chiếm. Hầu hết các tuyến đường bộ, đường sông quan trọng của địch đều bị ta liên tục đánh phá và cắt đứt trong từng thời gian dài. Trên các đường

giao thông huyết mạch số 1, 13, 14, đường xe lửa Sài Gòn - Phan Thiết, Sài Gòn - Lộc Ninh và tại các bến tàu Vĩnh Long, Tân Châu, Thủ Thừa quân địch đã liên tục bị đánh mìn, phục kích, tập kích. Số đoàn xe cơ giới bị phá hủy, số đoàn tàu lửa bị lật đổ, số tàu chiến, tàu vận tải địch bị đánh chìm, bắn cháy trên các sông và kênh rạch ngày càng nhiều. Đặc biệt trận phục kích trên đường Bạc Liêu - Cà Mau ta đã diệt gọn hai đại đội địch. Trận đột kích vào bến cảng Vĩnh Long ta đã nhấn chìm và làm hư hỏng nặng sáu tàu chiến địch.

Chiến tranh du kích phát triển mạnh tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực được tập trung lại để đánh những đòn tiêu diệt địch lớn hơn. Từ cuối năm 1953, đầu năm 1954, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Trần Văn Trà, Dương Quốc Chính, Phan Trọng Tuệ và các Bộ tư lệnh phân liên khu Miền Đông, Miền Tây, các tiểu đoàn chủ lực khu 302, 304, 307 và các tiểu đoàn tập trung tỉnh 300, 303, 306, 308, 309, 310, 311, 410... đều tiến vào vùng tạm bị chiếm để diệt địch, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của nhân dân. Quân ta đã san phẳng nhiều vị trí địch có một đại đội đóng giữ và đánh vận động diệt từng đại đội địch trở lên như Bến Sỏi, Đông Hưng Thuận, Phú Mỹ Hưng (Gia Ninh), Bến Tranh, Cồn Định (Thủ Biên), Hiệp Thạnh, Ông Tôn (Mỹ Tho), Chác Tuế (Sóc Trăng), Lộ Mới, Tân Thuận (Long Châu Sa). Ở An Biên (Rạch Giá) ta kết hợp giữa đánh đồn và diệt viện giải phóng được cả quận lỵ. Ngày 24 tháng 2 năm 1954, tiểu đoàn 309 phối hợp với bộ đội địa phương huyện Vàm Cỏ (tỉnh Mỹ Tho) đánh trận phục kích Tầm Vu nổi tiếng, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ tiểu đoàn ngự số 502 và đại đội ứng chiến Pháp số 14, thu hàng trăm súng cùng nhiều đồ dùng quân sự khác.

Sự kiện nổi bật nhất trong những tháng đầu năm 1954 trên chiến trường Nam Bộ là đợt tiến công đồng loạt của quân và dân Gò Công (Mỹ Tho). Sau khi lập kế bắt sống được tên đồn trưởng đồn Cây Mắm, bộ đội địa phương và du kích trong vùng đã nhanh chóng ập vào đồn thu 100 súng và tiếp tục khống chế tên đồn trưởng người Pháp này, buộc nó phải kêu gọi thêm sáu lô cốt nữa ra hàng. Ba đồn địch ở gần đó thấy vậy cũng hoảng hốt xin ra hàng tiếp. Chỉ trong vòng một tuần lễ, từ ngày 22 tháng 2 đến ngày 29 tháng 2 năm 1954, bằng địch vận kết hợp với tiến công quân sự, đồng bào cùng bộ đội địa phương và dân quân du kích Gò Công đã san phẳng 29 đồn bốt, tháp canh, bức hàng 46 và bức rút 30 đồn bốt tháp canh, trụ sở hội tề khác của địch (bằng gần một nửa của tổng số đồn bốt địch đã chiếm đóng trên địa bàn) diệt 275 tên, bắt sống 157 tên, giáo dục rồi thả tại chỗ 600 tên, binh vận làm rã ngũ 1.500 tên khác, thu 700 súng các loại, giải phóng 30 trong tổng số 41 xã của Gò Công. Lực lượng vũ trang Gò

Công trước ngày 22 tháng 2 chỉ có trong tay 50 tay súng, tới sau ngày 29 tháng 2 năm 1954 đã phát triển thành một lực lượng đông đảo gồm 253 cán bộ, chiến sĩ.

Ở Nam Trung Bộ, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Liên khu ủy Liên khu 5 cuộc đấu tranh toàn diện và phong trào chiến tranh du kích sau lưng địch từ mặt trận Bắc Quảng Nam Đà Nẵng tới các tỉnh tạm bị chiếm ở Cực Nam Trung Bộ đã gắn liền với cuộc chiến đấu bảo vệ vùng tự do Phú Yên và cuộc tiến công giải phóng Bắc Tây Nguyên.

Để phối hợp và tạo thế cho bộ đội chủ lực đang tiến lên chuẩn bị mở chiến dịch giải phóng Bắc Tây Nguyên, ngay từ những ngày đầu tháng 1 năm 1954 các lực lượng vũ trang nhân dân bám trụ các mặt trận sau lưng địch của Liên khu 5 đã nổ súng đánh trước gây cho địch nhiều thiệt hại.

Ở Quảng Nam Đà Nẵng đêm 4 tháng 1 năm 1954, vận dụng chiến thuật đặc công, lực lượng địa phương tiến công tiêu diệt lô cốt Gò Đình (tây Ái Nghĩa một kilômét). Tiếp đó đêm 7 tháng 1, tiểu đoàn 17 bộ đội địa phương tỉnh cùng một lúc tiêu diệt hai cứ điểm Châu Lâu (Điện Bàn) và Non Trục (Duy Xuyên). Tiểu đoàn 29 bộ đội địa phương tỉnh phối hợp với đại đội đặc công 11 và bộ đội địa phương, du kích Hội An đồng loạt tiến công nhiều vị trí, công sở của địch trong thị xã Hội An, đánh thiệt hại nặng chi đoàn "Nghĩa dũng đoàn", tiêu diệt một đại đội, thu 125 súng (hầu hết là tiểu liên) cùng nhiều quân trang, quân dụng của địch. Bị thua đau giữa thị xã Hội An, trong các ngày 8 và 9 tháng 1 năm 1954, địch tập trung hai tiểu đoàn ứng chiến Âu-Phi mở cuộc càn quét vào các xã Điện Dương, Điện Phước phía bắc thị xã Hội An. Bị bộ đội địa phương và dân quân du kích Điện Bàn liên tục chặn đánh, tiêu hao nhiều lực lượng, bọn địch cuối cùng phải bỏ dở trận càn, rút quân về Hội An, Đà Nẵng.

Ở các tỉnh Cực Nam Trung Bộ, đêm 11 tháng 1 năm 1954, lực lượng vũ trang địa phương Khánh Hòa táo bạo luôn vào thị xã Nha Trang đốt cháy bốn triệu lít xăng, đồng thời tập kích tiêu diệt khu hành chính Mỹ Lệ. Đêm 15 tháng 1, quân ta lại đột nhập vào Suối Dầu đốt cháy một kho xăng lớn và tiến công căn cứ tiếp vận tiền phương của địch ở Ninh Hòa, phá hủy nhiều kho vũ khí và phương tiện chiến tranh, loại khỏi vòng chiến hơn một trăm tên. Cùng thời gian này, lực lượng vũ trang địa phương Ninh Thuận, Bình Thuận tiến công tiêu diệt hai đại đội địch, san phẳng các cứ điểm Pas-cal và sông Cạn, đồng thời đã liên tục đột nhập vào Phan Thiết diệt tế trừ gian, buộc địch phải điều lực lượng trở về bảo vệ thị xã. Ở Nam Tây Nguyên, đêm

18 tháng 1 năm 1954 bộ đội địa phương tỉnh tiến công tiêu diệt cứ điểm Mê Tê, đánh vào khu kho dự trữ cho cuộc hành quân Át-lăng ở buôn Ai Riêng phá 24 kho hậu cần.

Vào Đông Xuân 1953-1954 các mặt trận sau lưng địch ở Nam Trung Bộ đã hoạt động tương đối đều và đánh trúng một số cơ sở kho tàng chuẩn bị cho cuộc hành quân Át-lăng. Tuy có gây cho địch một số thiệt hại, nhưng quân ta vẫn chưa đủ sức để phá vỡ cuộc chuẩn bị đó của địch. Sau khi đã củng cố, lập lại hệ thống kho tàng và tăng cường bảo vệ các trục giao thông huyết mạch, ngày 20 tháng 1 năm 1954 địch bắt đầu mở cuộc hành quân Át-lăng, huy động 22 tiểu đoàn, trong đó có bốn binh đoàn cơ động số 10, 100, 41, 42 và hai tiểu đoàn dù nguy đánh ra Phú Yên. Dựa vào hệ thống làng chiến đấu và thế trận chiến tranh nhân dân đã chuẩn bị sẵn từ trước, quân và dân Phú Yên đã chủ động vừa đánh chặn địch ở phía trước vừa luồn vào phía sau đánh diệt các đoàn xe tiếp tế vận tải, tập kích vào sân bay Tuy Hòa gây cho địch nhiều thiệt hại. Chỉ trong mười ngày đầu, quân và dân Phú Yên đã loại khỏi vòng chiến gần tám trăm địch. Để chia lửa với mặt trận Phú Yên và phối hợp với mặt trận Bắc Tây Nguyên lúc này cũng đã bắt đầu nổ súng tiến công, quân và dân Khánh Hòa, Đắk Lắk, Ninh Thuận, Bình Thuận liên tục tập kích quấy rối các đồn bốt, đánh phá giao thông trên đường số 1, đánh vào đường tiếp vận và các lực lượng phía sau của địch đang từ Tuy Bình - Củng Sơn đánh xuống Tuy Hòa, diệt và bắt hàng trăm tên. Ở mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng, bộ đội địa phương và dân quân du kích Hội An, Duy Xuyên cũng liên tục bám đánh tàu thuyền địch trên đoạn sông từ Hội An đi cầu Lôu, cắt đứt đường tiếp tế của chúng trên đoạn sông này. Phong trào đấu tranh chính trị và binh vận ở thành phố Đà Nẵng và vùng đô thị Nam Trung Bộ cũng phát triển mạnh. Chỉ riêng ở Đà Nẵng trong các cuộc đấu tranh này nhân dân đã giải thoát được cho 1.146 thanh niên bị bắt lính và trong ba tháng đầu năm 1954 tại Quảng Nam - Đà Nẵng đã có 1.400 lính nguy mạng súng trở về với nhân dân.

Ở Bình Trị Thiên, ngay từ những ngày đầu của chiến dịch Trung Lào, để thực hiện yêu cầu nổ súng phối hợp chiến trường, trung đoàn 18 vừa từ vùng tự do Liên khu 4 hành quân vào đã lập tức nổ súng tiến công hệ thống chiếm đóng của quân Pháp ở hai huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, tiêu diệt các vị trí Sen Hạ, Chợ Da, Hà Tây, Đàng Đàng, Dốc Miếu. Bộ đội địa phương, dân quân du kích ba tỉnh chỉ trong một thời gian ngắn đã phá sập 35 cầu cống, liên tiếp lật nhào sáu đoàn tàu chở hàng quân sự trên đường số 1, đường số 9

gây cho địch nhiều thiệt hại. Riêng huyện Vĩnh Linh đã có tới ba vạn dân sát cánh cùng du kích phá hoại cầu đường.

Phát hiện thấy có chủ lực ta vào hoạt động ở bắc đường số 9 Quảng Trị, bộ chỉ huy Pháp ở miền Bắc Trung Bộ vội đưa bốn tiểu đoàn chủ lực ra tăng cường phòng thủ tuyến giao thông chiến lược Đà Nẵng Huế Đông Hà - Xa-van-na-khet, bảo đảm đường tiếp tế cho quân cơ động Pháp đang được tập trung lớn ở Sê Nô. Để giữ vững thế tiến công và phối hợp với đợt hai của chiến dịch Trung Lào, trung tuần tháng 1 năm 1954, sau khi đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn cơ động của địch tràn quét vào vùng Cù, Mai Lĩnh, trung đoàn 18 chuyển sang phối hợp cùng bộ đội địa phương Quảng Trị và du kích hai huyện Cam Lộ, Hướng Hóa tiến hành bao vây tiến công, uy hiếp toàn bộ các vị trí thuộc hệ thống phòng thủ của địch ở miền tây tỉnh Quảng Trị. Bị vây đánh liên tục binh lính địch ở các vị trí Đầu Mầu, Tân Lâm, Rào Quán, Khe Sanh, Tà Cơn, Mai Lĩnh, Vĩnh Kho, thị trấn Hướng Hóa đã bị tiêu diệt phần lớn. Số còn lại cũng hoảng hốt bỏ vị trí nối nhau tháo chạy về cụm lại ở Lao Bảo (biên giới Việt - Lào). Ngày 20 tháng 2 ta giải phóng hoàn toàn huyện Hướng Hóa và một phần huyện Cam Lộ, giải phóng tám vạn dân, làm chủ một đoạn đường số 9 dài hơn 50 kilômét chặt đứt đường vận chuyển tiếp tế của địch từ Bình - Trị Thiên sang Trung Lào.

Cũng trong hai tháng đầu năm 1954, nhân lúc địch tập trung lực lượng lo đối phó với ta trên khu vực đường số 9, bộ đội địa phương, dân quân du kích ba tỉnh tranh thủ tiến công mở lại được phần lớn các căn cứ đồng bằng đã bị chiếm đóng trong các cuộc càn quét bình định giữa năm 1953. Vừa đẩy mạnh tiến công, bộ đội địa phương, dân quân du kích Bình Trị Thiên vừa tích cực chống càn, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cơ sở kháng chiến sau lưng địch. Trong trận phá càn ở Liên Hóa, Quang Hóa bộ đội địa phương Vĩnh Linh và du kích Cửa Tùng diệt 150 tên, đánh chìm bốn ca nô. Cuối tháng 2 năm 1954 bộ đội địa phương, dân quân du kích nam Quảng Trị và bắc Thừa Thiên đã chặn đánh quyết liệt bẻ gãy cuộc càn lớn của năm tiểu đoàn vào vùng căn cứ đồng bằng Triệu Hải Phong Quảng, loại khỏi vòng chiến hàng trăm tên và giải thoát cho nhiều thanh niên bị bắt lính. Tại Quảng Bình bộ đội và du kích cũng liên tục chống càn thắng lợi ở Hoàn Phúc (ngày 9 tháng 3), Thế Lộc, Nguyệt Áng, Võ Xá (ngày 11 tháng 3).

Đồng bằng Bắc Bộ là nơi quân địch tập trung đông nhất và cũng là nơi thường xuyên diễn ra các cuộc đọ trí, đọ sức điển hình nhất giữa ta và địch. Dưới sự lãnh đạo của Liên khu ủy Liên khu 3, Khu ủy khu Tả Ngạn và

thành ủy Hà Nội, cuộc đấu tranh của nhân dân và bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích trong vùng vẫn không ngừng phát triển.

Để thu hút, giam chân lực lượng địch, phối hợp với các chiến trường và tranh thủ thời cơ tiêu hao, tiêu diệt chúng, trong hai tháng đầu của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân, các trung đoàn 42, 50 và bộ đội địa phương, dân quân du kích Tả Ngạn đã dồn dập tiến công tiêu diệt một loạt vị trí như Quang Dục, Thiết Trụ, Quang Nội, Bất Hạo, Thanh Miện, thị trấn Phả Lại, Hệ Vinh, Đình Hoàng, Phục Lễ, Phương Điền, Gia Lộc, v.v. và đã đánh vào thị xã Thái Bình, diệt gọn một bộ chỉ huy binh đoàn của địch. Các trận đánh giao thông của bộ đội Tả Ngạn cũng liên tiếp diễn ra, tiêu biểu là trận phục kích đường số 10 ở đoạn Thư Trì (Thái Bình) diệt 200 địch; trận phục kích đường số 39 ở đoạn Tiên Hưng diệt hơn 200 địch; trận phục kích đường số 17 ở đoạn nam Gia Lộc diệt và bắt gọn một đại đội Âu-Phi. Sát cánh chiến đấu cùng bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, các đơn vị dân quân du kích xã cũng liên tục chống càn bảo vệ làng thắng lợi và tập kích, phục kích nhỏ, quấy rối, tiêu hao nhiều địch. Tiêu biểu như du kích Kiến Xương (Thái Bình) trong một trận tập kích đã diệt gọn hai trung đội địch, phá hủy năm xe. Du kích Hưng Yên phối hợp với bộ đội địa phương phá vây và tập kích vào nơi trú quân của GM3, diệt và bắt tại trận 183 địch, phá hủy 20 xe quân sự, thu nhiều vũ khí. Du kích Vân Môn (Vũ Tiên) đã anh dũng đẩy lùi cuộc càn quét của ba đại đội địch, giữ vững thôn xóm. Du kích Quỳnh Côi tập kích bọn địch đang ăn uống, diệt một trung đội địch, thu vũ khí, v.v. Trong hai tháng mở đầu của chiến cuộc Đông Xuân, kết hợp chặt chẽ giữa chủ động tiến công với chống phá bình định, quân và dân Tả Ngạn đã gây cho địch những thiệt hại đáng kể: hơn 2.000 địch bị diệt, 1.147 tên khác bị thương, 733 tên bị bắt sống và số vũ khí thu được trong tác chiến đủ để trang bị cho một trung đoàn chủ lực.

Tại hữu ngạn sông Hồng, để cứu nguy cho bọn khinh quân, đồng thời trấn an tinh thần binh lính, củng cố các cụm đóng quân còn lại trên địa bàn Hà Nam Ninh, chưa đầy 50 giờ sau cuộc tháo chạy khỏi vùng tự do tây nam Ninh Bình, ngày 9 tháng 11, địch tập trung 17 tiểu đoàn (trong đó có bốn binh đoàn Âu-Phi) mở cuộc hành quân Bi-dông đánh vào trung đoàn 46 và các khu căn cứ du kích Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu, Trực Ninh. Qua gần một tháng chống địch càn quét bình định, trung đoàn 46 cùng quân và dân Nam Định đã đánh tổng cộng 182 trận, diệt 978 tên, phá hủy 12 xe quân sự, bắn rơi một máy bay, làm thất bại thêm một bước nữa âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” đẩy khinh quân lên tác chiến và chết thay cho lính Pháp tại địa bàn hữu ngạn sông Hồng. Cũng trong thời gian

này bộ đội và du kích Hữu Ngạn còn đánh một số trận khác có hiệu quả, tiêu biểu như: trận đột kích vào thành phố Nam Định diệt vị trí Bắc Tế; trận tập kích có nội ứng diệt vị trí Quân Tâm; trận tập kích vị trí An Phong (ở Ninh Bình); trận tập kích diệt vị trí Hạ Bằng (ở Sơn Tây), vị trí Thượng Lâm, Kênh Đào (ở Hà Đông); trận phục kích diệt địch trên đường số 10 và ở Đông Biên, v.v.

Hạ tuần tháng 12 năm 1953, để kịp thời rút kinh nghiệm và đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động quân sự của ta trên toàn vùng châu thổ, các đồng chí Lê Thanh Nghị, Đỗ Mười cùng Liên khu ủy, Bộ tư lệnh Liên khu 3 và Khu ủy, Bộ tư lệnh Khu Tả Ngạn đã họp bàn xác định phương hướng, chủ trương tiếp tục tiến công của quân và dân ta trên chiến trường. Trong nghị quyết của Hội nghị Khu ủy Tả Ngạn (họp từ ngày 16 đến 23 tháng 12) đã đề ra bảy nhiệm vụ cụ thể của quân dân toàn mặt trận, trong đó có ba nhiệm vụ cần làm gấp “*Một*, tích cực đánh địch, phá cản quét và xây dựng lực lượng; *hai*, tích cực chống giặc bắt lính và mở rộng công tác ngụy vận, vận động thanh niên chống giặc bắt lính bằng con đường tòng quân, vào du kích để chiến đấu; *ba*, tranh thủ nhân dân, củng cố khối đoàn kết phá âm mưu chia rẽ của địch” Tại hội nghị cán bộ đảng của Liên khu 3 để phát triển thắng lợi và đẩy mạnh hoạt động phối hợp với mặt trận Điện Biên Phủ, hội nghị chủ trương phát động “tháng hữu nghị Việt - Trung Xô” với các mục tiêu trọng điểm là:

Tập trung lực lượng cùng Đại đoàn 320 mở cuộc tiến công đập tan phòng tuyến sông Đáy, mở rộng vùng tự do liên khu xuống vùng đồng bằng, nối liền với các khu căn cứ du kích sau lưng địch.

Triệt để đánh phá giao thông vận tải, triệt phá kho tàng, phương tiện chiến tranh, uy hiếp hậu phương, ngăn chặn không cho địch tổ chức tiếp tế cho Điện Biên Phủ và các chiến trường khác.

Tích cực phá kế hoạch bắt lính phát triển ngụy quân, đẩy mạnh công tác binh vận làm tan rã hàng ngũ địch.

Động viên mọi lực lượng trong nhân dân, tập trung sức người sức của chi viện cho chiến trường chính Tây Bắc - Điện Biên Phủ và các chiến trường khác.

Riêng đối với nhiệm vụ tiến công phòng tuyến sông Đáy, chủ trương của Liên khu ủy là sử dụng bộ đội chủ lực (chủ yếu là các trung đoàn của Đại đoàn 320) đánh vào các mục tiêu then chốt, tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang liên khu phát triển tiến công phá vỡ toàn bộ phòng tuyến này. Tư tưởng chỉ đạo tác chiến là đánh tiêu diệt gọn, kết hợp chặt chẽ giữa đánh

địch trong và ngoài công sự, lấy đánh địch ngoài công sự là chính, đánh chắc thắng.

Để châm ngòi cho đợt hoạt động, ngày 15 tháng 1 năm 1954 trung đoàn 46 chủ lực liên khu phục kích bắn chìm ba ca nô, một tàu chiến trên sông Đào và đưa lực lượng vào uy hiếp mạnh mẽ thành phố Nam Định từ phía nam. Tiếp đó, được đồng bào Gia Khánh, Gia Viễn dùng thuyền chở qua sông Đáy, ngày 20 tháng 1 trung đoàn 48 Đại đoàn 320 tiến ra vây hãm Hoàng Đan một cứ điểm kiên cố bảo vệ phía bắc thị xã Ninh Bình và đoạn sông từ Ninh Bình đi Gián Khẩu. Bị trung đoàn 46 đánh lôi vào và trung đoàn 48 đánh kéo ra, binh đoàn số 31 (gồm ba tiểu đoàn khinh quân ngự) vừa rời phòng tuyến sông Đáy về Nam Định lại vội vã hành quân ngược ra sông Đáy nhằm giải nguy cho cứ điểm Hoàng Đan. Ngày 24 tháng 1, chúng mò tới các làng xung quanh cứ điểm Hoàng Đan. Lọt vào bẫy phục kích của trung đoàn 52 và du kích địa phương đã bày sẵn ở Vọng Doanh, Giáp Giá, binh đoàn số 31 mất gọn hai tiểu đoàn trong một trận đánh chớp nhoáng. Tên thiếu tá chỉ huy binh đoàn cùng nhiều sĩ quan khác bị bắt sống tại trận. Lực lượng giải vây bị tiêu diệt, nguồn hy vọng cuối cùng của bọn chỉ huy địch trong cứ điểm Hoàng Đan cũng tiêu tan. Lo sợ bị trung đoàn 48 tiến công tiêu diệt, đêm 24 tháng 1 năm 1954 bọn địch đóng ở cứ điểm Hoàng Đan đã kéo cò trắng xin hàng. Ngay sau khi mất Hoàng Đan, địch cho quân tràn vào các xã Phù Vân, Châu Sơn, Thanh Sơn, Thi Sơn (Kim Bảng). Nhưng tại đây chúng cũng bị các lực lượng tại chỗ của ta liên tục chặn đánh, diệt 150 tên, phá hủy tám xe trong đó có hai xe tăng, thiết giáp. Ngày 7 tháng 2 địch điều tiếp hai binh đoàn cơ động số 4 và 5 từ tả ngạn sang hữu ngạn sông Hồng mở cuộc càn quét hòng đẩy bật lực lượng ta ra khỏi khu vực phòng tuyến sông Đáy. Nhưng ngay trong ngày hôm ấy tại Duy Tân (Vụ Bản) tiểu đoàn Bến Hiệp (Đại đoàn 320) cùng du kích Phú Thôn, Bàn Kết đã đánh trả quyết liệt, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm lính Âu-Phi và ngự. Tại thôn Thái La (xã Quang Trung, huyện Vụ Bản) đại đội 60 tiểu đoàn 71 và đại đội 26 Vụ Bản cũng lập công lớn phục kích tiêu diệt hơn 300 tên. Thừa thắng, đêm 7 tháng 2 quân ta tiến vào cường tập vị trí Kinh Thanh - cứ điểm phòng thủ cầu Khuất và bao vây uy hiếp các vị trí Mai Cầu, Thanh Khê. Chỉ sau 30 phút chiến đấu ta đã hoàn toàn san phẳng vị trí này, diệt và bắt gọn 128 tên thu toàn bộ vũ khí. Hoảng sợ trước những đòn tiến công dũng mãnh, dồn dập của ta, ngày 15 tháng 2 lực lượng địch chiếm đóng ở Thanh Khê (Thanh Hải) và Mai Cầu (Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm) bỏ vị trí rút chạy về thành phố Nam Định. Một vệt dài 30 kilômét trên tuyến phòng thủ sông Đáy của địch bị phá tan. Chiếc “áo giáp” che chắn phía tây đồng bằng sông Hồng của quân Pháp tới đây đã bị chọc thủng.

Cũng trong thời gian này, tại địa bàn Sơn Tây, Hà Đông, trung đoàn 254 cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích trong tỉnh đã tiến đánh tiêu diệt một loạt các vị trí ở Phù Lưu, Quảng Bị, Phương Trung, Đông Phi... thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, mở rộng vùng giải phóng và khu căn cứ du kích Quốc Oai, Thạch Thất, Chương Mỹ, Liên Nam. Tại địa bàn Hà Nam Ninh, trung đoàn 46 cùng bộ đội địa phương và dân quân du kích Nam Định tiếp tục phục kích bắn chìm 11 ca nô, tàu chiến trên sông Đào và bắn hỏng, bắn cháy nhiều chiếc khác. Trong các trận đột nhập vào thành phố Nam Định, bộ đội ta đã tiêu diệt hơn 200, đốt cháy nhiều xe tăng, xe bọc thép ở các vị trí Vạn Bảo, Nhà Đò. Ngày 22 tháng 2, trên đoạn sông Hồng thuộc xã Chuyên Ngoại (Duy Tiên) đại đội Quang Trung do Trần Văn Chuông chỉ huy đã phục kích đoàn tàu 11 chiếc chở đầy vũ khí đạn dược và binh lính, bắn chìm bốn ca nô, một tàu chiến. Tại các huyện phía nam sông Đáy, sau khi đánh thắng nhiều trận ở Bình Hải, Yên Mô Thượng, Phúc Lộc, Quyết Trung, tiểu đoàn 33 bộ đội địa phương tỉnh Ninh Bình đã phối hợp với bộ đội địa phương và du kích huyện Yên Mô tiêu diệt hoàn toàn tiểu đoàn khinh quân 705 ngụy và một số chi đội địa phương quân ở Hà Thanh. Bộ đội địa phương huyện Yên Khánh bằng lối đánh độn thổ đã diệt gọn một đại đội địch ở Hạ Giá, Văn Lai. Các đơn vị du kích cũng lập nhiều chiến công. Tiêu biểu là sáu du kích xã Ninh Sơn huyện Gia Khánh lợi dụng địa hình đã liên tục vận động đánh chặn một tiểu đoàn, diệt nhiều tên, giải thoát cho 80 người dân bị địch bắt. Tiểu đội du kích Trưng Nhị huyện Kim Sơn dùng chông mìn, cạm bẫy kết hợp với đánh chặn, bắn tỉa, cản phá chín đợt tiến công của địch, diệt 30 tên...

Ở phía tả ngạn sông Hồng, các trung đoàn 42, 50 cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích các tỉnh Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Kiến An và thành phố Hải Phòng cũng đã kết hợp chặt chẽ giữa diệt địch, bảo vệ và mở rộng vùng căn cứ du kích với đánh phá giao thông để phối hợp chiến trường: Trận tiêu diệt vị trí La Tiến, phá hệ thống phòng thủ bảo vệ sông Luộc của địch ngày 28 tháng 1 năm 1954, trận phục kích lật đổ một đoàn tàu gồm tám toa, diệt một tiểu đoàn Âu-Phi ở Phạm Xá, Kim Thành; trận phục kích liên hoàn của trung đoàn 42 diệt gọn một tiểu đoàn và hai đại đội Âu-Phi thuộc binh đoàn cơ động số 3; trận tập kích sân bay Đồ Sơn phá hủy năm máy bay, diệt nhiều sĩ quan không quân địch, đốt cháy một kho xăng của bộ đội địa phương và du kích Kiến An (cả ba trận này đều diễn ra trong ngày 31 tháng 1); trận lật đổ một đoàn tàu, tiêu diệt một tiểu đoàn địch tại Lai Khê đầu tháng 2 năm 1954 của bộ đội địa phương và du kích Thanh Hà, v.v.

Trong hơn hai tháng mở đầu Đông Xuân, phối hợp chặt chẽ với các đòn tiến công chiến lược của chủ lực ta ở Tây Bắc, Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào, Hạ Lào, phong trào chiến tranh du kích và đấu tranh toàn diện của quân và dân ta ở các mặt trận sau lưng địch từ Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Bình Trị Thiên đến đồng bằng Bắc Bộ đã tiêu hao, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của chúng, củng cố và mở rộng thêm nhiều căn cứ du kích quan trọng. Các hoạt động bền bỉ, liên tục, rộng khắp với hiệu quả cao của quân và dân ta ở các vùng tạm bị chiếm đó đã căng kéo, giam chân địch, làm cho bộ phận lực lượng cơ động còn lại của chúng cũng trở thành không còn là lực lượng cơ động nữa và góp phần cô lập địch ở điểm quyết chiến Điện Biên Phủ, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho việc hoàn thành mọi công tác chuẩn bị để tiến hành trận quyết chiến chiến lược này.

Trong khi tập trung vào cuộc chiến đấu trực tiếp đánh bại quân địch trên chiến trường đồng bằng, quân và dân các mặt trận sau lưng địch trong cả nước còn đồng thời thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đóng góp sức người, sức của chi viện cho chủ lực tác chiến trên các mặt trận chính diện. Chỉ trong mấy tháng cuối năm 1953 và đầu năm 1954 đã có hàng vạn thanh niên từ các vùng tạm bị chiếm lên đường nhập ngũ bổ sung cho quân thường trực. Hàng chục vạn dân công tấp nập chở tải súng đạn, lương thực, thực phẩm ra phía trước. Mặc dù điều kiện kinh tế còn rất eo hẹp, nhân dân các địa phương vẫn tự nguyện đóng góp cho Chính phủ kháng chiến hàng trăm nghìn tấn lương thực, nhiều địa phương của Nam Bộ, đồng bằng Bắc Bộ nộp vượt chỉ tiêu quy định.

II- TIẾN CÔNG TIÊU DIỆT TẬP ĐOÀN CỨ ĐIỂM ĐIỆN BIÊN PHỦ

ĐỘNG VIÊN SỨC MẠNH CỦA CẢ NƯỚC CHI VIỆN CHO TIẾN TUYÊN,
TẤT CẢ ĐỂ CHIẾN THẮNG

Trong khi trên nhiều chiến trường của cả nước và toàn vùng bán đảo Đông Dương đang tiếp tục diễn ra cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân thắng lợi thì ở mặt trận Tây Bắc, quân và dân ta gấp rút chuẩn bị mọi mặt để tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ theo chủ trương tác chiến mới.

Đầu xuân Giáp Ngọ (tháng 2 năm 1954) vừa hoàn thành việc tổ chức kéo pháo ra khỏi các trận địa Bản Nghị, Bản Tấu, Nà Ten, Nà Hy¹, quân và dân ta chuyển sang chuẩn bị mọi mặt để thực hiện quyết tâm của Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch đã được Bộ Chính trị phê chuẩn là tiến công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ theo phương châm “đánh chắc tiến chắc”

Ngày 7 tháng 2 năm 1954, tại Sở chỉ huy chiến dịch ở Mường Phăng, Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch triệu tập hội nghị cán bộ bàn kế hoạch tác chiến mới. Thay mặt Tổng Quân ủy và Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã gửi lời chúc đầu xuân tới tất cả cán bộ, chiến sĩ, dân công hỏa tuyến trên toàn mặt trận và trình bày một bản báo cáo dài dưới tiêu đề: *“Tích cực hoàn thành công tác chuẩn bị tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ”*

Về đánh giá kết quả hoạt động của quân và dân ta trên các chiến trường trong mấy tháng qua, bản báo cáo nêu rõ: “Sau hơn hai tháng chiến đấu để thực hiện chủ trương quân sự của Trung ương và kế hoạch tác chiến của Tổng Quân ủy, chúng ta đã thu được những thắng lợi lớn trên khắp các chiến trường toàn quốc”², tiêu diệt hơn hai vạn tên địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn ở Tây Bắc, Tây Nguyên, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở các vùng sau lưng địch, cùng các đồng chí Pa-thét Lào mở rộng các căn cứ kháng chiến ở Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào, buộc địch phải phân tán lực lượng cơ động đi đối phó ở khắp nơi. Do ta hoạt động mạnh và liên tiếp chiến thắng trên khắp các chiến trường toàn quốc như vậy làm cho kế hoạch Na-va đã bắt đầu bị phá sản: “Âm mưu của Na-va là tập trung bộ đội cơ động, nhưng bộ đội cơ động của địch hiện đang bị phân tán hơn tất cả bao giờ hết từ trước đến nay. Âm mưu của Na-va “bình định” đồng bằng Bắc Bộ nhưng chiến tranh du kích hiện đang phát triển hơn trước. Âm mưu của Na-va là đánh rộng ra vùng tự do của ta để giành lại chủ động, nhưng trước kia bộ đội cơ động còn tập trung mà địch cũng không làm gì được, ngày nay bộ đội cơ động đã bị phân tán thì địch rất khó thực hiện âm mưu. Âm mưu của Na-va là đánh rộng và “bình định” miền Nam, nhưng chiến tranh du kích ở đó cũng đang phát triển hơn trước. Đối với chiến trường hai nước bạn, âm mưu của

1. Cũng như khi “kéo pháo vào”, lực lượng làm nhiệm vụ “kéo pháo ra” gồm hai Đại đoàn 312 và 351. Việc kéo pháo vào được bắt đầu từ trưa ngày 16 tháng 1, đến chiều 25 tháng 1 thì có lệnh ngừng. Việc kéo pháo ra được bắt đầu từ tối 25 tháng 1, đến ngày 5 tháng 2 thì hoàn thành. Trên con đường kéo pháo vào và kéo pháo ra đã xuất hiện nhiều gương dũng cảm, quên mình để bảo vệ pháo của bộ đội và dân công hỏa tuyến. Pháo thủ Nguyễn Văn Chúc (trung đoàn lựu pháo 45) và khẩu đội trưởng Tô Vinh Diện (trung đoàn cao xạ 367) hy sinh thân mình cùng đồng đội cứu pháo.

2. “Báo cáo của đồng chí Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp ở hội nghị cán bộ chiến dịch Điện Biên Phủ ngày 7 tháng 2 năm 1954”. Trích trong tập tài liệu *Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn*, tập 3 (Chiến dịch Điện Biên Phủ), Bộ Tổng tham mưu xuất bản, năm 1963, tr. 47-54.

Na-va là ra sức “bình định” Lào, Miên, nhưng ở Miên thì du kích chiến tranh tiến bộ hơn trước, ở Lào thì địch hiện đang gặp rất nhiều khó khăn”¹.

Để củng cố, mở rộng những thắng lợi to lớn mà quân và dân ta đã giành được trong hơn hai tháng mở đầu Đông Xuân và tiếp tục làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va, chủ trương quân sự của Trung ương là: phối hợp chặt chẽ giữa mặt trận chính diện và mặt trận sau lưng địch trên phạm vi cả nước và toàn vùng bán đảo Đông Dương, đẩy mạnh hoạt động Đông Xuân liên tục từ nay cho đến mùa hè chứ không hạn chế trong một thời gian ngắn như trước. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ tác chiến với nhiệm vụ chấn chỉnh xây dựng bộ đội, củng cố vùng giải phóng để duy trì được sự hoạt động liên tục, bền bỉ, không ngừng củng cố và mở rộng thắng lợi. Đối với mặt trận Điện Biên Phủ chủ trương của Trung ương vẫn như cũ, nghĩa là tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ. Trước đây phương châm tác chiến của ta là đánh nhanh giải quyết nhanh, nhưng vì trong thời gian chuẩn bị, tình hình địch đã có nhiều thay đổi nên phương châm tác chiến mới của ta là “đánh chắc, tiến chắc” Nói như vậy không phải là nếu tình hình biến hóa có lợi thì nhất định không dùng cách đánh nhanh. Nếu ta chuẩn bị đánh chắc tiến chắc mà khi cần có thể chuyển sang đánh nhanh giải quyết nhanh thì cũng không có gì trở ngại. Quyết tâm của ta vẫn giữ vững, ta thay đổi cách đánh để bảo đảm chắc thắng, bảo đảm cho quyết tâm được thực hiện.

Theo phương châm đánh chắc tiến chắc, Bộ chỉ huy và cơ quan tham mưu chiến dịch đề ra phương án tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bằng một chiến dịch tiến công trận địa có quy mô rất lớn gồm một loạt trận đánh địch trong công sự vững chắc tiếp diễn trong một thời gian khá dài. Ở mỗi đợt tiến công ta sẽ tập trung ưu thế binh hỏa lực tiêu diệt một hay một số điểm đề kháng của địch, hình thành và thắt chặt vòng vây, hạn chế và đi đến triệt hẳn nguồn tiếp tế, tiếp viện của địch, tiến tới tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm. Chiến dịch này được dự kiến có thể phát triển qua các giai đoạn như sau:

a) Một giai đoạn nhằm hoàn thành mọi công tác chuẩn bị. Công việc chuẩn bị có nhiều nhưng lấy pháo binh làm chuẩn. Khi nào hệ thống các trận địa pháo được xây dựng xong và pháo đã vào chiếm lĩnh đầy đủ ở các trận địa bắn thì có thể coi là công tác chuẩn bị đã căn bản hoàn thành.

b) Một giai đoạn tiến hành đánh bao vây nhằm tiêu diệt các trung tâm đề kháng ngoại vi hình thành và thắt chặt trận địa tiến công và bao vây, thu

1. “Báo cáo của đồng chí Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp ở hội nghị cán bộ chiến dịch Điện Biên Phủ ngày 7 tháng 2 năm 1954” Trích trong tập tài liệu *Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn*, tập 3. (Chiến dịch Điện Biên Phủ), Bộ Tổng tham mưu xuất bản, năm 1963, tr. 47-54.

hẹp dần phạm vi chiếm đóng của địch, tiêu hao, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực của chúng, khống chế sân bay, hạn chế đi đến triệt hẳn nguồn tiếp tế và tiếp viện của tập đoàn cứ điểm.

c) Khi mọi điều kiện đã được tạo nên đầy đủ thì chuyển sang thời kỳ tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

Sau Hội nghị cán bộ chiến dịch ngày 7 tháng 2 năm 1954, các mặt công tác chuẩn bị được dồn dập triển khai. Để bảo đảm cho kế hoạch tác chiến mới, có những việc bộ đội và nhân dân ta phải làm lại từ đầu. Ở mặt trận Điện Biên Phủ chủ yếu là phải đổ nhiều công sức để làm đường cơ động và xây dựng các trận địa kiên cố cho pháo, cấu trúc hệ thống trận địa bao vây, tiến công của bộ binh, tổ chức hệ thống kho tàng, dự trữ đầy đủ đạn dược, lương thực, thuốc men, thực phẩm để đánh dài ngày và bồi dưỡng duy trì sức khỏe của bộ đội, chuẩn bị quân số bổ sung, tăng cường công tác chính trị động viên tinh thần chiến đấu dẻo dai, liên tục của bộ đội và tinh thần chịu đựng khó khăn gian khổ, yên tâm phục vụ chiến dịch dài ngày của dân công hỏa tuyến. Một không khí lao động khẩn trương diễn ra sôi nổi ở khắp các đơn vị. Mọi người đều hiểu rằng làm tốt đường cơ động cho pháo, bảo đảm đường sá thông suốt, làm trận địa càng thêm kiên cố, hoàn thành được kế hoạch vận tải tiếp tế, bảo đảm việc cung cấp cho mặt trận trước thời hạn quy định, v.v. đều là “tích cực tranh thủ thắng lợi”, thêm một người làm đường, công sự dày thêm một phân, gạo thêm một cân, đạn thêm một viên “là thêm một điều kiện chiến thắng quân địch”

Thực hiện phương châm “đánh chắc tiến chắc” lần này, Bộ chỉ huy chiến dịch không cho kéo pháo vào bố trí tập trung thành các trận địa lớn ở giữa cánh đồng Bản Tấu, Nà Hy, Bản Nhệu như hồi cuối tháng trước mà sẽ cho 24 khẩu lựu pháo 105 của trung đoàn 45 bố trí trận địa phân tán trên các điểm cao thành một đường vòng cung bao lấy tập đoàn cứ điểm địch để có thể từ đó bắn ngắm trực tiếp các mục tiêu dưới vùng lòng chảo. Tuy các trận địa lựu pháo của ta được bố trí phân tán, nhưng hỏa lực của các trận địa pháo này vẫn bảo đảm bắn được tập trung vào các mục tiêu chủ yếu ở khu vực trung tâm tập đoàn cứ điểm địch như sân bay, sở chỉ huy, trận địa pháo địch. Qua nghiên cứu thực địa, đồng chí Hoàng Văn Thái, Phó Tổng tham mưu trưởng, Tham mưu trưởng chiến dịch cùng các đồng chí Đào Văn Trường, Nguyễn Hữu Mỹ, Doãn Tuế, Phạm Hoàng... cán bộ pháo binh, công binh của ta, đã chọn được sáu trận địa cho các đại đội lựu pháo: một trận địa ở bắc đồi Độc Lập (tây bắc Điện Biên Phủ), hai trận địa ở gần đường 42 (ngang kilômét 69-70), một trận địa ở Phú Hồng Mèo (tây - bắc Hồng Cúm), hai trận địa trên đỉnh Tà Lùng (đông Điện Biên Phủ). Cụ ly từ các trận địa

pháo này đến khu trung tâm Mường Thanh (lấy nóc hầm chỉ huy của Đờ Cát làm điểm chuẩn) có độ dài trung bình từ sáu đến tám kilômét (tức là chúng đã nằm gọn trong tầm bắn có hiệu quả của pháo binh hạng nặng của ta). Việc chọn các trận địa đánh máy bay địch cho 24 khẩu pháo cao xạ 37 của trung đoàn 367 cũng được làm với tinh thần sáng tạo, đảm bảo cho đơn vị thực hiện thắng lợi nhiệm vụ làm nòng cốt trong cuộc chiến đấu với không quân địch ngay trên vùng trời có chiến sự: 12 khẩu pháo cao xạ của tiểu đoàn 383 bố trí ở Quang Trung, Nà Lồi, 12 khẩu pháo cao xạ của tiểu đoàn 394 bố trí ở Nà Ten, Nà Hy. Sở chỉ huy phòng không của trung đoàn 367 đặt trên đỉnh 630 sau khu vực trận địa của tiểu đoàn 383, cách cụm cứ điểm Him Lam của địch chừng 3 kilômét.

Để đưa pháo lớn vào các trận địa đã được lựa chọn, ta phải mở năm tuyến đường cơ động với tổng chiều dài là 63 kilômét. Nhiệm vụ “mở đường thắng lợi” Bộ chỉ huy chiến dịch giao cho trung đoàn công binh 151 và hai Đại đoàn 312, 316 đảm nhiệm. Yêu cầu mở đường lần này là phải đủ rộng bảo đảm cho xe pháo đi lại được dễ dàng, và phải giữ bí mật nghiêm ngặt. Mở được đoạn nào phải ngay trang ngay đoạn đường đó và thường xuyên thay những lá nguy trang đã bị úa héo để máy bay địch không phát hiện được. Những chỗ gập địch không được dùng mìn. Những đoạn đường chạy qua đồi trọc hoặc chỗ trống phải bắc giàn, lợp cỏ sao cho thật phù hợp với khung cảnh chung của thiên nhiên nơi đó. Sau mười ngày đêm lao động khẩn trương, cả năm tuyến đường đã được mở thông sẵn sàng đón xe pháo cơ động vào chiếm lĩnh các trận địa bắn.

Trong khi bộ đội công binh và bộ binh mở đường, thì cán bộ, chiến sĩ các đơn vị pháo binh, cao xạ xây dựng các trận địa pháo ngay trên các sườn đồi thoải thoải. Hầm pháo được khoét sâu vào thành núi, nắp hầm bằng đất xen kẽ với những lớp gỗ và bó trúc dày trên dưới ba mét. Cùng với hầm pháo, có hầm đạn, hầm trực chiến, hầm chỉ huy và cứ bốn khẩu đại đội lại có chung một hầm làm nơi hội họp, nghỉ ngơi giải trí. Nối liền giữa các khẩu đội pháo và từ trận địa bắn về khu vực hậu cần ở trung tuyến là một đường hào giao thông khá rộng và sâu, xen kẽ có những hố tránh pháo và có rãnh thoát nước để giữ cho hầm hào luôn được khô ráo. Ở khu vực hậu cần trung tuyến có đủ hầm thương binh, hầm nấu bếp, hầm xe pháo. Chỗ ăn, chỗ ngủ đều bố trí trong hầm. Ngoài việc tổ chức xây dựng trận địa chính thức, các đại đội pháo đều tổ chức xây dựng sẵn cả trận địa dự bị để cơ động và bố trí một số trận địa giả để phân tán hỏa lực của địch. Tuy ta xây dựng các trận địa pháo ở ngay giữa rừng nhưng việc khai thác gỗ để làm hầm vẫn thường phải tổ chức chặt tĩa từ những nơi cách xa trận địa năm, bảy kilômét để giữ bí mật.

Tính ra mỗi trận địa đại đội lựu pháo 105 cần tới 500 bộ đội và dân công làm việc liên tục hàng tuần mới xong. Trận địa của các đại đội sơn pháo 75 cũng được cấu trúc kiên cố. Trận địa của các đơn vị pháo cao xạ được thiết lập ngay ở các nơi trống trải sát gần vị trí địch nên việc xây dựng trận địa phải làm vào ban đêm. Trước khi trời sáng các công trình lao động lại được nguy trang kín đáo để che mắt địch.

Đối với cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 45 lựu pháo 105 và trung đoàn 367 pháo cao xạ thì chiến dịch Điện Biên Phủ là cuộc ra quân đầu tiên sau một thời gian dài được huấn luyện cơ bản ở Trung Quốc¹. Mọi suy nghĩ và hành động của bộ đội đều hướng vào thực hiện tốt công tác chuẩn bị, quyết đánh thắng địch ngay từ trận đầu. Đêm mùng 6 tháng 3 năm 1954 trung đoàn 45 tổ chức cho đại đội 806 vào chiếm lĩnh trận địa để rút kinh nghiệm. Đơn vị cử một tổ trinh sát mang theo máy điện thoại vào nằm sát hàng rào địch kiểm tra xem tiếng vọng của động cơ xe kéo pháo có tới vị trí địch không, để kịp thời báo ra cho xe cất pháo ở những chỗ thích hợp nhất rồi dùng sức người tiếp tục kéo pháo vào trận địa. Đến đêm 11 tháng 3, toàn bộ sáu đại đội gồm 24 khẩu đội lựu pháo 105 cùng các loại pháo khác của ta đều đã vào chiếm lĩnh xong trận địa bí mật, an toàn.

Cùng thời gian này, đi đôi với việc tham gia mở đường cơ động cho xe pháo, các đại đoàn bộ binh còn thực hiện một công trình lao động khổng lồ: xây dựng hệ thống trận địa tiến công và bao vây tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trên tất cả các hướng đông, tây, nam, bắc. Toàn quân trở thành công binh. Toàn mặt trận trở thành một công trường lớn lặng lẽ, hoạt động không kể ngày đêm. Mọi sinh hoạt của bộ đội và dân công hỏa tuyến được nhanh chóng đưa sâu vào lòng đất.

Từ Sở chỉ huy chiến dịch đặt ở Mường Phăng đến sở chỉ huy các đại đoàn, trung đoàn đều được cấu trúc kiên cố, thường được đào sâu vào lòng núi thành những căn hầm lớn. Hầm làm việc có đủ bàn viết, ghế ngồi. Hầm nghỉ, hầm thương binh có cả giường nằm bảo đảm có thể hoạt động và sinh hoạt bình thường ngay cả khi địch bắn phá. Trận địa tiến công và bao vây của các tiểu đoàn, đại đội bộ binh, đại đội, trung đội hỏa lực ở phía trước cũng đều được xây dựng rất công phu với đầy đủ các chiến hào, bệ bắn, ụ súng máy, đài quan sát, ổ chiến đấu của cá nhân, của tổ, tiểu đội. Hầm nghỉ

1. Trung đoàn 45 trung đoàn pháo binh hạng nặng đầu tiên của quân đội ta từ tháng 7 năm 1951 đến tháng 1 năm 1953 được huấn luyện ở Mông Tự (Vân Nam, Trung Quốc). Trung đoàn 367 pháo cao xạ thành lập ngày 1 tháng 4 năm 1953. Sau sáu tháng huấn luyện ở Tân Dương (Quảng Tây, Trung Quốc) cuối năm 1953 trên đường hành quân về nước, trung đoàn 367 được điều ngay lên mặt trận Điện Biên Phủ tham gia chiến dịch. Trung ương Đảng, Chính phủ Liên Xô, Trung Quốc đã giúp ta trang bị cho hai trung đoàn này. Quân giải phóng Trung Quốc đã giúp đỡ về mặt đào tạo cán bộ, nhân viên kỹ thuật và huấn luyện bộ đội.

của từng tổ ba người đều có nắp gỗ đất đắp dày đủ sức chịu đựng được đạn pháo 105 của địch. Giữa trận địa của các đơn vị chiến đấu ở phía trước với sở chỉ huy và các lực lượng dự bị, các đơn vị bảo đảm chiến đấu ở phía sau là các tuyến hào giao thông sâu trên 1,3 mét, bề mặt hào rộng 1,2 mét, đáy hào rộng 0,5 mét và bờ hào được đắp cao lên thêm 0,4 mét. Qua mỗi đoạn ngăn lại có chỗ tránh cho cáng thương bảo đảm giao thông hai chiều được dễ dàng. Toàn bộ hệ thống công trình của các đại đoàn bộ binh được xây dựng theo nguyên tắc vừa bảo đảm tiến công địch thuận lợi, nhanh chóng, đồng thời vừa gìn giữ được lực lượng, bảo đảm an toàn cao nhất cho bộ đội ta. Khi địch phản kích thì có thể dựa vào hệ thống hầm hào để đánh chặn, đẩy lùi và tiêu diệt chúng.

Ngay cả sau khi đã nổ súng tiến công rồi bộ đội ta vẫn tiếp tục bỏ nhiều công sức và xương máu để mở rộng trận địa tiến công và bao vây, đưa các đường hào ngày một tiến sâu vào vùng thung lũng. Địch đã dùng pháo đánh chặn, tung quân ra lấp hào, gài mìn để phá hoại; có tháng chúng sử dụng tới hơn ba vạn viên đạn súng cối để đối phó. Nhưng tất cả đều vô ích, đúng như báo chí phương Tây đã nhận xét: “Với biện pháp vừa dũi đất và tự vệ có hiệu quả kỳ lạ, các vòi của các con bạch tuộc cứ vươn tới với tốc độ khủng khiếp”, “Do tìm được cách đánh thích hợp, đối phương đã tạo cho chiếc cuốc, chiếc xẻng của họ có một sức mạnh không kém xe tăng, máy bay của quân đội Pháp”

Trong thời gian bộ đội ta tiến hành xây dựng trận địa, Đờ Cát cũng đã nhiều lần dùng lực lượng cơ động của chúng ở Điện Biên Phủ, có pháo binh và xe tăng yểm hộ tổ chức một số trận đánh nống ra các vùng phụ cận nhằm thăm dò và tiêu hao lực lượng ta. Để bảo vệ và giữ bí mật cho công việc chuẩn bị của bộ đội và dân công, Bộ chỉ huy chiến dịch đã cho một số đơn vị nhỏ lợi dụng những địa hình tốt và công sự kiên cố, đẩy lùi các cuộc phản kích đó của địch.

Ngày 31 tháng 1 năm 1954, tại đồi 75 (điểm cao 536 phía bắc Điện Biên Phủ) một trung đội thuộc tiểu đoàn 542 Đại đoàn 312 đẩy lùi bảy đợt xung phong của hai tiểu đoàn địch, bảo vệ pháo kéo ra an toàn. Cùng ngày hôm đó tại Tà Lèng (phía đông Điện Biên Phủ) một đơn vị tiên tiêu của Đại đoàn 316 đã đánh bại cuộc tiến công của hai đại đội địch, diệt một trung đội, buộc chúng phải rút chạy. Trong trận đánh này chiến sĩ Hoàng Văn Nô đã dùng lưỡi lê đâm chết năm tên địch, được Bộ chỉ huy chiến dịch truy tặng danh hiệu “Dũng sĩ đâm lê” Tại điểm cao 674 đông bắc Điện Biên Phủ ngày 12 tháng 2 năm 1954, năm chiến sĩ quân báo của trung đoàn 141 đánh lui bốn đợt xung phong của địch. Ba ngày sau đó cũng tại điểm cao này một trung đội của ta đã đánh lui mười hai đợt xung phong của ba tiểu đoàn địch,

giữ vững trận địa. Trên các điểm cao 781 và 754 (phía đông Điện Biên Phủ) một trung đội của tiểu đoàn 439 Đại đoàn 316 đã chiến đấu phòng ngự liên tục từ ngày 5 tháng 2 đến ngày 5 tháng 3 năm 1954, đánh lui bốn đợt tiến công quy mô của ba tiểu đoàn địch có xe tăng và máy bay yểm hộ, loại khỏi vòng chiến hàng trăm tên, bắn hỏng ba xe tăng địch.

Trong thời gian chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược, một hoạt động nổi lên được Trung ương Đảng, Chính phủ và Tổng Quân ủy, Bộ Tổng tư lệnh đặc biệt quan tâm là công tác hậu cần bảo đảm cung cấp tiếp tế lương thực, đạn dược và mọi nhu cầu vật chất thiết yếu khác cho mặt trận Điện Biên Phủ.

Sau khi ta thay đổi phương châm chiến dịch từ đánh nhanh thắng nhanh, sang đánh chắc tiến chắc, do lực lượng tham gia chiến dịch đông hơn, thời gian chiến dịch kéo dài, qua tính toán lại khối lượng vật chất phải chuẩn bị cho chiến dịch tăng vọt lên gấp hai, ba lần. Riêng về lương thực, tổng số gạo cần huy động cũng không phải là bảy, tám nghìn tấn như kế hoạch cũ mà đã lên tới trên hai mươi ngàn tấn. Với một khối lượng lương thực lớn như vậy thì việc huy động tại chỗ không còn đáp ứng nổi, mà chủ yếu là phải tổ chức vận chuyển từ các vùng tự do Việt Bắc, Liên khu 3, Liên khu 4 lên¹. Các tuyến vận chuyển, vì thế phải được chấn chỉnh lại, lực lượng và các phương tiện vận chuyển phải được huy động thêm, công tác bảo vệ các tuyến đường trục kéo dài từ hậu phương ra tiền tuyến trở thành một vấn đề quan trọng và bộ máy hậu cần chiến dịch cũng phải được tăng cường hơn nữa để đủ sức gánh vác nhiệm vụ nặng nề mới.

Để đẩy mạnh công tác chi viện cho mặt trận, Trung ương Đảng, Chính phủ đề ra khẩu hiệu “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” và ra chỉ thị động viên toàn dân, toàn Đảng tập trung toàn lực chi viện cho tiền tuyến, nhất định bảo đảm cho chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Các cấp ủy đảng và ủy ban kháng chiến hành chính các địa phương đều coi việc tổ chức động viên nhân lực, vật lực cho mặt trận Điện Biên Phủ là một nhiệm vụ hết sức quan trọng phải tập trung mọi khả năng để hoàn thành. Khẩu

1. Theo kế hoạch cũ, trong tổng số 7.730 tấn gạo bảo đảm cho chiến dịch Điện Biên Phủ, ta chủ trương tận dụng “huy động tất cả những lực lượng có thể huy động được” ngay tại Tây Bắc là chủ yếu (6.060 tấn trong tổng số 7.730 tấn) vì việc vận chuyển từ hậu phương lên rất tốn kém, nhất là trong điều kiện chỉ dùng các phương tiện thô sơ. Kinh nghiệm chiến dịch Tây Bắc (1952) ta dùng dân công vận chuyển gạo từ Liên khu 3, 4 lên tới Cò Nòi, 5.000 tấn chỉ còn 400 tấn. Dân công ăn dọc đường hết 4.600 tấn. Lực lượng trực tiếp tham gia chiến dịch chỉ còn được cung cấp có 8 phần trăm của tổng số gạo mà ta đã huy động từ gốc.

hiệu “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” đã được nhiệt liệt hưởng ứng và sôi nổi thực hiện ở khắp mọi nơi. Nhân dân ở các vùng tự do cũng như trong các vùng tạm bị địch chiếm đều hăng hái tự nguyện đóng góp sức lực, tiền của sẵn sàng hy sinh hết cả, kịp thời bảo đảm cung cấp cho tiền tuyến.

Từ trung tuần tháng 2 năm 1954, công tác vận tải ra mặt trận đã có những thay đổi cho phù hợp với yêu cầu mới. Theo đề nghị của Bộ chỉ huy chiến dịch, Trung ương Đảng, Chính phủ đã đồng ý kéo dài tuyến vận chuyển của Hội đồng Cung cấp mặt trận lên đến Sơn La và chỉ đạo các ban ngành chấn chỉnh lại công tác của Hội đồng Cung cấp mặt trận lúc đó đang gặp nhiều trở ngại.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Quân ủy và Bộ Tổng tư lệnh, với một lực lượng đã được tăng cường (gồm 3.168 cán bộ, chiến sĩ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật và hơn ba mươi nghìn dân công, thanh niên xung phong), Tổng cục Cung cấp tiền phương đã tổ chức lại bộ máy hậu cần chiến dịch gồm sở chỉ huy hậu phương chiến dịch, các kho (quân nhu, quân y, quân khí), các binh trạm vận tải (bao gồm cả lực lượng vận tải cơ giới và thô sơ, các lực lượng bốc xếp và coi giữ kho hàng...), các đội điều trị, các đơn vị công binh và thanh niên xung phong sửa chữa cầu đường, bảo đảm giao thông... Các tuyến vận tải của Tổng cục Cung cấp tiền phương được tổ chức thành các tuyến hậu cần, không những chỉ đảm nhiệm công tác vận tải quân sự mà còn làm cả nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, thống nhất chỉ huy các ngành hậu cần trên toàn tuyến. Cụ thể, hậu cần chiến dịch tới đây đã được chia ra thành ba tuyến: Một là, tuyến Sơn La - Tuần Giáo. Hai là, tuyến Tuần Giáo - cây số 62 (đường Tuần Giáo đi Điện Biên Phủ). Ba là, tuyến từ cây số 62 trở vào hỏa tuyến (tuyến này gọi là tuyến hậu cần hỏa tuyến). Mỗi tuyến có ban chỉ huy riêng, nhưng Tổng cục Cung cấp tiền phương vẫn thường xuyên điều chỉnh và thống nhất chỉ đạo cả ba tuyến hoạt động. Giữa các tuyến do Tổng cục Cung cấp mặt trận phụ trách (tức là các tuyến từ hậu phương lên đến Sơn La) cũng thường xuyên có sự phối hợp chặt chẽ dưới sự chỉ đạo thống nhất của Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch.

Để tăng nhanh khả năng vận chuyển từ hậu phương ra mặt trận, trên tuyến vận tải từ Cao Bằng, Lạng Sơn đi Sơn La, Điện Biên Phủ ta đã tập trung 16 đại đội xe ô tô với tổng số xe lúc cao nhất là 628 chiếc. Toàn bộ 600 lái xe, 200 thợ sửa chữa vừa được ngành giao thông vận tải cho ra trường trước hạn định và 121 lái xe, thợ sửa chữa đào tạo tại chức, 74 lái xe, thợ sửa chữa vừa tuyển mộ thêm đều được tăng cường cho tuyến vận tải cơ giới hết sức mới mẻ (đối với ta) và quan trọng này. Trên tuyến vận tải dọc theo sông

Thao, sông Đà, bên cạnh các đoàn thuyền, mảng vẫn có từ trước, ta đã đưa vào sử dụng mười ca nô kéo phà và sà lan. Ở phía bắc, ta dùng mìn phá 103 ghềnh thác trên sông Nậm Na để sử dụng bè mảng chở gạo từ Phong Thổ về Lai Châu rồi dùng ngựa thồ, chuyển tiếp gạo từ Lai Châu về Điện Biên Phủ. Trên các tuyến đường bộ từ Thanh Hóa, Hòa Bình, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Thái Nguyên, Phú Thọ và các tỉnh tự do khác thuộc Liên khu 3, Việt Bắc lên Sơn La, Điện Biên ta đã huy động tới hàng trăm nghìn dân công và khoảng bảy nghìn xe cút kít, một nghìn tám trăm xe trâu, ba trăm xe ngựa. Riêng đạo quân xe đạp thồ hoạt động trên các tuyến đường này cũng lên tới hàng vạn và được tổ chức thành các đội, trung đội chặt chẽ và có đầy đủ phụ tùng để sửa chữa, thay thế trên dọc đường.

Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, chưa bao giờ sức mạnh hậu phương chiến tranh nhân dân lại được phát huy cao độ và sử dụng một cách có hiệu quả như thời kỳ này.

Để bảo đảm cung cấp, tiếp tế cho bộ đội chủ lực ta mở chiến dịch giải phóng Bắc Tây Nguyên, đồng bào Kinh, Thượng Nam Trung Bộ đã đóng góp hai trăm nghìn dân công (tính ra thành sáu triệu ngày công), hai nghìn xe đạp thồ, một nghìn ngựa thồ, hàng chục thớt voi, hàng nghìn thuyền bè, xe bò, xe ngựa và đã vận chuyển ra mặt trận, bảo đảm tiếp tế cho bộ đội hơn một nghìn tấn gạo, 50 tấn muối, hàng nghìn trâu, bò, lợn, hàng chục tấn mắm, muối, đường. Trong chiến dịch Trung - Hạ Lào, nhân dân Liên khu 4 đã đóng góp 54.075 dân công (tính ra thành 1.974.800 ngày công), 2.217 xe đạp thồ, 9 xe ô tô, 1.429 thuyền và đã bảo đảm tiếp tế cho các đơn vị chủ lực sang phối hợp cùng bạn hoạt động ở Trung - Hạ Lào 3.409 tấn gạo, 154 tấn muối, 2.102 trâu, bò, lợn, v.v. Nhưng sự huy động sức người, sức của to lớn nhất, quan trọng nhất của ta trong Đông Xuân này là dành cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

Theo báo cáo của Hội đồng Cung cấp mặt trận Trung ương (báo cáo ngày 10 tháng 7 năm 1954)¹ trong chiến dịch Điện Biên Phủ, đồng bào các dân tộc Tây Bắc, Việt Bắc, Liên khu 3, Liên khu 4 đã đóng góp hơn hai trăm sáu mươi nghìn dân công (tính ra thành mười ba mươi bốn triệu ngày công), 20.991 xe đạp thồ và hàng chục ngàn phương tiện vận chuyển thô sơ và bán thô sơ khác. Về mặt đảm bảo vật chất, đồng bào đã đóng góp cho chiến dịch (số huy động tại gốc) tổng cộng là 25.056 tấn lương thực, 907 tấn thịt và hàng nghìn tấn thực phẩm khác. Chỉ tính riêng số vật phẩm đã vận chuyển được ra mặt trận cung cấp cho bộ đội là hơn hai mươi nghìn tấn, trong đó 14.950 tấn gạo, 266 tấn muối, 62,7 tấn đường, 577 tấn thịt và 565 tấn thức

1. *Công tác hậu cần chiến dịch Điện Biên Phủ*, Tổng cục Hậu cần xuất bản năm 1979, tr. 242-283.

ăn khô. Đặc biệt đồng bào Tây Bắc đã có những cố gắng rất lớn. Mặc dù là một vùng rừng núi mới được giải phóng, đất rộng người thưa, khả năng kinh tế rất hạn hẹp, nhưng trong chiến dịch này đồng bào các dân tộc Tây Bắc đã dồn hết sức mình tiếp tế cho bộ đội 7.310 tấn gạo, 389 tấn thịt, 700-800 tấn rau xanh và đã đóng góp 31.818 dân công (tính ra thành 1.296.078 ngày công) làm công tác vận chuyển, sửa chữa cầu đường, xây dựng kho lán.

Trong Đông Xuân này Điện Biên Phủ thực sự đã trở thành điểm hội tụ mọi nguồn sức mạnh của hậu phương chiến tranh nhân dân và là nơi biểu hiện tập trung nhất khả năng tiềm tàng của hậu phương ta sau hơn tám năm vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa chiến đấu, vừa tích lũy xây dựng thực lực mọi mặt.

Mong ngăn chặn dòng thác người và các phương tiện vật chất đang từ các vùng hậu phương của ta ồ ạt đổ ra tiền tuyến, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương đã tập trung lực lượng không quân đánh phá ác liệt tất cả các tuyến đường giao thông dẫn đến Điện Biên Phủ. Trong bản *chỉ thị hướng dẫn tác chiến ở vùng tây bắc Bắc Bộ* tháng 2 năm 1954, Na-va đã giao nhiệm vụ cho lực lượng không quân của Pháp phải dành ưu tiên với mọi phương tiện tối đa cho việc hỗ trợ các lực lượng tác chiến của Pháp ở Tây Bắc. Trong tất cả các giai đoạn, lực lượng không quân Pháp sẽ hoạt động độc lập và tập trung vào việc đánh phá giao thông vận tải, đặc biệt là các ô tô vận tải trên các đường giao thông của đối phương hướng lên phía Tây Bắc, v.v.

Trên những đoạn đường trọng điểm như Tuần Giáo - Điện Biên Phủ, Lai Châu - Sơn La, Cò Nòi - Yên Bái, không quân địch liên tục đánh phá 24 trên 24 giờ. Riêng ngã tư Cò Nòi, nơi chúng nghi là điểm chân hàng, kho trung chuyển của ta đã phải thường xuyên chịu tới 69 tấn bom đạn trong một ngày. Và như sách báo của địch đã viết thì, có trận không quân Pháp đã “dùng tới 39 máy bay B.26, 5 máy bay Pri-va-tơ và 21 máy bay khu trục thuộc hải quân, ném hàng trăm tấn bom trên những đoạn đường nghi ngờ. Lần đầu tiên trong các trận oanh tạc, Mỹ đã cho Pháp sử dụng loại máy bay vận tải cỡ lớn Pác-két C.119 (78 chỗ ngồi) để thả bom na-pan. Mỗi chiếc mang được chín thùng và mỗi thùng chứa 90 bình na-pan. Tuy vậy tướng Na-va vẫn chưa yên tâm. Để làm chậm việc vận chuyển của đối phương, ông ta còn điều một sĩ quan chuyên môn từ Pa-ri sang để nghiên cứu làm ra “mưa nhân tạo” bằng chất i-ốt bạc. Ông ta mơ tưởng làm cho các đường cái trở thành vô dụng và chặn đường tiếp tế mọi mặt cho Điện Biên Phủ”¹.

Mặc dù gặp muôn vàn khó khăn do thời tiết khắc nghiệt và do địch gây ra, nhưng từng đoàn xe ô tô, xe đạp thồ, ngựa thồ, từng đoàn thuyền lớn nhỏ

1. Ê-ly, *Đông Dương trong cơn lốc*, Pa-ri, 1964.

của ta vẫn dũng cảm vượt bom đạn tiến lên phía trước. Hàng chục vạn anh chị em dân công, thanh niên xung phong, không quản hy sinh gian khổ vẫn ngày đêm băng rừng, trèo đèo lội suối, lấy sức mình vận chuyển lương thực, đạn dược ra mặt trận tiếp tế cho bộ đội giết giặc.

Trên mặt trận hậu cần phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ đã có nhiều chiến sĩ lái xe “yêu xe như con, quý xăng như máu”, luôn luôn tăng năng suất và hoàn thành vượt mức kế hoạch như các anh Tuệ, Ba, Toán, Trọng, Sĩ, Ninh. Trong đạo quân xe đạp thồ nổi lên tám gương Ma Văn Thắng (Phú Thọ) chở 352 kilôgam, Cao Văn Ty (Thanh Hóa) chở 320 kilôgam. Tiêu biểu cho lực lượng dân công khiêng vác là đại đội 15 dân công của tỉnh Vĩnh Phúc luôn luôn dẫn đầu ở những nơi khó khăn ác liệt, trong năm chuyển vận chuyển đột xuất đã mang được 6.113 kilôgam hàng tới đích. Anh Nguyễn Văn Thành vác được 100 kilôgam, anh Hoàng Văn Duy đạt 97 kilôgam, chị Hà Thị Ngãi (người dân tộc Mường Hòa Bình) gánh hàng liên tục mười lăm đêm không nghỉ. Tám gương tiêu biểu của lực lượng phục vụ ở các chân hàng là Chu Thị Mỹ, Nguyễn Thị Chất, Hoàng Văn Tiên, Trần Ngụ lao động giỏi, trách nhiệm cao. Trong nhiệm vụ mở đường và bảo vệ đường nổi lên đại đội dân công Đông Anh đã tăng năng suất 3.334 ngày công bảo đảm tốt mọi kỹ thuật làm đường. Chị Luyến, chiến sĩ chống lầy, mặc trời mưa vẫn lặn lội trong rừng chặt rông-đanh, động viên toàn đội kéo xe vượt qua những đoạn đường lầy giúp xe tăng chuyển. Chu Văn Khâm, Đinh Trung Khải, Đỗ Văn Ham dũng cảm phá bom nổ chậm, nhanh chóng mở thông đường. Phan Tứ dũng cảm dùng mìn phá hàng trăm ghềnh thác cùng đồng đội chinh phục dòng sông Nậm Na. Trong nhiệm vụ cấp dưỡng, chăm sóc thương bệnh binh nổi lên những tám gương như cụ Lã Thị Nhài (66 tuổi), bà Nguyễn Thị Hòa (53 tuổi), chị Phan Thị Mùi, luôn tận tụy hết lòng phục vụ mọi người. Trên miền ngược có nhiều đôi vợ chồng người Thái, Mèo, Tày, Nùng... cùng xuống núi đem theo ngựa và các phương tiện của gia đình mình đi chở gạo tiếp tế cho bộ đội đánh giặc. Ở dưới miền xuôi không hiếm những trường hợp như cụ Trần Văn Thiện (64 tuổi), tuy tuổi cao đã thuộc diện miền làm nghĩa vụ dân công, vẫn tự nguyện cùng con dâu và con gái đi phục vụ chiến dịch.

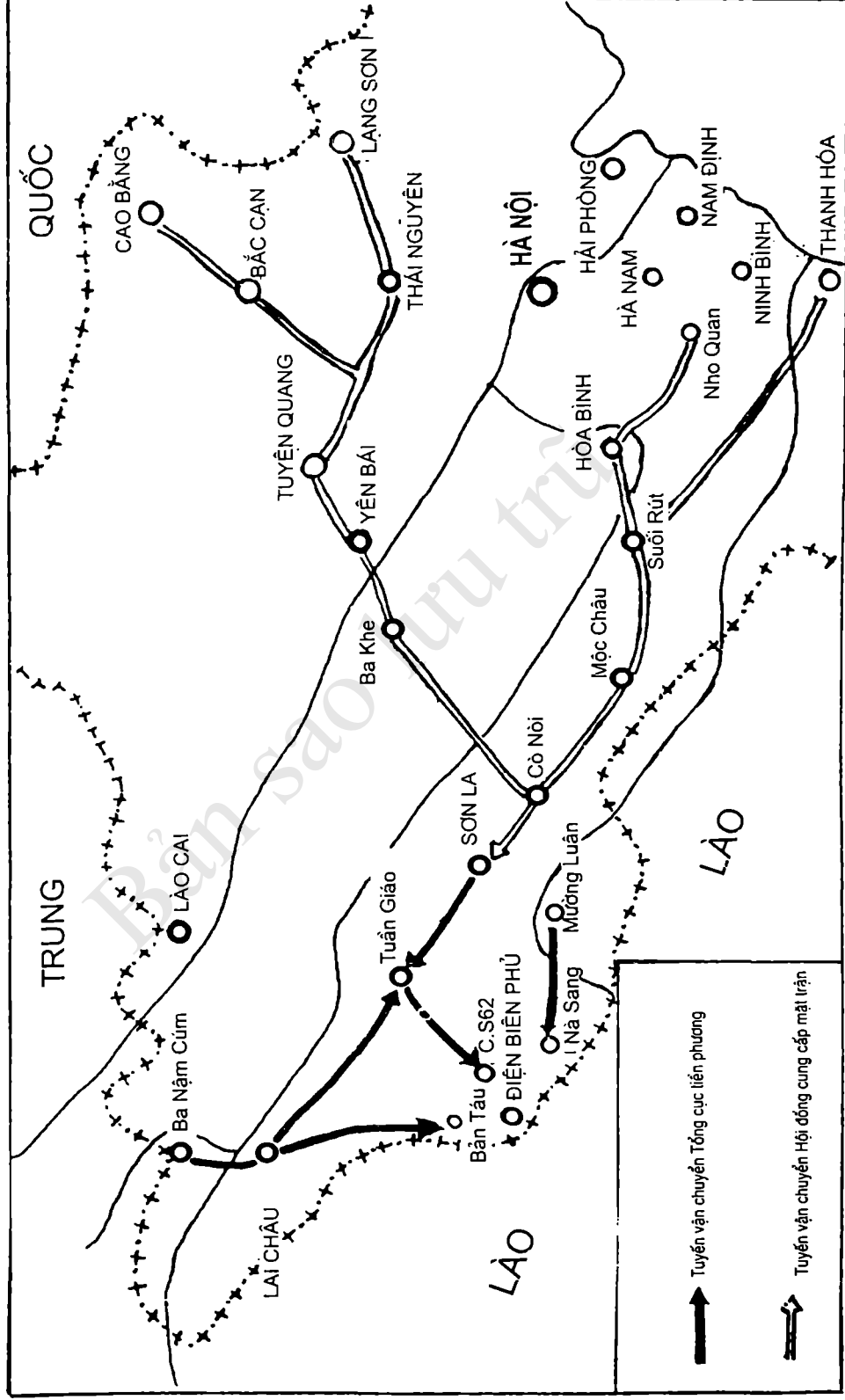
Các lực lượng trí thức, khoa học, văn hóa văn nghệ cũng hăng hái lên đường ra mặt trận. Nhiều cán bộ kỹ thuật của Bộ Giao thông công chính đã sớm có mặt trên các nẻo đường chiến dịch. Các bác sĩ nổi tiếng như Tôn Thất Tùng, Vũ Đình Tụng và toàn bộ Trường đại học Y khoa cả thầy giáo và sinh viên đều có mặt ở Điện Biên Phủ để kịp thời cứu chữa thương, bệnh binh. Họa sĩ Tô Ngọc Vân hy sinh trên đường ra trận. Nhà văn Nguyễn Đình Thi,

TUYẾN VẬN CHUYỂN CỦA HẬU CÁN CHIẾN DỊCH

từ 2.1954-5.1954

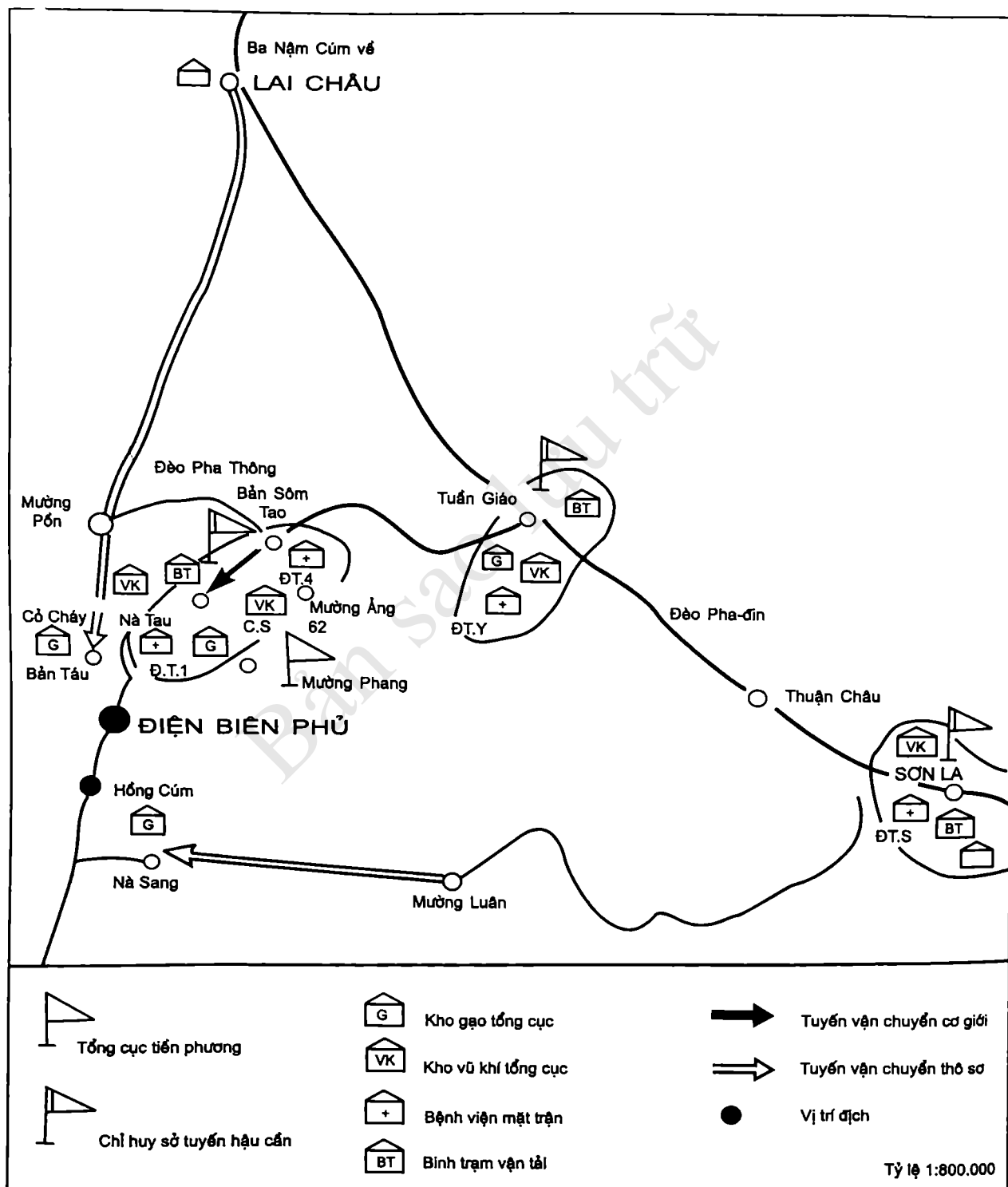
(ĐÁNH ĐIỆN BIÊN PHỦ THEO PHƯƠNG CHÂM "ĐÁNH CHẮC TIẾN CHẮC")

Số 2

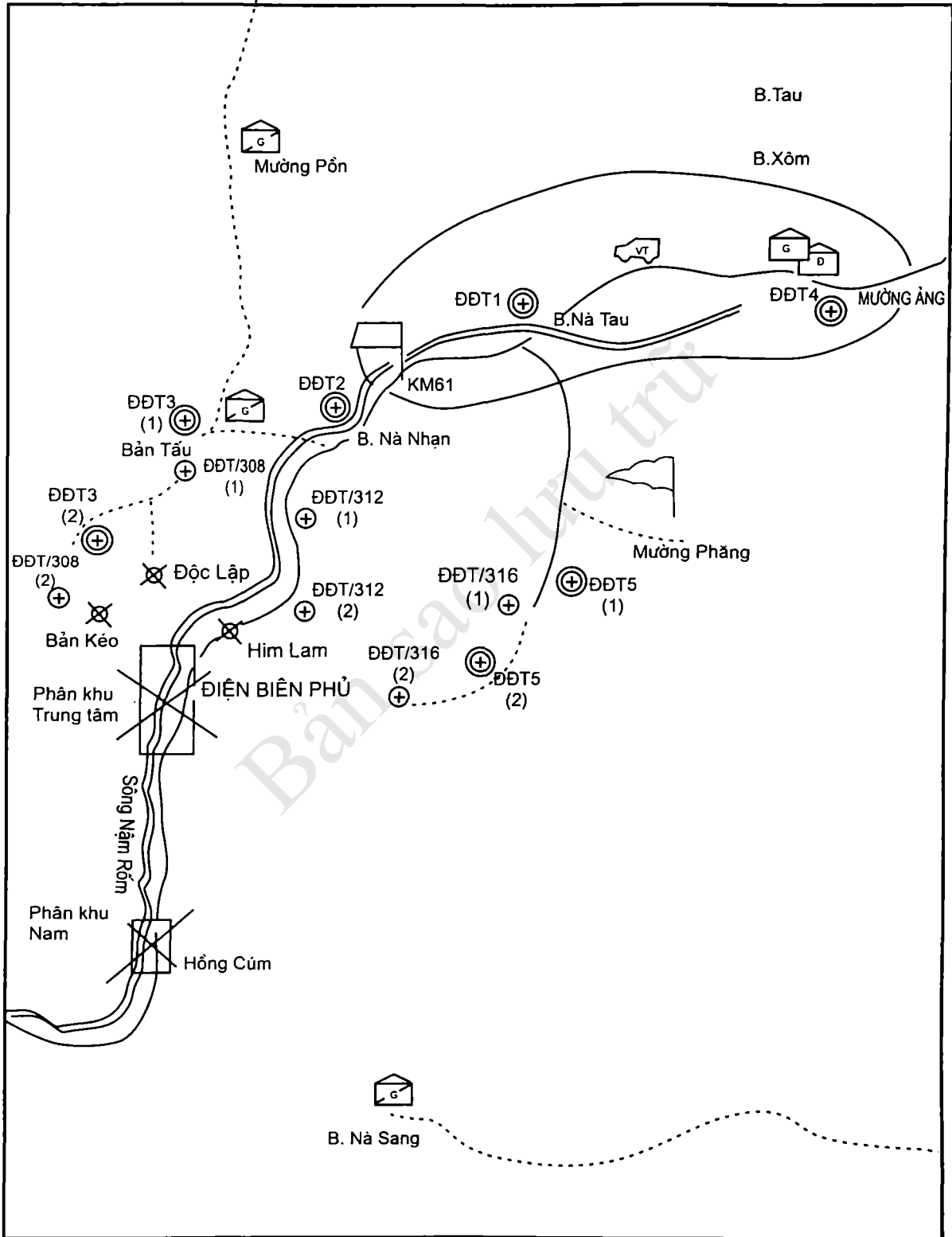


SƠ ĐỒ BỐ TRÍ HẬU PHƯƠNG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

Số: 3



HẬU CẦN HỎA TUYẾN CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ



nhạc sĩ Đỗ Nhuận cùng nhiều văn nghệ sĩ khác đã tới Điện Biên Phủ ngay từ những ngày đầu chiến dịch. Đoàn văn công quân đội, đoàn văn công Việt Nam cũng mang lời ca tiếng hát của mình ra trận, phục vụ bộ đội ngay trên các chiến hào tiến công và bao vây tập đoàn cứ điểm địch, v.v...

Trong suốt quá trình chuẩn bị giao chiến với ta ở Điện Biên Phủ, Na-va và bộ chỉ huy quân viễn chinh xâm lược Pháp luôn chủ quan cho là ta sẽ không thể nào khắc phục nổi những khó khăn về mặt vận chuyển, tiếp tế bởi vì hậu phương ta quá nghèo nàn, hoàn toàn không có khả năng bảo đảm cung cấp tiếp tế cho những đơn vị chủ lực lớn, hoạt động dài ngày ở một chiến trường xa như Điện Biên Phủ. Thế nhưng sự thật hoàn toàn ngược lại. Bọn thực dân đế quốc, bọn phản động lại một lần nữa không đánh giá được sức mạnh của cả một dân tộc, sức mạnh của nhiệt tình yêu nước, của ý chí tự lực tự cường của nhân dân ta. Sức mạnh đó là vô tận và chính bằng sức mạnh đó trong Đông Xuân này quân và dân ta đã tạo nên những kỳ tích thực sự trên mặt trận hậu cần phục vụ tiền tuyến, làm thất bại mọi tính toán và dự kiến của địch khi chúng chấp nhận giao chiến với chủ lực ta ở Điện Biên Phủ.

TIÊU DIỆT CÁC TRUNG TÂM ĐỀ KHÁNG CỦA ĐỊCH Ở PHÍA BẮC VÀ ĐÔNG BẮC THUNG LŨNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

Vào cuối thượng tuần tháng 3 năm 1954, sau một thời gian cố gắng liên tục, công tác chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công lớn tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc” đã cơ bản hoàn thành. Bộ chỉ huy chiến dịch kiểm tra lại lần cuối để có thể sẵn sàng ra lệnh nổ súng vào đúng ngày giờ quy định.

Về phía địch, cho tới lúc này, nhìn chung từ các sĩ quan, binh lính Pháp đang đồn trú ở Điện Biên Phủ tới các tướng tá trong bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Hà Nội, Sài Gòn đều còn rất chủ quan. Mặc dù gần đây bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp đã nhận được tin cuộc tiến công lớn của chủ lực ta sắp sửa bắt đầu, nhưng hầu như họ đều nhất trí cho rằng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ sẽ đứng vững và chiến thắng, “Việt Minh biết điều thì không nên mở cuộc công kích” Để khiêu khích, họ còn dùng đến cả một phương tiện gián đơn và trực tiếp là cho máy bay rải truyền đơn và dùng làn sóng vô tuyến điện truyền đi những lời thách thức bộ chỉ huy của ta tiến công vào vùng lòng chảo. Trong lần tới kiểm tra tại chỗ ngày 7 tháng 3 năm 1954, khi tướng Na-va tỏ ra thận trọng hơn, muốn tăng cường thêm cho Điện Biên Phủ ba tiểu đoàn cơ động nữa vì phòng nhì Pháp báo cáo là cuộc tiến công

của ta có thể sẽ xảy ra vào ngày 13 hoặc 15 tháng 3, Đờ Cát-xơ-ri đã dứt khoát từ chối và kiêu hãnh trả lời rằng: “Thật vô ích! Sẽ gay go nhưng chúng tôi giữ được”¹ Ủng hộ ý kiến đó của Đờ Cát, tướng Cô-nhi cũng cho là không nên làm bất cứ điều gì khiến cho Việt Minh chuyển hướng, bỏ cuộc tiến công mà toàn thể quân đồn trú đang chờ đợi. Họ đang chờ đợi những trận chiến đấu gay go, nhưng cũng chờ đợi cả chiến thắng nữa.

Bản thân tướng Na-va, cho tới lúc này vẫn đánh giá sai về ta. Sau gần bốn tháng chờ đợi Na-va càng tin tưởng là chủ lực ta không thể đánh được tập đoàn cứ điểm đó. Không những thế, ông ta còn nhận định là đến cuối tháng 2 năm 1954 cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân của ta đã vượt qua đỉnh cao nhất và đang bắt đầu đi xuống. Trước sau rồi quân ta cũng phải rút lui ra khỏi Điện Biên Phủ, vì Điện Biên Phủ không thể bị đánh chiếm bằng sức mạnh. Và nếu chủ lực ta liều lĩnh mở cuộc tiến công, thì đây sẽ “là trận tiêu diệt lớn khối chủ lực của Việt Minh” một thời cơ hiếm hoi mà quân Pháp phải tận dụng.

Từ sự đánh giá chủ quan đó, Na-va cho là đã đến lúc có thể mở tiếp bước hai của cuộc hành binh Át-lăng, quyết thực hiện cho bằng được kế hoạch tiến công chiến lược ở miền Nam đang bị bỏ dở. Ngày 12 tháng 3 năm 1954, Na-va sử dụng một lực lượng khá lớn quân cơ động, đổ bộ đánh chiếm Quy Nhơn (tỉnh Bình Định). Ông ta không thể ngờ rằng cuộc hành binh chiến lược không đúng lúc này lại là một sai lầm nữa rất nghiêm trọng, vì trận hội chiến Điện Biên Phủ nổ ra chỉ một ngày sau đó đã sớm mang dáng vẻ “đây kịch tính” với bao điều khó khăn và bất lợi cho phía Pháp.

Như phần trên đã nói, cho tới khi quân ta bắt đầu tiến công, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã được tăng cường và bố trí một lực lượng tập trung mạnh mẽ. Phần lớn đó là các đơn vị tinh nhuệ, rất được tin cậy và các sĩ quan đều là loại cốt cán, có trình độ khá vào bậc nhất của bộ binh và các binh, quân chủng khác.

Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có tất cả 49 cứ điểm, và mỗi cứ điểm đều có khả năng phòng ngự. Nhiều cứ điểm nằm sát kề nhau được tổ chức lại thành cụm cứ điểm “trung tâm đề kháng theo kiểu phức tạp” có lực lượng cơ động và hỏa lực riêng, có hệ thống công sự vững chắc, xung quanh có hàng rào dây thép gai dày đặc và có khả năng độc lập phòng ngự khá mạnh. Mỗi trung tâm đề kháng cũng như toàn bộ tập đoàn cứ điểm đều được che chở bằng một hệ thống công sự nằm chìm dưới mặt đất, bằng một hệ thống vật cản (hàng rào hoặc bãi dây thép gai, bãi mìn) cùng một hệ thống

1. Y-vo Gơ-ra, *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương*, Sdd...

hỏa lực rất mạnh. Tập đoàn cứ điểm được chia ra thành ba phân khu yểm hộ lẫn cho nhau.

Phân khu quan trọng nhất là *phân khu trung tâm* (trận địa trung tâm) ở ngay giữa Mường Thanh, tức là châu ly Điện Biên Phủ. Ở đây tập trung gần hai phần ba lực lượng của địch với năm trung tâm đề kháng bao bọc lấy cơ quan chỉ huy GONO, các căn cứ hỏa lực, căn cứ hậu cần và bảo vệ sân bay Mường Thanh. Phía đông phân khu trung tâm có cả một hệ thống điểm cao mà địch đã xây dựng thành một loạt cứ điểm rất lợi hại, đặc biệt là các ngọn đồi A1, C1, D1, E1... đã trở thành bộ phận phòng ngự quan trọng nhất của phân khu trung tâm. Ở phía bắc có *phân khu bắc* gồm các cụm cứ điểm Gabri-en (đồi Độc Lập) và An-nơ Ma-ri (Bản Kéo), trong đó cụm cứ điểm đồi Độc Lập có nhiệm vụ án ngữ phía bắc, ngăn chặn cuộc tiến công của quân ta từ hướng Lai Châu vào Điện Biên Phủ. Cụm cứ điểm Bê-a-tơ-ri-xơ (Him Lam)¹, tuy thuộc phân khu trung tâm, nhưng cùng với các cụm cứ điểm Độc Lập, Bản Kéo là những vị trí ngoại vi đột xuất của địch có nhiệm vụ án ngữ phía đông bắc và phía bắc, ngăn chặn cuộc tiến công của ta từ hướng Tuần Giáo vào Điện Biên Phủ. Ở phía nam có *phân khu nam* (Hồng Cúm), có nhiệm vụ ngăn chặn quân ta tiến công từ phía nam lên, đồng thời giữ đường liên lạc với Thượng Lào.

Về phía ta, lực lượng tham gia chiến dịch có Đại đoàn bộ binh 308 (với ba trung đoàn 102, 88, 38), Đại đoàn bộ binh 312 (với ba trung đoàn 141, 209, 165), Đại đoàn bộ binh 36 thiếu (với hai trung đoàn 174, 98), trung đoàn bộ binh 57 (thuộc Đại đoàn 304), tất cả gồm chín trung đoàn bộ binh và Đại đoàn 351 với một trung đoàn lựu pháo 105 (trung đoàn 45), một trung đoàn sơn pháo và súng cối (trung đoàn 675), một trung đoàn pháo cao xạ (trung đoàn 367) và bốn tiểu đoàn công binh. Tổng quân số chủ lực ta ở hỏa tuyến khoảng hơn bốn mươi nghìn, nếu tính cả tuyến hai là năm mươi lăm nghìn. Ta ưu thế hơn địch, nhưng ưu thế đó không lớn. Tỷ lệ bộ binh chỉ đạt gấp đôi. Hỏa lực pháo, cối ta nhiều hơn địch một chút về số khẩu pháo (62 trên 49 khẩu) nhưng lại có ít hơn địch rất nhiều về số lượng đạn. Ta có pháo cao xạ nhưng địch hoàn toàn chiếm ưu thế về máy bay, xe tăng.

Với tỷ lệ đó, theo quan niệm thông thường quân phòng ngự chưa hẳn đã bị coi là bất lợi về mặt so sánh lực lượng. Vì thế, khi xây dựng kế hoạch tiến công tiêu diệt tập đoàn cứ điểm địch, Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch cuối cùng đã lựa chọn phương châm “đánh chắc, tiến chắc” và dự kiến cuộc chiến đấu có thể gồm một giai đoạn tiêu diệt các cứ điểm vòng ngoài, thắt chặt

1. Từ trước tới đây ta vẫn nói Him Lam thuộc phân khu trung tâm là căn cứ vào các tài liệu ta bắt được của địch ở mặt trận Điện Biên Phủ. Còn Na-va và một số tướng lĩnh Pháp, trong hồi ký của mình đã viết Him Lam thuộc phân khu bắc, còn Bản Kéo lại thuộc phân khu trung tâm.

vòng vây, hạn chế đi đến triệt đường tiếp tế, tiếp viện của địch, tiếp đó chuyển sang giai đoạn tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Trong thực tế, chiến dịch đã diễn biến thành ba đợt: *Đợt thứ nhất*, quân ta tiêu diệt các cụm cứ điểm vòng ngoài của địch ở phía bắc và đông bắc; cụ thể là tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc. *Đợt thứ hai*, tiêu diệt khu phòng ngự then chốt thuộc phân khu trung tâm của địch, đánh chiếm các ngọn đồi phía đông, chiếm sân bay, tạo thành một vòng vây xung quanh địch và từng bước siết chặt vòng vây, thu hẹp vùng đất chiếm đóng cùng vùng trời của địch, đi đến triệt tiêu hẳn nguồn tiếp viện và tiếp tế của chúng. Trên cơ sở kết quả chiến đấu trong các đợt thứ nhất và thứ hai, trong *đợt thứ ba*, quân ta tiếp tục đánh chiếm các cứ điểm còn lại của địch ở phía đông và chuyển sang tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Nhiệm vụ của đợt tiến công thứ nhất là tiêu diệt cả ba trung tâm đề kháng Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của chúng, tạo điều kiện cho quân ta thắt chặt vòng vây và tiến công vào khu trung tâm. Sở dĩ ta mở màn chiến dịch bằng ba trận tiến công vào các trung tâm đề kháng quan trọng này vì chúng ở vào thế tương đối cô lập và cách xa trung tâm Mường Thanh, nên ta có một số lợi thế trong thực hiện bao vây và triển khai lực lượng tiến công. Mặt khác, có tiêu diệt được các vị trí quan trọng này ta mới có đường để tiến vào sâu trong trận địa trung tâm Mường Thanh và mới thực hiện được một đòn phủ đầu mạnh mẽ làm chấn động tinh thần binh lính địch ở toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Để thực hiện nhiệm vụ đợt tiến công mở đầu, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định sử dụng lực lượng và phân công cho các đơn vị như sau: Đại đoàn 312 (thiếu trung đoàn 165) tiến công tiêu diệt trung tâm đề kháng Him Lam, trung đoàn 165 Đại đoàn 312 và trung đoàn 88 Đại đoàn 308 tiến công tiêu diệt trung tâm đề kháng Độc Lập. Trung đoàn 36 Đại đoàn 308 tiêu diệt trung tâm đề kháng Bản Kéo. Đại đoàn 316 dùng một bộ phận nhỏ nghi binh, kiểm chế địch ở các cứ điểm phía đông của phân khu trung tâm. Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 kiểm chế pháo binh địch ở Hồng Cúm. Đại đoàn pháo binh 351 có nhiệm vụ yểm hộ đặc lực cho bộ binh tiến công, kiểm chế pháo binh địch, tập kích hỏa lực vào sân bay, sở chỉ huy và các căn cứ hậu cần, kho tàng dự trữ của địch.

Về cách đánh, lúc đầu ta định cùng một lúc tiến công cả hai trung tâm đề kháng Him Lam, Độc Lập, giải quyết dứt điểm được hai cụm cứ điểm mạnh

ở vòng ngoài là Him Lam, Độc Lập này rồi, nhân đà thắng lợi sẽ tiến công tiếp vào Bản Kéo nơi chỉ có một tiểu đoàn ngụy Thái đóng giữ. Sau khi kiểm tra lần cuối tại thực địa, ta phát hiện ở Him Lam, Độc Lập địch bố trí nhiều hỏa điểm tiền duyên, số sơn pháo 75 của ta không đủ để cùng một lúc đánh cả hai cụm cứ điểm. Vì thế Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tập trung sơn pháo chi viện cho Đại đoàn 312 đánh Him Lam trước. Sau đấy sẽ cơ động pháo sang chi viện cho Đại đoàn 308 tiến công cụm cứ điểm Độc Lập. Kế hoạch tác chiến đợt một của ta cũng đã xác định cụ thể nhiệm vụ phòng không, phòng pháo và các mặt bảo đảm, dự kiến các tình huống cơ bản và đề ra cách xử lý trong quá trình diễn biến chiến đấu. Công tác kiểm tra cũng được thực hiện tỉ mỉ và kịp thời bảo đảm đánh thắng địch ngay từ trận đầu và tạo đà cho các trận tiếp sau.

Ngày 11 tháng 3 năm 1954, trong lúc toàn thể cán bộ, chiến sĩ trên mặt trận Điện Biên Phủ đang nỗ lực tiến hành công tác chuẩn bị ở bước cuối cùng để nổ súng mở màn chiến dịch, thì có thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đến. Người viết:

“Các chú sắp ra trận. Nhiệm vụ các chú lần này rất to lớn, khó khăn, nhưng rất vinh quang. Các chú vừa được chỉnh quân chỉnh trị và chỉnh huấn quân sự, và đã thu được nhiều thắng lợi về tư tưởng và chiến thuật, kỹ thuật. Nhiều đơn vị cũng đã đánh thắng trên các mặt trận. Bác tin chắc rằng các chú sẽ phát huy thắng lợi vừa qua, quyết tâm vượt mọi khó khăn gian khổ để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang sắp tới.

Bác chờ các chú báo cáo thành tích để thưởng những đơn vị và cá nhân xuất sắc nhất.

Chúc các chú thắng to.

Bác hôn các chú”¹.

Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhanh chóng phổ biến tới mọi cán bộ, chiến sĩ và anh chị em thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến. Một không khí phấn khởi, thi đua lập công truyền lan tới khắp các trận địa.

Thực hiện kế hoạch tác chiến chiến dịch đã được xác định, ngày 13 tháng 3 năm 1954 bộ đội ta nổ súng tiến công Him Lam, một trung tâm đề kháng mạnh gồm ba cứ điểm nằm trên ba quả đồi sát kề nhau bên đường số 41, do tiểu đoàn 3 thuộc bán lữ đoàn lê-dương thứ 13 (3/13 DBLE) phòng giữ.

1. Lưu trữ Bộ Quốc phòng, hồ sơ 106, tờ 3, phòng Quân ủy.

Theo đúng kế hoạch, đêm 12 rạng 13 tháng 3, bộ binh ta tiến vào đào trận địa tiến công. Phát hiện ta đào trận địa, trưa ngày 13 Đờ Cát cho điều một đại đội lê-dương cùng hai xe tăng từ Mường Thanh tiến ra đánh vào khu vực bàn đạp xuất kích của ta. Để thử súng và bảo vệ trận địa, Bộ chỉ huy chiến dịch cho sử dụng đại đội 806 lựu pháo 105 bắn trước vào Him Lam 20 phát. Trừ hai phát đầu đạn rơi hơi xa vào phía trong, còn 18 phát sau đạn đều trúng mục tiêu. Thiếu tá Pê-gô tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 3/13 DBLE và ba sĩ quan khác chết trong hầm chỉ huy vì trúng đạn pháo. Đại đội bộ binh cùng hai xe tăng địch đi lòng sục hoảng sợ quay đầu tháo chạy về Mường Thanh. Đến 17 giờ 05 cùng ngày, pháo binh ta tập trung hỏa lực giáng đòn cấp tập, mãnh liệt vào tập đoàn cứ điểm.

Trận pháo kích mở màn chiến dịch đạt hiệu quả khá tốt: Sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm bị trúng đạn, đường dây điện thoại bị cắt đứt. Các trận địa pháo địch đặt ở khu trung tâm bị tê liệt hoàn toàn, mười hai khẩu pháo, cối bị đánh hỏng. Một kho xăng bốc cháy, năm máy bay địch trúng đạn nổ tung, toàn bộ đội bay địch ở sân bay Mường Thanh bị loại khỏi vòng chiến. Cả Him Lam và Mường Thanh rung chuyển trong tiếng nổ dồn dập của đạn pháo, nhiều hầm hào, công sự sụp đổ, sở chỉ huy phân khu bắc bị đánh tơi tả, trung tá Gô-sê cùng một số sĩ quan tham mưu của phân khu bắc tử trận, tiểu đoàn trưởng Mác-ti-nen-ni bị thương nặng, phân khu bắc và cụm cứ điểm Him Lam không còn người chỉ huy trực tiếp. Ngay từ giờ phút đầu tiên, bọn địch ở Điện Biên Phủ đã bị giáng một đòn trừng phạt khủng khiếp¹.

Trong khi pháo bắn, dưới sự chỉ huy của đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn và chính ủy Trần Độ, cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 141 và 209 khẩn trương vận động qua sông Nậm Rốm trên những chiếc cầu vừa được ráp nối, tiến vào chiếm lĩnh bàn đạp chuẩn bị xung phong. Các chiến sĩ sơn pháo 75 đi cùng bộ binh cũng nhanh chóng khiêng vác từng bộ phận của pháo vào, tiến hành lắp ráp ngay trước cứ điểm địch để ngắm bắn trực tiếp tiêu diệt các lô cốt, ụ súng đã được đánh số, chi viện cho bộ binh mở cửa và xung phong vào cứ điểm địch.

Từ 18 giờ 30, bộ binh ta bắt đầu mở cửa.

Trên hướng thứ yếu của trận đánh, trung đoàn 209 do đồng chí Hoàng Cầm làm trung đoàn trưởng sử dụng tiểu đoàn 130 đột phá từ hướng bắc

1. Hạ sĩ Ku-bi-ắc, người sống sót trong trận Him Lam kể lại rằng: "Trận pháo kích dữ dội đến nỗi người ta tưởng như ngày tận thế đã đến và tưởng chừng như cứ điểm Bê-a-tơ-ri-xơ đã bay đi thành những làn bụi. Quanh tôi đất đá bị cày tung lên, đầy đó đây những người bị thương và nằm chết la liệt. Tất cả đều kinh ngạc và tự hỏi không biết Việt Minh lấy ở đâu ra nhiều pháo đến thế, họ đưa pháo bằng cách nào lên tận lưng chừng các mỏm núi cao này". (Hạ sĩ Ku-bi-ắc, *Cuộc hành quân Ca-xô, Véc-đoong, 1954*, tạp chí *Kê-pi trắng*, số tháng 10 năm 1962).

tiêu diệt cứ điểm 3. Được hỏa lực pháo binh và các đơn vị trợ chiến yểm hộ, các tiểu đội bộc phá nối tiếp nhau tiến lên dùng thuốc nổ dọn sạch một con đường xuyên qua hàng trăm mét rào dây kềm gai. Cửa mở vừa khai thông, tiểu đội trưởng Trần Can mang cờ “Quyết chiến quyết thắng” cùng tiểu đội lao thẳng lên đỉnh đồi. Khi hỏa lực địch bắt đầu bắn cản thì một trung đội xung kích đã lọt vào trong cứ điểm và chia thành hai mũi nhanh chóng đánh tỏa ra hai bên. Tiểu đội trưởng Trần Can cùng tiểu đội tiếp tục đánh thẳng vào tung thâm, cắm lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” lên giữa cứ điểm địch. Đây là lá cờ chiến thắng đầu tiên của quân ta được cắm trên các trận địa phòng ngự của địch tại chiến trường Điện Biên Phủ. Sau hơn một giờ chiến đấu, đại đội lê-dương số 11 bị diệt gọn. Tiểu đoàn 130 trung đoàn 209 hoàn toàn làm chủ cứ điểm 3.

Trên hướng chủ yếu của trận đánh trung đoàn 141 do đồng chí Quang Tuyến làm trung đoàn trưởng sử dụng tiểu đoàn 11 đánh chiếm cứ điểm 1 và tiểu đoàn 428 đột phá từ hướng đông - nam tiêu diệt cứ điểm 2.

Tại cứ điểm 2, khi cửa mở được khai thông, các chiến sĩ xung kích tiểu đoàn 428 vừa lao qua hàng rào cuối cùng thì vấp ngay phải một hỏa điểm địch bắn cản dữ dội. Để tiếp tục mở đường tiến cho đồng đội, tiểu đội trưởng Phan Đình Giót mau lẹ trườn lên dùng tiểu liên, lựu đạn diệt hỏa điểm địch. Khi hết đạn mà vẫn chưa diệt được mục tiêu, anh dũng cảm lấy thân mình bịt lỗ châu mai khiến bọn địch ở trong lô cốt không thể tiếp tục bắn ra được. Hành động anh hùng của Phan Đình Giót tiếp thêm sức mạnh cho các chiến sĩ xung kích tiểu đoàn 428 xông lên tiêu diệt địch. Đến 22 giờ 30 đơn vị hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm cứ điểm 2.

Tại cứ điểm 3, cuộc chiến đấu diễn ra phức tạp hơn. Đây là điểm phòng ngự then chốt của trung tâm để kháng Him Lam và là mục tiêu cuối cùng tại khu vực chưa bị đánh chiếm nên địch dồn lực lượng đánh trả ta quyết liệt. Pháo binh địch ở Mường Thanh sau hơn một giờ bị hoàn toàn tê liệt trước đòn tập kích hỏa lực bất ngờ của pháo binh ta cũng đã một phần gương lại được và tập trung hỏa lực bắn chặn đường tiến của tiểu đoàn 11 qua sông Nậm Rốm. Cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn 11 chiến đấu dũng cảm và đã thương vong một số, nhưng bốn giờ trôi qua, đơn vị vẫn chưa mở xong được cửa đột phá. Để giải quyết gọn mục tiêu Him Lam trong đêm 13, đại đoàn trưởng Đại đoàn 312 quyết định đưa tiểu đoàn dự bị vào chiến đấu. Trung đoàn trưởng 141 cũng ra lệnh cho tiểu đoàn 428 mở một mũi đột phá từ cứ điểm 2 sang cứ điểm 1 phối hợp với đơn vị bạn. Trong khi tiểu đoàn 428 và tiểu đoàn dự bị còn đang tìm đường vượt qua hệ thống hầm hào chằng chịt của

địch để sang cứ điểm 3 thì cùng thời gian đó, cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn 11 đã đột phá thành công vào chiếm nốt mục tiêu cuối cùng này.

Trận đánh mở màn chiến dịch kết thúc vào hồi 23 giờ 30 phút. Trung tâm đề kháng Him Lam bị hoàn toàn tiêu diệt. Tiểu đoàn 3/13 DBLE bị xóa sổ, 300 tên bị giết tại trận, 200 tên bị bắt sống. Xuất phát từ lòng nhân đạo và cũng là đòn cân não khoét sâu điểm yếu về tinh thần của binh lính địch, sáng 14 tháng 3 Bộ chỉ huy chiến dịch cho phép quân Pháp ở Mường Thanh ra nhận thương binh ở một địa điểm do ta quy định.

Việc một trung tâm đề kháng được phòng ngự rất kiên cố và tiểu đoàn lê dương 3/13 DBLE “một đơn vị thân thoai chưa bao giờ bị thua một trận nào” bị tiêu diệt quá nhanh, đã làm cho bộ chỉ huy quân Pháp bàng hoàng và binh lính địch ở các cứ điểm khác trong tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ lo sợ. Mong khôi phục lại được thế trận phòng ngự trên hướng đông - bắc, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ nhiều lần gửi điện thúc giục Đờ Cát tung quân ra phản kích. Nhưng trong suốt ngày 14 tháng 3 ông ta đã không có cơ hội để làm điều đó vì phải lo điều khiển quân lính, củng cố lại trận địa và đối phó với các cuộc tập kích hỏa lực chính xác của pháo binh ta. Đặc biệt là khu vực sân bay Mường Thanh đã bị pháo binh ta khống chế chặt chẽ. Trong ngày 13, năm chiếc khu trục đã bị phá hủy ngay trên đường băng. Trong ngày 14 lại thêm một máy bay khu trục, một máy bay trinh sát và ba trực thăng bị bắn tan xác. Đài chỉ huy sân bay và hệ thống đèn hướng dẫn ban đêm đều bị phá hủy. Để lấy lại tinh thần cho quân đồn trú và thay thế tiểu đoàn lính lê dương vừa bị tiêu diệt, chiều 14 tháng 3, Cô-nhi cho máy bay liều lĩnh vượt qua núi lửa pháo phòng không của ta, thả tiểu đoàn dù nguy số 5 (5°BPV) xuống Mường Thanh tăng viện.

Sau khi mất Him Lam, Đờ Cát và ban tham mưu tập đoàn cứ điểm dự đoán chắc chắn rằng đêm 14 ta sẽ tiến công tiếp đồi Độc Lập và đã ra chỉ thị đặc biệt cho Méc-cơ-nen, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn An-giê-ri và người sắp thay thế ông ta là thiếu tá Các cùng lo việc chuẩn bị đối phó. Hai viên tiểu đoàn trưởng này đã đi xem xét lại tất cả các vị trí của trung tâm đề kháng đồi Độc Lập và hiệp đồng kỹ lưỡng với các trận địa pháo 105, 155 ở Mường Thanh, chuẩn bị sẵn phần tử bắn vào khu vực phía bắc đồi Độc Lập. Pi-rốt, viên chỉ huy pháo binh của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ hứa với Méc-cơ-nen và Các là lực lượng pháo binh của ông ta sẽ chi viện có hiệu quả bất kỳ lúc nào, còn không quân thì hứa sẽ hỗ trợ và thả pháo sáng suốt đêm, v.v. Mặc dù được tăng cường phòng bị như vậy, bọn địch ở cụm cứ điểm đồi Độc Lập vẫn không thoát khỏi đòn trừng trị của quân ta.

Đêm 14 tháng 3, ta mở tiếp cuộc tiến công vào trung tâm đề kháng đối Độc Lập, một cụm cứ điểm được coi là có tổ chức phòng ngự tốt nhất ở Điện Biên Phủ do tiểu đoàn 5 thuộc trung đoàn An-giê-ri thứ 7 (5/7 RTA) và một đại đội lính ngự Thái đóng giữ. Cụm cứ điểm này có chiều dài 500 mét, rộng 200 mét và nằm cách trung tâm Mường Thanh bốn kilômét về phía bắc.

Nhiệm vụ tiêu diệt đối Độc Lập được giao cho trung đoàn 165 Đại đoàn 312 và trung đoàn 88 Đại đoàn 308 dưới quyền chỉ huy chung của đồng chí Vương Thừa Vũ đại đoàn trưởng Đại đoàn 308: Trung đoàn 165 đảm nhiệm mũi chủ yếu có nhiệm vụ đột phá từ hướng đông nam đánh dọc theo cứ điểm. Trung đoàn 88 đảm nhiệm mũi thứ yếu, có nhiệm vụ đột phá từ hướng đông bắc đồng thời mở một mũi vu hồi ở hướng tây và bố trí một lực lượng làm nhiệm vụ chặn viện từ Mường Thanh ra. Trận đánh dự định sẽ bắt đầu vào hồi 16 giờ 45 phút nhưng do trời mưa, sơn pháo 75 và cối 120 điều từ Him Lam sang chưa kịp. Giờ nổ súng đã đến. Sau khi trao đổi ý kiến với đại đoàn phó Đàm Quang Trung, vận dụng phương châm “đánh chắc, tiến chắc” chỉ huy trưởng trận đánh quyết định cho lựu pháo 105 bắt đầu bắn vào các cứ điểm địch để phá hoại một phần công sự và uy hiếp tinh thần chúng còn bộ binh kiên trì chờ sơn pháo 75 và cối 120 tới, chuẩn bị thật chu đáo mới nổ súng. Đây lại là một bất ngờ nữa về chiến thuật đối với kẻ địch vì sau đợt pháo kích mở màn diễn ra vào chiều 14 tháng 3, chúng đã phải ngong ngóng chờ đợi mà vẫn không thấy quân ta tiến công.

2 giờ sáng ngày 15 tháng 3, các khẩu đội cối 120 và sơn pháo 75 đã tới đầy đủ. Các chiến sĩ bộ binh vốn quen phối hợp với lực lượng pháo binh khiêng vác, nên đã chủ động đào sẵn công sự cho sơn pháo vào thiết bị trận địa ngắm bắn trực tiếp ngay sát hàng rào cứ điểm địch nên việc chuẩn bị chiến đấu của pháo binh diễn ra mau lẹ. Đúng 3 giờ 30 phút sáng 15 tháng 3 chỉ huy trưởng trận đánh hạ lệnh nổ súng tiến công đối Độc Lập.

Trên hướng chủ yếu, trung đoàn 165 đột phá thuận lợi. Địch chưa kịp phản ứng thì lực lượng xung kích của trung đoàn dẫn đầu là các chiến sĩ Doãn, Các, Thiêm, Viên, Lập, v.v... đã nhanh chóng lao sâu vào cứ điểm địch đánh chiếm khu thông tin, diệt trận địa cối, uy hiếp sở chỉ huy cứ điểm. Trên hướng thứ yếu, lúc đầu trung đoàn 88 mở cửa chệch hướng nên đã quét sạch hơn một trăm mét hàng rào thép gai vẫn chưa vào tới bên trong cứ điểm địch. Phát hiện ra sai sót đó, tiểu đội trưởng Nguyễn Văn Ty đã lấy lô cốt địch làm điểm chuẩn, điều khiển các chiến sĩ bộc phá phá nốt được những hàng rào cuối cùng mở thông đường vào bên trong cứ điểm. Và chỉ ít phút sau các chiến sĩ xung kích tiểu đoàn 29 trung đoàn 88 cũng đã kịp thời tiến vào cùng các chiến sĩ trung đoàn 165 diệt địch. Binh lính tiểu đoàn An-

giê-ri số 5 chống cự ngoan cố. Pháo địch ở Mường Thanh cũng liên tục bắn ra mong sát thương và chia cắt đội hình tiến công của ta. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Bộ đội ta giành giật với địch từng ụ súng, căn hầm và từng đoạn chiến hào. Đến 6 giờ 30 phút sáng 15, trung đoàn 165 và trung đoàn 88 hoàn toàn chiếm lĩnh đồi Độc Lập, tiêu diệt gọn tiểu đoàn Bắc Phi tăng cường, diệt tại trận 483 tên, bắt sống gần hai trăm tên khác. Cả hai tên tiểu đoàn trưởng là Méc-cơ-nen và Các đều bị thương và bị bắt tại trận.

Ngay khi trận đánh còn chưa kết thúc, Đờ Cát đã điều một tiểu đoàn bộ binh cùng sáu xe tăng từ Mường Thanh tiến ra phản kích. Bị pháo binh ta và lực lượng diệt viện của Đại đoàn 308 chặn đánh quyết liệt, chúng hoảng hốt tháo chạy về Bản Kéo, bỏ lại một xe tăng bị bắn hỏng cùng hàng trăm lính chết và bị thương.

Hai trung tâm đề kháng Him Lam, Độc Lập do những đơn vị lê-dương và Âu-Phi tinh nhuệ phòng giữ bị san phẳng đã làm cho tinh thần binh lính tiểu đoàn ngự Thái số 3 (3^oBTA) đang phòng giữ trung tâm đề kháng Bản Kéo suy sụp thảm hại. Trước tình hình đó Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương không đánh Bản Kéo như kế hoạch cũ mà dùng hỏa lực lựu pháo uy hiếp kết hợp với tiến công binh vận, gọi hàng.

Từ sáng 15 tháng 3, viên chỉ huy cụm cứ điểm Bản Kéo đã nhận được một bức thư viết tay của bộ đội ta cho phép chúng được đến đồi Độc Lập để đưa thương binh về, kèm theo đó là một bức thư khuyên hấn nên đưa quân lính ra hàng. Truyền đơn của ta được các nhân mối đưa vào rải khắp trong đồn. Tiếng loa địch vận cũng kiên trì kêu gọi binh sĩ ngự Thái trở về với lực lượng kháng chiến và nêu rõ chính sách khoan hồng sáng ngời chính nghĩa của Chính phủ ta. Sáng 17 tháng 3, tin quân ta chuẩn bị tiến công Bản Kéo càng làm cho bọn địch ở trong đồn hoảng loạn. Nhiều binh sĩ ngự đã vứt súng bỏ trốn ra rừng tìm gặp bộ đội ta. Biết không thể giữ nổi Bản Kéo, Đờ Cát ra lệnh cho đại úy Clác-săm đưa tiểu đoàn ngự Thái BT3 lui về Mường Thanh. Nhưng vừa ra khỏi đồn, cả tiểu đoàn này đã giương cờ trắng chạy vào rừng ra hàng quân ta. Địch dùng pháo bắn cản đường và cho xe tăng đuổi theo ngăn chặn. Ta kịp thời dùng pháo bắn yểm hộ số hàng binh nói trên, buộc xe tăng địch phải quay đầu tháo chạy trở về Mường Thanh. Trung đoàn 36 chưa cần nổ súng đã chiếm gọn được Bản Kéo và thừa thắng tiến sâu vào chiếm luôn cả một số ngọn đồi ở phía bắc sân bay.

Chiến thắng Bản Kéo kết thúc đợt một của chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong năm ngày (từ 13 đến 17 tháng 3) với hai trận đánh lớn then chốt, quân ta đã đập tan hệ thống phòng ngự của địch trên hướng bắc và đông bắc, xóa sổ phân khu bắc và một bộ phận của phân khu trung tâm, tiêu diệt

gọn hai tiểu đoàn tinh nhuệ vào bậc nhất của địch, làm tan rã một tiểu đoàn khác, mở thông đường xuống vùng lòng chảo, mở cửa vào phân khu trung tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho chiến dịch tiếp tục phát triển.

Lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, quân ta đã thực hiện tác chiến hiệp đồng binh chủng có bộ binh, pháo mặt đất, pháo cao xạ tham gia, tiến đánh những cụm cứ điểm được xây dựng kiên cố nằm trong tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của địch trên chiến trường Đông Dương. Đó là điều địch không ngờ tới. Pháo binh, cao xạ của ta tuy với số lượng và nhất là về số đạn còn chưa nhiều nhưng do được bố trí và sử dụng khôn khéo nên đã có tác dụng rất lớn cả trong chi viện cho bộ binh tiến công và trong chế áp pháo địch, khống chế sân bay “quả tim và dạ dày” của tập đoàn cứ điểm. Một bộ phận quan trọng pháo địch đã bị phá hủy, nhiều kho tàng đã bị bắn cháy. Hầu hết số máy bay chiến đấu của địch trên các sân bay trong vùng lòng chảo Điện Biên Phủ đã bị tiêu diệt bởi hỏa lực của pháo binh ta. Bộ binh ta với một quyết tâm chiến đấu cao, lối đánh thích hợp lại có sự hiệp đồng chặt chẽ của lực lượng pháo binh, cao xạ, khiến sức mạnh chiến đấu được nhân lên gấp nhiều lần, đủ sức đánh diệt những trung tâm đề kháng kiên cố, nằm trong một tập đoàn cứ điểm được tổ chức chặt chẽ và xây dựng công phu của địch. Địch từ chỗ lúc đầu chủ quan, đánh giá thấp khả năng chiến đấu của chủ lực ta, chờ đợi ta tiến công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ để tiêu diệt, nay bị một đòn phủ đầu bất ngờ quá đau, đâm hoảng sợ. Một cuộc khủng hoảng về tinh thần lan rộng trong cả bọn chỉ huy và binh lính địch. Trung tá Ken-ơ, tham mưu trưởng của tập đoàn cứ điểm vì quá dao động nên bị cách chức. Trung tá chỉ huy pháo binh Pi-rốt đã tự sát bằng một quả lựu đạn ở ngay trong hầm chỉ huy của mình vì sợ trách nhiệm và quá thất vọng. Vì tinh thần “bị khủng hoảng ghê gớm”, tiểu đoàn dù 5 “từ chối không chịu tiến đến bản Nà Phai làm cho viên chỉ huy Bô-ten-la điên tiết... dọa sẽ chuyển toàn tiểu đoàn xuống làm cu-ly”¹. Bản thân Đờ Cát cũng rất mệt mỏi, lo âu. Ngay sau khi mất Him Lam, Độc Lập, đại tá Đờ Cát đã vội vã điện khẩn cấp về Hà Nội yêu cầu tăng viện gấp rút cho Điện Biên Phủ để bổ sung vào chỗ đã bị tiêu hao. Trước hết là tăng viện pháo 105 cùng đạn. Vì như Đờ Cát báo cáo một số lớn pháo 105 đã bị phá hủy và đánh hỏng, một nửa số lượng cối 120 đã bị phá hủy hoàn toàn trong 48 giờ qua. Về đạn pháo, chúng đã tiêu thụ hết 12.600 viên 105 ly trong số 27.000 viên; 11.000 viên cối 120 ly trong số 28.000 viên và 3.000 viên đạn pháo 155 ly. Lo sợ “đổi phương tiến công ra cướp dù”, nên trước và trong khi tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 (6^oBPC) cùng một khối lượng khá lớn phương tiện chiến tranh được thả

1. G.Pu-giê, *Chúng tôi đã ở Điện Biên Phủ*, P. 1964.

xuống Điện Biên Phủ, Cô-nhi và Đờ Cát đã phải tập trung hỏa lực phi pháo liên tục đánh phá để dọn bãi và bảo vệ.

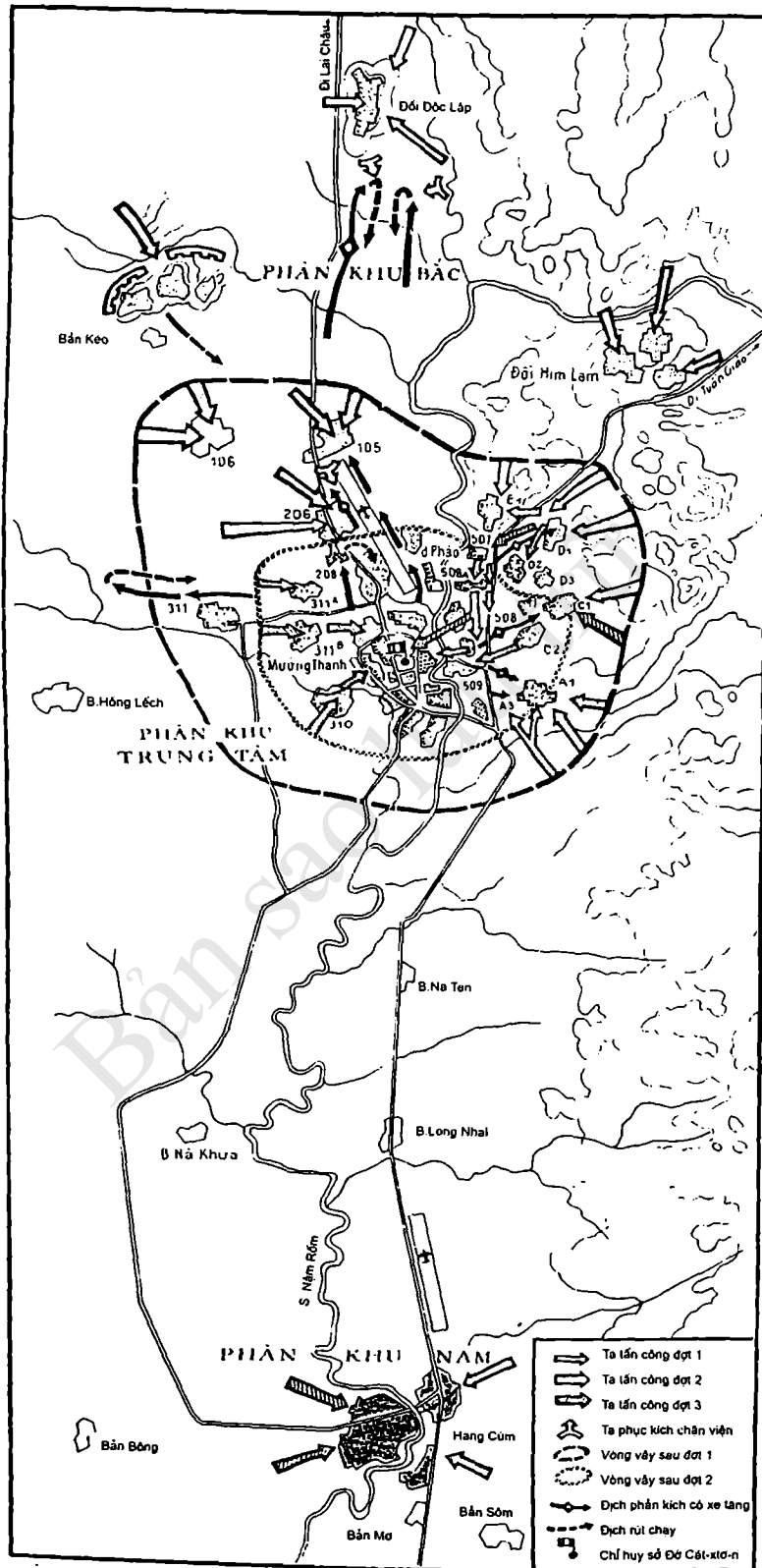
Thất bại của địch trong đợt mở đầu của chiến dịch là rất nặng nề. Nó không chỉ thể hiện ở số lượng địch bị tiêu diệt, số trận địa địch bị ta phá hủy, đánh chiếm, số vũ khí, phương tiện chiến tranh của địch tổn thất, tinh thần của sĩ quan, binh lính địch bị tác động mạnh mẽ, mà còn chứng tỏ rằng thủ đoạn phòng ngự trận địa kiểu tập đoàn cứ điểm – một biện pháp chiến lược của địch để đối phó với các cuộc tiến công lớn của chủ lực ta ở giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh đã tỏ ra không có hiệu quả. Vì thế cả ở Pa-ri, Sài Gòn, Hà Nội, từ thủ tướng Pháp La-ni-en, đến Na-va, Cô-nhi đều mất lòng tin tưởng ban đầu và chuyển sang “thái độ bi quan sâu sắc” Tại sở chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ, tướng Cô-nhi đã chán nản phát biểu với các sĩ quan phụ tá và hai nhà báo Luy-xiêng Bô-đa, Mác Clô rằng: “Điện Biên Phủ quả là một cái bẫy, nhưng không phải là một cái bẫy đối với Việt Minh nữa, mà đã là một cái bẫy đối với chúng ta rồi”¹.

Về phía ta, qua đợt đầu của chiến dịch, chúng ta đã thu được thắng lợi lớn. Báo cáo kết luận của Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở Hội nghị sơ kết đợt một chiến dịch ngày 17 tháng 3 năm 1954 tại Sở chỉ huy chiến dịch ở Mường Phăng, đã nêu rõ: “Hiện nay quân địch đang đối phó lúng túng, *nhưng lực lượng của chúng còn mạnh, ưu thế của ta đã tăng lên nhưng chưa phải là tuyệt đối*. Rồi đây quân địch sẽ ra sức đối phó, bọn gây chiến Mỹ cũng sẽ ra sức giúp chúng, vì nếu Điện Biên Phủ bị tiêu diệt thì không những có ảnh hưởng lớn đối với tình hình quân sự và chính trị ở Đông Dương mà còn có tác động đối với phong trào hòa bình thế giới đòi chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, nhất là trong lúc hội nghị Giơ-ne-vơ sắp họp. Vì vậy, rồi đây quân địch sẽ ra sức tăng cường binh lực, có thể tăng cường pháo binh, nhất là tăng cường hoạt động không quân để đối phó với ta.

Tóm lại, hai trận chiến đấu vừa qua là hai trận đầu của một chiến dịch lịch sử, là hai trận đầu đánh vào tập đoàn cứ điểm của địch, là hai trận công kiên lớn nhất từ trước đến nay, là hai trận đánh theo lối chính quy. Đánh thắng hai trận đó, *chúng ta đã thu được thắng lợi lớn, quân địch đã bị thất bại nặng, nhưng lực lượng của chúng còn mạnh và chúng còn ra sức đối phó*. Chúng ta cần có một nhận thức đúng đối với tương quan lực lượng giữa địch và giữ vững quyết tâm trong những cuộc chiến đấu gay go sắp tới”².

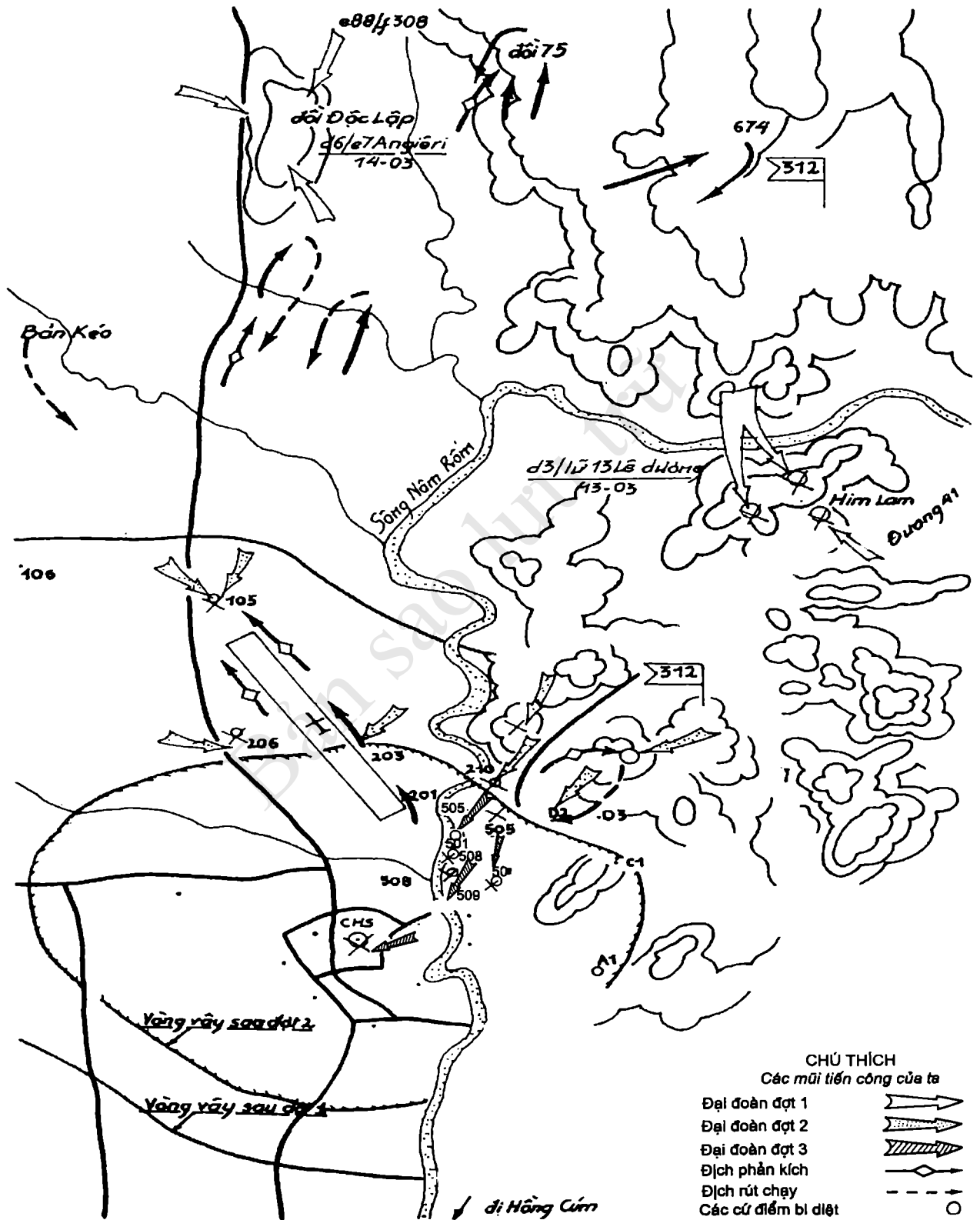
1. Báo *Thế giới*, Lơ Phi-ga-rô, tháng 3 năm 1954.

2. Báo cáo về kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn, tập 3 (Chiến dịch Điện Biên Phủ), Bộ Tổng tham mưu xuất bản năm 1963, tr. 94-95.



DIỄN BIẾN CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

ĐẠI ĐOÀN 312 TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ (1954)



ĐÁNH CHIẾM CÁC ĐIỂM CAO PHÍA ĐÔNG, THEN CHỐT PHÒNG NGỰ CỦA TRẬN ĐỊA TRUNG TÂM

Sau khi mất Bê-a-tơ-ri-xơ (Him Lam), phân khu trung tâm của địch vẫn còn bốn trung tâm đề kháng: Huy-ghét (tây sân bay), Clô-đin (nam sân bay), E-li-an (đồi A), Đô-mi-ních (đồi D), gồm một hệ thống trên ba mươi cứ điểm liên kết chặt chẽ với nhau và nằm ngay giữa cánh đồng bằng phẳng trên hai bờ sông Nậm Rốm. Đờ Cát đã tập trung tại trận địa trung tâm hơn một vạn quân và đã lợi dụng các dãy đồi ở phía đông cánh đồng tạo thành một khu phòng ngự then chốt gồm bốn cụm cứ điểm được ta đặt tên là A, C, D, E. Mỗi cụm cứ điểm lại gồm có một số đồi được đánh số 1, 2, 3 như A1, A2, C1, C2, v.v. Đây là những cứ điểm rất quan trọng khống chế toàn bộ khu vực trận địa trung tâm, trong đó đồi A1 có vị trí quan trọng nhất vì nó khống chế một phạm vi khá rộng gồm cả khu vực sở chỉ huy của Đờ Cát và hai cầu qua sông Nậm Rốm.

Ngoài bốn trung tâm đề kháng thuộc trận địa trung tâm nói trên, địch còn một trung tâm đề kháng nữa có thể coi như là một tập đoàn cứ điểm nhỏ hơn ở Hồng Cúm (I-da-ben) với ba nghìn quân. Địch ở Hồng Cúm và Mường Thanh có thể dễ dàng ứng cứu, chi viện cho nhau bằng cả pháo binh và bộ binh. Vì thế bộ chỉ huy Pháp vẫn hy vọng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ sẽ đứng vững và họ đã tập trung hầu như toàn bộ lực lượng không quân Pháp ở Đông Dương để yểm trợ và bảo đảm tiếp tế cho binh đoàn tác chiến Tây Bắc và Đờ Cát.

Về phía ta, sau những thắng lợi mở đầu ở Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo, bộ đội ta đã có điều kiện triển khai xuống cánh đồng bằng phẳng, kể cả một bộ phận pháo binh và cao xạ. Nhưng muốn tiếp tục tiến công vào hệ thống phòng ngự của địch ở trận địa trung tâm Mường Thanh thì một vấn đề cực kỳ quan trọng cần được giải quyết là phải làm sao để bộ đội ta có thể tiếp cận được hệ thống phòng ngự trận địa của địch trên địa hình bằng phẳng và tiến hành chiến đấu liên tục cả đêm lẫn ngày trong điều kiện pháo binh, cơ giới và không quân địch đánh phá hết sức ác liệt.

Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương tiếp tục xây dựng trận địa tiến công và bao vây, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm của việc chuẩn bị cho đợt tiến công thứ hai của chiến dịch. Trong Hội nghị cán bộ chiến dịch ngày 17 tháng 3 năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu rõ nhiệm vụ trước mắt của các lực lượng tham gia chiến dịch là phải “nhanh chóng tiếp cận bao vây quân địch, đồng thời tiếp tục khống chế sân bay, tích cực tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch, tiến tới giành ưu thế tuyệt đối binh hỏa lực, tạo điều kiện

chuyển sang giai đoạn thứ ba¹. Cụ thể *phải* tiếp tục xây dựng trận địa nhằm mục đích nhanh chóng bao vây quân địch cả bốn phía đông, tây, nam, bắc, trong cự ly tất cả các pháo lớn nhỏ của ta đều có thể phát huy hỏa lực, đồng thời chia cắt phân khu nam với phân khu trung tâm của địch.

Trong xây dựng trận địa yêu cầu phải có hai loại giao thông hào: Loại thứ nhất là *đường trục* sâu 1,70 mét (kể cả đất đắp lên), phía trên rộng 1,50 mét, phía dưới rộng 1 mét để có thể vận chuyển sơn pháo 75, súng cối 120, vận chuyển thương binh, điều động bộ đội ban ngày. Dọc giao thông hào cần có một số hầm phòng pháo đào về phía địch. Loại thứ hai là *giao thông hào của bộ binh*, sâu 1,70 mét (kể cả đất đắp lên, nơi nào vì điều kiện bí mật không đắp đất lên thì phải đào sâu 1,70 mét), phía trên rộng 1,20 mét, phía dưới rộng 50 phân để bộ binh có thể vận động ban ngày. Các giao thông hào từ trận địa của trung đoàn đến vị trí xuất phát xung phong đều phải có chiến hào, có ụ súng, có hố phòng pháo và hầm trú ẩn.

Sau Hội nghị cán bộ chiến dịch ngày 17 tháng 3 năm 1954, công cuộc xây dựng trận địa tiến công và bao vây bước sang một giai đoạn mới. Từ trên các triền núi cao, các chiến hào của bộ đội ta cùng một lúc đổ xuống khắp nơi trên cánh đồng Mường Thanh.

Ở phía tây, Đại đoàn 308 có nhiệm vụ xây dựng trận địa trên nửa cánh đồng chạy dài từ đồi Độc Lập qua Bản Kéo, Pe Luông, Hồng Lĩnh tới bản Cò My. Đại đoàn 312 và Đại đoàn 316 có nhiệm vụ xây dựng trận địa trên suốt dọc phía đông, nối liền với trận địa phía tây của Đại đoàn 308 ở đồi Độc Lập và bản Cò My thành một đường vòng thúng rộng lớn bao quanh trận địa trung tâm của địch. Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 được tăng cường tiểu đoàn 88 của Đại đoàn 316 có nhiệm vụ xây dựng một trận địa hình cánh cung chạy từ phía đông sang phía tây cắt rời phân khu Hồng Cúm ra khỏi trận địa trung tâm (Mường Thanh).

So với công trình đã làm trong rừng trước khi chiến dịch mở màn, thì công trình xây dựng trận địa mới này còn to lớn và khó khăn gấp bội. Hàng ngày giấc ngủ của bộ đội phải chuyển về buổi sáng. Sau bữa cơm trưa mọi người lên rừng dẫn cây, chặt sẵn lá ngụy trang. Ăn cơm chiều xong, toàn thể mọi người lại từ trong rừng tiến xuống cánh đồng trước khi trời tối và đào trận địa cho tới lúc rạng đông. Tính trung bình bộ đội ta phải lao động từ 14 đến 18 tiếng đồng hồ mỗi ngày. Khi đường hào đã xuất hiện chằng chịt trên cánh đồng rồi thì bộ đội ta cũng không còn cách nào để che mắt địch nữa và việc đào hầm hào trở thành những cuộc chiến đấu thực sự.

1. Báo cáo kế hoạch tác chiến và tổng kết kinh nghiệm trong các chiến dịch lớn, tập 3 (Chiến dịch Điện Biên Phủ), Bộ Tổng tham mưu xuất bản năm 1963, tr. 96-97-98.

Có thể nói hầu như không một đoạn hào nào xuất hiện trên cánh đồng mà không bị bom đạn địch cày xới. Pháo địch bắn suốt đêm vào những đầu đường hào mà ban ngày chúng đã nhìn thấy. Ban đêm, máy bay địch cũng liên tục thả đèn dù soi tìm những hoạt động của bộ đội ta để oanh tạc.

Ngày 25 tháng 3, tuyến chiến hào của trung đoàn 57 đã phát triển ra cắt đứt hành lang tiếp viện giữa Hồng Cúm và Mường Thanh. Địch cho tiểu đoàn dù lê-dương số 1 ra phản kích đánh bật chốt của trung đoàn 57. Nhưng sau đó trung đoàn 57 đã khôi phục lại và tiếp tục thực hiện chia cắt địch. Ngày 26 tháng 3, địch cho một đại đội lê-dương có xe tăng yểm hộ tiến ra bên ngoài trung tâm để kháng Huy-giết lấp hào của bộ đội ta. Sau đó hai ngày chúng lại cho hai tiểu đoàn có sáu xe tăng yểm hộ đánh ra Pe Luông, Hồng Lénh, Long Pét, Cò My. Do phần lớn lực lượng bộ binh của ta sau một đêm lao động mệt nhọc đã rút trở về rừng nghỉ ngơi, chỉ để lại một bộ phận nhỏ bảo vệ trận địa, nên bộ binh và xe tăng địch đã phá được một số đoạn hào trục. Ở Hồng Lénh, Long Pét các chiến sĩ phòng không hạ nòng súng bắn vào đội hình xung phong của bộ binh và xe tăng địch. Khi đạn hết, các chiến sĩ ta đã dùng tới cả cuốc, xẻng chia nhau trấn giữ từng ngách hào, đánh giáp lá cà diệt địch. Vì thiếu lực lượng bộ binh bảo vệ, bộ đội cao xạ của ta bị một số tổn thất, nhưng cuối cùng ta đã đẩy lùi được tất cả các cuộc tiến công bịt hào của chúng.

Lo ngại trước các tuyến hào đang ngày càng siết chặt quanh tập đoàn cứ điểm, bộ chỉ huy Pháp đã sử dụng một khối lượng lớn hỏa lực phi pháo đánh phá dữ dội và cho bộ binh, xe tăng liên tục tiến ra phản kích. Nhưng các đường hào của ta vẫn ngày càng được nối dài thêm. Đêm đêm, hàng vạn chiến sĩ vẫn tỏa ra trên khắp cánh đồng kiên nhẫn lao động bất chấp bom đạn, không quản mưa rét và địch tìm mọi cách ngăn chặn.

Để bảo vệ trận địa, các đơn vị bộ binh ta đã lần lượt chuyển từ trên các núi cao xuống ở ngay trong các đường hào vừa được đào đắp. Các chiến sĩ pháo binh cũng tìm mọi cách khắc phục khó khăn đưa pháo từ trên núi cao xuống các mỏm đồi ở sát cánh đồng Điện Biên Phủ.

Đêm 19 tháng 4, đại đội lựu pháo 804 kéo pháo vào chiếm lĩnh vị trí sát Him Lam. Cũng thời gian ấy hai đại đội lựu pháo 801 đã cơ động pháo từ trên dãy núi Tà Lèng ở phía đông, sang trận địa mới ở phía tây nằm ngay sau Bản Kéo. Ở phía đông - nam, đại đội lựu pháo 805 cũng đã cơ động pháo từ trên dãy núi Pú Hồng Mèo xuống xây dựng một trận địa mới gần Hồng Cúm. Ngoài các đơn vị pháo đã có từ đầu chiến dịch, trong thời gian này ta còn tổ chức thêm được một đại đội súng cối 120 với bốn khẩu súng chiến lợi phẩm.

Sau mười ngày phấn đấu đầy hy sinh gian khổ, công cuộc xây dựng trận địa tiến công và bao vây mới của quân ta đã cơ bản hoàn thành. Trên cánh đồng Mường Thanh tới đây đã xuất hiện thêm một “tập đoàn cứ điểm” di động của quân ta với hàng vạn hầm hố và trên một trăm kilômét đường hào bao kín trận địa trung tâm của đối phương.

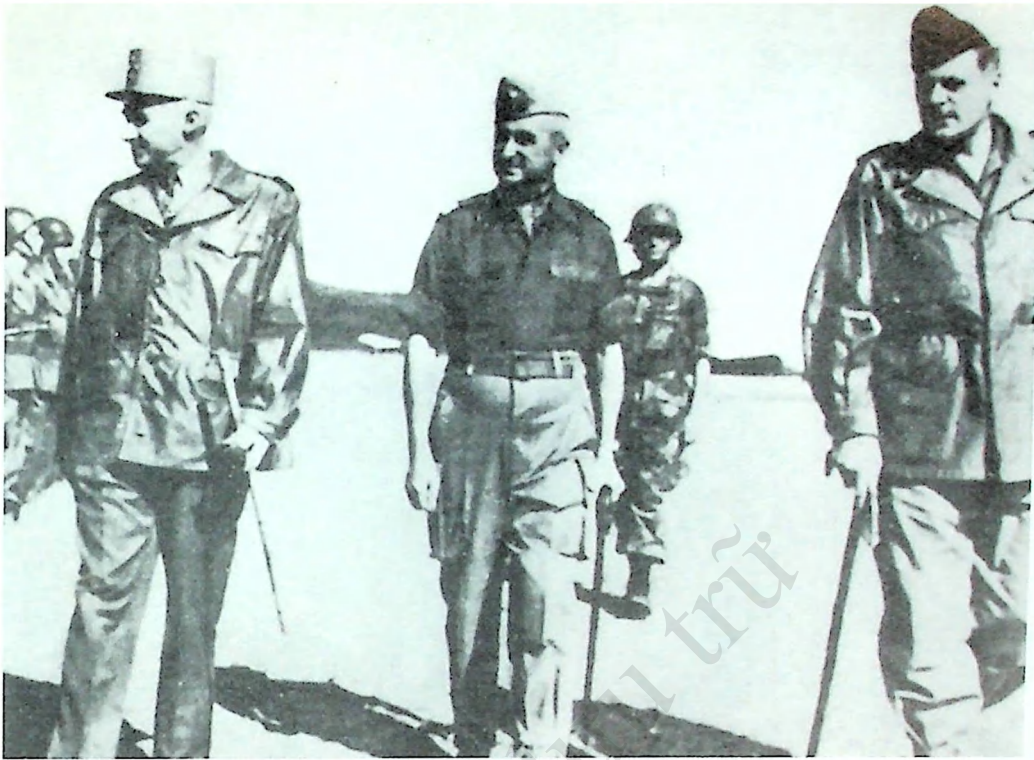
Cùng thời gian đó, quân địch cũng ráo riết tranh thủ củng cố lại hệ thống trận địa phòng ngự, đặt thêm vật cản, đào thêm nhiều hầm hào và xây dựng thêm một số điểm tựa mới trên hướng đông-bắc của tập đoàn cứ điểm. Trong bản *huấn lệnh* số 44/CAB, ngày 23 tháng 3 năm 1954, Cô-nhi chỉ thị cho Đờ Cát phải gấp rút chuẩn bị tiến hành một cuộc chiến đấu trong hầm hào và gợi ý nên mở rộng khu vực phòng thủ phía đông, chuyển trọng điểm của trận địa trung tâm sang bên bờ phía đông dòng sông Nậm Rốm trước mùa mưa lũ. Để củng cố lại lực lượng của binh đoàn tác chiến Tây Bắc, trong thời gian này, ngoài hai tiểu đoàn dù hoàn chỉnh, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ còn đưa lên Điện Biên Phủ một số sĩ quan và binh lính bổ sung cho các đơn vị bị tổn thất. Số pháo bị ta bắn hỏng cũng đã được chúng thay thế, đạn được được bổ sung đầy đủ. Việc bảo đảm cung cấp tiếp tế cho đạo quân đồn trú được tăng cường.

Tuy nhiên, do cầu hàng không đã hoàn toàn bị ta cắt đứt, địch cũng đang gặp phải những trở ngại rất lớn trong việc đảm bảo tiếp tế. Bị hỏa lực pháo binh, cao xạ của ta khống chế chặt chẽ, từ ngày 27 tháng 3 không một máy bay nào của địch còn dám hạ cánh xuống sân bay Mường Thanh. Sân bay Mường Thanh chấm dứt hoạt động. Để bảo đảm tiếp tế cho đạo quân đồn trú, Cô-nhi phải dựa vào một biện pháp duy nhất là thả dù. Nhưng biện pháp này rất tốn kém và cũng rất bất bênh do vấp phải hỏa lực cao xạ của ta chặn đánh quyết liệt¹.

Ngày 25 tháng 3 trên vùng trời Điện Biên Phủ, hai máy bay Pháp bị pháo cao xạ của ta bắn rơi. Ngày 26 tháng 3 chúng mất bốn chiếc... Những tổn thất này làm cho các phi công địch kinh hoàng và gọi đấy là những “cuộc tàn sát máy bay Pháp”

Trong khi bộ đội ta đang khẩn trương hoàn thành việc xây dựng trận địa tiến công và bao vây trên cánh đồng Mường Thanh thì từ ngày 25 đến ngày 27 tháng 3 năm 1954, Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch lại triệu tập Hội nghị cán bộ để thảo luận và quán triệt kế hoạch tác chiến đợt hai của chiến dịch.

1. Theo tài liệu của địch, trong chiến dịch Điện Biên Phủ - chúng đã phải sử dụng đến 55.753 chiếc dù. Kho dự trữ dù của Pháp không đủ dùng ở Điện Biên Phủ, phải yêu cầu Mỹ viện trợ.



Tướng Na-va, Tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp; tướng Cô-nhi, Tư lệnh quân viễn chinh Pháp tại Bắc Kỳ và Đờ Cát-xơ-ri, Tư lệnh tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đi xem xét cấu trúc cụm cứ điểm Điện Biên Phủ



Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp Lơ Tuốc-nô và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pháp Piê-ven đến thị sát Điện Biên Phủ



Tướng Mỹ Ô Đa-ni-en kiểm tra trực tiếp Điện Biên Phủ



Quân viễn chinh Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ



(Ảnh bên) Tướng Cô-nhi lên chỉ đạo tổ chức phòng ngự ở Điện Biên Phủ (bên phải) đang nghe Đờ Cát báo cáo: Quân Việt khi họ tụt từ các điểm cao xuống thì chúng tôi sẽ ngoảnh mặt sang phía đông để đập tan họ (Ảnh và chú thích trong cuốn: *Trận Điện Biên Phủ* của G.Roa)

(Ảnh dưới) Các tướng tá Pháp nghiên cứu kế hoạch phòng ngự Điện Biên Phủ từ trái sang phải: Cô-nhi, Đờ Cát, Na-va (Ảnh trong cuốn: *Đông Dương hấp hối*)





Bộ chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ tại sở chỉ huy tiền phương

Đại tướng Võ Nguyên Giáp giao nhiệm vụ chiến đấu cho các đơn vị tại sở chỉ huy mặt trận Điện Biên Phủ





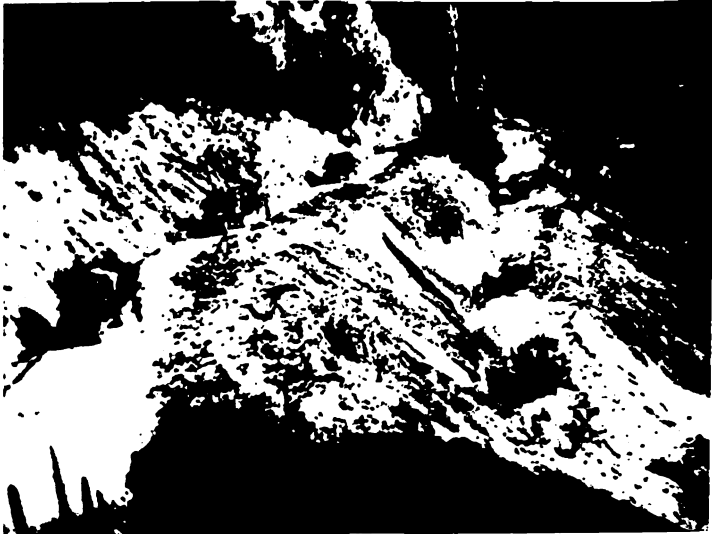
Mở đường từ Tuấn Giáo vào Điện Biên Phủ





Kéo pháo vào Điện Biên Phủ

Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho Điện Biên Phủ





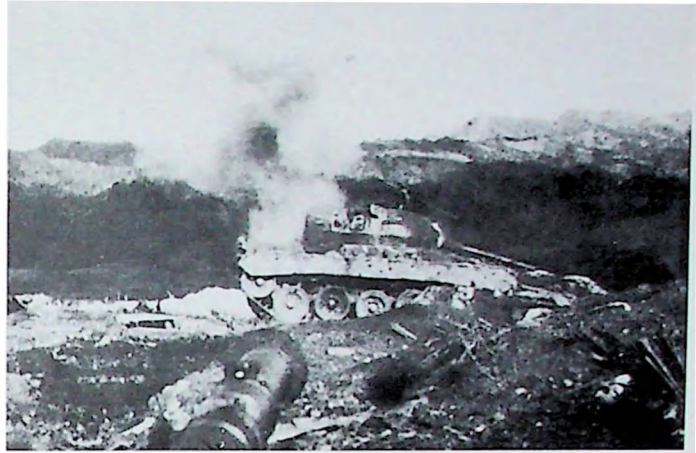
Đại đội trưởng đại đội chủ công của Đại đoàn 312 nhận cờ "Quyết chiến quyết thắng" trước khi đánh đồn Hìm Lam



Pháo cao xạ tại Điện Biên Phủ



Bộ đội trước giờ xuất kích



Đánh địch trên đồi A1



Đánh địch trên đồi C1

Cắt đứt sân bay Mường Thanh





Đánh chiếm cứ điểm
206, quân địch đầu hàng



Đội điều trị Đại đoàn 316
chuyển thương trong giao hào
Điện Biên Phủ



Cấp cứu lính Pháp bị
thương trong chiến hào
Điện Biên Phủ



Vượt cầu Mường Thanh



Chiếm sân bay Mường Thanh



Vượt sông Nậm Rốm



Chiếm sở chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ



Tướng Đờ Cát-xơ-ri và bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ra hàng



Hơn một vạn quân Pháp ở Điện Biên Phủ bị bắt

Toàn cảnh Điện Biên Phủ sau khi quân Pháp bại trận

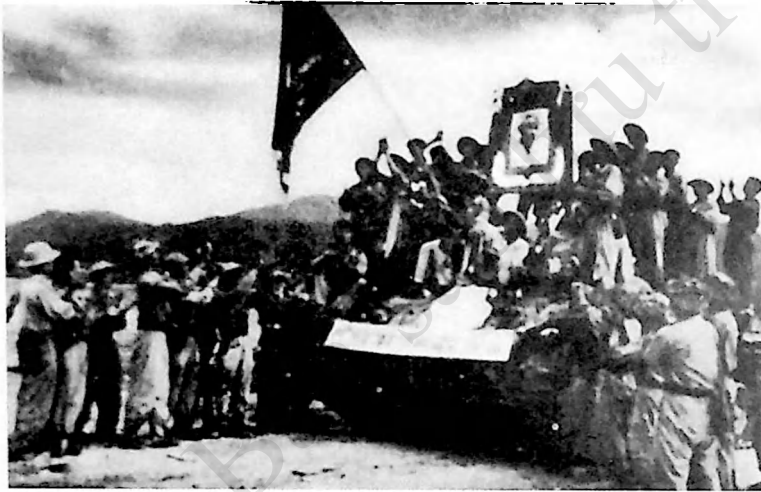




Giải tù binh Pháp về hậu phương



Mừng chiến thắng tại Điện Biên Phủ





Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng Huy hiệu của Người cho những cán bộ, chiến sĩ lập công xuất sắc trong chiến dịch Điện Biên Phủ



Lễ duyệt binh mừng chiến thắng tại Điện Biên Phủ



Các thành viên Hội đồng chính phủ Pháp chất vấn Thủ tướng La-ni-en về thất bại của Pháp tại Điện Biên Phủ



Một số sách, báo các nước viết về chiến dịch Điện Biên Phủ và cuộc chiến tranh Đông Dương (1945-1954)

Hội nghị nhận định: Sau những chiến thắng đầu tiên, các đơn vị tham chiến đã chấn chỉnh xong lực lượng. Gần một trăm kilômét giao thông hào đã được đào và xây đắp đúng tiêu chuẩn, trừ một vài nơi. “Nhờ công trình đó mà hiện nay ta đã có điều kiện hạn chế viện binh của địch, làm khó khăn sự tiếp tế của chúng, nhất là phát huy được tất cả các cỡ hỏa lực từ súng cối trở lên để uy hiếp tung thâm của địch. Một thành công của việc xây dựng trận địa là đã làm cho các cuộc oanh tạc dữ dội của địch gần như vô hiệu quả. Nhưng thành công lớn hơn nữa là trận địa đó đã thực hiện được việc thắt chặt vòng vây và tạo điều kiện để tiếp cận và tiến công quân địch”¹.

Về phía địch, qua đợt đầu bị ta tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng, nhưng do được nhanh chóng bổ sung nên quân số còn đông, hỏa lực phi pháo còn mạnh. Trong hệ thống phòng ngự của tập đoàn cứ điểm hiện nay, phân khu trung tâm là nơi phòng ngự chủ yếu. Chỗ mạnh của phân khu này là ở những điểm cao phía đông. Nếu ta tiêu diệt được những điểm cao lợi hại này thì phân khu trung tâm sẽ không đủ sức chống đỡ và tập đoàn cứ điểm sẽ bị uy hiếp nghiêm trọng.

Căn cứ vào những nhận định này, Bộ chỉ huy chiến dịch đề ra nhiệm vụ cho đợt tiến công thứ hai là: đánh chiếm các điểm cao phòng ngự phía đông của phân khu trung tâm, biến những điểm cao đó thành trận địa của ta, uy hiếp quân địch tại Mường Thanh, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, trong đó có một số đơn vị cơ động, tạo đầy đủ điều kiện để chuyển sang tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị được phân công như sau:

Đại đoàn 312 được phối thuộc hai đại đội sơn pháo 75, hai đại đội cối 120, một đại đội cối 82, có nhiệm vụ tiêu diệt các điểm cao E, D1, D2 (thuộc trung tâm đề kháng Đô-mi-ních) và dùng một số đơn vị thọc sâu đánh vào vị trí của pháo binh địch cùng quân cơ động thuộc tiểu đoàn dù ngụy số 5 ở phía trong.

Đại đoàn 316 (thiếu 1 trung đoàn) được phối thuộc hai đại đội sơn pháo 75, hai đại đội cối 120, hai trung đội cối 82, có nhiệm vụ tiêu diệt các điểm cao A1, C1, C (thuộc trung tâm đề kháng E-li-an).

Đại đoàn 308 có nhiệm vụ cho một đơn vị thọc sâu đánh vào tiểu đoàn dù ngụy số 3 và vị trí pháo binh, đồng thời dùng bộ đội nhỏ tích cực quấy rối các cứ điểm 106, 311 và bố trí đánh quân địch nhảy dù xuống phía tây, chặn quân viện từ Hồng Cúm lên.

1. Trích theo: “Tập trung tuyệt đối ưu thế binh hỏa lực tiêu diệt toàn bộ khu vực miền Đông Điện Biên Phủ tạo điều kiện chuyển sang tổng công kích” - Kết luận của Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở Hội nghị chuẩn bị đợt 2 chiến dịch Điện Biên Phủ ngày 27 tháng 3 năm 1954.

Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 được phối thuộc tiểu đoàn 888 (Đại đoàn 316), một đại đội lựu pháo 105, một đại đội cối 120, bốn khẩu 82, mười hai khẩu 12,8 có nhiệm vụ kiểm chế các trận địa pháo địch ở Hồng Cúm, hạn chế những hoạt động của chúng, chặn viện binh địch từ Hồng Cúm lên Mường Thanh và đánh địch nhảy dù ở phía nam Hồng Cúm.

- Đại đoàn 351 dùng toàn bộ hỏa lực yểm hộ bộ binh tiến công các cứ điểm E, D1, D2, C1, C2, A1; đồng thời kiểm chế, phá hủy một phần pháo binh địch, tiêu hao quân cơ động của chúng ở trung tâm Mường Thanh. Riêng trung đoàn pháo cao xạ 367 được tăng cường lực lượng mới từ hậu phương, phải gây cho địch những đòn bất ngờ, yểm hộ đặc lực cho bộ binh và pháo binh chiến đấu cả ngày lẫn đêm.

Chiều 30 tháng 3 năm 1954, đợt tiến công thứ hai của chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu.

Trận mưa dầm kéo dài suốt mấy ngày liền, đến chiều 30 đã tạnh, nhưng mây đen vẫn phủ kín bầu trời và dưới các chiến hào bùn, nước vẫn lóng bồng. Lợi dụng thời tiết xấu, máy bay địch ít hoạt động, các đơn vị hỏa lực của trung đoàn 174 đã ra chiếm lĩnh trận địa ngay từ buổi sáng. Đến hai giờ chiều các đơn vị xung kích và hỏa lực khác của ta cũng bắt đầu tiến quân. Dàn lá ngụy trang làm bằng những cành cây xanh và rơm rạ phủ trên miệng hào đã che kín các đoàn bộ đội và dân công hỏa tuyến đang vận động trong lòng đất nên mặc dù lực lượng ta đang được triển khai ngay giữa ban ngày ở dưới chân cứ điểm địch mà chúng vẫn không hề hay biết gì. 17 giờ chiều 30, pháo binh chiến dịch bắn dồn dập vào sở chỉ huy của Đờ Cát cùng các điểm cao C1, D1, E1, các trận địa pháo và khu vực quân cơ động của địch ở Mường Thanh, Hồng Cúm. Bị bất ngờ, địch hoang mang không kịp trở tay đối phó trong những phút đầu tiên. Cả dãy đồi khu đông mờ mịt trong khói đạn.

Tại khu đồi C1, cuộc tiến công của trung đoàn 98 dưới sự chỉ huy của trung đoàn trưởng Vũ Lăng diễn ra khá nhanh gọn. Chỉ sau 15 phút các chiến sĩ bộc phá của đại đội chủ công đã dọn sạch cửa mở. Thấy thời cơ có lợi, tiểu đoàn phó Lê Đăng Việt lập tức cho bộ đội xung phong và đến 18 giờ đại đội 38 đã chiếm lĩnh toàn bộ điểm cao C1, tiêu diệt và bắt sống 140 tên địch, thu toàn bộ vũ khí. Trận đánh chiếm cứ điểm C1 chỉ diễn ra trong vòng 45 phút. Trung đoàn 98 Đại đoàn 316 hoàn thành nhiệm vụ tiến công mở đầu và nhanh chóng phát triển tiến công sang cứ điểm C2.

Tại khu vực đồi E, trung đoàn 141 sử dụng hai tiểu đoàn 16 và 428 tiến công và đã hoàn toàn làm chủ mục tiêu sau hơn một giờ nổ súng. Tại khu vực đồi D1, trận đánh của trung đoàn 209 cũng diễn ra tương đối thuận lợi. Được giao nhiệm vụ tiến đánh D1, các tiểu đoàn 166 và 154 đã tiêu diệt gọn

cứ điểm địch trước khi trời tối. Đại đoàn 312 hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm đồi E, D1. Thừa thắng, bộ chỉ huy đại đoàn ra lệnh cho tiểu đoàn 130 trung đoàn 209 đánh sang cứ điểm D2. Các đơn vị vừa hoàn thành nhiệm vụ ở đồi E và D1 cũng phát triển tiến công tiếp vào các ngọn đồi ở phía trong tranh thủ diệt địch. Những tên lính lê-dương, Bắc Phi và ngụy Thái sống sót ở trung tâm để kháng Đô-mi-ních tháo chạy hỗn loạn về phía sông Nậm Rốm đến nổi viên trung úy Mác-ti-ne chỉ huy một đại đội đến tăng viện phải ra lệnh bắn vào những đám lính đang chạy trốn để buộc họ phải dừng lại. Trận đánh tiếp tục cho đến khi trời sáng.

Tại khu vực đồi A1, cuộc chiến đấu của trung đoàn 174 Đại đoàn 316 ngay từ đầu đã gặp nhiều trở ngại. Do đường dây điện thoại bị pháo địch bắn đứt nên đến 17 giờ 30 trung đoàn vẫn chưa hiệp đồng tác chiến được với lựu pháo và đại đoàn. Chỉ sau khi C1 bị diệt, thấy pháo chuyển làn bắn vào A1, trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An chủ động cho đơn vị tiến lên mở cửa và phải mất hơn một giờ đồng hồ mới mở thông đường tiến. Hai tiểu đoàn ta chia làm nhiều mũi nhanh chóng xung phong vào cứ điểm. Nhưng lúc đó pháo binh địch đã hồi sức. Chúng dựng lên một bức tường lửa để yểm hộ cho tiểu đoàn Ma-rốc số 1 giữ cứ điểm và chặn đường tiến của đơn vị. Người trước ngã, người sau vượt lên, bộ đội ta dùng cảm băng qua lửa đạn tràn vào cứ điểm địch. Hai bên giành giật nhau từng ngách hào, từng lô cốt. Hào hẹp, sâu lút đầu người rất khó định hướng, các đơn vị cứ nhằm đỉnh đồi mà tiến. Địch núng thế lùi dần. Đến đỉnh đồi chúng dựa vào một ụ đất lớn (thực ra đó là một hầm ngầm rất kiên cố) chống cự quyết liệt và phản xung phong đẩy bộ đội ta xuống phía chân đồi. Địch ẩn hiện bất thường, nhiều khi chúng cho binh lính rút hết vào trong hầm ngầm rồi gọi pháo bắn dập ngay xuống đỉnh đồi làm cho lực lượng xung kích của ta bị thương vong nhiều. Tiểu đoàn phó Lê Sơn điều bộc phá lên đánh vào ụ đất lớn trên đỉnh đồi (mà trong suốt trận đánh cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 174 vẫn tưởng đó chỉ là một “lô cốt nhẹ” bình thường). Thấy trong đồn gặp khó khăn, trung đoàn trưởng Nguyễn Hữu An cho đưa tiếp tiểu đoàn dự bị vào chiến đấu. Nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Từ nơi đỉnh đồi địch vẫn khi ẩn, khi hiện. Ta diệt được tốp địch này, lại có tốp địch khác từ nơi đỉnh đồi tiến ra phản kích. Cuộc đọ sức giữa các chiến sĩ trung đoàn 174 và binh lính tiểu đoàn Bắc Phi cứ tiếp tục giằng co như vậy cho tới sáng 31.

Trong buổi chiều và đêm 30 tháng 3, ngoài lực lượng tiến công vào các ngọn đồi ở phía đông, Bộ chỉ huy chiến dịch còn sử dụng hai tiểu đoàn của Đại đoàn 312 và một tiểu đoàn của Đại đoàn 308 hình thành ba mũi thọc sâu với nhiệm vụ tiêu diệt trận địa pháo ở cứ điểm 210 và đánh vào các lực

lượng địch đóng ở vòng trong làm rối loạn thế trận phòng ngự của chúng, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho việc đánh chiếm các ngọn đồi ở phía đông. Nếu tình hình thuận lợi thì chiếm đại bộ phận khu đông của địch nằm bên tả ngạn sông Nậm Rốm. Nhưng tình hình diễn ra không theo đúng dự kiến. Càng tiến sâu vào bên trong các tiểu đoàn thọc sâu của ta càng gặp nhiều khó khăn vì địa hình phức tạp và không đủ bộc phá mở đường qua hệ thống hàng rào và những vật chướng ngại chằng chịt. Riêng mũi thọc sâu của tiểu đoàn 11 do đại đội trưởng Nọa dẫn đầu đã vượt qua cửa mở đồi E tiến theo đường 41 vào tung hoành giữa trận địa địch, gây cho chúng một bất ngờ lớn. Sau khi đánh xuyên qua tiểu đoàn dù nguy số 5, đại đội trưởng Nọa chỉ huy một mũi đánh thẳng vào khu trận địa pháo của địch gây cho chúng nhiều thiệt hại, đại đội phó Hiệu và chính trị viên Đại chỉ huy một mũi khác đánh vào trận địa của tiểu đoàn dù thuộc địa số 1. Mặc dù lực lượng bị tổn thất, các dũng sĩ đại đội 243 vẫn táo bạo phát triển ra tới sát bờ sông Nậm Rốm và gan góc trụ lại trong lòng địch, đương đầu với chúng suốt ngày hôm sau.

Qua một đêm nổ súng, bộ đội ta đã tiêu diệt được các cứ điểm C1, D1, E. Địch hoảng sợ kéo pháo rút khỏi cứ điểm 210 và rút quân khỏi khu vực đồi D2. Việc phát triển vào C2 của trung đoàn 98 không thành công.

Sáng 31 tháng 3, Đờ Cát tung lực lượng ra cố chiếm lại các vị trí đã mất. Riêng ở cứ điểm A1 do tính chất quan trọng của nó, năm đại đội của Lăng-gơ-le có xe tăng, máy bay và pháo binh yểm hộ, đã tìm mọi cách thu hẹp địa bàn chiếm lĩnh của trung đoàn 174 Đại đoàn 316. Về phía ta, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định: qua đêm đầu bộ đội ta đã hoàn thành một phần quan trọng nhiệm vụ đợt hai, nhưng còn một phần chưa hoàn thành, đặc biệt là chưa chiếm được điểm cao then chốt phòng ngự A1. Cuộc chiến đấu tại khu vực đồi A1 đã và đang rất gay go. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định cho thay đổi lực lượng tiếp tục tiến công tiêu diệt cứ điểm A1 đồng thời tăng cường hoạt động ở mặt tây và mặt bắc Mường Thanh, buộc địch phải phân tán đối phó. Cụ thể: Đại đoàn 308 đưa trung đoàn 102 sang hướng đông cùng trung đoàn 174 tiếp tục tiến công A1, đồng thời cho các trung đoàn 88, 36 đánh cứ điểm 106 và uy hiếp địch ở tây Mường Thanh. Đại đoàn 312 cho lực lượng tiêu diệt cứ điểm 105, tăng thêm phần uy hiếp địch ở phía bắc.

Thực hiện chủ trương đó, đêm 31 tháng 3 bộ đội ta tiến công A1 lần thứ hai.

Lúc này địch cũng đã đưa tiểu đoàn dù số 6 lên thay thế tiểu đoàn Bắc Phi bị đánh thiệt hại nặng trong đêm hôm trước.

Để tạo thế bất ngờ trung đoàn trưởng Hùng Sinh và chính ủy Lê Linh quyết định không dùng pháo bắn phá hoại mà chỉ tập trung hỏa lực trợ chiến bắn uy hiếp địch trong ba phút rồi cho bộ đội xung phong ngay và đã nhanh chóng chiếm được nửa cứ điểm địch ở phía đông. Các chiến sĩ trung đoàn 102 có sự phối hợp của một bộ phận trung đoàn 174 tiến lên đánh chiếm ụ đất lớn trên đỉnh đồi mà ta đã đoán ra là trong đó có một hầm ngầm kiên cố của địch. Nhưng tình hình lại diễn ra giống như đêm hôm trước. Bộ đội ta tổ chức bốn đợt xung phong đều không vượt được khỏi tuyến ngang trước hầm ngầm và phải trụ lại ở nửa phần phía đông đồi A1.

Dự đoán ban ngày địch sẽ phản xung phong lớn, trung đoàn trưởng Hùng Sinh đề nghị với cấp trên cho anh vào trong đồn trực tiếp chỉ huy đơn vị chiến đấu. Ngày 1 tháng 4, địch tổ chức ba đợt xung phong đều bị các chiến sĩ trung đoàn 102 đẩy lui. Hàng trăm lính dù bị loại khỏi vòng chiến, một xe tăng bị thủ pháo đánh hỏng. Đêm 1 tháng 4, trung đoàn 102 phối hợp với trung đoàn 174 tổ chức đợt tiến công thứ ba vào hầm ngầm nhưng vẫn không thành công. Trong các ngày tiếp sau mỗi bên vẫn chỉ giữ được một nửa cứ điểm. Ta ở nửa phần phía đông, địch giữ nửa phần phía tây. Khu vực đồi A1 tưởng chừng như chỉ còn là một núi đất vụn. Trong khó khăn ác liệt đã xuất hiện nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm, mưu trí, chỉ huy sâu sát, linh hoạt. Từ trung đoàn trưởng Hùng Sinh đến tiểu đoàn phó Ngô Thế Lương, tiểu đoàn phó Lê Sơn v.v... đều nhiều lần dùng tiểu liên, thủ pháo cùng bộ đội đánh giáp lá cà diệt địch. Tổ trưởng liên lạc Bùi Minh Đức, chiến sĩ thông tin Chu Văn Mùi bị đói nhiều ngày vẫn không quên nhiệm vụ. Khi bị lọt lại giữa vòng vây địch, Chu Văn Mùi bình tĩnh dùng máy liên lạc, hướng dẫn các trận địa pháo bắn vào quân địch bảo vệ thương binh. Thế trận giằng co ở khu vực này tiếp tục kéo dài cho đến ngày 4 tháng 4.

Trong thời gian trung đoàn 102 nhận nhiệm vụ chuyển sang hướng đông thay thế đơn vị bạn tiếp tục tiến công A1, trung đoàn 36 cũng nhận nhiệm vụ tiến công cứ điểm 106 ở trên cánh đồng phía tây sân bay Mường Thanh. Do chuẩn bị chiến đấu không kịp, sang đêm 1 tháng 4 trung đoàn 36 mới bắt đầu công kích. Ở trận này vận dụng chiến thuật vây lấn, các chiến sĩ 36 đã đào dũi xuyên qua hàng rào cứ điểm và bắt thần nổ súng chiếm gọn cứ điểm 106 trong một thời gian ngắn, loại khỏi vòng chiến một tiểu đoàn địch. Thừa thắng, đêm 2 tháng 4, trung đoàn 36 tổ chức bao vây, uy hiếp cứ điểm 311 (Cang Na). Hai đại đội ngụy Thái kéo cờ trắng ra hàng và ta đã chiếm gọn cứ điểm này. Ở phía bắc, Đại đoàn 312 sử dụng trung đoàn 165 bắt đầu tiến

công cứ điểm 105 vào chiều 3 tháng 4. Cuộc chiến đấu kéo dài đến sáng, ta chiếm được hai phần ba cứ điểm và chỉ tiêu diệt được một bộ phận địch. Khi trời sáng Đờ Cát tung một tiểu đoàn cùng năm xe tăng ra phản kích chiếm toàn bộ cứ điểm 105.

Sau năm ngày chiến đấu, đợt tiến công thứ hai của quân ta đã thu được thắng lợi quan trọng. Ở phía đông ta đã chiếm được bốn ngọn đồi hiểm yếu, nhưng địch vẫn giữ được điểm cao A1. Ở phía tây ta chiếm thêm được điểm cao 106, Cang Na. Phạm vi chiếm đóng của địch vì thế bị thu hẹp lại nhiều và lực lượng của chúng cũng bị tổn thất lớn, trong đó đã có thêm ba tiểu đoàn thiện chiến của chúng bị tiêu diệt. Nhưng ta chưa hoàn thành được tất cả các mục tiêu đề ra, đặc biệt là chưa diệt được cứ điểm A1. Đó là vì ngay từ đầu ta chưa nhận thức được đầy đủ tính chất hiểm yếu của nó, chưa có lực lượng dự bị mạnh, chưa có cách đánh đúng, chưa diệt được địch từ phía sau lên phản kích. Việc tổ chức trinh sát nắm địch chưa được thực hiện chu đáo. Việc kiềm chế pháo binh địch ở Hồng Cúm cũng chưa tốt, nhất là khi trận đánh phải kéo dài.

Sau các trận đánh ở các cứ điểm A1 và 105 không thành công, ngày 4 tháng 4 Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tạm ngừng tiến công để củng cố lực lượng, giữ vững trận địa và tiếp tục chuẩn bị cho một đợt tiến công mới.

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP VỚI MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Khi chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu nổ súng, các hoạt động phối hợp của các địa phương, các chiến trường đều được đẩy mạnh. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân chuyển sang một đợt mới với sự kết hợp của nhiều phương thức đấu tranh, nhiều loại hình tác chiến và tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn.

Tại đồng bằng Nam Bộ, để phối hợp với chiến trường chính Điện Biên Phủ, Bộ tư lệnh miền Đông và miền Tây cùng phát động một đợt tiến công địch rộng khắp trên toàn vùng châu thổ sông Cửu Long, tiêu diệt hàng trăm đồn bốt, tháp canh của địch trong một thời gian ngắn. Tiểu đoàn 307 san phẳng hệ thống đồn bốt khu An Biên nằm sâu trong vùng giải phóng miền Tây. Bộ đội địa phương Cần Thơ đánh Rạch Chanh, Tràm Chệt, bao vây địch ở Giồng Riềng. Tiểu đoàn 308 đánh Kế Sách v.v...

Tin chiến thắng Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo từ Điện Biên Phủ dội vào làm nức lòng quân dân Nam Bộ và làm binh lính địch trên chiến trường càng thêm hoang mang, lo sợ. Trước tình hình đó Trung ương Cục chủ trương tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích đồng thời đẩy mạnh công tác

địch vận. Nhân dân Nam Bộ sôi nổi hưởng ứng chủ trương đó. Ở nhiều địa phương đồng bào kéo đến bao vây chặt các đồn bốt rồi đưa người thân của binh lính địch vào đồn kêu gọi chồng con trở về với gia đình. Có nơi cứ tối đến là đồng bào lại lừa trâu bò rầm rộ đi quanh đồn làm cho bọn địch khiếp sợ tưởng là bộ đội ta đã về vây đồn, rồi sau đó vận động chúng ra hàng. Có những đêm nhiều huyện, tỉnh cùng nổ súng, đồng loạt tiến công địch. Tù và, trống, mõ nổi lên vang động khắp các xã, ấp. Đồng bào với gậy tầm vông vạt nhọn, chĩa ba, giáo, mác, dao búa... trong tay ào ạt xông lên bao vây uy hiếp, hạ đồn bốt, tháp canh địch.

Đợt vận động tiến công bằng địch vận của quân dân Nam Bộ đã đạt kết quả khá lớn. Hàng vạn binh lính ngụy bỏ đồn bốt trở về với gia đình. Ngụy quân, ngụy quyền ở nhiều nơi tan rã. Một số địa phương được giải phóng, nhiều căn cứ du kích, khu du kích được mở rộng và xây dựng thêm. Phong trào toàn dân đánh giặc và thế tiến công mới của quân và dân Nam Bộ ở thời kỳ này chẳng những đã làm thất bại âm mưu bình định miền Nam của địch, mà còn giam chân được một bộ phận quan trọng quân cơ động của chúng, không cho chúng điều thêm lực lượng từ Nam Bộ đi tiếp viện cho Điện Biên Phủ và các chiến trường khác.

Tại Bình Trị Thiên hưởng ứng “tuần lễ đánh mạnh” phối hợp với Điện Biên Phủ do Liên khu ủy, Bộ tư lệnh Liên khu 4 phát động, trong những ngày cuối tháng 3 năm 1954 bộ đội địa phương, dân quân du kích các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên đã liên tiếp tập kích các vị trí An Xá, Võ Xá, An Hòa, Kim Long... Có trận diệt tới 200 địch như trận An Hòa (Thừa Thiên). Trong tháng 4 năm 1954, bộ đội địa phương Quảng Bình đã liên tiếp tiêu diệt nhiều đồn bốt quan trọng của địch, như các vị trí Bình Phúc, Mỹ Phước, An Lạc, Thạch Xá Thượng, mở rộng khu du kích nam Quảng Bình... Bộ đội địa phương Quảng Trị luồn sâu vào các tuyến chiếm đóng của địch liên tiếp đánh diệt bảy cứ điểm và nhiều lô cốt, bức địch rút khỏi Kim Giao (16-4) mở rộng căn cứ du kích Triệu Phong Hải Lăng. Bộ đội địa phương Thừa Thiên liên tiếp tiến công hệ thống chiếm đóng của địch trên địa bàn huyện Quảng Điền thu nhiều thắng lợi, tạo điều kiện để đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở, khôi phục lại căn cứ du kích Phong Điền Quảng Điền. Trên mặt trận giao thông, bộ đội địa phương, dân quân du kích Bình Trị Thiên đã tổ chức nhiều trận phục kích trên đoạn đường xe lửa và đường số 1 từ đèo Hải Vân ra Quảng Trị, lật nhào nhiều đoàn tàu quân sự, tiêu diệt ba đại đội địch, phá hủy 76 xe vận tải, đánh đổ 10 cầu, trong đó có cầu Đông Hà (Quảng Trị) và cầu Nước Ngọt (Thừa Thiên).

Trong khi đó tại miền Nam Trung Bộ, theo lệnh của Na-va, ngày 12 tháng 3 năm 1954, tướng Đờ Bô-pho đã huy động 40 tiểu đoàn mở tiếp cuộc hành quân Át-lăng 2 đánh chiếm Quy Nhơn và tỉnh Bình Định. Chúng tiến quân theo ba hướng: Cánh quân thứ nhất gồm tám tiểu đoàn (nòng cốt là binh đoàn cơ động số 10) từ ngoài biển đổ bộ vào. Cánh quân thứ hai gồm các binh đoàn cơ động số 41 và 42 từ Phú Yên vượt đèo Cù Mông theo đường số 1 và đường số 6 đánh ra Diêu Trì. Cánh thứ ba ở phía tây gồm bốn binh đoàn (11, 21, 100, dù) từ An Khê kéo ra chiếm đầu cầu Thượng An, chuẩn bị theo đường số 19 đánh xuống Phú Phong, Bình Định.

Cùng thời gian này, để tiếp tục thực hiện đợt hai của chiến dịch giải phóng Tây Nguyên và đánh trả cuộc hành quân Át-lăng 2 của địch, Liên khu ủy, Bộ tư lệnh Liên khu 5 chủ trương tập trung lực lượng phát triển vào nam Tây Nguyên, đánh mạnh trên đường số 14, đường số 7 và đặc biệt là trên đường số 19, đồng thời đẩy mạnh chiến tranh du kích sau lưng địch, kể cả ở những nơi vừa bị địch chiếm đóng và đưa một bộ phận chủ lực vào đồng bằng sẵn sàng đối phó với trường hợp địch đánh ra vùng tự do Quảng Ngãi.

Thực hiện chủ trương đó, trung đoàn chủ lực 803 (thiếu một tiểu đoàn) tiến vào khu tam giác Plây Cu - Cheo Reo - An Khê, uy hiếp hệ thống đồn bốt bảo vệ đường số 7, đường số 14 và đánh cắt giao thông địch trên các tuyến đường này buộc chúng phải đưa quân về giải tỏa, tạo cơ hội diệt địch. Tiểu đoàn 365 (trung đoàn 803) và tiểu đoàn 375 tiến vào hoạt động ở Phú Yên, uy hiếp phía sau lưng cánh quân địch theo đường số 1 đánh ra Bình Định. Trên mặt trận đường số 19, ta tập trung một lực lượng mạnh gồm trung đoàn 120 địa phương, trung đoàn 96 chủ lực (mới được xây dựng thêm) và một bộ phận của trung đoàn 108 chủ lực tranh thủ tiêu diệt sinh lực tinh nhuệ của địch trên chiến trường và kiểm chế, không cho các binh đoàn cơ động của địch ở Plây Cu - An Khê tiến xuống Quy Nhơn hợp điểm.

Trên hướng đường số 7 và 14, trung tuần tháng 3 năm 1954, trung đoàn 803 sử dụng đơn vị đặc công tập kích tiêu diệt cứ điểm Plây Tàu và cho một đại đội tiến sâu vào cắt đứt đường số 14. Lo ngại về sự xuất hiện của bộ đội ta ở ngay sau lưng chúng, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp vội vã điều binh đoàn cơ động số 100 đến chống đỡ. Đêm 20 tháng 3 vừa dừng lại ở Plây Rinh, binh đoàn cơ động số 100 liền bị trung đoàn 803 tập kích tiêu diệt một phần tư lực lượng cùng nhiều xe pháo. Bị tổn thất nặng, binh đoàn cơ động số 100 buộc phải lui về Plây Cu củng cố. Chúng đưa tiếp ba tiểu đoàn khác đến tăng cường bảo vệ khu vực ngã ba đường số 7 và đường số 14.

Được thắng lợi cổ vũ sau trận thắng ở Plây Rinh, trung đoàn 803 nhanh chóng chuyển về phía đông Cheo Reo, đánh mạnh vào tuyến phòng thủ của

địch trên đường số 7 đoạn từ Cheo Reo đi Bà Lá. Trong tháng 4 năm 1954, trung đoàn đã liên tiếp đánh thắng bốn trận quan trọng (trận vận động tiến công ở Trà Khê ngày 10 tháng 4; trận tập kích Buôn Ma Bếp ngày 12 tháng 4; trận cường tập tiêu diệt cứ điểm Ai Nu ngày 19 tháng 4; trận vận động phục kích Kà Tinh ngày 21 tháng 4) loại khỏi vòng chiến hàng ngàn tên địch. Phối hợp với chủ lực, lực lượng địa phương đã bao vây Bà Lá, uy hiếp Chư Đrăng, Đlây Ya. Sau những trận thắng liên tiếp này của quân ta, hệ thống phòng ngự của địch từ Cheo Reo đi Bà Lá đã hoàn toàn sụp đổ, đường số 7 hoàn toàn bị cắt đứt, chi khu Cheo Reo bị cô lập. Phong trào toàn dân đánh giặc ở Đắc Lắc có bước chuyển biến mới. Cơ sở chính trị của ta được mở rộng ở các đồn điền và cả ngoại vi thị xã Buôn Ma Thuột. Chiến tranh du kích phát triển mạnh trên khắp vùng đường số 7, 15 và 21 buộc bộ chỉ huy Pháp phải điều binh đoàn cơ động số 42 quay trở về đối phó.

Trên hướng Phú Yên, vừa hành quân vào tới mặt trận, ngày 6 tháng 3 tiểu đoàn 375 phục kích diệt gọn một đoàn xe địch 26 chiếc ở Phong Niên. Tiếp đó trong trận đánh gặp địch ở Suối Cối ngày 21 tháng 3, tiểu đoàn 365 đã diệt gọn tiểu đoàn ngự lâm quân số 1, bắt sống hơn 200 tù binh. Sau những thắng lợi mở đầu này, các tiểu đoàn 365 và 375 tiếp tục tiến sâu về phía Tuy Hòa phối hợp cùng các lực lượng tại chỗ đánh mạnh vào các trục đường số 1, 6 và 7. Ngày 10 tháng 4 ta tập kích cụm quân địch tại đèo Quán Cau, loại khỏi vòng chiến hàng trăm địch. Ngày 21 tháng 4 ta tập kích Bàu Nham tiêu diệt một tiểu đoàn ngự và phát triển tiến công đánh quy hai tiểu đoàn khác ở khu vực cầu Bàn Thạch v.v. Để đối phó với các hoạt động của ta trên hướng Phú Yên, bộ chỉ huy Pháp cuối cùng lại buộc phải rút binh đoàn cơ động số 41 từ Diêu Trì (Bình Định) trở về phòng thủ Tuy Hòa. Phạm vi chiếm đóng của chúng ở Phú Yên tới đây cũng buộc phải co hẹp lại tập trung thành bốn cụm lớn: La Hai, Sông Cầu, Chí Thạnh và Tuy Hòa.

Trên hướng đường số 19, cuộc đọ sức giữa ta và địch diễn ra khốc liệt, sôi động. Mặc dù địch đã tập trung tới ba binh đoàn cơ động cố mở thông đường, nhưng trong suốt đợt hai của chiến dịch, tuyến đường quan trọng này vẫn thường xuyên bị ta cắt đứt và uy hiếp mạnh. Đêm 29 rạng ngày 30 tháng 3 bộ đội ta tiến công san phẳng cứ điểm địch trên đèo Thượng An, tiêu diệt sáu đại đội địch. Đầu cầu đánh xuống miền đồng bằng biển của cánh quân phía tây bị xóa bỏ.

Sau chiến thắng Thượng An, cả ba trung đoàn của ta đều tung lực lượng ra bám sát mặt đường dồn dập tiến công, trung đoàn 108 đánh địch trên đường số 19 đông Plây Cu, trung đoàn 96 đánh địch trên đường số 19 tây An Khê, trung đoàn 120 đánh địch trên đường số 19 đông An Khê. Ngày 4 tháng 4

một đoàn xe địch từ An Khê đi Plây Cu bị tiêu diệt tại cầu Hà Tam. Ngày 9 tháng 4, tại chân đèo Măng Giang, cả đoàn xe quân sự địch từ Plây Cu đi An Khê bị tiêu diệt gọn. Từ ngày 12 đến 28 tháng 4 liên tiếp sáu đoàn xe khác bị tiêu diệt trên đoạn đường dài chưa đầy hai mươi kilômét ở đông và tây cầu Ai Dương. Tuyến phòng thủ đường số 19 bị đứt tung. An Khê bị hoàn toàn cô lập. Đường số 19 trở thành con đường chết đối với binh lính địch.

Cũng thời gian đó, bộ đội địa phương, dân quân du kích Quảng Nam tiến công san phẳng cứ điểm Non Nước, tiêu diệt các vị trí Tân Thái, Cổ Mân, Mỹ Thủy, phá hủy hàng chục xe cơ giới trên đường số 1, dùng mìn lật nhào ba đoàn xe lửa quân sự địch trên đèo Hải Vân, làm tê liệt tuyến đường sắt Đà Nẵng Huế nhiều ngày. Bộ đội địa phương, dân quân du kích Khánh Hòa tiêu diệt chi khu Cần Đức, tập kích trại huấn luyện Suối Dầu, tiêu diệt các đồn Am Chúa, Võ Cảnh, Cẩm Sơn, Ngũ Mỹ, Lạc An, bức rút các đồn Tân Mỹ, Phú Sơn. Lính ngự ở các đồn Đại Điền Tây, Thanh Minh, Ngũ Lúng đào ngũ tập thể. Tại vùng cực Nam Trung Bộ, bộ đội địa phương, dân quân du kích Ninh Thuận tiêu diệt một loạt vị trí địch ở Hoài Trung, Hậu Sanh, Hữu Đức, Long Ninh, Ninh Chũ, Bình Nghĩa... phá vỡ từng mảng hệ thống đồn bốt tháp canh, vây bắt, giải tán hàng loạt hội tề, mở rộng vùng căn cứ du kích sau lưng địch. Bộ đội địa phương, dân quân du kích Bình Thuận tiêu diệt chi khu Lương Sơn, xóa bỏ vị trí Duông, đánh vào chi khu Long Hương, phá tan hệ thống đồn bốt án ngữ phía bắc khu căn cứ du kích Lê Hồng Phong, nối liền căn cứ này với miền rừng núi phía tây của tỉnh. Bộ đội địa phương, dân quân du kích Lâm Đồng tiến công tiêu diệt các vị trí Lút Xa, Tà Xi, mở rộng địa bàn hoạt động ra toàn huyện Di Linh và phát triển tiến công sang các khu Loan, Tà In, Tà Hoan. Trung đoàn 812 địa phương cùng với nhân dân hai tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng còn tổ chức một cuộc tiến công đồng loạt tiêu diệt các vị trí Gia Bát, La Giày, chi khu Tánh Linh, Suối Kết giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh, mở ra một khu giải phóng rộng lớn nối liền tây bắc Bình Thuận, Lâm Đồng với vùng giải phóng miền Đông Nam Bộ.

Ở Bình Định cuộc hành quân Át-lăng 2 của địch cũng bị bộ đội địa phương và dân quân du kích đánh trả quyết liệt. Chỉ ba ngày sau khi đặt chân lên đất tự do này địch đã bị loại khỏi vòng chiến 530 tên, chủ yếu là bị diệt bằng chông, mìn, cạm bẫy và các vũ khí thô sơ, tự tạo khác. Khi địch đánh rộng ra chiếm đóng các huyện xung quanh thị xã Quy Nhơn, quân và dân địa phương đã diệt thêm hơn 800 tên. Đêm 3 tháng 4 bộ đội đặc công tỉnh hoạt động trong thị xã Quy Nhơn vừa bị địch chiếm đóng tập kích vào "Trung Hoa hý viện" diệt hơn hai trăm tên. Bị đánh mạnh ở cả phía trước,

phía sau và lại buộc phải rút bớt lực lượng đi đối phó với các chiến trường khác, ngày 4 tháng 4 năm 1954, bộ chỉ huy Pháp ở Trung Bộ phải cho binh lính của chúng rút bỏ tất cả các đồn bốt mới đóng ở phía đông Tuy Phước, lui về cố thủ ở thị xã Quy Nhơn. Cuộc tiến công chiến lược đầy tham vọng của Na-va trên chiến trường miền Nam mà điểm trung tâm là cuộc hành quân Át-lăng đến đây đã thất bại. Báo *Thế giới* (Le Monde) Pháp số ra ngày 2 tháng 4 năm 1954 chua xót thú nhận: “Át-lăng đã bị phá sản hoàn toàn”

Trên chiến trường nước bạn, sau khi tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giải phóng được nhiều vùng rộng lớn, mở rộng vùng căn cứ kháng chiến của bạn ở Trung - Hạ Lào, theo đề nghị của Bộ Tổng tư lệnh, được sự đồng ý của bạn, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã đồng ý cho điều nốt hai tiểu đoàn của trung đoàn 101 từ Trung Lào xuống Hạ Lào phát triển tiến công địch và cho trung đoàn 18 đang hoạt động ở khu vực đường số 9 - Quảng Trị sang Trung Lào thay thế trung đoàn 101.

Trung tuần tháng 3 năm 1954, vừa tiến xuống Hạ Lào, trung đoàn 101 đã phục kích diệt gọn một đại đội địch, phá hủy bốn pháo 105, đốt cháy 26 xe quân sự trên đường số 13 đoạn ở gần thị xã Pắc Xế. Thừa thắng trung đoàn 101 phát triển tiếp xuống phía nam, tiêu diệt các vị trí Vơn Xai, Xiêm Pạng đánh thiệt hại nặng binh đoàn cơ động nguy số 52 vừa được Na-va cho điều tới vùng này để đối phó với đợt hoạt động của chủ lực ta. Trong nửa cuối tháng 3 và tháng 4 năm 1954 cùng với các lực lượng tại chỗ của bạn và bộ đội tình nguyện Liên khu 5, trung đoàn 101 liên tiếp đánh hàng chục trận, tiêu diệt và làm tan rã hàng nghìn địch, giải phóng thêm một vùng rộng tới hàng vạn kilômét vuông trên miền Đông Bắc Cam-pu-chia. Báo chí Pháp ở Pa-ri, Sài Gòn, Hà Nội lại một lần nữa tung ra những dự báo đầy lo ngại: “Miền Nam Đông Dương sắp bị Việt Minh chọc thủng rồi”

Sau khi đã cùng lực lượng giải phóng được vùng Đông Bắc Cam-pu-chia, để tiếp tục nhằm vào chỗ sơ hở của địch phát triển tiến công, đồng thời để giải quyết vấn đề tiếp tế cho liên quân cách mạng hoạt động ở vùng ba biên giới Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, trung đoàn 101 cho một bộ phận lực lượng vượt sang phía tây sông Mê Công, giải phóng bình nguyên Chă-mát Xă-t. Cuối tháng 4 năm 1954 trung đoàn cho một bộ phận lực lượng ở phía tây sông Mê Công, từ Chă-mát Xă-t thọc xuống giải phóng một khu vực rộng lớn thuộc tỉnh Prét-vi-hia và vùng đông bắc tỉnh Công Pông Thơm. Một bộ phận khác ở đông sông Mê Công, từ Xtung-treng tiến xuống phục kích tiêu diệt địch trên đường số 13 đoạn gần thị xã Cra-chi-ê và vượt sông Sô Lông sang Công Pông Châm, bắt liên lạc với bộ đội tình nguyện Nam Bộ, tham gia đánh thông hành lang chiến lược bắc - nam Đông Dương.

Cũng trong tháng 3 và tháng 4 năm 1954, giữa lúc trung đoàn 101 thọc sâu xuống phía nam tiếp tục phát triển tiến công địch ở Hạ Lào, Đông Bắc Cam-pu-chia, thì ở Trung Lào bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp huy động các binh đoàn cơ động số 1 và 2 mở cuộc hành quân chiếm lại Ga Van, Na Peng, Pà Cuội, Sang Phóc và một số vị trí quan trọng trên trục đường số 12, đường số 8 như Ba Na Phào, Mụ Giạ, Bản Bo, Lăng Khàng, Pha Nốp, phá tuyến cung cấp của mặt trận từ vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh sang. Suốt thời gian đó, quân cơ động địch đã liên tục bị hai trung đoàn 66, 18 cùng lực lượng vũ trang bạn và bộ đội tình nguyện Liên khu 4 liên tục vây hãm, chặn đánh làm cho lực lượng của chúng bị hao mòn, tinh thần sa sút. Để có lực lượng tiếp viện cho chiến trường chính Điện Biên Phủ đang bị nguy khốn, ngày 25 tháng 4 năm 1954, địch cho binh đoàn cơ động số 1 cùng ba tiểu đoàn lẻ và một tiểu đoàn pháo theo đường 12 rút về thị xã Thà Khẹt. Trên đường rút quân, chúng bị trung đoàn 18 cùng lực lượng bạn chặn đánh từng chặng, tiêu hao, tiêu diệt thêm một số. Trước khi chiến dịch Điện Biên Phủ bước vào đợt cuối, cuộc tiến công của ta và bạn ở Trung Lào kết thúc. Trong đợt hoạt động này ta và bạn đã loại khỏi vòng chiến gần 3.000 địch, tiếp tục giam chân nhiều binh đoàn cơ động tinh nhuệ của chúng ở Trung Lào để phối hợp với mặt trận Điện Biên Phủ. Tuy địch đã chiếm lại Ba Na Phào nhưng chúng vẫn không phá nổi tuyến cung cấp của ta từ vùng tự do Liên khu 4 sang.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, mở đầu đợt tiến công mới, đêm 4 tháng 3 năm 1954 bộ đội địa phương và tự vệ Hà Nội tập kích sân bay Gia Lâm đốt cháy một kho xăng, phá hủy 18 máy bay. Ba ngày sau đó, bộ đội địa phương, dân quân du kích Kiến An tập kích sân bay Cát Bi phá hủy 59 máy bay cùng một khối lượng lớn vũ khí, phương tiện chiến tranh. Các đòn tiến công lợi hại đánh vào hai đầu cầu hàng không quan trọng vào bậc nhất của địch trên chiến trường Bắc Bộ đã làm cho quân Pháp càng gặp nhiều khó khăn trong việc bảo đảm tiếp tế vận chuyển cho các chiến trường, nhất là Điện Biên Phủ nơi chúng đang hoàn toàn phải tiếp tế bằng đường không.

Tiếp sau trận thắng vang dội ở Cát Bi, quân và dân Tả Ngạn dồn dập mở nhiều đợt "tổng công kích" đánh phá đường số 5 và các tuyến vận chuyển chiến lược của địch. Trong đợt hoạt động từ ngày 11 đến 16 tháng 3 năm 1954 trung đoàn 42 cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích đường số 5 san phẳng 13 vị trí địch, trong đó có cứ điểm Nghĩa Lộ ở sát thị xã Hải Dương, bức rút 9 vị trí khác và phục kích ở đoạn Bản Yên Nhân Như Quỳnh, diệt gọn một đoàn xe quân sự 17 chiếc, đánh mình ở Văn Lâm, lật đổ

một đoàn tàu quân sự của địch. Trong đợt hoạt động từ ngày 22 tháng 3 đến ngày 2 tháng 4, các tỉnh ủy, ủy ban kháng chiến hành chính các tỉnh Kiến An, Hải Dương, Hưng Yên huy động hàng vạn đồng bào phá hoại đường sá, bóc đi hàng chục kilômét đường ray trên một đoạn đường dài 70 kilômét làm tê liệt giao thông địch hàng tuần lễ. Bom đạn, vũ khí do Mỹ viện trợ đến Hải Phòng bị ùn lại, không thể chở lên Hà Nội được.

Để bảo vệ và mở thông lại tuyến đường chiến lược số 5, Cô-nhi tập trung ba binh đoàn cơ động, ba tiểu đoàn khinh quân, một đơn vị công binh mở cuộc hành quân giải tỏa. Chúng còn huy động cả GM20 và đưa một số đơn vị tinh nhuệ ra chốt giữ, bảo vệ đường. Mặc dù vậy, các lực lượng vũ trang nhân dân ta trên chiến trường vẫn luôn giữ vững quyền chủ động tiến công. Các trận tập kích, phục kích, công đồn, diệt viện, đánh càn vẫn liên tục diễn ra trên suốt tuyến đường chiến lược dài hơn một trăm kilômét này, tiêu biểu là trận phục kích ngày 27 tháng 3 diệt gọn hai đại đội địch, bắt sống 65 tên, phá 18 xe cơ giới; trận lật đổ một đoàn tàu quân sự địch chở đầy binh lính và vũ khí ngày 1 tháng 4; trận phục kích trên sông Hồng của bộ đội địa phương và dân quân du kích Thái Bình diệt một đại đội lính thủy đánh bộ Pháp; trận cường tập tiêu diệt cứ điểm Đúc Mậu, bức hàng các vị trí Mua Đông, An Xá, bức rút các vị trí Tây Am, Nam Am ở Thái Bình ngày 23 tháng 3; trận vận động phục kích ngày 2 tháng 4 tiêu diệt một tiểu đoàn Âu-Phi thuộc binh đoàn cơ động số 3 đang trên đường từ Hải Phòng về Hà Nội để đi tăng viện cho Điện Biên Phủ. Trên tuyến giao thông chiến lược đường số 5 cũng như trên các tuyến giao thông khác như đường số 1, 21, 22... không ngày nào không có xe địch bị trúng mìn của bộ đội địa phương và dân quân du kích. Trên tuyến đường sắt Hải Phòng - Hà Nội, mặc dù quân Pháp đã tìm mọi cách để đề phòng bộ đội và du kích ta tiến công, nhưng số đoàn tàu quân sự bị lật đổ vẫn ngày càng nhiều thêm. Cùng với các trận đánh vào sân bay Gia Lâm, sân bay Cát Bi phá hủy 77 máy bay địch, những đợt tiến công dồn dập của quân và dân Tả Ngạn vào tuyến đường chiến lược số 5 là sự phối hợp đặc lực với cuộc tiến công lớn của chủ lực ta ở mặt trận Điện Biên Phủ. Hoạt động trên chặng những đã tiêu diệt được nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động vận chuyển của địch, mà còn giam chân được nhiều lực lượng cơ động, không cho chúng có điều kiện để đưa lên tăng viện cho mặt trận Điện Biên Phủ và các chiến trường khác.

Ở phía hữu ngạn sông Hồng, Đại đoàn 320, trung đoàn 46 phối hợp với bộ đội địa phương, dân quân du kích Hà Nam Ninh đã liên tục tiến công phần còn lại của tuyến phòng thủ sông Đáy. Ngày 16 tháng 3 quân ta tiến

công tiêu diệt vị trí Quế. Từ 17 đến 27 tháng 3 vừa tác chiến, vừa bình vận ta tiến công bắt gọn 216 tên địch ở vị trí Kiện Khê, diệt gọn vị trí Chùa Ông bằng một trận tập kích có nội ứng. Sau những thắng lợi này, phòng tuyến sông Đáy chạy dài từ Kim Bảng qua Thanh Liêm, Ý Yên, đến Nghĩa Hưng, Kim Sơn đã bị đập tan.

Để tránh bị tiêu diệt bọn địch buộc phải co cụm lại và liên tục cầu cứu viện binh. Các vị trí còn lại như Hồi Trung, An Lão, Cối, Ngãm Gôi vẫn bị ta thường xuyên uy hiếp nghiêm trọng. Thị xã Phủ Lý thường xuyên bị đột kích và pháo kích buộc địch phải đưa binh đoàn cơ động số 4 ra phòng ngự trực tiếp bảo vệ vòng ngoài cho Phủ Lý. Trong tháng 4 binh đoàn cơ động này và hệ thống chiếm đóng Pháp ở Hà Nam đã liên tiếp bị thêm nhiều đòn đau. Ngày 7 tháng 4 ta tiêu diệt 2 đại đội ở Cầu Giàng; tiếp đó, ta diệt cứ điểm Khe Non, Kỷ Cầu. Ngày 15 tháng 4 sở chỉ huy binh đoàn cơ động số 4 và trận địa pháo địch trong thị xã Phủ Lý bị ta tập kích gây nhiều thiệt hại, v.v. Binh đoàn cơ động số 4 bị đánh quy phải về phía sau củng cố; binh đoàn cơ động số 8 mới được thành lập được đưa ra thay thế lập tức bị đòn đau. Trong cuộc giao chiến với trung đoàn 64 và du kích An Cừ, An Tổ chúng đã bị đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, hơn 300 địch bị diệt và bắt sống tại trận.

Cùng thời gian này, tại Sơn Tây, Hà Đông, trung đoàn 254 cùng bộ đội địa phương, dân quân du kích hai tỉnh đã liên tiếp tiêu diệt các vị trí Quảng Bị, Hạ Hồi, Đại Định, Từ Châu, Lưu Xá, mở rộng vùng căn cứ và đã liên tiếp đánh bại các cuộc hành quân giải tỏa, tiêu biểu là trận Hạ Bằng đã diệt và bắt sống hơn 400 tên. Tại vùng tạm bị chiếm Nam Định, trung đoàn 52 và các lực lượng của tỉnh đã thay nhau liên tục bao vây, uy hiếp quân địch co cụm ở Đông Biên và phục kích tiêu diệt các lực lượng tới tiếp viện. Tại Ninh Bình, bộ đội địa phương tỉnh đã tập kích tiêu diệt các vị trí Đức Hậu, Tự Tân, Nam Biên, Cảnh Tân, Duyên Mây... và phục kích địch trên đường số 10, số 59, diệt nhiều địch.

Đi đôi với các đòn tiến công quân sự, phong trào đấu tranh chính trị và công tác bình vận cũng đã phát triển với khí thế cao chưa từng có. Tại các vùng tạm bị địch chiếm, nhân dân đã nhất tề nổi dậy phá bỏ hầu hết các trại tập trung để trở về quê cũ làm ăn. Những âm mưu và chương trình dồn dân trở lại các trại tập trung để dễ bề kiểm soát đều bị nhân dân ta đấu tranh phá vỡ bằng nhiều hình thức. Điển hình là cuộc chống địch dồn dân vào trại tập trung Quý Kim để lập vành đai trắng chung quanh thị xã Kiến An. Cuộc đấu tranh này đã diễn ra trong nhiều ngày, thu hút hàng vạn dân ở thị xã Kiến An, Đồ Sơn, Đồ Hải, Ngọc Quyên... và giành được thắng lợi to lớn.

Phong trào chống địch bắt lính cũng diễn ra sôi sục khắp miền đồng bằng châu thổ. Chỉ riêng ở Tả Ngạn trong ba tháng đầu năm 1954 đã có tới hơn 200 cuộc đấu tranh. Ở Hà Nam, Nam Định nhân dân đã liên tục kéo vào thành phố đòi địch phải thả những thanh niên đang bị giam giữ trong các trại tập trung. Một số cuộc đấu tranh đã diễn ra với quy mô khá lớn và đạt hiệu quả cao. Ví dụ tại huyện Mỹ Lộc, tháng 4 năm 1954 dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đảng bộ địa phương hàng ngàn đồng bào đã kéo về bất Động Xá đòi địch thả những thanh niên bị bắt. Mặc dù địch thẳng tay đàn áp, ngăn cản nhưng đồng bào vẫn xông lên la hét phản đối dữ dội. Hàng trăm chị em phụ nữ nằm lăn ra đường cản xe địch, không cho chúng chở thanh niên về Nam Định. Chúng bắn dọa nhưng không một ai chùn bước. Các bà, các chị vừa tuyên truyền chính sách, vừa đánh thép tố cáo âm mưu địch, vây chặn, lôi kéo những người bị bắt ra khỏi thùng xe. Trước khí thế đấu tranh kiên quyết của đồng bào, địch buộc phải thả toàn bộ 1.250 người (phần lớn là thanh niên các huyện Vụ Bản, Ý Yên, Mỹ Lộc). Ngày 4 tháng 5, hơn 2.000 công nhân nhà máy dệt Nam Định tổ chức một cuộc mít tinh lớn ngay trước cổng nhà máy. Cuộc mít tinh đã biến thành một cuộc tuần hành thị uy có đông đảo nhân dân trong thành phố và trong tỉnh tham gia. Đoàn người giương cao biểu ngữ và hô vang khẩu hiệu “Phản đối vây ráp bắt lính và thu thuế”, “Hòa bình ở Đông Dương”

Dưới tác động của những thắng lợi quân sự, công tác binh vận của nhân dân đồng bằng đã đạt được hiệu quả rất lớn góp phần làm tan rã hàng chục nghìn lính ngụy. Điển hình là ở Hà Nam trong tháng 4 Tỉnh ủy đã phát động một đợt tiến công chính trị vào hàng ngũ địch. Có ngày hàng nghìn đồng bào đã kéo vào các đồn bốt, doanh trại giặc, kêu gọi người thân trở về. Kết quả của đợt tiến công binh vận này, chỉ riêng ở Hà Nam đã có tới 4.082 binh lính địch bỏ ngũ trở về với gia đình và cách mạng. Nhiều người mang theo cả vũ khí. Ở Hà Nội, trong khi chiến sự ở Điện Biên Phủ và đồng bằng Bắc Bộ diễn ra ác liệt, Thành ủy chủ trương đẩy mạnh công tác binh vận phá rã hàng ngũ địch. Công tác này đã thu hút mọi cơ quan, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân. Được đồng bào tuyên truyền giác ngộ, nhiều đơn vị lính ngụy vừa đi càn ở đồng bằng về đã vin vào nhiều lý do khác nhau để thoái thác nhiệm vụ. Tiểu đoàn dù số 5 đóng ở trường Bưởi và tiểu đoàn dù số 7 ở Việt Nam học xá đã tan rã hoàn toàn. Ở sân bay Bạch Mai, chỉ trong năm ngày đã có tới 1.200 binh lính đào ngũ. Với những kết quả to lớn đó, công tác binh vận thực sự trở thành một mũi giáp công lợi hại, gây nhiều khó khăn cho phía Pháp trong việc bổ sung lực lượng và ứng cứu cho các mặt trận, đặc biệt là ở Điện Biên Phủ.

CÙNG CỐ LỰC LƯỢNG, ĐÁNH CHIẾM CÁC CỬ ĐIỂM CUỐI CÙNG Ở PHÍA ĐÔNG
VÀ PHÍA TÂY, TIẾN LÊN TỔNG CÔNG KÍCH TIÊU DIỆT HOÀN TOÀN TẬP ĐOÀN
CỬ ĐIỂM ĐIỆN BIÊN PHỦ

Trên mặt trận chính Điện Biên Phủ, sau khi đã thực hiện được một phần nhiệm vụ của đợt hai, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tạm ngừng tiến công để củng cố, chấn chỉnh lực lượng, giữ vững, phát triển trận địa và tiếp tục chuẩn bị cho một đợt tiến công mới tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm địch.

Qua hơn hai mươi ngày nổ súng tiến công, các đại đoàn chủ lực của ta đã tiêu thụ một lượng vật chất lớn, số cán bộ, chiến sĩ bị thương vong khá nhiều. Về phía địch, chúng cũng đang gặp phải những khó khăn rất lớn. Khoảng 5.000 tên địch đã bị loại khỏi vòng chiến, bốn tiểu đoàn và chín đại đội địch bị tiêu diệt gọn. Số địch bị diệt chiếm khoảng một nửa tổng số lực lượng địch ở phân khu bắc và phân khu trung tâm. Nếu kể cả lực lượng địch ở phân khu nam (Hồng Cúm) thì chúng đã bị mất khoảng hai phần năm lực lượng. So với trước, chất lượng giảm sút nhiều. Về địa hình, quân ta đã khống chế hầu hết những điểm cao ở phía đông, khống chế tất cả các điểm cao phía bắc cánh đồng Mường Thanh và phát triển trận địa tiến công vào sát tới sân bay, thắt chặt vòng vây, hạn chế tiếp tế và tiếp viện của địch, cắt đứt đường tiếp viện giữa Mường Thanh và Hồng Cúm. Phạm vi chiếm đóng và không phận của chúng cũng bị thu hẹp rất nhiều.

Tuy vậy địch vẫn tìm mọi cách bổ sung lực lượng và vũ khí trang bị để duy trì cuộc chiến đấu, cố giữ Điện Biên Phủ đến cùng. Lúc này, những trận mưa đầu mùa đã bắt đầu đổ xuống làm hầm hào của cả hai bên đều sũng nước. Na-va và bộ tham mưu của ông ta cho rằng nếu giữ được Điện Biên Phủ đến khoảng ngày 20 tháng 5 năm 1954 là quân Pháp thắng lợi vì khi đó mưa lũ lớn sẽ làm ta không giải quyết nổi vấn đề tiếp tế và nhất định phải lui quân. Thực hiện ý định đó, Na-va cho thả thêm hai tiểu đoàn dù nguy xuống tăng viện cho binh đoàn tác chiến Tây Bắc và từ tháng 4, ông ta còn tổ chức thêm một cầu hàng không vận chuyển bằng máy bay cỡ lớn của Mỹ (Pác-két C.119) gồm 29 chiếc do phi công Mỹ lái, gấp rút chuyên chở đến Điện Biên Phủ 3.200 tấn hàng. Lực lượng không quân Pháp ở Đông Dương cũng được huy động tối đa vào việc bảo đảm tiếp tế và đánh phá các trận địa, các đường vận chuyển của ta từ hậu phương lên Điện Biên Phủ. Lực lượng máy bay vận tải Pháp đã bị Na-va sử dụng vượt quá khả năng quy định của kỹ thuật làm cho viên tướng Lô-danh, chỉ huy không quân Pháp ở Đông Dương phải than phiền một cách bức dọc là: Máy bay vận tải của quân Pháp đã từ 3.700 giờ bay trong tháng lên đến

7.000 giờ, còn việc tiếp tế thì đột nhiên tăng từ 4.000 tấn/ tháng lên tới 10.000 tấn. Chỉ riêng trung tuần tháng 4 đã có tám máy bay bị bắn rơi và 47 chiếc khác bị bắn hỏng.

Nhìn chung, sau hai đợt tiến công của quân ta, bọn tướng tá Pháp đã thấy nguy cơ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có thể bị ta tiêu diệt. Đứng trước nguy cơ đó, chẳng những chính phủ Pháp bối rối mà Mỹ cũng rất lo ngại. Đi đôi với việc cung ứng cho Pháp những khoản viện trợ to lớn, Lầu Năm Góc đã đề ra một kế hoạch hành binh mang tên Vô-tua (chim kền kền), dự kiến sẽ sử dụng 80-90 máy bay B.29 (loại máy bay chiến lược lớn nhất của Mỹ lúc bấy giờ) từ căn cứ Clac Phin (Clack Field) được 150 máy bay chiến đấu của hạm đội 7 hộ tống, đến ném bom “nghiên nát” các đơn vị quân đội Việt Minh đang bao vây Điện Biên Phủ. Để chuẩn bị cho kế hoạch này, thượng tuần tháng 4, hai tuần dương hạm Bốc-xơ và Phi-líp-pin-xi thuộc hạm đội 7 của Mỹ đã tiến vào Vịnh Bắc Bộ. Trung tuần tháng 4, tướng Pác-tơ-rít-giơ, chỉ huy không quân Mỹ tại Đông Nam Á đến Sài Gòn nghiên cứu tình hình. Một số sĩ quan Mỹ đã đáp máy bay lên trinh sát thực địa ở Điện Biên Phủ, nghiên cứu các mặt kỹ thuật của cuộc hành quân. Theo gợi ý của Mỹ, chính phủ Pháp còn thăng quân hàm cấp tướng cho Đờ Cát và thăng cấp cho một số sĩ quan khác ở Điện Biên Phủ, với hy vọng họ sẽ kiên quyết hơn nữa trong cuộc chiến đấu bảo vệ tập đoàn cứ điểm đang bị nguy khốn này.

Về phía ta, từ trung tuần tháng 4, Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch cũng tập trung chỉ đạo các đơn vị tích cực chuẩn bị mọi mặt để tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ. Ta phấn đấu để tiến hành đợt ba vào thượng tuần tháng 5, trước khi có mưa lớn, và để làm được điều đó phải khắc phục bằng được những khó khăn, trở ngại do nhu cầu to lớn của chiến dịch, do thời tiết và cả địch gây ra.

Sau hai đợt tiến công, quân số các đơn vị thiếu hụt chưa kịp bổ sung. Đạn được còn rất ít, nhất là đạn lựu pháo 105 mà việc sử dụng đã phải tính từng viên. Lượng lương thực dự trữ tại mặt trận chỉ còn khoảng nửa tháng. Khẩu phần của cơ quan và các đơn vị binh chủng phải rút xuống còn năm lạng gạo mỗi ngày. Cơ quan tham mưu và hậu cần chiến dịch dự tính cần có thêm 1.200 tấn gạo cho tháng 4 và 4.000 tấn gạo, 300 tấn thịt, 300 tấn rau cho tháng 5 và 6. Những trận mưa đầu mùa đã cản trở rất nhiều việc vận chuyển bằng cơ giới. Mọi tuyến đường vận tải tiếp tế cho mặt trận của ta đều bị địch đánh phá dữ dội. Về tinh thần chiến đấu, qua hai đợt tiến công thắng lợi, bộ đội ta càng thêm tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của chiến dịch. Tuy nhiên, do chiến đấu ác liệt kéo dài, khó khăn về tiếp tế tăng thêm nên trong

cán bộ, chiến sĩ ta đã xuất hiện tư tưởng hữu khuynh tiêu cực, ngại hy sinh ác liệt, ngại khó, ngại khổ, mệt mỏi kéo dài, chủ quan tự mãn.

Trong tình hình đó, công tác chính trị đã đóng một vai trò cực kỳ quan trọng. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng ủy, Bộ chỉ huy chiến dịch, cơ quan chính trị các cấp đã tiếp tục giáo dục thật sâu rộng ý nghĩa to lớn của chiến dịch, tiếp tục quán triệt quyết tâm của Trung ương Đảng là tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ, làm cho ai nấy đều nhận rõ thắng lợi của chiến dịch, cũng như thắng lợi của cuộc kháng chiến cứu nước chỉ có thể giành được bằng chiến đấu anh dũng, bằng cố gắng vượt qua gian khổ, khắc phục khó khăn với một tinh thần quyết chiến quyết thắng rất cao. Công tác chính trị đã thường xuyên lấy mọi thất bại của địch, thắng lợi của ta và lấy gương chiến đấu hy sinh của các anh hùng, chiến sĩ để cổ vũ, động viên tinh thần chiến đấu của bộ đội, đồng thời đã đi sâu giáo dục và kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như kỷ luật chiến trường, việc tổ chức sinh hoạt trong trận địa; việc bảo đảm bữa ăn, giấc ngủ cho cán bộ, chiến sĩ, việc xây dựng trận địa theo đúng yêu cầu, giữ gìn vệ sinh phòng bệnh; việc chăm lo giữ vững lực lượng chiến đấu, bổ sung quân số, đề bạt cán bộ. Việc kiện toàn các chi bộ, công tác phát triển Đảng được rất coi trọng. Việc chấp hành kỷ luật chiến trường, thưởng phạt đúng đắn, kịp thời được thực hiện một cách thường xuyên.

Ngay từ khi chiến dịch Điện Biên Phủ vừa được mở màn, tại khu vực căn cứ địa Việt Bắc, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã họp nhận định tình hình chiến dịch Điện Biên Phủ.

Sau hai đợt tiến công thắng lợi của bộ đội ta tại mặt trận Điện Biên Phủ vừa qua là rất lớn, nhưng vì cán bộ ta còn mắc một số khuyết điểm mà nguyên nhân chủ yếu là vì tư tưởng hữu khuynh còn nghiêm trọng nên đã gây ít nhiều tổn thất và hạn chế thắng lợi của ta một phần. Bộ Chính trị nêu rõ tính chất đặc biệt quan trọng của Điện Biên Phủ trong lúc Hội nghị Giơ-ne-vơ sắp họp và chỉ thị cho toàn thể đảng viên và cán bộ phải nhận rõ ta có đầy đủ khả năng để khắc phục mọi khó khăn và tiêu diệt toàn bộ quân địch. Phải ra sức khắc phục tư tưởng hữu khuynh, đề cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng, kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm vừa qua, tiếp tục thấu triệt phương châm đánh chắc tiến chắc, đồng thời tích cực tranh thủ thời gian hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Chấp hành nghị quyết của Bộ Chính trị, Đảng bộ và nhân dân các tỉnh thuộc Liên khu 3, 4, Việt Bắc, Tây Bắc đã nỗ lực vượt bậc, chạy đua với giặc, chạy đua với thời gian, với mưa lũ, quyết huy động mọi nguồn sức mạnh của

hậu phương chiến tranh nhân dân thực hiện thắng lợi việc bảo đảm cung cấp tiếp tế cho bộ đội.

Ở ngoài mặt trận, tranh thủ lúc tạm ngừng tiến công, các đơn vị kịp thời chấn chỉnh, bổ sung quân số, trang bị và tiến hành việc tổng kết kinh nghiệm, huấn luyện bổ sung ngay tại chiến trường. Một số phân đội mới như đơn vị hỏa tiễn 122 và một số đại đội ĐKZ 75 được tổ chức ngay tại mặt trận. Do bộ đội đã trải qua một cuộc chiến đấu dài ngày trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn, sức khỏe bị giảm sút nhiều, nên Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ đạo các đơn vị ra sức phấn đấu “bình thường hóa sinh hoạt”, tổ chức tốt việc ăn ngủ, giải trí cho bộ đội. Công tác vệ sinh phòng bệnh và việc giữ vệ sinh chiến hào được coi trọng. Công tác điều trị thương, bệnh binh tại mặt trận đã được thực hiện ngày càng tốt hơn góp phần nhanh chóng khôi phục lại sức chiến đấu của các đơn vị. Theo báo cáo của cơ quan hậu cần chiến dịch, tổng số thương, bệnh binh của ta đã lên tới khoảng mười bốn ngàn người (gồm khoảng mười ngàn thương binh và bốn ngàn bệnh binh), trong đó thương binh nhẹ chiếm gần sáu mươi phần trăm. Vì thế việc điều trị thương binh nhẹ để bổ sung quân số cho các đơn vị đánh liên tục trở thành một vấn đề lớn và trong quá trình phát triển của chiến dịch, ngành quân y mặt trận đã kịp thời điều trị, trả về các đơn vị được gần năm ngàn người.

Để khắc phục hiện tượng hữu khuynh tiêu cực nảy sinh do cuộc chiến đấu gian khổ, ác liệt kéo dài, hạ tuần tháng 4 năm 1954, Đảng ủy và cơ quan chính trị chiến dịch triển khai một cuộc đấu tranh tư tưởng nghiêm túc và sâu sắc. Trong hội nghị có đại biểu đảng ủy các đại đoàn và các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần chiến dịch. Đảng ủy Bộ chỉ huy chiến dịch đã nhận định tình hình địch, ta một cách khách quan, nêu rõ thắng lợi của ta, thất bại của địch, nêu rõ những điều kiện dần dần chín muồi để tiêu diệt toàn bộ quân địch, đề ra yêu cầu phải quán triệt phương châm đánh chắc tiến chắc, đồng thời phải tích cực tranh thủ thời gian đưa chiến dịch đến toàn thắng, trước mùa mưa lớn đã tới gần. Hội nghị đã phê phán nghiêm khắc những biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh tiêu cực và đề ra yêu cầu về biện pháp giáo dục và phát huy tinh thần triệt để cách mạng, tinh thần quyết chiến quyết thắng trong đợt tiến công sắp tới.

Sau hội nghị nói trên, một đợt sinh hoạt chính trị được triển khai sâu rộng từ cấp ủy cho đến chi bộ, từ cán bộ cho đến chiến sĩ trong tất cả các đơn vị, các lực lượng tham gia chiến dịch. Đợt giáo dục chính trị, đấu tranh tư tưởng này là một thành công lớn của công tác chính trị trên mặt trận Điện Biên Phủ. Nó đã đưa lại kết quả to lớn là những biểu hiện của tư tưởng sai lầm đã được khắc phục. Toàn thể đảng viên, cán bộ và chiến sĩ đều củng cố

lòng tin tưởng vững chắc vào thắng lợi cuối cùng của chiến dịch, củng cố quyết tâm sắt đá, hoàn thành cho kỳ được nhiệm vụ tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Tinh thần quyết chiến quyết thắng của bộ đội ta được nâng cao.

Cũng vào hạ tuần tháng 4 năm 1954 này, cơ quan chính trị chiến dịch còn phát động một phong trào thi đua, động viên toàn thể bộ đội và dân công hỏa tuyến nỗ lực cao độ, quyết tâm đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ, lập thành tích kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1 tháng 5, ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh 19 tháng 5 và làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Chính phủ ta trên trường quốc tế. Với một khí thế thi đua mạnh mẽ, tất cả các đơn vị, các lực lượng tham gia chiến dịch đều cố gắng tiến lên, tích cực chuẩn bị cho đợt tiến công sắp tới, ra sức tạo mọi điều kiện để chuyển sang tổng công kích.

Trong thời gian chuẩn bị cho một đợt tiến công mới, quán triệt tư tưởng tích cực tiến công đồng thời để tạo điều kiện thuận lợi tiến lên tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm địch, Bộ chỉ huy chiến dịch đề ra một số chủ trương quan trọng. Đó là, tiếp tục củng cố xây dựng trận địa tiến công bao vây và phát triển vào gần địch hơn nữa, cải tạo địa hình, đánh chiếm một số vị trí quan trọng, siết chặt vòng vây bóp nghẹt dần quân địch, đánh chiếm sân bay tiến đến triệt hẳn tiếp tế, tiếp viện của chúng, tích cực đánh địch phản kích, dùng lực lượng nhỏ đánh lấn, bắn tỉa làm cho phạm vi phòng ngự của địch ngày càng bị thu hẹp, thương vong ngày càng tăng và tinh thần binh lính địch ngày càng thêm suy sụp. Cụ thể các đơn vị được giao nhiệm vụ như sau:

Đại đoàn 308 có nhiệm vụ tiếp tục củng cố, xây dựng trận địa bên phía tây (từ phía tây Mường Thanh đến Bản Kéo), phát triển trận địa tiến công vào cứ điểm 206, 310, 311A, 311B, làm trận địa chặn viện giữa các cứ điểm 105, 206, 208 và phối hợp cùng Đại đoàn 312 đào giao thông hào cắt ngang sân bay Mường Thanh ở đoạn nam cứ điểm 206.

- Đại đoàn 312 tiếp tục làm trận địa tiến công địch từ đông Bản Kéo đến đoạn đông sân bay Mường Thanh, củng cố trận địa phòng ngự ở các đồi E, D; xây dựng trận địa tiến công các cứ điểm 105, 203, 204 và khu vực tiểu đoàn ngự số 2 (2^oBTA); phối hợp với Đại đoàn 308 đào hào giao thông cắt ngang sân bay Mường Thanh.

- Đại đoàn 316 tiếp tục làm trận địa tiến công ở phía đông Mường Thanh, tiếp giáp cánh trái với Đại đoàn 312 và cánh phải với Đại đoàn 308; xây dựng trận địa tiến công các cứ điểm C2, A1, đồi Châu Ún; củng cố trận địa phòng ngự ở đồi C1, A1.

Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 tiếp tục củng cố, xây dựng trận địa tiến công bao vây Hồng Cúm và trận địa chặn viện giữa Hồng Cúm, Mường Thanh; tiếp tục kiểm chế pháo địch ở Hồng Cúm.

Đại đoàn 351 xây dựng thêm trận địa lựu pháo ở tây bắc Mường Thanh, đưa pháo xuống sát vùng lòng chảo tiếp tục làm nhiệm vụ chi viện cho bộ binh củng cố, xây dựng trận địa và đánh chiếm các mục tiêu quy định.

Từ cuối thượng tuần tháng 4 năm 1954, căn cứ vào các nhiệm vụ mà Bộ chỉ huy chiến dịch đã giao cho, các đơn vị bắt tay ngay vào việc tiếp tục củng cố, xây dựng trận địa tiến công. Sau hơn một tuần phấn đấu gian khổ, chiến hào của trung đoàn 141 Đại đoàn 312 đã tiến vào đông sân bay Mường Thanh. Từ cuối tháng 3 đường băng sân bay không còn đón được máy bay hạ cánh nữa nhưng vẫn có tác dụng làm bãi hứng dù tiếp tế nên địch hết sức chú ý tăng cường phòng thủ. Sân bay được bao bọc bởi năm lớp rào dây thép gai xen lẫn các bãi mìn và hàng trăm ụ súng. Đêm 15, đường hào của ta vào đến hàng rào thứ tư. Nhận được tin này Đờ Cát hoảng hốt vội tung bộ binh và xe tăng ra giải tỏa. Cuộc chiến đấu ác liệt diễn ra suốt ngày 16. Lực lượng bảo vệ trận địa của trung đoàn 141 phải tổn nhiều xương máu mới giữ vững được thành quả chiến đấu. Đêm 16, pháo binh địch bắn dữ dội vào đầu hào của ta ở lớp rào thứ tư. Trung đoàn phó Nguyễn Văn Thuận cho bộ đội lùn vào hẳn bên trong sân bay đào hào ngược trở ra và đã nối được trận địa của ta với đường hào chạy dọc sân bay của địch. Trong bốn ngày tiếp sau đó địch tổ chức tám cuộc phản kích nhưng đều bị lực lượng bảo vệ trận địa của trung đoàn 141 đẩy lui.

Ở phía bắc sân bay, đêm 16, trận địa của trung đoàn 165 Đại đoàn 312 từ bốn phía đã phát triển vào sát cứ điểm 105, có nơi chỉ còn cách hàng rào địch 15 mét. Địch bị giam chặt không còn được tiếp tế, không có nước uống, tên nào thò đầu ra khỏi chiến hào là bị các tổ bắn tỉa của ta tiêu diệt ngay, 15 ụ súng địch ở tiền duyên đã bị ĐKZ của ta bắn sập. Đêm 17 các đường hào của ta đã lách vào bên trong các lớp rào bao quanh cứ điểm 105, nhiều quãng rào đã bị cắt trụi. Việc đào trận địa vây ép đã tạo điều kiện để bộ đội ta đánh lấn tiêu diệt cứ điểm địch. Đêm 18, trung đoàn 165 tiến công cứ điểm 105. Quân đồn trú bỏ vị trí tháo chạy và đã bị tiêu diệt phần lớn trên đường rút lui. Quân cứu viện của địch cũng bị đánh tan tác. Cứ điểm 105 bảo vệ phía bắc sân bay của địch bị xóa bỏ.

Ở phía tây, Đại đoàn 308 sử dụng trung đoàn 36 vào nhiệm vụ xây dựng trận địa vây ép đánh lấn cứ điểm 206 (Huy-ghét 1), trung đoàn 88 đào giao thông hào cắt ngang sân bay Mường Thanh, bắt liên lạc với trung đoàn 141 đang tiến vào sân bay từ phía đông. Đến đêm 17, ba mũi chiến hào của

trung đoàn 36 đã vây bọc kín cứ điểm 206. Bên phía trung đoàn 88, tiểu đoàn Nguyễn Quốc Trị cũng đã đưa đường hào vào sát sân bay Mường Thanh. Qua ba ngày bao vây đánh lấn liên tục, đêm 22 trung đoàn 36 chiếm gọn cứ điểm 206, bắt 117 tù binh. Để chiếm lại Huy-ghét 1 và lấy chỗ cho máy bay thả dù, Đờ Cát tung tiểu đoàn lê-dương số 2 lực lượng dự trữ cuối cùng, và năm xe tăng ra phản kích, trong đó trận phản kích ngày 24 đã diễn ra hết sức ác liệt. Không quân địch đã trút xuống khu vực này tới 600 trái bom mong hủy diệt lực lượng ta và yểm hộ cho bộ binh, xe tăng của chúng phản kích. Cuộc chiến đấu diễn ra giằng co suốt ngày 24. Khi địch đột nhập được vào trận địa của đại đội 213, tiểu đoàn trưởng Nguyễn Quốc Trị cho bộ đội tạm lùi về phía sau và yêu cầu lựu pháo 105 bắn thẳng vào trận địa đối phương. Xác binh lính lê-dương trúng đạn nằm ngổn ngang trong những đoạn hào sũng nước. Cuộc phản kích bị đẩy lùi. Các đại đoàn 308, 312 đã thực hiện được việc đào hào cắt đôi đường băng. Sân bay trung tâm Mường Thanh đã hoàn toàn bị ta đánh chiếm. Sau khi mất các cứ điểm 105, 206 và sân bay Mường Thanh, trận địa trung tâm của tập đoàn cứ điểm tới đây chỉ còn là một mảnh đất hẹp có diện tích khoảng một kilômét vuông.

Ở phía đông, các đơn vị của Đại đoàn 316 đã có những cố gắng rất lớn trong nhiệm vụ củng cố, giữ vững các vị trí mới đánh chiếm được và trong nhiệm vụ xây dựng trận địa tiến công các cứ điểm C2, A1. Ngày 9 tháng 4, Đờ Cát huy động một tiểu đoàn có xe tăng và hỏa lực mạnh yểm hộ mở cuộc phản kích chiếm lại đồn C1 để cải thiện thế đứng chân của chúng tại khu đông trận địa trung tâm. Lực lượng phòng ngự của trung đoàn 98 liên tiếp bẻ gãy ba đợt xung phong của địch, nhưng chúng vẫn liều lĩnh xông lên. Đến trưa ngày 10 địch chiếm lại được một phần C1. Lực lượng tiếp viện của trung đoàn 98 do tiểu đoàn trưởng Hoàng Vượng chỉ huy, lưỡi lê tuốt trần, ào ạt tiến vào đánh giáp lá cà diệt địch. Đêm hôm sau, lại có thêm một phân đội của đơn vị bạn do trung đoàn trưởng Hoàng Cẩm phái tới hỗ trợ. Nhưng đánh suốt đêm cho tới sáng, các chiến sĩ trung đoàn 98 vẫn không chiếm lại được khu vực cột cờ. Từ đó đồn C1 bị chia làm đôi. Ta và địch giành giật nhau từng thước đất, từng đoạn hào. Pháo địch liên tục đập xuống. Pháo, cối ta cũng đánh trả thường xuyên. Ta và địch liên tục phản kích nhưng tới cuối tháng 4 đồn C1 vẫn bị chia đôi. Cũng trong thời gian này, đi đôi với việc tổ chức lực lượng đánh C1, trung đoàn 98 còn hết sức tranh thủ tổ chức lực lượng xây dựng trận địa vây lấn cứ điểm C2. Tuy phải đổ bằng nhiều xương máu nhưng ba mũi hào của ta từ các hướng đông và đông bắc vẫn phát triển dần vào cứ điểm C2. Tới cuối tháng 4, có mũi hào đã vào cách hàng rào cứ điểm khoảng năm mươi mét. Tại khu vực đồn A1 cuộc đọ sức giữa hai bên

cũng diễn ra giằng co quyết liệt trong suốt cả tháng 4. Mặc dù địch đã tổ chức nhiều đợt phản kích lớn nhưng cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 174 vẫn kiên cường trụ vững tại trận địa tiến công bao vây đồi A1. Để chuẩn bị cho đợt tiến công mới, bộ đội 312 còn đào một đường ngầm chui hẳn vào dưới hầm ngầm của địch ở đỉnh đồi rồi đặt vào đó một tấn thuốc nổ, sẵn sàng cho trận đánh tiêu diệt cứ điểm A1.

Trong thời gian này, chẳng những bộ đội ta đã liên tục dùng lực lượng nhỏ vây ép đánh lấn địch dưới mặt đất mà việc bắn máy bay, triệt nguồn tiếp tế, tiếp viện của địch cũng được chú ý tăng cường. Lực lượng pháo cao xạ của Đại đoàn 351 đã cùng với đơn vị súng máy phòng không của các đại đoàn bộ binh tạo thành một hệ thống lưới lửa khổng lồ chế bầu trời Điện Biên Phủ trong tầm cao từ ba kilômét trở xuống. Không ngày nào là không có máy bay địch bị bắn rơi hoặc bắn bị thương. Máy bay phải thả dù từ độ cao trên ba kilômét nên một phần ba số dù đó đã rơi vào khu vực trận địa của ta. Việc nhật dù, đoạt dù tiếp tế của địch đã trở thành một phong trào sôi nổi ở khắp các đơn vị và ta đã thu được khá nhiều đạn dược các loại, nhất là đạn lựu pháo 105, đạn cối 120, 81 cùng nhiều lương thực, thuốc men. Chỉ riêng trung đoàn 57 tại Hồng Cúm trong 15 ngày đã đoạt được của địch 120 tấn đạn dược và lương thực.

Phong trào “săn Tây, bắn tĩa” cũng phát triển mạnh gây nhiều thiệt hại cho địch. Mọi loại súng lớn nhỏ đều được bộ đội ta đưa vào tham gia bắn tĩa làm cho tinh thần địch rất căng thẳng. Chỉ tính riêng trong nửa cuối tháng 4 các chiến sĩ bắn tĩa của trung đoàn 57 đã diệt được 100 tên, các chiến sĩ bắn tĩa của Đại đoàn 312 tiêu diệt 110 tên và làm bị thương 44 tên khác. Các đại đoàn 308, 316 cũng đạt được kết quả tương tự. Kỷ lục bắn tĩa cao nhất thuộc về Lục Văn Thông, trong một ngày diệt 30 tên địch. Các khẩu đội sơn pháo 75 mới được đưa vào chiếm lĩnh trận địa ở đồi D, E thường xuyên chực nòng bắn thẳng vào khu trung tâm làm binh lính địch vô cùng kinh hoàng. Một buổi sớm, trong một trận chiến đấu pháo không cân sức, đại đội sơn pháo 75 bố trí trên đồi E mặc dù chỉ còn lại một khẩu đội của Phùng Văn Khầu, vẫn kiên cường tiếp tục chiến đấu, liên tiếp bắn hỏng bốn khẩu lựu pháo 105 của địch dưới trận địa trung tâm Mường Thanh.

Cho đến cuối tháng 4 năm 1954, mặc cho quân địch phản ứng quyết liệt, điên cuồng, vòng vây của bộ đội ta xung quanh Mường Thanh, Hồng Cúm đã siết chặt lại. Mọi việc chuẩn bị cho đợt tiến công thứ ba đã cơ bản hoàn thành. Còn binh lính địch thì đã thực sự lâm vào tình trạng bị “bóp nghẹt” Phạm vi chiếm đóng của chúng chỉ còn rất hẹp, lương thực, đạn dược cạn dần.

Tình hình tiếp tế cho GONO khó khăn đến nỗi Cô-nhi phải điện cho Na-va báo cáo “kết quả thả dù tiếp viện cho Điện Biên Phủ ngày 28, đêm 28, ngày 29, đêm 29: *Số không*. Chỉ có I-da-ben là nhận được 22 tấn” Theo điện báo cáo của Đờ Cát gửi Cô-nhi trước thời điểm ta mở đợt tiến công thứ ba thì “Điện Biên Phủ chỉ còn 275 viên đạn 155 ly, 14.000 viên đạn 105 ly, 5.000 viên đạn cối 120 ly”¹ Và yêu cầu của Đờ Cát là tiếp tế khẩn cấp.

Cuộc chiến đấu càng ác liệt thì số sĩ quan, binh lính Pháp bị thương càng tăng nhanh gây cho chúng rất nhiều khó khăn. Trong những ngày cuối tháng 4, trời mưa đã biến chiến hào thành những bãi lầy. Cuộc sống chui rúc, ngoi ngóp của hàng vạn binh lính Pháp trong bùn lầy, dưới bom đạn, mưa gió dầm dề suốt ngày đêm đã nhanh chóng tiêu hao thể lực và làm suy sụp tinh thần chiến đấu của chúng. Thấy nguy cơ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có thể bị ta tiêu diệt, chính phủ Pháp chính thức yêu cầu Mỹ mở cuộc hành binh “Vô-tua” nhưng ngay trong nội bộ giới cầm quyền Mỹ đã có sự bất đồng nên kế hoạch đó cuối cùng bị hủy bỏ. Na-va cũng đã tính đến một cuộc hành binh giải vây từ lưu vực sông Nậm Hu (Thuợng Lào) tiến về hướng Điện Biên Phủ và Cô-nhi lại một lần nữa dự định sử dụng khoảng bốn binh đoàn cơ động đánh sâu vào hậu phương ta. Vì không còn lực lượng và phương tiện, các kế hoạch này trên thực tế chỉ là những mong muốn hảo huyền của bộ chỉ huy Pháp ở Đông Dương trước số phận Điện Biên Phủ đã được định đoạt.

Giữa lúc bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp còn đang lúng túng chưa tìm ra lối thoát cho tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ thì đợt tiến công thứ ba của chiến dịch được mở màn. Nhiệm vụ của đợt này là: đánh chiếm các điểm cao còn lại ở phía đông. Trọng tâm là phải chiếm cho được đồi A1, tiêu diệt một số cứ điểm ở phía tây; tiêu diệt thêm một bộ phận sinh lực địch, phát triển sâu hơn nữa trận địa tiến công và bao vây; phát huy tất cả mọi thứ hỏa lực bắn phá khu vực trung tâm của địch, uy hiếp vùng trời còn lại của chúng, chuẩn bị chuyển sang tổng công kích. Nhiệm vụ cụ thể của các đại đoàn như sau:

Đại đoàn 316 tiêu diệt điểm cao C1 và giữ vững trận địa đó; đồng thời đánh lấn C2 để phối hợp với trận đánh C1. Nếu điều kiện thuận lợi thì phát triển tiêu diệt toàn bộ C2; chuẩn bị đầy đủ để đánh chiếm những lô cốt quan trọng của địch trong vị trí A1 và chiếm giữ những lô cốt đó.

1. Trích theo *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1984, tr. 192.

Đại đoàn 312 tiêu diệt cứ điểm 505, 505A. Dùng hỏa lực và một đơn vị nhỏ phối hợp với Đại đoàn 316 chặn viện trong lúc 316 tiêu diệt C1. Chuẩn bị và tiêu diệt vị trí 204.

Đại đoàn 308 tiếp tục chuẩn bị và tiêu diệt cứ điểm 311B, đồng thời đánh lấn vị trí 310.

Trung đoàn 57 Đại đoàn 304 có nhiệm vụ kiểm chế pháo binh địch và đánh lấn vào khu vực C (Hong Cúm), nếu có điều kiện thì tiêu diệt khu C, chuẩn bị một tiểu đoàn vận động sang hướng Thượng Lào tác chiến khi có lệnh.

Đại đoàn 351 ngoài nhiệm vụ thường xuyên có nhiệm vụ phối hợp với bộ binh trong các trận đánh điểm và đánh phản kích.

Trong lúc tiêu diệt A1 và đánh lấn C2, các đơn vị phải chuẩn bị lực lượng và kế hoạch để có điều kiện thuận lợi thì phát triển tiêu diệt C2, tiếp tục phát triển đánh chiếm các cứ điểm của địch còn lại ở phía đông sông Nậm Rốm.

Trưa ngày 1 tháng 5 năm 1954, pháo các cỡ của ta bắt đầu bắn mãnh liệt vào khu vực trận địa địch. Trong đợt bắn phá này, lần đầu tiên hỏa tiễn 122 của ta xuất trận, làm cho binh lính địch càng thêm khiếp sợ. Cụm pháo địch ở Hồng Cúm bị tê liệt không bắn trả được phát nào. Một kho đạn pháo của địch với ba nghìn viên dự trữ nổ tung. Kho lương thực thực phẩm của địch bốc cháy. Sau đợt pháo kích kéo dài gần một giờ bộ đội ta đồng loạt tiến đánh nhiều vị trí.

Tại phía đông, trung đoàn 98 Đại đoàn 316 nhanh chóng tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm C1. Thừa thắng quân ta đẩy mạnh vây lấn và chuẩn bị tiêu diệt cứ điểm C2 đồng thời củng cố trận địa vừa chiếm được, sẵn sàng đập tan các cuộc phản kích của địch. Trên bờ phía đông sông Nậm Rốm trung đoàn 209 Đại đoàn 316 tiến công cứ điểm 505 và 505A. Đến 4 giờ sáng ngày 2 tháng 5 đơn vị hoàn toàn làm chủ hai cứ điểm này, tiêu diệt toàn bộ quân địch. Trên phía tây cánh đồng, trận đánh tiêu diệt cứ điểm 311A của trung đoàn 88 cũng diễn ra rất nhanh chóng. Toàn bộ đại đội Âu-Phi vừa tới thay quân để tăng cường phòng thủ cứ điểm này bị tiêu diệt gọn trong vòng không đầy 30 phút.

Như vậy là ngày đêm đầu tiên của đợt ba, địch đã mất thêm bốn cứ điểm là C1, 505, 505A ở phía đông và 311A ở phía tây. Tại hướng Hồng Cúm, trận vây ép đánh lấn khu C của trung đoàn 57 Đại đoàn 304 đã tiêu hao nhiều sinh lực địch nên tới rạng sáng 2 tháng 5 chúng đã phải rút chạy khỏi

khu C. Đêm 2 tháng 5 trung đoàn 36 Đại đoàn 308 tiêu diệt gọn tiếp cứ điểm 311B.

Sau những thất bại này trung tâm đề kháng E-li-an án ngữ phía đông tập đoàn cứ điểm chỉ còn hai vị trí là A1, C2. Bên phía tây cánh đồng bộ đội ta bắt đầu mở các đường hào thẳng đến hướng sở chỉ huy của Đờ Cát. Tập đoàn cứ điểm của địch càng bị kẹp chặt hơn trong cái “ô vuông cuối cùng” thảm hại.

Được tin ta đã bắt đầu một đợt tiến công mới vào Điện Biên Phủ, ngày 2 tháng 5 Na-va vội vã bay ra Hà Nội triệu tập một cuộc họp bàn cách cứu vãn tình thế. Do phải tung lực lượng ra đối phó ở khắp nơi, bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp chỉ còn trong tay có ba tiểu đoàn dự bị cuối cùng. Lúc đầu Na-va định ném thêm cho Đờ Cát một tiểu đoàn dù nữa, nhưng rồi thấy việc làm đó giờ đây chẳng có nghĩa lý gì, Na-va lại đưa ra một quyết định khác là cho quân lính của Đờ Cát rút chạy sang Lào để tránh cho Điện Biên Phủ cái tiếng bị tiêu diệt hoàn toàn hoặc phải đầu hàng nhục nhã.

Nhưng kế hoạch rút chạy của địch chưa kịp triển khai thì ngày 5 tháng 5 quân ta lại đã tiến công tiếp. Đại đoàn 316 đánh các cứ điểm C2, A1. Đại đoàn 312 đánh các cứ điểm 506, 507, quét sạch quân địch ở tả ngạn sông Nậm Rốm. Đại đoàn 308 đánh 310 (Nà Noong) nhanh chóng mở một mũi tiến công hướng vào sở chỉ huy của Đờ Cát. Đại đoàn 304 dùng một đơn vị chốt chặn ở Nà Tu bịt đường sang Lào để phòng địch rút chạy. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định hoàn thành nhanh chóng nhiệm vụ của đợt tiến công thứ ba chuẩn bị mọi điều kiện chuyển sớm sang tổng công kích. Thời gian nổ súng là 20 giờ 30 phút ngày 6 tháng 5, lấy tiếng nổ của khối bộc phá (một tấn TNT) ở đồi A1 làm hiệu lệnh. Thời gian tổng công kích dự kiến sẽ vào tối 7 tháng 5 năm 1954.

18 giờ ngày 6, ta tập trung hỏa lực pháo cối bắn dữ dội vào các cứ điểm địch. Ngoài lực lượng lựu pháo 105, sơn pháo 75, cối 120, 81, lần này ta còn sử dụng 12 dàn hỏa tiễn 122 mỗi loạt bắn 72 phát làm cho địch hết sức khiếp sợ. Sau đợt đánh pháo kéo dài 45 phút bộ binh ta bắt đầu tiến công.

Tại khu đồi A1, sau khi nổ một tấn bộc phá tiêu diệt hầm ngầm địch, trung đoàn 174 chia làm nhiều mũi, theo các đường hào đánh lên đỉnh đồi. Một mũi vu hồi kịp thời tiến về phía tây chặn bộ binh và xe tăng địch từ Mường Thanh sang phản kích. Tuy nhiều tên địch đã bị chết vì sức ép do tiếng nổ của khối bộc phá, nhưng bọn còn lại vẫn ngoan cố chống cự chờ lực lượng tiếp viện từ Mường Thanh ra. Trung đoàn trưởng 174 quyết định tung

lực lượng dự bị vào tham chiến và đến 4 giờ sáng ngày 7, trận đánh kết thúc thắng lợi.

Cùng trong thời gian trung đoàn 174 tiến công tiêu diệt A1, trung đoàn 98 đã thực hiện thắng lợi trận đánh tiêu diệt cứ điểm C2, bắt 600 địch. Trung đoàn 165 hoàn thành nhiệm vụ tiến công tiêu diệt cứ điểm 506 ở phía bắc Mường Thanh. Ở phía tây, Đại đoàn 308 giải quyết xong cứ điểm 310 đưa trận địa tiến công của đơn vị áp vào cách sở chỉ huy Đờ Cát khoảng 300 mét. Các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao và sẵn sàng chuyển sang công kích vào tối 7 tháng 5 như Bộ chỉ huy chiến dịch đã dự kiến.

Thời điểm kết thúc trận quyết chiến lịch sử đã tới gần, Bộ chỉ huy chiến dịch tập trung theo dõi tình hình để kịp thời xử lý các tình huống. 10 giờ sáng ngày 7 tháng 5, trong khi các đại đoàn đang đẩy mạnh công tác chuẩn bị để bảo đảm cho cuộc tổng công kích thắng lợi thì cơ quan quân báo của mặt trận phát hiện máy bay địch chở vũ khí, đạn dược được lệnh quay về Hà Nội. Những chiếc máy bay vận tải chở quân dù lên tiếp viện cho Điện Biên Phủ cũng được lệnh quay trở về Gia Lâm. Ở dưới mặt đất, các đài quan sát của ta phát hiện địch quăng súng đạn xuống sông Nậm Rốm và trong khu Mường Thanh có nhiều vụ nổ lớn. Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định, tình hình địch bắt đầu có những triệu chứng rối loạn, dự kiến có nhiều khả năng địch đầu hàng, cũng có khả năng địch liều lĩnh phá vòng vây mở đường máu chạy về phía Lào. Các đơn vị được lệnh giữ chặt vòng vây, đồng thời sẵn sàng chuyển sang tổng công kích, quyết không để cho một tên địch nào chạy thoát.

14 giờ ngày 7, trung đoàn 209 Đại đoàn 312 mở cuộc tiến công cứ điểm 507 ở gần cầu Mường Thanh. Địch ở 507 kéo cờ trắng ra hàng. Phát triển thắng lợi, Đại đoàn 312 tiến công tiêu diệt tiếp hai cứ điểm 508 và 509 ở tả ngạn sông Nậm Rốm. Ở hai cứ điểm này quân địch cũng đối phó rất yếu ớt.

Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định, quân địch đã rối loạn không còn tinh thần chiến đấu và ra lệnh cho các đơn vị không chờ đến tối, tranh thủ thời cơ thuận lợi mở ngay cuộc tổng công kích vào tập đoàn cứ điểm địch. Chấp hành mệnh lệnh đó, từ hướng đông trung đoàn 209 tiến thẳng vào Mường Thanh, tiếp sau là các trung đoàn 98 và 174. Bên phía tây, trung đoàn 36 tiến vào các cứ điểm cuối cùng che chở cho sở chỉ huy địch. Trung đoàn 88 cũng mở đường qua sân bay để tiến vào sào huyệt cuối cùng của GONO. Thế của ta như nước vỡ bờ. Bộ đội ta đánh tới đâu, cờ trắng của địch xuất hiện tới đó. Nhiều toán địch từ các chiến hào lũ lụt kéo ra nộp vũ khí. 17 giờ 15, một cánh quân của Đại đoàn 312 tiến tới sát sở chỉ huy địch. Trung đội trưởng

Chu Bá Thệ phát hiện trên nóc hầm của Đờ Cát có một lá cờ trắng đang phát. Đại đội trưởng Tạ Quốc Luật lập tức cùng hai chiến sĩ Vinh và Nhỏ, tiến vào sở chỉ huy địch. 17 giờ 30 phút, thiếu tướng Đờ Cát cùng toàn bộ tham mưu của GONO bị bắt sống.

Lá cờ *Quyết chiến quyết thắng* của quân đội ta đã tung bay trên nóc hầm sở chỉ huy địch. Ở các cứ điểm còn lại xung quanh hầm Đờ Cát, binh lính địch lũ lượt kéo cờ trắng ra hàng. Ở khu vực Hồng Cúm, Đại đoàn 304 dùng loa kêu gọi địch đầu hàng. Chúng lợi dụng trời tối tháo chạy. Ta truy kích, đến 24 giờ cùng ngày đã bắt sống được toàn bộ bọn này.

Kể từ ngày 13 tháng 3 đến ngày 7 tháng 5 năm 1954, sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Tổng số lực lượng địch bị tiêu diệt và bắt là 16.200 tên, gồm 17 tiểu đoàn bộ binh và lính dù, ba tiểu đoàn pháo binh, súng cối, 10 đại đội ngụy bổ sung và các đơn vị công binh, vận tải, xe tăng, không quân v.v. của tập đoàn cứ điểm. Tổng số sĩ quan, hạ sĩ quan địch bị tiêu diệt và bắt là 1.766 tên gồm một thiếu tướng, 16 đại tá, trung tá, 353 sĩ quan từ cấp thiếu úy đến thiếu tá, 1.396 hạ sĩ quan. Tổng số máy bay địch bị bắn rơi và phá hủy ở ngay tại mặt trận là 57 chiếc, ngoài ra còn có năm chiếc bị bắn rơi trên tuyến cung cấp cho mặt trận. Quân ta đã thu toàn bộ vũ khí, kho tàng, cơ sở vật chất kỹ thuật của địch ở Điện Biên Phủ, trong đó có 28 khẩu pháo lớn, 64 xe, 5.915 súng các loại, 20.000 lít xăng dầu, 21.000 chiếc dù, 20 tấn thuốc và dụng cụ quân y cùng rất nhiều đạn dược, quân trang quân dụng.

“Chiến dịch Điện Biên Phủ đã thu được thắng lợi vĩ đại như trên là do sự chỉ đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng và Chính phủ, do tinh thần chiến đấu tích cực bền bỉ và anh dũng, tinh thần chịu đựng gian khổ rất cao và sự trưởng thành vượt bậc của toàn thể cán bộ, chiến sĩ trên mặt trận Điện Biên Phủ, do tinh thần tích cực phục vụ tiền tuyến của đồng bào hậu phương và các anh chị em dân công, do sự phối hợp hoạt động rất đặc lực của quân đội và nhân dân trên các chiến trường toàn quốc”¹.

Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ toàn thắng đã kết thúc oanh liệt cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 của quân và dân cả nước ta.

1. *Thông cáo của Bộ Tổng tư lệnh*, ngày 8 tháng 5 năm 1954, lưu trữ Bộ Quốc phòng.

Cho tới giữa năm 1953 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ của nhân dân ta đã bước sang năm thứ tám. Trải qua nhiều năm chiến đấu anh dũng và gian khổ, thế và lực của ta đã không ngừng phát triển, hậu phương kháng chiến được củng cố, mở rộng, các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã trưởng thành, lớn mạnh vượt bậc. Quân và dân ta càng đánh càng mạnh, càng nắm vững quyền chủ động trên chiến trường, liên tiếp đánh bại những âm mưu và kế hoạch thâm độc của địch, đưa cuộc kháng chiến tiến lên những bước vững chắc. Ngược lại về phía địch, tuy đã nhiều lần đổi tướng, tăng quân và phương tiện chiến tranh, nhưng vẫn ngày càng lún sâu vào thế bị động, thất bại sau này càng nặng nề, càng lớn hơn thất bại trước và gặp nhiều khó khăn cả về quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao.

Sau thất bại ở Biên Giới cuối năm 1950 thực dân Pháp đã phải rút ra kết luận không thể thắng được trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Thất bại ở Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào lại càng đặt Pháp trước nguy cơ thua trận. Nhưng với bản chất ngoan cố và phản động, thực dân Pháp muốn thoát ra khỏi cuộc chiến tranh trong danh dự và cố gắng giữ cho nước Pháp những quyền lợi gì có thể giữ được ở Đông Dương. Còn đế quốc Mỹ, tên đế quốc giàu mạnh nhất trong phe đế quốc chủ nghĩa, muốn từng bước thay chân Pháp, kéo dài và mở rộng chiến tranh, mong dập tắt phong trào kháng chiến của nhân dân ta và nhân dân Lào, Cam-pu-chia, biến Đông Dương thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ, ngăn chặn phong trào cách mạng phát triển xuống Đông Nam Á. Vừa kết thúc chiến tranh ở Triều Tiên chưa có điều kiện đưa quân vào trực tiếp xâm lược ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, đế quốc Mỹ đã câu kết với thực dân Pháp, tăng cường viện trợ, thúc đẩy Pháp tiếp tục có thêm những cố gắng chiến tranh lớn hơn nữa, đồng thời Mỹ cũng buộc Pháp phải để cho Mỹ trực tiếp viện trợ cho bọn bù nhìn tay sai để Mỹ nắm chắc được bọn này, chuẩn bị điều kiện sẵn sàng gạt Pháp ra khỏi vùng bán đảo, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ ở Đông Dương và kiểm soát cả vùng Đông Nam châu Á.

Kế hoạch Na-va, một kế hoạch chiến lược quy mô rộng lớn, một âm mưu chính trị quân sự đầy tham vọng của cả Pháp và Mỹ đã ra đời trong bối cảnh ấy. Mục đích quân sự của kế hoạch đó là giành thắng lợi chiến lược trong vòng 18 tháng để kết thúc chiến tranh có lợi cho Pháp và đương nhiên cũng tạo điều kiện cho Mỹ nắm lấy Đông Dương. Nội dung cơ bản

của kế hoạch Na-va là trong Thu Đông 1953 và mùa Xuân 1954 thực hiện tiến công chiến lược ở miền Nam, giữ thế phòng ngự chiến lược, tránh quyết chiến với chủ lực ta trên chiến trường miền Bắc để có điều kiện tổ chức ra một khối chủ lực cơ động chiến lược mạnh; vào Đông Xuân 1954-1955, với khối chủ lực tác chiến đã được xây dựng xong sẽ tập trung toàn bộ lực lượng quyết chiến với chủ lực ta trên chiến trường miền Bắc, giành thắng lợi quyết định.

Trung ương Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích sâu sắc thế chiến lược, đánh giá đúng so sánh lực lượng ta, địch và nhận định chính xác là thời cơ giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến lâu dài đã đến. Mục tiêu đề ra là phải đập tan kế hoạch Na-va, không cho địch thực hiện được ý đồ tập trung lực lượng cơ động chiến lược ngày càng nhiều hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường chính. Chủ trương tác chiến của ta trong Đông Xuân 1953-1954 là sử dụng một bộ phận chủ lực mở những cuộc tiến công vào những hướng địch sơ hở; tranh thủ cơ hội tiêu diệt địch trong vận động ở những hướng địch có thể đánh sâu vào vùng tự do của ta; đẩy mạnh chiến tranh du kích ở khắp các chiến trường sau lưng địch, đồng thời tích cực tiến hành mọi sự chuẩn bị cần thiết trong nhân dân và bộ đội địa phương, dân quân du kích các vùng tự do để cho chủ lực rảnh tay làm nhiệm vụ.

Theo quyết tâm chiến lược và chủ trương tác chiến đó, kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954 giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận chính diện và sau lưng địch, phối hợp trên phạm vi cả nước và phối hợp trên toàn chiến trường Đông Dương với phương châm “tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” đã được vạch ra và được triển khai nhanh chóng. Cả nước đã ra trận. Các chiến trường phối hợp chặt chẽ với tinh thần hết sức tích cực, hết sức chủ động, hết sức cơ động và linh hoạt. Mọi nguồn sức mạnh của hậu phương chiến tranh nhân dân đều được huy động với quyết tâm tất cả cho mặt trận, tất cả để chiến thắng.

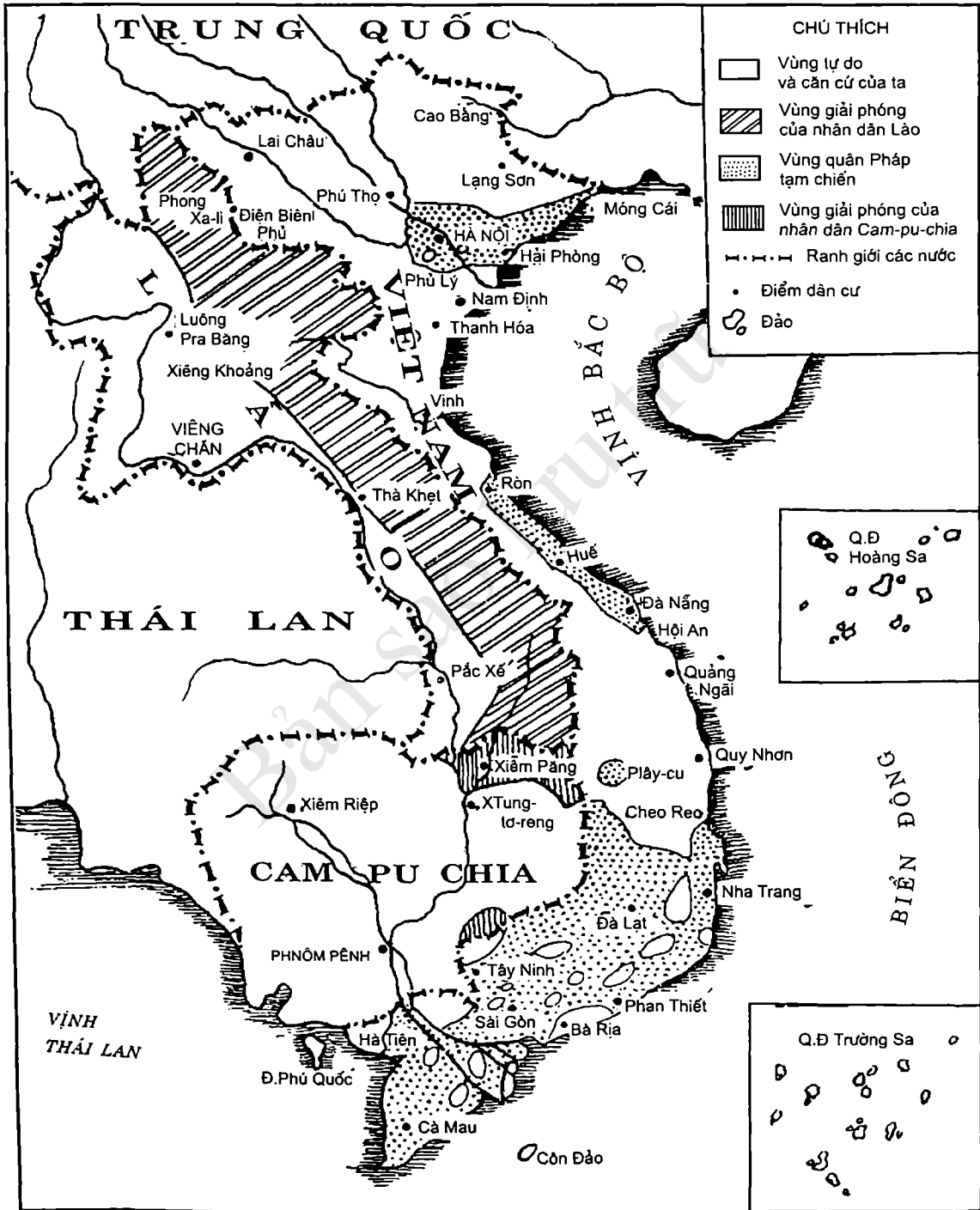
Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 là cuộc tiến công có quy mô lớn nhất và đạt được hiệu quả tiêu diệt địch, giải phóng đất đai cao nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Nó đã diễn ra trong một không gian rộng lớn trên phạm vi cả nước và trên toàn chiến trường Đông Dương. Chiến tranh du kích phát

triển đều khắp mọi nơi, các chiến dịch tiến công của ta được tiến hành không phải chỉ trên một vài hướng của chiến trường chính Bắc Bộ như những năm trước đây mà đã được mở rộng ra, được tiến hành nhiều hướng, nhiều chiến trường từ tây bắc đồng bằng Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, nam bắc Tây Nguyên, đến Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào và đông bắc Cam-pu-chia. Thời gian tiến hành cuộc tiến công, nếu tính từ ngày bắt đầu nổ súng đánh địch ở Lai Châu (1-12-1953), đến ngày kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ (7-5-1954) đã kéo dài năm tháng bảy ngày, còn nếu tính đến ngày Hiệp định Giơ-ne-vơ có hiệu lực (20-7-1954) là bảy tháng hai mươi ngày.

Sau khi đã bước đầu thực hiện thắng lợi một loạt các đòn tiến công nhằm vào các hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối sơ hở để tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch và buộc khối cơ động chiến lược của chúng đang tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ phải phân tán đối phó trên nhiều hướng, ta đã huy động mọi nguồn sức mạnh của hậu phương kháng chiến và tập trung đại bộ phận bộ đội chủ lực tinh nhuệ mở cuộc tiến công lớn vào Điện Biên Phủ, tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của địch ở Đông Dương, thực hiện thắng lợi một chiến dịch tiến công trận địa mang tính chất đầy đủ của một trận quyết chiến chiến lược. Cùng thời gian đó, các hoạt động phối hợp của ta trên các hướng chiến trường khác và ở khắp các mặt trận sau lưng địch từ Nam chí Bắc vẫn được đẩy mạnh và duy trì cho tới ngày đình chiến.

Về kết quả tiêu diệt lực lượng địch, từ khi thực dân Pháp trở lại gây chiến tranh xâm lược Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia: Chưa bao giờ chúng bị tổn thất nặng nề như lần này. Chỉ tính riêng ở Điện Biên Phủ quân ta đã tiêu diệt và bắt làm tù binh 16.200 tên địch, gồm 21 tiểu đoàn, hầu hết là những đơn vị tinh nhuệ của quân viễn chinh Pháp. Ở các mặt trận trong toàn quốc ta đã tiêu diệt 112.000 tên địch, tức là một phần tư toàn bộ lực lượng vũ trang của địch ở Đông Dương, trong đó có 25 tiểu đoàn bị tiêu diệt hoàn toàn. Ở chiến trường Lào, Cam-pu-chia khoảng một vạn địch đã bị tiêu diệt. Số máy bay quân sự địch bị bắn rơi và phá hủy là 177 chiếc, chiếm một phần ba tổng số máy bay của không quân Pháp ở chiến trường Đông Dương. Các phương tiện chiến tranh và cơ sở vật chất kỹ thuật khác của địch cũng bị tiêu hao và phá hủy với một khối lượng rất lớn làm cho quân Pháp không có cách gì để bù đắp lại nổi.

HÌNH THÁI CHIẾN TRƯỜNG BA NƯỚC ĐÔNG DƯƠNG SAU CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ



Về giải phóng đất đai, qua cuộc tiến công Đông Xuân, ta đã làm chủ được nhiều địa bàn rộng lớn, nhiều khu vực dân cư đông đúc có tính chất chiến lược quan trọng. Ở Bắc Bộ, với việc giải phóng Lai Châu và Điện Biên Phủ, căn cứ địa của cuộc kháng chiến đã được mở rộng, bao gồm toàn bộ miền rừng núi Việt Bắc, Tây Bắc. Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, địch buộc phải rút khỏi vùng nam đồng bằng Bắc Bộ bao gồm các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình. Phạm vi chiếm đóng của quân Pháp chỉ còn dải hẹp từ Sơn Tây qua Hà Đông, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, một phần trung du và một rẻo ven biển Đông Bắc. Ở miền Bắc Trung Bộ ta đã giải phóng một phần đường số 9 tỉnh Quảng Trị. Ở miền Nam Trung Bộ tuy địch có chiếm thêm được một số khu vực thuộc hai tỉnh Phú Yên, Bình Định nhưng ta đã giải phóng được toàn bộ miền Bắc Tây Nguyên. Ở Nam Bộ và những vùng sau lưng địch khác trên cả nước các khu căn cứ du kích đều được mở rộng rất nhiều, ba phần tư đất đai vùng sau lưng địch đã được giải phóng. Ở Lào, các vùng giải phóng của bạn đã được mở rộng tới hơn một nửa diện tích đất đai và một nửa dân số nước Lào, bao gồm các tỉnh Sầm Nưa, Xiêng Khoảng, Phong Xa Lỳ, một phần tỉnh Luông Phra Bông (Thượng Lào), phần lớn các tỉnh Khăm Muộn, Xa-van-na-khet, Xa-ra-van, A-tô-ơ, Chăm Bát Xát... (Trung - Hạ Lào). Ở Cam-pu-chia vùng giải phóng và khu căn cứ kháng chiến của bạn cũng đã chiếm tới gần một nửa diện tích đất nước này. Các khu căn cứ kháng chiến và vùng giải phóng cả cũ lẫn mới của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đã được nối liền với nhau thành một thể liên hoàn vững chắc.

Do những thắng lợi lớn lao của quân và dân ta cùng quân dân Lào, Cam-pu-chia như đã nói ở trên, kế hoạch quân sự Na-va của đế quốc Pháp - Mỹ đã bị phá sản hoàn toàn. Na-va âm mưu tiêu diệt một bộ phận chủ lực, phá kế hoạch Đông Xuân của ta, nhưng chủ lực ta chẳng những đã không bị tiêu diệt mà còn trưởng thành, tiến bộ vượt bậc, chiến thắng liên tiếp. Na-va âm mưu bình định vùng tạm chiếm, nhưng chiến tranh du kích của ta ở những nơi đó đã phát triển rất nhanh, các căn cứ du kích, khu du kích của ta càng được mở rộng và phát triển thành thể liên hoàn vững chắc. Na-va âm mưu mở những cuộc hành binh uy hiếp vùng tự do của ta, giam chân và tiêu hao chủ lực ta, nhưng vùng tự do của ta vẫn giữ vững và không ngừng phát triển, chủ lực ta luôn giữ được tính chất cơ động cao. Na-va âm mưu tập trung xây dựng một khối chủ lực tác chiến mạnh để giành lại thế chủ động nhưng trong suốt chiến cuộc Đông Xuân, ông ta hoàn toàn không nắm được quyền chủ động tiến công chiến lược và đã bị buộc phải phân tán lực lượng cơ động để đối phó khắp nơi, liên tiếp từng bộ phận bị tiêu diệt và ngày càng lún sâu thêm vào thế bị động phòng ngự. Na-va đã dành sự nỗ lực cao nhất Điện Biên Phủ, mặc dù ý đồ của ông ta trong Đông Xuân này là tiến công chiến lược ở miền Nam, là cuộc hành binh Át-lăng đánh chiếm vùng tự do Liên khu 5. Và ở cả hai nơi đó quân Pháp đều đã bị thất bại thảm hại.

Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ là thắng lợi to lớn nhất, oanh liệt nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Ở cuộc đấu trí, đấu lực này, hình thái tiến công chiến lược cục bộ đã phát triển thành một cuộc tổng tiến công chiến lược, thành hình thái tiến công địch trên khắp các chiến trường, vượt ra ngoài chiến trường chính, mở rộng đến chiến trường miền Nam và chiến trường toàn Đông Dương, ở cả chính diện và trên khắp các mặt trận sau lưng địch. Cả chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích đều phát triển lên một trình độ mới và được kết hợp chặt chẽ với nhau. Đấu tranh vũ trang vẫn giữ địa vị chủ yếu và được kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, binh vận, đấu tranh ngoại giao và các mặt đấu tranh khác. Tư tưởng toàn dân đánh giặc với lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích) làm nòng cốt, tiến công địch bằng sức mạnh của lực lượng tổng hợp cũng được thể hiện đầy đủ hơn. Và kết quả là nhân dân ta đã giành được một thắng lợi quyết định, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Những chiến thắng to lớn đó chứng minh sức mạnh vĩ đại của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự trưởng thành vượt bậc của hậu phương chiến tranh nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sau một thời gian dài vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa chiến đấu vừa tích lũy, xây dựng lực lượng, sự đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia, sự giúp đỡ nhiệt tình của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và sự ủng hộ, cổ vũ vô tư của cả loài người tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có nhân dân Pháp.

Chiến thắng Đông Xuân 1953-1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ là kết cục tất yếu của cuộc chiến tranh yêu nước lâu dài, gian khổ và vô cùng anh dũng của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, biểu hiện sinh động nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, chỉ đạo chiến lược tài tình của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đánh dấu bước phát triển cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam trong thời đại mới. Chiến thắng Đông Xuân 1953-1954 đặc biệt là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của dân tộc ta trong thế kỷ hai mươi và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa kiểu cũ của chủ nghĩa đế quốc. Cùng với toàn cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ còn “là hồi kèn chiến thắng của nhân dân ta trong trận đấu chống bọn can thiệp Mỹ, là khúc nhạc mở màn cho bản trường ca chống Mỹ, cứu nước, chuẩn bị cho cuộc đụng đầu lịch sử giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ sau này”¹.

1. Trường Chinh, *Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta và cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới*; bài đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, số 8236, ngày 8 tháng 5 năm 1984.

Phần thứ ba

**MỘT SỐ BÀI VIẾT CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC,
QUÂN ĐỘI VỀ CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ****NHÂN NGÀY KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ***

Điện Biên Phủ như là một cái móc chối lợi bằng vàng của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ mười chiến thắng *Điện Biên Phủ*, thiên hạ đang dự đoán sẽ có một *Điện Biên Phủ* mới ở miền Nam Việt Nam. Người Pháp nói nhiều về điều đó, vì họ có nhiều kinh nghiệm! Họ nói: “Mỹ đang thua ở miền Nam Việt Nam và đang đi đến một *Điện Biên Phủ*” (AFP, 16-4-1964).

Năm 1954, trước ngày quân ta chiến thắng Điện Biên Phủ độ một tháng, bọn đầu sỏ thực dân Pháp vẫn ba hoa rằng “Pháp chắc sẽ thắng” Hiện nay ở miền Nam, bọn Mỹ và tay sai đã sa lầy, nhưng chúng cũng ba hoa rằng chúng sẽ không thua. Kế hoạch 18 tháng của Pháp (Nava) đã thất bại. Kế hoạch 18 tháng của Mỹ (Taylor) cũng phá sản rồi. Khi bắt đầu cuộc kháng chiến, Pháp mạnh, ta yếu. Nhưng ta càng đánh càng mạnh. Kết quả ta đã thắng, Pháp đã thua. Ngày nay ở miền Nam, Mỹ và bọn Việt gian đang ra sức cựa quậy. Nhưng đồng bào miền Nam càng đánh càng thắng và sẽ thắng hoàn toàn. Đó là những kinh nghiệm lịch sử giống nhau.

Giữa năm 1961, tổng Giôn (hồi đó là Phó tổng thống Mỹ) đã ca tụng Diệm là “người cha của dân tộc, dũng cảm và tinh anh!” Cuối năm 1963 cũng chính bọn Giôn lại cho Diệm là một tên độc tài thối nát và bất lực, đã

* Bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh với bút danh Chiến Sĩ, nhân kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7.5.1954 - 7.5.1964) - bài đăng báo *Nhân dân*, số 3690, ngày 7-5-1964.

cho giết chết Diệm và đưa Dương Văn Minh lên. Mồ Diệm cỏ chưa mọc, thì chúng đã hạ Dương xuống và đưa Khánh thay vào. Chúng lại ca tụng Khánh “một lãnh tụ tài năng lỗi lạc!”

Mới được Mỹ cất nhắc, bọn Khánh Hoàn đã cắn xé nhau kịch liệt. Báo chí Mỹ đã nói nội bộ Chính phủ Khánh rất lục đục (*Nữ Ước thời báo*, 6-4-1964). Và “sự chia rẽ ngày càng phát triển. Tiếng đồn đảo chính lại âm ỉ. Tình hình càng lộn xộn và sa lầy” (*Nữ Ước luận đàm*, 9-4-1964).

Đế quốc Mỹ và lũ bù nhìn đang sa lầy trong hầm tối. Tháng 12-1962, mô ma tổng Ken đã nói: “Cuộc chiến tranh chống du kích gặp rất nhiều khó khăn. Cần 10 hoặc 11 tên lính chính quy để chống lại một người du kích. Vì vậy Mỹ chưa thấy đoạn cuối cùng của đường hầm”

Đường hầm đó sẽ dẫn chúng đến chỗ diệt vong. Dư luận Mỹ và thế giới đều nói như vậy:

“Thay đổi một chế độ thối nát bằng những tên tướng cướp để chiến tranh. Mỹ nhất định sẽ thất bại” (báo Mỹ *Người chiến sĩ*, 10-2-1964). “Vì sự tan rã về chính trị và tinh thần đã phát triển một cách thảm hại ở Sài Gòn” (*Nữ Ước luận đàm*, 6-8-1964).

Các báo tư sản Anh, như tờ *Thông tin hàng ngày* (4-3-1964) thì viết: “Mỹ đang đứng trước một thất bại rõ ràng và nhục nhã” Các báo tư sản Pháp, như tờ *Rạng đông* (12-3-1964) cũng viết: “Mỹ đã gần thất bại hơn người ta tưởng...”

Để hồng cứu vãn tình hình tuyệt vọng đó, hôm 21-2-1964 tổng Giôn đe dọa “Bắc tiến” Hồi tháng 3, Mặt - nạ¹ (Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ) sang Sài Gòn hứa “tổng viện trợ” cho bọn Khánh Hoàn. Bọn này thì hứa với Mỹ “tổng động viên” để đẩy mạnh chiến tranh, đồng thời chúng đi cầu cứu với bọn Phumi ở Lào và bọn Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan! Đến tháng 4, Định-rút² (Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ) cũng khẩn khoản yêu cầu bảy nước khác trong “Khối Đông - Nam Á” giúp vào cuộc chiến tranh “bắn thủ thối tha và tuyệt vọng” ở miền Nam Việt Nam. Nhưng *Pháp* đã cự tuyệt và Thủ tướng Pháp đã nói: “Không thể nào có thắng lợi quân sự ở miền Nam Việt Nam” Ngoại trưởng Pakixtan thì nói Chính phủ Đại Hội không đồng ý với việc “Bắc tiến” Còn năm nước nữa thì chỉ hứa một cách miễn cưỡng.

Sau khi tổng Giôn ba hoa “Bắc tiến”, thì Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em khác đập lại ngay và đòi Mỹ phải rút khỏi miền Nam, việc của miền Nam phải do nhân dân miền Nam tự quyết định lấy.

1. Mác Namara.
2. Đin Raxco.

Nhân dân và Chính phủ ta thì nghiêm khắc cảnh cáo đế quốc Mỹ và bè lũ Khánh Hoàn rằng: nếu chúng điên cuồng mà xâm phạm đến miền Bắc thì chúng sẽ bị chôn vùi.

Chợt thấy mình hớ hênh lỗ miệng, hôm 15-3-1964, tổng Giôn đã thể hết thành hoàng thổ công rằng y tuyệt đối không có âm mưu “Bắc tiến”

Cuộc chiến tranh xâm lược do đế quốc Mỹ gây ra, chẳng những làm thiệt hại đến đồng bào miền Nam ta, mà cũng làm cho nhân dân Hoa Kỳ thiệt người hại của. Bởi vậy, không những đồng bào ta mà nhân dân Hoa Kỳ cũng chống đế quốc Mỹ.

Từ tháng 4-1962 hơn 60 vị nhân sĩ Mỹ nổi tiếng do giáo sư Pôlinh dẫn đầu, đã kịch liệt phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Kế đến 15.000 lãnh tụ các tôn giáo ở Mỹ, nhiều đoàn thể công nhân, phụ nữ và thanh niên Mỹ đã thông qua nghị quyết hoặc tổ chức biểu tình chống chiến tranh.

Tháng 4 vừa rồi, các sinh viên Trường đại học Hêvôpho đã gửi thuốc men ủng hộ Mặt trận giải phóng miền Nam. Hôm 25-4, 87 sinh viên ở 12 trường đại học Mỹ đã tuyên bố:

“Nếu phải đi lính, họ kiên quyết không sang miền Nam Việt Nam, vì cuộc chiến tranh ở đó là nhằm đàn áp phong trào đấu tranh cho độc lập dân tộc”

Thậm chí trong tầng lớp thống trị Mỹ cũng có người kịch liệt chống chiến tranh ở miền Nam, như các thượng nghị sĩ Moxơ, Gruninh, Gioócđan... ông Moxơ tuyên bố: “Chiến tranh ở Nam Việt là phi pháp... Chính phủ Mỹ lừa bịp nhân dân rằng chiến tranh đó là vì tự do... Sự thật đó là cuộc chiến tranh của Mỹ tiến hành bởi một chính phủ bù nhìn do Mỹ nặn ra... Đó là một trang lịch sử nhục nhã cho nước Mỹ... Phải chấm dứt việc đẩy thanh niên Mỹ đi chết ở Nam Việt một cách vô lý... và bàn tay của Chính phủ Mỹ đã vấy máu... Nhân dân Mỹ chống cuộc chiến tranh đó. Nếu có cuộc trưng cầu dân ý, thì cứ năm người Mỹ sẽ có bốn người bỏ phiếu chống cuộc chiến tranh đó của Mỹ...”

Nhân dân miền Nam biết ơn những người Mỹ tiến bộ; đồng thời ra sức giáng vào đầu đế quốc Mỹ và lũ bù nhìn những vố thật đau.

Tờ báo tư sản Tây Đức *Nhân dân* (27-3-1964) viết: “Mỹ chỉ có một khả năng là ủng hộ một chế độ độc tài quân phiệt... và việc đó chắc chắn sẽ đưa đến một *Điện Biên Phủ*”

Thật vậy! Lịch sử trong vài mươi năm nay đã chứng tỏ rằng: lũ đế quốc thực dân dù có binh hùng tướng mạnh đến mấy, chung quy cũng thất bại. Đế quốc Mỹ đã thất bại ở Trung Quốc, ở Triều Tiên, ở Cuba, thực dân Pháp

đã thất bại ở Việt Nam và ở Angiêri. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ nhất định cũng sẽ thất bại. Ông U Than (Tổng thư ký Hội Liên hợp quốc) nói rất đúng: “Biện pháp quân sự đã không giải quyết được vấn đề Việt Nam hồi năm 1954. Không có lẽ gì biện pháp quân sự lại đưa đến kết quả mười năm sau” (các báo phương Tây ngày 29-4-1964).

Dù cuộc kháng chiến phải lâu dài, gian khổ, song nhân dân miền Nam nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng. Thắng lợi vì có chính nghĩa. Thắng lợi vì triệu người một lòng, đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận giải phóng miền Nam, kiên quyết chiến đấu vì độc lập tự do, vì thống nhất Tổ quốc. Thắng lợi vì có các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ và được nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới (kể cả nhân dân Mỹ) đồng tình.

Vì vậy, dù lúc đầu chỉ có những vũ khí thô sơ, đồng bào miền Nam càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng.

Hãy lấy năm 1963 làm ví dụ:

Bắt đầu từ tháng 1-1963, nhân dân miền Nam thắng to ở Ấp Bắc. Rồi liên tiếp thu được nhiều thắng lợi suốt cả năm và kết thúc năm ngoài bằng trận tiêu diệt tiểu đoàn “Cọp đen” (hôm 31-12-1963). Trong cả năm đó, nhân dân miền Nam:

- Đã tiêu diệt hơn 80.000 binh sĩ địch (trong số đó có độ 1.000 tên Mỹ),
- Đã bắn rơi và bắn hỏng hơn 690 chiếc máy bay (phần nhiều là máy bay lên thẳng),
- Đánh đắm 120 tàu quân sự lớn và nhỏ,
- Phá hủy 32 đầu xe lửa và 343 toa,
- Lấy được của địch hơn 10.000 súng các loại.

Với tinh thần quyết chiến, quyết thắng của *Điện Biên Phủ*, từ nay về sau nhân dân miền Nam chắc sẽ thắng lợi hơn nữa. Muốn tránh một thất bại như ở *Điện Biên Phủ* và muốn khỏi mất thể diện, thì đế quốc Mỹ chỉ có một cách là chấm dứt ngay cuộc chiến tranh xâm lược, rút ngay quân đội Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, để nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết lấy vấn đề nội bộ của mình và thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam, Campuchia và Lào.

CHIẾN SĨ

QUÂN TA TOÀN THẮNG Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ*

20 tháng 11 năm cũ,
 Giặc Pháp nhảy dù Điện Biên Phủ.
 Hăm một tiểu đoàn tinh nhuệ nhất,
 Xe tăng, súng lớn đầy chông chát.
 Chúng khoe rằng: "kế hoạch Nava
 Thật là mạnh dạn và tài hoa.
 Phen này Việt Minh phải biết tay,
 Quan thầy Mỹ thì vui lòng thay!"
 Các báo phản động khắp thế giới
 Inh ỏi tâng bốc Nava tới.

*

* *

Bên ta thì:
 Bộ đội, dân công quyết một lòng,
 Xẻ non, đắp suối, vượt qua sông,
 Khắc phục khó khăn và hiểm trở;
 Đánh cho giặc tan mới hả dạ;
 Lặng lẽ chuẩn bị suốt tháng ngày,
 Không quản gian khổ và đắng cay;
 Quyết tâm làm cho tròn nhiệm vụ.
 Đã hứa với Bác, Đảng, Chính phủ.

*

* *

* Bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với bút danh C.B đăng báo *Nhân Dân*, số 184, từ ngày 12 đến 15-5-1954.

13 tháng 3 ta tấn công,
 Giặc còn ở trong giấc mơ nông:
 "Mình có thầy Mỹ lo cung cấp;
 Máy bay cao cao, xe tăng thấp,
 Lại có Nava cùng Cônhi,
 Những tay tướng giỏi nắm chỉ huy.
 Chúng mình chuyển này nhất định thắng,
 Việt Minh ắt thua chạy quỳnh cẳng"

*

* *

Hơn 50 ngày, ta đánh đồn,
 Ta chiếm một đồn lại một đồn,
 Quân giặc chống cự tuy rất hăng,
 Quân ta anh dũng ít ai bằng.
 Nava, Cônhi đều méo mặt,
 Quân giặc tan hoang ta vây chặt.
 Giặc kéo từng loạt ra hàng ta.
 Quân ta vui hát "khải hoàn ca"
 Mười ba quan năm đều hàng nốt,
 Tên tướng chỉ huy cũng bị nhốt.
 Một vạn sáu ngàn tên giặc Tây,
 Đều là tù binh hoặc bỏ thây.

*

* *

Thế là quân ta đã toàn thắng
 Toàn thắng là vì rất cố gắng.
 Chiến sĩ viết thư dâng Cụ Hồ:
 "Xin Bác vui lòng mà nhận cho
 Món quà chúc thọ sinh nhật Bác,
 Chúng cháu cố gắng đã sắm được"

C.B.

MẪU CHUYỆN VỀ ĐIỆN BIÊN PHỦ*

I- “NÓI LÁO TRÊN TRỜI DƯỚI ĐẤT NGHE”

Những mẩu chuyện anh dũng của quân và dân ta các báo đã kể nhiều. Đây tôi chỉ kể vài mẩu chuyện *không anh dũng của địch*. Trước hết là bọn Chính phủ phản động Pháp rất thạo nghề nói láo. Vài thí dụ:

Tháng 5 năm 1947, Bộ trưởng Quốc phòng là Cốt Phônê nói: “Quân đội Pháp chiếm đóng tất cả các thành thị và đường giao thông. Vậy ở Đông Dương không có vấn đề quân sự nữa”

Tháng 3 năm 1949, Cốt Phônê lại nói: “Tôi sẽ làm tròn phận sự, tôi sẽ không để chiến tranh tê liệt”

Tháng 10 năm 1950 - Sau khi Pháp thất bại ở Biên giới, Bộ trưởng quốc phòng mới là Plêven nói: “Từ nay, Pháp sẽ bắt ép quân đội Việt Minh rời xa căn cứ của họ, Pháp sẽ chọn những mặt trận có lợi cho mình để trả thù cho những binh sĩ Pháp đã hy sinh ở Cao Bằng và Lạng Sơn”

Tháng 11 năm 1950, Bộ trưởng “Khối liên minh Pháp”, là Lotuốcnô nói: “Pháp rút lui khỏi biên giới để tập trung thêm quân dự bị. Đồng thời để bắt ép Việt Minh phải kéo dài đường giao thông của họ, do đó mà làm cho địch yếu thêm”

Tháng 12 năm 1951, Plêven lại nói: “Kế hoạch của Pháp hiện nay sẽ đưa đến thắng lợi trong 15 hoặc 18 tháng”.

Tháng 10 năm 1953, Thủ tướng Lanien nói: “Kế hoạch Nava sẽ tăng cường bộ đội cơ động Pháp, sẽ bình định xong đồng bằng Bắc Bộ và sẽ chủ động trong những cuộc tiến công lớn... Lực lượng Pháp ngày càng tăng, về bộ đội cũng như về vũ trang”

Tháng 2 năm 1954, khi sang Đông Dương, Plêven nói: “Tôi sang đây để giúp Nava chuẩn bị kế hoạch tiến công”. Khi trở về Pháp, Plêven nói: “Tướng

* Bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với bút danh Đ.X đăng trên báo *Cứu quốc*, các số: 2605 (26-5-1954); 2606 (28-5-1954); 2608 (31-5-1954); 2610 (2-6-1954); 2611 (4-6-1954); 2513 (7-6-1954).

Nava đoán chắc rằng chiến dịch Điện Biên Phủ sẽ không đưa lại kết quả gì cho Việt Minh”

Thắng lợi của ta ở Điện Biên Phủ đã chứng tỏ rằng: Bọn chúng *chủ quan và nói láo mất mùa*.

II- NỘI BỘ PHÁP LŨNG CÙNG

Khi thất bại, thì bọn chính trị Pháp đổ lỗi cho bọn quân sự. Bọn quân sự cãi lại.

Ngày 29 tháng 4, tờ báo tư sản Pháp *Người xem xét* đăng những ý kiến của một số lãnh tụ quân sự Pháp, tóm tắt như sau:

Khi đã phải rút khỏi Lai Châu và Nà Sản, mà Pháp lại đưa gần 2 vạn quân Pháp vào thung lũng Điện Biên, đó là một tội ác chính trị... Đến mùa mưa, thì quân đội Pháp hoặc chết đuối hết, hoặc là đầu hàng.

Hầu hết những tiểu đoàn tinh nhuệ Pháp đã đưa đến Điện Biên Phủ. Những cuộc đánh nhau ở đồng bằng, nhất là trên đường số 5, ngày thêm dữ dội. Điều đó làm cho Pháp rất lo ngại... Các lãnh tụ quân sự Pháp đều cho rằng Bắc Bộ như đã mất rồi. Ở Sài Gòn người ta bắt đầu lo sợ.

Quân đội Bảo Đại không được 5 vạn người có sức chiến đấu. Phần đông chỉ chờ dịp để chuồn. Quân đội kháng chiến, dù là bộ đội địa phương, cũng không kém quân đội Pháp.

Mặc dầu những thất bại ở Hòa Bình và Điện Biên Phủ, tinh thần sĩ quan Pháp vẫn khá vững. Nhưng khi họ hiểu rằng họ phải hy sinh cho lợi ích của Mỹ và của Bảo Đại (tên vua cỏ mà cả quân đội Pháp đều khinh rẻ) thì họ rất tức tối.

Máy bay Mỹ dội đạn lửa khắp xung quanh Điện Biên Phủ không làm núng quân đội kháng chiến, mà chỉ tàn phá những làng mạc đông dân. Sự can thiệp của Mỹ đối với ảnh hưởng chính trị thì rất tai hại, đối với kết quả quân sự thì không ăn thua.

Nói tóm lại: Các lãnh tụ quân sự đều nhất trí rằng Pháp không thể giữ Bắc Bộ nữa. Và nếu thất bại ở Điện Biên Phủ thì tình hình Pháp sẽ càng khó khăn.

Trên đây là ý kiến của một nhóm lãnh tụ quân sự Pháp.

Nhưng chúng ta *chớ vì những ý kiến ấy mà chủ quan khinh địch*.

III- PHÁP VỠ ĐẤU, MỸ CÀNG MÉO MẶT

Điện Biên Phủ là một thất bại đau đớn cho thực dân Pháp, càng là một thất bại nhục nhã cho bọn can thiệp Mỹ. Vì Mỹ đã định ra kế hoạch Nava, đã giúp tiền bạc và vũ khí để thực hiện kế hoạch ấy.

Hồi tháng 10-1953, các báo tư sản Pháp đã viết: Chính phủ Pháp vâng lệnh Mỹ mà kéo dài chiến tranh. Mỹ xuất tiền, Pháp thì xuất xương máu. Binh sĩ Pháp đã thành một đội quân đánh giặc thuê (Báo *Thế giới*).

Mỹ sợ Pháp đàm phán và bắt ép Pháp bơi theo cuộc chiến tranh thất vọng. (Báo *Chiến đấu*).

Trong trận Điện Biên Phủ, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ đã nói: Mỹ sẽ hết sức giúp cho Pháp giành lấy thắng lợi.

Tổng thống Mỹ đã viết thư khuyến khích bộ đội Pháp ở Điện Biên Phủ. Đến khi Pháp thất bại, Tổng thống Mỹ lại gửi điện vuốt đuôi: “Tôi tỏ lòng kính trọng quân đội Pháp anh dũng... Thất bại tạm thời cũng không thể làm giảm bớt lịch sử vẻ vang của quân đội Pháp”

Tháng 2-1954, đoàn đại biểu Quốc hội Mỹ sang xem xét Đông Dương. Khi trở về Mỹ, họ báo cáo rằng:

“Về quân sự, 8 năm nay Việt Minh đã giành được nhiều thắng lợi. 18 tháng nay, Pháp dùng chiến thuật tiến công, nhưng không có kết quả, dù quân Pháp có 50 vạn người chống lại 30 vạn người của quân Việt Minh. Dù sao, Mỹ cũng cần tiếp tục giúp Pháp, nếu không thì Pháp không thể chiến tranh nữa”

Thế là Mỹ dần dần trở nên kẻ địch chính của quân đội và nhân dân ta.

IV- TRỜI ĐẤT VIỆT KHÔNG DUNG GIẶC PHÁP

Địch cậy rằng chúng đã đưa phần lớn quân đội tinh nhuệ đến Điện Biên Phủ, cho nên chúng rất chắc ăn.

Hôm 21-1, bọn chỉ huy Pháp thách: “Vô Nguyên Giáp có giỏi thì đến đánh Điện Biên Phủ”

9-3, Nava nói: “Việt Minh sẽ bị đánh tan ở Điện Biên Phủ”

13-3, ta tấn công đợt 1, Pháp thất bại. Nhưng hôm 15-3, Nava và Cônhi vẫn múa mép: “Chắc rằng Pháp sẽ thắng”

Bọn chỉ huy Pháp huênh hoang như vậy, nhưng tinh thần binh sĩ Pháp thì thế nào?

Ngay hôm sau ta tấn công đợt 1, tên quan năm chỉ huy pháo binh địch tự tử; tên quan năm tham mưu trưởng bị đuổi về Hà Nội.

Báo *Thế giới* (22-4) viết: “Quân nhảy dù Pháp chẳng còn tinh thần gì mà nói... Mặt người nào cũng tái mét. Họ viết “Di chúc” để lại. Dốc hết cốc rượu cuối cùng, họ bắt tay nhau, im lặng không nói một lời, bước lên máy bay. Rồi họ phỏ mặc trời. Họ biết rằng nếu nhảy sai một chút, thì may phúc lắm là trọn đời làm tù binh của Việt Minh”

Báo ấy viết tiếp: “Một quan năm chỉ huy đội máy bay mặt mày hốc hác, nói một cách mỉa mai: “Chúng ta có nhiều máy bay; chúng có là ngày nào Việt Minh cũng bắn rơi mấy chiếc. Phi công thì người nào cũng mệt như. Chính tôi đây, hôm nay tôi đã bay suốt 17 tiếng đồng hồ. Nếu tôi phải bay một lần nữa, thì tôi không đảm bảo máy bay của tôi sẽ ra sao!”

Báo ấy viết thêm: “Tính đến 22-4, Bộ tư lệnh Pháp nhận đã mất 23 chiếc máy bay. Kỳ thật đã mất 55 chiếc ở Điện Biên Phủ”

Địch thả dù viện binh và tiếp tế xuống Điện Biên Phủ, phần lớn dù đã lọt vào tay ta. Như: ngày 4-5, chúng thả 234 dù, thì 222 chiếc bị ta tóm được.

Tối 4-5, chúng thả 280 dù, thì 200 chiếc bị ta tóm được.

Hôm 5-5, chúng thả 759 dù thì 337 chiếc bị ta tóm được.

V- QUAN BINH PHÁP KHÔNG THƯƠNG THƯƠNG BINH PHÁP

Hôm 3-5, Tổng chỉ huy địch ở Điện Biên Phủ là Đờ Cát đồng dục tuyên bố: “Chúng tôi quyết giữ Điện Biên Phủ cho đến người cuối cùng! Chúng tôi quyết không chịu hàng!”

Nhưng 4 hôm sau, đến trận cuối cùng, cờ đỏ sao vàng của ta tung bay đến đâu thì cờ trắng xin hàng của địch lơ nhô đến đó. Cả quan lẫn lính địch kéo nhau từng đàn ra hàng. Năm chiến sĩ ta là các đồng chí Luật, Lam, Hiên và hai đồng chí nữa đánh thốc vào bộ tư lệnh địch. Tướng Đờ Cát với 4 tên quan năm, 6 tên quan tư và 10 tên sĩ quan nữa giơ tay xin hàng.

Thế là ta đã toàn thắng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ta tiêu diệt và bắt sống hơn 16.000 binh sĩ Pháp, trong đó có độ 1.000 thương binh. Khắp thế giới đều biết chính sách nhân đạo của ta đối với thương binh (và tù binh) địch. Nhưng chính bọn chỉ huy địch đã đối với

thương binh Pháp thế nào? Hãng thông tấn U.P Mỹ (7-5) viết: “Hơn 1.000 thương binh quần quai dưới hầm tối đen và ngột thở, bên cạnh sở chỉ huy Pháp... Đến phút cuối cùng, tướng Đờ Cát đã ra lệnh cho súng lớn bắn vào sở chỉ huy...”

VI- TỪ BIÊN GIỚI ĐẾN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Tháng 10-1950, trong trận giải phóng biên giới, ta tiêu diệt và bắt sống hơn 4.500 địch, trong đó có 3 tên quan năm. Trận ấy đã làm cho *cả nước Pháp xôn xao*. Các báo Pháp đã nói: “Đó là thất bại to nhất trong lịch sử thực dân Pháp”

Tiếp đến những trận Hòa Bình, phủ Nho Quan, vân vân, Pháp cũng thất bại.

Đến Điện Biên Phủ thì làm cho *cả thế giới xôn xao*. Bạn ta và nhân dân cả châu Á thì vui mừng. Phe đế quốc, nhất là Pháp Mỹ thì ngơ ngác. Một mặt vì từ trước chúng tuyên truyền quá huênh hoang. (Cuối tháng 4, Tổng thống Mỹ còn múa mồm nói: Pháp chắc thắng lợi ở Điện Biên Phủ Eisenhower predicts Điện Biên Phủ victory) - Mặt khác, chúng thất bại cũng nặng thật: mất 25 tiểu đoàn tinh nhuệ nhất, gần 20 tên quan năm và 1 tên thiếu tướng...

Báo chí phản động Pháp - Mỹ đã phải nhận rằng: “Điện Biên Phủ là cuộc thất bại to nhất từ ngày Pháp đầu hàng Đức (1940). Quân viễn chinh Pháp đã bị chặt mất đầu”

Tin Điện Biên Phủ thất bại về đến Pháp đúng vào ngày cả nước Pháp đang tung bừng sấm sủa ăn mừng “thắng” Đức (1945). Thành thử cuộc ăn mừng cụt hứng mà hóa ra cuộc truy điệu.

Ảnh hưởng của Điện Biên Phủ: Hiện nay, kiều dân Pháp ở Hà Nội, Hải Phòng, vân vân, đều chuẩn bị cuốn gói chuồn. Các nhà tư bản Pháp ở vùng tạm bị chiếm thì rút lui vốn liếng có trật tự, một đồng bạc Mỹ trước kia đổi 34 đồng Đông Dương, nay đổi 100 đồng. Tinh thần binh sĩ Pháp rất chán nản. Ngụy binh rất hoang mang, đã có những nhóm vác súng chạy theo ta. Thực dân Pháp thì trách Mỹ không hết sức, không kịp thời cứu vãn. Đế quốc Mỹ thì trách Pháp hèn hạ, bất tài. Nội bộ Chính phủ Pháp lục đục, tên này đổ lỗi cho tên kia. Bại tướng Nava bị cách chức. Tên tướng Ely sang thay...

Càng thất bại thì địch càng hung dữ, càng gần thắng lợi thì ta càng gặp nhiều khó khăn. Thật vậy, hiện nay ở Hội nghị Giơnevơ, ngoài mồm thì địch nói muốn thương lượng, nhưng sự thật thì chúng đang gấp rút điều binh khiển tướng để tiếp tục chiến tranh.

Để tranh lấy thắng lợi mới, chúng ta phải ra sức vượt khó khăn mới; quân, dân và cán bộ ta, mỗi người phải ra sức thi đua làm tròn nhiệm vụ, tuyệt đối chớ khinh địch, chớ chủ quan. Nhiều Điện Biên Phủ khác đang chờ đợi chúng ta.

Đ.X.

Bản sao lưu trữ

DIỆN BIÊN PHỦ*

Ba chữ Điện Biên Phủ đã làm cho tiếng tăm dân tộc Việt Nam ta lừng lẫy khắp năm châu.

Cuối năm 1946, thực dân Pháp hòng đặt ách nô lệ lên vai nhân dân ta một lần nữa. Chúng cố gây ra chiến tranh.

Trước tình hình ấy, nhân dân ta chỉ có thể chọn một con đường: Hoặc nhượng bộ cho địch để rồi làm thân trâu ngựa; đó là con đường dễ dàng, như lăn xuống dốc. Hoặc quyết tâm kháng chiến để giữ lấy độc lập, tự do; con đường này rất gian khổ, như trèo núi cao. Nhân dân ta đã chọn con đường khó và quyết tâm kháng chiến.

Đánh giặc, trước hết phải có vũ khí, mà vũ khí đầu tiên của ta là gậy tầm vông. Ta dùng gậy tầm vông để chống lại máy bay, xe tăng, đại bác và tàu chiến của Pháp, Mỹ. Chúng ta đều nhớ rằng ngay trong thời kỳ kháng chiến, đế quốc Mỹ đã ra sức giúp thực dân Pháp để kéo dài chiến tranh.

Mặc dù thiếu thốn mọi bề, khó khăn đủ thứ, nhưng toàn thể đồng bào ta từ Bắc đến Nam đã tin tưởng nghe theo lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ, đoàn kết một lòng, kháng chiến cứu nước.

Đảng nói: “Kháng chiến phải trường kỳ, gian khổ, song nhất định thắng lợi” Kết quả là lời nói của Đảng đã thực hiện, nhân dân ta đã thắng, thực dân Pháp đã thua.

Từ ngày 19-12-1946 đến 7-5-1954, bộ đội và du kích ta đã đánh quân địch chết và bị thương hơn 466.000 binh sĩ.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, bộ đội ta đã tiêu diệt hoặc bắt làm tù binh 16.200 tên địch, trong số đó có một thiếu tướng, 16 quan năm, 353 tên từ quan một đến quan tư và 1.396 hạ sĩ quan.

* Bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với bút danh L.T, đăng báo *Nhân Dân* số 1516, ngày 7-5-1954.

Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, một đế quốc hùng mạnh đã bị nhân dân một nước thuộc địa đánh cho tan tành tởm, và phải rút về nước.

Đồng bào ta luôn luôn nhớ ơn quân đội ta đã dũng cảm chiến đấu để giữ gìn nền độc lập cho Tổ quốc và quyền tự do cho nhân dân.

Trong lúc toàn dân ra sức kháng chiến, thì “chí sĩ Ngô Đình Diệm” ngao du ở nước Hoa Kỳ. Thế mà ngày nay, những người cầm quyền miền Nam dám to mồm nói họ đã đuổi thực dân Pháp và giải phóng đất nước Việt Nam!

Ngoài việc đánh đuổi thực dân, kinh nghiệm kháng chiến thắng lợi nói chung và Điện Biên Phủ nói riêng, có hai ý nghĩa to lớn:

- Nó đã khuyến khích các nhân dân bị áp bức ở Á - Phi nổi dậy chống chủ nghĩa thực dân, giành giải phóng dân tộc.

- Nó chứng tỏ rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chính phủ ta và nhân dân ta đoàn kết nhất trí thì khó khăn gì cũng khắc phục được, công việc to lớn mấy cũng làm được. Sự nghiệp cách mạng và kháng chiến như vậy, công cuộc xây dựng nước nhà tiến dần lên chủ nghĩa xã hội cũng như vậy.

L.T.

**NÊU CAO TINH THẦN ĐIỆN BIÊN PHỦ ANH HÙNG,
CHÚNG TA HÃY HĂNG HÁI VƯƠN LÊN
“MỖI NGƯỜI LÀM VIỆC BẰNG HAI”
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỐNG NHẤT TỔ QUỐC**

Đồng chí TÔN ĐỨC THẮNG

Chủ tịch nước

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Lời khai mạc tại lễ kỷ niệm lần thứ 10 chiến thắng
Điện Biên Phủ (7-5-1954 - 7-5-1964).

Thưa các đồng chí và các bạn,

Hôm nay, chúng ta họp mặt đông đủ tại đây để kỷ niệm mười năm chiến thắng Điện Biên Phủ. Thay mặt Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Quốc phòng và Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội tôi nhiệt liệt hoan nghênh sự có mặt của các đồng chí, các vị đại biểu của quân đội, các cơ quan và các đoàn thể Trung ương, các tầng lớp nhân dân Thủ đô, và nhiệt liệt hoan nghênh sự có mặt của ngoại giao đoàn và các đồng chí bạn hôm nay cũng tới dự, cùng chia sẻ niềm hân hoan với chúng tôi.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là một chiến công oanh liệt của quân và dân ta, là một trang sử sáng ngời trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Mười năm đã trải qua, nhưng hình ảnh chiến thắng Điện Biên Phủ vẫn vang như còn rành rành in trong ký ức của mỗi người chúng ta. Trên một chiến trường rộng lớn, suốt từ Bắc đến Nam, quân dân ta, dù là ở tiền tuyến hay ở hậu phương, cũng đều chiến đấu và lao động vô cùng dũng cảm phục vụ chiến trường. Biết bao nhiêu chiến công rực rỡ. Biết bao nhiêu hành động anh hùng, biết bao nhiêu việc làm gan góc và vĩ đại. Tất cả mọi người đã đem hết sức mình để góp phần thực hiện quyết tâm chiến thắng của Trung ương Đảng. Nguồn sức mạnh của chúng ta là do sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của Đảng, do tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng, muôn người như một xung quanh Đảng và trong Mặt trận; do tinh thần tự lực cánh sinh,

quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta trong cuộc chiến đấu quyết liệt một mất một còn chống thực dân Pháp xâm lược và sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Đúng như lời Hồ Chủ tịch đã nói: “Nhân dân ta có quyền tự hào là người đầu tiên đập tan sức mạnh và uy tín giả tạo của bọn thực dân và do đó thúc đẩy các dân tộc thuộc địa anh em vùng lên giành tự do và độc lập. Thắng lợi Điện Biên Phủ là thắng lợi chung của nhân dân ta, của phe xã hội chủ nghĩa và của các dân tộc chống đế quốc và thực dân”

Chúng ta kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ trong khi ở miền Bắc nhân dân ta đang nỗ lực thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1964 và hoàn thành kế hoạch năm năm lần thứ nhất và đã giành nhiều thắng lợi to lớn về mọi mặt. Thắng lợi của Hội nghị chính trị đặc biệt do Hồ Chủ tịch triệu tập đang là nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho nhân dân ta nâng cao sức phấn đấu cách mạng, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, ủng hộ miền Nam.

Kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ cũng đến với chúng ta trong khi đồng bào miền Nam đang chiến đấu oanh liệt, nêu cao tinh thần thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công, phát huy truyền thống quyết chiến quyết thắng của Điện Biên Phủ, đang giáng vào đầu đế quốc Mỹ và tay sai những đòn chí tử.

Chúng ta họp nhau ở đây để ôn lại bài học quý giá của ngày lịch sử vẻ vang đó, để biểu dương và phát huy cao độ tinh thần chiến đấu anh dũng của quân đội ta, tinh thần đoàn kết yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân ta.

Dưới ánh sáng của tinh thần Điện Biên Phủ anh hùng, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong kháng chiến, chúng ta càng thêm tin tưởng, càng thêm phấn khởi, hăng hái vươn lên, theo tiếng gọi của Hồ Chủ tịch “mỗi người làm việc bằng hai” vì chủ nghĩa xã hội và vì thống nhất Tổ quốc...”

CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ LÀ THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA NHÂN DÂN TA VÀ CŨNG LÀ THẮNG LỢI CHUNG CỦA TẤT CẢ CÁC DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC TRÊN THẾ GIỚI*

TRƯỜNG CHINH

Ủy viên Bộ Chính trị,
Chủ tịch Hội đồng Nhà nước

(Trích diễn văn đọc tại cuộc mít tinh trọng thể
kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện Biên Phủ)

Hôm nay, mồng 7 tháng 5 năm 1984, cùng với loài người tiến bộ, nhân dân Việt Nam kỷ niệm trọng thể lần thứ 30 Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Trong không khí hào hùng của ngày hội lớn của nhân dân ta và cũng là ngày hội lớn của các dân tộc yêu chuộng độc lập, tự do, tôi thân ái gửi đến đồng bào và chiến sĩ cả nước, kiều bào ở nước ngoài, đến anh em bầu bạn trên thế giới lời chào mừng nhiệt liệt nhất.

Kỷ niệm lần thứ 30 Chiến thắng Điện Biên Phủ đến giữa lúc nhân dân ta đang đoàn kết một lòng, quyết phấn đấu, ra sức thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, sau khi đã quét sạch các đội quân xâm lược ra khỏi bờ cõi của mình. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV, Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết của các cuộc hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tiếp theo, một khí thế thi đua sôi nổi đang dấy lên trong các lĩnh vực lao động sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Ngày hội chiến thắng của chúng ta đến trong khi tình hình thế giới đang có những diễn biến phức tạp. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên Xô làm trụ cột đang cùng với các lực lượng cách mạng lớn mạnh không

* Bài đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, số 8236, ngày 8 tháng 5 năm 1984.

ngừng. Song chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, vẫn điên cuồng tập hợp các lực lượng phản động, xúc tiến việc chuẩn bị chiến tranh hạt nhân và đánh phá phong trào cách mạng trên nhiều khu vực. Nhân dân các dân tộc tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng, quyết đánh bại các cuộc phản kích của quân thù.

Trong bối cảnh lịch sử trên đây, cuộc kỷ niệm trọng thể hôm nay mang ý nghĩa rất sâu sắc.

I

Cách đây 30 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân nước ta đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ, đỉnh cao của cuộc tiến công chiến lược đại thắng trong Đông Xuân 1953-1954, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Mọi người còn nhớ, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám của nhân dân Việt Nam thành công, thực dân Pháp đã quay lại xâm lược nước ta một lần nữa, hòng đặt lại ách thống trị thuộc địa của chúng trên khắp Đông Dương. Tướng lĩnh Pháp tưởng có thể nhanh chóng kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh xâm lược bằng “một cuộc hành quân dạo mát”! Nhưng chúng đã lầm to. Theo lời kêu gọi của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta từ Nam đến Bắc, đã nhất tề đứng lên kháng chiến, cứu nước. Thực dân Pháp thất bại trong chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, đã buộc phải chuyển sang đánh kéo dài, ngày càng lún sâu vào thế bị động về chiến lược, gặp nhiều khó khăn về quân sự, chính trị và kinh tế...

Năm 1953, cuộc kháng chiến lâu dài của nhân dân Việt Nam bước sang năm thứ tám. Quân và dân ta càng đánh càng mạnh, càng nắm vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao.

Trong thế bị sa lầy, nguy khốn, thực dân Pháp phải yêu cầu đế quốc Mỹ viện trợ, hòng tìm một lối thoát cho cuộc chiến tranh hao người, tốn của, một “cuộc chiến tranh bản thủ” mà nhân dân Pháp, nhân dân tiến bộ trên thế giới phỉ nhổ và lên án nghiêm khắc.

Sau cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa đế quốc bị suy yếu nghiêm trọng, nhưng vẫn tìm mọi cách chống lại thế tiến công chiến lược của ba dòng thác cách mạng đã hình thành và đang cuộn cuộn dâng cao. Sau khi đình chiến ở Triều Tiên, đế quốc Mỹ gây sức ép buộc Pháp tiếp tục cuộc

chiến tranh xâm lược ở Đông Dương và bản thân Mỹ cũng trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến tranh đó. Ý đồ đen tối của Mỹ là muốn gạt Pháp ra khỏi bán đảo này, áp đặt chủ nghĩa thực dân kiểu Mỹ ở Đông Dương và kiểm soát cả vùng Đông Nam châu Á.

Kế hoạch Na-va, một kế hoạch điên cuồng đầy tham vọng của cả Pháp và Mỹ đã ra đời trong bối cảnh ấy. Mục tiêu của kế hoạch đó là giành thắng lợi quyết định trong vòng 18 tháng để kết thúc chiến tranh có lợi cho Pháp và đương nhiên cũng tạo điều kiện cho Mỹ nắm lấy Đông Dương.

Trung ương Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích sâu sắc thế chiến lược giữa ta và địch trên chiến trường, đánh giá đúng lực lượng đối sánh giữa hai bên và nhận định chính xác là thời cơ giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến lâu dài đã đến. Đảng đã hạ quyết tâm giữ vững quyền chủ động chiến lược, buộc địch tiếp tục lún sâu vào thế bị động phòng ngự, phát triển mạnh mẽ thế tiến công chiến lược của ta, đập tan kế hoạch Na-va, và phát huy sức cố gắng cao nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, chớp lấy thời cơ giành thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Một kế hoạch tác chiến chiến lược trong Đông Xuân 1953-1954 đã được vạch ra và đã được triển khai nhanh chóng. Phương châm “tích cực chủ động, cơ động, linh hoạt” đã được xác định.

Cả nước Việt Nam ra trận. Các chiến trường phối hợp chặt chẽ, đồng loạt tiến công. Kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích, đánh cả trước mặt, bên sườn và sau lưng địch, cả ở rừng núi, nông thôn, đồng bằng và thành thị, quân và dân ta liên tiếp giáng cho địch những đòn rất hiểm, rất đau. Chúng phải phân tán binh lực, bị động đối phó trên khắp các chiến trường, cả ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, cả ở Thượng Lào, Hạ Lào và miền Đông Cam-pu-chia. Vừa được xây dựng để hòng giành lại quyền chủ động chiến lược, khối cơ động chiến lược của địch đã bị phá vỡ.

Sau những trận đầu, kế hoạch Na-va đã đứng trước nguy cơ phá sản. Vẫn hy vọng giành lại chủ động trong thế bị động, Na-va chủ quan và liều lĩnh đổ thêm quân tinh nhuệ của Pháp xuống Điện Biên Phủ và quyết định xây dựng vị trí đó thành một tập đoàn cứ điểm rất mạnh, để thực hiện những âm mưu trước mắt và lâu dài của thực dân Pháp và của cả đế quốc Mỹ.

Thực dân Pháp muốn tạo nên một phòng tuyến vững chắc từ Điện Biên Phủ dọc theo sông Nậm Hu đến Luông Pha Băng, thu hút và tiêu diệt chủ lực ta, phá kế hoạch tiến công của ta. Tiếp đó, sang thu đông năm 1954, sau

khi bình định xuống miền Nam, sẽ tập trung lực lượng cơ động chiến lược ra chiến trường Bắc Bộ, mở cuộc tiến công chiến lược, giành thắng lợi quyết định. Nhân cơ hội đó, đế quốc Mỹ cũng muốn xây dựng Điện Biên Phủ thành một căn cứ không quân lực lượng chiến lược lợi hại, phục vụ lâu dài cho chính sách xâm lược của chúng ở Đông Dương và Đông Nam châu Á.

Quyết tâm và kế hoạch tác chiến chiến lược Đông Xuân 1953-1954 của ta ngay từ đầu đã mang lại kết quả rõ rệt. Các cuộc tiến công liên tiếp của chủ lực ta nổ ra ở Lai Châu (Tây Bắc), ở Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào, Bắc Tây Nguyên. Trên chiến trường hai nước láng giềng ở Đông Dương, có sự phối hợp của Quân giải phóng Lào và Quân giải phóng Cam-pu-chia. Ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn. Chiến tranh du kích phát triển mạnh ở đồng bằng Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Trên chiến trường cả nước, đặc biệt là ở chiến trường Bắc Bộ, có thêm những thuận lợi mới cho ta. Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược của quân và dân cả nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, cuộc đại tiến công của quân ta vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bắt đầu. Cả nước đẩy mạnh hoạt động phối hợp chiến tranh với Điện Biên Phủ, “đem toàn lực chi viện chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất là làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch này”¹.

Cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ diễn ra quyết liệt suốt 55 ngày đêm liên tục, sau khi cân nhắc kỹ các phương án tác chiến, thấm nhuần tư tưởng “Đánh chắc, tiến chắc”; do đó, đã triển khai công tác chuẩn bị tiếp cho chiến đấu từ kế hoạch tác chiến đến tổ chức lực lượng, bổ sung quân số, bảo đảm hậu cần, v.v. để đánh địch trong một chiến dịch quy mô lớn, dài ngày, xa hậu phương chiến lược.

Với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, quân ta đã chiến đấu vô cùng anh dũng, phát huy tác dụng của các loại vũ khí có trong tay, tìm ra nhiều cách đánh sáng tạo, vừa đánh hợp đồng, vừa đánh độc lập, xây dựng trận địa tiến công và vây hãm quân thù, hạn chế đến mức tối đa ưu thế của địch về không quân, triệt hẳn nguồn tiếp tế và tiếp viện của chúng. Cuối cùng, ta đã

1. Nghị quyết của Bộ Chính trị, ngày 19 tháng 4 năm 1954.

tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ vào chiều ngày 7 tháng 5 năm 1954¹.

Chúng ta đã toàn thắng trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ. Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn.

Quân và dân ta đã đánh bại cố gắng chiến tranh cao nhất của Pháp, có Mỹ giúp sức, giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, buộc chúng phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc Việt Nam chống cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ của Pháp đã giành được thắng lợi vĩ đại.

Ba mươi năm đã qua, Điện Biên Phủ, cái tên kỳ diệu ấy đã đi vào lịch sử dân tộc và như Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa... Thời gian không làm phai mờ ý nghĩa thắng lợi vĩ đại của Điện Biên Phủ, của cuộc toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp, trái lại càng làm nổi bật tinh thần cách mạng, khí phách anh hùng của dân tộc Việt Nam.

Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 với chiến dịch Điện Biên Phủ là kết cục tất yếu của cuộc chiến tranh yêu nước, chính nghĩa của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Mác - Lênin. Nó phản ánh tính tất yếu thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trong thời đại ngày nay, phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử xã hội loài người.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Pháp đã bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ ở ba nước Đông Dương, đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và giải phóng miền Nam khỏi ách thực dân mới của đế quốc Mỹ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Đối với phong trào cách mạng thế giới, sau thắng lợi vĩ đại của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga mở đầu thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và tiếp đó là thắng lợi của cuộc kháng chiến

1. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ta đã tiêu diệt và bắt 16.200 tên địch thuộc các đơn vị thiện chiến nhất của quân đội viễn chinh Pháp và Đông Dương, cùng với toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh. Tính chung trên toàn chiến trường Đông Dương trong Đông Xuân 1953-1954, Pháp đã mất hơn 110.000 quân và rất nhiều trang bị kỹ thuật hiện đại.

của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đã mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, đánh dấu một bước phát triển mới trong cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Điện Biên Phủ và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cũng là hồi kèn chiến thắng của nhân dân ta trong trận chiến đấu chống bọn can thiệp Mỹ, là khúc nhạc mở màn cho bản trường ca chống Mỹ, cứu nước, chuẩn bị cuộc đụng đầu lịch sử giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ sau này.

Điện Biên Phủ mãi mãi là niềm tự hào chính đáng của dân tộc Việt Nam, là niềm tin sắt đá của các dân tộc bị áp bức vùng lên chiến đấu để tự giải phóng cho mình.

Cuộc sống càng chứng minh nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đúng:

Chiến thắng Điện Biên Phủ “là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta và cũng là thắng lợi chung tất yếu của các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chiến thắng Điện Biên Phủ càng làm sáng ngời chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại ngày nay; chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhất định thất bại, cách mạng giải phóng dân tộc nhất định thành công”¹

Điện Biên Phủ là thắng lợi của độc lập dân tộc đối với chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc.

Điện Biên Phủ chứng minh một chân lý: trong thời đại ngày nay, một dân tộc đất không rộng, người không đông, nhưng quyết tâm chiến đấu, đoàn kết chặt chẽ, có Đảng Mác - Lênin chân chính lãnh đạo, lại được sự ủng hộ quốc tế, thì hoàn toàn có thể lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân và đánh bại chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, giành lại độc lập, tự do...

Chân lý ấy lại được chứng minh trong cuộc đụng đầu lịch sử giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ trong hàng ngũ đế quốc...

Vì sao dân tộc Việt Nam, một dân tộc đất không rộng, người không đông, kinh tế lạc hậu, lại có thể đánh thắng những kẻ thù xâm lược lớn hơn mình gấp nhiều lần?

Câu trả lời có thể tóm tắt như sau: nhân dân Việt Nam nồng nàn yêu nước, đoàn kết một lòng, quyết đánh và quyết thắng, biết đánh và biết thắng, lại có sức mạnh hỗ trợ của thời đại.

1. *Hồ Chí Minh: Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Báo cáo tại Hội nghị Chính trị đặc biệt, họp ngày 27 và 28 tháng 3 năm 1964, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 293.

Chúng ta quyết đánh và quyết thắng, biết đánh và biết thắng, vì nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn, có ý thức độc lập, tự chủ cao. “Nước mất, nhà tan”, đạo lý ấy thấm sâu vào tình cảm và lý trí của các thế hệ người Việt Nam, từ đời này qua đời khác. Mỗi khi Tổ quốc lâm nguy, mọi người Việt Nam đều đứng lên giữ nước, giữ nhà, bằng những cách đánh giặc thông minh và dũng cảm.

Lòng yêu nước, tinh thần làm chủ đất nước của nhân dân ta đã được khơi dậy và bùng lên, khi cách mạng Việt Nam được ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin do Chủ tịch Hồ Chí Minh mang lại. Cách mạng Việt Nam bước vào quỹ đạo của cách mạng vô sản trên phạm vi toàn thế giới. Từ khi có Đảng lãnh đạo, nhân dân Việt Nam càng có ý thức sâu sắc về vai trò lịch sử, về khả năng và sức mạnh của mình. Do đó, đã quyết tâm chiến đấu, đoàn kết một lòng, đi theo con đường mà Đảng đã vạch ra.

Quyết đánh và quyết thắng, biết đánh và biết thắng còn bắt nguồn từ đường lối đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo của Đảng ta.

Đó là đường lối chính trị lãnh đạo toàn dân làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Đó là đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài¹, dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ viện trợ quốc tế. Thực hiện đường lối kháng chiến đó, quân và dân ta đã nghĩ ra nhiều cách đánh rất tài tình. Đó là cách đánh thích hợp với trình độ phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước, phát huy truyền thống và kinh nghiệm lâu đời của chiến tranh nhân dân Việt Nam vươn lên chính quy và hiện đại - với nhiều hình thức phong phú, linh hoạt do quân và dân ta sáng tạo ra. Cách đánh ấy thấm nhuần tư tưởng cách mạng tiến công, luôn luôn chủ động và kiên quyết tiêu diệt địch, với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!” Nhờ vậy, quân và dân ta cuối cùng đã đánh thắng những đội quân nhà nghề của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc. Chính tên bại tướng Na-va đã phải thừa nhận: “Bao giờ Việt Minh cũng từ chối chiến tranh cổ điển và bắt Pháp phải theo hình thức chiến tranh của họ”, cuộc chiến tranh mà “chưa có một học viện quân sự nào nghiên cứu kỹ lưỡng”².

1. Toàn dân đánh giặc, chứ không phải chỉ có bộ đội đánh giặc; đánh về các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao..., luôn luôn tiêu diệt và tiêu hao địch, bồi dưỡng và phát triển lực lượng ta, bảo đảm đủ sức đánh lâu dài, càng đánh càng mạnh, nhằm đạt thắng lợi cuối cùng.

2. Na-va, *Đông Dương hấp hối*, Pa-ri, 1956, tr.38-39.

Với chính sách vừa kháng chiến vừa kiến quốc, kết hợp đúng đắn nhiệm vụ chống phong kiến với nhiệm vụ chống đế quốc, hết hợp huy động sức dân với bồi dưỡng sức dân để kháng chiến lâu dài, Đảng đã chủ trương phát động quần chúng thực hiện giảm tô và cải cách ruộng đất ngay trong kháng chiến. Hậu phương của cuộc chiến tranh nhân dân không ngừng được củng cố và tăng cường chi viện ngày càng nhiều sức người, sức của, tạo thêm sức mạnh vật chất và tinh thần cho tiền tuyến.

Với cải cách ruộng đất, Mặt trận dân tộc thống nhất trên nền tảng liên minh công nông được mở rộng một cách vững chắc, điều đó cho phép động viên và phát triển sức mạnh tiềm tàng của đất nước, của dân tộc. Sức mạnh ấy là sản phẩm của sự kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng quân sự, kết hợp sức mạnh của truyền thống dân tộc với sức mạnh hiện tại về mọi mặt của toàn dân.

Để đánh thắng những tên đế quốc to, Đảng ta đã ra sức xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng hậu với ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Đó là mũi mác của cuộc kháng chiến, là lực lượng nòng cốt của toàn dân đánh giặc.

Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, lực lượng vũ trang nhân dân của ta đã phát huy được bản chất cách mạng tốt đẹp, có tinh thần chiến đấu dũng cảm, có kỷ luật tự giác, nghiêm minh, có tổ chức vững mạnh, có trang bị từ thô sơ tiến đến hiện đại, nắm được khoa học và nghệ thuật quân sự cách mạng. Với lực lượng nòng cốt đó, nhân dân ta đã đánh thắng được các đội quân xâm lược của thực dân Pháp, của đế quốc Mỹ và các thế lực khác...

Chúng ta biết đánh và biết thắng còn vì quân và dân ta chiến đấu trong sự phối hợp chặt chẽ với quân và dân Lào, quân và dân Cam-pu-chia trên toàn chiến trường Đông Dương. Chúng ta lại luôn luôn tăng cường đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em của cả loài người tiến bộ. Nhân dân Việt Nam làm nhiệm vụ dân tộc của mình đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân các nước trên bán đảo Đông Dương và tích cực góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân toàn thế giới, vì vậy đồng minh của nhân dân Việt Nam rất rộng, bầu bạn của nhân dân Việt Nam rất đông.

Kết hợp sức mạnh của dân tộc ta với sức mạnh của thời đại mới, Đảng ta đã thống nhất được cuộc chiến đấu của nhân dân ta với thế tiến công của ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Chính hai nguồn sức mạnh đó đã chấp

cánh cho cách mạng Việt Nam, cho chiến tranh nhân dân Việt Nam đạt tới đích cuối cùng.

Quyết đánh và quyết thắng, biết đánh và biết thắng, nhân dân Việt Nam đã thắng trong chiến tranh giải phóng dân tộc và trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc...

Chiến tranh nhân dân Việt Nam là một kinh nghiệm sáng tạo thành công của thời đại, một thắng lợi vĩ đại của phong trào giải phóng dân tộc ở thế kỷ 20 này.

Bằng kinh nghiệm của mình, nhân dân Việt Nam đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng kinh nghiệm của các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập, tự do.

Thắng lợi rực rỡ của nhân dân Việt Nam và của nhiều dân tộc trên các lục địa, từ Cu-ba, Ăng-gô-la đến Ê-ti-ô-pi, Mô-dăm-bích, từ Ni-ca-ra-goa đến En Xan-va-đo, v.v... đang cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Những thắng lợi đó đang làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, đồng thời góp phần mở rộng hệ thống thế giới của chủ nghĩa xã hội.

Bộ mặt của thế giới đang thay đổi nhanh chóng.

II

Truyền thống Điện Biên Phủ là sự kế thừa và phát triển truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, qua hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, truyền thống của các anh hùng cứu nước: Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung.

Phát huy truyền thống Điện Biên Phủ, trải qua mấy chục năm chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh, mùa Xuân năm 1975, nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và bẻ lũ tay sai, giành thắng lợi hoàn toàn. Tổ quốc ta độc lập, tự do và thống nhất.

Cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội toàn quốc lần thứ IV và Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm đưa nước ta tiếp tục tiến lên.

Với niềm tự hào vô hạn và nguồn sinh lực mới, với truyền thống Điện Biên Phủ, truyền thống chiến dịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước ta đang

ra sức phấn đấu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa...

Ba mươi năm sau chiến thắng oanh liệt ở Điện Biên Phủ, Tổ quốc ta đã trải qua nhiều thử thách, gian nan, nhưng vẫn hiên ngang tiến bước. Bằng xương máu và mồ hôi của mình, dân và quân ta đã ghi tiếp biết bao chiến công rực rỡ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, và đang đứng trước những triển vọng tốt đẹp.

Hôm nay, kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và cuộc kháng chiến thắng lợi chống thực dân Pháp, chúng ta tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu và người thầy vĩ đại của Cách mạng Việt Nam. Với tầm nhìn chiến lược thiên tài, Người đã cùng Trung ương Đảng dẫn dắt nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nhờ đến công lao trời biển của Người, chúng ta thấy như Người luôn luôn bên cạnh chúng ta, đang cùng chúng ta mừng ngày hội chiến thắng. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta quyết tâm thực hiện trọn vẹn Di chúc thiêng liêng của Người.

Tổ quốc Việt Nam đời đời ghi công các chiến sĩ đã hy sinh anh dũng ở Điện Biên Phủ và trên các chiến trường trong hơn 30 năm chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước, làm nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Tấm gương sáng của các anh hùng, liệt sĩ sống mãi với non sông đất nước, sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam.

Chúng ta vô cùng tự hào về Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, một Đảng Mác - Lênin chân chính, người lãnh đạo sáng suốt của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam, người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Chúng ta vô cùng tự hào về nhân dân ta, một dân tộc anh hùng, thấm nhuần chân lý sáng ngời: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, trải qua đấu tranh kiên cường, bất khuất, đã viết nên những trang sử vẻ vang.

Chúng ta vô cùng tự hào về quân đội ta, một quân đội nhân dân nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và tinh thần quốc tế vô sản, đã cùng toàn dân lập nên những chiến công vĩ đại, từ Điện Biên Phủ đến đại thắng mùa Xuân 1975 và thắng lợi oanh liệt mùa Xuân năm 1979.

Nhân ngày hội lớn này, chúng ta tỏ lòng biết ơn sâu sắc về sự ủng hộ và giúp đỡ đầy tình nghĩa anh em của nhân dân Liên Xô, nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa khác và của cả loài người tiến bộ đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam.

Phấn khởi, tin tưởng, hướng về tương lai tươi sáng, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, quyết đem hết tinh thần và lực lượng giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam nhất định thắng!

Sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội nhất định thắng!

- Tinh thần quyết chiến, quyết thắng của Điện Biên Phủ muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Tất cả vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân!

CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ - BÀI HỌC ĐOÀN KẾT CHIẾN ĐẤU VÀ CHIẾN THẮNG DƯỚI NGỌN CỜ CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

PHẠM VĂN ĐỒNG

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

(Trích diễn văn khai mạc lễ kỷ niệm lần thứ 30
chiến thắng Điện Biên Phủ¹)

Trong lịch sử các dân tộc cũng như trong lịch sử loài người, tầm vóc của những sự kiện lớn, những sự kiện tích cực ngày càng sáng tỏ với thời gian.

Thời gian 30 năm qua đây sóng gió cách mạng càng làm nổi bật ý nghĩa, tác dụng và ảnh hưởng của Chiến thắng Điện Biên Phủ đối với Việt Nam cũng như đối với nhiều dân tộc khác trên thế giới.

Chiến thắng Điện Biên Phủ kế tục truyền thống anh hùng dựng nước và giữ nước của Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung..., phát huy thành quả 25 năm đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, phát triển mạnh mẽ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và sức sống của nước Việt Nam mới, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đánh dấu sự thất bại không thể cứu vãn nổi của đội quân viễn chinh Pháp, kết thúc vĩnh viễn chế độ thống trị của thực dân Pháp đã kéo dài gần một thế kỷ trên đất nước ta.

Cùng với thực dân Pháp, đế quốc Mỹ bắt đầu ném mùn thất bại cay đắng ở Điện Biên Phủ, bởi chúng đã can thiệp rất sâu vào cuộc chiến tranh, cho nên ngay sau Điện Biên Phủ và Hội nghị Giơ-ne-vơ, đế quốc Mỹ đã hất cẳng thực dân Pháp, nhảy vào Việt Nam với những tham vọng ngông cuồng: không chỉ chúng thay thực dân Pháp thiết lập sự đô hộ thực dân mới của chúng ở miền Nam mà còn chuẩn bị tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược

1. Bài đăng trên báo *Nhân Dân* số ra ngày 7 tháng 5 năm 1984.

miền Bắc nước ta. Như vậy, cuộc chạm trán đầu tiên giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ ở Điện Biên Phủ đã trở thành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài, gian khổ và vô cùng oanh liệt của nhân dân Việt Nam ta.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạo cho nhân dân ta mạnh, tài năng, ý chí quyết chiến và quyết thắng, càng đánh càng mạnh, càng thắng lớn và sau hơn 20 năm chiến đấu sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nhân dân ta kết thúc cuộc kháng chiến chống nước đế quốc giàu và mạnh nhất của thời đại ngày nay bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, hoàn thành độc lập, tự do trong cả nước, nhanh chóng thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội...

Về mặt quốc tế, Chiến thắng Điện Biên Phủ là tiếng sấm báo hiệu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân (cũ). Quá trình kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ từ Chiến thắng Điện Biên Phủ đến Chiến dịch Hồ Chí Minh cũng là quá trình lớn mạnh của phong trào giải phóng dân tộc trên khắp các lục địa, làm thay đổi bản đồ thế giới, đưa hàng chục nước đứng lên giành độc lập, tự do, tạo thành một lực lượng lớn ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống quốc tế. Lịch sử phong phú và hào hùng ba mươi năm qua làm cho dân tộc Việt Nam ta trở thành người chiến sĩ chiến đấu và chiến thắng các lực lượng thực dân và đế quốc, nêu tấm gương sáng và cổ vũ mạnh mẽ cuộc chiến đấu tất thắng có ý nghĩa thời đại của nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới.

Chiến thắng Điện Biên Phủ và nói chung cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta từ khi có Đảng là thắng lợi của ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là sự kết hợp thiên tài và truyền thống của dân tộc Việt Nam với học thuyết Mác - Lênin, tinh hoa, ánh sáng và chân lý của thời đại. Ở đây cần nhấn mạnh một điều rất quan trọng: thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta gắn bó mật thiết với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, với sự ra đời và lớn mạnh của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết, với sự hình thành và phát triển của cộng đồng xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Đó là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt liên kết ba dân tộc anh em Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia trên bán đảo Đông Dương. Đó là thắng lợi của sự ủng hộ và giúp đỡ kháng khái và rộng khắp của các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ và cả loài người tiến bộ.

Trong thời gian tới, trên cơ sở những thành quả đã giành được, lịch sử sẽ có những chuyển biến càng phong phú và hào hùng hơn nữa. Như quá khứ

đã chứng minh, đối với chúng ta và nhân dân thế giới, lịch sử bao giờ cũng là người bạn đường trung thành đầy tính năng động hướng theo những xu thế sâu xa của dân tộc cũng như của cả loài người bởi lẽ, suy cho cùng, lịch sử là do nhân dân làm nên, nhất là ở thời đại chúng ta, bắt đầu bằng Đại cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, thời đại của ba dòng thác cách mạng lúc nhân dân các nước lần lượt đứng lên làm chủ vận mệnh của mình, làm chủ độc lập, tự do và cuộc sống mới của mình.

Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng mà Điện Biên Phủ và Chiến dịch Hồ Chí Minh là những đỉnh cao chói lọi, nhân dân ta đang ra sức làm tròn hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu của chúng ta.

Trong tình hình quốc tế ngày nay, nhân dân ta sát cánh cùng nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới quyết làm hết sức mình đánh bại nguy cơ chiến tranh hạt nhân, ra sức phấn đấu cho sự nghiệp quan trọng bậc nhất là bảo vệ hòa bình và cuộc sống yên lành của mọi người trên trái đất và cùng với hòa bình phấn đấu cho sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện Biên Phủ, chúng ta hãy ôn lại những bài học quý báu của chặng đường cách mạng vẻ vang đã qua: bài học đoàn kết chiến đấu và chiến thắng dưới ngọn cờ của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu; bài học phấn đấu kiên cường và bền bỉ, vượt mọi khó khăn gian khổ đánh bại mọi kẻ thù vì lợi ích của cách mạng và của nhân dân; bài học phát huy lòng dũng cảm, trí thông minh và tài năng sáng tạo của mỗi người và của cả dân tộc, ra sức thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đó là sức mạnh tổng hợp làm nên thắng lợi...

DIỆN BIÊN PHỦ, CÂY CỘT MỐC BẰNG VÀNG*

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

Cùng với Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa..., Điện Biên Phủ đã đánh dấu một chặng đường lịch sử của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Đây là cây cột mốc bằng vàng”

Ba mươi năm trước đây, tại một thung lũng bấy giờ chưa mấy ai biết đến trên miền Tây Bắc của Tổ quốc, đã diễn ra trận quyết chiến chiến lược lớn nhất trong cuộc kháng chiến lâu dài của nhân dân ta chống đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ. Sạu 55 ngày đêm chiến đấu với một tinh thần quyết chiến quyết thắng, quân và dân ta đã lập nên chiến công Điện Biên Phủ, tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm mạnh nhất trong lịch sử chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp.

Chiến thắng Điện Biên Phủ mang ý nghĩa sâu sắc của thời đại mới, bắt đầu từ Cách mạng tháng Mười Nga. Với chủ nghĩa Lê-nin, con đường giải phóng của các dân tộc đã được mở ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người học trò xuất sắc của Lê-nin, sáng lập ra Đảng ta, đưa sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân ta tiến lên trên con đường thắng lợi. Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công. Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á ra đời. Tiếp đó, Đảng ta đã phát động cuộc kháng chiến trường kỳ khi đế quốc Pháp trở lại xâm lược nước ta. Nêu cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cuộc kháng chiến toàn dân và toàn diện của nhân dân ta đã vượt qua muôn trùng khó khăn gian nguy, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, gây cho địch những tổn thất nặng nề, đẩy chúng vào tình thế ngày càng nguy khốn.

* Bài viết nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện Biên Phủ. Bài đăng trên *Báo ảnh Việt Nam* số 305, tháng 5 năm 1984; báo *Sài Gòn giải phóng*, số 2758, ngày 6 tháng 5 năm 1984 và Tạp chí *Lịch sử quân sự* số 5-1984.

Bước vào Đông Xuân 1953-1954, trước mưu đồ điên cuồng của đế quốc Pháp Mỹ đề ra kế hoạch Na-va nhằm kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta đã động viên và lãnh đạo toàn quân và dân ta trong cả nước, phối hợp với quân và dân hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia anh em, tiến hành cuộc tiến công chiến lược rộng lớn, đập tan kế hoạch Na-va, giành thắng lợi lớn trên khắp các chiến trường mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử.

Trong lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc ta biết bao phen đã đánh thắng những đội quân xâm lược tàn bạo của các thế lực phong kiến phương Bắc. Nhưng đây là lần đầu tiên, dân tộc ta, nhân dân ta đã đánh thắng đội quân hùng mạnh của một nước đế quốc phương Tây, đế quốc Pháp xâm lược.

Chiến thắng Điện Biên Phủ cùng với các chiến thắng to lớn khác trên các chiến trường đã đưa đến thành công của Hội nghị Giơ-ne-vơ, lập lại hòa bình trên đất nước và hai nước bạn, Lào và Cam-pu-chia, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước.

Miền Bắc nước ta đã hoàn toàn giải phóng, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương lớn trong cuộc đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã lần đầu phá vỡ một mảng thành trì quan trọng của chủ nghĩa đế quốc, gióng lên hồi chuông báo hiệu buổi chiều tàn của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã được nhân dân Liên Xô, nhân dân Trung Quốc, nhân dân các nước anh em và cả loài người tiến bộ, trong đó có nhân dân Pháp đón mừng như thắng lợi của bản thân mình. Các dân tộc bị áp bức ở khắp châu Á, châu Phi, châu Mỹ La-tinh được cổ vũ mạnh mẽ, kế tiếp nhau vùng lên chiến đấu. Nhân dân ta có thể tự hào là đã có cống hiến xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng của các dân tộc.

Cùng với những thắng lợi vang dội của biết bao dân tộc, trong những thập kỷ gần đây đã đứng lên chiến đấu để làm chủ vận mệnh của mình, chiến thắng Điện Biên Phủ đã khẳng định chân lý vĩ đại: Một dân tộc bị áp bức, quyết tâm đoàn kết chiến đấu vì độc lập và tự do theo đường lối đúng đắn nhất định có đầy đủ khả năng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Đó là quy luật của lịch sử trong thời đại ngày nay.

Trong cuộc đọ sức quyết liệt Đông Xuân 1953-1954, trên khắp các chiến trường của bán đảo Đông Dương nói chung cũng như trên chiến trường chính Điện Biên Phủ, sự lãnh đạo của Đảng ta đã tỏ ra đúng đắn, sáng tạo và sắc bén, thực sự biết địch, biết ta, nắm được quy luật của chiến trường và luôn luôn giữ vững quyền chủ động. Chúng ta cho chủ động là nguyên tắc cơ bản của nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân. Chủ động thể hiện quyền làm chủ trên chiến trường, buộc địch phải hành động theo ý định của ta. Chủ động cũng là biểu hiện cao nhất của tư tưởng tiến công cách mạng trong chiến tranh. Với tư tưởng chủ động và tiến công ấy, chúng ta đã phát huy đến cao độ sức mạnh của quân và dân ta trong cả nước, phối hợp với quân và dân của hai nước anh em trên bán đảo Đông Dương. Chúng ta đã kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn để giành lấy thắng lợi từng bước, đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Ngược lại, đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ không phải thiếu sức mạnh vật chất và vũ khí, cũng không thiếu những tướng lĩnh tài ba. Nhưng do cuộc chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, nên họ không nắm được và cũng không thể nào nắm được quy luật của chiến tranh. Họ luôn luôn đánh giá quá cao sức mạnh của vật chất và kỹ thuật, đánh giá quá thấp sức mạnh của một dân tộc, một quân đội đứng lên chiến đấu vì độc lập và tự do. Họ luôn luôn chủ quan, luôn luôn bị bất ngờ, luôn luôn bị động, luôn luôn phạm sai lầm. Vào lúc họ tưởng chừng như sắp giành thắng lợi to lớn thì chính là lúc đi đến thất bại hoàn toàn.

Bắt tay vào thực hiện kế hoạch, đầu mùa Đông 1953, tướng Na-va đã có một quyết tâm lớn, tập trung ở vùng châu thổ sông Hồng một lực lượng huy động lớn nhất từ trước tới nay, quyết giành lại chủ động. Na-va quên rằng do bản chất chiến tranh xâm lược, phân tán lực lượng để chiếm đóng đất đai là một sự tất yếu không thể tránh được. Do vậy, khi quân ta phối hợp với lực lượng vũ trang của hai nước bạn triển khai cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân trên khắp các chiến trường, cho các cánh quân của ta đánh vào những hướng chiến lược hiểm yếu mà địch tương đối sơ hở, thì tướng Na-va liên tiếp bị động, buộc phải rút từng bộ phận của lực lượng cơ động, phân tán ra khắp bốn phương để đối phó. Kẻ địch lại càng lúng túng và bị động trước bão táp của chiến tranh nhân dân nổi lên mạnh mẽ ở khắp các vùng sau lưng địch: từ đồng bằng Bắc Bộ đến đồng bằng sông Cửu Long, Bình Trị Thiên, Tây Nguyên và ở hai nước bạn Lào và Cam-pu-chia, tiêu diệt và làm tan rã sinh lực địch, mở ra những vùng giải phóng rộng lớn. Chỉ trong vòng bốn tháng,

khối lượng cơ động mà Na-va dày công xây dựng đã bị xé nhỏ làm nhiều mảnh, không còn có hiệu lực. Kế hoạch Na-va bắt đầu phá sản từ đó.

Cũng trong xu thế nói trên, khi một cánh quân của ta tiến lên Tây Bắc, Lai Châu bị đe dọa, Thượng Lào bị uy hiếp, thì tướng Na-va đã phải vội vã cho các đơn vị quân dù đổ bộ xuống Điện Biên Phủ. Thế là tại Điện Biên Phủ, một trận quyết chiến chiến lược đã hình thành, ngoài mọi tính toán của viên tư lệnh thứ bảy của đội quân viễn chinh Pháp.

Trên mặt trận Điện Biên Phủ, dưới áp lực của quân ta, bộ chỉ huy quân đội viễn chinh tiếp tục tăng thêm lực lượng. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ lớn lên rất nhanh, được tổ chức “phòng ngự ở mức độ tối đa”. Các tướng tá Pháp Mỹ coi Điện Biên Phủ là “một pháo đài bất khả xâm phạm”, sẵn sàng và đủ sức để nghiền nát quân chủ lực của Việt Minh nếu dám liều lĩnh tiến công vào.

Chúng ta đã sớm nhận định: địch bị động điều các binh đoàn tinh nhuệ của chúng lên miền rừng núi Tây Bắc: đây là một cơ hội tốt để quân ta tiêu diệt chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị hạ quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Quân và dân ta đứng trước một nhiệm vụ lịch sử hết sức nặng nề và vẻ vang.

Để thực hiện nhiệm vụ trọng đại ấy, lúc đầu, khi quân địch mới chiếm đóng, còn sơ hở, ta đã từng chủ trương tập trung các đại đoàn chủ lực, tiến hành một trận đánh lớn tiêu diệt tập đoàn cứ điểm trong hai ngày ba đêm. Giờ G đã được định vào 17 giờ ngày 26 tháng 1. Một ngày trước đó, chiều 25 tháng 1, khi bộ đội ta đã được bố trí sẵn sàng ở vị trí xuất phát tiến công, thì tất cả các đơn vị chiến đấu đã được lệnh rút quân ra. Năm vững phương châm đánh chắc thắng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn luôn nhấn mạnh, chúng ta đã chủ động thay đổi cách đánh.

“Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” Trung ương Đảng và Chính phủ ta kêu gọi toàn quân và toàn dân, quyết định động viên đến mức cao nhất sức người, sức của cho một trận quyết chiến dài ngày.

Một bất ngờ lớn đối với địch là trên tuyến đường dài hàng mấy trăm ki-lô-mét, hàng chục vạn đồng bào và chiến sĩ ta, với khí thế do cải cách ruộng đất mang lại, dưới mưa bom lửa đạn của địch, từ những hậu phương xa xôi ngày đêm mang lương thực đạn dược ra tiền tuyến, liên tục bảo đảm hậu cần cho mặt trận Điện Biên Phủ một điều mà Bộ Tham mưu quân đội viễn chinh với những tính toán tỷ mỉ cho rằng ta không thể nào giải quyết được.

Qua một thời gian, không thấy quân ta hành động, Na-va cho rằng phong trào tấn công của Việt Minh đã chấm dứt. Ngày 12 tháng 3, thực hiện kế hoạch chiến lược đã định từ trước, Na-va huy động một bộ phận lực lượng huy động mở cuộc hành binh mới vào vùng tự do của ta ở miền Nam. Ngay ngày hôm sau, 13 tháng 3, vào 17 giờ, trọng pháo của ta bắn vào đồi Him Lam, mở màn cho cuộc tấn công lớn vào tập đoàn cứ điểm. Quân địch hoàn toàn bị bất ngờ.

Địch càng bị bất ngờ khi phát hiện cả một hệ thống trận địa tiến công và bao vây với hàng trăm ki-lô-mét chiến hào từ núi cao đổ xuống cánh đồng Mường Thanh, xiết chặt dần lại xung quanh tập đoàn cứ điểm.

Địch đã bị bất ngờ khi quân ta tập trung ưu thế binh lực tuyệt đối tiêu diệt từng tiểu đoàn, từng trung tâm đề kháng một, tiêu diệt từng bộ phận sinh lực của địch, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của chúng, từng bước vững chắc tiến tới tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm.

Địch lại bị bất ngờ trước những đợt tấn công ngày càng mạnh của quân ta, trước sự phát triển không thể nào ngăn cản được của chiến hào ta ngang qua sân bay, cắt đứt con đường tiếp tế duy nhất bằng cầu hàng không của chúng. Khi hệ thống trận địa của ta tiến sát vào khu trung tâm của tập đoàn cứ điểm thì toàn bộ những hỏa lực các cỡ của ta đã trực tiếp uy hiếp hầm chỉ huy của tướng Đờ Cát-xơ-ri.

Trên các chiến trường sau lưng địch, chúng ta lại đứng trước một tình thế mới. Quân và dân ta và quân dân hai nước bạn ra sức tranh thủ thời cơ, đẩy mạnh cao trào tấn công, phối hợp với chiến trường chính. Ở Nam Bộ, hàng nghìn đồn bốt của địch bị tiêu diệt. Ở Tây Nguyên, cả vùng phía bắc được giải phóng, ở Bình Trị Thiên, căn cứ du kích được mở rộng. Ở châu thổ sông Hồng, vùng tự do đã chiếm ba phần tư đất đai. Hàng vạn người quân ra hàng. Phạm vi của chính quyền nhân dân mở rộng nhanh chóng. Ở Lào, một nửa số dân và một nửa đất đai của nước bạn đã được giải phóng. Ở Cam-puchia căn cứ địa Tây Nam được mở rộng. Thế chiến lược của quân đội viễn chinh trên toàn bán đảo Đông Dương đang bị rung chuyển.

Với cách đánh dũng cảm, mưu trí và sáng tạo của cán bộ và chiến sĩ ta, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã trở thành một địa ngục trần gian giam hãm 17 nghìn quân lính viễn chinh Pháp sống trong trận địa giữa bùn lầy, lương thực đạn dược cạn dần, thương binh chồng chất, mạng sống từng ngày từng giờ bị đe dọa. Các tướng tá Pháp - Mỹ bàn tính mãi không tìm ra cách cứu nguy cho tập đoàn cứ điểm đang giãy giụa trong cơn hấp hối.

Chiều mồng 7 tháng 5 năm 1954, trước cuộc tổng tiến công của quân ta từ các hướng, hơn một vạn quân lính còn lại của quân đội viễn chinh lũ lượt kéo nhau ra hàng. Có người hô “Hòa bình muôn năm” Có người kéo phong cầm và ca hát. Những người chiến thắng đã cứu sống họ.

Toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt. Quân và dân ta giành được toàn thắng.

Trong bức điện khen ngợi cán bộ và chiến sĩ nhân dịp chiến thắng Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết “thắng lợi tuy lớn nhưng mới chỉ là bước đầu...”

Từ đó, ròng rã trong 20 năm, dân tộc ta, nhân dân ta lại phải đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Mỹ, cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, tàn bạo nhất từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Cũng giống như đế quốc Pháp trước đây, đế quốc Mỹ mỗi lần mở rộng chiến tranh là một lần tưởng rằng nhất định thắng, nhưng cuối cùng lại thất bại. Mùa xuân năm 1975, khi Oa-sinh-tơn cho rằng chiến tranh sắp đi đến thắng lợi hoàn toàn thì chính vào lúc đó, trước cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh vĩ đại, toàn bộ cơ đồ của đế quốc Mỹ và tay sai đã sụp đổ tan tành. Nhân dân ta đã giành được thắng lợi trọn vẹn. Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập và thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội...

Ngày nay, hơn bao giờ hết, đấu tranh cho hòa bình và hợp tác giữa các dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cả loài người tiến bộ.

Trải qua nhiều thập kỷ chiến tranh, chúng ta rất khao khát hòa bình. Hòa bình và hữu nghị là nguyện vọng của dân tộc ta. Độc lập và chủ nghĩa xã hội là lẽ sống của nhân dân ta.

Với sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa có Liên Xô là trụ cột, với tinh thần liên minh chiến đấu keo sơn của nhân dân ba nước Đông Dương, với sức mạnh tiến công của ba dòng thác cách mạng, chúng ta luôn luôn cảnh giác, cùng nhau đoàn kết đấu tranh cho một nền hòa bình lâu dài trên trái đất. Cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Mọi mưu toan phiêu lưu của các thế lực hiếu chiến sẽ bị loại trừ.

Dưới ngọn cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, nhân dân ta trong cả nước

quyết đem hết tinh thần và nghị lực của những người chiến thắng, phát huy sức mạnh to lớn của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu.

Tinh thần Điện Biên Phủ mãi mãi cổ vũ nhân dân ta vững bước tiến lên trong hàng ngũ các dân tộc tiên phong trên thế giới.

Bản sao lưu trữ

YẾU TỐ TINH THẦN CỦA QUÂN ĐỘI VÀ NHÂN DÂN TA TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ*

Đại tướng NGUYỄN CHÍ THANH

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã mở thêm một trang lịch sử chói lọi của dân tộc Việt Nam ta.

Lúc quân đội viễn chinh Pháp bị tiêu diệt và tướng Đờ Cát bị bắt làm tù binh ở Điện Biên Phủ thì bọn cầm quyền ở Pháp mới buộc lòng phải ký hiệp nghị Giơ-ne-vơ.

Làm như vậy họ đã tỏ ra một phần nào “biết điều” Nhưng tiếc thay, giá họ “biết điều” sớm hơn thì họ đỡ phải mất thêm sáu nghìn triệu đô-la, khỏi phải nướng hàng vạn quân viễn chinh để rồi không đổi lấy được cái gì ngoài sự nhục nhã cho quân đội Pháp, cho đế quốc Pháp.

Trước sự thất bại quá đột ngột lúc bấy giờ, các nhà chính trị, quân sự của đế quốc Pháp hết sức cay cú đã đổ dồn trách nhiệm vào đầu Na-va. Họ làm tình làm tội tên bại tướng này và lập luận rằng giá được một viên tướng nào khác chỉ huy giỏi hơn thì ngọn cờ tam tài đâu đến nỗi phải bị vùi dập phũ phàng trên mảnh đất Điện Biên Phủ xa xôi (!). Dù sao các nhà chính trị và chiến lược ấy cũng đành công nhận một thực tế là ở Điện Biên Phủ họ đã thất bại nặng, chúng ta đã chiến thắng lớn. Thực tế đó ăn sâu trong đầu óc họ cho đến ngày nay, vì vậy do kinh nghiệm bản thân, vừa qua trước những thắng lợi to lớn của nhân dân ta ở miền Nam, một số người trong họ đã khuyên người Mỹ đừng dùng biện pháp quân sự để giải quyết vấn đề Nam Việt Nam. Không biết người Mỹ suy nghĩ gì trước lời khuyên ấy hay là vẫn cứ điên cuồng lăn theo “vết xe đổ” của thực dân Pháp?

Tuy nhiên, từ chỗ công nhận thực tế là sự thất bại nặng nề của họ ở Điện Biên Phủ, những nhà chính trị và chiến lược của đế quốc Pháp vẫn chưa rút ra được những kết luận thích đáng. Kết luận đích đáng nhất cần rút ra là:

* Bài viết nhân kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, ngày 7-5-1964.

trong chiến dịch Điện Biên Phủ, yếu tố gì là yếu tố quyết định trên chiến trường đã làm cho họ phải thất bại, đã làm cho đối phương của họ - tức là ta - giành được thắng lợi to lớn và vẻ vang?

Trong cuộc chiến tranh ở Đông Dương lúc bấy giờ, Pháp đã tung ra trên chiến trường Việt Nam gần 15 vạn quân viễn chinh Pháp và hơn 30 vạn quân ngụy; số quân chừng đó phải chăng là quá ít? Pháp đã phải tiêu tốn sáu nghìn triệu đô-la, tính ra bằng 21 nghìn triệu đồng Việt Nam; số tiền đó phải chăng là quá thiếu? Pháp đã tung ra hàng vạn cán bộ chỉ huy và nhân viên kỹ thuật, trên chiến trường Việt Nam đã hầu như đủ mặt các danh tướng của Pháp lúc bấy giờ như Đác-giăng-li-ơ, Lơ-cléc, Moóc-li-e, Va-luy, Các-păng-chi-ê, Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi, Cô-nhi, Xa-lăng, Na-va, v.v. số tướng tá như vậy phải chăng là quá hiếm?

Không! Số quân của họ có thừa, tiền của họ có thừa, trang bị kỹ thuật của họ có thừa, cán bộ của họ có thừa, ít ra cũng là quá thừa so với lực lượng của chúng ta lúc đầu. Thế nhưng họ vẫn thất bại.

Chắc đại tướng Các-păng-chi-ê còn nhớ, vào năm 1950, khi Cao Bằng bị thất thủ, quân của “tướng quân” đóng ở Đông Đăng, Lạng Sơn, có phải vì mất tinh thần cho nên “tướng quân” phải buộc lòng hạ lệnh cho rút lui và tháo chạy?

Nếu thống chế Đờ Lát còn sống, chắc ngài còn nhớ, trong chiến dịch Hòa Bình năm 1951, ngài mới bị đá có mấy trận kha khá thôi, nhưng có phải vì tinh thần quân đội của ngài đã ruồng ra cho nên buộc lòng thống chế phải bỏ phòng tuyến mà hồi đó ngài cho là một phòng tuyến chiến lược?

Ngay từ hồi ấy, giá các ngài nhận rõ quân đội của các ngài không còn đủ tinh thần tiến công và phòng ngự nữa để kịp thời rút ra kết luận thích đáng thì đâu đến nỗi các ngài phải mang lấy mối “hận Điện Biên Phủ” về sau?

Một điều nổi bật của quân đội Pháp lúc bấy giờ là tinh thần chiến đấu quá sút kém. Đó là một nguyên nhân chính làm cho quân đội Pháp thất bại. Trạng thái tinh thần ấy là con đẻ của hoàn cảnh xã hội nước Pháp lúc bấy giờ. Hoàn cảnh đó có những đặc điểm chính như sau:

1- Sau đại chiến lần thứ hai, chính sách của đế quốc Pháp không những không có sự thay đổi gì đáng kể mà trái lại còn phản động hơn trước. Đối nội, họ thực hành một chính sách phản dân chủ; đối ngoại, họ thực hành chính sách lệ thuộc vào đế quốc Mỹ; đối với các nước thuộc địa, họ thực hành một chính sách bạo lực rất phản động. Tính chất phi nghĩa và phản động

của những chính sách ấy làm cho quân đội của họ ngày càng thêm suy nhược, càng thêm chán ghét chiến tranh.

2- Đế quốc Pháp đưa quân đội đi tiến hành chiến tranh xâm lược ở một nơi cách xa nước Pháp hàng vạn cây số, trong một thời kỳ mà cao trào cách mạng giải phóng dân tộc đang dâng lên cuộn cuộn. Trong cuộc chiến tranh xâm lược đó, họ và quân đội của họ lại dựa vào giai cấp phong kiến địa chủ đang suy tàn và giai cấp tư sản mại bản phản động yếu ớt ở Việt Nam, như thể chẳng khác nào người sắp chết đuối mà vớ phải bọt.

3- Từ trong chính sách phản động và chiến tranh phi nghĩa ấy, quân đội của Pháp không đào đâu ra được một lý tưởng chiến đấu, hơn nữa nó lại gặp phải một đối phương là dân tộc Việt Nam và Quân đội nhân dân Việt Nam, tuy lúc đầu còn yếu kém về trang bị kỹ thuật, nhưng lại có một tinh thần chiến đấu rất anh hùng. Vì vậy bản thân tinh thần của quân đội Pháp đã kém lại ngày càng sút kém nhanh chóng và trầm trọng hơn.

Chiến thắng của ta và sự thất bại của thực dân Pháp ở Việt Nam phản ánh một sự so sánh lực lượng phức tạp, trong đó yếu tố tinh thần của quân đội đôi bên chiếm một vị trí quan trọng có tính chất quyết định trên chiến trường. Nhưng bất cứ một trạng thái tinh thần nào cũng không phải nảy sinh và phát triển một cách độc lập, mà nó tùy thuộc vào nhiều nhân tố khác như chế độ xã hội, năng lực lãnh đạo và nhất là mục tiêu chính trị, v.v. Vì vậy khi bàn về yếu tố tinh thần của quân đội và nhân dân ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta phải đứng trên quan điểm đó.

Mùa thu năm 1945, nước ta tuyên bố độc lập, nhân dân ta lần đầu tiên sau gần 80 năm làm nô lệ được hưởng tự do dưới một chế độ dân chủ thật sự. Nhưng chưa được bao lâu, thực dân Pháp, được sự ủng hộ của Anh và Mỹ, gây chiến ở nước ta, âm mưu quăng cái ách thuộc địa lên đầu nhân dân ta một lần nữa. Trước tình hình đó, Đảng và Hồ Chủ tịch kêu gọi toàn dân đứng lên kháng chiến chống xâm lược Pháp với khẩu hiệu nổi tiếng: *"Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!"*

Khẩu hiệu ấy đã phát động rất mạnh lòng tự hào, tinh thần bất khuất và quật cường của dân tộc ta, làm cho cả nước sôi sục đứng lên đánh Pháp với mọi phương tiện sẵn có trong tay. Khẩu hiệu ấy đã động viên và giáo dục nhân dân ta xác định một thái độ chính trị kiên quyết chống thực dân Pháp, giành cho kỳ được độc lập dân tộc với bất cứ giá nào. Khẩu hiệu ấy có tác dụng cách mạng hóa quần chúng rất lớn, hướng họ vào và nâng cao quyết

tâm kháng chiến lâu dài, gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi. Khẩu hiệu ấy, đúng về mặt chiến lược mà nói, nhằm mục tiêu cố giành lấy ưu thế về chính trị và tinh thần của quân và dân ta ngay từ lúc đầu trong sự so sánh lực lượng giữa đôi bên. Nhờ vậy mà từ cuối năm 1945 đến năm 1950, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, gian khổ và hết sức chênh lệch về lực lượng vật chất, chúng ta vẫn kiên trì kháng chiến và thu được một số thắng lợi bước đầu. Ý nghĩa lớn lao của những thắng lợi đó là chúng ta đã phá được chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của địch. Mặt khác, chiến lược kháng chiến lâu dài của ta đã được thực tiễn chứng minh là đúng và ngày càng phát huy tác dụng rõ rệt.

Thu đông năm 1950, chúng ta thắng lớn ở biên giới. Thắng lợi này có ý nghĩa rất quan trọng. Nó đánh một đòn rất mạnh vào quyết tâm của các tướng lĩnh Pháp, vào tinh thần của quân đội viễn chinh Pháp và ngụy quân. Đồng thời nó làm cho toàn dân và toàn quân ta từ Nam chí Bắc vô cùng phấn khởi, tinh thần của quân và dân ta tăng lên một cách nhảy vọt. Mọi người qua thắng lợi đó, đều thấy rằng Đảng, Chính phủ, dân tộc mình, quân đội mình và chính mình đã lớn mạnh lên nhiều, rằng trường kỳ kháng chiến không phải là vô hạn độ, triển vọng thắng lợi đã nhích lại gần chúng ta hơn trước nhiều, địch đã phải chịu thất bại chua cay và không thể huênh hoang như trước nữa.

Tiếp đến thời kỳ năm 1950-1953, trên khắp các chiến trường từ Nam chí Bắc, chúng ta liên tiếp mở nhiều chiến dịch lớn và đặc biệt là phong trào chiến tranh du kích sôi nổi, mạnh mẽ và phát triển sâu rộng hơn lúc nào hết. Những sự kiện nổi bật có ảnh hưởng sâu sắc đến tinh thần của quân và dân ta trong thời kỳ này là: cải cách ruộng đất và các cuộc chỉnh huấn, chỉnh quân ở trong Đảng và trong quân đội. Cuộc cách mạng ruộng đất làm cho nông dân lao động vùng lên, qua cuộc đấu tranh giai cấp với địa chủ, tư tưởng và tinh thần của nông dân có một sự chuyển biến rất mạnh, *sự giác ngộ dân tộc được kết hợp chặt chẽ với sự giác ngộ giai cấp*, do đó tinh thần chiến đấu chống giặc Pháp của họ tăng lên gấp bội. Nông dân lao động qua cải cách ruộng đất được cách mạng hóa thêm một bước cao hơn, trạng thái tinh thần của nông dân đã có một sự biến đổi về chất lượng. Cuộc đấu tranh giai cấp của nông dân lúc bấy giờ do Đảng ta lãnh đạo đã thúc đẩy rất mạnh cuộc kháng chiến của toàn dân, đã thúc đẩy rất mạnh quân đội tập trung và dân quân du kích giết giặc lập công. Trên chiến trường Điện Biên Phủ, yếu tố tinh thần của quân và dân ta đã chịu ảnh hưởng trực tiếp và nhạy bén

của cuộc đấu tranh giai cấp rộng lớn đó. Các cuộc chinh quân và chinh huấn trong quân đội tiến hành vào thời kỳ này có một ý nghĩa to lớn và sâu sắc. Nó làm cho quân đội ta giác ngộ chính trị cao hơn trên cơ sở của sự giáo dục giai cấp, của sự giáo dục đường lối cách mạng dân tộc dân chủ, đường lối chiến tranh nhân dân và quân đội nhân dân của Đảng. Nó là một cuộc vận động lớn để cách mạng hóa quân đội thêm một bước mới, hướng cho cán bộ và chiến sĩ nhận rõ bản chất của quân đội nhân dân, phân rõ ta, bạn, thù; xác định mục tiêu chiến đấu là giành độc lập dân tộc, ruộng đất cho dân cày, tiến tới chủ nghĩa xã hội, xác định quân đội phải chịu sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, v.v. Tư tưởng cách mạng của quân đội ta được phát động lên cao và sâu sắc hơn so với trước. Do đó, đến thời kỳ này, các chiến sĩ ta không còn thích những bài hát “tráng sĩ một đi không trở lại” nữa, vì họ đã được trang bị thêm một số nhận thức khoa học về quy luật của cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, họ đã hiểu rõ hơn vì ai mà chiến đấu, chiến đấu để làm gì, phần thắng cuối cùng nhất định về ai? v.v. Trong hoàn cảnh cách mạng đó, tinh thần của quân và dân ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ so với trước cao hơn nhiều, và đó là một điều địch không lường tới, là một yếu tố quyết định thắng lợi trên chiến trường. Một thành công lớn của Đảng ta lúc bấy giờ là Trung ương Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, Đảng ủy mặt trận Điện Biên Phủ, các tổ chức đảng trong quân đội và trong dân công, các tổ chức đảng ở hậu phương đã nắm chắc và phát huy cao độ yếu tố đó trong suốt chiến dịch và trong chiến đấu, ở ngoài tiền tuyến cũng như hậu phương.

Đó là về phần ta. Còn về phần của địch, do không đánh giá được yếu tố tinh thần của quân đội và nhân dân ta - dĩ nhiên họ không thể nào đánh giá đúng được - cho nên lúc bấy giờ họ đã bị bốn cái bất ngờ lớn:

1- Họ cho rằng quân đội của ta không thể có đủ tinh thần hoặc dù có tinh thần khá cũng không làm gì nổi cái tập đoàn cứ điểm được bảo vệ dưới những lưới lửa dày đặc ở Điện Biên Phủ.

2- Họ cho rằng quân đội ta kém về trình độ văn hóa và kỹ thuật, không thể sử dụng được pháo binh và súng cao xạ một cách có hiệu quả và với địa hình phức tạp quanh Điện Biên Phủ, chúng ta không thể nào kéo pháo được đến gần trận địa của họ.

3- Họ cho rằng trình độ của cán bộ ta chỉ có thể chỉ huy đánh du kích khá, khó mà chỉ huy nổi một chiến dịch quy mô lớn, có nhiều sư đoàn tham gia, với một sự hợp đồng binh chủng phức tạp.

4- Đặc biệt họ không đánh giá đúng khả năng hậu phương của ta lúc bấy giờ, họ cho rằng chúng ta không thể giải quyết nổi các vấn đề rất khó khăn,

rất phức tạp về hậu cần như tiếp tế lương thực, đạn dược, thuốc men, bổ sung quân số, v.v...

Do đâu mà họ đánh giá sai và bị những bất ngờ đó? Điểm xuất phát là do họ đánh giá quá thấp yếu tố tinh thần của chúng ta. Với quan điểm quân sự của họ, họ không hiểu nổi được rằng, từ trong đường lối đúng đắn của Đảng ta, từ trong cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân và quân đội ta đã toát ra một sức mạnh tinh thần, và sức mạnh ấy tác động vào cuộc đấu tranh đã sáng tạo nên lực lượng vật chất cần thiết để chiến thắng họ.

Tinh thần chiến đấu của quân đội và nhân dân ta trong cuộc kháng chiến lâu dài nói chung và trong chiến dịch Điện Biên Phủ nói riêng do những nhân tố sau đây tạo thành:

1- Quân đội và nhân dân ta kế thừa sâu sắc truyền thống của cả một dân tộc anh hùng. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, mỗi một chiến sĩ, mỗi một người dân ta đều ít hay nhiều có mang theo tinh thần cao cả của Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Trương Định, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, v.v...

2- Tinh thần chiến đấu của quân đội và nhân dân ta đã được xây dựng trên cơ sở của chủ nghĩa Mác - Lênin, của chủ nghĩa yêu nước chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ của Đảng ta là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn của cách mạng nước ta đã hun đúc tinh thần chiến đấu của quân đội và nhân dân ta. Tinh thần dũng cảm của quân đội và nhân dân ta chủ yếu bắt nguồn từ đường lối chính trị đúng đắn đó. *Đấy là nhân tố cơ bản.*

3- Quân đội ta là quân đội nhân dân, thực chất là quân đội công nông, tuyệt đại đa số gồm những người xuất thân từ công nông, tức xuất thân từ những giai cấp, tầng lớp cách mạng nhất trong nhân dân ta. Tinh thần chiến đấu của quân đội và nhân dân ta không những đã chịu ảnh hưởng sâu sắc và được rèn luyện qua những thử thách của cuộc đấu tranh yêu nước mà còn qua những thử thách của cuộc đấu tranh giai cấp rộng lớn; cuộc đấu tranh giai cấp ấy vừa là trường rèn luyện, vừa là một nguồn động viên, cổ vũ mạnh mẽ quân đội và nhân dân ta vùng lên chiến thắng.

4- Quân đội và nhân dân chiến đấu để bảo vệ và xây dựng một chế độ xã hội tiên tiến hơn bất cứ thời kỳ lịch sử nào trước đây ở nước ta. Chế độ xã hội của chúng ta đại biểu cho cái mới, vì vậy nó dồi dào sức sống như mùa xuân,

nó có đủ năng lực huy động những lực lượng tiềm tàng của nhân dân ta để đấu tranh có hiệu quả chống lại cái cũ mà thực dân Pháp là đại biểu, kết liễu cuộc đời của nó, mở đường cho cái mới phát triển, và cái mới đó là chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc hiện nay.

Chỉ có dưới ánh sáng của học thuyết đấu tranh giai cấp của Mác, chúng ta mới đánh giá được sâu sắc và toàn diện tác dụng của yếu tố tinh thần của quân đội và nhân dân cách mạng trong chiến đấu. Học thuyết đấu tranh giai cấp là linh hồn của chủ nghĩa Mác. Tư tưởng cách mạng của học thuyết đó thể hiện ở chỗ nó khẳng định rằng quần chúng nhân dân sáng tạo ra lịch sử, rằng giai cấp vô sản có khả năng cải tạo xã hội và cải tạo thế giới; nó khẳng định lịch sử loài người từ khi có giai cấp là lịch sử đấu tranh giai cấp và yếu tố con người, yếu tố tinh thần là yếu tố quyết định trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, của quần chúng nhân dân chống lại những giai cấp thù địch. Luận điểm yếu tố con người, yếu tố tinh thần là yếu tố quyết định trong cuộc đấu tranh giai cấp của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin và Xta-lin đã được chúng mình một lần nữa trong thực tiễn của cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam ta. Đứng về mặt lý luận mà nói, ai nắm vững được luận điểm đó của chủ nghĩa Mác - Lênin tức là người đó đã nắm vững được một nội dung quan trọng của học thuyết đấu tranh giai cấp. Ngược lại ai xa rời hoặc phủ nhận luận điểm đó thì người ấy vứt bỏ một nội dung quan trọng của học thuyết đấu tranh giai cấp và họ sẽ đi tới phạm sai lầm trong hoạt động thực tiễn, thậm chí cả trong chiến lược và sách lược nữa.

Đảng ta đánh giá đúng yếu tố tinh thần của quân đội và nhân dân ta, nhất là của công nông trong cuộc chiến tranh. Quan điểm ấy không những quán triệt trong mọi công tác, học tập và chiến đấu của quân đội mà đặc biệt nó đã được quán triệt trong chiến lược, sách lược của Đảng ta trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ. Nội dung chủ yếu của quan điểm đó trong đường lối cách mạng của Đảng ta là tư tưởng kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc, là thái độ dứt khoát dựa vào nhân dân, dựa vào con người, để tiến hành đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng.

Lô-gích của vấn đề này là: ai đánh giá thấp lực lượng quần chúng, đánh giá thấp yếu tố con người, yếu tố tinh thần trong đấu tranh cách mạng thì tự khắc trước mắt của người ấy, chủ nghĩa đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ sẽ trở thành một "con người thép khổng lồ" và khi đã thấy đế quốc khổng lồ thì nhất định sẽ thấy nhân dân cách mạng, nhất là các dân tộc châu Á, châu Phi

và châu Mỹ La-tinh chỉ “bé tí hon” (!) (những người này cho rằng các dân tộc Á, Phi và Mỹ La-tinh lạc hậu, kém văn hóa và kỹ thuật cho nên khó địch nổi với bọn đế quốc). Từ cách nhìn đó họ chỉ có thể rút ra kết luận là: “Đừng dại đem trứng chọi với đá” (!). Cách nhìn đó là cách nhìn phản động, kết luận ấy mang tính chất thủ tiêu đấu tranh và đấu hàng đế quốc.

Trong việc xây dựng quân đội và chỉ đạo tác chiến, chúng ta đã coi trọng yếu tố con người, yếu tố tinh thần. Đương nhiên quân đội nào cũng cần có tổ chức, trang bị, biên chế, kỹ thuật và kỹ thuật càng được cải tiến thì khả năng chiến đấu của nó càng có điều kiện tăng thêm. Kỹ thuật là quan trọng nhưng con người làm ra và sử dụng kỹ thuật, cho nên con người và tinh thần con người vẫn giữ vai trò quyết định. Về đường lối xây dựng quân đội, tư tưởng chiến lược, chiến thuật, tác chiến cho đến công tác huấn luyện, lao động sản xuất, v.v... quan điểm của quân đội nhân dân do Đảng lãnh đạo phải khác hẳn quan điểm quân sự của giai cấp tư sản. Nó phải là quan điểm vô sản, xem con người, tinh thần là yếu tố quyết định trên chiến trường, trong chiến tranh và cả trong mọi hoạt động thời bình nữa. Thủ hỏi từ chỗ không có một tác sát do đâu mà nhân dân ta làm nên sự nghiệp lớn lao như ngày nay?

Xin trả lời: tiền bạc, vũ khí, trang bị kỹ thuật, v.v... chúng ta thua kém nhiều so với đế quốc, nhưng nhờ có một đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta, một đảng vô sản theo chủ nghĩa Mác - Lênin, và dưới sự lãnh đạo của đường lối đó, nhân dân và quân đội ta đã đem hành động rất cách mạng, rất tự giác để kiên quyết khắc phục khó khăn, không sợ gian khổ, không sợ hy sinh, sáng tạo dần dần lực lượng vật chất từ trong tay của mình và lấy được từ trong tay của địch nhằm làm thay đổi từng bước so sánh lực lượng theo chiều hướng ngày càng có lợi cho ta, tiến tới giành thắng lợi cuối cùng.

Nếu ngày xưa ông cha ta mơ ước tìm thấy một sức mạnh thần kỳ ở nơi con ngựa sắt của Phù Đổng Thiên Vương để đánh đuổi quân ngoại xâm, thì ngày nay chúng ta đã tìm thấy sức mạnh đó không phải đâu xa mà ở nơi đường lối chính trị đúng đắn của Đảng ta. Đường lối chính trị ấy đã biến thành hành động cách mạng của hàng triệu quần chúng, và quá trình nó tác động vào quần chúng là quá trình nó làm cho tư tưởng cách mạng, tinh thần chiến đấu vốn có của một dân tộc bị áp bức, chuyển biến mạnh mẽ và trở thành vô địch. Đó là một vũ khí sắc bén nhất mà chúng ta đã dùng để chiến thắng quân thù.

Luận điểm “con người, tinh thần là yếu tố quyết định” hiện đang là một vấn đề nóng hổi trong cuộc đấu tranh giữa hai đường lối trong phong trào

cộng sản quốc tế, đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối của chủ nghĩa xét lại hiện đại. Mang quan điểm của thuyết vũ khí, những người xét lại chủ nghĩa phủ nhận yếu tố quyết định của con người, của tinh thần trong đấu tranh cách mạng. Vì vậy, họ đã nhìn chủ nghĩa đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ, như “một con người thép khổng lồ”, họ phủ nhận bạo lực là quy luật phổ biến của mọi cuộc cách mạng, họ không nhìn thấy một thực tế rất quan trọng là châu Á, châu Phi và châu Mỹ La- tinh đang là một trung tâm bão táp cách mạng, họ đánh giá quá thấp khả năng cách mạng của quần chúng nhân dân trên thế giới, bao gồm khả năng cách mạng của giai cấp công nhân và các tầng lớp cách mạng khác ở các nước châu Âu và châu Mỹ. Không phải ngẫu nhiên mà những người theo chủ nghĩa xét lại phạm cả một loạt sai lầm nghiêm trọng. Một trong những nguyên nhân quan trọng đưa họ đến chỗ phạm sai lầm là họ đã phủ nhận yếu tố quyết định của con người, yếu tố quyết định của tinh thần quần chúng cách mạng và như thế tức là họ đã tước bỏ một nội dung quan trọng của học thuyết đấu tranh giai cấp của Mác.

Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra cách đây đã mười năm, nhưng những bài học của Điện Biên Phủ, trong đó có bài học về yếu tố tinh thần của quân đội và nhân dân ta - vẫn giữ nguyên giá trị đối với chúng ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, trong sự nghiệp đấu tranh giành thống nhất nước nhà, trong công tác xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng và cả trong sự nghiệp chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, góp phần vào cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Đối với địch, những bài học của Điện Biên Phủ cũng vẫn giữ nguyên giá trị của nó. Vì không đánh giá được yếu tố quyết định của con người, của tinh thần trong chiến tranh và vì bản thân tinh thần quân đội họ đã ruỗng nát, chủ nghĩa thực dân Pháp cách đây mười năm đã chôn vùi chút “thanh danh” tàn lụi còn sót lại của quân đội mình trên cánh đồng Điện Biên...

TRẬN QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC ĐIỆN BIÊN PHỦ, MỘT MẪU MỤC VỀ NGHỆ THUẬT CHỈ ĐẠO CHIẾN TRANH CỦA ĐẢNG TA*

Đại tướng HOÀNG VĂN THÁI

Chiến dịch Điện Biên Phủ là một cuộc đọ sức toàn diện quyết liệt nhất giữa quân đội và nhân dân ta với bọn xâm lược Pháp có đế quốc Mỹ giúp sức.

Chúng ta đã toàn thắng với quyết tâm *chỉ được phép đánh thắng*. Bởi vì, thắng được địch ở Điện Biên Phủ, ta sẽ làm thất bại toàn bộ kế hoạch Na-va, âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh xâm lược của địch ở Đông Dương sẽ hoàn toàn phá sản; một hình thế mới sẽ xuất hiện: sự thất bại không thể cứu vãn của bọn đế quốc xâm lược và thắng lợi của toàn dân ta trong cuộc kháng chiến lâu dài tới đây được khẳng định.

Với ý nghĩa đặc biệt to lớn đó, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ là một trận quyết chiến chiến lược vĩ đại.

Từ xưa đến nay, trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, để phân thắng bại, thường phải có những trận quyết chiến chiến lược. Vì thế, quyết chiến chiến lược đã là một hiện tượng tất yếu để ra trong quá trình diễn biến của mỗi cuộc chiến tranh. Ta muốn giành được thắng lợi trong trận quyết chiến chiến lược và tất nhiên địch cũng muốn. Cho nên ý muốn đó chỉ được biến thành hiện thực khi có sự nỗ lực vượt bậc của chủ quan mỗi bên, trong đó vai trò chỉ đạo chiến tranh có tác dụng rất quyết định. Trận quyết chiến chiến lược sẽ đưa đến thắng lợi cho bên nào nắm được quyền chủ động, có thể bắt buộc kẻ địch phải thực hành quyết chiến trong tình thế bất lợi và trên chiến trường bất lợi cho chúng. Vì thế, để thực hiện trận quyết chiến chiến lược thắng lợi, cần phải trải qua một quá trình giành giật và giữ vững quyền chủ động, không ngừng tạo ra những điều kiện thuận lợi về

* Bài viết nhân kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ; đăng Tạp chí *Quốc phòng toàn dân* số 4-1964.

khách quan và chủ quan. Nói một cách khác có nghĩa là, trên cơ sở những điều kiện khách quan nhất định, thắng lợi của trận quyết chiến chiến lược sẽ thuộc về bên nào biết hành động hoàn toàn phù hợp với quy luật của chiến tranh, chiếm được ưu thế về năng lực chủ quan, trong đó đặc biệt là vai trò chỉ đạo chiến tranh.

Khi nghiên cứu một cách toàn diện quá trình hình thành và kết thúc trận quyết chiến chiến lược vĩ đại Điện Biên Phủ, chúng ta sẽ thấy được rất rõ điều đó.

Như mọi người đều đã biết, sau nhiều thất bại liên tiếp từ chiến dịch Biên Giới năm 1950, trên chiến trường Bắc Bộ, địch đã dần dần mất ưu thế và quyền chủ động. Kế hoạch Na-va ra đời là một cố gắng mới rất lớn của bọn xâm lược Pháp với sự giúp đỡ tích cực của đế quốc Mỹ, hòng cứu vãn tình thế ngày càng nguy ngập của chúng, đang thực hiện âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh ở Đông Dương.

Để có thể tạo nên ưu thế và giành lại quyền chủ động chiến lược, địch đã trước hết ra sức tăng cường quân lực. Với nhiều biện pháp rất tích cực, địch đã nhanh chóng mở rộng được khối nguy quân từ 91 tiểu đoàn lên tới 182 tiểu đoàn. Đồng thời, địch rút bỏ một số đồn bốt quá phân tán cô lập, xin thêm 9 tiểu đoàn Âu Phi từ Pháp và Triều Tiên sang. Tổng số quân của địch lúc này đã lên tới xấp xỉ nửa triệu. Địch đã tổ chức được một khối quân cơ động chiến lược khá lớn mạnh, gồm 86 tiểu đoàn ứng chiến, một kỷ lục tập trung của chúng trong cả quá trình cuộc chiến tranh Đông Dương. Đó cũng là cái then chốt trong toàn bộ kế hoạch của Na-va.

Chiếm được ưu thế rõ rệt về quân lực, địch đã tranh thủ tấn công ta trên nhiều hướng, hòng nhanh chóng giành lại quyền chủ động trên chiến trường Bắc Bộ. Khẩu hiệu của Na-va khi mới đặt chân vào Đông Dương là: *tập trung lực lượng, tích cực tấn công, giành chủ động*. Đúng trước phong trào chiến tranh du kích của ta đang lên mạnh lúc đó, địch đã tập trung tới 44 tiểu đoàn ứng chiến vào đồng bằng Bắc Bộ, liên tiếp mở trên 30 cuộc càn quét quy mô lớn, rất khốc liệt vào các khu du kích, hòng đánh phá cơ sở kháng chiến, bình định vùng hậu phương chiến lược và vơ vét kho người kho của để bồi dưỡng cho cuộc chiến tranh xâm lược của chúng. Mặt khác, địch ra sức tăng cường hoạt động thổ phỉ, biệt kích để quấy rối hậu phương ta, như cho nhảy dù xuống tập kích Lạng Sơn, thả thổ phỉ quấy rối vùng Tây Bắc, uy hiếp thường xuyên vùng tự do Khu 4... Đồng thời, địch tổ chức những cuộc hành binh lớn, tấn công ra Nho Quan - Ninh Bình, đánh ra vùng

tự do Liên khu 5... Bằng một loạt các cuộc tấn công liên tiếp như thế, địch muốn buộc ta phải phân tán chủ lực ra, đối phó ở nhiều nơi để bảo vệ vùng tự do, hỗ trợ cho chiến tranh du kích vùng địch hậu, chúng sẽ có cơ hội tiêu diệt được một bộ phận sinh lực để bước đầu làm suy yếu lực lượng chiến lược của ta. Cũng trong thời gian đó, địch lại nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, định chiếm trước một vị trí mà chúng coi là “địa bàn cơ động chiến lược”, có thể che chở cho vùng Thượng Lào, tiến tới mở rộng phạm vi chiếm đóng vùng Tây Bắc, nối liền được phòng tuyến Thượng Lào và Trung Lào. Dự kiến của địch là sau khi giành được một loạt thắng lợi trong các cuộc tấn công cục bộ, các vùng hậu phương chiến lược của chúng đã được nhanh chóng bình định, chủ lực ta đã bị tiêu hao và mất thế chủ động, chúng sẽ tổ chức một cuộc tấn công có tính chất chiến lược, chiếm đóng toàn bộ Liên khu 5. Sau đó chúng tập trung toàn lực ra Bắc Bộ, mở một trận quyết chiến chiến lược với ta trên chiến trường Bắc Bộ.

Trước những cố gắng lớn và âm mưu mới đó của địch, đối với ta vấn đề được đặt ra là làm thế nào tiếp tục cố gắng, kiên quyết giữ vững thế chủ động, tích cực tấn công địch, để tiến tới một trận quyết chiến chiến lược trong điều kiện hoàn toàn có lợi cho ta, giành lấy thắng lợi có tính chất quyết định cho cuộc kháng chiến. Đó cũng là một vấn đề then chốt trong sự chỉ đạo chiến tranh lúc bấy giờ.

Nếu không có quan điểm Mác-xít thật vững vàng, phân tích được đầy đủ hình thế chiến tranh, ta sẽ chỉ thấy chỗ mạnh mà không thấy được chỗ yếu và cũng không thể thấy hết những khó khăn và mâu thuẫn không thể khắc phục trong âm mưu mới của địch. Do đó sẽ lóa mắt trước ưu thế tạm thời của địch, giảm mất dũng khí cách mạng, sẽ có thể đi đến từ bỏ quyền chủ động, không dám tiếp tục tấn công địch và sẽ chọn con đường phân tán chủ lực vào đồng bằng và vùng tự do để ngăn chặn địch, bảo vệ hậu phương kháng chiến, phòng ngự một cách tiêu cực, chờ đợi. Tất nhiên, làm như vậy ta sẽ lâm vào thế bị động, chạy theo sự điều khiển của địch. Từ bỏ quyền chủ động, không dám tích cực tấn công địch, tất nhiên địch sẽ giành lấy quyền chủ động, tích cực tấn công lại ta, đẩy ta vào thế hoàn toàn bị động. Nhưng Trung ương Đảng ta nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm vững tư tưởng quân sự vô sản và thực tiễn chiến tranh ở Việt Nam, đã phân tích được hết sức đúng đắn hình thế chiến tranh; cho rằng, địch từ phân tán đến tập trung chính là biểu hiện sự lúng túng và ngày càng suy yếu trước sự trưởng thành toàn diện của ta, địch cố gắng tập trung lực lượng cơ động là

nhằm thoát khỏi thế bị động do đã quá phân tán lực lượng, nhưng việc tập trung lực lượng, rút bớt diện chiếm đóng lại hoàn toàn trái với mục đích chiếm đất và thống trị của chiến tranh xâm lược. Cho nên ưu thế tập trung của địch lúc này tuy rất lớn, song chỉ là hiện tượng tạm thời, trong đó chúng đang có rất nhiều khó khăn và mâu thuẫn sâu sắc. Trước mắt địch có thể tấn công vào một số vùng tự do và càn quét lớn các khu du kích địch hậu, gây cho ta những khó khăn nhất định. Nhưng do tình trạng thiếu binh lực, một khó khăn mà bọn xâm lược không bao giờ khắc phục được, sẽ làm cho chúng lại bị sơ hở ở nhiều nơi. Nếu ta biết khoét sâu chỗ yếu cơ bản đó của địch, kiên quyết không phân tán chủ lực ra đối phó, mà khéo biết lợi dụng những sơ hở của địch, nắm chắc và linh hoạt sử dụng lực lượng chiến lược của mình vào những tuyến mỏng yếu của địch, tiếp tục mở những cuộc tấn công mới, thì có thể tiêu diệt thêm được nhiều sinh lực địch và giải phóng thêm được nhiều vùng đất đai. Tích cực tấn công, đánh trúng những chỗ yếu của địch, ta sẽ buộc chúng phải phân tán khối quân cơ động chiến lược ra đối phó, ưu thế tạm thời ban đầu sẽ nhanh chóng bị mất, quyền chủ động chiến lược cũng sẽ không thể nào giành lại được. Với những thắng lợi của nhiều cuộc tấn công cục bộ trên các hướng địch sơ hở và phong trào chiến tranh du kích được đẩy mạnh trong các vùng sau lưng địch, ta sẽ tạo điều kiện cho một trận đánh quyết định, giành lấy thắng lợi căn bản cho cuộc kháng chiến.

Trên cơ sở phân tích rất khoa học đó, Trung ương Đảng ta đã chủ trương: tập trung lực lượng mở những cuộc tấn công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà lực lượng của địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực của chúng, đồng thời buộc chúng phải phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa điểm xung yếu mà chúng không thể bỏ được. Phương châm chiến lược của ta là: tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt.

Thực hiện chủ trương rất sáng suốt và dũng cảm đó của Trung ương, quân ta đã tập trung lực lượng, với khí thế tấn công mạnh mẽ, năm ngọn đòn lớn đã liên tiếp giáng vào đầu địch trên năm hướng chiến lược quan trọng nhưng sơ hở nhất của địch là Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào, Tây Bắc và Tây Nguyên.

Bị những ngọn đòn bất ngờ và mạnh mẽ đánh đúng chỗ hiểm yếu, địch quả nhiên phải vội vã phân tán khối quân cơ động chiến lược vừa mới được tập trung để tăng cường phòng thủ các khu vực chiến lược trọng yếu. Điện Biên Phủ, Sê-nô, Plây Cu và Luông Pha Băng đã nghiêm nhiên biến thành bốn địa điểm tập trung binh lực rất lớn của địch. Phần lớn lực lượng chiến

lược của địch đã bị giam chân ở các nơi này, đội ứng chiến cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ chỉ còn lại 20 tiểu đoàn và cũng bị phong trào chiến tranh du kích bám riết. Kế hoạch Na-va nếu như trước đó ít lâu đã tạm thời thu được kết quả bước đầu thì đến đây đã bắt đầu thất bại. Bị ta khoét sâu mỗi mâu thuẫn sâu sắc giữa tập trung cơ động với mục đích của chiến tranh xâm lược là chiếm đất và thống trị, địch bắt buộc lại phải trở về trạng thái phân tán phòng ngự, không thể nào đi ngược lại quy luật tất yếu đó của chiến tranh.

Thế là, trong cuộc chạy đua giữa ta và địch về năng lực chỉ đạo chủ quan trên vấn đề giành ưu thế và chủ động, then chốt để đi tới quyết chiến chiến lược thắng lợi cho mình, địch đã hoàn toàn bị thất bại.

Tuy nhiên, sau thất bại bước đầu của kế hoạch Na-va, địch đã lập tức có những cố gắng mới. Đó cũng là vấn đề tất nhiên đối với kẻ vừa bại trận để có thể đi đến thắng lợi trận sau. Trước sự trưởng thành mau chóng của quân ta về trình độ tác chiến công kiên, địch đã co lại đóng thành những tập đoàn cứ điểm lớn, có binh lực chiếm đóng rất mạnh, với ý định sẽ làm cho quân ta “gặm không được, nuốt không trôi, đụng đến là sút đầu mẻ trán” Cố gắng mới đó của địch rõ ràng là nhằm ngăn chặn tình thế đang phát triển có lợi cho ta, hạn chế sức tấn công của ta và gây khó khăn cho ta trong việc tổ chức một trận quyết chiến chiến lược với chúng lúc này. Cố gắng mới của địch đã mang lại kết quả tạm thời là bảo tồn được lực lượng chiến lược và giữ vững được các khu vực xung yếu. Nhưng về căn bản, những cố gắng đó lại hoàn toàn mâu thuẫn với kế hoạch Na-va, nói một cách khác có nghĩa là kế hoạch Na-va đã phải hoàn toàn đảo lộn. Do khối quân cơ động chiến lược bị phá vỡ, một phần lớn phải ném vào đóng giữ trong các tập đoàn cứ điểm, còn một phần phải xé nhỏ, tập trung ở mức thấp trên nhiều khu vực để đối phó với chiến tranh du kích đang ngày càng phát triển, nên vấn đề *ưu thế, chủ động, tích cực tấn công* đều không thực hiện được. Kế hoạch Na-va đã bước vào thời kỳ khủng hoảng trầm trọng. Khó khăn lớn về thiếu binh lực vẫn không có lối thoát. Lực lượng dự bị chiến lược bị giảm đi không còn đáng kể. Các tập đoàn cứ điểm lại cách xa nhau và nằm trong thế bị bao vây cô lập, không thể ứng cứu được lẫn nhau. Địch đã ngập sâu trong trạng thái bị động phòng ngự.

Trong tình thế rất có lợi đó, đối với ta, để tiếp tục phát huy thắng lợi, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch hơn nữa, không cho chúng tạo được điều kiện cứu vãn tình thế, vấn đề thực hiện một trận quyết chiến chiến lược rõ ràng đã phải được đặt ra, vì thời cơ của một trận quyết chiến chiến lược để quyết định thắng lợi căn bản cho cuộc kháng chiến đã đến.

Chiến tranh bao giờ cũng phát triển theo quy luật khách quan của nó, thời cơ quyết chiến chiến lược cũng đẻ ra trong quá trình vận động đó. Tuy nhiên, sự nỗ lực của chủ quan lại có thể thúc đẩy nhanh hơn hoặc cản trở, làm chậm lại thời cơ đó. Cho nên, người chỉ đạo chiến tranh sáng suốt, có tầm mắt xa rộng thì có thể nhìn thấy thời cơ đó khi nó sắp đến; do đó mà chủ động được với thời cơ: nếu không có lợi cho mình thì phải bằng mọi cách làm cho địch không thể lợi dụng được thời cơ đó; nếu có lợi cho mình thì phải kịp thời nắm lấy, gấp rút tổ chức lực lượng, buộc địch phải thực hành quyết chiến chiến lược, không để cho thời cơ muôn một đó trôi qua.

Tuy nhiên, điều kiện để giành thắng lợi của trận quyết chiến chiến lược không phải chỉ có thời cơ, mà còn có vấn đề mục tiêu quyết chiến và địa điểm quyết chiến. Phải quyết chiến chiến lược với bộ phận lực lượng nào của địch mới có thể tiêu diệt được phần sinh lực quan trọng nhất làm rung chuyển được toàn bộ quân địch? Phải quyết chiến chiến lược ở địa điểm nào có lợi nhất, vừa có thể tiêu diệt được sinh lực chủ yếu của địch, lại có thể phá tung được mắt xích chủ yếu trong toàn bộ âm mưu, kế hoạch của địch do đó mà đẩy chúng tới nguy cơ bị diệt vong? Muốn giải quyết được đúng đắn các vấn đề đó, người chỉ đạo chiến tranh phải phân tích được thật đầy đủ và toàn diện hình thế chiến tranh. Trung ương Đảng ta đã giải quyết được hoàn toàn đúng đắn các vấn đề này chính là trên cơ sở đã phân tích được hết sức khoa học toàn bộ tình hình ta, địch lúc đó. Mục tiêu quyết chiến chiến lược đã được nhằm vào Điện Biên Phủ, một tập đoàn cứ điểm lớn mạnh, nhưng nằm trong địa thế hoàn toàn bất lợi cho địch. Là một địa điểm bất lợi cho địch do sự sai lầm về chỉ đạo chiến lược của chúng gây ra, nhưng Điện Biên Phủ vẫn là một mắt xích quan trọng trong kế hoạch Na-va với âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh ở Đông Dương, như chính bại tướng Na-va đã xác nhận: “Tầm quan trọng của Điện Biên Phủ không thể bàn cãi được dù đối với cuộc chiến tranh chúng ta đang theo đuổi hoặc trong trường hợp chiến tranh mở rộng. Đó là cái bàn xoay cơ động trên những tuyến đường nối liền với biên giới Thái Lan, Miến Điện và Trung Quốc” Tiêu diệt được bộ phận sinh lực quan trọng của địch ở Điện Biên Phủ, ta sẽ làm cho lực lượng chiến lược của chúng bị suy yếu về căn bản. Từ tan vỡ khối cơ động chiến lược đến mất tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, kế hoạch Na-va sẽ triệt để phá sản cùng với chiến lược quân sự xâm lược của bọn đế quốc Pháp - Mỹ.

Vì đã sớm có dự kiến về mục tiêu và địa điểm, Trung ương Đảng ta đã tổ chức và chỉ đạo một loạt hoạt động để chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến

lược này. Để buộc địch phải giam chân một bộ phận lực lượng quan trọng ở Điện Biên Phủ, ta đã trước hết bao vây mà không đánh, sau đó tổ chức nghi binh chiến dịch ở các hướng khác, khiến địch phán đoán sai lạc ý định của ta; do đó, tuy chúng lo ngại Điện Biên Phủ bị tấn công, nhưng vẫn không kiên quyết rút bỏ. Thêm vào đó, vì chủ quan kiêu căng, cho là ta không dám đánh, địch đã trót tuyên truyền quá sớm một cách tự đắc về sự vững chắc của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, coi đó như một địa điểm rất “lý tưởng”, để dụ chủ lực ta đến cho chúng tiêu diệt, nên địch đã gây nhiều ảo tưởng không những đối với quân đội xâm lược Pháp mà còn đối với tất cả các giới xâm lược Pháp - Mỹ: “Tất cả mọi người từ binh lính đến sĩ quan đều coi cái chiến trường được chuẩn bị sẵn đó như một nơi mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp lần đầu tiên tạo điều kiện cho chúng ta bẻ gãy những đại đoàn chính quy của ông ta, nếu ông ta tấn công” Đến khi biết quân ta tập trung lực lượng tấn công Điện Biên Phủ, địch cũng buộc phải hạ quyết tâm không để mất Điện Biên Phủ. Bởi vì, nếu để mất Điện Biên Phủ, một tập đoàn cứ điểm lớn mạnh nhất Đông Dương đã bị tiêu diệt, thì cũng có nghĩa là ở bất cứ nơi nào địch cũng có nguy cơ bị quét sạch, ý chí xâm lược của bọn đế quốc Pháp - Mỹ sẽ bị giáng một đòn sấm sét, tinh thần binh lính địch sẽ suy sụp, tan rã không thể cứu vãn. Trong điều kiện binh lực phân tán rất có hạn, Na-va đã phải dốc toàn lực, cố gắng tăng cường cho Điện Biên Phủ. Hàng chục tiểu đoàn ứng chiến tinh nhuệ nhất đã được tập trung tại đây, hình thành một mục tiêu rất lớn cho quân ta thực hành quyết chiến chiến lược. Quá trình phát triển của chiến cục Đông - Xuân đã làm cho Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Na-va. Sự thay đổi đó của kế hoạch Na-va là hoàn toàn bị động, là chịu sự điều khiển của ta.

Thời cơ, mục tiêu và địa điểm đều là những yếu tố cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của trận quyết chiến; nhưng đó vẫn chỉ là những điều kiện khách quan, là những khả năng thắng lợi; để giành được thắng lợi bao giờ cũng phải có điều kiện chủ quan, đó là vấn đề lực lượng, vấn đề khả năng thực tế của ta. Cho nên, có thực hiện được quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ hay không là còn phải có vấn đề so sánh lực lượng. Đây cũng là một vấn đề then chốt để hạ quyết tâm quyết chiến.

Thời cơ đã đến, nhưng cùng đến với thời cơ lại là những khó khăn mới rất lớn. Địch phòng ngự bằng hình thức tập đoàn cứ điểm, một lối phòng ngự đã chiến rất mới, cao hơn hẳn một bậc so với trình độ tác chiến của quân ta.

Vậy thì có thể tổ chức quyết chiến chiến lược vào tập đoàn cứ điểm lớn mạnh nhất đó của địch hay không, cũng tức là có dám từ tấn công nhỏ bé tiến tới những cuộc tấn công to lớn hay không, có dám tiếp tục giành thắng lợi to lớn hay không, đó là một thử thách hết sức to lớn đối với những người chỉ đạo chiến tranh lúc này.

Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm rất lớn, gồm 49 cứ điểm cùng với một lực lượng chiếm đóng rất mạnh, gồm hơn 20 tiểu đoàn quân tinh nhuệ. Địch lại chiếm ưu thế tuyệt đối về không quân. Trong khi đó, trình độ tác chiến công kiên của quân ta tuy đã có những bước trưởng thành đáng kể, nhưng mới đánh được những cứ điểm với binh lực lớn nhất là một tiểu đoàn, kinh nghiệm về đánh tập đoàn cứ điểm, đánh trận địa ban ngày còn rất ít. Về hỏa lực, ta vẫn còn thua kém địch. Điện Biên Phủ lại là một vị trí nằm lọt giữa những dãy núi rừng hiểm trở của Tây Bắc, đường ra vào rất không thuận tiện, vấn đề đưa binh lực vào trận địa sẽ gặp nhiều khó khăn rất lớn, nhất là lại phải tiến hành dưới sự uy hiếp của không quân địch. Những khó khăn đó, chính kẻ địch của chúng ta cũng đã xác nhận: “Việt Minh không thể dùng trọng pháo ở đó với số lượng quan trọng do những khó khăn về vận chuyển” “Việt Minh phải đặt pháo ở trên những sườn núi đổ xuống phía trong lòng chảo Điện Biên... nhưng điều đó không thể thực hiện được, vì những khẩu pháo đó sẽ bị phát hiện từ khi chúng đang được kéo vào vị trí” Với lực lượng rất lớn mạnh và sức phòng thủ rất vững chắc, địch tin rằng quân ta sẽ không thể nào đánh nổi. Chúng đã khẳng định với nhau một cách chắc chắn: “Một khi chúng ta đã ở Điện Biên Phủ, chúng ta sẽ làm cho cái lòng chảo ấy trở thành một bãi chiến trường, tại đây chúng ta có thể bẻ gãy bọn Việt Minh” và “chúng ta sẽ cho họ biết tay”, “họ cứ việc đến, họ sẽ biết được chúng ta sẽ giành cho họ cái gì!”

Bên cạnh những khó khăn về trình độ tác chiến và trang bị thua kém, vấn đề cung cấp cũng là một khó khăn rất lớn. Bởi vì, muốn tấn công tiêu diệt một lực lượng địch đông và mạnh như thế, ta cần phải tập trung ưu thế binh lực gấp đôi, gấp ba. Những trận chiến đấu của binh đoàn lớn đó đòi hỏi một khối lượng vật chất rất lớn; nhưng Điện Biên Phủ lại ở xa hậu phương, cơ sở vùng giải phóng Tây Bắc còn yếu, tuyến tiếp tế rất dài, đường vận chuyển rất khó khăn, lại bị không quân địch hàng ngày uy hiếp. Làm thế nào bảo đảm vận chuyển được hàng vạn tấn lương thực, đạn dược từ hậu phương tới để cung cấp cho bộ đội tác chiến, đó quả là một vấn đề rất khó giải quyết.

Tất cả những khó khăn này đều là những khó khăn rất lớn, không thể dễ dàng và nhanh chóng khắc phục ngay được. Vậy thì khả năng thực tế của ta đã cho phép ta có thể thực hành quyết chiến chiến lược vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ hay chưa? Để trả lời vấn đề đó, Trung ương Đảng ta đã không phân tích và giải quyết vấn đề bằng những con số cộng trừ như những nhà toán học thuần túy. Với lối nhìn sự vật một cách biện chứng và phát triển, Trung ương đã thấy được sau những khó khăn rất lớn đó còn có những thuận lợi căn bản và những khả năng tiềm tàng vô tận của quân chúng cách mạng, có thể chiến thắng được mọi khó khăn. Trung ương nhận định rằng, Điện Biên Phủ là một vị trí xây dựng giữa vùng rừng núi rộng lớn. Trên chiến trường này ưu thế không quân và pháo binh của địch sẽ không thể phát huy được đầy đủ. Đó là điều hết sức bất lợi cho địch, một quân đội xâm lược vẫn lấy ưu thế vũ khí trang bị làm sức mạnh. Trên chiến trường này ta có thể lợi dụng được địa hình thuận lợi, đưa binh lực lớn vào tận nơi để bao vây tấn công địch cả ban đêm lẫn ban ngày. Điện Biên Phủ đứng trong thế hoàn toàn bị cô lập, cách xa hậu phương cung cấp của địch hàng mấy trăm cây số, tuyến giao thông tiếp tế duy nhất của chúng phải dựa vào cầu hàng không. Tình trạng đó dễ làm cho địch phải lâm vào thế bị động phòng ngự. Lực lượng địch tuy mạnh nhưng chỉ có hạn; nếu ta đẩy mạnh các hoạt động phối hợp tác chiến trên các chiến trường thì dù địch có dốc hết mọi cố gắng, khả năng tăng viện cũng chỉ đạt được tới mức nhất định. Còn ta, với những đại đoàn chủ lực tinh nhuệ, ta có thể tập trung được ưu thế binh lực. Trình độ tác chiến của bộ đội ta tuy còn thấp hơn so với yêu cầu, nhưng vừa trải qua nhiều chiến dịch thắng lợi, nên đã có những bước trưởng thành đáng kể về chiến đấu công kiên, nhất là đã được qua chỉnh huấn về cải cách ruộng đất, trình độ giác ngộ chính trị của cán bộ và chiến sĩ đã được nâng lên rất nhiều, tinh thần chiến đấu rất cao. Đó là những điều kiện chủ quan rất tốt để khắc phục khó khăn. Đó cũng là cơ sở để đẩy trình độ tác chiến của quân ta lên kịp với yêu cầu của trận chiến đấu mới. Những khó khăn về cung cấp tuy rất lớn, nhưng cũng có thể giải quyết được. Vì ta có hậu phương rộng lớn, qua đợt cải cách ruộng đất đầu tiên, hơn hai triệu nông dân đã vươn mình. Sự kiện đó đang có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ các tầng lớp nông dân trong vùng tự do cũng như vùng tạm bị chiếm. Lực lượng đông đảo đó sẽ sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến, có thể đảm bảo việc vận chuyển tiếp tế đầy đủ cho bộ đội chiến đấu...

Chính là trên cơ sở phân tích một cách toàn diện những khó khăn và thuận lợi, với lòng tin tưởng sắt đá vào khả năng sáng tạo của quần chúng,

Trung ương Đảng ta đã hạ quyết tâm *dốc toàn lực tiêu diệt bằng được quân địch ở Điện Biên Phủ*. Quyết tâm hết sức dũng cảm đó chứng tỏ rằng, trong sự chỉ đạo chủ quan, Trung ương Đảng ta đã luôn luôn nhìn về phía trước, biết dựa trên những khả năng cho phép, đề ra được yêu cầu vừa sức và tích cực nhất để thúc đẩy sự nỗ lực của chủ quan tiến tới, dám từ thắng lợi nhỏ, cục bộ tiến lên giành lấy những thắng lợi to lớn và quyết định. Quyết tâm đó còn thể hiện tinh thần kiên quyết và tích cực tấn công địch; chứng tỏ rằng Trung ương Đảng ta đã làm rất đúng chỉ thị của Lê-nin: *"Cần phải làm cho cuộc tấn công của chúng ta từ nhỏ bé, cục bộ sang to lớn và toàn bộ, dẫn tới thắng lợi cuối cùng"* (Lê-nin, *Toàn tập*, quyển 20, tr. 32, bản tiếng Nga).

Với quyết tâm đánh Điện Biên Phủ, ta đã đẩy địch vào một tình thế hoàn toàn bị động và lúng túng. Địch bắt buộc phải quyết chiến chiến lược với ta trong lúc thời cơ đang bất lợi cho chúng và trên một chiến trường rất bất lợi cho chúng. Trước quyết tâm của ta đánh Điện Biên Phủ, nếu để Điện Biên Phủ bị tiêu diệt, địch không những sẽ bị mất một bộ phận sinh lực quan trọng nhất, làm suy yếu rõ rệt lực lượng chiến lược của chúng, mà lớn hơn nữa là sẽ đưa đến sự suy sụp không thể cứu vãn được về mặt chính trị. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt, quân đội của địch sẽ hoang mang dao động đến cực độ, nguy cơ bị tan rã là không thể nào tránh khỏi. Mất Điện Biên Phủ còn có nghĩa là vị trí cuối cùng mà địch hy vọng có thể nhờ đó để tiếp tục âm mưu mở rộng chiếm đóng vùng chiến lược Tây Bắc, nơi có thể che chở cho phòng tuyến Thượng Lào, nơi địa bàn quan trọng để chuẩn bị cho âm mưu mới đã mất. Và như vậy, kế hoạch Na-va sẽ triệt để phá sản; cuộc chiến tranh xâm lược của chúng sẽ phải kết thúc với sự thất bại hết sức nhục nhã. Hơn nữa, lúc này phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp đòi chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương đang lên cao; nội bộ bọn thống trị Pháp đang mâu thuẫn lúng củng; nếu lại bị thất bại ở Điện Biên Phủ, chính phủ phản động hiện thời sẽ không thể tránh khỏi sụp đổ. Tất cả những điều kiện khách quan và chủ quan đó đã buộc địch phải dốc hết cố gắng giữ bằng được Điện Biên Phủ. Thế là một lần nữa ta lại toàn thắng địch trong cuộc chạy đua về sự chỉ đạo chủ quan. Với nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài tình, luôn nắm vững được quyền chủ động, ta đã buộc địch phải làm theo ý muốn của ta. Sự sáng suốt về chỉ đạo chiến lược đó đã thúc đẩy cho chiến thuật cố gắng vươn tới và hoàn thành được những nhiệm vụ chiến đấu vượt quá khả năng thực tế của mình.

Trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ đã được quyết định. Đó là một quyết tâm về chiến lược, cần phải được thực hiện với một ý chí sắt đá, bất

chấp mọi khó khăn. Để biến quyết tâm chiến lược của chỉ đạo thành quyết tâm và hành động của quần chúng, Trung ương Đảng ta đã trực tiếp tổ chức và chỉ đạo trận quyết chiến này với một tinh thần kiên quyết nhất. Do sự thay đổi về phương châm tác chiến, từ “đánh nhanh giải quyết nhanh” sang “đánh chắc tiến chắc”, bộ đội ta phải ba lần kéo pháo ra, vào trận địa, phải dùng sức người để đẩy những khẩu pháo nặng hàng tấn vượt dốc, leo đồi, đầy gian lao nguy hiểm. Với dụng cụ thô sơ, bộ đội ta phải làm hàng trăm cây số đường xuyên rừng qua suối vào trận địa; để tiếp cận tấn công địch, bộ đội ta phải đào hàng trăm cây số giao thông hào dưới làn hỏa lực dày đặc của địch; trước sự cố gắng giãy chết của địch, có những trận công kiên ác liệt ta bị tổn thất, thương vong nhiều; ta phải vừa đánh vừa học tập, phải dùng xương máu để tìm ra kinh nghiệm, biện pháp, v.v... Có biết bao nhiêu là khó khăn gian khổ cần phải vượt qua! Nhưng với sự chỉ đạo tài tình, quyết tâm sắt đá của Trung ương Đảng đã được biến thành quyết tâm sắt đá của quần chúng. Bộ đội ta đã khắc phục và chịu đựng mọi khó khăn gian khổ để tiến quân vào trận địa và đã chiến đấu cực kỳ anh dũng. Nhân dân ta đã hăng hái xung phong đi phục vụ tiền tuyến, hơn 26 vạn dân công được huy động đã chuyên chở hàng chục vạn tấn lương thực, đạn dược tiếp tế cho mặt trận Điện Biên Phủ. Những tấm gương hy sinh chói lọi để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang của mình như Tô Vĩnh Diện, Phan Tư, Phan Đình Giót... đều là tượng trưng của ý chí quyết chiến quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong trận quyết chiến chiến lược vĩ đại này.

Kẻ địch đã phải tự thú nhận một cách chua chát sự thất bại của chúng trong cuộc chạy đua về năng lực chủ quan: “Trong 7 năm quân đội viễn chinh Pháp đã mong có cuộc chiến đấu công khai để có thể tiêu diệt được quân chiến đấu của tướng Võ Nguyên Giáp. Trong 7 năm Việt Minh đã tránh được những đòn đánh đó, mặc dù họ kém phương tiện. Đến khi họ chấp nhận chiến đấu công khai là xảy ra ở Điện Biên Phủ!”

Chúng ta đã toàn thắng. Trí sáng tạo và tinh thần quật cường của Đảng ta, nhân dân ta và quân đội ta đã viết nên thiên anh hùng ca bất hủ Điện Biên Phủ.

Thắng lợi của trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ là đỉnh cao nhất của thắng lợi trong suốt 8 năm kháng chiến của quân đội và nhân dân ta. Cùng với những thắng lợi khác, thắng lợi lịch sử Điện Biên Phủ đã góp phần quyết định nhất đưa tới việc lập lại hòa bình ở Đông Dương và miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

Là người tổ chức và chỉ đạo mọi thắng lợi của cách mạng và kháng chiến, Trung ương Đảng ta đã tổ chức và chỉ đạo thắng lợi trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. Có được thắng lợi lịch sử Điện Biên Phủ là nhờ sự lãnh đạo hết sức tài tình của Trung ương Đảng ta. Luôn nắm vững phương châm *“tích cực tấn công”, “tập trung ưu thế vào địa điểm quyết định, trong thời cơ quyết định”*, là những quy luật cơ bản để giành thắng lợi của chiến tranh, Trung ương Đảng ta đã vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng quân sự Mác Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Trên cơ sở phân tích hết sức khoa học hình thế của chiến tranh, với lòng tin tưởng mãnh liệt vào khả năng sáng tạo của quân chúng, Trung ương Đảng ta đã có những chủ trương rất dũng cảm và kiên quyết trong trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. Một loạt thắng lợi liên tiếp của các chiến dịch trong chiến cục Đông Xuân mà cuối cùng là Điện Biên Phủ, đã chứng tỏ rằng, việc tổ chức và chỉ đạo trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ là một mẫu mực về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh cách mạng của Đảng ta trong cuộc kháng chiến thần thánh (1945-1954) của dân tộc ta.

CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ LÀ THẮNG LỢI CỦA ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO ĐÚNG ĐẮN CỦA ĐẢNG TA*

LÊ QUANG ĐẠO

22 giờ ngày 7 tháng 5 năm 1954, sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, kể từ lúc tiếng súng tấn công của trận quyết chiến chiến lược vĩ đại bắt đầu, với một tinh thần dũng cảm phi thường, quân đội ta đã tiêu diệt 16.200 tên địch ở Điện Biên Phủ, bao gồm 2/5 chủ lực cơ động tinh nhuệ nhất của quân đội viễn chinh Pháp trên chiến trường Bắc Bộ, trong một tập đoàn cứ điểm kiên cố nhất Đông Dương, được tăng cường phòng ngự bằng vũ khí và phương tiện hiện đại của đế quốc Mỹ viện trợ. Với chiến thắng Điện Biên Phủ, nhân dân và quân đội ta đã ghi lại một trang sử vẻ vang chưa từng có trong lịch sử đấu tranh vũ trang của dân tộc ta chống đế quốc xâm lược.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã giáng một đòn sấm sét vào âm mưu mở rộng và kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ, đánh dấu một sự chuyển biến lớn lao trong cục diện chính trị và quân sự ở Đông Dương, góp phần quyết định vào thắng lợi to lớn ở hội nghị Giơ-ne-vơ 1954, lập lại hòa bình ở Đông Dương, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước ta và hai nước bạn láng giềng: Cam-pu-chia và Lào.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng của nhân dân ta từ Bắc chí Nam, là chiến thắng của các dân tộc Đông Dương, là chiến thắng của phe xã hội chủ nghĩa và là chiến thắng của các nước nhỏ yếu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược.

Chiến thắng Điện Biên Phủ không những là một đòn quyết định đánh vào vị trí của đế quốc Pháp đã thống trị bán đảo Đông Dương gần một thế kỷ

* Bài viết nhân kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, đăng trên Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 5-1964.

mà còn là một đòn đánh mạnh làm rung chuyển cả hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Ba tiếng Điện Biên Phủ đã trở thành tiếng kèn chiến thắng giòn giã vang dội khắp trái đất, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đang đứng lên giành tự do, độc lập.

Chiến thắng Điện Biên Phủ càng chứng tỏ “dân tộc ta là dân tộc anh hùng, quân đội ta là quân đội anh hùng” Được Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, nhân dân và quân đội ta có thể chiến thắng bất cứ kẻ thù xâm lược nào. Cuộc thử lửa này đã đánh dấu một bước trưởng thành mới của quân đội ta.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi của Đảng ta trong việc vận dụng tài tình và sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh và cách mạng, về lãnh đạo đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang trong hoàn cảnh cụ thể của một nước thuộc địa và nửa phong kiến nhỏ yếu chống đế quốc xâm lược.

Kỷ niệm chiến thắng lịch sử này, chúng ta hãy cùng nhau ôn lại một số bài học nhằm quán triệt thêm sâu sắc đường lối đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng ta.

CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ LÀ THẮNG LỢI CỦA ĐƯỜNG LỐI BẠO LỰC CÁCH MẠNG, ĐẤU TRANH VŨ TRANG Ở MỘT NƯỚC THUỘC ĐỊA NHỎ YẾU CHỐNG ĐẾ QUỐC XÂM LƯỢC

Điện Biên Phủ không phải chỉ là một cuộc đọ sức giữa ta và địch trong hai tháng ở mặt trận này mà là đỉnh cao nhất của cuộc kháng chiến toàn dân của chúng ta, là kết cục của một quá trình đấu tranh cách mạng, đấu tranh vũ trang lâu dài do Đảng ta lãnh đạo.

Với cuộc Cách mạng tháng Tám thành công và sau Điện Biên Phủ thắng lợi, đối với nhân dân ta thì việc cần thiết và có thể dùng bạo lực cách mạng đánh đổ bọn đế quốc xâm lược là một sự thật lịch sử. Đối với nhiều dân tộc bị áp bức khác trên thế giới, chân lý đó cũng đã quá rõ ràng. Nhưng nhìn lại trước đây, trong thời kỳ đế quốc Pháp thống trị, nhân dân ta với hai bàn tay trắng, không có một tác sất, trong khi đế quốc Pháp và phát-xít Nhật có cả một bộ máy thống trị với lực lượng vũ trang mạnh mẽ, hay nhìn lại ngay thời kỳ đầu kháng chiến, lực lượng vũ trang cách mạng của chúng ta còn nhỏ bé, vũ khí còn thô sơ, mà địch thì có cả một quân đội nhà nghề, giàu

kinh nghiệm, trang bị hoàn toàn hiện đại, mấy ai lúc đó tưởng tượng được rằng ta có thể làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ. Chỉ có Đảng ta, được trang bị bằng chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm vững “tư tưởng về cách mạng bạo lực là nền móng của toàn bộ học thuyết của Mác và Ăng-ghe-n”¹ nên ngay từ lúc ra đời đã sớm vạch ra được con đường cho nhân dân ta đi tới thắng lợi vẻ vang. Những chiến sĩ cách mạng của Đảng ta, trong đó có bao nhiêu đồng chí trước khi bị đưa lên máy chém hoặc đưa ra trường bắn của bọn đế quốc, trước khi thở hơi cuối cùng, vẫn một lòng tin tưởng vững chắc ở con đường tất thắng của mình, đó là con đường vận động quần chúng đứng lên làm cách mạng, dùng bạo lực chôn vùi chủ nghĩa đế quốc, phong kiến.

Trải qua mấy chục năm đấu tranh, Đảng ta tùy tình hình từng thời kỳ, vận dụng nhiều hình thức đấu tranh cách mạng khác nhau rất linh hoạt từ thấp lên cao, lúc chính trị, lúc vũ trang, lúc vừa chính trị vừa vũ trang, kết hợp công tác công khai và bí mật để phát triển lực lượng. Song luôn nhớ lời dạy của Lê-nin: “Không có cách mạng bạo lực thì không thể lấy Nhà nước vô sản thay cho Nhà nước tư sản được”², Đảng ta không bao giờ đi chệch con đường Mác-xít - Lê-nin-nít chân chính là con đường bạo lực cách mạng.

Trong cương lĩnh đầu tiên của Đảng, do đồng chí Trần Phú khởi thảo, Đảng đã xác định rõ nhiệm vụ của Đảng là phải “đánh đổ chính phủ của địch nhân và giành lấy chính quyền cho công nông”³ Đảng ta đã sớm đặt vấn đề lực lượng vũ trang và tiến hành đấu tranh vũ trang. Trong cương lĩnh đầu tiên của Đảng, việc xây dựng quân đội công nông được coi là một nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng. Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 về tình hình và nhiệm vụ cần kíp của Đảng lại quyết định “phải tổ chức bộ quân sự của Đảng để:

1. Làm cho đảng viên được quân sự huấn luyện.
2. Giúp cho công nông hội tổ chức tự vệ⁴. Từ những năm 1930-1931 Đảng ta đã nghiêm khắc phê phán khuynh hướng “sợ đấu tranh kịch liệt”, chủ nghĩa “bất bạo động”, “hòa bình tranh đấu” của một số đảng viên.

Bước sang thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ hai, lợi dụng sự suy yếu của quân thù, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa vũ trang từng phần, xây dựng căn cứ địa cách mạng ở nông thôn miền núi và xúc tiến việc

1. Lê-nin, *Nhà nước và cách mạng*, Nxb Sự thật, năm 1956, tr. 30.

2. Lê-nin... Sdd, tr. 31.

3. *Nghị quyết quân sự của Đảng 1930-1960*, Nxb Quân đội nhân dân, tr. 9.

4. Lê-nin... Sdd, tr.11.

xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, tích cực chuẩn bị chờ thời cơ giành chính quyền trong cả nước. Thông báo gửi các cấp ngày 21-12-1941 của Trung ương Đảng ghi rõ: “Chính phủ lâm thời cách mạng của địa phương phải thi hành ngay những điều cốt yếu trong chương trình Việt Minh, tổ chức nhân dân cách mạng quân, tiếp tục chiến đấu đánh đuổi Pháp, Nhật... Hiện nay các bộ đội hàng ngày chiến đấu tiêu trừ Việt gian và chống Nhật, Pháp, đó là đội quân Bắc Sơn, Đình Cả, Trùng Xá (Bắc Kỳ) rút vào rừng sau cuộc khởi nghĩa thất bại năm ngoái. Các đảng bộ phải xem xét những điều kiện có thể để mở rộng những bộ đội ấy, gây thêm những bộ đội mới để mở rộng du kích chiến tranh”¹

Tháng 8-1945 khi Quân đội Xô-viết giành được thắng lợi quyết định ở mặt trận phía Đông, chủ nghĩa quân phiệt Nhật bị tan rã và phải đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, bọn thống trị Nhật và tay sai của chúng hoang mang dao động đến cực độ, Đảng ta đã nắm vững thời cơ, lãnh đạo các lực lượng vũ trang cách mạng và toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa cướp chính quyền.

Có người cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là “ăn may” Nói như vậy là không đúng. Cách mạng tháng Tám nổ ra trong điều kiện khách quan thuận lợi nhưng nếu không tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt kể cả lực lượng vũ trang, không tập dượt cho quân chúng đấu tranh ngót hai chục năm ròng thì làm gì mà tranh thủ được thời cơ thuận lợi, làm gì có cách mạng thành công.

Lại có người cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là thắng lợi của con đường hòa bình. Quan niệm này hoàn toàn sai lầm. Một trong những kinh nghiệm lớn mà Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960) đã nêu lên là Đảng ta đã giành chính quyền bằng con đường vũ trang, trong đó Đảng đã khéo kết hợp lực lượng vũ trang với lực lượng chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị để giành thắng lợi. Dù ít đổ máu, Cách mạng tháng Tám là cách mạng bạo lực. Trước Cách mạng tháng Tám, chúng ta đã dùng lực lượng quân sự mở rộng địa bàn cách mạng, lập khu giải phóng, nhiều lần đánh nhau với quân đội Nhật làm cho thanh thế cách mạng ngày càng rộng lớn, tinh thần bọn thống trị ngày càng sa sút. Đến khởi nghĩa tháng Tám, Quân giải phóng đã cùng với lực lượng quần chúng có tổ chức, nhất là những đội tự vệ cứu quốc được vũ trang và nhân dân đông đảo nổi lên giành chính quyền. Tuy không phải nơi nào cũng giành chính quyền bằng hình thức đấu tranh vũ trang nhưng Cách mạng tháng Tám

1. *Nghị quyết quân sự của Đảng 1930-1960*, Nxb Quân đội nhân dân, tr. 35, 36.

thật có tính chất vũ trang khởi nghĩa. Thử hỏi nếu không có lực lượng vũ trang làm áp lực cho đấu tranh chính trị, liệu Cách mạng tháng Tám có thể hạn chế được tổn thất hay không? Có thể giành được chính quyền về tay quần chúng công nông tương đối ít đổ máu hay không?

Tiếp theo Cách mạng tháng Tám, chúng ta phải trải qua 8, 9 năm kháng chiến cho đến sau thắng lợi Điện Biên Phủ mới giải phóng hoàn toàn được nửa nước. Cuộc kháng chiến lâu dài chính là tiếp tục sự nghiệp của Cách mạng tháng Tám bằng hình thức đấu tranh vũ trang.

Rõ ràng thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, thắng lợi của Điện Biên Phủ chỉ cho chúng ta thấy rằng *một dân tộc bị đế quốc thống trị muốn giành độc lập, tự do thực sự thì không có con đường nào khác là phải dùng bạo lực cách mạng đập tan bạo lực phản cách mạng của bọn đế quốc*. Theo kinh nghiệm của dân tộc ta và kinh nghiệm của nhiều dân tộc bị áp bức khác trên thế giới, con đường đấu tranh vũ trang thực sự đã là *quy luật phổ biến* để giành thắng lợi triệt để. Không đi theo con đường đó thì chỉ có con đường đầu hàng thỏa hiệp với đế quốc và nhiều lắm là giành được một thứ “độc lập” giả hiệu mà thôi.

Nếu không có chủ nghĩa xét lại hiện đại thì vấn đề này có lẽ cũng không phải bàn cãi gì thêm nữa. Song chủ nghĩa xét lại hiện đại đang tuyên truyền cho con đường giành độc lập bằng thương lượng hòa bình, thỏa hiệp với đế quốc; bằng chờ đợi chính sách phi thực dân hóa của chúng; bằng trông mong ở đế quốc thì hành nghị quyết của Liên hiệp quốc “thủ tiêu chế độ thực dân”. Thật là nực cười. Trước đây giai cấp tư sản ở Việt Nam và một số nhân sĩ trí thức đã từng đề xướng cái thuyết “Pháp Việt đề huê” hoặc dựa vào đế quốc này chống đế quốc khác. Tất cả các tà thuyết đó đã bị thất bại thảm hại. Nếu nhân dân Việt Nam lầm theo các tà thuyết đó thì một thắng lợi nhỏ cũng không đạt được chứ đừng nói đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Trong Cách mạng tháng Tám ta có hoàn cảnh khách quan thuận lợi; trong kháng chiến ta được sự ủng hộ nhiệt tình của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Nhưng nếu nhân dân ta không có sự nỗ lực phi thường, không có tinh thần hy sinh dũng cảm dám đương đầu với đế quốc, thì thử hỏi làm sao tận dụng được mọi yếu tố thuận lợi của khách quan, làm sao giành được thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, làm sao có được chiến công hiển hách Điện Biên Phủ?

Nếu nhân dân ta chỉ đấu tranh hòa bình trong khuôn khổ mà bọn thống trị cho phép, chờ đến khi các nước xã hội chủ nghĩa anh em xây dựng kinh

tế, phát triển sản xuất vượt chủ nghĩa đế quốc về sản lượng tính theo đầu người hoặc ngồi đợi cách mạng Pháp thành công với hy vọng “bất chiến tự nhiên thành” thì chỉ là “há miệng chờ sung” Sa vào con đường đó, nhân dân ta sẽ làm nô lệ cho đế quốc chưa biết đến bao giờ. Đương nhiên không bao giờ có chiến thắng Điện Biên Phủ.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng ta không bỏ lỡ cơ hội lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ của bọn đế quốc, không phản đối việc thương lượng với chúng trên cơ sở giữ vững nguyên tắc có lợi cho cách mạng. Song Đảng ta không bao giờ có ảo tưởng ở lòng thành thật của chúng. Sự phản bội hiệp định 6-3, tạm ước 14-9 mà chính phủ tư sản Pháp đã ký với chính phủ ta càng chứng minh dã tâm của bọn đế quốc. Năm 1954, sở dĩ chúng phải thực sự thương lượng với ta ở hội nghị Giơ-ne-vơ vì chúng là kẻ chiến bại còn ta là kẻ chiến thắng. Người nào cho rằng kết quả đạt được ở Hội nghị Giơ-ne-vơ là thắng lợi của chính sách thương lượng hòa bình là không thấy bản chất của bọn đế quốc, là thái độ phủ định kết quả của một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân ta do Đảng ta lãnh đạo, không thấy ý nghĩa có tính chất quyết định của chiến thắng Điện Biên Phủ.

Cuộc đấu tranh vũ trang của chúng ta tiến hành trong hoàn cảnh của một nước thuộc địa; trước khi cách mạng Trung Quốc thành công, nước ta bốn bề ở trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, địa thế dài dẽ bị chia cắt, nên không phải là có những điều kiện đặc biệt thuận lợi, mà chính là phải vượt muôn vàn khó khăn. Song nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đem tinh thần dũng cảm cách mạng, khắc phục mọi khó khăn, để đi từ thắng lợi nhỏ đến thắng lợi lớn.

Quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta không phải lúc nào cũng giành được thắng lợi. Xô viết Nghệ Tĩnh, khởi nghĩa Nam Kỳ, Bắc Sơn... đã bị chìm trong biển máu. Trong kháng chiến cũng vậy, chúng ta có những trận không thắng, thậm chí còn thất bại. Song những thất bại ấy chỉ là cục bộ, tạm thời và qua đó chúng ta rút ra được những bài học xương máu để tiến lên giành thắng lợi, để có chiến thắng Điện Biên Phủ.

Cũng không phải cứ dùng bạo lực cách mạng, tiến hành đấu tranh vũ trang, tự khắc sẽ đạt được thắng lợi. Vấn đề cơ bản quyết định thắng lợi của kháng chiến lâu dài, của Điện Biên Phủ là chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ đúng đắn của Đảng ta.

Trưởng thành trong một nước thuộc địa nửa phong kiến, giai cấp công nhân còn chiếm một tỷ lệ nhỏ trong dân cư, Đảng ta ngày càng nhận thức

sâu sắc nguyên lý vĩ đại về liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân của Lê-nin và luận điểm nổi tiếng của Xta-lin về vấn đề dân tộc thực chất là vấn đề dân cày và vấn đề dân cày là nhân tố cơ bản quyết định của mặt trận phản đế của cách mạng giải phóng dân tộc. Đảng ta đã nắm vững đường lối cách mạng dân tộc - dân chủ, kết hợp đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến, do đó đã động viên được toàn dân, chủ yếu là lực lượng nông dân đông đảo, mang sức mạnh phi thường của mình ra đánh bại kẻ thù xâm lược.

Trong và sau Cách mạng tháng Tám cũng như trong thời kỳ kháng chiến, chúng ta đã giải quyết từng bước vấn đề ruộng đất cho nông dân. Đến năm 1953-1954, nhờ chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất, tinh thần cách mạng của hàng triệu nông dân được phát động mạnh mẽ, công nông liên minh được thực sự củng cố, do đó mọi mặt kháng chiến đều được đẩy mạnh. Người nông dân đã dốc toàn lực ra phục vụ cho tiền tuyến Điện Biên Phủ, không từ một khó khăn gian khổ, một hy sinh nào. Trên chiến trường, những chiến sĩ quân đội nhân dân - tuyệt đại đa số là nông dân mặc áo lính cầm súng đánh giặc dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản qua cuộc chỉnh quân về cải cách ruộng đất, được nâng cao giác ngộ giai cấp, càng thêm phấn khởi quyết tâm chiến đấu, không tiếc xương máu, để giành toàn thắng cho chiến dịch.

Rõ ràng thắng lợi của Điện Biên Phủ đã được chuẩn bị ngay từ khi tiến hành cuộc phát động cải cách ruộng đất thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng” Thắng lợi của Điện Biên Phủ cũng là thắng lợi của chính sách cải cách ruộng đất, là thắng lợi của đường lối cách mạng dân tộc - dân chủ đúng đắn của Đảng ta.

CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ LÀ THẮNG LỢI CỦA ĐƯỜNG LỐI CHIẾN TRANH NHÂN DÂN CỦA ĐẢNG TA

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ của quân dân ta, các nhà lý luận quân sự tư sản thi nhau tìm nguyên nhân thắng lợi của ta, thất bại của địch. Nhưng có điều họ không thể nào hiểu nổi chiến thắng Điện Biên Phủ của ta là thắng lợi của chiến tranh nhân dân, của đường lối chiến tranh đúng đắn của Đảng ta.

Chiến tranh nhân dân là chiến tranh chính nghĩa do đông đảo quần chúng nhân dân tiến hành, chống đế quốc xâm lược. Trong thời đại ngày

nay, đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc, một cuộc chiến tranh nhân dân thực sự phải là cuộc chiến tranh do Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo, lấy nông dân làm quân chủ lực, thực hiện được công nông liên minh vũ trang chiến đấu chống xâm lược và lật đổ ách thống trị của đế quốc và bè lũ tay sai.

Nội dung chính của chiến tranh nhân dân là *toàn dân đánh giặc*. Không phải chỉ có quân đội đánh giặc, còn nhân dân chỉ đóng vai trò thụ động, ủng hộ và làm hậu thuẫn cho quân đội, mà mọi người dân bằng mọi phương tiện, vũ khí có trong tay đều trực tiếp đánh giặc. Trong cuộc kháng chiến lâu dài của ta, khẩu hiệu “mỗi người dân là một người lính, mỗi thôn xã là một pháo đài, mỗi chi bộ Đảng, mỗi ủy ban kháng chiến là một bộ tham mưu” đã trở thành hành động thực tiễn giết giặc cứu nước hàng ngày của toàn dân ta từ Bắc chí Nam, từ nông thôn đến thành thị, từ vùng tự do đến vùng bị tạm chiếm.

Dựa trên tinh thần kiên quyết cách mạng của mình, nhân dân và quân đội ta đã vận dụng mọi hình thức tác chiến từ thấp lên cao, từ đánh du kích nhỏ với vũ khí thô sơ tiến lên đánh du kích lớn với vũ khí được cải tiến hơn, từ tác chiến với đơn vị nhỏ tiến lên tác chiến với đơn vị lớn hơn, từ tác chiến phân tán tiến lên tác chiến với các binh đoàn chủ lực tập trung. Như vậy là chiến tranh nhân dân không phải chỉ là đánh du kích, đánh phân tán, đánh bằng vũ khí thô sơ mà còn phải tiến lên các hình thức tác chiến tập trung cao hơn, các chiến dịch tấn công với quy mô lớn của các binh đoàn chủ lực mới tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng được từng bước đất đai của Tổ quốc, đưa kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là đỉnh cao nhất của cuộc chiến tranh nhân dân chống đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ. Trong thời gian tiến hành chiến dịch Điện Biên Phủ, khẩu hiệu toàn dân vũ trang, toàn dân đánh giặc của Đảng đề ra mà Hồ Chủ tịch đã kêu gọi ngay lúc bắt đầu kháng chiến “bất kỳ đàn ông đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân cứu nước”, đã được thực hiện với một quyết tâm chưa từng thấy. Bước vào Đông Xuân 1953-1954, trên khắp các chiến trường toàn quốc, đâu đâu quân địch cũng bị quân và dân ta giáng cho những đòn nặng nề. Bằng những đòn lớn ở những hướng chiến lược quan trọng: Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào, Tây Bắc, Tây Nguyên, bộ đội chủ lực phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương,

dân quân du kích và lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân Lào, đã xé khối cơ động chiến lược của giặc Pháp thành nhiều mảng bị cô lập, buộc địch phải bị động chống đỡ khắp nơi. Chiến tranh du kích phát triển mạnh mẽ, rộng khắp các vùng sau lưng địch. Trên chiến trường đồng bằng Bắc Bộ, quân dân ta đã tiêu diệt nhiều cứ điểm kiên cố của địch, tập kích sân bay Cát Bi, sân bay Gia Lâm, phá hủy 78 máy bay địch, cắt đứt đường số 5. Ở Nam Bộ, chiến tranh du kích đã tiêu diệt và bức rút trên 1.000 đồn bốt, cùng nhiều trận phá kho bom, đánh tàu chiến địch. Ở Bình Trị - Thiên, cực Nam Trung Bộ, quân dân ta cũng tích cực đánh địch, mở rộng căn cứ du kích, tăng cường công tác địch vận và thu được nhiều thắng lợi. Vì thế trong Đông Xuân 1953-1954, trên toàn chiến trường Đông Dương, 2/3 lực lượng cơ động mạnh của địch buộc phải phân tán để đối phó với chiến tranh du kích. Chúng không thể cưỡng lại quy luật của chiến tranh xâm lược là mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán trong việc bố trí sử dụng lực lượng, mâu thuẫn đó ngày càng trở nên sâu sắc đi theo sự phát triển lớn mạnh của lực lượng ta. Cũng chính vì thế mà bộ đội chủ lực của ta có thể tập trung ưu thế binh lực tiêu diệt Điện Biên Phủ, một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương của địch, mặc dù lúc bấy giờ so với toàn bộ lực lượng vũ trang của địch, nếu tính từ đơn vị trung đoàn trở lên, bộ đội chủ lực của ta còn thấp hơn địch mấy lần.

Chiến dịch Điện Biên Phủ còn là một đỉnh cao của sự chi viện về mọi mặt của hậu phương đối với tiền tuyến dưới khẩu hiệu "tất cả để chiến thắng" Trong suốt 8 năm kháng chiến, nhân dân ta đã tích cực phục vụ tiền tuyến, nhưng chưa bao giờ nhân dân ta lại góp sức người, sức của nhiều như trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Các hội đồng ủng hộ tiền tuyến được thành lập khắp nơi để chi viện cho Điện Biên Phủ. Cả một hậu phương hùng hực lửa đấu tranh đánh đổ giai cấp địa chủ, tuôn người tuôn của ra tiền tuyến để tiêu diệt đế quốc xâm lược. Cả vùng tự do và vùng tạm bị chiếm, nhân dân ta đã góp 261.500 dân công từ hậu phương đến tiền tuyến, tính thành 3.130.000 ngày công và đã góp 27.400 tấn gạo. Ngay đồng bào Tây Bắc mới được giải phóng trong chiến dịch này cũng đã góp 7.300 tấn gạo. Có đồng bào sẵn sàng đưa bát gạo cuối cùng của mình ra tiền tuyến cho bộ đội giết giặc. Hàng đoàn dân công, thanh niên xung phong, ngày đêm trèo đèo lội suối, mặc máy bay địch, mặc bom nổ chậm, mặc bao nhiêu nguy nan khác, dùng sức người chuyển một số lượng lớn lương thực, đạn dược cho bộ đội chiến đấu. Lịch sử chiến thắng Điện Biên Phủ còn ghi lại những thành tích, những gương hy sinh dũng cảm của anh chị em dân công tiền tuyến bên cạnh

những gương hy sinh dũng cảm của bộ đội. Chính sức mạnh tinh thần, vật chất, sự chi viện vô điều kiện của nhân dân, nhất là của công nông được Đảng động viên, tổ chức, lãnh đạo là một yếu tố quyết định khắc phục những khó khăn về vận chuyển, tiếp tế tưởng chừng như không thể vượt qua và đã chiến thắng oanh liệt. Không có sự đóng góp sức người sức của to lớn ấy của nhân dân không thể có chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử.

Rõ ràng, chiến dịch Điện Biên Phủ, một chiến dịch tấn công quân địch tập trung đông nhất, với quy mô sử dụng lực lượng, phương tiện, vũ khí kỹ thuật lớn nhất, bằng hình thức tấn công trận địa tương đối hiện đại đã tiêu diệt gọn một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của địch, đã thể hiện rõ rệt và là đỉnh cao nhất của chiến tranh nhân dân do Đảng ta lãnh đạo trong cuộc kháng chiến vừa qua.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là kết quả và là một điển hình thành công nhất của sự chỉ đạo chiến tranh nhân dân của Đảng về sự phối hợp giữa ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích; về sự phối hợp giữa đánh vận động và đánh du kích, giữa chiến trường chính diện và chiến trường sau lưng địch, giữa chiến trường chính và chiến trường phối hợp trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954. Con số 112.000 tên địch (bao gồm cả 16.200 tên thuộc các đơn vị tinh nhuệ nhất ở Điện Biên Phủ) bị tiêu diệt trên các chiến trường toàn quốc trong Đông Xuân 1953-1954 đủ nói lên điều ấy.

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã nói lên vai trò vô cùng quan trọng của bộ đội chủ lực. Đi theo sự phát triển của kháng chiến, trên cơ sở toàn dân vũ trang, ba thứ quân: dân quân du kích, bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực của ta đều lớn mạnh lên từng bước. Chúng ta đã dần dần xây dựng được bộ đội chủ lực ngày càng trưởng thành. Bộ đội chủ lực là nòng cốt của lực lượng vũ trang cách mạng, có tác dụng quyết định trong việc tiêu diệt sinh lực chủ yếu của địch. Có bộ đội chủ lực mạnh mới tạo nên những quả đấm mạnh, đánh vào lực lượng tinh nhuệ của địch, làm chuyển biến được cục diện chiến tranh. Có bộ đội chủ lực mạnh mới phân tán được lực lượng cơ động chiến lược của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho chiến tranh du kích phát triển. Có bộ đội chủ lực mạnh mới tiêu diệt được hoàn toàn quân địch.

Đồng thời, chiến dịch Điện Biên Phủ cũng khẳng định địa vị chiến lược của lực lượng dân quân du kích, của chiến tranh du kích trong toàn bộ cuộc chiến tranh nhân dân. Nếu không có chiến tranh du kích ngày càng phát triển thì không thể có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chiến trường dưới sự chỉ đạo chiến lược thống nhất, không có sự phối hợp tích cực giữa các chiến

trường thì lực lượng cơ động mạnh của địch không bị phân tán, quân địch ở Điện Biên Phủ không bị cô lập, bao vây và tiêu diệt. Không có lực lượng dân quân du kích lớn mạnh, không có bộ đội địa phương phát triển thì không thể phát động được chiến tranh du kích rộng rãi trong phạm vi cả nước và cũng không thể xây dựng được các binh đoàn chủ lực tập trung để giành thắng lợi to lớn trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

Thực tiễn chiến thắng Điện Biên Phủ và chiến cục Đông Xuân 1953-1954 khẳng định đường lối xây dựng ba thứ quân của lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng ta: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích là hoàn toàn chính xác. Ba lực lượng ấy dựa vào nhau cùng xây dựng, cùng phát triển, kết hợp chặt chẽ với nhau dưới sự chỉ đạo của phương châm chiến lược, phương châm tác chiến thống nhất, thích hợp với yêu cầu của các giai đoạn chiến lược và toàn bộ cuộc chiến tranh.

Những bài học có tính nguyên tắc của chiến tranh nhân dân biểu hiện cao nhất trong chiến dịch Điện Biên Phủ, được nhân dân miền Nam nước ta vận dụng một cách linh hoạt, phát huy một cách sáng tạo trong hoàn cảnh đấu tranh mới. Mười bốn triệu đồng bào miền Nam nước ta đang tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Với tinh thần kiên quyết chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, bằng hầm chông, hố mìn, bẫy đá và mọi thứ vũ khí khác có trong tay, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và vận động binh lính địch, đồng bào miền Nam nước ta đã làm cho đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai có lực lượng quân đội đông, có vũ khí hiện đại phải thất điên bát đảo, chịu hết thất bại này đến thất bại khác ngày càng nặng nề. Địa vị chiến lược của lực lượng dân quân du kích, của chiến tranh du kích đã được nhân dân miền Nam nâng lên trình độ cao. Đó là sự phát triển mới nhất, cao nhất của chiến tranh nhân dân trong lịch sử đấu tranh giải phóng của nhân dân ta.

Bọn theo chủ nghĩa xét lại hiện đại trên thế giới hòng xuyên tạc những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh, về vai trò của quần chúng nhân dân trong chiến tranh, đã không ngớt tung ra cái luận điệu cho rằng khi đã xuất hiện vũ khí hạt nhân thì thắng lợi trong chiến tranh không phải do con người quyết định mà do vũ khí quyết định (!), chiến tranh nhân dân không còn có giá trị gì nữa v.v... Thật là một luận điệu hoang đường, chỉ lừa bịp được những kẻ yếu bóng vía. Nếu nghe theo bọn xét lại thì các giai cấp và dân tộc bị áp bức không có vũ khí hạt nhân chỉ có thể đấu tranh trong khuôn khổ của pháp quyền tư sản, trong khuôn khổ không

đụng chạm đến quyền lợi căn bản của tư sản, đế quốc, không dám dùng bạo lực cách mạng, không dám đấu tranh vũ trang khi cần thiết và có điều kiện để lật đổ ách thống trị của chúng, tự giải phóng mình; đành chịu bó tay, cam tâm làm nô lệ cho chúng. Luận điệu đó không khác gì luận điệu của một số người ở nước ta trước đây, run sợ trước sức mạnh về trang bị vũ khí của Pháp - Nhật, cho rằng ta không có máy bay, xe tăng, đại bác thì làm sao đánh nổi đế quốc (!). Luận điệu đó cũng không khác gì quan điểm “chiến tranh bấp bấp” của chủ nghĩa đế quốc tung ra hòng dọa dẫm nhân dân thế giới. Thực chất của luận điệu đó của bọn theo chủ nghĩa xét lại hiện đại là thổi phồng tác dụng của vũ khí, vứt bỏ địa vị quyết định của con người, của quần chúng nhân dân, cũng có nghĩa là thủ tiêu cách mạng, kéo dài ngày giãy chết của chủ nghĩa đế quốc đã mục nát đến cực độ.

Thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến toàn dân mà đỉnh cao nhất là chiến thắng Điện Biên Phủ, những thắng lợi liên tiếp của nhân dân miền Nam nước ta hiện nay, thắng lợi của nhân dân Cu Ba v.v... đã đập tan luận điệu sai lầm đó của bọn xét lại hiện đại.

Hiện nay, trong khi xây dựng quân đội tiến lên chính quy, hiện đại, chúng ta phải khẳng định rằng, nếu chiến tranh xảy ra ở miền Bắc nước ta, thì bất kể trong trường hợp nào, cuộc chiến tranh của ta bao giờ cũng phải là cuộc chiến tranh nhân dân: toàn dân vũ trang, toàn dân đánh giặc bằng mọi thứ có trong tay. Vai trò của bộ đội chủ lực rất quan trọng, phải được xây dựng thật lớn mạnh với một tinh thần khẩn trương, tích cực. Nhưng mọi tư tưởng coi thường, hạ thấp địa vị của dân quân du kích, của chiến tranh du kích, hạ thấp bất cứ ở chừng mực nào vai trò quyết định của nhân dân trong chiến tranh, đều xa lạ với quan điểm chiến tranh nhân dân của Đảng ta. Chúng ta phải đề phòng và khắc phục mọi ảnh hưởng của chủ nghĩa xét lại hiện đại, mọi thái độ sùng bái vũ khí, nhất là vũ khí hạt nhân, phủ định vai trò quyết định của con người, của yếu tố giác ngộ chính trị của con người đối với chiến tranh, quán triệt sâu sắc hơn nữa tư tưởng quân sự của Đảng ta.

Chiến tranh nhân dân có chiến lược, chiến dịch, chiến thuật riêng của nó. Chiến lược, chiến dịch, chiến thuật đó dựa trên tinh thần cách mạng triệt để, dựa vào sức mạnh của quần chúng công nông được giác ngộ về quyền lợi giai cấp, quyền lợi dân tộc, dưới sự chỉ đạo của tư tưởng quân sự của Đảng, của giai cấp công nhân. Quân đội xâm lược nhà nghề của bọn đế quốc tư sản không thể áp dụng chiến lược, chiến thuật đó được.

Kinh nghiệm của cuộc kháng chiến của ta chứng tỏ một giai cấp, một dân tộc nhỏ yếu chống lại sự xâm lược của bọn đế quốc có quân đội trang bị kỹ thuật mạnh, có lực lượng vật chất nhiều hơn, thì phải đánh lâu dài.

Chiến lược của đế quốc Pháp là chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” Chiến lược của ta là chiến lược đánh lâu dài. Chỉ có chiến tranh nhân dân, tự lực cánh sinh, mới có thể đánh lâu dài được.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là sản phẩm của chiến lược đánh lâu dài, tự lực cánh sinh của Đảng ta trong cuộc chiến tranh nhân dân. Trước một kẻ địch tạm thời có ưu thế về trang bị kỹ thuật, nhân dân ta không có điều kiện để đánh nhanh thắng nhanh. Chúng ta cần có thời gian để rèn luyện mình, vừa đánh vừa học tập, tích lũy kinh nghiệm, vừa bồi dưỡng, đào tạo cán bộ trong chiến đấu, cướp vũ khí giặc, cải tiến trang bị của ta. Chúng ta cần có thời gian để động viên, tổ chức, bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, để tiêu hao lực lượng địch, dần dần làm chuyển biến sự so sánh lực lượng giữa ta và địch có lợi cho ta. Kiên trì kháng chiến lâu dài, đi từ thắng lợi nhỏ đến thắng lợi lớn, chúng ta mới có được trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ vĩ đại nhất và đã thắng lợi vẻ vang. Quyết chiến chiến lược là một hiện tượng tất yếu xảy ra trong quá trình chuyển biến của chiến tranh. Nhưng nó chỉ có thể xảy ra khi mà sự so sánh lực lượng giữa hai bên tham chiến đã có chuyển biến đến một mức nhất định có lợi cho ta. Đến Đông Xuân 1953-1954, khi mà lực lượng của ta, trải qua bồi dưỡng tích cực và lâu dài trong mấy năm kháng chiến, đã phát triển mạnh mới có thể quyết chiến chiến lược với địch ở Điện Biên Phủ.

Thực tiễn chiến tranh của ta đã khẳng định điều đó. Chúng ta đã mở nhiều chiến dịch với các quy mô từ bé đến lớn. Thắng lợi của ta trong từng chiến dịch đánh dấu sự tiến triển của cuộc kháng chiến, là yếu tố trực tiếp quyết định sự thất bại chiến lược của địch từ bộ phận đến toàn bộ.

Đi theo sự phát triển của chiến tranh, hình thức tác chiến, quy mô sử dụng lực lượng trong các chiến dịch, địa vị, tác dụng của các chiến dịch, cũng phát triển từ thấp đến cao. Từ hình thức tác chiến chủ yếu là đánh du kích, chúng ta tiến dần lên đánh vận động, và đến Điện Biên Phủ, đã mở chiến dịch tấn công bằng hình thức trận địa; từ đánh các cứ điểm lẻ, đánh quân địch phân tán, tiến lên đánh tập đoàn cứ điểm mạnh nhất với binh lực tập trung cao nhất của địch. Về sử dụng lực lượng, từ những đơn vị nhỏ, chúng ta tiến lên những binh đoàn chủ lực tập trung; từ những đơn vị bộ binh tiến lên sử dụng phối hợp các binh chủng khác. Về địa vị, tác dụng của các chiến

dịch, từ chỗ chỉ có các chiến dịch riêng lẻ của các chiến trường đến những chiến dịch tương đối lớn hơn trên chiến trường chính (Bắc Bộ) - nhưng vẫn là những chiến dịch độc lập, với nhiệm vụ và mục đích có hạn - đến Đông Xuân 1953-1954, chúng ta đã tiến lên mở nhiều chiến dịch trong cùng một thời gian, dưới sự chỉ đạo chiến lược thống nhất, đánh trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ làm chuyển biến cục diện, mở ra một thời kỳ mới trong đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Bài học chiến thắng Điện Biên Phủ cũng là bài học về quán triệt tư tưởng chiến lược đánh lâu dài của Đảng, khắc phục tư tưởng nôn nóng, muốn đánh nhanh thắng nhanh. Phải đánh lâu dài nhưng lâu dài không phải là vô hạn. Từ sự biến đổi dần dần hàng ngày, hàng tháng, chúng ta phải phát huy cao độ tính năng động chủ quan để nhanh chóng đạt tới một sự biến đổi nhảy vọt về chất, tức là phải có đầy đủ tinh thần tích cực, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, đưa trình độ mọi mặt của ta tiến lên từng bước để ngày càng có thể đánh lớn hơn, dẫn tới những trận then chốt làm chuyển biến cục diện chiến tranh. Nhưng sự cố gắng chủ quan không thể thoát ly tình hình thực tế. Không phải chỉ có sự nỗ lực chủ quan - tuy rằng sự nỗ lực chủ quan bao giờ cũng là điều kiện quyết định nhất - mà còn cần phải có điều kiện khách quan thuận lợi nữa mới có thể đánh trận lớn như trận Điện Biên Phủ. Nếu trong chiến dịch Tây Bắc năm 1952, chúng ta không tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Nà Sản của địch - yếu hơn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ - là đúng, vì lúc đó ta chưa đủ điều kiện chủ quan và khách quan cần thiết, thì quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ lại cũng là một quyết tâm rất chính xác, không những dựa trên sự tính toán đầy đủ những cố gắng rất lớn của ta, mà còn dựa trên sự phân tích đúng đắn tình hình địch, nắm đúng thời cơ diệt địch.

Rõ ràng là quân dân ta, một mặt phải có tinh thần kiên trì kháng chiến lâu dài, mặt khác lại phải có tinh thần hết sức khẩn trương, tích cực mới có thể rút ngắn thời gian, đưa cuộc kháng chiến mau đến thắng lợi. Hiện nay, trước âm mưu, hành động xâm lược và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, những bài học về đánh lâu dài, về tinh thần tích cực khẩn trương, quyết tâm diệt địch vẫn có một ý nghĩa thực tiễn rất lớn đối với chúng ta.

Muốn đánh được lâu dài, phải đặc biệt coi trọng việc đề cao tinh thần tự lực cánh sinh. Nhân dân ta đã ra sức xây dựng hậu phương, phát triển kinh tế kháng chiến để tự cấp tự túc và cung cấp cho tiền tuyến. Quân đội ta đã

tìm nguồn cung cấp ngay ở tiền tuyến, cướp súng giặc giết giặc, tiết kiệm từng viên đạn, từng hạt gạo, thực hiện khẩu hiệu “có gì đánh nấy” Quân dân ta đã tìm tòi, phát minh, sáng chế ra mọi phương tiện giết giặc cứu nước. Tinh thần tự lực cánh sinh cũng đã được thể hiện rõ rệt ngay trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Nếu không có tinh thần tự lực cánh sinh thì không thể kháng chiến lâu dài, không khắc phục được khó khăn, sáng tạo nên mọi điều kiện, dần dần đưa cuộc kháng chiến tiến lên từng bước và không thể có chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ.

Ngày nay, chúng ta có cả miền Bắc được giải phóng đang xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa đối với ta là rất quan trọng, nhưng chúng ta vẫn phải tiếp tục đề cao tinh thần tự lực cánh sinh, khắc phục mọi hiện tượng ỷ lại vào viện trợ, lãng phí, chưa biết giữ gìn tốt trang bị, vũ khí, chỉ thích trang bị hiện đại, coi thường trang bị thô sơ, coi thường trang bị cũ, v.v... Những hiện tượng đó đều trái với *tinh thần tiết kiệm, tinh thần có gì đánh nấy của quân đội ta*. Chúng ta phải phát huy tinh thần tự lực cánh sinh trong chiến dịch Điện Biên Phủ cũng như trong cả cuộc kháng chiến lâu dài trước đây trong hoàn cảnh mới hiện nay.

Rõ ràng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là sản phẩm và đỉnh cao nhất của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh. Chúng ta có thể nói được rằng, “cuộc kháng chiến anh dũng của toàn dân ta là một trận Điện Biên Phủ trường kỳ vô cùng vĩ đại”, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta.

CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ LÀ THẮNG LỢI CỦA ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN CỦA ĐẢNG TA

Chiến dịch Điện Biên Phủ là thử thách cao nhất đối với quân đội ta trong cuộc kháng chiến 1945-1954. Ở chiến dịch này, bản chất và truyền thống cách mạng tốt đẹp của quân đội ta đã được phát huy đến cao độ: quân đội ta đã chiến đấu vô cùng anh dũng và chiến thắng vô cùng oanh liệt.

Các nhà lý luận quân sự tư sản không thể giải thích đúng đắn vì sao quân ta ở Điện Biên Phủ - với những cán bộ, chiến sĩ phần lớn là công nông, chủ yếu là nông dân, trình độ văn hóa thấp, có người còn mù chữ, chỉ được huấn luyện quân sự rất ít - lại đánh bại được một lực lượng mạnh của một quân đội nhà nghề, có nhiều máy bay, cơ giới và một đội ngũ sĩ quan tốt

nghiệp tại nhiều trường quân sự chính quy của đế quốc. Và trong chúng ta cũng vậy, không phải ai cũng nhận thức được sâu sắc và đầy đủ những nguyên nhân thắng lợi của quân đội ta.

Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh, phòng ngự kiên cố; phải có một trình độ hỏa lực nhất định mới đánh được. Quân ta đã được tăng cường một lực lượng pháo binh xấp xỉ pháo binh địch và một số đơn vị pháo cao xạ. Đồng thời, để giải quyết những khó khăn rất lớn về tiếp tế, chúng ta đã tập trung được một số lượng khá lớn xe ô tô để bảo đảm công tác vận chuyển. Lực lượng binh khí kỹ thuật này đã là một yếu tố quan trọng của thắng lợi. Và đó cũng là biểu hiện một bước trưởng thành mới của quân đội ta. Không có một lực lượng binh khí kỹ thuật mới đó, khó mà đánh được một tập đoàn cứ điểm mạnh như Điện Biên Phủ; và không có một lực lượng cơ giới nhất định cũng khó mà đảm bảo nổi công tác vận chuyển tiếp tế một khối lượng lớn lương thực, đạn dược... cho một mặt trận xa hậu phương hàng mấy trăm cây số như thế.

Tuy nhiên, nhìn riêng về mặt hỏa lực, địch ở Điện Biên Phủ vẫn mạnh hơn ta rất nhiều. Chúng có nhiều đạn dược hơn hẳn ta, lại có một lực lượng không quân và cơ giới mạnh. Nếu đơn thuần, hoặc chủ yếu căn cứ vào hỏa lực, thì không thể hạ quyết tâm đánh địch. Và rõ ràng, nếu lấy việc trang bị kỹ thuật đã được cải tiến của quân ta ở Điện Biên Phủ để giải thích là nguyên nhân quyết định thắng lợi, thì không thể giải thích nổi. Chiến thắng Điện Biên Phủ là do quyết tâm chiến lược rất sáng suốt và dũng cảm của Đảng ta; do việc chỉ đạo chiến dịch, chiến thuật chính xác; do trình độ chiến thuật kỹ thuật của quân đội ta đã tiến lên một bước mới; từ tiêu diệt những cứ điểm chừng 1 tiểu đoàn địch đến tiêu diệt một tập đoàn cứ điểm gồm trên 20 tiểu đoàn địch, có công sự phòng ngự kiên cố; lần đầu tiên áp dụng cách đánh lấn dần từng bước, đào giao thông hào xây dựng thành một hệ thống trận địa tấn công bao vây địch, sử dụng pháo binh, cao xạ chế áp pháo binh địch, khống chế vùng trời, sân bay địch, triệt đường tiếp tế của địch...

Nhưng hạ quyết tâm tiêu diệt Điện Biên Phủ và vận dụng được những chiến thuật và kỹ thuật mới, chủ yếu không phải chúng ta dựa vào trang bị vũ khí đã được cải tiến mặc dù đó là yếu tố rất quan trọng mà chủ yếu dựa vào *tinh thần quyết chiến quyết thắng, bản chất giai cấp vô sản của quân đội ta, vào tình đoàn kết chiến đấu giữa quân đội và nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Chính nhờ tinh thần quyết chiến quyết thắng, anh dũng tuyệt vời, không tiếc xương máu để rửa hận thù giai cấp và dân tộc, quân ta đã chiến đấu

dưới làn mưa đạn, bão bom của địch trong 55 ngày đêm ở Điện Biên Phủ (nếu kể cả chiến cục Đông Xuân thì thời gian chiến đấu kéo dài đến nửa năm), giành đi giặt lại với địch từng mỏm đồi, từng tấc đất quê hương, quyết chôn vùi tại nơi đây binh đoàn Đờ Cát-tơ-ri và cả mưu đồ xâm lược của bọn đế quốc thực dân. Trên tất cả các mặt trận, quân ta đã khắc phục muôn vàn khó khăn diệt địch, có khi đã phải ăn cháo, nhịn đói đánh địch. Có đơn vị hành quân bộ trên 3.000 cây số truy kích địch.

Chính nhờ tinh thần quyết chiến quyết thắng, sức mạnh lao động sáng tạo, quân ta đã làm đường chuyển pháo vào trận địa xuyên qua rừng núi; gỡ bom nổ chậm mở các đường vận chuyển; không nản chí kéo pháo vào lại kéo pháo ra trên những dốc núi cao dựng đứng và bên những vực sâu thăm thẳm; nên khi pháo ta nổ, thì quân địch hoàn toàn bị bất ngờ. Chúng biết ta có pháo nhưng chúng không thể ngờ ta đưa được pháo vượt núi rừng hiểm trở lên Điện Biên.

Chính nhờ tinh thần quyết chiến quyết thắng, bằng chiến đấu dũng cảm kết hợp với lao động dũng cảm, quân ta đã biến đổi địa hình, xây dựng trận địa, đào chiến hào xiết chặt vòng vây diệt địch. Mỗi đoạn chiến hào là một trận chiến đấu ác liệt giữa ta và địch.

Chính nhờ tinh thần quyết chiến quyết thắng, quân ta mới học tập, sáng tạo và áp dụng được lần đầu tiên những chiến thuật kỹ thuật mới và qua thực tế chiến đấu dũng cảm, quân ta đã từng bước và càng nhanh chóng trưởng thành, tiến lên trình độ tác chiến mới, cao hơn.

Chính nhờ tinh thần quyết chiến quyết thắng, những đồng chí lái xe hàng chục đêm không ngủ, nhiều người mới được đào tạo ngay trong chiến dịch, đã lái xe vượt suối băng rừng, qua những quãng đường đầy bom nổ chậm của địch. Đi đôi với phương tiện hiện đại, cả những phương tiện thô sơ, nửa thô sơ, như xe đạp thồ, bè mảng, ngựa thồ... cũng đã được huy động. Nhất là hàng vạn dân công, với đôi vai và đôi chân của những nông dân cần cù, căm thù đế quốc phong kiến sâu sắc từ vùng tự do đến vùng mới giải phóng và vùng tạm bị chiếm quyết tâm vùng lên, tự nguyện tự giác vượt hàng trăm cây số đường, cũng dưới làn mưa bom đạn của địch, để tiếp tế cho mặt trận, vận tải thương binh về hậu tuyến. Đó cũng là một điều hoàn toàn bất ngờ đối với địch.

Rõ ràng, không dựa trên tinh thần quyết chiến quyết thắng anh dũng hy sinh của quân đội ta, chúng ta không thể hạ quyết tâm đánh địch, không thể khắc phục được muôn vàn khó khăn, không thể áp dụng và sáng tạo những chiến thuật và kỹ thuật thích hợp để tiêu diệt địch. Chính tinh thần chiến

đấu dũng cảm của quân đội và nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi ở Điện Biên Phủ.

Nói thế không phải chúng ta coi nhẹ yếu tố trang bị và vấn đề trình độ chiến thuật, kỹ thuật của quân đội. Trong quá trình đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang, Đảng ta thường xuyên quan tâm đến việc cải tiến trang bị của quân đội. Từ những đơn vị du kích đầu tiên chỉ có giáo mác, súng kíp, lựu đạn..., qua chiến dịch Điện Biên Phủ chúng ta đã có những binh đoàn chủ lực tập trung với một số lượng quan trọng về pháo binh, cao xạ, cơ giới vận chuyển và đến nay chúng ta đang tích cực hiện đại hóa quân đội. Chúng ta cũng luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ chiến thuật, kỹ thuật của quân đội cho phù hợp với yêu cầu tác chiến và trình độ trang bị kỹ thuật của mỗi thời kỳ. Trang bị càng được cải tiến, trình độ chiến thuật, kỹ thuật càng được nâng cao, thì khả năng chiến đấu của quân đội ta càng lớn. Coi thường những yếu tố đó là không đúng.

Tuy nhiên, đấu tranh vũ trang là đấu tranh giai cấp, ngay trong điều kiện chiến tranh hiện đại cũng vậy, bao giờ Đảng ta cũng nắm vững quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin coi con người là quyết định, yếu tố giác ngộ giai cấp, tinh thần chiến đấu là quyết định, như Lê-nin đã nói: “Cuộc chiến tranh nào cũng vậy, thắng lợi chung quy đều do tình trạng tinh thần của những quân chúng đổ máu trên chiến trường quyết định”¹ Vũ khí, kỹ thuật hiện đại địch sẵn có và nhiều trường hợp hơn hẳn ta; nhưng những con người có tinh thần chiến đấu, không quản hy sinh, chịu đựng được mọi thử thách phức tạp và gay go nhất trong chiến tranh thì bọn đế quốc không thể nào có được.

Do đâu mà quân đội ta có được tinh thần chiến đấu anh dũng tuyệt vời, quyết chiến quyết thắng như vậy trong chiến dịch Điện Biên Phủ cũng như trong cả cuộc kháng chiến lâu dài?

Đó là vì cuộc kháng chiến của nhân dân ta là một cuộc chiến tranh chính nghĩa; vì quân đội ta là quân đội cách mạng, quân đội công nông. Sự khác nhau hoàn toàn giữa quân đội ta với quân đội xâm lược của bọn đế quốc và mọi quân đội khác của giai cấp bóc lột, cũng như ưu thế tuyệt đối của quân đội ta so với mọi quân đội của giai cấp bóc lột, không phải ở trang bị vũ khí hay trình độ chiến thuật, kỹ thuật, mà là ở bản chất giai cấp của nó, ở tinh thần chiến đấu dũng cảm dựa trên cơ sở giác ngộ về lợi ích giai cấp của nó.

Tinh thần chiến đấu của quân đội ta là kết quả của một quá trình giáo dục, rèn luyện lãnh đạo của Đảng ta đối với quân đội; kết quả của việc

1. V.I. Lênin, *Toàn tập*, tập 31, tr. 115, bản tiếng Nga.

Đảng ta trong đường lối xây dựng quân đội, đã luôn luôn lấy việc xây dựng quân đội về chính trị, tư tưởng làm nền tảng để tăng cường bản chất cách mạng và trên cơ sở đó, giải quyết các vấn đề về tổ chức, trang bị, huấn luyện và tác chiến.

Quân đội ta là quân đội của công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng, của giai cấp vô sản, một quân đội kiểu mới hoàn toàn, chưa từng có trong lịch sử của dân tộc ta, hoàn toàn khác mọi quân đội của giai cấp bóc lột.

Bản chất giai cấp của một quân đội không phải được quyết định ở thành phần của nó, mà được quyết định ở chỗ nó là công cụ của giai cấp nào, chiến đấu vì mục đích chính trị của giai cấp nào, do giai cấp nào lãnh đạo. Cho nên, sự lãnh đạo của Đảng ta là nhân tố quyết định làm cho quân đội ta có bản chất cách mạng tốt đẹp, có tinh thần chiến đấu quyết chiến quyết thắng để đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và lớn mạnh như ngày nay.

Vì vậy, vấn đề cơ bản nhất trong xây dựng quân đội là phải không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, làm cho quân đội tuyệt đối trung thành với Đảng, chiến đấu theo đường lối chính trị của Đảng, thấm nhuần tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ công nông. Chỉ có trên cơ sở tăng cường sự lãnh đạo của Đảng mới giải quyết được tốt và đúng đắn các vấn đề tổ chức, trang bị, huấn luyện và chiến đấu của quân đội.

Nói đến sự lãnh đạo của Đảng là phải nói đến công tác chính trị trong quân đội. Công tác chính trị thực chất là công tác đảng trong quân đội, là công tác quán triệt sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội. Nó là linh hồn, là mạch sống của quân đội. Quá trình tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cũng là quá trình đề cao vai trò của công tác chính trị, đấu tranh với những khuynh hướng sai lầm, coi nhẹ hoặc hạ thấp vị trí của nó. Có nhìn thắng lợi Điện Biên Phủ gắn liền với cả quá trình xây dựng và trưởng thành của quân đội ta, mới thấy hết vị trí trọng yếu của công tác chính trị trong quân đội cách mạng. Tinh thần quyết chiến quyết thắng, bản chất cách mạng tốt đẹp của quân đội được phát huy cao độ và là nhân tố quyết định thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, không phải chỉ là kết quả của việc làm trong vài tháng, mà phải dựa trên cơ sở chính trị vững chắc tiềm tàng của quân đội ta từ trước. Cho nên bao giờ cũng vậy, quân đội ta phải coi việc xây dựng Đảng, tăng cường công tác chính trị là căn bản để bảo đảm tăng cường bản chất cách mạng, phát huy truyền thống tốt đẹp và ưu thế tuyệt đối về chính trị, tinh thần của ta để chiến thắng kẻ địch.

Công tác chính trị trong quân đội lấy việc giáo dục chính trị, tư tưởng làm công tác hàng đầu; vì công tác chính trị là công tác lãnh đạo, vận động, giáo dục quần chúng làm cho đông đảo cán bộ, chiến sĩ do giác ngộ lợi ích cách mạng mà tự nguyện triệt để chấp hành mọi nhiệm vụ của Đảng trao cho, tự nguyện hy sinh chiến đấu vì lợi ích cách mạng.

Giáo dục giai cấp là nội dung cơ bản của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Chỉ khi nào phân rõ ranh giới giai cấp, phân biệt được thù, bạn, ta, hiểu rõ đường lối nhiệm vụ của Đảng, bản chất giai cấp và mục tiêu chiến đấu của quân đội, cán bộ, chiến sĩ quân đội ta mới có được tinh thần căm thù địch sâu sắc, lòng yêu nước nồng nàn, mới thương yêu nhau như ruột thịt, mới có được tinh thần chiến đấu dũng cảm phi thường quyết chiến quyết thắng.

Từ khi quân đội ta mới ra đời, nhất là từ những năm 1950-1951 về sau, với việc tăng cường công tác chính trị trong quân đội, chúng ta đã tiến hành những cuộc chỉnh huấn chính trị về 2 phe trên thế giới, về bản chất quân đội nhân dân, về đường lối cách mạng, đường lối kháng chiến... làm cho trình độ giác ngộ chính trị của quân đội ta được nâng lên từng bước. Đặc biệt năm 1953, cùng với cuộc vận động giảm tô, cải cách ruộng đất của Đảng, cuộc chỉnh huấn về cải cách ruộng đất đã đánh dấu một bước chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho quân đội. Cuộc chỉnh huấn đó đã đem lại một sức mạnh mới, trình độ giác ngộ giai cấp của cán bộ và chiến sĩ khá sâu sắc; lòng căm thù đế quốc và phòng kiến lên cao; ai ai cũng nô nức thi đua giết giặc lập công. Cuộc chỉnh huấn đó là một bước chuẩn bị cơ bản nhất cho chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến thắng Điện Biên Phủ không tách rời thắng lợi của chỉnh huấn cải cách ruộng đất.

Công tác chính trị trong quân đội phải gắn chặt với hoạt động chiến đấu của quân đội, không chỉ dừng ở việc giáo dục đường lối, nhiệm vụ cách mạng, chính sách chung của Đảng, mà còn phải đi sâu vào việc quán triệt tư tưởng quân sự của Đảng, phương châm chiến lược, tư tưởng chỉ đạo tác chiến nữa. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, công tác chính trị đã giáo dục bộ đội nắm vững chủ trương quân sự, mục đích, ý nghĩa chiến dịch, phương châm tác chiến đánh chắc tiến chắc, và tư tưởng chiến thuật đúng đắn để áp dụng các hình thức chiến thuật và thủ đoạn chiến đấu trong một chiến dịch tấn công một tập đoàn cứ điểm mạnh của địch.

Tuy vậy, việc giáo dục quán triệt tư tưởng và nhiệm vụ quân sự bao giờ cũng phải dựa chắc trên cơ sở của việc giáo dục đường lối, nhiệm vụ cách

mạng, của việc nâng cao giác ngộ giai cấp cho bộ đội. Giáo dục giai cấp cho bộ đội thường xuyên, trước chiến đấu, chính là bồi dưỡng tinh thần chiến đấu, nhân tố quyết định thắng lợi trên chiến trường; tinh thần chiến đấu trên chiến trường là kết quả và cũng là cái khảo nghiệm công tác giáo dục chính trị thường xuyên, trước chiến đấu. Cũng vì vậy, giải thích chiến thắng Điện Biên Phủ phải gắn liền với những nguyên nhân sâu xa, tác động một cách thường xuyên trong quân đội từ trước và trong chiến dịch.

Quá trình giáo dục chính trị, tư tưởng là quá trình bồi dưỡng tư tưởng vô sản và đấu tranh khắc phục các tư tưởng không vô sản. Qua học tập chính trị, thời sự, chính sách... qua các cuộc chỉnh huấn chỉnh quân, đấu tranh phê bình và tự phê bình, tư tưởng vô sản được nâng dần lên từng bước, các tư tưởng phi vô sản bị đẩy lùi và quân đội ta ngày một trưởng thành thêm để đáp ứng với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ chiến đấu. Giữ vững và phát huy tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội ta trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ cũng phải trải qua giáo dục kiên nhẫn và đấu tranh liên tục chống những tư tưởng sai lầm. Sau những trận thắng, tư tưởng chủ quan nảy nở. Trong những trận chiến đấu ác liệt, tư tưởng cầu an dao động, hữu khuynh tiêu cực xuất hiện. Theo chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, một cuộc đấu tranh sâu rộng chống tư tưởng hữu khuynh tiêu cực đã được tiến hành ngay tại mặt trận để phát huy tinh thần tích cực cách mạng và triệt để chấp hành mệnh lệnh, đảm bảo toàn thắng cho chiến dịch. Và cuộc đấu tranh đã thành công. Đó cũng là một thắng lợi lớn của công tác chính trị trong quân đội ta, một bài học sâu sắc về công tác chính trị trong quân đội. Nó chứng tỏ rằng trên cơ sở của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thường xuyên, trước chiến đấu, còn phải tiến hành công tác giáo dục đấu tranh tư tưởng tích cực ngay trong chiến đấu mới đảm bảo chiến đấu thắng lợi.

Lãnh đạo của Đảng đối với quân đội là lãnh đạo về chính trị, tư tưởng và tổ chức, các mặt đó không thể tách rời nhau. Một hệ thống tổ chức Đảng trong quân đội từ đại đội trở lên đã được xây dựng và ngày càng được củng cố, kiện toàn. Sau chiến dịch Biên Giới, Trung ương Đảng lại tăng cường thêm sự lãnh đạo đối với quân đội, đưa thêm nhiều cán bộ vào quân đội. Chế độ lãnh đạo của Đảng trong quân đội là chế độ lãnh đạo tập thể, tức chế độ đảng ủy lãnh đạo, thủ trưởng phân công phụ trách, cũng được kiện toàn thêm một bước. Các tổ chức Đảng các cấp đã luôn luôn là hạt nhân lãnh đạo đoàn kết đơn vị, phát huy dân chủ về quân sự, chính trị, kinh tế để phát

động lực lượng mạnh mẽ của quần chúng, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ Đảng trao cho, đảm bảo quân đội luôn luôn là công cụ tin cậy và sắc bén của Đảng. Trên chiến trường Điện Biên Phủ cũng như trên các chiến trường phối hợp, trong từng làng và ổ chiến đấu khắp nơi, các cấp đảng bộ, chi bộ, tổ đảng, đảng viên đã nêu cao vai trò lãnh đạo đoàn kết quần chúng, biến quyết tâm của Đảng thành quyết tâm của quần chúng, anh dũng chiến đấu, xung phong dẫn đầu bộ đội trong tất cả các tình huống chiến đấu gay go ác liệt. Đảng viên hy sinh, các tổ chức đảng xộc xệch, công tác chấn chỉnh tổ chức, kết nạp đảng viên mới được tiến hành khẩn trương ngay tại mặt trận, đảm bảo giữ vững và phát triển những hạt nhân lãnh đạo (riêng mấy đại đoàn trong chiến dịch này đã kết nạp được 1.281 đảng viên mới). Những anh hùng Bé Văn Đàn, Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện... chính là những đảng viên cộng sản ưu tú trong rất nhiều đảng viên ưu tú khác đã nêu gương dũng cảm, hy sinh trong chiến dịch. Rõ ràng xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh trong quân đội là một trong những công tác mấu chốt để xây dựng quân đội vững mạnh.

Trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng quân đội về mặt tổ chức, Đảng ta luôn luôn nắm vững đường lối giai cấp và nắm vững khâu trung tâm là đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ. Đội ngũ cán bộ ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ gồm những anh em từ nhiều thành phần khác nhau, nhưng phần lớn vẫn là những anh em xuất thân công nông, khác hẳn bọn sĩ quan của tướng Đờ Cát-tơ-ri ta bắt được hầu hết là con cái bọn nhà giàu. Trải qua kháng chiến gian lao cũng như qua thử thách ác liệt ở Điện Biên Phủ, cán bộ quân đội ta, kể cả những anh em xuất thân không vô sản, đều đã được rèn luyện và trưởng thành nhanh chóng, tuyệt đối trung thành với Đảng, hết lòng hết dạ phục vụ công nông. Cán bộ ta đã chiến đấu rất dũng cảm không sợ hy sinh và đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Có nhiều đồng chí đã được đề bạt từ chiến sĩ lên ngay trong chiến dịch, trong đó có những người được đề bạt vượt mấy cấp liền, mà vẫn làm tròn nhiệm vụ. Đó là thắng lợi của đường lối giai cấp trong công tác cán bộ của Đảng ta trong quân đội, đường lối lấy công nông làm cốt cán. Nhớ lại những ngày đầu, từ khi chỉ có 2 bàn tay trắng, qua Điện Biên Phủ và nhìn vào đội ngũ cán bộ quân đội ta hiện nay, chúng ta càng thấy rõ sự đúng đắn của đường lối giai cấp trong công tác cán bộ của Đảng ta, càng thấy rõ công phu lớn lao của Đảng ta trong công tác giáo dục và đào tạo cán bộ.

Trong quá trình chấp hành đường lối tổ chức của Đảng, chúng ta đã phải đấu tranh khắc phục những tư tưởng hữu khuynh, xa rời đường lối giai cấp,

coi thường anh em công nông; và có nơi, có lúc, cũng phải khắc phục những hiện tượng hẹp hòi của chủ nghĩa thành phần, mới xây dựng và củng cố được tổ chức Đảng mạnh mẽ, tăng cường và phát triển được đội ngũ cán bộ hùng hậu như ngày nay.

Thực tiễn thắng lợi của quân ta ở Điện Biên Phủ cũng như cả quá trình trưởng thành của quân đội ta chứng minh đường lối xây dựng quân đội của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn. Trong xây dựng quân đội bao giờ cũng phải lấy việc xây dựng về chính trị làm nền tảng, mà điều mấu chốt là tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với quân đội, lấy công tác chính trị làm mạch sống, lấy việc giáo dục chính trị, tư tưởng làm công tác hàng đầu, và quán triệt đường lối giai cấp trong công tác tổ chức. Trong quá trình quán triệt đường lối xây dựng quân đội của Đảng ta, chúng ta đã phải đấu tranh chống mọi khuynh hướng tư tưởng sai lầm như làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng, coi nhẹ công tác chính trị, coi thường vai trò quần chúng, xa rời đường lối giai cấp, và những biểu hiện của quan điểm quân sự tư sản khác như tư tưởng sùng bái vũ khí kỹ thuật, tác phong quan liêu, quân phiệt...

Trên con đường xây dựng quân đội ta tiến lên chính quy hiện đại ngày nay, chúng ta vẫn luôn luôn giữ vững và quán triệt đường lối xây dựng quân đội của Đảng. Tuy nhiên trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại, cũng có một số ít đồng chí tỏ ra dao động trong những vấn đề nguyên tắc này, như cường điệu vai trò của trang bị kỹ thuật, hạ thấp vai trò quyết định của con người, nhấn mạnh một chiều yêu cầu về trình độ kỹ thuật, tổ chức và chỉ huy, coi nhẹ yêu cầu về nâng cao trình độ chính trị, tinh thần chiến đấu của quân đội... Chúng ta phải phản đối những khuynh hướng sai lầm đó, kiên trì những nguyên tắc xây dựng quân đội của Đảng ta, những nguyên tắc này mãi mãi còn nguyên vẹn giá trị.

Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ, đến nay đã được 10 năm. Nhân dân ta ở miền Bắc đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thành quả của cuộc kháng chiến ấy. Nhân dân ta ở miền Nam đang phát huy truyền thống chiến thắng Điện Biên Phủ, tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh lan thứ hai chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai.

Kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, chúng ta hãy ôn lại một số bài học trên đây, để nâng cao hơn nữa lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng

đẫn của Đảng; để góp phần quán triệt hơn nữa đường lối cách mạng, đường lối đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng; để quân đội ta phát huy hơn nữa bản chất cách mạng và truyền thống quyết chiến quyết thắng Điện Biên Phủ, làm tròn nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc, đấu tranh thống nhất Tổ quốc, bảo vệ hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới.

Bản sao lưu trữ

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐIỆN BIÊN PHỦ, ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC*

Thủ tướng VÕ VĂN KIẾT

Diễn văn đọc tại lễ kỷ niệm

lần thứ 40 chiến thắng Điện Biên Phủ

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước,

Thưa các đồng chí cán bộ lão thành,

Thưa các bạn,

Hôm nay, Đảng, Nhà nước, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta tổ chức kỷ niệm lần thứ 40 chiến thắng Điện Biên Phủ.

Từ mấy tháng qua, dân tộc ta hướng về ngày này với nhiều hoạt động đa dạng. Những người từng sống và chiến đấu 40 năm trước tưởng nhớ lại biết bao kỷ niệm; những người thời ấy còn nhỏ hoặc chưa ra đời, tìm hiểu với biết bao ngưỡng mộ những chiến công của thế hệ cha anh, từ đó tuổi trẻ ngày nay đã biểu thị ý chí kế thừa và phát triển truyền thống Điện Biên Phủ, vươn lên thực hiện ước mơ của lớp người đi trước.

Kỷ niệm lần thứ 40 Chiến thắng Điện Biên Phủ và cuộc kháng chiến chống thực dân, chúng ta tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của cách mạng Việt Nam, đã dẫn dắt nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tư tưởng Hồ Chí Minh đang tiếp tục khơi nguồn sáng tạo và soi sáng con đường cho chúng ta đi tới.

Tổ quốc Việt Nam đời đời ghi nhớ công lao các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh ở Điện Biên Phủ và trên các chiến trường trong 40 năm qua. Tấm gương sáng của các anh hùng liệt sĩ sống mãi với non sông đất nước, sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

Chúng ta tỏ lòng biết ơn đến anh chị em thương binh và các gia đình liệt sĩ, nguyện làm đầy đủ hơn nữa công việc đền ơn đáp nghĩa đối với những người đã hiến thân mình và người thân cho Tổ quốc.

* Bài đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, ngày 8-5-1994.

Xin chào mừng sự có mặt của các đồng chí 40 năm trước đây đã từng là cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, quân đội và các đoàn thể, chiến đấu ở Điện Biên Phủ và ở các chiến trường khác trong cả nước, động viên toàn dân tạo nên chiến thắng Điện Biên Phủ. Xin chào mừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp, thời đó là Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam kiêm Tư lệnh Chiến dịch Điện Biên Phủ, người đã chấp hành triệt để và sáng tạo quyết định của Hồ Chủ tịch và Bộ Chính trị, cùng Bộ Chỉ huy Chiến dịch chỉ đạo trận quyết chiến quyết lược Điện Biên Phủ giành toàn thắng.

Chính phủ biểu dương những thành tựu của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc Điện Biên Phủ trong công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, tiếp tục làm rạng rỡ địa danh lịch sử này.

Thưa các bạn,

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa của thế kỷ XX, một cột mốc bằng vàng trong mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, một chiến công hiển thực và huyền thoại của thời đại Hồ Chí Minh.

Đó mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam, là nguồn cổ vũ của các dân tộc đang chiến đấu vì độc lập tự do, vì giá trị con người.

Đó là thắng lợi được tạo nên bởi lòng dũng cảm và sức vươn lên của cả một dân tộc, sự sáng suốt của đường lối cách mạng, sự vững bền của chế độ, xã hội mới và Nhà nước mới trước thách thức của chiến tranh, sự lớn mạnh của các lực lượng vũ trang cách mạng, sự phát triển của khoa học và nghệ thuật chiến tranh nhân dân, sự ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, mà dân tộc ta đời đời ghi nhớ và biết ơn.

Những sự kiện lịch sử lớn có sức tỏa lâu bền và sự phong phú hầu như vô hạn. Các thế hệ ngày nay và mai sau của đất nước sẽ còn tìm về Điện Biên Phủ như một cội nguồn của niềm tin và sức mạnh, để càng mến yêu “Anh bộ đội Cụ Hồ”, để biết ơn những hy sinh gian khổ của nhân dân và quân đội để học hỏi kinh nghiệm và tài năng sáng tạo của biết bao con người Việt Nam, mà số lớn là vô danh không có tên trong sử sách.

Dân tộc ta luôn luôn ghi nhớ rằng suốt hàng thập kỷ, trong nhận thức, tình cảm và tiếng nói của nhiều dân tộc trên thế giới, Điện Biên Phủ đi liền với Việt Nam như một biểu trưng. Ở Việt Nam ta, chiến thắng Điện Biên Phủ đã trở thành di sản và truyền thống nhập vào bản sắc và tâm hồn dân tộc.

Thưa các bạn,

Thưa đồng bào yêu quý,

Hơn 40 năm trước chiến thắng Điện Biên Phủ, dân tộc ta còn trong đêm nô lệ, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Chín năm trước Chiến thắng Điện Biên Phủ, Cách mạng tháng Tám thành công, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, và chẳng bao lâu sau đó, cuộc kháng chiến chống xâm lược bùng nổ ở Nam Bộ, rồi mở rộng ra cả nước. Hơn hai mươi năm sau chiến thắng Điện Biên Phủ, chiến dịch Hồ Chí Minh giành thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc 30 năm chiến tranh giành độc lập, tự do. Lại gần 20 năm sau đó nữa, đến ngày nay, sự nghiệp đổi mới đang đưa đất nước ta chuyển vào một thời kỳ phát triển mới.

Nhìn lại hơn 80 năm qua từ đầu thế kỷ, dòng chảy của thời gian gắn kết, nhịp nhàng các chặng đường, mỗi chặng nối tiếp và phát huy chặng trước, báo hiệu và sửa soạn chặng sau. Sợi dây chuyên lịch sử, đi từ quá khứ đến hiện tại và hướng về tương lai, làm nổi bật chiến thắng Điện Biên Phủ là một cột mốc lớn.

Đó là sự kế thừa truyền thống của dân tộc, sự phát triển cuộc Cách mạng tháng Tám, trận chung kết của cuộc kháng chiến lần thứ nhất, sự chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lần thứ hai, sự gieo mầm cho thời xây dựng nước.

Dân tộc ta đã phải trải qua mấy chục năm chiến đấu đầy hy sinh gian khổ, nhất tề đứng lên chặt hết xích xiềng, cốt để giành lại độc lập, tự do. Ngày nay, dân tộc ta lại tiếp tục bước vào một cuộc chiến đấu mới vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc, vì công bằng xã hội. Đó là nguyện vọng chính đáng của các thế hệ hiện nay, là lòng mong ước của bao thế hệ từ xa xưa, là niềm hy vọng mà các thế hệ mai sau đang trông đợi. Cùng với những khó khăn và nguy cơ đang là thử thách nghiêm trọng, khả năng và tiềm lực lớn của đất nước đang nằm trong tầm tay, điều kiện quốc tế của khu vực và thế giới vừa thúc ép, vừa gợi mở con đường chúng ta đi tới.

Thời cơ lịch sử của sự phát triển đã đến.

Nhất định, dân tộc ta sẽ đưa công cuộc đổi mới và phát triển tiến nhanh và bền vững, sau vài thập kỷ đạt mức tăng trưởng kinh tế trung bình tiên tiến so với những nước trong khu vực và trên thế giới, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, mang bản sắc Việt Nam. Dân tộc ta quyết tâm thanh toán sự tụt hậu về kinh tế, tạo ra thế và lực để khắc phục mọi nguy cơ, viết tiếp những trang sử huy hoàng của thời đổi mới và phát triển.

Chúng ta mở rộng kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo động lực và môi trường thuận lợi hơn nữa cho mọi thành phần kinh tế, mọi loại hình doanh nghiệp thực sự bình đẳng trước pháp luật và hoạt động có hiệu quả cao.

Chúng ta đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường bồi dưỡng và động viên nguồn lực lớn nhất là con người Việt Nam, độc lập tự chủ, tự lực tự cường, giải phóng mọi sức mạnh, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, vận dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại; đồng thời chủ động mở cửa nước ta và mở cửa vào khu vực, mở cửa vào thế giới để hội nhập quốc tế, tranh thủ sức mạnh thời đại một cách đúng đắn và thuận lợi nhất.

Chúng ta ra sức chăm lo nhiều hơn nữa sự nghiệp phát triển văn hóa, xã hội, coi đó là động lực và mục tiêu của kinh tế, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước tiến lên.

Chúng ta tăng cường công tác đối ngoại, tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa, theo tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới.

Từ sau Điện Biên Phủ đến nay và những năm gần đây ngày càng rõ nét, quan hệ giữa Việt Nam và Pháp đã sang giai đoạn mới. Sự hợp tác được phát triển về nhiều mặt giữa Việt Nam và Pháp chứng minh rằng khi có sự hiểu biết lẫn nhau và thiện chí của cả hai bên, thì hoàn toàn có thể lật qua những trang quá khứ, chuyển sang mối quan hệ bình thường và tốt đẹp. Điều này càng có nhiều tiền đề và khả năng để thực hiện trong thế giới ngày nay.

Trong khi tập trung sức xây dựng đất nước, chúng ta không một phút lơ đãng nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Chúng ta ra sức xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang nhân dân luôn luôn làm tốt vai trò nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc vùng trời, vùng biển, lãnh thổ, bao gồm cả các hải đảo của Tổ quốc.

Chúng ta từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân, xúc tiến công cuộc cải cách hành chính nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và tăng cường hiệu lực của bộ máy hành chính Nhà nước trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, văn hóa và giữ gìn trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội.

Chúng ta tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, củng cố quan hệ giữa Đảng với nhân dân, nâng cao phẩm chất, trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng

ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới, đáp ứng lòng mong mỏi và đòi hỏi của dân tộc.

Chúng ta kiên quyết phấn đấu đẩy lùi và khắc phục mọi biểu hiện suy thoái, biến chất trong đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước, đẩy lùi và khắc phục các tệ nạn trong xã hội. Thắng lợi của cuộc đấu tranh này gắn liền với việc biểu dương các mô hình mới, các nhà kinh doanh làm ăn có hiệu quả, kịp thời phát hiện, nâng cao và nhân rộng biết bao sáng kiến đổi mới đầy tâm huyết và trí tuệ của mọi người dân.

Niềm tin của chúng ta gửi ở chính mình, ở dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam, những người bình thường, khiêm tốn và giản dị, giàu lòng nhân ái, dũng cảm và tài năng, đã từng làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ và biết bao nghiệp lớn trên đất nước này.

Khởi đại đoàn kết dân tộc luôn luôn là sức mạnh, là nhân tố quyết định thắng lợi ở mỗi thời kỳ lịch sử. Ngày nay, chỉ có đại đoàn kết dân tộc, động viên sức mạnh của mỗi người và của toàn dân, thì mới thoát khỏi được tình trạng một nước nghèo. Sự nghiệp đổi mới và phát triển dựa vào sự đóng góp về mọi mặt của cả dân tộc, của 72 triệu người Việt Nam, dù ở trong nước hay ở nước ngoài đều là con Lạc, cháu Hồng, thiết tha yêu nước và sẵn lòng góp sức xây dựng quê hương, đất nước. Lúc này càng phải nêu cao đại đoàn kết dân tộc, không phân chính kiến, tôn giáo; mọi sáng kiến cần được lắng nghe, những ý kiến bất đồng cần được thẳng thắn thảo luận, không áp đặt, không ép buộc, tất cả vì đại nghĩa xóa cảnh nước nghèo, xóa sự tụt hậu, xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh.

Với ý chí “quyết chiến quyết thắng” của Điện Biên Phủ, với tinh thần “thần tốc, thần tốc hơn nữa” của chiến dịch Hồ Chí Minh, dân tộc ta nhất định sẽ tiến lên nhanh bằng những bước vững chắc, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ta.

Hôm nay, tôi muốn được nói một lời thân thiết, trong đó gửi gắm niềm tin và hy vọng, gửi đến mỗi đồng bào, đồng chí, đặc biệt là gửi đến anh chị em thanh niên, đang là hiện tại và sẽ là ngày mai của đất nước: Những năm tháng lớn lao, quyết định cuộc sống của cả dân tộc, của mỗi gia đình, của mỗi người trẻ tuổi, đang ở trước mặt chúng ta. Tương lai đất nước là do chúng ta làm nên tất cả. 40 năm sau thắng lợi Điện Biên Phủ, chúng ta có cơ đồ hôm nay. 40 năm sau nữa, chắc chắn dân tộc Việt Nam ta sẽ đạt được những tiến bộ vượt bậc, gấp nhiều lần so với hôm nay.

- Phát huy truyền thống Điện Biên Phủ, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh!

- Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

- Dân tộc Việt Nam muôn năm!

Bản sao lưu trữ

PHÁT HUY TINH THẦN ĐIỆN BIÊN PHỦ TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI*

Thượng tướng LÊ KHẢ PHIÊU

Điện Biên Phủ là một chiến thắng lừng lẫy và vang dội của dân tộc Việt Nam ta trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân vì độc lập và tự do trong thế kỷ 20. Tuy đã cách xa 40 năm, nhưng ý nghĩa, tầm vóc của chiến thắng lịch sử này không chút phai mờ. Ngược lại, thời gian giúp chúng ta nhận thức sâu sắc và đầy đủ hơn những kinh nghiệm và bài học của Điện Biên Phủ để vận dụng vào công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước hôm nay. Vượt lên khuôn khổ của một sự kiện quân sự. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã cho chúng ta nhiều bài học quý, có thể nghiên cứu vận dụng chẳng những vào lĩnh vực quân sự, quốc phòng, mà còn vào nhiều lĩnh vực khác: chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, ngoại giao...

Trước hết, Điện Biên Phủ không chỉ có giá trị to lớn đối với chúng ta, mà còn có ý nghĩa lớn lao đối với quốc tế. Suốt 40 năm qua, ba từ *Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ*, như bạn bè ta đánh giá, “đã làm rung động con tim của hàng tỷ người khát khao độc lập tự do”, là “tiếng kèn xung trận” đối với các phong trào giải phóng dân tộc, là “một sự thức tỉnh”, “một sự thật vĩ đại chói lọi niềm hy vọng to lớn và tươi sáng”... Có thể nói, từ thung lũng hiểm trở của Tây Bắc xa xôi, Chiến thắng Điện Biên Phủ có sức phát sáng diệu kỳ, bản thân chúng ta người trong cuộc - nhiều khi cũng không lường hết vòng tỏa sáng của nó. Chúng ta tự hào coi Điện Biên Phủ là di sản tinh thần quý báu của dân tộc Việt Nam, đồng thời là di sản chung của nhân loại. Trách nhiệm của các thế hệ chúng ta là trân trọng gìn giữ, bảo vệ di sản đó, phát huy đến mức cao nhất những giá trị tinh thần của Điện Biên Phủ vào sự nghiệp dựng nước, giữ nước hôm nay và mai sau.

Điện Biên Phủ là biểu tượng của khát vọng độc lập tự do của dân tộc ta. Giá trị lớn nhất của chiến thắng Điện Biên Phủ thể hiện ở chân lý: *một dân*

* Bài viết nhân kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, ngày 3-5-1994.

tộc, dù nhỏ yếu, nếu biết đoàn kết chiến đấu với tinh thần triệt để cách mạng, theo đường lối đúng đắn của chính đảng của giai cấp vô sản, thì có thể chiến thắng bất cứ bọn đế quốc hung ác nào và nhất định giành được độc lập tự do. Đó cũng là chân lý: nhân nghĩa thắng bạo tàn. Để đạt tới chân lý đó, nhân dân ta từ thế hệ này đến thế hệ khác, đã phải đổ biết bao xương máu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện hết sức súc tích chân lý đó bằng một câu tiêu biểu cho ý chí quật cường của cả một dân tộc: “*Không có gì quý hơn độc lập tự do*” Từ Điện Biên Phủ cho đến những năm kháng chiến lâu dài và anh dũng sau này chống bọn xâm lược Mỹ, cả dân tộc ta đã chiến đấu với tinh thần đó, ý chí đó, và đã vượt qua mọi gian khổ hy sinh, giành thắng lợi trọn vẹn. Và suốt hơn 20 năm đi tiếp chặng đường đấu tranh giải phóng, từ năm 1954, và sau đó là cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, không lúc nào chúng ta quên Điện Biên Phủ. Ngược lại, tinh thần Điện Biên Phủ được phát huy cao độ trong những năm kháng chiến. Ở những thời điểm gay go nhất, quyết liệt nhất, tinh thần Điện Biên Phủ có sức thúc giục cổ vũ đặc biệt. Chính từ Điện Biên Phủ năm 1954, chúng ta có Điện Biên Phủ trên không tháng Chạp năm 1972. Chỉ cái tên *Điện Biên Phủ* thôi, đã nói lên tất cả: sự bất khuất. Không gì có thể khuất phục một dân tộc biết đoàn kết, có sự lãnh đạo đúng đắn, đứng lên bảo vệ quyền được sống trong độc lập tự do, dù cho đó là những kẻ hung hãn và tàn bạo nhất, được trang bị tối tân hiện đại nhất.

40 năm sau Điện Biên Phủ, đất nước ta đã hoàn toàn độc lập, tự do, cả nước thống nhất, nhân dân ta được sống trong hòa bình, cùng đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, tinh thần Điện Biên Phủ vẫn ngời sáng, bởi vì độc lập dân tộc vẫn là vấn đề sống còn. Đất nước chỉ có thể phát triển, tiến lên chủ nghĩa xã hội khi độc lập dân tộc được giữ vững. 45 năm trước, bằng cuộc Cách mạng tháng Tám, nhân dân ta đã thoát khỏi ách nô lệ, giành lại tự do và độc lập. Chúng ta quyết không bao giờ chịu đánh mất điều quý giá nhất: quyền được hưởng tự do và độc lập, quyền được mưu cầu hạnh phúc. Đảng ta đề ra hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chính là nhằm đưa đất nước vào thế ổn định và phát triển, từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện bước vào thời kỳ phát triển mới: công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Chúng ta học được gì từ Chiến thắng Điện Biên Phủ? Hôm nay đặt câu hỏi này và mai sau, con cháu chúng ta sẽ còn trở lại câu hỏi này nữa. Bởi lẽ

sức sống của tinh thần Điện Biên Phủ bắt nguồn từ truyền thống đấu tranh hàng nghìn năm của dân tộc và thấm sâu vào nhiều thế hệ. Mỗi thế hệ sẽ tự tìm cho mình những điều giá trị nhất, phù hợp nhất, biến tinh thần Điện Biên Phủ thành hành động cách mạng, giải quyết những vấn đề cụ thể của thế hệ mình.

Điện Biên Phủ trước hết là *sức mạnh của ý chí quyết chiến quyết thắng của toàn dân tộc ta vì mục tiêu cao cả: độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội*. Từ tháng Chạp năm 1946, theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn quân, toàn dân ta đã lao vào cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ với quyết tâm: “Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, “Dù phải đốt cháy dãy Trường Sơn, cũng quyết giành cho được độc lập” Nhân dân và các lực lượng vũ trang ta, với niềm tin sắt đá vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến, đã chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh, quyết đánh và quyết thắng ở Điện Biên Phủ.

Trong kháng chiến cũng như trong xây dựng hòa bình, sức mạnh của ý chí quyết tâm là động lực vô cùng quan trọng, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi. Chúng ta tránh để không rơi vào duy ý chí, nhưng rõ ràng làm một việc dù nhỏ không có quyết tâm cũng dễ thất bại. Chính lúc này, mỗi người Việt Nam và toàn dân tộc phải có ý chí quyết tâm cao để chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, đưa đất nước đi lên. Đồng thời, cũng phải có quyết tâm dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Chúng ta không cam chịu nô lệ và cũng không cam chịu đói nghèo. Chúng ta có quyết tâm và có niềm tin: tin vào đường lối và sự lãnh đạo của Đảng, tin vào tiềm năng trí tuệ của con người Việt Nam, tin vào sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Tuy hiện tại Việt Nam vẫn thuộc vào hàng các nước chậm phát triển, nhưng những năm qua, nhờ kiên trì đường lối đổi mới, với sự cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, chúng ta đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ, đời sống nhân dân có cải thiện. Cùng với những tiến bộ về kinh tế xã hội, chúng ta đã giữ vững được ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng; vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Bài học rút ra từ thực tiễn của công cuộc đổi mới những năm qua chính là sự phát triển mới của bài học Điện Biên Phủ năm xưa: đó là sự kiên định mục tiêu, kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng, tinh thần kiên quyết phấn đấu vượt khó khăn, sự linh hoạt sáng tạo và tìm tòi trong phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn đã và đang đặt ra. Khó khăn ở mặt trận

Điện Biên Phủ là rất lớn và có tác động đến tư tưởng của cận bộ, chiến sĩ và nhân dân ta, nhưng nhờ ý chí quyết tâm cao, chúng ta đã vượt qua những khó khăn trở ngại đó, giành chiến thắng. Trong thực tiễn xây dựng đất nước, xây dựng lực lượng vũ trang giờ đây cũng vậy, mỗi giai đoạn lại xuất hiện những yêu cầu mới, khó khăn mới nhưng nếu vững vàng, kiên định mục tiêu, quyết tâm phấn đấu thì vượt qua được khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

Điện Biên Phủ cũng là *bài học sáng ngời về tinh thần tự lực tự cường*. Ở tình thế không cân bằng về lực lượng, phương tiện và trang bị kỹ thuật, trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, quân và dân ta đã phát huy cao nhất tính chủ động, sáng tạo chuẩn bị tốt mọi mặt cho chiến dịch: chuẩn bị về chính trị tư tưởng, về lực lượng, hậu cần, kỹ thuật phương án tác chiến, cách đánh... liên tục tạo ra những bất ngờ, những điều ngạc nhiên đối với đối phương. Trước mỗi một giai đoạn của chiến dịch, trước từng đợt tiến công, biết bao vấn đề phức tạp đặt ra, nhưng chúng ta đã phát huy được trí tuệ tập thể, tìm ra những giải pháp thích hợp. Và như vậy, tuy có rất nhiều khó khăn, như về so sánh lực lượng, về khả năng trang bị kỹ thuật, quân và dân ta đã nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng, tự lực tự cường, dũng cảm hy sinh, sáng tạo nhiều cách đánh, biện pháp độc đáo, thông minh, có hiệu quả, khiến địch bất ngờ không đối phó nổi. Có thể nói, trong chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta đã biết phát huy những đức tính và phẩm chất quý báu nhất của con người Việt Nam, phát huy được nội lực để chiến đấu và chiến thắng.

Ngày nay bài học về tinh thần tự lực tự cường vẫn giữ nguyên giá trị. Với chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, bạn bè ta trên thế giới ngày càng đông, tạo ra thuận lợi mới cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, nhưng chúng ta xác định, sự phát triển của đất nước bao giờ cũng dựa vào sức mạnh nội tại, sức mạnh bên trong là chính. Nếu ỷ lại, trông chờ vào nước ngoài, chúng ta sẽ trở thành người lệ thuộc. Trên cơ sở phát huy cao nhất tinh thần độc lập tự chủ, phải biết sử dụng tốt những thuận lợi và thời cơ mới để hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ từ bên ngoài, kết hợp với nguồn lực dồi dào từ bên trong tạo sức mạnh mới để phát triển đất nước. Càng tự lực, tự cường, chúng ta càng phải cẩn kiem, tích cực chống tham ô - lãng phí, tranh thủ từng đồng vốn, sử dụng tốt các nguồn lực, dồn tất cả vào phát triển sản xuất, tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Xây dựng quân đội, xây dựng lực lượng vũ trang lúc này cũng dựa trên nguyên tắc đó - tự mình là chính, phát huy cao nhất tiềm năng tại chỗ và trong nước, triệt

để tiết kiệm. Không một quốc gia nào có thể phát triển mà không thực hiện chính sách tiết kiệm. Đối với đất nước cũng như đối với từng cơ sở, từng gia đình, từng con người muốn làm giàu, muốn phát triển phải chắt chiu từng đồng bạc.

Nói đến tinh thần Điện Biên Phủ cũng là nói đến bài học cơ bản nhất: *vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và sự thường xuyên chăm lo tăng cường sức mạnh lãnh đạo của các tổ chức đảng và đảng viên*. Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình, phân tích khoa học thực tiễn, kịp thời tổng kết, rút kinh nghiệm từng giai đoạn, từng đợt tiến công, từng trận đánh... mà Đảng và Bác Hồ - người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang - đã kịp thời có những quyết định đúng đắn, thể hiện sự nhạy bén, thông minh và bản lĩnh vững vàng. Giữa hai quan điểm đánh nhanh, giải quyết nhanh với đánh chắc, tiến chắc, từ thực tiễn tình hình, chúng ta đã phân tích một cách khách quan, khoa học, quyết tâm chuyển hướng chỉ đạo đánh chắc, tiến chắc, giải quyết tốt tâm lý nôn nóng để giành thắng lợi. Trong những năm kháng chiến và sau này là trong xây dựng hòa bình, Đảng ta đã tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng. Trước những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn, bao giờ cũng phải phân tích đánh giá tình hình hết sức khách quan, sát, đúng, kịp thời và thẳng thắn chỉ ra khuyết điểm, sai lầm để sửa chữa, khẳng định và phát huy mặt đúng, mặt tốt. Làm như vậy, dù trong hoàn cảnh khó khăn, vẫn tạo được niềm tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Khi đã có quyết tâm và niềm tin, thì các quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước, các chính sách và biện pháp sẽ được nhân dân nhất trí đồng tình ủng hộ, biến thành ý chí và hành động cách mạng của toàn dân.

Ở Điện Biên Phủ, Đảng ta đã lãnh đạo chiến dịch không chỉ bằng những phương hướng, quyết định vừa thận trọng, vừa táo bạo và sáng suốt, mà còn bằng sự gương mẫu, vai trò tiên phong của từng đảng viên. Đã có những lúc tình hình diễn biến phức tạp, nảy sinh tư tưởng bi quan, dao động, nôn nóng, thậm chí những tư tưởng tiêu cực, giảm sút ý chí chiến đấu. Trong các tổ chức cơ sở đảng đã tiến hành sinh hoạt phê bình, tự phê bình, đấu tranh thẳng thắn ngay từ trong Đảng, trong cán bộ, đảng viên, qua đó tạo sức mạnh, niềm tin cho quần chúng. Đảng viên gương mẫu cả trong lời nói và việc làm. Đảng viên đương đầu với khó khăn, gian khổ và hy sinh. Những tấm gương chiến đấu của các đảng viên có sức lôi cuốn mạnh mẽ mọi người. Đây chính là yếu tố cực kỳ quan trọng tạo ra sức mạnh lãnh đạo, chỉ huy, tạo ra tinh thần tự giác hy sinh trong cán bộ, chiến sĩ và toàn dân. Bài học

này còn giá trị nóng hổi cho hôm nay. Đảng muốn khẳng định vai trò lãnh đạo của mình trong xã hội, muốn tạo được sức mạnh niềm tin trong quần chúng, nhất thiết từng đảng viên phải là tấm gương cho quần chúng noi theo. Không một lời nói suông mỹ miều nào có thể tạo ra uy tín và sức mạnh của Đảng. Trong kháng chiến, đảng viên chấp nhận hy sinh, thì trong thời bình cũng phải chấp nhận gian khổ, hy sinh lo cho nhân dân trước hết, mọi lời nói và việc làm phải góp phần nâng cao uy tín của Đảng trong nhân dân.

Cũng cần nói tới một bài học nữa của Điện Biên Phủ, có thể sẽ gợi mở cho chúng ta những suy nghĩ sáng tạo phù hợp với điều kiện hiện nay đó là *bài học về huy động, tập hợp sức mạnh và trí tuệ của toàn dân*. Có được Chiến thắng Điện Biên Phủ, phải nói đến một yếu tố quan trọng là Đảng và Nhà nước ta đã huy động và sử dụng có hiệu quả sức mạnh tổng hợp của cả nước với tinh thần: Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến dịch Điện Biên Phủ, cả nước hướng về Điện Biên Phủ. Các chiến trường phối hợp với Điện Biên Phủ. Ở những thời điểm quyết định, chúng ta đã biết dồn sức người, sức của của cả nước, từ các địa phương, các mặt trận, quyết thực hiện thắng lợi mục tiêu: đánh tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, hướng đi và mục tiêu phấn đấu của chúng ta đã rõ ràng, chúng ta cũng đã xác định bước đi thích hợp với từng thời kỳ. Vấn đề quan trọng là phát huy cao nhất khả năng và tiềm năng lao động, trí tuệ của cả nước, mọi địa phương, mọi người, mọi nhà để thực hiện cho được mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Chúng ta đã tạo được điều kiện, tiền đề để đưa đất nước vào thời kỳ phát triển mới, nhưng mục tiêu có trở thành hiện thực hay không là phụ thuộc vào sự nỗ lực của từng địa phương, từng cấp, từng ngành và của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng tháng Giêng năm 1994 đã phân tích tình hình đất nước, chỉ rõ những thời cơ mới và thách thức mới của đất nước ta trong thời kỳ đổi mới. Ở thời điểm này, chúng ta cần nghiên cứu những bài học kinh nghiệm của Điện Biên Phủ, trên thực tế là bài học khai thác tối đa những thuận lợi của thời cơ mới để vượt qua khó khăn, thử thách đi tới thắng lợi cuối cùng. Nếu nói đến thử thách, thì Điện Biên Phủ không thiếu bất cứ một kiểu thử thách gì, và khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua nổi. Vượt qua được khó khăn, sử dụng chính xác, có hiệu quả thời cơ trong mỗi giai đoạn, mỗi trận chiến đấu cũng như cả chiến dịch, đó là nghệ thuật, là biểu hiện ý chí, tài năng của con người Việt

Nam. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, để vượt qua thách thức, tranh thủ thời cơ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta càng phải phát huy ý chí, tài năng và nỗ lực của toàn dân.

Điện Biên Phủ là sự kế thừa truyền thống dựng nước và giữ nước của ông cha ta từ ngàn xưa. Truyền thống Điện Biên Phủ một giá trị tinh thần vô giá - cần được gìn giữ và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhưng, truyền thống đó không phải là hiện vật để lưu giữ trong bảo tàng, mà đó là sức sống và ý chí vươn tới. Mỗi giai đoạn lịch sử của đất nước, chúng ta lại nhìn nhận ý nghĩa của Chiến thắng Điện Biên Phủ với những suy nghĩ mới và phát hiện mới. Trong thuận lợi và trong khó khăn, chúng ta đều có thể tìm thấy trong giá trị tinh thần Điện Biên Phủ cái cốt lõi nhất: *ý chí quyết chiến, quyết thắng của dân tộc; khát vọng vươn tới độc lập, tự do, hạnh phúc của toàn dân ta*. Bằng khối óc và bàn tay của mình, bằng tài năng và chí sáng tạo, chúng ta hoàn toàn có thể biến khát vọng đó thành hiện thực.

Với suy nghĩ như vậy, Điện Biên Phủ sẽ mãi mãi trường tồn với lịch sử, tinh thần Điện Biên Phủ bất cứ lúc nào, ở thời đại nào, cũng tràn đầy sức sống! Điện Biên Phủ mãi mãi là niềm tin, niềm tự hào của dân tộc ta!

TINH THẦN ĐIỆN BIÊN PHỦ BẤT DIỆT*

LÊ KHẢ PHIÊU

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương

Đảng Cộng sản Việt Nam

Ngày 10-5-1998

Non sông, đất nước ta và bầu bạn gần xa mãi mãi ghi nhớ chiến công oanh liệt của các anh, các chị là bộ đội Cụ Hồ, là du kích, là dân công hỏa tuyến, là đồng chí, đồng bào đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lừng danh thế giới:

Điện Biên Phủ là trận đánh quyết định kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp xâm lược. Chiến thắng Điện Biên Phủ được ghi vào sử sách thế giới mang ý nghĩa thời đại sâu sắc. Chiến thắng Điện Biên Phủ báo hiệu giờ cáo chung của chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn thế giới đã điếm. Từ chiến thắng Điện Biên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến lên đối mặt với chủ nghĩa thực dân mới trong cuộc đọ sức vô cùng quyết liệt với đế quốc Mỹ và đã giành chiến thắng vẻ vang: giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng ở Điện Biên Phủ của quân và dân ta là ý chí quyết chiến quyết thắng, là đỉnh cao chói lọi, là cột mốc mới của khí phách Việt Nam đã được hun đúc trong lịch sử 4.000 năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam ta.

Tinh thần Điện Biên Phủ bất diệt là một trong những nguồn động lực to lớn để nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

Tổ quốc ta, nhân dân ta, Đảng và Nhà nước ta đời đời ghi nhớ công ơn của các liệt sĩ.

* Cảm tưởng của đồng chí Lê Khả Phiêu - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng ghi trong "Sổ vàng" nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên Phủ - dấu để do Ban biên soạn đặt.

TỔ QUỐC VÀ NHÂN DÂN TA MUÔN ĐỜI GHI NHỚ CÔNG ƠN CÁC ANH HÙNG, LIỆT SĨ, CHIẾN SĨ ĐIỆN BIÊN*

NÔNG ĐỨC MẠNH

Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị

Chủ tịch Quốc hội

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Điện Biên Phủ, ngày 16-10-2000

Xin thấp nén hương, kính cẩn nghiêng mình tưởng nhớ các liệt sĩ Điện Biên Phủ, những người con của nhân dân Việt Nam đã ngã xuống trên mảnh đất thân yêu này để làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ, niềm tự hào của dân tộc ta.

Tổ quốc ta, nhân dân ta mãi mãi ghi nhớ công ơn của các anh hùng, liệt sĩ, nguyện bước tiếp những con đường mà Đảng, Bác Hồ đã lựa chọn, xứng đáng với những gì mà các anh hùng, liệt sĩ trước đây hằng mong muốn.

Xin cảm ơn Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lai Châu đã thay mặt nhân dân cả nước chăm sóc phần mộ của các anh hùng, liệt sĩ và tôn tạo Nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên Phủ.

* Cảm tưởng của đồng chí Nông Đức Mạnh - Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội ghi trong "Sổ vàng" Nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên Phủ - dấu để do Ban biên soạn đặt.

CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG XUÂN 1953-1954 VÀ MẤY VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN VIỆT NAM*

Đại tướng VẤN TIẾN DŨNG

Trong những ngày này, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta cùng bầu bạn trên thế giới tung bừng kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: “Chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ, anh dũng của quân và dân cả nước ta chống thực dân Pháp xâm lược và sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Đây là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta và cũng là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chiến thắng Điện Biên Phủ càng làm sáng ngời chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại ngày nay: chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhất định thất bại, cách mạng giải phóng dân tộc nhất định thành công”¹.

Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và toàn bộ cuộc kháng chiến chống Pháp, cho quân và dân ta nhiều bài học quý báu. Bài này muốn từ thực tiễn của cuộc tiến công chiến lược nêu lên một số nội dung cơ bản của chiến lược quân sự của cuộc kháng chiến chống Pháp. Tiếp đó, qua thực tiễn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, rút ra *những nội dung cơ bản*, cũng là *những vấn đề có tính quy luật của chiến lược quân sự chiến tranh nhân dân Việt Nam*, chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước dưới sự lãnh đạo của Đảng trong mấy chục năm qua. Trên cơ sở thực tiễn phong phú của những cuộc chiến tranh đó, nêu lên một số vấn đề cơ bản của chiến lược quân sự chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay.

* Bài viết nhân dịp kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, đăng trên Tạp chí *Quân đội nhân dân*, số 5-1984.

1. Lời đề của Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng Bảo tàng Điện Biên Phủ, ngày 7 tháng 5 năm 1964.

I. CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG XUÂN 1953-1954 - BIỂU HIỆN TẬP TRUNG NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Như mọi người đều biết, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta là một cuộc chiến tranh yêu nước, chính nghĩa, giải phóng dân tộc do Đảng ta lãnh đạo, nhằm bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám, đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên theo đường lối của Đảng đã vạch ra. Phương châm chung của cuộc kháng chiến đó được Đảng ta xác định là: Kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ viện trợ quốc tế.

Chiến lược quân sự của cuộc chiến tranh này do vậy, là *chiến lược quân sự của một cuộc chiến tranh nhân dân, nhằm đạt được mục đích chính trị của chiến tranh và mục tiêu của cách mạng, với mấy nội dung chính là: toàn dân đánh giặc với lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân làm nòng cốt, phối hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích; đấu tranh vũ trang là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh chính trị và các mặt đấu tranh khác; đánh trên ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị, quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, thực hành tiến công địch từ nhỏ đến lớn từ cục bộ đến toàn bộ, giành thắng lợi từng bước để đi tới thắng lợi cuối cùng.*

Những nội dung trên đây không phải ngay từ đầu đã có, mà hình thành phát triển dần trong thực tiễn cuộc chiến đấu anh dũng và sáng tạo của quân và dân ta, dưới sự lãnh đạo chiến tranh và chỉ đạo chiến lược sắc bén của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, theo đường lối chính trị và đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng ta. Đường lối này cũng được cụ thể hóa và hoàn chỉnh dần trong kháng chiến.

Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 với chiến dịch Điện Biên Phủ, là đỉnh cao phát triển của cuộc kháng chiến, và là biểu hiện tập trung những nội dung cơ bản trên đây của chiến lược quân sự của cuộc kháng chiến, dẫn tới kết quả là đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ của đế quốc Pháp, giành thắng lợi vĩ đại.

Thật vậy, theo đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng, quân và dân ta đã từng bước đánh bại chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của bọn thực dân phản động Pháp, đẩy chúng lún sâu vào một cuộc chiến tranh lâu dài, hao người, tốn của, bị cả loài người và nhân dân tiến bộ Pháp lên án nghiêm khắc. Trải qua cuộc chiến đấu lâu dài, rất gay go và quyết liệt, ngay cả trong hoàn cảnh bốn phía bị quân thù bao vây, quân và dân ta càng đánh

càng mạnh, giành thắng lợi ngày càng lớn trên khắp các chiến trường và dần dần tạo nên một cục diện chiến tranh rất thuận lợi cho ta vào năm 1953: một cục diện trong đó ta có thế và phải phát huy cao độ nỗ lực của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, giành một thắng lợi quyết định cho kháng chiến.

Thực dân Pháp, trước tình thế tuyệt vọng, thua trông thấy, đã có một cố gắng chiến tranh cao nhất hòng cứu vãn tình thế. Kế hoạch Na-va ra đời trong bối cảnh đó. Đó là một kế hoạch với những mưu đồ chính trị và quân sự đầy tham vọng của cả Pháp và Mỹ: bắt đầu phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến lược ở miền Nam; tiếp đó, sau khi đã bình định xong miền Nam, chuyển sang tiến công chiến lược ở miền Bắc, giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải điều đình theo ý định của chúng (!). Trung tâm của kế hoạch này là xây dựng cho được một lực lượng cơ động chiến lược lớn để chủ động thực hiện những đòn quyết định.

Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hạ quyết tâm đập tan kế hoạch Na-va, giành một thắng lợi quyết định cho cuộc kháng chiến. Để thực hiện ý định chiến lược đó, một kế hoạch tác chiến 1953-1954 của Bộ Tổng tư lệnh đã được vạch ra và được Bộ Chính trị thông qua, với những nội dung mà chúng ta đã biết.

Theo chủ trương và kế hoạch tác chiến chiến lược đó, giữa tháng 11 năm 1953, một bộ phận bộ đội chủ lực ta tiến quân lên hướng Tây Bắc. Phát hiện ra cuộc chuyển quân này, Na-va vội vàng cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ với ý đồ ngăn cản hoạt động của các binh đoàn chủ lực ta ở vùng này, bảo vệ Lai Châu và cả vùng Thượng Lào, đồng thời chuẩn bị địa bàn cho cuộc tiến công chiến lược của Pháp sau này ở chiến trường Bắc Bộ, khi chúng “bình định xong các tỉnh miền Nam”(!). Việc đánh chiếm Điện Biên Phủ còn nằm trong âm mưu của Mỹ muốn biến Điện Biên Phủ thành một căn cứ lực lượng và không quân phục vụ cho chính sách xâm lược về lâu dài của Mỹ ở Đông Dương, Đông Nam châu Á và cả châu Á nói chung.

Đây là cuộc điều quân vốn không có trong kế hoạch Na-va. Sớm hơn một chút, vào giữa tháng 10 năm 1953, để hòng phá trước cuộc tiến công Thu Đông của ta, địch đã mở nhiều cuộc càn quét ở đồng bằng Bắc Bộ, trong đó có cuộc hành binh “Hải Âu” đánh ra vùng tự do ở tây nam Ninh Bình. Ba thứ quân của ta đã tiến hành thắng lợi một chiến dịch phản công đập tan cuộc hành binh “Hải Âu”

Cuộc tiến công chiến lược vẫn được tiến hành theo kế hoạch, bắt đầu ngày 10 tháng 12 năm 1953, bằng chiến dịch tiến công giải phóng Lai Châu.

Sau đó, ngày 21 tháng 12 năm 1953, là chiến dịch tiến công vào vùng Trung Lào, có sự phối hợp với Quân giải phóng Lào, giải phóng thị xã Thà Khẹt và hầu hết vùng Trung Lào. Liên quân Lào - Việt lại giáng tiếp đòn tiến công vào Hạ Lào ngày 30 tháng 12 năm 1953 giải phóng hoàn toàn cao nguyên Bô-lô-ven và thị xã A-tô-pơ. Tiếp đó, phát triển thắng lợi, cùng với Quân giải phóng Cam-pu-chia mở cuộc tiến công vào vùng đông bắc Cam-pu-chia, giải phóng Voeng Xai, Xiêm Pang, uy hiếp Stung Treng. Bất chấp cuộc hành binh "Át-lăng" vào ngày 20 tháng 1 năm 1954 của địch, đánh vào vùng tự do của ta ở Liên khu V, ngày 26 tháng 1 quân ta vẫn chủ động tiến hành chiến dịch tiến công vào bắc Tây Nguyên theo kế hoạch, giải phóng thị xã Kon Tum và cả vùng bắc Tây Nguyên. Cũng vào ngày 26 tháng 1 năm 1954, liên quân Lào - Việt mở chiến dịch tiến công địch ở Thượng Lào, quét sạch địch ở khu vực sông Nậm Hu, Phong Xa Lỳ, uy hiếp Luông Phra Băng...

Cùng với hệ thống các chiến dịch tiến công, các đoàn tiến công của các binh đoàn chủ lực, của chiến tranh chính quy, phần lớn là trên chiến trường rừng núi, đã diễn ra các chiến dịch tiến công của ba thứ quân kết hợp với các cuộc nổi dậy phá tề của nhân dân trên các vùng nông thôn đồng bằng đông dân. Đồng thời, trên các địa phương không có bộ đội chủ lực, thì bộ đội địa phương và dân quân, du kích đã cùng với nhân dân tích cực đánh địch bằng chiến tranh du kích, đẩy phong trào chiến tranh du kích tiến lên một bước phát triển rất mạnh từ đồng bằng Bắc Bộ đến Bình Trị Thiên, cực nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Quá trình thực hiện các chiến dịch, các đòn tiến công, các hoạt động mạnh mẽ của chiến tranh du kích đã buộc địch phải điều quân đối phó trên nhiều chiến trường, phá vỡ kế hoạch tập trung lực lượng cơ động của chúng. Ta tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn.

Sự phát triển của cuộc tiến công chiến lược dần dần đưa đến kết quả là Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung những lực lượng tinh nhuệ nhất của địch và của ta, là nơi diễn ra cuộc đọ sức quyết liệt giữa ta và địch, quyết định số phận của kế hoạch Na-va, quyết định thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược và cũng là của toàn cuộc kháng chiến.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ - chiến dịch tiến công có tính chất quyết chiến chiến lược của toàn cuộc tiến công chiến lược bắt đầu và đã giành toàn thắng. Cuộc tiến công chiến lược giành toàn thắng. Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn. Thực dân Pháp buộc phải ký kết Hiệp

định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp được Mỹ giúp sức thất bại thảm hại. Cuộc kháng chiến oanh liệt của nhân dân Việt Nam giành được thắng lợi vĩ đại.

Như chúng ta đã biết, chiến lược quân sự được thực hiện thông qua việc tổ chức và tiến hành các trận đánh, các chiến dịch (là một tổng thể các trận đánh...) và các hoạt động tác chiến chiến lược (là một tổng thể các chiến dịch và các hoạt động tác chiến khác...).

Cuộc tiến công chiến lược trong Đông Xuân 1953-1954 là hoạt động tác chiến chiến lược phát triển đến đỉnh cao trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Việc tổ chức thắng lợi cuộc tiến công chiến lược đó đánh dấu một bước phát triển vượt bậc trong nghệ thuật chỉ đạo chiến lược quân sự của Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, trong nghệ thuật lãnh đạo chiến tranh của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nội dung của cuộc tiến công chiến lược đó như ta đã thấy không giống các hoạt động tác chiến chiến lược trong những cuộc chiến tranh “cổ điển” chỉ bằng quân đội chính quy. Đó là hoạt động tác chiến chiến lược của chiến tranh toàn dân và toàn diện, kết hợp hai phương thức tiến hành chiến tranh, kết hợp ba thứ quân... với những nội dung riêng và quy luật đặc thù của nó.

Đó là một tổng thể các chiến dịch tiến công và cả chiến dịch phản công (như ở tây nam Ninh Bình), các chiến dịch chống càn quét (để bảo vệ căn cứ du kích, khu du kích), các trận đánh lớn và các đợt hoạt động của chiến tranh du kích, trong đó một số chiến dịch có thể gọi là “chiến dịch du kích”, chiến dịch của chiến tranh nhân dân địa phương. Các hình thức hoạt động tác chiến đó của cả ba thứ quân trên quy mô chiến lược và chiến dịch, được kết hợp với các cuộc nổi dậy phá tề của nhân dân trong vùng địch tạm chiếm, theo một chủ trương chiến lược, một kế hoạch tác chiến chiến lược thống nhất. Các chiến dịch, các trận đánh lớn, các đợt hoạt động... diễn ra vừa đồng thời, vừa kế tiếp nhau và xen kẽ, kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo điều kiện và hỗ trợ cho nhau, dẫn tới sự hình thành một chiến dịch có tính chất quyết chiến chiến lược cho toàn cuộc tiến công là chiến dịch Điện Biên Phủ. Sự kết hợp hai phương thức tiến hành chiến tranh và ba thứ quân diễn ra trên chiến trường cả nước và trên từng chiến trường, với trình độ phát triển khác nhau, trong đó chiến trường chính là Bắc Bộ có sự phát triển cao nhất. Biểu hiện về mặt chiến dịch thì có chiến dịch chủ yếu của bộ đội chủ lực là những đòn quyết định nhất; có chiến dịch tổng hợp kết hợp hai phương thức và ba thứ quân; lại có cả những “chiến dịch”, những đợt hoạt động chủ

yếu là của lực lượng vũ trang địa phương kết hợp với các cuộc nổi dậy và đấu tranh chính trị của nhân dân.

Nhờ vậy, quân và dân ta đã phát huy được hiệu lực chiến lược to lớn của chiến tranh nhân dân, làm cho một quân đội xâm lược vốn có ưu thế về số lượng binh lính và trang bị kỹ thuật hiện đại trong một cuộc chiến tranh cổ điển, trở thành mất ưu thế. Chúng muốn tập trung lực lượng để giành chủ động, giáng đòn quyết định đánh ngã đối phương, mà lại lâm vào thế bị động buộc phải phân tán, xé lẻ lực lượng ra khắp nơi và bị đối phương đánh ngã.

Phong trào toàn dân đánh giặc và phục vụ chiến đấu đã diễn ra một cách rộng rãi, cả ở tiền tuyến và ở hậu phương, trên khắp các chiến trường từ Bắc đến Nam, quyết tâm nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

Với khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, các đảng bộ địa phương đã lãnh đạo, tổ chức nhân dân chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên quy mô lớn chưa từng có. Trên từng vùng, từng chiến trường, nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu của quân và dân được xác định từ trước và cụ thể, tiếp đó lại được bổ sung một cách chủ động, linh hoạt trong quá trình phát triển của cuộc tiến công. Nhân dân các địa phương đã xây dựng làng, buôn, bản chiến đấu, tham gia chiến đấu, bảo vệ vùng tự do tham gia vây hãm, bức hàng, bức rút hàng nghìn đồn bốt giặc; làm công tác trinh sát, thông tin, liên lạc; tiến công địch bằng binh vận, vận động hàng chục nghìn binh lính và hạ sĩ quan địch bỏ ngũ, về với nhân dân.

Chủ trương đúng đắn và sáng tạo của Đảng, tiến hành giảm tô và cải cách ruộng đất ngay trong kháng chiến đã dấy lên một khí thế sôi nổi chưa từng có trong nhân dân cả nước, đem sức người, sức của phục vụ cho chiến thắng. Hơn 500.000 người đã đi dân công phục vụ các chiến trường, tải đạn, tải lương, chiến đấu chống máy bay địch, bảo đảm giao thông vận tải (trong đó riêng phục vụ cho chiến dịch Điện Biên Phủ là 260.000). Cuộc chiến đấu của nhân dân và lực lượng vũ trang ta trong vùng địch tạm kiểm soát là lực lượng tại chỗ có hiệu lực to lớn, mở rộng quy mô của cuộc tiến công chiến lược và đã biến hơn một nửa lực lượng cơ động chiến lược của địch thành lực lượng bị “giam chân” trong từng làng, xã, từng vùng.

Đây là một nét đặc sắc của chiến lược quân sự chiến tranh nhân dân Việt Nam. Điều đó thật xa lạ đối với thực dân Pháp, những kẻ chuyên tính toán đầu quân, đầu súng theo kiểu chiến tranh có “quy củ” của giai cấp tư sản. Cuộc tiến công chiến lược đã đạt được thắng lợi khi địch chiếm ưu thế về số

lượng quân đội tập trung và có ưu thế tuyệt đối về máy bay, tàu chiến, xe tăng, về các phương tiện chỉ huy và cơ động hiện đại.

Cuộc tiến công chiến lược tiêu biểu cho tư tưởng tiến công và nghệ thuật tiến công trong chiến lược quân sự của chiến tranh nhân dân chống Pháp. Nhờ có tư tưởng kiên quyết, chủ động tiến công và nghệ thuật tiến công tài giỏi cả trong chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật, mà đấu tranh vũ trang trong quá trình kháng chiến, đã phát triển từ yếu đến mạnh, từ nhỏ đến lớn và tạo nên cục diện chiến tranh thuận lợi cho ta tổ chức cuộc tiến công chiến lược trong Đông Xuân 1953-1954. Tiếp đó, trong cuộc tiến công này, tư tưởng tiến công và nghệ thuật tiến công lại phát triển lên một bước mới.

Về tư tưởng tiến công, ta đã kiên định chủ trương chiến lược và kế hoạch tác chiến chiến lược khi thực dân Pháp tăng quân, thêm vũ khí, thay tướng, có đế quốc Mỹ nhảy vào tiếp sức. Ta kiên quyết tiến công, kiên quyết giành thắng lợi khi Na-va phản ứng và đối phó quyết liệt, đánh ra tây nam Ninh Bình, nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, mở cuộc hành quân “Át-lăng” đổ bộ lên Quy Nhơn, dọa sử dụng bom nguyên tử... Ta đã chấp nhận sự đối đầu với cố gắng chiến tranh cao nhất của cả Pháp và Mỹ tại Điện Biên Phủ, dùng lực lượng tinh nhuệ nhất của ta đánh thẳng vào lực lượng tinh nhuệ nhất, vào chỗ rất mạnh của địch.

Về nghệ thuật tiến công, ta đã phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân để tiến công địch. Tiến công địch bằng chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích, trong phạm vi chiến lược, chiến dịch và trận đánh, trên quy mô lớn, vừa và nhỏ. Tiến công địch ở chính diện, bên sườn và sau lưng địch; ở rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị. Tiến công địch với nỗ lực tập trung ở hướng quyết định, đồng thời tiến công địch đều khắp trên quy mô rộng lớn. Tiến công địch trên chiến trường đồng thời tiến công làm suy yếu và tan rã tinh thần và lực lượng địch. Tiêu biểu cho nghệ thuật tiến công này là đã tiến hành thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ, một chiến dịch tiến công tương đối hiện đại, quy mô tương đối lớn của các binh đoàn chủ lực, tác chiến hiệp đồng, tiêu diệt hoàn toàn một tập đoàn mạnh nhất của địch trong hệ thống phòng ngự trận địa tương đối vững chắc.

Như vậy là chiến lược quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam, qua cuộc đọ sức quyết liệt với kẻ thù, đã chứng minh tính hơn hẳn, tính tiên tiến và sức mạnh chiến thắng của mình. Học thuyết chiến lược quân

sự của nước Pháp đế quốc chủ nghĩa học thuyết chiến lược đã được nghiên cứu, giảng dạy trong các học viện danh tiếng của Pháp đã bị đánh bại ở Việt Nam.

II. MẤY VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ - BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ CHIẾN TRANH NHÂN DÂN VIỆT NAM

Cuộc kháng chiến chống Mỹ là cuộc đụng dẫu lịch sử rất quyết liệt giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Mỹ, kẻ thù hung hãn nhất của thời đại. Đó là sự tiếp tục của cuộc kháng chiến thần thánh chống Pháp, nhằm đánh bại chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong cuộc chiến tranh này, quân và dân ta đã nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ quốc tế rất to lớn, đặc biệt là sự viện trợ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác về vũ khí và trang bị kỹ thuật hiện đại.

Cuộc kháng chiến thần thánh lần này của cả dân tộc Việt Nam biểu hiện dưới hình thái hai cuộc chiến tranh khác nhau ở hai miền nhưng thống nhất với nhau: chiến tranh giải phóng ở miền Nam và chiến tranh bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Quân và dân ta trên cả nước và ở mỗi miền đã giải quyết thành công những vấn đề cơ bản của chiến lược quân sự trong kháng chiến chống Mỹ phù hợp với những điều kiện lịch sử mới, đạt được mục đích chính trị của chiến tranh, đánh thắng chiến tranh xâm lược của tên đế quốc đầu sỏ, có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn nhất và hiện đại nhất trong phe đế quốc. Mỹ cũng rút kinh nghiệm thất bại của Pháp để hòng đánh bại cuộc kháng chiến của quân dân ta. Cho nên đây là một thử thách mới rất quyết liệt đối với dân tộc ta.

Chiến lược quân sự của cuộc kháng chiến chống Mỹ cũng được phát triển và hoàn chỉnh dần trong thực tiễn chiến đấu của quân và dân ta trên cả hai miền Nam Bắc, dưới sự lãnh đạo chiến tranh và chỉ đạo chiến lược sáng suốt của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, theo đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng đắn và sáng tạo của Đảng.

Chiến tranh giải phóng ở miền Nam phát triển từ đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần mà lên; khi phát triển thành chiến tranh giải phóng, vẫn luôn luôn có các cuộc đấu tranh chính trị và nổi dậy giành quyền làm

chủ của quân chúng kết hợp với các đòn tiến công quân sự của các lực lượng vũ trang nhân dân, thực hành ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận. Do vậy, có thể nói rằng, không có một chiến lược quân sự thuần túy trong cuộc chiến tranh này. Khi xem xét chiến lược quân sự của chiến tranh giải phóng ở miền Nam, phải gắn liền với những vấn đề chiến lược của cách mạng và phương pháp cách mạng ở miền Nam, nhằm đánh bại chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Chiến lược quân sự ở đây chính là hình thức biểu hiện về mặt quân sự của phương pháp cách mạng, nhằm đạt được mục tiêu của cách mạng. Đấu tranh vũ trang không tách rời đấu tranh chính trị và các cuộc nổi dậy của nhân dân. Đây là chiến lược tổng hợp của chiến tranh cách mạng, có sự tác động của cả quy luật chiến tranh và quy luật khởi nghĩa, trong đó quy luật chiến tranh ngày càng giữ địa vị chi phối và quyết định, và dựa vào sự chi viện mạnh mẽ của hậu phương lớn là miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

Nhờ vậy, chiến tranh cách mạng miền Nam mới có thể tạo nên sức mạnh tổng hợp để thực hành chiến lược tiến công, đưa thế tiến công chiến lược đó từ nhỏ đến lớn, từ cục bộ đến toàn bộ, vừa giành quyền làm chủ, vừa tiêu diệt địch, vừa giành quyền làm chủ, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng. Đó là thế tiến công của cách mạng bằng khởi nghĩa vũ trang phát triển thành thế tiến công của chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng, lật đổ ách thống trị thực dân mới và đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ.

Riêng về đấu tranh vũ trang, chiến sĩ và đồng bào ta ở miền Nam đã đi từ tác chiến du kích lên tác chiến tập trung, từ chiến tranh du kích lên chiến tranh chính quy, và luôn luôn kết hợp chặt chẽ hai phương thức tiến hành chiến tranh, thể hiện sự hình thành, lớn mạnh và hiệp đồng chặt chẽ giữa ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích) của lực lượng vũ trang nhân dân.

Chiến tranh du kích, chiến tranh nhân dân địa phương là các hoạt động tác chiến của lực lượng tại chỗ rộng rãi, tạo nên thế trận rộng khắp của chiến tranh nhân dân, có hiệu lực chiến lược rất to lớn. Kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy giành quyền làm chủ của nhân dân, phá rã bộ máy nguy quyền cơ sở. Căng địch ra mà đánh, bao vây và tiêu hao lớn, tiêu diệt nhỏ sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng, chủ yếu là lực lượng bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự, các đồn bốt nhỏ của địch ở địa phương. Kịp thời đón đánh các đơn vị chủ lực cơ động của địch, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ lực cơ động của ta đánh những đòn tiêu diệt lớn. Nhờ vậy, ta đã làm cho cả Mỹ

và nguy quân đông mà hóa ít, lực mạnh mà thành yếu. Chúng có những quân chủng và binh chủng rất hiện đại mà không thể tổ chức được thành công những cuộc hành binh quy mô lớn làm xoay chuyển cục diện chiến tranh có lợi cho chúng, như trong các cuộc “chiến tranh cổ điển” chỉ bằng quân đội chính quy.

Chiến tranh du kích đã phát triển lên chiến tranh chính quy, vừa phát triển dần từng bước trên cơ sở phong trào cách mạng ở miền Nam, vừa phát triển nhảy vọt do có các đơn vị chủ lực được tranh bị hiện đại từ miền Bắc đưa vào. Chiến tranh chính quy, chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực có nhiệm vụ đánh những trận tiêu diệt lớn, tiêu diệt những bộ phận quan trọng, những binh đoàn cơ động chiến lược của địch, làm thay đổi so sánh lực lượng và cục diện chiến tranh có lợi cho ta. Sự kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích đã trở thành một quy luật để giành thắng lợi trong chiến tranh. “Chiến tranh đặc biệt” đã phá sản, khi xuất hiện tác chiến tập trung tương đối chính quy của một số đơn vị chủ lực của ta trong các chiến dịch Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài những năm 1964-1965 (tiếp sau các cuộc đấu tranh chính trị sôi nổi ở đô thị những năm 1963-1964). “Chiến tranh cục bộ” đã bị đánh bại, sau khi cả ba thứ quân của ta đã lớn mạnh, đủ sức đập tan liên tiếp hai cuộc phản công mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 của quân Mỹ; tiếp đó mở cuộc tiến công chiến lược Tết Mậu Thân 1968 vào hầu hết các thành phố, thị xã và thị trấn ở miền Nam, kết hợp với chiến dịch tiến công mạnh mẽ của bộ đội chủ lực ta ở Khe Sanh. Chiến tranh “phi Mỹ hóa” và “Việt Nam hóa” đã bị đánh bại, khi bộ đội chủ lực ta tiến hành chiến dịch phản công thắng lợi ở Đường 9 - Nam Lào năm 1971 và tiếp đó mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên nhiều chiến trường, trong đó có một số chiến dịch tiến công của các binh đoàn chủ lực quân ta được trang bị tương đối hiện đại. Cuối cùng, chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ đã bị đánh bại hoàn toàn, khi quân và dân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Trong chiến tranh giải phóng ở miền Nam, quân và dân ta tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị, với hình thức đấu tranh thích hợp ở mỗi vùng, trong từng thời kỳ, và kết hợp chặt chẽ với nhau. Đầu tiên các cuộc khởi nghĩa từng phần, các cuộc “đồng khởi” đã nổ ra ở vùng nông thôn là nơi địch tương đối yếu và sơ hở. Trong khi đó các cuộc đấu tranh chính trị đòi dân sinh và dân chủ, vạch mặt nguy quyền tay sai Mỹ, từ hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp và cả bằng bạo lực ở mức độ khác nhau, đã diễn ra ở các thành phố, thị xã và thị

trấn. Đấu tranh vũ trang phát triển dần thì địa bàn chủ yếu của tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng là vùng nông thôn đồng bằng đông dân; còn vùng rừng núi lại là chiến trường của các trận đánh lớn, các chiến dịch tiến công quy mô ngày càng lớn của bộ đội chủ lực. Ba quả đấm chiến lược của chiến tranh cách mạng ở miền Nam đã hình thành: các chiến dịch tiến công của bộ đội chủ lực trên chiến trường rừng núi có lựa chọn; các chiến dịch tổng hợp kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng ở vùng nông thôn đồng bằng; các cuộc đấu tranh chính trị ở thành thị. Ba quả đấm chiến lược đó đã kết hợp chặt chẽ với nhau, tạo nên hiệu lực chiến lược rất lớn của toàn cuộc chiến tranh cũng như hiệu quả rất cao của các chiến dịch, các trận chiến đấu, các cuộc đấu tranh chính trị. Cuối cùng, cũng phải đưa chiến tranh vào thành thị, chuyển trung tâm bão táp của đấu tranh vũ trang vào các thành phố lớn, vào trung tâm đầu não, vào sào huyệt chính của địch ở thành phố, bằng những đòn quyết chiến chiến lược, kết hợp với các cuộc tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng ở nông thôn đồng bằng và rừng núi, thì mới tạo nên bước ngoặt của chiến tranh như trong cuộc tiến công Tết Mậu Thân 1968 và kết thúc chiến tranh thắng lợi như trong cuộc Tổng tiến công Đại thắng mùa Xuân 1975.

Như vậy, sự kết hợp hai phương thức tiến hành chiến tranh và ba thứ quân của chiến lược quân sự đã biểu hiện thành những trận đánh lớn, những chiến dịch, những hoạt động tác chiến chiến lược có ý nghĩa quyết định làm lay chuyển cục diện chiến tranh và kết thúc chiến tranh thắng lợi. Các trận đánh, các chiến dịch, các hoạt động tác chiến chiến lược đó đã phản ánh những nội dung cơ bản của chiến lược quân sự chiến tranh nhân dân Việt Nam (như đã nói ở phần trên), không giống như các loại hình hoạt động tác chiến trong các cuộc chiến tranh thông thường chỉ bằng quân đội chính quy.

Chiến tranh bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc là cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, nhằm bảo vệ miền Bắc hậu phương lớn của cuộc kháng chiến, không ngừng bổ sung sức người và sức của, tăng cường sức mạnh vật chất và tinh thần cho miền Nam tiền tuyến lớn. Do đó, nó tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển của chiến tranh cách mạng ở miền Nam, đồng thời chịu sự tác động trở lại của sự tiến triển của chiến tranh cách mạng ở miền Nam.

Chiến lược quân sự của chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại miền Bắc là một bộ phận của chiến lược quân sự của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đó cũng là chiến lược quân sự của chiến tranh toàn dân và toàn diện,

kết hợp hai phương thức tiến hành chiến tranh, kết hợp ba thứ quân, nhưng có những nội dung cụ thể khác, những loại hình hoạt động tác chiến khác và những yếu tố mới của chiến lược quân sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cũng không giống chiến tranh giải phóng.

Nội dung của chiến tranh toàn dân và toàn diện là: toàn quân và toàn dân vừa đánh máy bay và tàu chiến địch, vừa bảo đảm giao thông vận tải, chi viện miền Nam; vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phòng không, sơ tán bảo đảm sản xuất, vừa sản xuất, tiếp tục xây dựng kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với hoàn cảnh thời chiến. Đương nhiên, chiến tranh toàn diện ở miền Bắc không có vấn đề đấu tranh chính trị và nổi dậy của quần chúng như trong chiến tranh giải phóng ở miền Nam.

Về các hoạt động tác chiến, đó là sự kết hợp tác chiến phòng không giữa lực lượng phòng không và không quân, của các đơn vị pháo cao xạ, tên lửa, không quân, ra-đa của bộ đội chủ lực, với phong trào bắn máy bay rộng khắp của dân quân và tự vệ, với nòng cốt là lực lượng phòng không của bộ đội địa phương, trên các địa phương, từ nông thôn đến thành thị. Lực lượng pháo phòng không của ba thứ quân đã sử dụng những vũ khí và phương tiện chiến tranh ở trình độ hiện đại cao như máy bay phản lực, tên lửa, pháo phòng không tầm cao, ra-đa và cả những vũ khí bộ binh như súng máy, súng trường... để tạo ra lưới lửa nhiều tầng cao, vừa rộng khắp, vừa có trọng điểm, đánh bại các cuộc bắn phá của không quân địch. Nhiều trận đánh, nhiều đợt hoạt động và nhiều chiến dịch phòng không đã diễn ra thắng lợi, bắn rơi nhiều máy bay hiện đại của địch, bảo vệ mục tiêu của ta, bảo đảm giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống, góp phần bảo vệ sản xuất và đời sống của nhân dân, kết hợp chặt chẽ với công tác phòng không nhân dân được triển khai rộng khắp.

Còn phải nói đến những hoạt động vận tải chiến lược từ Bắc vào Nam nổi lên là trên đường Hồ Chí Minh (và cả trên biển nữa). Đó là những trận chiến đấu thực sự để bảo đảm vận tải, những chiến dịch vận tải hiệp đồng quân binh chủng (phòng không, công binh, bộ binh...), lấy bộ đội vận tải làm chủ lực, kết hợp tác chiến với vận chuyển, để chi viện cho các chiến trường trên tiền tuyến lớn miền Nam.

Tiêu biểu cho nghệ thuật tác chiến phòng không của các lực lượng vũ trang ta là chiến thắng oanh liệt của chiến dịch phòng không hiện đại có ý nghĩa chiến lược đánh bại trận tập kích chiến lược bằng máy bay B-52 vào Hà Nội, Hải Phòng những ngày cuối năm 1972, được coi là một "Điện Biên Phủ trên không"

Ở đây, chính là vấn đề tác chiến bảo vệ hậu phương chiến lược của cả nước, bảo vệ các đầu mối giao thông chi viện cho miền Nam, bảo vệ cơ quan đầu não, bảo vệ các khu công nghiệp, các trung tâm dân cư, các cơ sở và căn cứ quân sự, chứ không phải là vấn đề đánh địch trên ba vùng chiến lược như trong chiến tranh giải phóng ở miền Nam. Do đó, phải tập trung lực lượng đánh địch ở các khu vực nói trên, để bảo vệ các mục tiêu đó, vốn là những trọng điểm đánh phá ác liệt của không quân địch.

Ở đây còn có vấn đề dồn sức cho tiền tuyến của hậu phương lớn, tức là vùng các tỉnh phía nam của miền Bắc (thuộc Quân khu 4), cho khu vực tuyến đầu của cuộc chiến tranh bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Quảng Bình, Vĩnh Linh. Vĩnh Linh đã nêu cao điển hình của một pháo đài huyện, kiên cường đứng vững trên khu vực tuyến đầu của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vừa chiến đấu vừa sản xuất trong một cuộc đọ sức quyết liệt với kẻ thù. Đế quốc Mỹ đã sử dụng những phương tiện chiến tranh rất hiện đại để đánh Vĩnh Linh, bằng không quân từ trên không đánh xuống, bằng hải quân từ dưới biển bắn lên và cả bằng pháo binh từ bờ Nam sông Bến Hải bắn sang. Vĩnh Linh đã cùng vào các quân chủng và binh chủng hiện đại của bộ đội chủ lực ta đứng chân trên địa bàn của mình, góp phần tích cực đánh bại chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ, lại đưa quân sang tham chiến ở bờ Nam. Và tuy chưa trực tiếp đánh với lực lượng Mỹ trên đất Vĩnh Linh, cũng đã sẵn sàng về mọi mặt để cùng bộ đội chủ lực đánh bại cả lực lượng của Mỹ, nếu Mỹ liều lĩnh mở rộng “chiến tranh cục bộ” ra miền Bắc. Ngoài ra, còn liên tiếp đánh bại các hoạt động biệt kích, chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp của Mỹ - nguy xuất phát từ bờ Nam.

Nhìn chung lại, có thể thấy rằng quân và dân ta đã tổng hợp và nâng lên một trình độ mới cả kinh nghiệm của kháng chiến chống Pháp và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám để đánh thắng đế quốc Mỹ. Chiến lược quân sự của cuộc kháng chiến chống Mỹ trên cả hai miền Nam Bắc, đã thể hiện tính toàn dân, toàn diện và tổng hợp, tính nhân dân và tính hiện đại khá cao của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong điều kiện hiện đại, với nhiều nội dung rất phong phú của chiến tranh giải phóng và cả những yếu tố của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Nó đánh dấu một bước phát triển mới trong thực tiễn và lý luận chiến lược quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

III. ĐẶC ĐIỂM CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ, MẤY VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Tiếp theo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, sau khi hoàn thành thống nhất nước nhà và đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta lại đã tiến hành thắng lợi hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa bành trướng Trung Quốc và bẻ lũ tay sai của chúng.

Như vậy là, trong gần 40 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên đất nước Việt Nam đã diễn ra liên tục những cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc thắng lợi rất oanh liệt, đánh bại những cuộc chiến tranh tàn bạo của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bọn bành trướng Trung Quốc. Mỗi cuộc chiến tranh có chiến lược quân sự riêng, được xác định căn cứ vào mục đích chính trị của chiến tranh, đối tượng tác chiến, lực lượng so sánh giữa hai bên, điều kiện địa lý quân sự của đất nước, bối cảnh lịch sử trong nước và trên thế giới...

Tuy nhiên, tất cả những cuộc chiến tranh đó đều là chiến tranh nhân dân Việt Nam, do Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đạo, diễn ra trong những điều kiện cụ thể về lịch sử, đất nước và con người Việt Nam trong thời đại mới. Nó có những đặc điểm không giống các cuộc chiến tranh của nhiều nước khác. Do vậy, chiến lược quân sự của những cuộc chiến tranh đó đều có chung những nội dung cơ bản phản ánh những vấn đề có tính quy luật của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại ngày nay.

Có thể nêu lên mấy đặc điểm lớn của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong mấy chục năm qua như sau:

Một là, đó là các cuộc chiến tranh yêu nước, chính nghĩa, giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, vì các mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế với Lào và Cam-pu-chia, theo đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta, vừa giành độc lập cho dân tộc, vừa giành quyền làm chủ của nhân dân, khi thì kết hợp hai nhiệm vụ phản đế và phản phong của cách mạng dân chủ nhân dân, như trong kháng chiến chống Pháp; khi thì kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân như trong

kháng chiến chống Mỹ; khi thì kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đây là đặc điểm nói về bản chất của chiến tranh, nó quyết định mục đích chính trị của chiến tranh, mục tiêu của chiến lược quân sự và khả năng tạo nên sức mạnh để chiến thắng.

Hai là, đó là các cuộc chiến tranh lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều, của một dân tộc đất không rộng lắm, người không đông lắm, kinh tế nông nghiệp kém phát triển, nhưng gắn liền với hai nước Lào và Cam-pu-chia trên bán đảo Đông Dương và nằm trong sức mạnh của thời đại mới, đã đương đầu thắng lợi với những kẻ thù xâm lược có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn của những nước công nghiệp phát triển, có quân đội đông, trang bị kỹ thuật hiện đại hơn nhiều lần.

Đây là đặc điểm phản ánh lực lượng so sánh giữa ta và địch trong chiến tranh; nó quyết định trực tiếp nghệ thuật quân sự nói chung và chiến lược quân sự nói riêng. Yêu cầu của chiến lược đó là phải biết phát huy chỗ mạnh của ta, khoét sâu chỗ yếu của địch, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, biết tạo nên ưu thế hơn địch bằng những lực lượng kém địch trong không gian và thời gian nhất định...

Ba là, đó là những cuộc chiến tranh toàn dân và toàn diện, cả nước đánh giặc, toàn dân đánh giặc, chứ không phải chỉ có quân đội chính quy đánh giặc như trong các cuộc chiến tranh cổ điển.

Đây là đặc điểm nói lên kiểu cách tiến hành chiến tranh của Việt Nam nhằm biến khả năng tạo nên sức mạnh thành sức mạnh hiện thực, chiến thắng những kẻ thù xâm lược to lớn. Đặc điểm này là hệ quả của hai đặc điểm trên: chiến tranh yêu nước nên có thể phát động toàn dân đánh giặc; chiến tranh lấy nhỏ đánh lớn nên cần thiết phải phát động toàn dân đánh giặc.

Mấy đặc điểm nói trên liên quan chặt chẽ với nhau và quyết định những nội dung cơ bản, cũng là những vấn đề có tính quy luật của chiến lược quân sự chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Đó là chiến lược quân sự của chiến tranh toàn dân và toàn diện: toàn dân đánh giặc lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt; đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và các mặt đấu tranh khác; tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn nhất để đánh thắng.

Đó là chiến lược quân sự kết hợp hai phương thức tiến hành chiến tranh: chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực (chiến tranh chính quy) và chiến

tranh nhân dân địa phương (chiến tranh du kích), kết hợp ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ.

Đó là chiến lược quân sự quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, thực hiện làm chủ và tiến công, tiến công và làm chủ. Làm chủ là mục đích và cũng là phương pháp để tiến công tiêu diệt địch; tiến công tiêu diệt địch là phương pháp và cũng là mục đích của làm chủ.

Điều cần nhấn mạnh là, trong hoàn cảnh lấy nhỏ đánh lớn, ta có thể và phải tiến công chứ không phòng ngự; và tiến công phải gắn liền với làm chủ mới có thể và lực để phát triển tiến công. Bởi vì tiến công là truyền thống đánh giặc của dân tộc ta. Bởi vì ta nhỏ nhưng có những chỗ mạnh rất cơ bản của chiến tranh yêu nước, chính nghĩa diễn ra trên đất nước mình; có sức mạnh làm chủ của nhân dân trong chế độ xã hội mới (chế độ dân chủ nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa), và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trong thời đại mới; còn kẻ thù tuy to nhưng lại có những chỗ yếu rất cơ bản của chiến tranh xâm lược, phi nghĩa, của chế độ xã hội thối nát, đầy mâu thuẫn... Mặt khác, ta có chiến tranh toàn dân và toàn diện, kết hợp hai phương thức tiến hành chiến tranh kết hợp ba thứ quân nên mới có thể vừa tiến công vừa làm chủ. Nếu chỉ tiến hành chiến tranh bằng quân đội chính quy thì không thể thực hiện làm chủ và tiến công được - và do đó, không thể giành thắng lợi.

Đồng chí Lê Duẩn đã nói: “Làm chủ và tiến công, tiến công và làm chủ là nét đặc sắc nhất trong nghệ thuật đánh giặc của dân tộc Việt Nam ta. Nhờ nắm vững chiến lược đó mà từ hàng nghìn năm nay dân tộc Việt Nam đã đánh bại nhiều bọn xâm lược”¹. Đồng chí còn nhấn mạnh: “Không phải ngẫu nhiên mà trong lịch sử nước ta, mỗi khi dân tộc ta vùng dậy chống ngoại xâm là chỉ tiến công chứ không phòng ngự, tiến công kẻ xâm lược để bảo vệ độc lập dân tộc của mình. Tiến công là chiến lược”². Đồng chí Trường Chinh cũng chỉ rõ: “Tiến công là một cách duy nhất hiệu nghiệm để tiêu diệt quân địch. Đánh giặc mà không tiến công thì không phải là đánh giặc”³.

Chiến lược quân sự của chiến tranh nhân dân Việt Nam ngày nay là tinh hoa, là truyền thống quân sự quý báu của dân tộc ta trong lịch sử giữ nước đã được phát triển lên một trình độ mới về chất trong những điều

1. Lê Duẩn - Bài nói tại Hội nghị bàn về công tác phát động quần chúng của các đơn vị phía Nam, đầu tháng 2 năm 1979 tại thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lê Duẩn - Bài nói tại Đại hội Thanh niên quyết thắng toàn quân, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1969, tr.30.

3. Trường Chinh, *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội 1975, tr.2, tr.109.

kiện mới của dân tộc và của thời đại. Nó cũng phản ánh những nội dung tiên tiến của nền khoa học quân sự vô sản hiện đại, trước hết là nền khoa học quân sự Xô viết.

Thật vậy, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước”¹. Nhờ vậy, trong lịch sử cổ đại và trung đại, dân tộc ta đã tiến hành thắng lợi nhiều cuộc chiến tranh yêu nước giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, đánh bại những kẻ thù xâm lược to lớn hơn mình. Trong hoàn cảnh lấy nhỏ đánh lớn, nhân dân ta cũng đã biết làm chiến tranh nhân dân, thực hiện cả nước là binh, toàn dân đánh giặc; kết hợp quân triều đình, quân các lộ với thổ binh, hương binh là dân quân ở làng xã; xây dựng thế trận làng nước, vừa đánh địch tại chỗ để giữ quyền làm chủ quê hương, làng xã, vừa cơ động lực lượng đánh những đòn tiến công lớn tiêu diệt những bộ phận sinh lực quan trọng của địch... Đương nhiên chiến tranh nhân dân thời ấy có những sự hạn chế do giai cấp lãnh đạo và điều kiện lịch sử đương thời.

Bước sang thời kỳ hiện đại, Đảng ta đã kế thừa và phát triển lòng yêu nước, truyền thống đánh giặc đó của dân tộc, thể hiện trong đường lối chính trị và đường lối quân sự của mình, trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh và quân đội vào điều kiện cụ thể của nước ta.

Dân tộc Việt Nam quyết đánh và quyết thắng, biết đánh và biết thắng, lại có sự giúp đỡ quốc tế to lớn.

Trong quá trình lãnh đạo chiến tranh và chỉ đạo chiến lược quân sự, Đảng ta đã vận dụng những nội dung cơ bản của chiến lược quân sự chiến tranh nhân dân Việt Nam vào tình hình cụ thể của cuộc đấu tranh giữa địch và ta trong từng cuộc chiến tranh, trong từng thời kỳ, giành thắng lợi cho kháng chiến. Nhờ vậy quân và dân ta đã liên tiếp chiến thắng kẻ thù xâm lược hung bạo của thời đại ngày nay. Chúng ta biết mở đầu cuộc chiến tranh đúng lúc và đưa cuộc kháng chiến phát triển tiến lên, giành thắng lợi từng bước. Chúng ta biết tạo nên thế mạnh và lực mạnh của ta, khoét sâu những chỗ yếu của địch, tiến hành những trận đánh lớn, những chiến dịch lớn, những đòn quyết chiến chiến lược làm chuyển biến lực lượng so sánh và cục diện chiến tranh ngày càng có lợi cho ta. Chúng ta biết tạo thời cơ và tranh

1. Hồ Chí Minh - Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam, tháng 2 năm 1951 - Sách “*Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*”, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.114.

thủ thời cơ, phát huy nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, đánh bại cố gắng chiến tranh cao nhất của địch, giành thắng lợi hoàn toàn cho kháng chiến. Trong quá trình phát triển của kháng chiến, chúng ta luôn luôn giành và giữ quyền chủ động về chiến lược, buộc địch luôn luôn ở vào thế bị động, phải theo hình thức chiến tranh và chiến lược quân sự của ta, không cho địch phát huy chỗ mạnh và sở trường của chúng trong các cuộc chiến tranh thông thường, cổ điển chỉ bằng quân đội chính quy.

Có thể nói, toàn dân đánh giặc, kết hợp hai phương thức tiến hành chiến tranh và ba thứ quân, quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, đó là cốt lõi của khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam, một khoa học và nghệ thuật quân sự độc đáo của một dân tộc lấy nhỏ đánh lớn, trong những cuộc chiến tranh yêu nước, chính nghĩa, vì độc lập tự do của Tổ quốc và vì cuộc sống mới của mình.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng là chiến tranh nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, diễn ra trong hoàn cảnh cả nước đã độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc chiến tranh đó cũng do nhân dân Việt Nam tiến hành trên đất nước mình với những đặc điểm về địa lý quân sự mà chúng ta đã biết. Do đó, nó cũng tuân theo những quy luật chung của chiến tranh nhân dân ở nước ta; những nội dung cơ bản của chiến tranh quân sự của cuộc chiến tranh đó cũng phải phản ánh những vấn đề có tính quy luật chung của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Đồng thời, phải thấy rằng, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cũng có những quy luật riêng. Đó là do mục đích chính trị cụ thể, đối tượng tác chiến lực lượng so sánh và bối cảnh lịch sử cụ thể... của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có khác chiến tranh giải phóng; từ đó, hình thái và quá trình phát triển của chiến tranh, phương pháp tiến hành chiến tranh cũng có những điểm không giống chiến tranh giải phóng.

Cần chú ý là những yếu tố của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đã từng tồn tại trong cuộc kháng chiến chống Pháp và cũng đã phát triển dần trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, nhất là trong cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại, bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (như đã nêu ở phần II).

Tất cả những thực tiễn phong phú và sinh động của chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước trong mấy chục năm qua, cho chúng ta những căn cứ vững chắc để nghiên cứu và giải quyết những vấn đề chiến lược quân sự của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc theo đúng đường lối chính trị và đường lối quân sự của Đảng, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước ta.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là cuộc chiến tranh tự vệ, chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta, góp phần bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và trên toàn thế giới.

Chiến lược quân sự của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc đương nhiên đã và sẽ mang nhiều yếu tố mới trong nội dung của mình.

Để đạt được mục đích chính trị của chiến tranh, phải xác định rõ mục tiêu của chiến lược quân sự là tiêu diệt địch và bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ nhân dân, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước, đánh bại các cuộc tiến công của địch từ ngoài vào.

Sức mạnh của toàn dân, của cả nước trên cơ sở chế độ xã hội chủ nghĩa phải được tổ chức, động viên và phát huy trong thế trận của chiến tranh nhân dân, của ba thứ quân, ngay trên khu vực tuyến đầu của tuyến phòng thủ quốc gia, trong thời kỳ đầu cũng như trong quá trình phát triển của chiến tranh.

Đồng thời đặc biệt coi trọng việc tổ chức đánh địch để bảo vệ hậu phương, hậu phương chiến lược của cả nước và hậu phương của từng chiến trường; tiến hành công tác phòng thủ dân sự một cách có hiệu lực, bảo vệ hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân trong thời chiến.

Hiệu lực to lớn của chiến lược quân sự phải thể hiện tập trung trong việc kết hợp ở một trình độ mới chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực và chiến tranh nhân dân địa phương, phát huy đầy đủ sức mạnh chiến đấu của cả ba thứ quân. Đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh từ khi chưa có chiến tranh. Phải tổ chức và tiến hành những hoạt động tác chiến chiến lược những chiến dịch hiện đại, những trận đánh lớn ngay trên khu vực tuyến đầu cũng như trên các phương hướng chiến lược khác, trong thời kỳ đầu cũng như trong quá trình phát triển của chiến tranh. Có thể vận dụng có hiệu quả nhiều cách đánh rất phong phú, phản ánh đúng chiến lược quân sự của cuộc chiến tranh toàn dân với hai phương thức tiến hành chiến tranh và ba thứ quân kết hợp chặt chẽ với nhau, trên các loại địa hình, trên bộ, trên không và trên biển; thực hiện làm chủ và tiến công, tiến công và làm chủ một cách kiên quyết và sáng tạo.

Để giải quyết đúng đắn những vấn đề chiến lược quân sự của chiến lược chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chúng ta cần tổng kết tốt những kinh nghiệm rất quý giá, phong phú mà quân và dân ta đã tích lũy được trong các cuộc chiến tranh vừa qua. Lại phải nghiên cứu, phát triển, nâng cao những kinh nghiệm ấy cho phù hợp với những điều kiện lịch sử mới, đáp ứng những yêu

cầu mới. Trách nhiệm lịch sử của thế hệ chúng ta không cho phép chúng ta để kho tàng quý báu đó do xương máu của mấy thế hệ kế tiếp tạo nên nằm yên trong các cuốn sách, các nhà bảo tàng, rồi dần dần bị mai một. Phải làm cho những kinh nghiệm quý báu đó sống trong hoạt động thực tiễn chiến đấu và xây dựng của quân và dân ta hiện nay thể hiện trong việc giải quyết những vấn đề cấp thiết trước mắt cũng như những vấn đề cơ bản mai sau của sự nghiệp xây dựng lực lượng vũ trang củng cố quốc phòng, tức là phải từ thực tiễn phong phú của ta là chủ yếu mà xây dựng và không ngừng phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự nói chung, chiến lược quân sự nói riêng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta lại phải tích cực nghiên cứu những kinh nghiệm quý báu về tổ chức và tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của Liên Xô, học tập những kiến thức hiện đại của khoa học quân sự Xô viết. Đó là nguồn kinh nghiệm vô giá, nguồn tri thức tiên tiến về quân sự của một nước xã hội chủ nghĩa mạnh nhất, dân đông, lãnh thổ rộng, có nền công nghiệp hiện đại, kinh tế phát triển cao, quân đội hùng mạnh, rất hiện đại. Phải vận dụng một cách thiết thực và sáng tạo những kinh nghiệm và kiến thức đó phù hợp với những điều kiện cụ thể của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đó là cuộc chiến tranh của một dân tộc số dân không đông, lãnh thổ không rộng, thực hiện toàn dân đánh giặc, với nền kinh tế đang từng bước tiến lên, nhưng sản xuất nhỏ vẫn còn là phổ biến, cơ sở vật chất và kỹ thuật từng bước được xây dựng, có sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước anh em, ta phải đánh thắng và nhất định đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược to lớn hơn.

Tin rằng, với trách nhiệm chính trị cao, nắm vững đường lối chính trị và đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sử dụng nhuần nhuyễn vũ khí phương pháp luận Mác-xít, chúng ta sẽ nghiên cứu và giải quyết đúng những nội dung cơ bản của chiến lược quân sự trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Đó là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng chuẩn bị cho đất nước sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống.

ĐIỆN BIÊN PHỦ, BƯỚC PHÁT TRIỂN CAO NHẤT TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VỀ SỨC MẠNH CHIẾN ĐẤU CỦA CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TA*

Đại tướng LÊ TRỌNG TẤN

Thứ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tham mưu trưởng.

Chiến thắng Đông Xuân 1953-1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ là chiến thắng quân sự to lớn nhất của nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Chiến thắng vĩ đại đó đã làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Nó đánh dấu một bước phát triển vượt bậc của lực lượng kháng chiến toàn dân mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân. Đặc biệt nó đánh dấu một bước tiến mới về chất của bộ đội chủ lực cả về tư tưởng, tổ chức cũng như về trình độ tác chiến. Từ chiến thắng lịch sử này, chúng ta có thể rút ra nhiều bài học lớn về các mặt. Về mặt quân sự, đó là những bài học về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh, về chỉ đạo chiến lược và chiến dịch về tổ chức hậu phương chiến tranh và hậu cần chiến dịch, về xây dựng và phát triển lực lượng trong một trận quyết chiến chiến lược. Ở đây, chỉ nêu một số kinh nghiệm về xây dựng phát triển bộ đội chủ lực, để giáng những đòn tiêu diệt lớn trong chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định tiến lên giành toàn thắng.

* Bài đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, nhân kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện Biên Phủ, số ra ngày 4-5-1984.

I. QUÂN CHỦ LỰC MẠNH, BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG VÀ DÂN QUÂN PHÁT TRIỂN ĐỀU KHẮP LÀ NÒNG CỐT CỦA PHONG TRÀO TOÀN DÂN ĐÁNH GIẶC

Trong suốt quá trình lãnh đạo và chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng ta đã nắm vững quy luật của chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng và sự vận động của các quy luật ấy trong từng tình huống chiến lược cơ bản. Chúng ta đã nắm chắc quy luật phát triển chiến tranh xâm lược của địch, đã sớm phát hiện một trong những mâu thuẫn quan trọng nhất của cuộc chiến tranh xâm lược, đó là mâu thuẫn giữa tập trung binh lực và rải quân chiếm đóng, từ đó trong chỉ đạo chiến tranh ta tìm mọi cách khoét sâu mâu thuẫn đó làm cho quân địch tuy có số quân đông nhưng vẫn thiếu lực cơ động, ngày càng suy yếu cả về thể và lực. Còn lực lượng ta thì phát triển từ nhỏ đến lớn, càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng lớn. Thế tiến công của ta từ cục bộ tiến lên toàn bộ, từ nắm và phát huy quyền chủ động tiến công chiến lược trên chiến trường chính đến phát triển mạnh mẽ quyền chủ động tiến công trên toàn quốc, khiến quân địch tăng quân đông bao nhiêu vẫn thiếu lực lượng cơ động cần thiết, càng đánh địch càng thua đau, thiệt nặng, thế của chúng ngày càng bị động và khốn quẫn.

Chúng ta đã nắm vững và vận dụng sáng tạo quy luật giành thắng lợi của chiến tranh nhân dân, thực hành kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài, dùng lực lượng toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân gồm cả ba thứ quân làm nòng cốt, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, lấy đấu tranh vũ trang làm chủ yếu. Quy luật đấu tranh vũ trang trong cuộc kháng chiến chống Pháp là từ chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy, kết hợp chặt chẽ tác chiến du kích với tác chiến chính quy, vừa mở rộng diện tiêu hao, vừa không ngừng nâng cao mức tiêu diệt quân địch. Chúng ta cũng đã nắm vững và vận dụng sáng tạo quy luật tổ chức quân sự của chiến tranh cách mạng nước ta là mở rộng vũ trang quần chúng cách mạng đi đôi với xây dựng phát triển quân đội nhân dân phù hợp với hoàn cảnh đất nước và tình hình phát triển của cuộc kháng chiến. Đảng ta hết sức coi trọng việc tổ chức cả ba thứ quân của lực lượng vũ trang nhân dân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích; trên cơ sở phát triển lớn mạnh của bộ đội địa phương và dân quân du kích. Đảng ta đã quan tâm đặc biệt và chăm lo thường xuyên việc xây dựng phát triển bộ đội chủ lực đáp ứng với yêu cầu phát triển của nhiệm vụ chiến lược của cuộc kháng chiến toàn dân, yêu cầu và nhiệm vụ ngày càng cao của đấu tranh vũ trang

cách mạng, kết hợp chặt chẽ chức năng đánh tiêu hao rộng rãi của bộ đội địa phương, dân quân du kích với phát huy chức năng đánh tiêu diệt ngày càng lớn của bộ đội chủ lực trên các chiến trường, nhất là chiến trường chính.

Từ tháng 1 năm 1949, Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ VI nhấn mạnh việc xây dựng bộ đội chủ lực, coi đó là “trung tâm công tác” và chủ trương “ra sức xây dựng bộ đội chủ lực, mạnh bạo đẩy mạnh vận động chiến tiến tới” Sau đó các trung đoàn, đại đoàn chủ lực trực thuộc Bộ tổng chỉ huy bắt đầu được xây dựng. Đại đoàn 308 (thành lập tháng 8 năm 1949, Đại đoàn 304 tháng 3 năm 1950) các trung đoàn 174, 209 là những đơn vị chủ lực đầu tiên có nhiệm vụ đi tiên phong trên con đường đẩy mạnh vận động chiến. Lực lượng vũ trang nhân dân ta qua một quá trình xây dựng và chiến đấu thắng lợi trong những hoàn cảnh và điều kiện khác nhau, đến đây đã hình thành rõ rệt ba thứ quân: dân quân du kích, bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Bộ đội chủ lực ngày càng phát huy tác dụng trong đánh tiêu diệt. Ngay từ hồi đó, ở chiến trường Nam Bộ, đồng chí Lê Duẩn đã khẳng định: “Trong cuộc chiến tranh, khi nào tiêu diệt hẳn được giặc, chiến tranh mới thắng lợi. Dân quân du kích, bộ đội địa phương không làm nổi nhiệm vụ ấy. Muốn làm tròn nhiệm vụ này phải có hình thức quân đội chính quy... Không có bộ đội chủ lực, không thể có được những trận vận động tiêu diệt lớn”¹

Tại chiến trường Bắc Bộ, vai trò và tác dụng chiến dịch chiến lược của bộ đội chủ lực đã được khẳng định qua thắng lợi vang dội của chiến dịch Biên Giới (tháng 10 năm 1950) một trận tiêu diệt chiến thành công đã làm cho ta giành được quyền chủ động tiến công chiến lược ở chiến trường chính, tạo cục diện mới cho toàn bộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ cuối năm 1950 trở đi.

Từ đó, chúng ta liên tiếp chủ động mở những chiến dịch lớn trên chiến trường chính, vừa chiến đấu vừa phát triển lực lượng chủ lực. Thực tế đó chứng tỏ rằng muốn đánh to thắng lớn phải có bộ đội chủ lực mạnh làm trụ cột vững chắc cho ba thứ quân hoạt động. Hình thái chiến tranh và sự vận động của quy luật tổ chức lực lượng vũ trang của ta cũng đã diễn ra đúng như vậy trong quá trình phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, đương nhiên là trong những điều kiện mới của sự so sánh lực lượng cụ thể giữa địch và ta có những điểm khác và phát triển cao hơn so với cuộc kháng chiến chống Pháp. Nhịp độ phát triển và hiệu lực chiến lược của chiến tranh chính

1. Lê Duẩn: Báo cáo tại hội nghị cán bộ quân sự Nam Bộ năm 1949, sách “*Bàn về chiến tranh nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân*”, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.306.

quy (nay gọi là chiến tranh bằng các binh đoàn chủ lực; tỷ lệ thuận với nhịp độ phát triển về trình độ khả năng đánh tiêu diệt của quân chủ lực, bởi lẽ bộ đội chủ lực là lực lượng chủ yếu để tiến hành chiến tranh chính quy, có chức năng và nhiệm vụ đánh tiêu diệt, giáng những đòn tiêu diệt lớn vào quân chủ lực địch, góp phần quyết định làm chuyển biến cục diện chiến tranh.

Tích cực xây dựng, phát triển bộ đội chủ lực mạnh với số lượng và quy mô thích hợp trên cơ sở bộ đội địa phương dân quân du kích hùng hậu, kiên quyết đưa bộ đội chủ lực tiến lên đánh lớn, vừa chiến đấu vừa xây dựng, là một cố gắng lớn, một quyết tâm lớn của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta để đẩy mạnh kháng chiến mau tới thắng lợi. Quyết tâm đó đã đưa đến kết quả là bước vào Đông Xuân 1953-1954, chúng ta đã có một lực lượng vũ trang hùng hậu, ba thứ quân được tổ chức đều khắp, trong đó khối chủ lực cơ động của ta đã gồm 6 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn công binh pháo binh. Mặc dù số quân tập trung của ta ít hơn địch, nhưng do lúc này ta đã có lực lượng ba thứ quân khắp các chiến trường và có khối chủ lực cơ động mạnh nên ta đã phát triển quyền chủ động tiến công chiến lược. Rõ ràng thế trận chiến tranh nhân dân phát triển mạnh đã tạo ra cho ta lực mới. Và ngược lại lực của ta nhờ có thế trận mới đã phát huy tác dụng to lớn của nó. Dựa vào thế trận mới và lực lượng mới chúng ta đã tổ chức và thực hành thắng lợi rực rỡ một chiến cuộc quyết chiến chiến lược mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, một chiến dịch tiến công trận địa hiệp đồng binh chủng quy mô tương đối lớn, tiêu diệt gọn một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của quân viễn chinh Pháp ở chiến trường Đông Dương, đập tan hoàn toàn kế hoạch chiến lược Na-va, nỗ lực quân sự cao nhất của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương 1953-1954.

II. BƯỚC PHÁT TRIỂN NHẢY VỌT VỀ SỨC MẠNH CHIẾN ĐẤU CỦA BỘ ĐỘI CHỦ LỰC TA TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

Sức mạnh chiến đấu của đội quân chủ lực phải là một sức mạnh tổng hợp đồng bộ của chỉ huy, cơ quan, của đơn vị, bộ binh và binh chủng, binh đội và phân đội. Có như vậy trong những tình huống khẩn trương và khó khăn phức tạp, từng cấp mới phát huy được tính tích cực, chủ động và năng lực sáng tạo của mình, chấp hành thắng lợi mọi nhiệm vụ chiến đấu. Trước và trong quá trình cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân và chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta đã xây dựng và bồi dưỡng những yếu tố hợp thành sức mạnh chiến đấu cho khối chủ lực. Nay nhìn lại có thể thấy nổi lên mấy nét cơ bản sau:

Một là chăm lo giáo dục chính trị, động viên nâng cao tinh thần chiến đấu của bộ đội, yếu tố có ý nghĩa hàng đầu tạo thành sức mạnh chiến đấu của một đơn vị. Cốt lõi của tinh thần chiến đấu là tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội ta, biểu hiện tập trung của trình độ giác ngộ chính trị cao, của lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù giặc sâu sắc, của ý chí và quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Hết sức coi trọng công tác giáo dục chính trị, khắp mặt trận tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội đã được phát huy đến mức cao chưa từng thấy. Ở các đơn vị chủ lực, cán bộ, chiến sĩ ta nêu cao tinh thần chiến đấu ngoan cường dũng cảm trong những trận đánh gay go ác liệt, đoàn kết hợp đồng chặt chẽ giữa bộ binh và các binh chủng đoàn kết chặt chẽ trong chiến đấu với các lực lượng vũ trang địa phương dân quân du kích. Tất cả hướng vào giành toàn thắng cho những trận đánh có ý nghĩa quyết định.

Chưa bao giờ sức mạnh hậu phương được phát huy cao như vậy trong Đông Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ. Hậu phương không chỉ đã làm hết sức mình với khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” mà còn chuyển cả quyết tâm đánh giặc, tinh thần phấn khởi cách mạng do chính sách cải cách ruộng đất của Đảng đưa lại và lòng tin tưởng vững chắc vào sự toàn thắng của chiến dịch đến tận người chiến sĩ ngoài chiến hào. Chưa bao giờ nhân dân quan tâm đến chiến sĩ, con em của mình chiến đấu tại mặt trận đến như vậy. Mối quan hệ đoàn kết gắn bó ruột thịt giữa hậu phương và tiền tuyến, giữa nhân dân và quân đội mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh dày công xây dựng là một trong những yếu tố của sức mạnh chính trị, tinh thần vô địch của quân đội và nhân dân ta và là yếu tố trực tiếp tác động vô cùng sâu sắc đến tinh thần chiến đấu, nghị lực, quyết tâm của người cầm súng ngoài mặt trận tạo nên một sức mạnh chiến thắng phi thường.

Hai là không ngừng rèn luyện nâng cao ý thức tổ chức và kỷ luật chiến đấu cho bộ đội. Kỷ luật tự giác là vấn đề thuộc về bản chất của quân đội cách mạng, là sức mạnh của bộ đội chủ lực trong đánh tập trung, đánh hiệp đồng, đánh tiêu diệt lớn. Có thể nói kỷ luật chiến đấu là thước đo chuẩn xác nhất trình độ và bản lĩnh của một người chỉ huy, một đơn vị. Song kỷ luật chính quy không dễ dàng có được. Bộ đội chủ lực ta được hình thành từ trên cơ sở phát triển chiến tranh du kích, là sự tập hợp lại những đơn vị phân tán nhỏ bé. Cho nên phải trải qua một quá trình đấu tranh tích cực, giáo dục rèn luyện rất công phu qua xây dựng và chiến đấu chống mọi tác phong tự do

tùy tiện tản mạn mới tạo nên được đơn vị chính quy, cán bộ chỉ huy chính quy và chiến sĩ chính quy, mới có thể có sự thống nhất hiệp đồng chặt chẽ trong những trận đánh lớn.

Nét chủ yếu và bao trùm là trong suốt cả chiến dịch từ trên xuống dưới chúng ta đã giữ vững kỷ luật chiến đấu rất nghiêm với lòng tin vững chắc và sự nhất trí cao. ra sức hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao với tinh thần chủ động và sáng tạo. Đó là một sức mạnh lớn đã đưa chúng ta vượt qua được biết bao khó khăn và thử thách, như thực hiện nhiệm vụ chuyển từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” kéo pháo vào, đưa pháo ra; chấp hành lệnh tiến quân cấp tốc, chuyển sang tiến công địch ở một chiến trường xa (Thượng Lào) rồi cấp tốc quay về kịp tham gia chiến dịch, chấp hành nghiêm minh kỷ luật chiến trường, chấp hành kỷ luật quân chúng và mọi chính sách của Đảng, khắc phục những thiếu thốn về vật chất, kỹ thuật và tiếp tế hậu cần do chiến dịch kéo dài, v.v. Kỷ luật chiến đấu nghiêm đã trở thành một truyền thống quý báu của quân đội được Đảng và Bác Hồ giáo dục tận tình. Quân đội ta ghi nhớ 12 điều kỷ luật của Bác Hồ đề ra, lúc nào cũng coi “quân lệnh như sơn” khắc sâu lời dạy của Bác Hồ trong chiến dịch Điện Biên Phủ phải giữ vững quyết tâm trong mọi hoàn cảnh, “quyết tâm tiêu diệt địch, quyết tâm giữ vững chính sách quyết tâm giành nhiều thắng lợi”¹ Đó là phương châm hành động và tiêu chuẩn kỷ luật chiến đấu.

Ba là, hết sức chú trọng tăng cường, cải tiến trang bị, vũ khí, giải quyết đúng đắn vấn đề tổ chức biên chế đồng bộ để phát huy hiệu lực cao nhất trang bị, vũ khí của ta trong tác chiến hiệp đồng binh chủng. Trang bị vũ khí là tiền đề vật chất của sức mạnh chiến đấu của quân đội luôn luôn gắn chặt với tổ chức và cách đánh. Ăng-ghen đã nói “sự tiến bộ về kỹ thuật một khi đã có thể áp dụng và được áp dụng vào trong lĩnh vực quân sự, thì lập tức và hầu như cưỡng bức phải có những sự thay đổi, thậm chí những sự đảo lộn cả phương pháp tác chiến”². Về tổ chức lực lượng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ta có gần 4 đại đoàn bộ binh và 1 đại đoàn công binh, pháo binh. Về trang bị vũ khí, lần đầu tiên chúng ta có pháo cơ giới (1 trung đoàn lựu pháo gồm 2 tiểu đoàn, 24 khẩu 105ly) và pháo cao xạ cỡ nhỏ (1 trung đoàn pháo cao xạ 37ly), cuối chiến dịch còn có thêm 1 đại đội pháo phản lực 6 nòng tham chiến. Thật ra về số lượng, số vũ khí mới đó không lớn, nhất là đạn lại rất có hạn. Nhưng tổ chức biên chế của khối chủ lực của ta như vậy

1. Thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cán bộ và chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ tháng 12 năm 1953.

2. Ăng-ghen: Chống Duy-rinh, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr.288.

là hợp lý và thực hiện được sự cân đối đồng bộ ở thời điểm đó để phát huy sức mạnh của tất cả các lực lượng trong chiến đấu hiệp đồng binh chủng.

Vừa coi trọng việc tăng cường cải tiến trang bị vũ khí và gắn liền việc đó với giải quyết vấn đề tổ chức biên chế đồng bộ, ta đã đề ra được nghệ thuật tác chiến thích hợp để kết hợp và phát huy hiệu lực cao nhất của vũ khí, trang bị và sức mạnh của con người trong chiến đấu hiệp đồng binh chủng. Ta cũng đã thực hiện tốt phương pháp bắn đạt hiệu quả rất cao mà tiết kiệm được đạn, lấy vũ khí của địch đánh lại địch, giữ an toàn triệt để lực lượng và phương tiện vũ khí của ta, làm cho quân đội ta càng chiến đấu, trang bị vũ khí càng được tăng cường.

Vừa xây dựng vừa chiến đấu là đặc điểm nổi bật của quá trình phát triển quân đội ta nói chung, của khối chủ lực nói riêng trong cuộc chiến tranh chống Pháp cũng như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Chiến đấu thắng lợi là mục đích của xây dựng và huấn luyện. Muốn vậy, xây dựng và huấn luyện phải sát thực tế chiến đấu. Sau một chiến dịch, ta tổ chức rút kinh nghiệm chiến đấu và lấy kinh nghiệm đó để xây dựng đơn vị, huấn luyện bộ đội. Huấn luyện xong quân đội ta lại bước vào đợt chiến đấu mới với những thắng lợi to lớn hơn và kinh nghiệm phong phú hơn. Huấn luyện chiến đấu, chiến đấu huấn luyện quá trình có tính quy luật đó đã diễn ra theo chiều hướng phát triển ngày càng cao. Nhờ vậy, mặc dù thời gian huấn luyện không nhiều, điều kiện vật chất phục vụ huấn luyện thiếu thốn, nhưng chất lượng và sức mạnh chiến đấu của quân đội ta vẫn không ngừng tăng lên, càng đánh càng thắng, càng đánh càng mạnh.

Để chuẩn bị cho hoạt động Đông Xuân 1953-1954, trong mùa huấn luyện ngay trước đó chúng ta đã cho bộ đội học tập các nội dung đánh địch trong công sự vững chắc và cả cách đánh địch trong công sự mới. Rút kinh nghiệm của trận đánh cứ điểm Nà Sản và chiến dịch Sầm Nưa, để bảo đảm đánh được tập đoàn cứ điểm, Bộ Tổng tham mưu đã đặt thành chuyên đề cho cán bộ nghiên cứu và soạn tài liệu huấn luyện, lấy đó làm nội dung tập huấn quân sự và huấn luyện bộ đội.

Trong suốt quá trình của chiến dịch, chúng ta thường xuyên phát hiện những yêu cầu mới của nhiệm vụ chiến đấu trong từng đợt chiến đấu, để có những biện pháp khắc phục những điểm còn hạn chế của bộ đội, không ngừng nâng cao khả năng chiến đấu của các đơn vị. Khi thực hiện phương châm “đánh chắc, tiến chắc” để đáp ứng yêu cầu xây dựng trận địa tiến công tổ chức hiệp đồng binh chủng chiến đấu, chúng ta đã kịp thời tổ chức huấn luyện bổ sung ngay tại mặt trận về chiến thuật, kỹ thuật, nhất là phương

pháp xây dựng trận địa tiến công kỹ thuật đào công sự, hầm hào chiến đấu và ẩn nấp. Để có quân số bảo đảm chiến đấu liên tục, các đợt tân binh từ hậu phương chuyển đến đã được tổ chức, huấn luyện bổ sung ngay ở trung tuyến và cả ở tiền tuyến. Nội dung huấn luyện luôn luôn nắm chắc yêu cầu chiến đấu trước mắt. Trong suốt cả 3 đợt chiến dịch, chúng ta đã lấy kinh nghiệm đợt trước để bồi dưỡng, huấn luyện chuẩn bị cho đợt sau.

Quá trình phát triển của chiến dịch đòi hỏi phải có những tổ chức chiến đấu mới. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ chúng ta đã kịp thời tổ chức các đại đội dũng sĩ của trung đoàn bộ binh luồn sâu đánh phá các mục tiêu trong lòng địch như cơ quan chỉ huy, trận địa pháo, kho tàng, sân bay, bắt tù binh, thu thập tài liệu... Ngay trong chiến dịch, binh chủng pháo binh vừa chiến đấu, vừa xây dựng thêm được 1 tiểu đoàn ĐKZ, 1 đại đội 75ly, một tiểu đoàn pháo phản lực, một đại đội súng cối 120ly (lấy được của địch sau trận đồi Độc Lập), bộ đội công binh tổ chức các đội phá bom, đội đào hầm ngầm, v.v. Những tổ chức mới đó đã phát huy tác dụng to lớn trong chiến đấu, thể hiện sự sáng tạo linh hoạt của quân đội ta về mặt tổ chức lực lượng chiến đấu.

Rõ ràng việc tổ chức xây dựng lực lượng huấn luyện bộ đội nhất là huấn luyện cán bộ sát với thực tế chiến đấu, sát với yêu cầu của chiến trường đã nhanh chóng nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội ta, góp phần quan trọng vào thắng lợi có ý nghĩa quyết định của chiến dịch Điện Biên Phủ và chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954.

Bốn là bồi dưỡng, rèn luyện nâng cao năng lực tổ chức của các cấp chỉ huy. Một đội quân có ý chí chiến đấu cao, có kỷ luật nghiêm, có vũ khí trang bị tốt là những yếu tố không thể thiếu để chiến thắng quân thù. Song khả năng đó muốn biến thành hiện thực đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo ở các cấp ủy Đảng trong chiến đấu và phát huy năng lực chỉ huy chiến đấu từ người chỉ huy cao nhất đến cán bộ chỉ huy đơn vị cơ sở. Trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 nói chung và chiến dịch Điện Biên Phủ nói riêng, nghệ thuật quân sự của ta thể hiện trước hết ở sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn, đồng thời thể hiện ở phương châm chỉ đạo tác chiến chính xác, ở nghệ thuật tác chiến chiến dịch đúng đắn sáng tạo. Cán bộ chỉ huy các cấp của ta đã được bồi dưỡng thấu suốt tư tưởng quân sự của Đảng trong từng thời kỳ, nắm vững tư tưởng chiến dịch, chiến thuật, tuyệt đối tin tưởng sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, tin tưởng vào thắng lợi, tin tưởng ở cấp trên, hành động kiên quyết và sáng tạo, tuyệt đối chấp hành mệnh lệnh, nên đã chỉ huy đơn vị giành được nhiều thắng lợi quan trọng ở khắp các chiến trường: đồng bằng Bắc Bộ, Tây Nguyên, Hạ Lào, Thượng Lào, Nam Bộ. Ở mặt trận Điện Biên Phủ trong suốt quá trình chiến dịch chúng ta đã thực hiện nhiều thủ đoạn

chiến đấu và chiến thuật mới trong vây hãm và tiến công địch dài ngày, chiến thuật đánh từng bước thông qua hình thức đột phá lần lượt, liên tục đánh địch để giữ vững trận địa và tạo bàn đạp cho trận tiến công mới; xây dựng trận địa tiến công và bao vây bắn tỉa, cắt và triệt tiếp viện, tiếp tế của địch. Những thủ đoạn chiến thuật đầy sáng tạo đó đã cho ta phát huy đến mức cao nhất những mặt mạnh của ta và hạn chế những cái mạnh của địch. Nắm vững đặc điểm của chiến trường, nắm chắc chỗ mạnh, chỗ yếu của ta cũng như chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, bộ binh và các binh chủng đều sáng tạo nhiều cách đánh mới rất hay để tiêu diệt quân địch. Tổ chức quản lý tốt đơn vị qua chiến đấu dài ngày liên tục, ác liệt là một thử thách lớn và cũng là một bước trưởng thành vượt bậc của cán bộ chỉ huy các cấp ở Điện Biên Phủ. Cán bộ nêu cao tác phong gương mẫu bám sát chiến đấu, bám sát đơn vị vừa coi trọng công tác chỉ huy, vừa coi trọng công tác chính trị nên đã phát hiện, xử trí giải quyết kịp thời các tình huống khó khăn phức tạp, nên đã giữ vững được khí thế và sức mạnh của đơn vị, bảo đảm chiến đấu liên tục. Trình độ tổ chức chỉ huy và bản lĩnh chiến đấu của các cấp chỉ huy được bồi dưỡng và rèn luyện từ trước và suốt trong quá trình chiến dịch, kịp thời đáp ứng yêu cầu của chiến dịch đã trở thành một nhân tố có ý nghĩa quyết định trong việc tạo nên bước nhảy vọt về sức mạnh chiến đấu của quân đội ta.

Những kinh nghiệm xây dựng và chiến đấu của bộ đội chủ lực ta trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, nhất là trong chiến dịch Điện Biên Phủ là hết sức phong phú, là tài sản quý giá trong kho tàng kinh nghiệm quân sự của quân đội ta. Những kinh nghiệm này đã được vận dụng phát triển, nâng cao trong cả quá trình chiến tranh giải phóng và đang có giá trị thực tiễn to lớn trong việc không ngừng củng cố, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân ta hiện nay.

III. KHÔNG NGỪNG TĂNG CƯỜNG THỂ TRẬN QUỐC PHÒNG, TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH CHIẾN ĐẤU CỦA CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

Ngày nay cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới. Chúng ta bước vào kỷ nguyên một nước Việt Nam độc lập, thống nhất tiến lên chủ nghĩa xã hội với hai nhiệm vụ chiến lược mà Đại hội Đảng lần thứ V đã đề ra: “Xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”

Để gìn giữ hòa bình, để bảo vệ công cuộc xây dựng đất nước, nhiệm vụ quân sự của cách mạng nước ta là xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, một lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh. Sự nghiệp củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sức mạnh quốc phòng của ta là sức mạnh tổng hợp thể hiện toàn bộ sức mạnh của đất nước và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, của chế độ làm chủ tập thể cả về chính trị, tinh thần, kinh tế, khoa học, kỹ thuật quân sự, trong đó sự lớn mạnh không ngừng của các lực lượng vũ trang nhân dân là một bảo đảm vững chắc cho nền an ninh của Tổ quốc, là niềm tin của nhân dân ta trong công cuộc xây dựng đất nước và là lời cảnh cáo đanh thép đối với các mưu đồ xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế.

Dựng nước phải đi đôi với giữ nước, đó là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta. Xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ chủ nghĩa xã hội; đó là quy luật phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời đại ngày nay. Hiện nay chủ nghĩa đế quốc đang câu kết với các thế lực thù địch, ráo riết tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt, hòng làm chúng ta suy yếu, và không ngừng chuẩn bị về quân sự để khi chúng thấy có điều kiện là phát động chiến tranh xâm lược trên quy mô lớn để thôn tính nước ta và hai nước Lào và Cam-pu-chia anh em. Những gì kẻ thù làm trong mấy năm qua đã phơi bày bộ mặt nham hiểm của chúng, đồng thời nhắc nhở chúng ta phải quán triệt sâu sắc hơn nữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay và luôn luôn cảnh giác. Cùng với việc nỗ lực xây dựng đất nước phải ra sức chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh. Kinh tế mạnh, quốc phòng mạnh là bảo đảm vững chắc nhất để ngăn ngừa chiến tranh làm cho kẻ địch không dám mạo hiểm phát động chiến tranh xâm lược, tạo điều kiện thuận lợi cho chúng ta xây dựng đất nước, mặt khác, kinh tế mạnh, quốc phòng mạnh cũng là cách tốt nhất để đối phó kịp thời với những tình huống chiến tranh phức tạp, nếu kẻ địch mù quáng liều lĩnh gây nên.

Lịch sử giữ nước của chúng ta từ hàng nghìn năm nay ghi rõ những kẻ thù của chúng ta gần như lúc nào cũng tìm cách dùng lực lượng quân sự áp đảo, để hòng đè bẹp chúng ta, thôn tính nước ta. Xâm lược vũ trang là thủ đoạn xâm lược chủ yếu của chúng. Để đánh thắng một kẻ địch có lực lượng quân sự mạnh chúng ta phải xây dựng thế trận vững chắc và lực lượng chiến đấu hùng hậu. Thế và lực là hai mặt của một vấn đề, có mối liên hệ biện chứng tạo thành sức mạnh của chiến tranh. Thế vững sẽ tạo điều kiện để

củng cố, xây dựng lực lượng. Ngược lại lực lượng hùng mạnh rộng khắp là cơ sở để thế trận ngày càng được củng cố vững chắc. Thế trận của chúng ta trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là thế trận chiến tranh nhân dân đã bày sẵn, mỗi huyện là một pháo đài, mỗi thôn xóm, bản làng, đường phố là một điểm tựa chiến đấu, thì dù địch có đông hàng triệu vẫn là số ít, vẫn bị áp đảo về số lượng trước hàng chục triệu tay súng của các lực lượng vũ trang địa phương của ta ngay ở tuyến đầu. Bộ đội chủ lực của ta hiện nay đã trở thành bộ đội quân binh chủng hợp thành, khác hẳn với thời kỳ chiến tranh giải phóng, ngay từ đầu chiến tranh đã sát cánh cùng toàn dân đánh giặc và có thể đánh những đòn quyết định.

Cuộc đụng đầu giữa hai khối chủ lực của ta và của địch ở Điện Biên Phủ là bước phát triển tất yếu của chiến tranh đã dẫn đến bước ngoặt của chiến tranh. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ trong kháng chiến chống Pháp, chiến thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ cũng như các chiến thắng Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa trong lịch sử chống ngoại xâm sáng chói của dân tộc ta, phản ánh một hiện tượng mang tính quy luật của chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta là muốn giành được chiến thắng triệt để thì chiến tranh một khi đã xảy ra phải kết thúc bằng những trận đánh quyết định. Vì vậy, xây dựng bộ đội chủ lực hùng mạnh là một nội dung hết sức quan trọng trong toàn bộ công tác quân sự của chúng ta, là yếu tố không thể thiếu để xây dựng một nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong giai đoạn mới.

Sức mạnh của chúng ta trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc. Yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi chúng ta phải tổ chức thế trận vững chắc, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương đều khắp, có khả năng chiến đấu cao, đồng thời phải xây dựng khối chủ lực tinh nhuệ, hợp lý về số lượng và rất cao về chất lượng chiến đấu. Sức mạnh chiến đấu của bộ đội chủ lực ta trong điều kiện hiện nay phụ thuộc rất lớn vào trách nhiệm và năng lực chỉ huy, quản lý của đội ngũ sĩ quan các cấp. Những bài học kinh nghiệm ở Điện Biên Phủ đã chỉ ra cho chúng ta công việc không thể coi nhẹ của người sĩ quan chỉ huy hôm nay. Muốn có sức mạnh chiến đấu cao, người chỉ huy phải coi trọng công tác giáo dục chính trị, xây dựng ý chí chiến đấu cao, tinh thần dám xả thân vì độc lập, tự do của từng cán bộ, chiến sĩ; rèn luyện cho đơn vị có ý thức kỷ luật rất cao, tự giác nghiêm minh, huấn luyện cho mọi quân nhân nắm vững và sử dụng thành thạo, có hiệu quả vũ khí, khí tài được trang bị, có bản lĩnh chiến đấu cao; rèn luyện cho cán bộ nắm vững tư tưởng quân sự của Đảng, nắm vững chiến thuật, kỹ thuật quân sự hiện đại, có cách đánh sáng tạo,

thừa kế truyền thống đánh giặc về vang của ông cha ta, phù hợp với đặc điểm chiến trường nước ta. Bộ đội chủ lực của ta ngày nay được xây dựng, huấn luyện trong những điều kiện khác hẳn trước đây. Trong chiến tranh giải phóng, quân đội ta ra đời và phát triển trong hoàn cảnh vừa xây dựng và chiến đấu. Bám sát thực tiễn chiến đấu, chúng ta huấn luyện bộ đội theo nguyên tắc “địch đánh thế nào ta huấn luyện như thế dựa vào kinh nghiệm trận trước và tình hình cụ thể để huấn luyện tổ chức trận đánh sau. Ngày nay trong hòa bình chúng ta không thể ngồi chờ địch đánh rồi mới rút kinh nghiệm để tổ chức huấn luyện. Mặt khác những thủ đoạn địch đã sử dụng ở cuộc chiến tranh này thì chúng ta lại không nhất thiết lặp lại ở cuộc chiến tranh khác. Muốn biết những gì sắp xảy ra, phải biết dự kiến cho đúng. Cho nên điều có ý nghĩa chiến lược và hết sức quan trọng là ngay trong thời bình chúng ta đã phải dự tính đến những gì sẽ xảy ra ở cuộc chiến tranh tương lai, trên cơ sở đó định ra phương hướng nội dung xây dựng huấn luyện bộ đội cho sát với thực tế. Vì vậy, đội ngũ cán bộ chỉ huy ở các đơn vị chủ lực phải thấu suốt đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, của toàn dân xây dựng các lực lượng vũ trang địa phương rộng khắp có sức chiến đấu cao, đồng thời cũng nhận rõ trọng trách của người chỉ huy, không ngừng học tập, nâng cao trình độ khoa học và nghệ thuật quân sự, trình độ chỉ huy, quản lý bộ đội, quản lý vũ khí, khí tài trang bị, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của người chỉ huy của một quân đội chính quy hiện đại. Người cán bộ chỉ huy không được chủ quan, bảo thủ, kinh nghiệm chủ nghĩa và không được giáo điều rập khuôn, họ phải luôn luôn động não. Trong bất cứ nhiệm vụ gì người chỉ huy cũng phải hướng kết quả vào mục đích nâng cao bản lĩnh chiến đấu và khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị và bảo đảm chiến đấu thắng lợi. Tất cả những gì xảy ra trong tương lai đều là dự kiến tình huống đó, hàng ngày người chỉ huy phải nghiên cứu để hiểu rõ, đúng và cụ thể về kẻ thù, phải luôn luôn suy nghĩ những tình huống có thể xảy ra trong chiến đấu để tổ chức xây dựng, huấn luyện đơn vị và xem xét bổ sung hoàn chỉnh các phương án chiến đấu để xử lý chính xác khi chiến tranh nổ ra.

Nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, hiện đại trong giai đoạn mới này có rất nhiều thuận lợi to lớn. Đường lối cách mạng, đường lối quân sự đúng đắn của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là kim chỉ nam cho mọi hoạt động xây dựng và chiến đấu của quân đội. Phát huy truyền thống Điện Biên anh hùng, quân đội ta sát cánh cùng toàn dân phấn đấu thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; phải huấn luyện và xây dựng mạnh, sẵn sàng chiến đấu

cao; chiến đấu thắng lợi đồng thời làm tốt nhiệm vụ xây dựng kinh tế được giao. Với Tổ quốc ta đã độc lập, thống nhất hoàn toàn, với tình đoàn kết chiến đấu chặt chẽ ba nước Đông Dương, với sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, vị thế chiến lược của chúng ta vững chắc hơn bao giờ hết đặc biệt chúng ta có một kho tàng kinh nghiệm chiến đấu vô cùng phong phú. Cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ năm 1954 và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi vào mùa Xuân 1975. Nhiều cán bộ, chiến sĩ đã trải qua chiến đấu nay còn đang là cán bộ chỉ huy các đơn vị, có điều kiện và thời gian suy nghĩ, vận dụng những bài học vào công tác chỉ huy, quản lý rèn luyện bộ đội. Phát huy đầy đủ tất cả những nhân tố đó nhất định ta sẽ xây dựng được lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, sẵn sàng cùng toàn dân đánh bại mọi âm mưu xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Bản sao lưu trữ

CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ VĨ ĐẠI VÀ CÔNG CUỘC BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NGÀY NAY*

Đại tướng ĐOÀN KHUÊ

Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Cách đây 40 năm, dân tộc ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đặt một dấu son rực rỡ trong lịch sử dựng nước và giữ nước của mình: tiến hành thắng lợi chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của quân viễn chinh Pháp, làm phá sản kế hoạch Na-va, đập tan cố gắng chiến tranh cao nhất của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến 9 năm, giải phóng hoàn toàn miền Bắc. Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết, lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và hai nước Lào, Cam-pu-chia. Ba tiếng Việt Nam Hồ Chí Minh Điện Biên Phủ vang lên trên các lực địa và đại dương như sự ghi nhận của loài người tiến bộ về một đòn đột phá đáng tự hào của cao trào giải phóng dân tộc và giờ cáo chung không thể tránh khỏi của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc.

Điện Biên Phủ và các chiến dịch trong Đông Xuân 1953-1954 là bước trưởng thành vượt bậc của quân và dân ta về mọi mặt. Trước hết, đó là sự *trưởng thành về trình độ đánh tiêu diệt của các lực lượng vũ trang ta, nhất là của bộ đội chủ lực*. Các chiến dịch đã tiêu diệt 11 vạn 2 nghìn tên địch, bằng 1/4 lực lượng quân xâm lược trên toàn Đông Dương, bắn rơi và phá hủy 177 máy bay, tiêu diệt gọn 25 tiểu đoàn địch. Riêng trong chiến dịch Điện

* Bài đăng trên Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 4-1994 nhân kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

Biên Phủ, quân ta đã tiêu diệt và bắt sống trên 16.000 binh lính và sĩ quan Pháp, gồm 21 tiểu đoàn, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay.

Điện Biên Phủ khẳng định *sự tiến bộ to lớn về nghệ thuật tác chiến, nghệ thuật tiến công trận địa tiêu diệt một tập đoàn phòng ngự trận địa mạnh với khối chủ lực chiến lược mấy chục tiểu đoàn của quân viễn chinh*, so với trước đó chỉ mới có khả năng tiến công trận địa tiêu diệt một số cứ điểm với binh lực địch khoảng hơn một tiểu đoàn. Trong điều kiện thiếu những phương tiện tiến công hiện đại như xe tăng, xe bọc thép, pháo cỡ lớn có tầm bắn xa, máy bay ném bom... quân ta đã sáng tạo ra cách đánh, đập tan cả một hệ thống phòng ngự hiện đại, một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của quân Pháp lúc bấy giờ. Có thể nói đó là một sản phẩm điển hình của sự phát triển tư duy quân sự nhỏ đánh lớn, ít địch nhiều của dân tộc.

Điện Biên Phủ là đỉnh cao của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, thể hiện *bước phát triển mới về chỉ đạo chiến lược của bộ thống soái tối cao, tiến hành một hoạt động tác chiến chiến lược có tính chất quyết định bằng nhiều chiến dịch và đợt hoạt động nối tiếp và đồng thời của chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích, phát triển quyền chủ động phản công, tiến công từ cục bộ đến toàn bộ, đánh bại cố gắng chiến tranh cao nhất của kẻ địch, kết thúc chiến tranh thắng lợi*. Đó là các chiến dịch tiến công trên nhiều hướng: Tây Bắc, đồng bằng Bắc Bộ, Trung Lào, Hạ Lào, Liên khu 5, Thượng Lào; các đợt hoạt động mạnh của chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Nam Bộ... Các chiến dịch, các đợt hoạt động đã phân tán triệt để khối lượng cơ động của tướng Na-va ra thành 5, 6 mảng; tước bỏ khả năng chi viện, ứng cứu lẫn nhau của quân viễn chinh; tạo điều kiện phát triển quyền chủ động phản công, tiến công của quân ta trên hướng chính- Điện Biên Phủ và quyền chủ động tiến công trên chiến trường cả nước và cả trên chiến trường toàn Đông Dương.

Điện Biên Phủ và các chiến dịch trong Đông Xuân 1953-1954 khẳng định *bước phát triển cao về mọi mặt của cuộc kháng chiến toàn dân, kháng chiến toàn diện chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ*. Đó là sự phát triển chưa từng có về cả ý chí "Thà chết chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" cùng sức mạnh của toàn dân kháng chiến, cả nước đánh giặc; kết hợp chặt chẽ tiền tuyến với hậu phương, vừa chiến đấu vừa sản xuất và phát triển văn hóa, xây dựng chế độ mới. Đó cũng là sự phát triển mới về tinh thần "quyết chiến quyết thắng" và nghệ thuật quân

sự của quân đội nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân; về sự kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao. Đó còn là sự phát triển mới về tình đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia, đoàn kết với nhân dân Pháp, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân thế giới.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nói chung, chiến thắng Điện Biên Phủ nói riêng, đã đưa lại cho quân và dân ta *những bài học thành công lớn*. Trước hết là bài học nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối kháng chiến toàn dân, kháng chiến toàn diện đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tạo nên sức mạnh đoàn kết thống nhất của toàn dân tộc, của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu của cách mạng là giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Đó còn là bài học xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân trung thành vô hạn với Tổ quốc, với sự nghiệp giải phóng dân tộc, với sự lãnh đạo của Đảng; bài học vận dụng và phát triển nghệ thuật tiến hành chiến tranh, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân đầy sức sáng tạo, đạt hiệu lực lớn, thực hiện thắng lợi tư tưởng tiến công “nhỏ đánh lớn, ít địch nhiều”; bài học vừa chiến đấu chống quân xâm lược, vừa xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, vừa kháng chiến vừa kiến quốc của một dân tộc nhỏ chống nước đế quốc to xâm lược, để càng đánh càng mạnh, tiến lên giành toàn thắng. Đó còn là bài học xây dựng tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt - Lào - Khơ me chống chủ nghĩa thực dân xâm lược, có ý nghĩa thời đại đối với sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức...

Chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại cùng với những bài học thành công thu được trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất đã đặt cơ sở vững chắc cho quân và dân ta bước vào cuộc kháng chiến thần thánh chống Mỹ, cứu nước. Quân và dân ta đã phát huy những kinh nghiệm phong phú tích lũy được để giành thắng lợi trọn vẹn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà. Thực tế lịch sử đã khẳng định, dân tộc ta đi theo con đường mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn là đúng đắn, phù hợp với quyền lợi cơ bản và khát vọng lâu đời của nhân dân ta: độc lập dân tộc, tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Và chỉ có sự lãnh đạo của Đảng ta, thì một dân tộc nhỏ, yếu như dân tộc ta mới đánh bại được mọi âm mưu xâm lược của những kẻ thù đế quốc to. Điều đó rõ ràng như một chân lý, không thể xuyên tạc hoặc phủ nhận.

Công cuộc đổi mới chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay kế tục sự nghiệp và những thắng lợi vĩ đại của Điện Biên Phủ, của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trong những điều kiện lịch sử mới. Truyền thống, kinh nghiệm cùng những bài học thành công của chiến dịch Điện Biên Phủ, của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, của hai cuộc chiến tranh yêu nước đã qua, vẫn còn sức sống và có ý nghĩa thực tiễn to lớn cần được kế thừa, vận dụng và phát triển trong công cuộc đổi mới xã hội chủ nghĩa nói chung, trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay nói riêng.

1. Vận dụng và phát triển bài học thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến toàn dân của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm đạt được mục tiêu của cách mạng dân tộc dân chủ, *công cuộc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay phải quán triệt đường lối đổi mới xã hội chủ nghĩa của Đảng, nhằm mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh của cách mạng xã hội chủ nghĩa; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược "xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc"* mà Cương lĩnh của Đại hội VII đề ra. Phải căn cứ vào đặc điểm, phương hướng, mục tiêu trước mắt cũng như mục tiêu tổng quát, cùng những định hướng lớn về kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại và xây dựng hệ thống chính trị để giải quyết đúng đắn những vấn đề cơ bản của công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Nói một cách khác, *từ những quy luật tiến hành chiến tranh yêu nước và xuất phát từ đường lối đổi mới xã hội chủ nghĩa ngày nay mà phát hiện và vận dụng đúng đắn, sáng tạo quy luật bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời bình, sẵn sàng ứng phó trong mọi tình huống.*

Thông qua tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận hơn 7 năm đổi mới, Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng toàn quốc giữa nhiệm kỳ và Nghị quyết Hội nghị đại biểu Đảng toàn quân giữa nhiệm kỳ đã chỉ ra một cách cụ thể những nội dung cơ bản của công cuộc đổi mới, của công cuộc củng cố nền quốc phòng toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong những năm tới.

Quán triệt tinh thần Điện Biên Phủ - nêu cao quyết tâm hoàn thành mọi nhiệm vụ mới đặt ra trong quá trình đấu tranh vũ trang và chiến tranh cách mạng - ngày nay nhân dân ta phải nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua thử thách và nguy cơ, phấn

đấu đả mạnh công cuộc đổi mới chuyển dân sang một thời kỳ phát triển mới. Lực lượng vũ trang nhân dân ta phải cùng toàn dân hoàn thành thật tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, chống diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ; sẵn sàng ứng phó thắng lợi với mọi tình huống phức tạp có thể diễn ra ở biển, đảo, biên giới, các địa bàn trọng yếu; sẵn sàng đánh bại các cuộc xâm lược vũ trang cục bộ và cả chiến tranh xâm lược trên các quy mô. Tích cực góp phần ổn định chính trị, củng cố hòa bình, bảo vệ sự nghiệp phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.

2. Phát triển những thành tựu về lý luận và thực hành chiến tranh nhân dân trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược 1954-1975 để xây dựng nền quốc phòng toàn dân căn cứ vào những điều kiện và trên cơ sở những thành tựu của công cuộc đổi mới. Nếu như mục tiêu cao nhất của các cuộc chiến tranh yêu nước trước đây là đánh bại quân xâm lược, kết thúc chiến tranh thắng lợi, thì mục đích của nền quốc phòng toàn dân, trước hết nhằm duy trì cục diện hòa bình, ổn định, bảo vệ Tổ quốc mà không cần chiến tranh, đồng thời chuẩn bị và tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Nền quốc phòng toàn dân chống giặc ngoài quân xâm lược và cả thù trong bọn phản động trong nước; chống cả “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, chống các thủ đoạn xâm lược phi vũ trang và chống cả các loại hình chiến tranh xâm lược cổ điển bằng quân đội.

Sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân không chỉ là sức mạnh quân sự mà là sức mạnh tổng hợp của quân sự, chính trị, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học và công nghệ, tư tưởng, văn hóa... trước hết, là sức mạnh của sự kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Nền quốc phòng đó còn là một nền quốc phòng hiện đại, có khả năng làm phá sản những thủ đoạn phá hoại, thôn tính, chiến tranh xâm lược bằng những vũ khí, phương tiện chiến tranh tối tân, những vũ khí kỹ thuật cao...

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng ta lãnh đạo, phải xây dựng nền quốc phòng thực sự mang tính toàn dân. Phát huy truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ, trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, giáo dục cho quân và dân ta ngày nay nêu cao lòng yêu nước, nâng cao cảnh giác, làm tốt các nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Tích cực xây dựng khu vực phòng thủ, đi

sâu hơn về chất lượng; xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, trước hết trên các vùng trọng yếu. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế và với các mặt xây dựng khác để tạo nên tiềm lực mọi mặt của quốc phòng. Xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng cả yêu cầu phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng. Củng cố và nâng cao chất lượng quân dự bị động viên, dân quân tự vệ. Làm tốt công tác chuẩn bị động viên chiến tranh...

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước về quốc phòng, kết hợp chặt chẽ quốc phòng với an ninh. Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, thiết lập một hệ thống luật về quốc phòng tổ chức các cơ quan chuyên trách, xác định chiến lược và quy hoạch công cuộc xây dựng nền quốc phòng, đổi mới hệ thống chính sách quốc phòng và chính sách đối với quân đội, tạo nên một tương quan xã hội mới chặt chẽ, vững chắc giữa nhân dân và quân đội nhân dân, giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ở Điện Biên Phủ và trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, chúng ta mới được sự giúp đỡ quốc tế một phần. Đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, chúng ta có sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa về vũ khí trang bị, vật chất kỹ thuật. Ngày nay có khác, ta phải xây dựng một nền quốc phòng toàn dân độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường. Phải dựa vào những thành tựu của công cuộc đổi mới nói chung, của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nói riêng để xây dựng công nghiệp quốc phòng, tự sản xuất và mua sắm trang bị vũ khí cần thiết cho yêu cầu xây dựng quân đội từng bước tiến lên hiện đại và yêu cầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện hiện đại. Phải kết hợp chặt chẽ dân sinh quốc phòng... tạo nên sức mạnh quốc phòng gắn liền với kinh tế, bắt nguồn từ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đổi mới.

3. Kế thừa kinh nghiệm tạo nên bước trưởng thành vượt bậc của quân đội ta ở Điện Biên Phủ, đặc biệt là kinh nghiệm xây dựng các binh đoàn chủ lực trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, phấn đấu *tạo nên một bước phát triển mới về chất lượng và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân, nhất là của quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở*. Phải tập trung xây dựng quân đội nhân dân về "chính trị, tư tưởng, tổ chức" Giáo dục cho quân đội ta có tinh thần chiến đấu thật cao, phát huy truyền thống

“trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân”, truyền thống yêu nước, thương nòi, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống “sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội”; giáo dục lòng trung thành vô hạn với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Xây dựng mối “quan hệ quân và dân bền chặt, máu thịt”, như “lính Cụ Hồ ở Điện Biên Phủ và những đoàn dân công tiền tuyến”, như “hậu phương thi đua với tiền phương”; mối quan hệ nội bộ thật dân chủ, bình đẳng, chan hòa giữa cán bộ và chiến sĩ, đầy tính nhân văn, tôn trọng con người cùng chiến đấu vì mục đích chung.

Đặc biệt là xây dựng, huấn luyện, rèn luyện cho bộ đội thành thạo những động tác cơ bản về kỹ thuật và chiến thuật đạt trình độ thuần thục, vững chắc; sử dụng thành thạo mọi trang bị vũ khí; sáng tạo nhiều cách đánh bí mật, bất ngờ, lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tư duy khoa học sắc sảo để hành động một cách kịp thời trong mọi tình huống. Chú trọng truyền đạt, phổ biến những kinh nghiệm chiến đấu và nhiều kinh nghiệm phong phú tích lũy được trong nhiều thập kỷ tiến hành chiến tranh nhân dân cho chiến sĩ và lớp cán bộ kế tiếp. Huấn luyện cho bộ đội biết dựa vào thế trận, vào khu vực phòng thủ, dựa vào lực lượng tại chỗ của nhân dân để chiến đấu bằng sức mạnh tổng hợp lớn nhất, đánh bại mọi âm mưu và hành động diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ cùng các thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch trong thời bình, đồng thời sẵn sàng tiến hành thắng lợi chiến tranh bảo vệ Tổ quốc khi xảy ra. Quân đội ta phải tích cực làm công tác vận động quần chúng, tham gia xây dựng cơ sở chính trị. Đồng thời tích cực lao động sản xuất, phát triển kinh tế theo nhiệm vụ được giao, tham gia xây dựng đất nước.

Trên cơ sở tổ chức lực lượng phù hợp với thời bình, hoàn thiện tổ chức tinh, gọn, năng động, với các loại hình lực lượng, bộ đội phù hợp với yêu cầu sẵn sàng hành động, sẵn sàng chiến đấu cao. Chấp hành tốt việc tuyển quân theo tiêu chuẩn mới đảm bảo chất lượng chiến sĩ mới đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội nhân dân và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Xây dựng đội ngũ cán bộ, sĩ quan có mặt bằng học vấn tương ứng với đội ngũ cán bộ Đảng và Nhà nước, có trình độ quân sự - chính trị chuyên sâu, có kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn, có đạo đức, tác phong tốt, trong đó có những nhân tài của đất nước về quốc phòng, quân sự, đồng thời được chuẩn bị khả năng lao động, công tác trong các ngành dân sinh. Cải tiến vũ

khí - trang bị kỹ thuật, “từng bước hiện đại hóa có trọng điểm một số loại vũ khí, trang bị cần thiết” Phát triển và hoàn thiện khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự của nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh hơn nữa xây dựng quân đội chính quy theo các mục tiêu đã đề ra. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm cho lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ...

Bản sao lưu trữ

VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ VĨ ĐẠI VÀO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC NGÀY NAY*

Đại tướng PHẠM VĂN TRÀ

Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

Cách đây tròn 45 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại, đỉnh cao của cuộc tiến công chiến lược đại thắng Đông Xuân 1953-1954. Chiến thắng Điện Biên Phủ và nói chung chiến thắng Đông Xuân 1953-1954 đã đặt một dấu son rực rỡ trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta; tiêu diệt tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của quân viễn chinh Pháp, làm phá sản kế hoạch Na-va hồng cứu vãn tình thế khó khăn và giành thắng lợi quyết định của chiến tranh xâm lược, đập tan cố gắng chiến tranh cao nhất của thực dân Pháp có Mỹ giúp sức, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp, buộc chúng phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ - kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và hai nước Lào, Cam-pu-chia, miền Bắc nước ta hoàn toàn được giải phóng.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ, đã đưa lại cho quân và dân ta nhiều bài học thành công lớn. Trước hết là, bài học nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối kháng chiến toàn dân, kháng chiến toàn diện đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tạo nên niềm tin sắt đá, sức mạnh đoàn kết thống nhất cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả dân tộc vì mục tiêu độc lập, tự do, dân chủ, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Thành

* Bài viết nhân kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, đăng trên Tạp chí *Quốc phòng toàn dân*, số 5-1994.

công của đường lối cách mạng, đường lối kháng chiến của Đảng ta có thể xem là một mẫu hình đột phá thành công về cách mạng thuộc địa, cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo ở một nước thuộc địa nửa phong kiến; về chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ của đế quốc Pháp và được Mỹ giúp sức. Đó là bài học động viên tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, thực hiện vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa chiến đấu chống quân xâm lược vừa xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, để càng đánh càng mạnh, tiến lên giành toàn thắng. Đó là bài học phát huy sức mạnh của đường lối chiến tranh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân trung thành vô hạn với nhân dân, với sự lãnh đạo của Đảng, với sự nghiệp giải phóng dân tộc và với Tổ quốc. Đó còn là bài học xây dựng Đảng ngang tầm với đòi hỏi của cuộc kháng chiến...

Kế thừa truyền thống anh hùng, tinh thần quyết chiến quyết thắng và vận dụng, phát triển sáng tạo những bài học kinh nghiệm phong phú, quý báu đã tích lũy được của chiến thắng Điện Biên Phủ và của cả cuộc kháng chiến lần thứ nhất, quân và dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã vượt qua muôn vàn gian khổ, dững cảm hy sinh, giành thắng lợi trọn vẹn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực tế lịch sử đã khẳng định, chính con đường cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đưa dân tộc Việt Nam đến chiến thắng Điện Biên Phủ và thắng lợi oanh liệt của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Con đường đó là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với quyền lợi cơ bản và khát vọng của dân tộc ta: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Điều đó là chân lý, không thể xuyên tạc, phủ nhận.

Công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo vệ Tổ quốc ngày nay kế tục sự nghiệp và những chiến công vĩ đại của Điện Biên Phủ, của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ và của hơn 20 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vừa qua trong những điều kiện lịch sử mới. Thời gian không làm phai mờ, trái lại càng làm nổi bật truyền thống anh hùng, kinh nghiệm và những bài học thành công của chiến thắng Điện Biên Phủ, của hai cuộc kháng chiến cứu nước đã qua. Những tài sản vô giá đó vẫn tràn đầy sức sống và có ý nghĩa

thực tiễn to lớn cần được kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo trong điều kiện mới của cách mạng nước ta ngày nay.

Một là, vận dụng và phát triển bài học thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến toàn dân, kháng chiến toàn diện của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tạo nên niềm tin vững chắc, ý chí quyết chiến quyết thắng và sức mạnh đoàn kết thống nhất cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vì mục tiêu độc lập, tự do, dân chủ, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, *sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay phải quán triệt sâu sắc, vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội; tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa* mà Cương lĩnh của Đại hội Đảng VII và nghị quyết Đại hội Đảng VIII đề ra. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận của những năm đổi mới, Nghị quyết Đại hội Đảng VIII và các nghị quyết Trung ương (khóa VIII) đã khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc dẫn đến khó khăn ở mức độ này hay mức độ khác; đã chỉ ra những nội dung cơ bản của công cuộc tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, của sự nghiệp củng cố nền quốc phòng toàn dân và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân trong những năm cuối của thế kỷ này, chuẩn bị bước sang thế kỷ 21. Trước mắt chúng ta khó khăn, thách thức còn lớn, nhưng thuận lợi cũng không nhỏ. Công cuộc đổi mới đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng; đời sống của các tầng lớp nhân dân được nâng lên rõ rệt; tạo ra được thế và lực mới của đất nước. Vấn đề là chúng ta phải đánh giá đúng cục diện cách mạng nước ta, tình hình thế giới và khu vực, hiểu hết được các nhân tố chủ quan và khách quan, thấy rõ cái mạnh, cái yếu của chính mình, bám sát, nắm bắt kịp những chuyển động của cuộc sống, của từng lĩnh vực. Trên cơ sở đó mà tiếp tục quán triệt, vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối của Đảng; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước, kiên định những vấn đề về quan điểm có tính nguyên tắc của Đảng; củng cố niềm tin tưởng tuyệt đối của nhân dân đối với đường lối và sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng sức mạnh đoàn kết thống nhất cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân với tinh thần tự tin, ý chí tiến công, quyết chiến quyết thắng của Điện Biên Phủ năm xưa, kiên quyết thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Kế thừa và phát triển truyền thống Điện Biên Phủ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ mới đặt ra của chiến tranh cách mạng ngày nay, các lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân phải cùng với toàn dân nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, phát huy nội lực của mình hoàn thành thật tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đánh bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; sẵn sàng ứng phó thắng lợi với mọi tình huống phức tạp có thể xảy ra, kể cả chiến tranh xâm lược ở các quy mô trong điều kiện vũ khí công nghệ cao; tham gia tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ lao động sản xuất, làm kinh tế, nhất là nhiệm vụ tham gia phát triển kinh tế xã hội, xây dựng cơ sở chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh ở các địa bàn chiến lược; góp phần giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo vệ sự nghiệp phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.

Hai là, kế thừa và phát triển những thành tựu về lý luận và thực tiễn động viên tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc, vừa kháng chiến vừa kiến quốc của Đông Xuân 1953-1954, của hai cuộc kháng chiến *để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh, từng bước hiện đại, trên cơ sở những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước*. Trong các cuộc chiến tranh yêu nước trước đây, Đảng ta đã giáo dục, động viên tổ chức được lực lượng của cả dân tộc, thực hiện cả nước lên đường đi đánh giặc, đồng thời tích cực sản xuất, xây dựng hậu phương, xây dựng chế độ mới, càng đánh càng mạnh. Ngày nay, trong điều kiện mới, cần phải giáo dục cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức đúng và tập trung sức thực hiện nhiệm vụ hàng đầu là phát triển kinh tế, nhưng không được lơ là lỏng nhiệm vụ quốc phòng, phải kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, an ninh, quốc phòng an ninh với kinh tế và các mặt xây dựng khác, bảo đảm càng phát triển kinh tế thì tiềm lực, lực lượng và thế trận quốc phòng càng được củng cố vững mạnh.

Phát huy truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ, trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, giáo dục cho quân và dân ta nêu cao hơn nữa tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, làm tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, tích cực tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nâng cao chất lượng sự nghiệp xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, quận, huyện, xây dựng cơ sở xã, phường vững mạnh toàn diện. Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc xây dựng cơ sở hạ tầng phải đáp ứng cả yêu cầu phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng, an ninh. Tận dụng thành quả của công nghiệp hóa,

hiện đại hóa để xây dựng nền quốc phòng toàn dân độc lập tự chủ, tự lực tự cường, vững mạnh, từng bước hiện đại, đủ khả năng bảo vệ hòa bình, làm phá sản âm mưu “diễn biến hòa bình”, đánh thắng những thủ đoạn phá hoại, phong tỏa, thôn tính, chiến tranh xâm lược bằng các loại vũ khí hiện đại nhất. Đồng thời xây dựng ngành công nghiệp quốc phòng có khả năng tự sản xuất, sửa chữa vũ khí trang bị kết hợp với mua sắm đảm bảo trang bị đủ cho quân đội đáp ứng yêu cầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý Nhà nước về quốc phòng. Kịp thời thể chế hóa các quyết định của Đảng về quốc phòng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước, từng bước hoàn chỉnh bộ Luật về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm mỗi công dân, các tổ chức chính trị xã hội, các thành phần kinh tế và các ngành, các cấp, các địa phương đều tự giác, chủ động làm nhiệm vụ quốc phòng, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân và kiểm tra, uốn nắn việc thực hiện theo luật định.

Ba là, vận dụng bài học nắm vững quy luật phát triển của cách mạng và chiến tranh cách mạng để chủ động, đi trước, đón đầu xây dựng lực lượng bộ đội chủ lực, tạo nên bước trưởng thành vượt bậc của quân đội ta ở Điện Biên Phủ, đặc biệt là kinh nghiệm xây dựng các binh đoàn chủ lực cơ động mạnh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và phát triển nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân, *phấn đấu tạo nên một bước phát triển mới về chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân và của quân đội nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.*

Phải tiếp tục tập trung xây dựng quân đội về chính trị làm cơ sở để nâng cao chất lượng mọi mặt. Giáo dục cho quân đội phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; “Trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội”; giáo dục truyền thống yêu nước, lòng trung thành vô hạn với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với Đảng và nhân dân; xây dựng mối quan hệ máu thịt với nhân dân, mối quan hệ nội bộ thật dân chủ, đoàn kết, đầy tính nhân văn văn hóa của một tập thể quân nhân cách mạng cùng chiến đấu vì một mục đích chung, cao đẹp.

Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trước mắt và lâu dài, tiến hành từng bước vững chắc, có cơ sở khoa học xây dựng quân đội về tổ chức phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước và nhiệm vụ của quân đội theo hướng nâng cao chất lượng, nâng cao sức mạnh chiến đấu, trình độ sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm gọn, mạnh, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

Vận dụng và phát triển sáng tạo những kinh nghiệm quý báu đã được tổng kết của Điện Biên Phủ, của các cuộc chiến tranh yêu nước vừa qua vào huấn luyện, rèn luyện bộ đội theo phương châm đã được xác định, sát với yêu cầu và điều kiện mới, đạt trình độ thành thạo, thuần thục, vững chắc những động tác cơ bản về kỹ thuật và chiến thuật, sáng tạo nhiều cách đánh hay, mới; có bản lĩnh chiến đấu vững vàng, tham gia xây dựng và đấu tranh thắng lợi trên mặt trận tư tưởng chính trị, văn hóa, đánh bại mọi thủ đoạn xâm lược bằng quân sự của địch ở các quy mô vũ khí công nghệ cao, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tổng kết chiến tranh, công tác nghiên cứu khoa học lịch sử quân sự, tổng kết kinh nghiệm chiến đấu, chiến dịch, chỉ đạo chiến lược. Vận dụng có hiệu quả kết quả của tổng kết vào phát triển và hoàn thiện khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự, khoa học kỹ thuật quân sự, khoa học xã hội và nhân văn quân sự của nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân hiện đại bảo vệ Tổ quốc.

Kế thừa những kinh nghiệm phong phú, quý báu của Điện Biên Phủ, của cuộc kháng chiến thần thánh 30 năm và phát huy tinh thần thi đua yêu nước, “cả nước ra trận”, “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, các lực lượng vũ trang nhân dân quyết tâm thực hiện đạt kết quả cao nhất phong trào thi đua quyết thắng do Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng phát động, cùng với toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



Một phần thành phố Điện Biên Phủ ngày nay

LỆNH ĐỘNG VIÊN GỬI TOÀN THỂ CÁN BỘ VÀ CHIẾN SĨ MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Các đồng chí,

Mùa đông năm nay, theo lệnh của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, các đồng chí lại có nhiệm vụ tiến quân vào Tây Bắc để:

- Tiêu diệt sinh lực địch,
- Tranh thủ nhân dân,
- Giải phóng bộ phận Tây Bắc địch còn chiếm đóng.

Quân địch đang âm mưu chiếm đóng một vùng đất đai ở Tây Bắc yêu quý để chia rẽ và giày xéo đồng bào ta, để quấy rối hậu phương của ta.

Chúng ta phải sửa đường, khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ anh dũng chiến đấu, chịu đói, chịu rét, trèo đèo lội suối, đi xa vác nặng, tìm đến tận sào huyệt của quân địch để tiêu diệt chúng, để giải phóng đồng bào ta.

Mùa đông năm nay, với chí căm thù đế quốc và phong kiến sau cuộc chinh quân chính trị, với kỹ thuật, chiến thuật tiến bộ sau cuộc huấn quân sự, nhất định chúng ta sẽ củng cố và phát triển thắng lợi của chiến dịch Tây Bắc mùa đông 1952, nhất định chúng ta sẽ chiến thắng quân địch.

Các đồng chí hãy dũng cảm tiến lên!

Ngày 6 tháng 12 năm 1953

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

NHẬT LỆNH NHÂN DỊP KỶ NIỆM LẦN THỨ 7 NGÀY TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN VÀ LẦN THỨ 9 NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI

Hỡi toàn thể cán bộ và chiến sĩ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích toàn quốc!

Ngày 19 tháng 12 năm nay, cuộc kháng chiến toàn quốc của nhân dân ta đã bước sang năm thứ tám.

Ngày 22 tháng 12 năm nay, kể từ khi Đội Tuyên truyền Việt Nam Giải phóng quân ra đời, Quân đội nhân dân anh dũng của chúng ta thành lập đã được chín năm.

Nhân dịp kỷ niệm hai ngày lịch sử này, tôi trân trọng gửi lời khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ đang chiến đấu với giặc trên khắp chiến trường

toàn quốc. Tôi thân ái hỏi thăm anh em thương binh. Tôi thay mặt toàn thể quân đội kính cẩn nghiêng mình trước anh linh các chiến sĩ đã anh dũng hy sinh vì Tổ quốc.

Tôi gửi lời khen ngợi các anh chị em dân công hiện đang phục vụ ở tiền tuyến để đảm bảo cung cấp lương thực, đạn dược cho bộ đội giết giặc.

Tôi thân ái gửi lời hỏi thăm gia đình các cán bộ và chiến sĩ, đặc biệt là gia đình các thương binh, liệt sĩ.

Trải qua tám năm kháng chiến chống đế quốc xâm lược. Quân đội nhân dân chúng ta đã chiến đấu không ngừng với bọn cướp nước.

Trong ngọn lửa chiến đấu, quân đội ta đã từ những đội du kích bé nhỏ lúc đầu, trưởng thành nhanh chóng, ngày nay trở nên một Quân đội nhân dân hùng mạnh, gồm hàng chục vạn bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, hàng triệu dân quân du kích.

Quân đội ta đã thu được những thắng lợi vẻ vang, tiêu diệt 32 vạn sinh lực địch, giải phóng hơn 7 vạn 8 nghìn cây số vuông đất đai, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc từ biên giới Trung Quốc đến biên giới Lào, giữ vững và phát triển chiến tranh du kích, gây dựng nhiều căn cứ du kích rộng lớn ngay trong lòng địch. Đặc biệt từ chiến dịch Biên Giới đến nay, quân ta đã chiến thắng liên tiếp trong bảy chiến dịch lớn, giữ vững quyền chủ động trên chiến trường miền Bắc.

Hiện nay, sau khi bị quân ta đánh bại nặng ở Tây Bắc, bị quân Giải phóng Lào đánh bại ở Thượng Lào, nhất là sau khi đế quốc Mỹ bị thất bại buộc phải đình chiến ở Triều Tiên, bọn can thiệp Mỹ và bọn thực dân Pháp đang ra sức mở rộng chiến tranh ở Việt Nam Miền Lào, thực hiện kế hoạch Na-va, khuếch trương nguy quân, tập trung binh lực, càn quét vùng sau lưng địch, đánh ra vùng tự do, mong giành lại thế chủ động. Đó là âm mưu mới rất thâm độc của địch.

Nhưng chúng ta có sự lãnh đạo sáng suốt và đường lối chính trị, quân sự đúng đắn của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, chúng ta đã có sự ủng hộ nhiệt liệt của Mặt trận dân tộc thống nhất toàn dân. Chúng ta lại có những điều kiện thuận lợi mới sau đây để đánh bại âm mưu của địch:

Một là sau các cuộc chỉnh huấn chính trị và quân sự, nhất là sau cuộc chỉnh quân chính trị vừa qua, Quân đội nhân dân chúng ta đã tiến bộ rất nhiều về chính trị cũng như về chiến thuật, kỹ thuật. Tinh thần chiến đấu của cán bộ và chiến sĩ càng lên cao.

Hai là Đảng và Chính phủ ta đã phát động nông dân đấu tranh thực hiện giảm tô, giảm tức thu nhiều thắng lợi. Đầu tháng 12 vừa qua, Quốc hội lại đồng thanh thông qua luật cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng. Đó là một thắng lợi chính trị rất quan trọng, làm cho quân đội ta hết sức phấn khởi, làm cho sức kháng chiến của toàn dân và sức chiến đấu của quân đội tăng thêm.

Ba là sự đồng tình ủng hộ của Mặt trận hòa bình dân chủ thế giới do Liên Xô lãnh đạo, của nhân dân Pháp và nhân dân thuộc địa Pháp đối với cuộc kháng chiến của ta ngày càng mạnh mẽ. Khối liên minh của nhân dân ba nước Việt - Miên - Lào ngày càng chặt chẽ. Ngày quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam do Hội nghị công đoàn thế giới quyết định sẽ làm cho nhân dân ta càng tin tưởng, quân đội ta càng tích cực chiến đấu.

Để kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến và ngày thành lập Quân đội;

Để hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, làm hai nhiệm vụ trung tâm là: ra sức đánh giặc và cải cách ruộng đất;

Nhân danh Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, tôi ra lệnh cho toàn thể cán bộ và chiến sĩ trong bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích toàn quốc:

1. Phải phát huy truyền thống anh dũng chiến đấu, chịu đựng gian khổ của Việt Nam Giải phóng quân, ra sức thi đua giết giặc lập công, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, bảo vệ vùng tự do, phá tan kế hoạch Na-va.

2. Phải triệt để chấp hành luật cải cách ruộng đất, chấp hành chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ, kiên quyết làm hậu thuẫn cho nông dân trong cuộc đấu tranh vĩ đại để thực hiện người cày có ruộng.

Hỡi toàn thể cán bộ và chiến sĩ,

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, Quân đội nhân dân chúng ta nhất định chiến thắng quân địch, phá tan kế hoạch Na-va, đánh bại âm mưu mở rộng chiến tranh của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Quân đội nhân dân ta nhất định sẽ thu được thắng lợi cuối cùng trong cuộc chiến đấu anh dũng và oanh liệt để giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, đem lại ruộng đất cho nông dân, góp phần vào công cuộc bảo vệ hòa bình dân chủ ở Á Đông và thế giới.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 19 tháng 12 năm 1953
Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
Kiêm tổng tư lệnh
Quân đội nhân dân Việt Nam
Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

THƯ GỬI LỚP HUẤN LUYỆN CÁN BỘ DÂN CÔNG

Nhân dịp kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến và ngày thành lập Quân đội nhân dân, tôi có nhận được thư quyết tâm của các đồng chí, hứa sẽ ra sức học tập để rồi đây tích cực lãnh đạo dân công làm tròn nhiệm vụ.

Quy mô tác chiến ngày càng lớn. Nhu cầu phục vụ tiền tuyến ngày càng cao. Việc lãnh đạo dân công là một vấn đề rất lớn, trong đó vai trò lãnh đạo của cán bộ có tác dụng quyết định. Vì vậy, tất cả các cán bộ lãnh đạo dân công trong khi tiến hành nhiệm vụ phải:

Nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, quyết tâm làm tròn nhiệm vụ.

Hết sức quan tâm đến đời sống của dân công, thường xuyên giáo dục động viên dân công vượt mọi khó khăn, đảm bảo cung cấp cho bộ đội, tuyệt đối không quan liêu mệnh lệnh.

- Giữ vững chính sách dân tộc và kỷ luật quân chúng.

Nhiệm vụ của các đồng chí rất nặng nề và rất vẻ vang. Các đồng chí hãy nỗ lực thực hiện những lời đã hứa trong thư quyết tâm.

Chào thân ái

Ngày 26 tháng 12 năm 1953
Tổng tư lệnh
Quân đội nhân dân Việt Nam
Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

**ĐIỆN GỬI ĐƠN VỊ XX CÓ NHIỆM VỤ TIẾN SÂU
VÀO CHIẾN TRƯỜNG ĐỊCH HẬU... ĐỂ HOẠT ĐỘNG PHỐI HỢP
VỚI CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ**

Bộ Tổng tư lệnh được biết các đồng chí đã khắc phục nhiều mệt mỏi thiếu thốn để thực hiện nhiệm vụ.

Tôi gửi lời thân ái hỏi thăm toàn thể các đồng chí.

Nhiệm vụ các đồng chí rất nặng. Hoàn thành được nhiệm vụ đó tức là góp phần công lao xứng đáng vào thắng lợi chung, tạo điều kiện để giành thắng lợi mới trong thời gian sắp tới.

Các đồng chí phải nêu cao quyết tâm làm tròn nhiệm vụ, quyết tâm vượt qua mọi gian khổ, khắc phục mọi khó khăn.

Phải giữ vững kỷ luật, giữ bí mật, phòng không, phòng gian.

Phải bảo vệ vũ khí đạn dược toàn vẹn.

Tỏ rằng sức mạnh của một quân đội cách mạng là vô địch.

Chúc các đồng chí vui, mạnh, hoàn thành nhiệm vụ.

Chào thân ái và quyết thắng

Tháng 1 năm 1954

Tổng tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

THƯ CHÚC TẾT XUÂN GIÁP NGỌ - 1954

Toàn thể cán bộ và chiến sĩ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích toàn quốc,

Hôm nay là ngày mồng 1 Tết năm Giáp Ngọ. Trong lúc chúng ta vui mừng đọc thư chúc Tết của Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận và Hồ Chủ tịch, tôi gửi lời thân ái chúc mừng năm mới toàn thể cán bộ và chiến sĩ trong bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích hiện đang chiến đấu ở khắp các chiến trường toàn quốc.

Chúc anh em thương binh chóng khỏe mạnh để mau trở về đơn vị;

Chúc anh chị em công nhân và nhân viên các công xưởng và cơ quan quốc phòng lập được nhiều thành tích trong cuộc thi đua tăng năng suất để phục vụ bộ đội;

Chúc anh chị em dân công trên các mặt trận luôn luôn khỏe mạnh hăng hái, vượt qua mọi gian khổ, khắc phục mọi khó khăn, đảm bảo việc cung cấp lương thực, đạn dược cho bộ đội giết giặc;

Chúc năm mới các gia đình thương binh, liệt sĩ và gia đình tất cả các cán bộ và chiến sĩ.

Tết năm nay đến trong khi quân ta liên tiếp chiến thắng quân địch trên khắp chiến trường toàn quốc. Trên mặt trận Tây Bắc, Lai Châu đã được giải phóng, quân địch rút lui khỏi Lai Châu đã bị tiêu diệt. Chủ lực của chúng ở Điện Biên Phủ hiện đang bị hãm vào thế cô lập và phòng ngự bị động.

Trên mặt trận đồng bằng Bắc Bộ, quân ta liên tiếp tấn công vị trí của địch, tiêu diệt viện binh, đánh phá đường giao thông thủy, bộ của chúng, mở rộng vùng du kích và căn cứ du kích, đánh những đòn nặng vào bọn địa phương quân và khinh quân ngụy.

Trên mặt trận Bình Trị - Thiên, quân ta đang hoạt động tích cực.

Trên mặt trận Liên khu 5, trong khi địch đánh rộng ra vùng tự do phía nam của ta thì quân ta đã mở cuộc tiến công thắng lợi vào miền bắc Công Tum, tiêu diệt nhiều vị trí quan trọng của địch, giải phóng cả một vùng đất đai rộng lớn.

Trên mặt trận Nam Bộ, chiến tranh du kích đã tiến mạnh, hàng loạt đồn bốt của địch bị ta tiêu diệt hoặc bức hàng, nhiều vùng du kích và căn cứ du kích được mở rộng.

Cuộc kháng chiến của nhân dân hai nước bạn Lào Miên gần đây cũng thu được nhiều thắng lợi lớn. Quân giải phóng Lào tiêu diệt địch trên đường số 12, giải phóng phần lớn tỉnh Thà Khẹt, cắt đứt Đường số 9, giải phóng miền bắc tỉnh Sa-van-na-khét.

Ở Miên, chiến tranh du kích đang phát triển, nhất là ở Tây Nam.

Quân địch đã bị thất bại liên tiếp trong âm mưu quân sự mới của chúng. Chúng chủ trương tập trung binh lực đến cao độ để "bình định" vùng sau lưng địch, đánh ra vùng tự do, giành lại chủ động. Nhưng hiện nay chủ lực của chúng đã buộc phải phân tán ra trên nhiều chiến trường: lên Điện Biên Phủ, sang Xê-nô, một phần nữa lại bị sa lầy vào cuộc tiến công không đúng lúc ra miền nam Trung Bộ.

Phải bị động phân tán binh lực, đó là thất bại lớn nhất của địch, thất bại đó sẽ mang lại cho chúng nhiều thất bại khác nữa.

Trong năm qua, địch đã bị tiêu diệt trên chín vạn sinh lực. Rồi đây chúng còn bị tiêu diệt nhiều hơn nữa. Trước những thất bại đó, bọn đế quốc Pháp -

Mỹ nhất định còn ra sức cố gắng để cứu vãn tình thế. Chúng ta không chủ quan khinh địch, nhưng chúng ta tin tưởng sang năm mới nhất định sẽ thu được nhiều thắng lợi mới.

Tết năm nay đến trong lúc ở hậu phương nhân dân đang vui mừng phấn khởi với những tin tức thắng trận, đang hăng hái tham gia phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất; trong lúc toàn dân và toàn quân ta đang nhiệt liệt hưởng ứng tháng hữu nghị Việt - Trung - Xô; trong lúc phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp chống chiến tranh xâm lược ở Việt Nam đang lên cao, phong trào hòa bình dân chủ thế giới ủng hộ chúng ta ngày càng mạnh mẽ.

Được hưởng những giờ phút tưng bừng của ngày Tết thắng lợi, chúng ta càng tin tưởng ở sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, càng biết ơn nhân dân cả nước đã nhiệt liệt giúp đỡ quân đội, càng biết ơn nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới do Liên Xô lãnh đạo đã hết lòng ủng hộ chúng ta.

Tết đến trong lúc phần lớn chúng ta đang chiến đấu với giặc ở tiền tuyến. Để mừng Tết thắng lợi, tất cả cán bộ và chiến sĩ, tất cả các đơn vị, các binh chủng, các mặt trận đều phải:

- Tích cực diệt địch, phối hợp chặt chẽ.
- Thi đua lập công, chiến đấu liên tục.
- Giật cho được lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” của Hồ Chủ tịch.
- Làm cho mùa xuân năm nay là Xuân chiến thắng vẻ vang.

Ngày mùng 1 Tết năm Giáp Ngọ

Tổng tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

ĐIỆN KHEN TOÀN THỂ CÁN BỘ, CHIẾN SĨ VÀ DÂN CÔNG LIÊN KHU 5

Tôi thay mặt Bộ Tổng tư lệnh:

Khen ngợi các cán bộ và chiến sĩ mặt trận Kon Tum đã vượt qua gian khổ, khắc phục khó khăn, chiến đấu anh dũng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng thị xã Kon Tum và toàn tỉnh Kon Tum.

Khen ngợi các cán bộ, chiến sĩ ở Tuy Hòa và địch hậu Liên khu 5 đã tích cực hoạt động, tiêu hao và tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bảo vệ tính mạng và tài sản nhân dân.

Khen ngợi cán bộ và chiến sĩ ở vùng tự do đã nỗ lực học tập, tích cực chuẩn bị để bảo vệ hậu phương, đề phòng mọi âm mưu của địch.

Tôi thay mặt quân đội cảm tạ toàn thể đồng bào các dân tộc đã ra sức ủng hộ bộ đội chiến thắng quân địch.

Thắng lợi Kon Tum là thắng lợi lớn đầu tiên của ta trên mặt trận miền Nam. Nó là một trong những thắng lợi quan trọng của ta trong mùa xuân năm nay trên chiến trường toàn quốc. Nó là một đòn rất nặng đánh vào âm mưu của địch ở miền Nam, nhất là trong lúc địch đang sa lầy ở Tuy Hòa.

Trong lúc chiến thắng các đồng chí cần đề phòng chủ quan khinh địch, ra sức củng cố vùng giải phóng, củng cố và khuếch trương thắng lợi, thi đua cùng các đơn vị anh em ở các mặt trận khác trên toàn quốc tiêu diệt địch nhiều hơn nữa, giật cho được giải thưởng của Hồ Chủ tịch.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 2 tháng 2 năm 1954

Tổng tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

BÀI NÓI CHUYỆN VỚI BỘ ĐỘI PHÁO BINH VÀ BỘ ĐỘI PHÁO CAO XẠ

Nhân dịp năm mới, tôi đến thăm các đồng chí, chúc tất cả các đồng chí mạnh khỏe và thu nhiều thắng lợi.

Các đồng chí chuyển lời thân ái hỏi thăm và chúc Tết của tôi cho toàn thể anh em.

Thời gian vừa qua, theo lệnh trên, các đồng chí đã làm tròn nhiệm vụ hành quân ra mặt trận; theo lệnh trên, các đồng chí lại đã làm tròn nhiệm vụ chuyển pháo vào trận địa, chuyển pháo đến vị trí tập kết.

Những nhiệm vụ đó đã được coi như nhiệm vụ chiến đấu vì nó phải thực hiện trong điều kiện khó khăn.

Hoàn thành những nhiệm vụ đó là một thắng lợi. Tôi gửi lời khen ngợi toàn thể các đồng chí.

Trong khi thực hiện nhiệm vụ, chúng ta đã học được mấy bài học lớn.

a) Thứ nhất là giữ vững quyết tâm, chiến đấu anh dũng, vượt qua mọi gian khổ, khắc phục mọi khó khăn.

Nhiệm vụ vừa qua rất nặng nề và khó khăn. Mặc dầu xa chiến trường đã lâu và còn thiếu kinh nghiệm chiến đấu, các đồng chí đã giữ vững quyết tâm, đem tinh thần chiến đấu anh dũng của người quân nhân cách mạng để vượt qua mọi khó khăn gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ. Chỉ có bộ đội cách mạng như chúng ta mới có thể làm những việc như vậy. Điều đó chứng tỏ lực lượng to lớn và khả năng vô tận của quân ta. Các đồng chí cần nhận rõ để nâng cao tin tưởng.

b) Thứ hai là bộ binh, công binh, pháo binh đoàn kết phối hợp chặt chẽ với nhau.

Mặc dầu chưa có nhiều kinh nghiệm phối hợp nhưng trong thời gian qua, các binh chủng đã đoàn kết phối hợp với nhau rất chặt chẽ, do đó đã hoàn thành nhiệm vụ.

Sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các binh chủng trong thời gian vừa qua, cũng như sự hiệp đồng chặt chẽ sau này sẽ đưa quân ta đến nhiều thắng lợi.

c) Thứ ba là triệt để chấp hành mệnh lệnh cấp trên.

Thời gian vừa qua, trong khi chấp hành mệnh lệnh cấp trên, các đồng chí gặp khó khăn gian khổ. Nhưng vì tin tưởng ở cấp trên nên các đồng chí triệt để chấp hành mệnh lệnh, do đó đã thu được thắng lợi.

Để giúp xây dựng binh chủng, rèn luyện một tác phong chiến đấu tốt đẹp hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu vinh quang sắp tới, tôi dặn các đồng chí mấy điểm:

a) Thứ nhất là phải anh dũng chiến đấu, tích cực diệt địch.

Không vì máy bay, pháo binh của địch mà lo ngại, không vì khó khăn gian khổ mà lùi bước.

Anh dũng chiến đấu, tích cực tiêu diệt địch là biểu hiện cụ thể của tinh thần triệt để cách mạng, của lập trường chiến đấu vì dân tộc, vì giai cấp của chúng ta.

Thời gian tới, các đồng chí phải phát huy tinh thần chiến đấu đến cao độ, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch, làm cho quân địch khiếp sợ trọng pháo và pháo cao xạ của ta.

b) Thứ hai là phải triệt để chấp hành mệnh lệnh cấp trên.

Phải chấp hành mệnh lệnh cấp trên một cách triệt để, khẩn trương, không ngần ngại, không do dự. Có như vậy mới thực hiện được thống nhất ý chí và hành động, mới không bỏ qua cơ hội tiêu diệt địch.

Anh dũng chiến đấu và triệt để chấp hành mệnh lệnh là hai điểm cơ bản trong tác phong chiến đấu của quân ta.

Thời gian qua, các đồng chí đã triệt để chấp hành mệnh lệnh cấp trên cho nên đã thu được thắng lợi, như thế là tốt. Tuy nhiên, một số đồng chí còn ngần ngại trước khó khăn, chấp hành mệnh lệnh chưa triệt để, chưa nghiêm chỉnh, chưa nhanh chóng, những đồng chí đó cần sửa chữa khuyết điểm và phải tiến bộ hơn.

c) Thứ ba là phải hiệp đồng chặt chẽ với bộ binh. Nhiệm vụ của trọng pháo và pháo cao xạ là cùng bộ binh hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt địch.

Vì vậy, trong tất cả mọi tình huống, các đồng chí đều phải ra sức khắc phục khó khăn, hiệp đồng với anh em bộ binh thật chặt chẽ.

d) Thứ tư là phải ra sức học tập kỹ thuật, bắn thật trúng đích.

Phải nâng cao trình độ kỹ thuật, tích cực thi đua với đơn vị anh em, bắn thật trúng đích, hạ nhiều máy bay địch, phá hủy nhiều máy bay, pháo binh kho tàng và công sự kiên cố của địch.

Trong những chiến dịch trước cũng như mấy hôm nay, hàng ngày quân địch bắn vu vơ hàng nghìn phát đại bác, nhưng không kết quả gì. Bắn như vậy thì chỉ lãng phí đạn dược và lộ mục tiêu. Chúng ta thì hoàn toàn khác hẳn, không bắn thì thôi, nếu đã bắn thì nhất định phải trúng đích, làm cho quân địch sau này phải sợ trọng pháo và pháo cao xạ của quân ta.

e) Thứ năm là phải bảo vệ vũ khí, tiết kiệm đạn dược. Vũ khí của các đồng chí phải được sử dụng để tiêu diệt kẻ thù chung.

Các đồng chí phải bảo vệ những vũ khí đó như bảo vệ tính mệnh của mình.

Thời gian qua, các đồng chí đã nêu khẩu hiệu “thà hy sinh chứ không chịu để cho pháo hỏng” và nhiều đồng chí đã làm đúng như vậy. Từ nay về sau, các đồng chí cần phát huy ưu điểm đó.

f) Thứ sáu là cán bộ phải luôn luôn đi sát chiến sĩ, đồng cam cộng khổ với chiến sĩ, làm gương mẫu cho chiến sĩ.

Trong thời gian làm nhiệm vụ vừa qua, nhiều đồng chí cán bộ đã đi sát chiến sĩ, giúp đỡ chiến sĩ, cùng chuyển pháo với chiến sĩ. Như thế là tốt.

Tuy nhiên còn một số đồng chí cán bộ chưa thật yêu chiến sĩ, khi gặp khó khăn gian khổ thì xa lánh vị trí của mình, hay nếu có đi với bộ đội thì cũng quát mắng, gắt gỏng anh em. Những đồng chí đó đã không làm tròn nhiệm vụ người cán bộ. Những đồng chí đó cần sửa chữa khuyết điểm và phải tiến bộ hơn.

Để tiếp tục chuẩn bị chiến dịch, các đồng chí cần làm mấy việc sau đây:

a) Một là kiến trúc những trận địa pháo binh thật kiên cố.

Công sự phải thật dày, chắc, đủ sức chống lại bom đạn của địch. Ngoài thì giờ chiến đấu, phải tranh thủ thời gian bồi đắp thêm công sự. Đắp công sự dày thêm một phân tức là tạo thêm điều kiện thuận lợi để chiến thắng quân địch.

Phải tổ chức nhiều trận địa nghi binh để làm lạc hướng quân địch, phân tán hỏa lực và tiêu hao vũ khí, đạn dược của chúng.

b) Hai là kiểm điểm việc kéo pháo trong thời gian vừa qua.

Việc kéo pháo vừa qua là cuộc thử thách lớn đầu tiên đối với đơn vị. Qua cuộc thử thách đó, tất cả các đồng chí đều tiến bộ, đồng thời cũng bộc lộ nhiều nhược điểm và khuyết điểm. Các đồng chí cần phát huy tinh thần tự phê bình và phê bình trong việc kiểm điểm để học tập kinh nghiệm và tiến bộ thêm một bước.

c) Ba là chấn chỉnh bộ đội, giữ vững lực lượng chiến đấu của bộ đội.

Các đồng chí cán bộ phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề ăn uống, nghỉ ngơi của anh em.

Phải cải thiện cấp dưỡng để bảo đảm cho anh em được ăn no, ăn nóng, uống nước nóng.

Phải bố trí giờ giấc sinh hoạt và làm việc cho gọn, bảo đảm cho anh em được ngủ.

Phải tổ chức làm lán cho chu đáo, tránh ẩm ướt và gió lạnh bảo đảm cho anh em được ấm.

Phải tăng cường vệ sinh phòng bệnh, tăng cường kỷ luật giữ bí mật, phòng không, phòng gian để nâng cao sức khỏe cho bộ đội và tránh mọi sự thương vong ngoài chiến đấu.

Hôm nay tôi đến thăm các đồng chí và dặn các đồng chí mấy điều như vậy.

Chúc các đồng chí vui vẻ, khỏe mạnh và chiến thắng.

Ngày 7 tháng 2 năm 1954
Tổng tư lệnh
Quân đội nhân dân Việt Nam
Đại tướng **VÕ NGUYỄN GIÁP**

ĐIỆN KHEN CÁC ĐƠN VỊ ĐÃ PHÁ HỦY MÁY BAY CỦA ĐỊCH Ở HAI SÂN BAY GIA LÂM VÀ CÁT BI

Bộ Tổng tư lệnh trân trọng tuyên dương công trạng của các đồng chí trong toàn thể Quân đội nhân dân Việt Nam và gửi lời nhiệt liệt khen ngợi toàn thể cán bộ chỉ huy và chiến sĩ đã chiến thắng vẻ vang trong hai trận tập kích oanh liệt vào sân bay Gia Lâm và sân bay Cát Bi đêm mồng 4 và mồng 6 tháng 3 năm 1954, phá hủy máy bay và nhiều kho bom đạn của địch, gây tổn thất rất nặng cho chúng.

Đây là một chiến công lớn, là một trong những trận chiến đấu dũng cảm oanh liệt nhất, là trận phá hoại lớn nhất trong lịch sử của quân đội ta từ trước đến nay, đánh thẳng vào nơi trung tâm quân sự của giặc ở sát Hà Nội và Hải Phòng. Hai trận tập kích này đã phá hủy một phần quan trọng của không quân địch, trong đó phần lớn là những máy bay phóng pháo và vận tải của đế quốc Mỹ giúp Pháp, làm ảnh hưởng lớn đến sự hoạt động và tiếp tế của không quân địch, tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều chiến thắng sắp tới trên chiến trường toàn quốc. Hai trận tập kích này đã làm cho quân địch vô cùng khùng khiếp, làm cho quân và dân toàn quốc hết sức vui mừng.

Tinh thần dũng cảm vô song của các đồng chí đáng nêu cao cho toàn thể cán bộ và chiến sĩ trong toàn quân học tập.

Chúc các đồng chí cố gắng hơn nữa, đề phòng chủ quan khinh địch, kiểm điểm rút kinh nghiệm, chiến đấu liên tục, lập những chiến công huy hoàng mới.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 8 tháng 3 năm 1954
Tổng tư lệnh
Quân đội nhân dân Việt Nam
Đại tướng **VÕ NGUYỄN GIÁP**

**LỆNH ĐỘNG VIÊN TOÀN THỂ CÁN BỘ VÀ CHIẾN SĨ
TRÊN CHIẾN TRƯỜNG TOÀN QUỐC CHIẾN ĐẤU
PHỐI HỢP VỚI CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ**

Hỡi toàn thể cán bộ và chiến sĩ trên các chiến trường toàn quốc!

Suốt ba tháng nay quân ta đã vây hãm chủ lực địch ở Điện Biên Phủ, như trước đây vây hãm chúng ở Hòa Bình. Đồng thời các mặt trận khắp toàn quốc đã nhân sơ hở của địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích, thu nhiều thắng lợi lớn.

Ngày 13 tháng 3 quân ta đã tiến công vào ngoại vi Điện Biên Phủ. Quân ta sẽ tiếp tục bao vây giam hãm địch ở đó. Hiện địch đang tập trung không quân và chuẩn bị điều động thêm binh lực tăng cường cho Điện Biên Phủ.

Các đơn vị trên khắp các mặt trận đều có nhiệm vụ đẩy mạnh hoạt động, tiêu diệt sinh lực địch, đánh phá đường giao thông thủy, bộ quan trọng của địch, tập kích những nơi xung yếu và sơ hở của chúng để tiến tới phá kế hoạch quân sự của đế quốc Pháp Mỹ.

Phương châm là:

Tích cực chủ động,

Đánh nhỏ ăn chắc,

Chiến đấu liên tục,

Phối hợp toàn quốc.

Ngày 13 tháng 3 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

THƯ KHEN

Gửi các đơn vị chiến thắng trong hai trận Him Lam và đồi Độc Lập.

Tôi trân trọng gửi lời khen ngợi toàn thể các cán bộ và chiến sĩ của các đơn vị, các binh chủng đã nêu cao tinh thần chiến đấu anh dũng và hiệp đồng chặt chẽ trong hai đêm 13 và 14 tháng 3 năm 1954, tiêu diệt vị trí Him Lam và vị trí đồi Độc Lập, hai vị trí ngoại vi kiên cố nhất của địch, tiêu diệt 2/3 phân khu bắc của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, tiêu diệt hoàn toàn

hai tiểu đoàn Âu Phi tinh nhuệ của địch, bắn và phá hủy nhiều phi cơ, làm cho địch bị tổn thất nặng.

Hai trận tiêu diệt vị trí Him Lam và đồi Độc Lập là những trận công kiên lớn nhất trong lịch sử chiến đấu của quân ta từ trước đến nay. Đó là những trận đầu tiên đánh vào tập đoàn cứ điểm của địch. Đó là những trận đầu tiên có trọng pháo và pháo cao xạ phối hợp. Những thắng lợi đó đánh dấu sự trưởng thành rõ rệt của quân ta và đặt cơ sở tốt cho thắng lợi sau này. Các đồng chí cần học tập kinh nghiệm những trận chiến đấu vừa qua, không nên chủ quan khinh địch. Quân địch còn ra sức tăng viện cho Điện Biên Phủ, các đồng chí cần tiếp tục củng cố và khuếch trương thắng lợi, tiếp tục vây hãm quân địch ở Điện Biên Phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội ta trên chiến trường toàn quốc tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch, phá tan âm mưu quân sự của đế quốc Pháp, Mỹ.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 15 tháng 3 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng **VÕ NGUYỄN GIÁP**

THƯ KÊU GỌI BỘ ĐỘI LÀM TRẬN ĐỊA TIẾN CÔNG VÀ BAO VÂY TRÊN MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Các đồng chí cán bộ và chiến sĩ chiến đấu trên mặt trận Điện Biên Phủ.

Trong đợt chiến đấu đầu tiên của chiến dịch lịch sử này, quân ta đã thắng to, quân địch đã bị thiệt hại nặng, các đồng chí đã biết.

Trung ương đã có thư khen các đồng chí, nói rõ đây là một chiến dịch lịch sử, lại dặn các đồng chí, phải chiến đấu bền bỉ, dẻo dai, chớ nên chủ quan khinh địch.

Tổng quân ủy cũng đã khen ngợi các đồng chí.

Dư luận địch lúc đầu còn che giấu, nhưng đến nay không thể bưng bít lọc nữa. Chúng nó nói: “nếu ngọn cờ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ở đây được phát cao trên chiến lũy Điện Biên Phủ thì tình thế ở Đông ương sẽ thay đổi lớn, lại có ảnh hưởng đến cục diện ở Đông Nam Á nữa”.

Chúng lo ngại nếu Pháp bại trận thì khi đi Hội nghị Giơ-ne-vơ sẽ bị lép vế.

Hôm kia, bọn cầm quyền phản động ở Pháp tổ chức mặc niệm năm phút để khuyến khích binh sĩ của chúng ở Điện Biên Phủ. Thực là bi đát!

Tất cả các báo chí lớn của Pháp đều đăng tin cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ hết cả trang đầu. Báo *Nhân Đạo*, cơ quan của Đảng Cộng sản Pháp, thì nhiệt liệt hoan hô chiến thắng của quân ta.

Tôi nói những tin đó cho các đồng chí biết để các đồng chí hiểu rõ hơn vinh dự được tham gia vào chiến dịch lịch sử này, để các đồng chí không chủ quan khinh địch nhưng càng tin tưởng và cố gắng, thấm nhuần phương châm đánh chắc tiến chắc, chiến đấu liên tục.

Hôm nay, tôi muốn nói với các đồng chí về mấy vấn đề tư tưởng và nguyên tắc chiến thuật. Nói đơn giản, các đồng chí cố nghe thì sẽ hiểu được. Không có gì khó.

Hiện nay, ta đã thắng to, địch đã thất bại nặng, nhưng địch vẫn còn mạnh. Ưu thế binh lực hỏa lực của ta đã tăng thêm, nhưng chưa phải là ưu thế tuyệt đối. Vì vậy, phải đánh chắc tiến chắc.

Địch còn mạnh ở chỗ nào?

Chúng còn mạnh vì số lượng của chúng hiện còn gần một vạn. Mặc dầu tinh thần chúng kém sút, khó khăn chúng rất nhiều, nhưng ta không nên khinh địch. Khinh địch thì sẽ thất bại.

Địch lại còn mạnh về ba điểm sau đây:

Một là chúng còn thả dù tiếp tế được. Ta khống chế sân bay nhưng chưa hoàn toàn cắt được tiếp tế của chúng.

Hai là chúng còn thả dù tiếp viện được. Ta khống chế sân bay nhưng chưa hoàn toàn cắt được tiếp viện của chúng.

Ba là pháo binh của chúng còn hoạt động mạnh, không quân của chúng cũng sẽ hoạt động ngày càng mạnh. Pháo binh và pháo cao xạ của ta chỉ mới hạn chế hoạt động của pháo binh và không quân địch đến một trình độ nào mà thôi.

Trong tình hình đó, các đồng chí có muốn khắc phục ba chỗ mạnh trên đây của địch hay không?

Tôi được báo cáo là các đồng chí rất căm tức pháo binh và phi cơ địch, rất bực tức pháo binh và phi cơ địch, rất bực dọc khi thấy chúng còn thả dù tiếp

tế và thả quân xuống được. Như vậy, tất cả các đồng chí đều muốn làm cho địch mất ba chỗ mạnh nói trên.

Cần phải làm thế nào để đi đến mục đích quan trọng đó?

Hoàn thành được trận địa tiến công và bao vây rồi, đạt được một phần lớn mục đích là làm cho địch mất dần ba chỗ mạnh nói trên thì ta sẽ làm gì nữa? Bây giờ các đồng chí hãy tập trung cố gắng hoàn thành cho xong việc xây dựng trận địa. Sau này phải làm gì, lần sau sẽ nói cho các đồng chí biết.

Tôi được báo cáo là các đồng chí đã làm trận địa mấy ngày liền, lại phải chiến đấu, rồi lại phải liên tục bắt tay vào làm trận địa, như thế có đồng chí mệt nhọc.

Nhưng ta mệt nhọc thì cần phải nhớ rằng quân địch ở trong Điện Biên Phủ còn căng thẳng và mệt nhọc hơn ta, thương binh không có hầm mà nằm, không đủ thuốc để chữa, công sự một phần bị sập, một phần bị rung chuyển, tiếp tế không đầy đủ, thỉnh thoảng lại ăn một quả đại bác của ta, lại thêm thương vong.

Như vậy, chúng ta nên nghỉ ngơi để cho kẻ địch có thì giờ mà nghỉ ngơi chán chĩnh, có thì giờ mà tăng viện, mà thả dù tiếp tế, mà phát huy hiệu lực pháo binh và không quân của chúng, hay chúng ta là chiến sĩ của Quân đội nhân dân, là đảng viên của Đảng lao động Việt Nam, lúc này phải nêu cao tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, chịu mỗi mệt hơn một phần để gây thêm 10 phần mệt mỏi và khó khăn cho địch? Giữa hai con đường đó, nên đi con đường nào? Tôi chắc các đồng chí đều đồng thanh trả lời nên phát huy truyền thống chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, chiến đấu anh dũng của quân đội ta để liên tục làm trận địa, liên tục chiến đấu với địch.

Nói như vậy, không phải là chúng ta không chú trọng đến sức khỏe của anh em. Ngược lại, cán bộ phải hết sức lo cho sức khỏe của chiến sĩ, chiến sĩ phải tự lo cho sức khỏe của mình và của đồng đội. Đặc biệt các anh nuôi cần phải cố gắng. Chỗ ăn, chỗ ngủ ở trận địa phải tốt, đừng có bữa bái. Phải có cơm nóng, nước nóng cho bộ đội. Anh em quân y phải tăng cường việc phòng bệnh. Cán bộ các cấp đều phải kiểm tra việc này, vì đó là cơ sở vật chất cho sự chiến đấu liên tục. Đó là một việc rất quan trọng.

Tôi dặn thêm các đồng chí chỉ huy và chính trị viên các cấp một điều nữa là phải làm kế hoạch trận địa cho chu đáo, phải tổ chức phân phối lực lượng cho chu đáo, để khỏi làm mất thì giờ và tăng thêm mệt mỏi cho chiến sĩ. Nhất là phải tự mình đi xuống dưới để động viên anh em và kiểm tra trận

địa. Vừa rồi, các đồng chí kiểm tra trận địa một cách đại khái cho nên nhiều nơi đã làm qua loa và làm tăng thương vong của ta.

Tôi nhấn mạnh một lần nữa cán bộ các cấp phải tự mình đi xuống dưới để kiểm tra trận địa. Đó là một nhiệm vụ. Cán bộ cấp nào không làm tròn nhiệm vụ đó sẽ bị thi hành kỷ luật.

Nói tóm lại, nhiệm vụ trung tâm trước mắt lúc này là phải xây dựng trận địa tiến công và bao vây cho nhanh chóng và đúng tiêu chuẩn, đồng thời phải chiến đấu với địch để tiêu hao chúng và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng trận địa.

Làm trận địa tức là nắm vững phương châm “đánh chắc tiến chắc”, không đánh thì thôi, nếu đánh thì nhất định thắng. Nói “đánh chắc tiến chắc” không phải là không tranh thủ thời gian. Chúng ta phải tích cực tranh thủ thời gian, vì hoàn thành trận địa sớm một ngày thì tăng khó khăn cho địch sớm một ngày, tăng điều kiện tất thắng của ta sớm một ngày. Đào thêm một thước khối đất trong lúc này tức là tích cực giành toàn thắng cho chiến dịch.

Vì nhiệm vụ trung tâm hiện nay là xây dựng trận địa, cho nên Tổng cục Chính trị đã quyết định tiêu chuẩn thứ nhất để giành lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” của Bác là việc xây dựng trận địa.

Tôi rất mong các đồng chí lập được nhiều công trong việc xây dựng trận địa và giành được lá cờ Quyết chiến quyết thắng của Bác.

Nhiệm vụ xây dựng trận địa là một nhiệm vụ chiến đấu, vinh quang không kém các cuộc chiến đấu xung phong giết giặc.

Tôi nói như trên các đồng chí đã hiểu rõ chưa? Tôi chắc các đồng chí đã hiểu rõ. Có đồng chí nào chưa hiểu rõ thì cán bộ giải thích thêm, anh em giúp đỡ thêm cho đồng chí đó.

Có nhận thức rõ nhiệm vụ thì mới phát huy được tất cả lực lượng của mình, mà phát huy được lực lượng thì nhất định hoàn thành nhiệm vụ.

Lực lượng của quân ta đã đủ sức chuyển trọng pháo hàng chục cây số trên sườn núi đã đủ sức làm mấy chục cây số đường xuyên qua núi, xây dựng trên 100 cây số trận địa, đã đủ sức tiêu diệt những đồn trại kiên cố nhất của địch. Lực lượng của chúng ta nhất định hoàn thành được nhiệm vụ xây dựng trận địa tiến công và bao vây địch, tạo điều kiện giành toàn thắng cho chiến dịch.

Các đồng chí đều có phần trách nhiệm trong nhiệm vụ quan trọng này.

Tôi bắt tay các đồng chí và chúc các đồng chí cố gắng.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 20 tháng 3 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

**ĐIỆN KHEN CÁC ĐƠN VỊ BỘ ĐỘI CHỦ LỰC,
BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG VÀ DÂN QUÂN DU KÍCH
CHIẾN THẮNG TRÊN ĐƯỜNG SỐ 5**

Bộ Tổng tư lệnh gửi lời nhiệt liệt khen ngợi các đồng chí, sau khi đánh đổ nhiều đoàn tàu của địch trong tháng 1 và tháng 2, đã mở một cuộc tiến công mạnh trong tháng 3 vào hệ thống phòng thủ của địch ở Đường số 5, tiêu diệt nhiều vị trí và tháp canh, tiêu diệt nhiều đội quân tiếp viện của địch, đặc biệt đã phá hủy nhiều cầu cống và nhiều đoạn đường sắt, mấy lần cắt đứt con đường chiến lược quan trọng bậc nhất của địch ở chiến trường Bắc Bộ.

Chiến thắng đường số 5 đánh vào đường giao thông huyết mạch của địch, đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, thu hút bộ phận cơ động của chúng, nhất là đã làm gián đoạn sự vận chuyển bom đạn của Mỹ từ Hải Phòng lên Hà Nội và đi các mặt trận. Việc đó đã có tác dụng phối hợp chặt chẽ với cuộc chiến đấu của quân ta ở Điện Biên Phủ và ở các chiến trường khác.

Cùng với chiến thắng trong trận tập kích vào sân bay Gia Lâm và sân bay Cát Bi, các trận chiến thắng trên đường số 5 đã nêu cao tinh thần bất khuất của quân và dân ta trong vùng sau lưng địch, đồng thời đã chứng tỏ sự thất bại của địch trong âm mưu “bình định” vùng địch hậu ở đồng bằng Bắc Bộ. Mặc dầu quy mô và trình độ chiến thuật, kỹ thuật có khác nhau, tinh thần chiến đấu anh dũng của các đồng chí không kém tinh thần quyết chiến, quyết thắng của cán bộ và chiến sĩ ta trên mặt trận Điện Biên Phủ.

Các đồng chí cần ra sức củng cố và khuếch trương thắng lợi, đẩy mạnh chiến tranh du kích, tích cực giúp dân chống giặc, đề phòng chủ quan khinh

địch, tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cuộc vây hãm địch của quân ta ở Điện Biên Phủ.

Chúc các đồng chí thu nhiều thắng lợi mới.

Chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 23 tháng 3 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng **VÕ NGUYỄN GIÁP**

THƯ GỬI CÁN BỘ VÀ CHIẾN SĨ TRƯỚC ĐỢT TIẾN CÔNG VÀO KHU ĐÔNG TẬP ĐOÀN CỬ ĐIỂM ĐIỆN BIÊN PHỦ

Các đồng chí.

1. Hôm nọ tôi đã có thư cho các đồng chí về việc xây dựng trận địa tiến công và bao vây và hứa với các đồng chí lúc nào xây dựng gần xong, thì sẽ nói cho các đồng chí biết chúng ta cần phải làm gì nữa để giành thắng lợi mới cho chiến dịch.

Hôm nay trận địa tiến công và bao vây của chúng ta phần lớn đã hoàn thành, đó thật là một công trình to lớn. Công trình đó đã giúp ta thắt chặt vòng vây, hạn chế tiếp viện và tiếp tế của địch. Không những thế, trận địa của ta lại đặt cả khu vực tung thâm của địch và trong tầm hỏa lực súng cối của ta, đồng thời giúp cho quân ta vận động tiếp cận để tiến công địch. Trận địa tiến công và bao vây đã làm cho bao nhiêu cuộc ném bom dữ dội của quân địch gần như vô hiệu quả. Trận địa tiến công và bao vây sẽ đem lại cho ta nhiều thắng lợi mới.

2. Hôm nay tôi nói cho các đồng chí biết một việc rất quan trọng: Bộ Tổng Tư lệnh đã quyết định mở cuộc tiến công lớn vào quân địch ở Điện Biên Phủ.

Cuộc tiến công này nhằm ba mục đích sau đây:

Một là, tiêu diệt thật nhiều địch trong nhiều cuộc chiến đấu liên tiếp. Muốn đạt mục đích đó thì không những phải đánh nhiều điểm một lần mà còn phải có những đơn vị vô cùng anh dũng quả cảm, đánh sâu vào tung thâm của địch, làm cho địch rối loạn và tiêu diệt thật nhiều sinh lực của chúng, tiêu diệt một số cơ quan chỉ huy của chúng.

Hai là, phá hủy và đánh chiếm một bộ phận các trận địa hỏa lực của địch, làm cho chúng mất chỗ dựa, rồi dùng ngay trận địa hỏa lực của chúng mà bắn vào đầu chúng.

Ba là, đánh chiếm những địa hình có lợi cho ta chiếm giữ những nơi đó, dùng làm trận địa của ta để tiến tới mọi bước uy hiếp thật mạnh bọn địch còn lại.

Cuộc chiến đấu sắp tới quan trọng như vậy đó, tôi chắc các đồng chí nghe thì thích lắm.

Đánh như vậy đã phải là tổng công kích chưa.

Trả lời: chưa phải là tổng công kích, vì hiện quân địch còn lại có nhiều lực lượng. Nhưng trận đánh này sẽ có tác dụng quyết định để tạo điều kiện cho quân ta tiến tới tổng công kích.

3. Vì sao Bộ Tổng Tư lệnh quyết định đánh một trận quan trọng như thế.

Vì Bộ nhận định rằng, quân ta có bốn điều kiện tất thắng sau đây:

a) Chúng ta lần này, tập trung ưu thế tuyệt đối binh lực cũng như hỏa lực, nhất là do các cỡ súng cối của ta đều có thể bắn thẳng và bắn ngay vào khu vực tung thâm của địch.

b) Ta có một trận địa tiến công và bao vây khá vững như vậy trong cuộc chiến đấu này, quân ta vẫn nắm vững phương châm đánh chắc, tiến chắc.

c) Bộ đội ta trải qua các cuộc chiến đấu thắng lợi vừa qua lại trải qua việc xây dựng trận địa thành công, đã có kinh nghiệm đánh tập đoàn cứ điểm hơn trước, tin tưởng nhất định đánh được và có quyết tâm đánh cho kỳ được.

d) Tinh thần của địch ở trong vòng vây ngày càng kém sút, thương binh nhiều, tiếp tế khó khăn ngày càng mong máy bay bắn phá được các trận địa hỏa lực của ta và sát thương bộ đội ta nhưng vô hiệu quả, chúng càng lo lắng hoang mang.

Đó là bốn điều kiện để ta thắng.

4. Tuy nhiên đánh lớn như lần này, chúng ta không phải không có khó khăn nào cả.

a) Khó khăn thứ nhất là một số đồng chí không nhận rõ tình hình địch, ta, sinh ra chủ quan khinh địch, do đó mà lơ là việc tổ chức chiến đấu, dễ đưa đến thất bại. Một số đồng chí lại chưa nhận rõ tính chất quan trọng của cuộc chiến đấu sắp tới, do đó không cố gắng đến tột bậc, dễ coi thường nhiệm vụ.

Các đồng chí cần khắc phục những hiện tượng sai lầm nói trên, như vậy ta nhất định thắng.

b) Khó khăn thứ hai là việc tổ chức chiến đấu. Đánh điểm thì phải tổ chức việc đột phá cho nhanh, đừng mắc phải những khuyết điểm trước đây. Đánh thọc sâu vào tung thâm của địch thì phải tổ chức bộ đội cho mạnh và gọn, đủ bộc phá, đủ các thứ vũ khí nhẹ, đủ xung lực. Ngoài ra còn những khó khăn khác nữa về tổ chức chiến đấu như tiến quân ban ngày, như làm thế nào để tránh ùn, như nắm vững thông tin liên lạc v.v. Đó là những khó khăn cụ thể, nếu cán bộ và chiến sĩ đều chú ý khắc phục thì ta nhất định thắng.

5. Nói tóm lại, trận chiến đấu sắp đến lớn hơn các trận chiến đấu trước nhiều. Vậy thì phải làm thế nào để bảo đảm được thắng lợi?

Trả lời: Chỉ cần làm đúng một yêu cầu là tất cả các cán bộ và chiến sĩ đều phải thấm nhuần quyết tâm của trên, khi ra trận phải kiên quyết dũng cảm, đánh nhanh, giải quyết nhanh, đánh mạnh như vũ bão, không để mất một cơ hội nào để tiêu diệt địch. Người trước ngã, kẻ sau lên, cán bộ và đảng viên làm gương cho toàn quân, mỗi một chiến sĩ đều làm gương khi xung phong giết giặc, mọi người đều có một khí thế rất lớn, không sợ khó khăn, không sợ thương vong, làm cho quân địch thấy bóng quân ta là khiếp sợ. Tất cả đều phải có một quyết tâm như vậy, đều phải thi đua nêu cao lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” của Hồ Chủ tịch.

Các đồng chí!

Đánh thắng trận này, chúng ta sẽ làm cho địch tổn thất rất nặng, tạo điều kiện đầy đủ để tiến tới tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

Đánh thắng trận này, quân ta sẽ tiến bộ một bước mới, đi từ chỗ tiêu diệt từng tiểu đoàn địch trong một trận công kiên đến chỗ tiêu diệt mấy tiểu đoàn trong một trận.

Đây là một cuộc thử thách lớn đối với toàn thể cán bộ và chiến sĩ.

Toàn quân ta trên các mặt trận, đồng bào ta ở khắp toàn quốc đang chờ mong tin chiến thắng này.

Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đang mong chờ tin chiến thắng này.

Tất cả các đồng chí, tất cả các đơn vị, tất cả các binh chủng đều phải nêu cao quyết tâm, hoàn thành cho kỳ được nhiệm vụ vẻ vang sắp tới.

Chúc các đồng chí lập được nhiều chiến công rực rỡ!

Bắt tay các đồng chí trước khi các đồng chí ra trận.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 29 tháng 3 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng **VÕ NGUYỄN GIÁP**

**LỆNH ĐỘNG VIÊN TOÀN THỂ CÁN BỘ VÀ CHIẾN SĨ,
TOÀN THỂ CÁC ĐƠN VỊ, TOÀN THỂ CÁC BINH CHŨNG,
MỞ CUỘC ĐẠI TIẾN CÔNG VÀO TẬP ĐOÀN CỨ ĐIỂM ĐIỆN BIÊN PHỦ**

Hỡi toàn thể cán bộ và chiến sĩ!

Chiến dịch Điện Biên Phủ sắp bắt đầu.

Đây là chiến dịch công kiên quy mô lớn nhất trong lịch sử quân đội ta từ trước đến nay.

Trong ba tháng nay, kể từ khi quân địch nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, quân ta đã vây hãm và giam giữ chủ lực của chúng ở đó, tạo điều kiện để liên tiếp đánh bại chúng trên khắp các chiến trường toàn quốc.

Ngày nay Lai Châu đã giải phóng, phòng tuyến sông Nậm Hu của giặc đã tan vỡ, Phong Sa Lý cũng không còn bóng giặc; Điện Biên Phủ đã trở thành một tập đoàn cứ điểm hoàn toàn cô lập chơ vơ ở giữa hậu phương rộng lớn của ta.

Ngày nay, đã đến lúc chủ lực ta mở cuộc tiến công vào Điện Biên Phủ.

Đánh thắng ở Điện Biên Phủ, chúng ta sẽ tiêu diệt được một bộ phận sinh lực rất quan trọng của giặc, giải phóng toàn bộ lãnh thổ Tây Bắc, mở rộng và củng cố hậu phương rộng lớn của cuộc kháng chiến, góp phần bảo đảm cho cuộc cải cách ruộng đất thành công.

Đánh thắng ở Điện Biên Phủ, quân đội nhân dân anh dũng của chúng ta sẽ tiến bộ một bước dài, cuộc kháng chiến của ta sẽ thu được một thắng lợi rất quan trọng.

Đánh thắng ở Điện Biên Phủ, chúng ta sẽ phá tan kế hoạch Na-va hiện đã bị thất bại nặng, sẽ giáng một đòn chí tử vào âm mưu mở rộng chiến tranh của bọn đế quốc Pháp - Mỹ. Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi sẽ có một ảnh hưởng vang dội trong nước và ngoài nước, sẽ là một cống hiến xứng

đáng vào phong trào hòa bình thế giới đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Miên Lào, nhất là trong lúc Chính phủ Pháp bị thất bại liên tiếp, đã bắt đầu phải nói đến việc điều đình để hòa bình giải quyết vấn đề chiến tranh ở Đông Dương.

Theo lệnh của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch...

Trong khi trên các chiến trường toàn quốc, bộ đội ta đang ra sức giết giặc để phối hợp với chúng ta.

Tôi kêu gọi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, toàn thể các đơn vị, toàn thể các binh chủng trên mặt trận Điện Biên Phủ.

Phải nhận rõ vinh dự được tham gia vào chiến dịch lịch sử này.

Phải có một quyết tâm giết giặc rất cao.

Phải nắm vững phương châm “đánh chắc, tiến chắc”

Phải vượt qua mọi gian khổ,

Khắc phục mọi khó khăn,

Hiệp đồng chặt chẽ,

Chiến đấu liên tục,

Tiêu diệt toàn bộ quân địch tại Điện Biên Phủ, giành đại thắng cho chiến dịch.

Giờ ra trận đã đến!

Tất cả các cán bộ và chiến sĩ, tất cả các đơn vị, tất cả các binh chủng hãy dũng cảm tiến lên, thi đua lập công, giật lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” của Hồ Chủ tịch.

Tháng 3 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

NĂM ĐIỀU KỶ LUẬT CHIẾN TRƯỜNG THI HÀNH TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

Để thực hiện quyết tâm của Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng và Chính phủ.

Để đảm bảo sự chấp hành triệt để mệnh lệnh tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh.

Để cho tất cả các binh chủng bộ binh, pháo binh, công binh phát huy đến cao độ tinh thần chiến đấu dũng cảm và hiệu lực kỹ thuật của mình.

Để cho mỗi một người cán bộ và chiến sĩ nhận rõ trách nhiệm của mình trước toàn quân trong cuộc chiến đấu to lớn sắp đến.

Để giành thắng lợi hoàn toàn cho chiến dịch.

Bộ Tổng tư lệnh quyết định công bố năm điều kỷ luật chiến trường sau đây để toàn thể cán bộ và chiến sĩ triệt để tuân theo:

1. Cán bộ và chiến sĩ người nào, đơn vị nào giữ vững quyết tâm trong mọi tình huống, đặc biệt trong những tình huống khẩn trương, gay go triệt để chấp hành mệnh lệnh cấp trên, chiến đấu anh dũng, tiêu diệt nhiều địch, bắt nhiều tù binh, thu nhiều vũ khí, bắn rơi nhiều phi cơ, v.v... hoàn thành nhiệm vụ tác chiến, thì được khen thưởng.

Người nào, đơn vị nào tỏ ra dao động, không triệt để chấp hành mệnh lệnh, lùi bước trước quân địch, do dự trước khó khăn, kiếm cớ trốn tránh nhiệm vụ, thì bị trừng phạt.

2. Cán bộ và chiến sĩ người nào, đơn vị nào giữ đúng kỷ luật bí mật, phòng không, phòng gian, nhất là trong trường hợp hành quân trú quân gần địch, không tiết lộ bí mật kế hoạch tác chiến, và hành động của bộ đội thì được khen thưởng.

Người nào, đơn vị nào kém tinh thần cảnh giác không giữ đúng kỷ luật bí mật, phòng không, phòng gian, để tiết lộ kế hoạch tác chiến và hành động của bộ đội, để lộ đường hành quân và vị trí trú quân, gây thiệt hại cho bộ đội, làm ảnh hưởng đến thắng lợi của chiến dịch, thì bị trừng phạt.

3. Cán bộ và chiến sĩ người nào, đơn vị nào giữ đúng kỷ luật thời gian, hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị bạn, giữa bộ binh với pháo binh, giữa bộ binh với bộ binh, v.v... hoàn thành nhiệm vụ tác chiến, thì được khen thưởng.

Người nào, đơn vị nào không theo đúng kỷ luật thời gian, không phối hợp chặt chẽ với đơn vị bạn, khiến bản thân mình không làm tròn nhiệm vụ lại gây tổn thất và khó khăn cho đơn vị bạn, thì bị trừng phạt.

4. Cán bộ và chiến sĩ người nào trong trường hợp chiến đấu gay go, thương vong nhiều, mà vẫn tích cực khẩn trương, nhanh chóng chấn chỉnh bộ đội để chiến đấu liên tục, nắm vững thời cơ, tiêu diệt nhiều địch, thì được khen thưởng.

Người nào, đơn vị nào không tích cực khẩn trương, chậm chạp uể oải, không chú ý chấn chỉnh bộ đội, do đó bỏ qua cơ hội, không chiến đấu liên tục, không làm tròn nhiệm vụ, thì bị trừng phạt.

5. Cán bộ và chiến sĩ người nào, đơn vị nào chấp hành đúng chính sách thương binh tử sĩ, chính sách chiến lợi phẩm, chính sách tù hàng binh, thì được khen thưởng.

Người nào, đơn vị nào không chấp hành đúng chính sách thương binh tử sĩ, hủy hoại hoặc sử dụng bừa bãi chiến lợi phẩm, bắn giết, hành hạ tù hàng binh, thì bị trừng phạt.

Tháng 3 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

THƯ KÊU GỌI CÁC CHIẾN SĨ ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐẨY MẠNH CUỘC THI ĐUA ĐÁNH TỬA QUÂN ĐỊCH

Hỡi các chiến sĩ bắn súng trường!

Hỡi các chiến sĩ bắn súng máy!

Hỡi các chiến sĩ bắn súng cối!

Hỡi các chiến sĩ pháo binh!

Sau những thắng lợi to lớn của quân ta ở Điện Biên Phủ, hiện nay trận địa bao vây của ta đã tiến sát đến khu trung tâm của địch.

Khu trung tâm của chúng hiện đã ở vào trong tầm hoạt động của các cỡ hỏa lực của ta.

Để làm cho địch càng ngày càng bị tiêu hao mệt mỏi, tinh thần sút kém, thương vong chồng chất,

Để làm cho địch luôn luôn lo sợ và căng thẳng, ăn không ngon, ngủ không yên, bất cứ lúc nào cũng có thể bị ta bắn chết,

Để tạo điều kiện cho quân ta giành được những thắng lợi lớn hơn, tiến tới tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ,

Tôi kêu gọi:

Toàn thể các chiến sĩ bắn súng trường,

các chiến sĩ bắn súng máy,

các chiến sĩ bắn súng cối,

các chiến sĩ pháo binh,

Hãy phát huy cao độ tinh thần tích cực diệt địch, nỗ lực thi đua đánh tửa quân địch ở Điện Biên Phủ.

Một viên đạn, một tên địch.

Kiên nhẫn tích cực, nhằm đúng mục tiêu, hễ bắn là trúng.

Đồng chí nào sẽ là người chiến sĩ bắn súng trường giỏi nhất trên mặt trận Điện Biên Phủ?

Đồng chí nào sẽ là người bắn súng máy, súng cối giỏi nhất, sẽ là người chiến sĩ pháo binh giỏi nhất trên mặt trận Điện Biên Phủ?

Bộ Tổng tư lệnh đang chờ thành tích của các đồng chí để khen thưởng các đồng chí và đơn vị của các đồng chí.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 22 tháng 4 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

THƯ GỬI TOÀN THỂ ANH CHỊ EM DÂN CÔNG SỬA ĐƯỜNG

Chiến dịch lịch sử của chúng ta đã thu được thắng lợi lớn. Quân địch đang gặp rất nhiều khó khăn, nhưng chúng còn ra sức chống giữ.

Âm mưu của chúng là tích cực đánh phá đường vận tải của ta, mong gây cho ta những khó khăn về cung cấp, nhất là trong mùa mưa sắp tới.

Vì vậy nhiệm vụ của anh chị em rất nặng nề và quan trọng. Nó đòi hỏi một tinh thần hy sinh dũng cảm, một tinh thần phục vụ bền bỉ dẻo dai cũng như tinh thần xung phong giết giặc của anh em chiến sĩ ở mặt trận.

Mong anh chị em ra sức thi đua bảo đảm đường sá thông suốt, bảo đảm cho bộ đội có đủ cơm ăn và có đủ vũ khí đạn dược để giết giặc, góp phần vào thắng lợi lớn của chiến dịch lịch sử này.

Chào thân ái và quyết thắng

Tháng 4 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

THÔNG CÁO CỦA BỘ TỔNG TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

QUÂN TA ĐÃ TOÀN THẮNG TRÊN MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ, THU ĐƯỢC MỘT CHIẾN THẮNG VĨ ĐẠI CHƯA TỪNG CÓ TRONG LỊCH SỬ ĐẤU TRANH VŨ TRANG CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM.

Chiến dịch Điện Biên Phủ to lớn của quân ta chính thức bắt đầu vào ngày 13-3-1954, ngày quân ta mở cuộc tiến công đầu tiên vào các cứ điểm ngoại vi của tập đoàn cứ điểm. Binh lực của địch lúc đó có 12 tiểu đoàn bộ binh và quân nhảy dù, ba tiểu đoàn trọng pháo và trọng bức kích pháo. Sau mấy đợt tiến công liên tiếp và thắng lợi của quân ta, quân địch bị thất bại, phải lần lượt tăng thêm năm tiểu đoàn quân nhảy dù tinh nhuệ nữa, cộng với một số đơn vị và binh chủng chuyên môn khác, tất cả có trên 21 tiểu đoàn và 10 đại đội. Quân địch bố trí thành một tập đoàn cứ điểm lớn, kiên cố hơn Nà Sản nhiều, gồm nhiều tập đoàn cứ điểm nhỏ hợp lại, cộng tất cả là 49 cứ điểm, đóng trên một khu vực dài 12 cây số, rộng sáu cây số, có hai trường bay lớn, phi cơ hạng nặng có thể lên xuống được.

Cuộc tiến công của quân ta vào Điện Biên Phủ kể từ ngày 13-3-1954 cho đến ngày 6 tháng 5 là ngày quân ta phát động cuộc tổng công kích đã tiếp diễn liên tục và mãnh liệt trong suốt 55 ngày đêm. Cho đến 22 giờ ngày 7 tháng 5 thì quân ta tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã thu được toàn thắng.

Theo những thống kê đầu tiên, quân ta đã tiêu diệt 17 tiểu đoàn bộ binh và quân nhảy dù của địch, ba tiểu đoàn trọng pháo và trọng bức kích pháo, ngoài ra còn nhiều đơn vị cơ giới, không quân, công binh, vận tải, v.v... cũng bị tiêu diệt không một tên nào chạy thoát. Tổng cộng có trên 21 tiểu đoàn bộ binh và quân nhảy dù và 10 đại đội ngụy bổ sung, quân số có đến 16.200 tên địch đã bị quân ta tiêu diệt hoàn toàn.

a) Sau đây là phiên hiệu các đơn vị của địch bị ta tiêu diệt:

1. Binh đoàn nhảy dù số 2 (GAP 2) gồm bảy tiểu đoàn dù:

Tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 (1e BPC), tiểu đoàn dù lê dương số 1 (1e BEP), tiểu đoàn dù thuộc địa số 2 (2e BPC), tiểu đoàn dù lê dương số 2 (2e BEP) tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 (6e BPC) tiểu đoàn dù thuộc địa số 8 (8e BPC), tiểu đoàn dù ngụy số 5 (5e BPVN).

2. Binh đoàn cơ động số 9 (GM 9) gồm sáu tiểu đoàn bộ binh:

Tiểu đoàn thứ 1 thuộc bán lữ đoàn lê dương số 13 (1/13 DBLE) tiểu đoàn thứ 3 thuộc bán lữ đoàn lê dương số 13 (3/13 DBLE), tiểu đoàn thứ 1 thuộc trung đoàn lê dương số 2 (1/2 REI), tiểu đoàn thứ 3 thuộc trung đoàn Bắc Phi An-giê-ri số 3 (3/3 RTA), tiểu đoàn thứ 1 thuộc trung đoàn Bắc Phi Maroc số 4 (1/4 RTM), tiểu đoàn ngự Thái số 2 (2e BT).

3. Binh đoàn cơ động số 6 (GM 6) gồm bốn tiểu đoàn bộ binh:

Tiểu đoàn thứ 3 trung đoàn lê dương số 3 (3/3 REI), tiểu đoàn thứ 2 thuộc trung đoàn Bắc Phi An-giê-ri số 1 (2/1 RTA), tiểu đoàn thứ 5 thuộc trung đoàn Bắc Phi An-giê-ri số 7 (5/7 RTA), tiểu đoàn ngự Thái số 3 (3e BT).

4. Hai tiểu đoàn và một đại đội trọng pháo 155 ly, 105 ly và một tiểu đoàn trọng bức kích pháo 120 ly cộng 48 khẩu thuộc trung đoàn pháo binh thuộc địa số 4 (4e RAC).

5. Hai trung đội phòng không 12ly 7.

6. Một tiểu đoàn công binh, một đại đội cơ giới có 10 xe tăng 18 tấn, đại đội vận tải có 120 xe các loại.

7. Căn cứ không quân Điện Biên Phủ trong đó có một đội không quân thường trực gồm năm chiếc phi cơ thám thính, bảy chiếc phi cơ khu trục, bốn chiếc phi cơ vận tải, một chiếc phi cơ trực thăng, cộng 17 chiếc và cơ quan phụ trách không quân.

8. Các cơ quan chỉ huy và trực thuộc như tình báo quân sự, thông tin, hậu cần, quân y, hiến binh, đội sửa chữa xe cộ và cơ giới, v.v...

9. Mười đại đội ngự bổ sung người Thái.

Ngoài ra còn một số bộ binh lẻ thuộc các đơn vị cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ mà địch điều động đến và bắt buộc nhảy dù xuống Điện Biên Phủ để bổ sung cho các đơn vị bị hao hụt. Địch đã gọi bọn này là "bộ đội tình nguyện nhảy dù tăng viện" cho Điện Biên Phủ.

b) Trong số quân địch bị chết hoặc bị bắt làm tù binh, có:

- Toàn bộ cơ quan tổng chỉ huy của địch ở Điện Biên Phủ.

Toàn bộ ba bộ chỉ huy ba phân khu Nam, Bắc và Trung tâm.

Ba bộ chỉ huy của ba binh đoàn cơ động và tất cả các ban chỉ huy các tiểu đoàn bộ binh và binh chủng nói trên.

Sĩ quan cao cấp hiện đã biết rõ có:

Tên thiếu tướng Đờ Cát-tơ-ri, tư lệnh quân khu Tây Bắc kiêm tư lệnh Điện Biên Phủ, bị bắt sống.

16 tên quan năm vừa bị bắt vừa bị giết, trong đó có:

Tên quan năm Tơ-răng-ca (Trancart) tư lệnh phó thứ nhất phụ trách công việc địa phương Tây Bắc.

Tên quan năm Gốt-sê (Gaucher), tư lệnh phó thứ hai kiêm tư lệnh phân khu miền Bắc và chỉ huy trưởng binh đoàn cơ động số 9.

Tên quan năm Lãng-gơ-le (Langlais), tư lệnh phó thứ ba kiêm chỉ huy trưởng binh đoàn cơ động quân nhảy dù số 2.

Tên quan năm Pi-rốt (Piroth) tư lệnh phó thứ tư kiêm chỉ huy trưởng pháo binh.

Tên quan năm An-li-ơ (Allieu), tư lệnh phân khu miền Nam kiêm chỉ huy trưởng binh đoàn cơ động số 6.

- Tên quan năm Guýt (Guth), tham mưu trưởng Điện Biên Phủ.

Tên quan năm Đu-cruých (Ducruix), thay cho Guýt tử trận.

- Tên quan năm Gơ-ranh (Guerin), tư lệnh không quân Điện Biên Phủ.

Tên quan năm Vay-ăng (Vaillant), tư lệnh pháo binh thay An-li-ơ (Anllieu).

Tên quan năm Lơ-mơ-ni-ê (Lemeunier), tư lệnh phó phân khu Trung tâm.

Tên quan năm Sê-ganh Pác-di (Séguin Parzies) tham mưu trưởng thay Đu-cruých (Ducruix), v.v...

Tổng số sĩ quan bị giết và bị bắt từ quan một đến quan tư là 353 tên, tổng số hạ sĩ quan bị giết và bị bắt là 1.396 tên. Cộng tất cả là 1.749 tên.

Tổng cộng số phi cơ bị bắn rơi và bị phá hủy ở ngay mặt trận có 57 chiếc, ngoài ra còn năm chiếc bị bắn rơi trên tuyến cung cấp cho mặt trận. Tổng cộng là 62 chiếc đủ loại, trong đó có những phi cơ oanh tạc hạng nặng B.24, phi cơ phóng pháo B.26, phi cơ vận tải hạng nặng C.119 và phi cơ khu trục Hen-đi-vơ, đều hoàn toàn là của Mỹ viện trợ cho Pháp.

Quân ta thu toàn bộ vũ khí và toàn bộ kho tàng đạn dược, quân trang quân dụng trong tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, hiện chưa có thống kê đầy đủ...

Chiến dịch Điện Biên Phủ đã thu được thắng lợi vĩ đại như trên là do sự chỉ đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng và Chính phủ, do tinh thần chiến đấu tích cực bên bờ và anh dũng, tinh thần chịu đựng gian khổ rất cao và sự trưởng thành vượt bậc của toàn thể cán bộ và chiến sĩ trên mặt trận Điện Biên Phủ, do tinh thần tích cực phục vụ tiền tuyến của đồng bào hậu phương và các anh chị em dân công, do sự phối hợp hoạt động rất đặc

lực của quân đội và nhân dân trên các chiến trường toàn quốc. Thắng lợi Điện Biên Phủ là một thắng lợi rất to lớn xưa nay chưa từng có trong lịch sử đấu tranh vũ trang của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngày 8 tháng 5 năm 1954

(Trích thông cáo của Bộ Tổng tư lệnh).

THƯ GỬI CÁC ANH EM THƯƠNG BỆNH BINH MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Tôi vui mừng báo tin để các đồng chí biết rằng: ngày 7 tháng 5, quân đội nhân dân anh hùng của chúng ta đã tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ, gồm 21 tiểu đoàn quân tinh nhuệ, cộng 1 vạn 6 nghìn 2 trăm tên, giải phóng toàn bộ lãnh thổ Tây Bắc.

Chiến dịch Điện Biên Phủ đã toàn thắng, chúng ta đã thực hiện được quyết tâm của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, tạo điều kiện cho những thắng lợi lớn lao hơn nữa của quân và dân ta. Tiêu diệt quân địch tại Điện Biên Phủ, chúng ta đã ủng hộ một cách thiết thực và đặc lực cuộc đấu tranh giành ruộng đất của nông dân và cuộc đấu tranh ngoại giao của Đoàn đại biểu Chính phủ ta tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.

Có được những thắng lợi vẻ vang đó là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch, nhờ nhân dân ta hết sức phục vụ tiền tuyến, một phần quan trọng là nhờ tinh thần dũng cảm chiến đấu, chịu đựng gian khổ của quân đội nhân dân ta. Trong suốt chiến dịch, các đồng chí đã nêu cao những hành động gương mẫu của quân đội nhân dân cách mạng, các đồng chí rất xứng đáng là người con ưu tú bảo vệ Tổ quốc, người chiến sĩ bảo vệ hòa bình và dân chủ thế giới. Bác có lời hỏi thăm và khen ngợi các đồng chí.

Các đồng chí!

Bọn đế quốc Pháp - Mỹ thua to đã buộc phải bàn đến việc giải quyết hòa bình vấn đề Đông Dương ở Hội nghị Giơ-ne-vơ, nhưng chúng hết sức ngoan cố, chúng vẫn mưu phá hoại Hội nghị và tiếp tục mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta, chúng ta phải hết sức cảnh giác, phải luôn nhớ lời Bác dạy: "Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bước đầu... Bất kỳ đấu tranh về quân sự hay ngoại giao cũng đều phải đấu tranh trường kỳ gian khổ mới đi đến

thắng lợi hoàn toàn” Chúng ta phải sẵn sàng phá tan những âm mưu mới của chúng, đánh cho chúng những đòn nặng hơn nữa.

Các đồng chí!

Trong lúc quân ta vui mừng với chiến thắng, phấn khởi tấp nập chuẩn bị khuếch trương thắng lợi, thì các đồng chí còn nằm điều trị tại các bệnh viện. Các đồng chí vui mừng với chiến thắng, với thành tích xứng đáng của mình, nhưng không khỏi nóng ruột, mong chóng khỏi để trở về đơn vị tiếp tục nhận nhiệm vụ. Tinh thần đó rất đáng khen ngợi. Tôi mong các đồng chí yên tâm tĩnh dưỡng, chúc các đồng chí mau chóng lành mạnh để trở về đơn vị tiếp tục chiến đấu, lập nhiều thành tích mới.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 11 tháng 5 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng **VÕ NGUYỄN GIÁP**

NHẬT LỆNH NHÂN DỊP CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ*

Hỡi toàn thể các cán bộ và chiến sĩ các đơn vị bộ binh, pháo binh, pháo cao xạ, công binh chiến thắng trên mặt trận Điện Biên Phủ!

Hỡi toàn thể các cán bộ và chiến sĩ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích khắp các chiến trường toàn quốc!

Hôm nay, tại Điện Biên Phủ giải phóng, tôi trân trọng gửi lời chào mừng đại thắng tới toàn thể cán bộ và chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ, tới toàn thể cán bộ và chiến sĩ khắp các chiến trường toàn quốc.

Theo lệnh Chính phủ và Hồ Chủ tịch, tôi trân trọng tuyên dương công trạng trong toàn thể quân đội nhân dân Việt Nam chiến công to lớn của các cán bộ và chiến sĩ các đơn vị bộ binh, pháo binh, pháo cao xạ, công binh đã đại thắng quân địch tại Điện Biên Phủ.

Tôi kính cảm nghiêng mình trước anh linh các liệt sĩ Điện Biên Phủ đã hy sinh oanh liệt cho thắng lợi lịch sử này.

* Đọc trong lễ duyệt binh ngày 13 tháng 5 năm 1954 tại Điện Biên Phủ.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là một thắng lợi vĩ đại xưa nay chưa từng có trong lịch sử chiến đấu của quân đội ta. Chúng ta đã tiêu diệt hơn 1 vạn 6 nghìn quân chủ lực tinh nhuệ của địch trong một tập đoàn cứ điểm kiên cố nhất của chúng. Chúng ta đã giải phóng toàn bộ căn cứ địa Tây Bắc, mở rộng và củng cố hậu phương rộng lớn của cuộc kháng chiến góp phần bảo đảm cho cuộc cải cách ruộng đất thành công.

Cùng với các đơn vị chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích khắp toàn quốc, cùng với Quân Giải phóng Pa-thét Lào... chúng ta đã đánh bại kế hoạch Na-va, đã giáng một đòn rất nặng vào âm mưu mở rộng chiến tranh của bọn thực dân hiếu chiến Pháp và bọn can thiệp Mỹ.

Trải qua chiến dịch Điện Biên Phủ, quân đội ta đã trưởng thành vượt bậc, từ chỗ đánh công kiên quy mô nhỏ tiêu diệt từng tiểu đoàn của địch tiến đến chỗ đánh công kiên có tính chất trận địa quy mô tương đối lớn, tiêu diệt hơn 21 tiểu đoàn của địch. Sự trưởng thành đó là một cơ sở vững chắc để quân ta tiến tới tiêu diệt địch nhiều hơn, để đưa cuộc kháng chiến đến những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Quân ta đã đại thắng ở Điện Biên Phủ, đó là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch.

Quân ta đã đại thắng ở Điện Biên Phủ, đó là nhờ ở tinh thần chiến đấu dũng cảm gan dạ, bền bỉ, ở tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn của toàn thể cán bộ và chiến sĩ Điện Biên Phủ. Tinh thần đó cần được củng cố và phát huy hơn nữa.

Quân ta đã đại thắng ở Điện Biên Phủ, đó là nhờ ở tinh thần tích cực phục vụ tiền tuyến của anh chị em dân công, của đồng bào Tây Bắc và đồng bào hậu phương. Thay mặt bộ đội, tôi xin tỏ lòng biết ơn toàn thể anh chị em dân công, biết ơn toàn thể đồng bào.

Quân ta đã đại thắng ở Điện Biên Phủ, đó là nhờ ở sự phối hợp rất đặc lực của các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích trên các chiến trường toàn quốc. Ở đồng bằng Bắc Bộ, chiến tranh du kích đã phát triển mạnh hơn bao giờ hết, bộ đội ta đã nhiều lần cắt đứt đường số 5, đã từng tập kích thắng lợi vào các sân bay Gia Lâm và Cát Bi. Ở Bình - Trị - Thiên, quân ta đã hoạt động mạnh. Ở Liên khu 5 quân ta đã giải phóng Kon Tum, đánh sâu vào sau lưng địch, làm cho chúng không thực hiện được âm mưu đánh chiếm các vùng tự do của ta. Ở Nam Bộ, chiến tranh du kích đã phát triển mạnh và thu được nhiều thắng lợi. Tôi nhiệt liệt khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ trên khắp các chiến trường toàn quốc.

Quân ta đã đại thắng ở Điện Biên Phủ, đó là nhờ ở sự phối hợp chặt chẽ của Quân Giải phóng Pa-thét Lào... Thay mặt quân đội nhân dân Việt Nam, tôi nhiệt liệt hoan nghênh tinh thần đoàn kết chiến đấu của Quân Giải phóng Pa-thét Lào...

Hôm nay, nhân ngày lễ chiến thắng này, nhân danh Tổng tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam, tôi hạ lệnh cho toàn thể cán bộ và chiến sĩ trên mặt trận Điện Biên Phủ và trên khắp các chiến trường toàn quốc:

1. Phải nhận rõ ý nghĩa to lớn của chiến thắng Điện Biên Phủ, đồng thời phải nhận rõ âm mưu thâm độc của bọn hiếu chiến Pháp và bọn can thiệp Mỹ, tuyệt đối không chủ quan tự mãn, không chủ quan khinh địch, phải tỉnh táo đề phòng, kiên quyết chiến đấu chống mọi âm mưu mới của địch.

2. Phải nỗ lực học tập kinh nghiệm quý báu của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, ra sức phát huy tinh thần chiến đấu tích cực, dũng cảm gan dạ, bền bỉ của người “chiến sĩ Điện Biên Phủ” để nâng cao sức chiến đấu của quân ta, làm cho quân ta trở nên một quân đội vô địch.

3. Phải tích cực chiến đấu để củng cố và khuếch trương thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, củng cố và khuếch trương kết quả của chiến thắng Đông Xuân, tiến tới những thắng lợi mới rực rỡ hơn nữa.

Tôi trân trọng trao cho toàn thể các đơn vị chiến thắng lá cờ Quyết chiến quyết thắng của Hồ Chủ tịch tặng cán bộ và chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ.

Dưới ngọn cờ Quyết chiến quyết thắng của Hồ chủ tịch,

Vì độc lập của Tổ quốc,

Vì ruộng đất của dân cày,

Vì hòa bình của Á Đông và thế giới,

Toàn thể cán bộ và chiến sĩ hãy dũng cảm tiến lên!

Chào thân ái và quyết thắng

MẶT TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ

Ngày 13 tháng 5 năm 1954

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO KHU TÂY BẮC

Chiến dịch Điện Biên Phủ đã thu được thắng lợi to lớn, quân đội nhân dân Việt Nam anh dũng đã tiêu diệt trên một vạn sáu nghìn quân địch, toàn khu Tây Bắc đã được hoàn toàn giải phóng.

Tôi thay mặt toàn thể cán bộ và chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam chúc mừng toàn thể nhân dân Tây Bắc và cảm ơn toàn thể đồng bào đã hết sức giúp đỡ cung cấp lương thực cho bộ đội, hăng hái đi dân công, đã gửi thư, quà úy lạo bộ đội, hết lòng chăm sóc giúp đỡ thương binh.

Tôi chúc toàn thể đồng bào khỏe mạnh, ra sức thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch: tất cả các dân tộc đoàn kết thân ái giúp đỡ lẫn nhau như anh em một nhà, giữ gìn trật tự và ra sức tăng gia sản xuất để mọi người được yên ổn và ấm no, cùng nhau xung phong vào bộ đội và du kích để tiêu phỉ, trừ gian, bảo vệ làng bản, chống mọi âm mưu mới của địch.

Tôi chúc toàn thể nhân dân Tây Bắc thu được nhiều thắng lợi mới.

Ngày 15 tháng 5 năm 1954

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm

Tổng Tư lệnh

Quân đội nhân dân Việt Nam

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP

**LỊCH DIỄN BIẾN NHỮNG SỰ KIỆN LỚN
TRONG CHIẾN CUỘC ĐÔNG XUÂN 1953-1954
VÀ CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ**

(TỪ THÁNG 1 NĂM 1953 ĐẾN THÁNG 5 NĂM 1954)

THÁNG 1 NĂM 1953

Từ 23 đến 27

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp bàn về các nhiệm vụ cơ bản của Đảng năm 1953, nhất là công tác phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất. Về phương diện quân sự, Trung ương đã chỉ thị:

Phương hướng chiến lược của ta là tìm chỗ yếu của địch mà đánh, bắt địch phải phân tán lực lượng. Đánh ăn chắc, tiến ăn chắc. Chắc thắng thì đánh cho kỳ thắng, không chắc thắng thì kiên quyết không đánh... Chiến trường của ta hẹp, người của ta không nhiều, chúng ta chỉ được thắng không được bại.

THÁNG 5 NĂM 1953

8-5

Tướng Na-va được bổ nhiệm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương.

19-5

Na-va sang Đông Dương.

THÁNG 6 NĂM 1953

20-6

Tướng Mỹ Ô Đa-ni-en đến Sài Gòn để kiểm tra.

22-6

Nhật lệnh số 1 của Na-va hô hào quân đội viễn chinh Pháp cố mà giành chủ động.

THÁNG 7 NĂM 1953

3-7

Chính phủ Pháp tuyên bố cho các “quốc gia liên kết” độc lập giả hiệu.

15-7

Bù nhìn Bảo Đại ký sắc lệnh tổng động viên.

17-7

Địch nhảy dù xuống Lạng Sơn để gây thanh thế, nhưng bị thất bại nặng.

24-7

Hội đồng quốc phòng Pháp họp thông qua kế hoạch Na-va.

Theo kế hoạch đó, tướng Na-va chủ trương phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tránh giao chiến với chủ lực ta ở miền Bắc, tập trung lực lượng bình định miền Nam, đến mùa thu năm 1954 sẽ tập trung quân ra Bắc, tiêu diệt chủ lực ta, hoàn thành thôn tính nước ta trong 18 tháng vào khoảng giữa năm 1955.

THÁNG 8 NĂM 1953

Từ 8 đến 12

Địch rút chạy khỏi Nà Sản.

THÁNG 9 NĂM 1953

5-9

Mỹ cho Pháp mượn hàng không mẫu hạm Boa Ben-lô (Bois Belleau).

10-9

Pháp xin thêm của Mỹ một khoản viện trợ đặc biệt 385 triệu đô-la để thực hiện kế hoạch Na-va.

Cuối tháng 9

Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp xác định phương châm tác chiến của ta là: tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt. Hướng chính của chiến cục Đông Xuân 1953-1954 là Tây Bắc.

THÁNG 10 NĂM 1953

15-10

Địch mở chiến dịch Hải Âu sử dụng 22 tiểu đoàn đánh ra Rịa - Nho Quan (tây nam tỉnh Ninh Bình). Chiến dịch này đến ngày 6 tháng 11 mới kết thúc.

Trong chiến dịch này, đại đoàn 320 đã đánh 23 trận. Bộ đội địa phương đã đánh 64 trận. Có những trận đánh lớn: trận tập kích điểm cao 94 (tây bắc Rịa) ta tiêu diệt 1 đại đội lính Bắc Phi và gần 2 đại đội ngụy (18-10), trận phục kích ở Trại Ngọc ta diệt 3 xe tăng (18-10), trận Dốc Giang, ta tiêu diệt hoàn toàn tiểu đoàn Thái của địch. Tại Yên Mô (Ninh Bình) ta phục kích 2 đại đội của tiểu đoàn 1 lê dương (3-11). Tại vùng sau lưng địch ta tiêu diệt 2 tiểu đoàn khinh quân (703, 707). Tổng cộng địch bị tiêu diệt hơn 4.000 tên.

THÁNG 11 NĂM 1953

Thượng tuần tháng 11

Bộ phận chuẩn bị chiến trường của Đại đoàn 316 lên Tây Bắc.

2-11

Tướng Na-va gửi chỉ lệnh đặc biệt cho tướng Cô-nhi, chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ, chuẩn bị chiếm đóng Điện Biên Phủ.

4-11

Ta tiến công vị trí Xanh Tô-mát (Saint Thomas) giữa thành phố Nam Định tiêu diệt 22 sĩ quan địch.

Tướng Cô-nhi xui bộ tham mưu Hà Nội phản đối Na-va chiếm đóng Điện Biên Phủ tuy trước đây y khẩn thiết đề nghị chiếm đóng Điện Biên Phủ. Y sợ Na-va lấy quân của y ở đồng bằng. Đại tá Bát-xti-a-ni (Bastiani) tham mưu trưởng lục quân Bắc Việt viết thư phản đối.

6-11

Địch kết thúc thất bại chiến dịch Hải Âu (bị tiêu diệt hơn 4.000 tên).

12-11

- Ta tiến công Phả Lại tiêu diệt 1 đại đội địch, bắn chìm 3 ca-nô.

Tướng Cô-nhi viết thư cho tướng Na-va phản đối việc chiếm đóng Điện Biên Phủ. Trong thư có đoạn viết: "Những vấn đề chiến lược của ngài đề ra không quan hệ gì đến mảnh đất mà ngài đã giao phó cho tôi..."

- Đại đoàn 316 được lệnh tiến quân lên Tây Bắc.

15-11

Đại đoàn 316 bắt đầu tiến quân lên Tây Bắc.

Từ 19 đến 23 tháng 11

Bộ Tổng tư lệnh mở Hội nghị cán bộ từ trung đoàn trở lên để phổ biến kế hoạch Đông Xuân 1953-1954.

20-11

Quân tình nguyện của Đại đoàn 304 sang Trung Lào, và quân tình nguyện của Đại đoàn 325 sang Hạ Lào theo kế hoạch phối hợp thống nhất giữa Bộ Tổng tư lệnh của ta và Bộ Tổng tư lệnh Pa-thét Lào.

Đại đoàn 304 tiến quân lên Tây Bắc để đánh lạc hướng địch, sau đó bí mật ngoặt về phục kích địch ở Phú Thọ.

Địch nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ. Tiểu đoàn 910 (trung đoàn Sơn La) đánh địch suốt ngày, tiêu diệt 300 tên.

Từ ngày 21 đến 22 tháng 11

- Địch tiếp tục nhảy dù xuống Điện Biên Phủ.

25-11

Địch cho 6 tiểu đoàn mở chiến dịch Ác-đê-sơ (Ardèche) chiếm đóng phòng tuyến sông Nậm Hu (Thượng Lào) để nối liền Điện Biên Phủ với Thượng Lào.

28-11

Tướng Na-va ra Hà Nội được Cô-nhi báo cáo cho biết 3 sư đoàn Việt Minh trong đó có sư đoàn pháo binh đã tiến lên Tây Bắc¹.

Cô-nhi đề nghị đánh lên Thái Nguyên để kìm chân các đại đoàn của ta lại. Nhưng Na-va cho rằng tin tức của Cô-nhi có thể chỉ là những hoạt động nghi binh của đối phương. Y cho rằng ta không thể cung cấp cho 4 sư đoàn tác chiến ở những nơi rừng núi xa xôi như Điện Biên Phủ được. Vì thế Na-va bác kế hoạch của Cô-nhi vì sợ bị phân tán lực lượng.

29-11

- Đại đoàn 308 tiến quân lên Tây Bắc.

Na-va và Cô-nhi lên Điện Biên Phủ. Ngồi trên máy bay, hai viên tướng thực dân thảo luận cử Đờ Cát thay Gin chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

30-11

Đờ Cát được bổ nhiệm chỉ huy quân đồn trú Điện Biên Phủ.

THÁNG 12 NĂM 1953

3-12

Na-va “tiếp nhận chiến đấu với quân ta ở Điện Biên Phủ và chỉ thị phải bảo vệ bằng bất cứ giá nào”

1. Sự thật lúc này mới có 2 đại đoàn bộ binh lên Tây Bắc.

5-12

Ta tiến công vị trí Phương Điểm (Hải Dương) tiêu diệt 2 đại đội địch trong đồn và 2 đại đội quân tiếp viện.

- Địch rút Lai Châu co về Điện Biên Phủ.

6-12

Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi thư kêu gọi cán bộ và chiến sĩ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng đồng bào Tây Bắc.

7-12

- Đại đoàn 316 được lệnh nhanh chóng tiêu diệt địch ở Lai Châu.

- Đại đoàn 308 bao vây địch ở Điện Biên Phủ không cho chúng sang Lào.

Na-va chỉ thị mở chiến dịch Ất-lăng chiếm đóng Liên khu 5.

10-12

Đại đoàn 312 được lệnh bí mật giấu quân ở Phú Thọ, chuẩn bị đánh địch khi chúng đánh ra vùng tự do của ta.

12-12

Ta giải phóng Lai Châu, sau đó tiếp tục truy kích tiêu diệt 24 đại đội địch.

16-12

Ta tiến công Dị Sử (Hưng Yên) tiêu diệt 90 tên, bắt 186 tên.

18-12

Ta tiến công Quý Nhất (Nam Định) tiêu diệt 275 tên.

- Địch chở xe tăng tháo rời lên Điện Biên Phủ.

20-12

Ta phục kích trên đường số 10 (Thái Bình) tiêu diệt 192 tên và phá hủy 5 xe.

24-12

- Đại đoàn 312 tiến quân lên Tây Bắc.

Na-va dự lễ Nô-en với quân lính ở Điện Biên Phủ. Y nói với binh sĩ là quân ta đang gặp khó khăn rất lớn về cung cấp, quân đội viễn chinh Pháp nhất định thắng lớn...

25-12

Liên quân Lào - Việt giải phóng thị xã Thà Khẹt, cắt đường số 13, uy hiếp đường số 9. Na-va phải vội điều quân lên đây thiết lập một tập đoàn cứ điểm mới.

31-12

Na-va chỉ thị cho Cô-nhi và Đờ Cre-vo Cơ nghiên cứu kế hoạch rút lui của Điện Biên Phủ (kế hoạch Xê-nô-phôn).

THÁNG 1 NĂM 1954

5-1

- Bộ Tổng tư lệnh ra lệnh cho các đơn vị dự bị tiến quân lên Tây Bắc.

Tại Nam Định, ta phục ở sông Đào, tiêu diệt 1 tiểu đoàn địch, bắn đắm và cháy 3 LCT và 7 ca-nô.

7-1

Du kích ta lọt vào Đà Nẵng, đánh đắm 1 tàu chiến và 1 ca-nô.

9-1

Ta phục kích địch trên đường số 9, tiêu diệt 50 tên, bắt 4 tên.

11-1

Du kích đột nhập Nha Trang, đốt cháy 3.700.000 lít xăng của địch.

14-1

Bộ chỉ huy mặt trận Điện Biên Phủ triệu tập hội nghị bàn kế hoạch tiến công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ theo phương châm “đánh nhanh, giải quyết nhanh”

15-1

- Tại Điện Biên Phủ, quân ta kéo pháo lên núi.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, ta tiêu diệt một bộ phận của tiểu đoàn 4 lê dương ở Thái Bình.

17-1

Ta tiêu diệt đại bộ phận tiểu đoàn ngự số 73 ở Hải Yên (Hưng Yên).

20-1

Địch cho 22 tiểu đoàn đổ bộ lên Tuy Hòa bắt đầu thực hiện bước 1 của chiến dịch Ất-lăng chiếm đóng Liên khu 5.

21-1

Ta tiến công vị trí Hoàng Đan, phục kích ở Bồng Xuyên (Hà Nam), tiêu diệt đại bộ phận tiểu đoàn 6 ngự, 2 đại đội ngự của tiểu đoàn 31 GMVN, bắn rơi 2 máy bay.

26-1

Hồ Chủ tịch trả lời nhà báo Thụy Điển, trong đó có đoạn nói: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam là do chính phủ Pháp gây ra. Nhân dân Việt Nam phải

cầm vũ khí anh dũng chiến đấu 7, 8 năm nay chống kẻ xâm lược... Nếu chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa sẵn sàng tiếp nhận ý kiến đó”

27-1

Ta đánh mạnh ở bắc Tây Nguyên, tiêu diệt các tiểu khu Măng Đen, Măng Bút.

31-1

Tại Hạ Lào, Liên quân Lào - Việt giải phóng tỉnh A-tô-pơ, nối liền vùng giải phóng của Hạ Lào và bắc Tây Nguyên.

Na-va lại cho thành lập một tập đoàn cứ điểm ở cao nguyên Bô-lô-ven.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, ta tiêu diệt vị trí La Tiến, uy hiếp phòng tuyến sông Luộc, đánh mìn trên đường xe lửa ở ga Phạm Xá (Hải Dương), tiến công Đồ Sơn, đốt cháy 5 máy bay và một kho xăng.

Tại Nam Bộ từ 1 đến 24 tháng 1: quân và dân ta đã tiêu diệt và bức rút 259 đồn bốt, tháp canh, nhiều nhất là ở Mỹ Tho.

Quân ta đẩy mạnh giao thông chiến, uy hiếp các đường số 13, 14 (Sài Gòn Phan Thiết, Sài Gòn - Lộc Ninh) và đường số 12. Kết quả ta diệt và phá: 3 thiết giáp, 1 xe tăng, 12 xe vận tải, 2 xe “gíp”, 1 đầu máy xe lửa, 15 toa xe lửa; địch chết 1.900 tên, trong đó có 1 quan ba, 1 quan hai. Ta thu 4 súng cối, 1 đại liên, 18 trung liên, 61 tiểu liên, 656 súng trường...

THÁNG 2 NĂM 1954

2-2

Tướng Mỹ Ô Đa-ni-en lên kiểm tra Điện Biên Phủ có ý “rất hài lòng” về tổ chức phòng ngự ở đây.

3-2

- Tết Nguyên đán.
- Tại Thượng Lào, Liên quân Lào - Việt tiến cách kinh đô Lào Luông Pha Băng 60 ki-lô-mét.
- Tại Hạ Lào, Liên quân Lào - Việt bao vây Pắc-xế và Xa-ra-van.
- Địch thả truyền đơn ở Điện Biên Phủ thách thức ta tiến công.
- Sơn pháo 75mm bắt đầu bắn vào sân bay Mường Thanh.

9-2

Ta đánh mìn một đoàn tàu ở ga Thừa Lưu (Thừa Thiên) phá hủy 1 đầu máy và 6 toa xe.

Ta phục kích trên sông Hồng đánh một đoàn tàu thủy và ca-nô từ Nam Định đi tiếp viện cho Kim Sơn, tiêu diệt 1 tiểu đoàn địch, đánh đắm 1 tàu chiến và 4 ca-nô, bắn cháy 2 LCT và 2 ca-nô.

10-2

Ta tiến công vị trí Hà Thanh (Ninh Bình) tiêu diệt 189 tên.

14-2

Tại đồng bằng Bắc Bộ, ta phục kích đánh địch trên sông Hồng, bắn đắm 3 ca-nô và 1 xuồng.

15-2

Plê-ven, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pháp cùng một phái đoàn tướng lĩnh cao cấp Pháp đến Hà Nội.

16-2

Na-va tiếp tục chiến dịch Át-lăng, tung 3 GM (10, 41, 42) đánh chiếm và nối liền đường Vạn Hoa, Phú Lợi, La Trai.

17-2

Ta giải phóng tỉnh Kon Tum, Na-va vội vã điều quân lên chống đỡ và lại tổ chức 1 tập đoàn cứ điểm ở Plây Cu.

Tại Điện Biên Phủ, Bộ chỉ huy mặt trận triệu tập hội nghị bàn kế hoạch tiến công vào Điện Biên Phủ theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc”

18-2

- Na-va và Cô-nhi lên thăm Điện Biên Phủ.

Tại mặt trận Tây Nguyên, quân ta tiêu diệt vị trí Đắc Đoạ ở đông bắc Plây Cu. 150 lính Âu Phi của GM 100 bị loại khỏi vòng chiến đấu. Cùng ngày, quân ta tiến công thị xã Plây Cu.

Sau 20 ngày liên tục hoạt động ở phía bắc Tây Nguyên, quân ta đã san bằng 8 bốt, 23 tháp canh, loại khỏi vòng chiến đấu 2.600 tên địch, thu một số lớn vũ khí, quân trang, quân dụng đủ trang bị cho một trung đoàn và hoàn toàn giải phóng tỉnh Kon Tum rộng 14.000 ki-lô-mét vuông với 20.000 dân.

Na-va phải tạm đình chỉ chiến dịch Át-lăng, rút vội 2 GM (41, 42) cho đi đánh chiếm cao nguyên Trà Khê, đồng thời điều 3 GM (11, 21, 100) tăng cường lên chiếm giữ Plây Cu, An Khê và Đắc Đoạ.

Tại Thượng Lào, Liên quân Lào Việt tiến đến gần Luông Phra Băng. Na-va vội vàng tổ chức ngay một “Con nhím” ở Mường Sài và tăng cường quân lên Luông Phra Băng với lực lượng 9 tiểu đoàn.

Hội nghị 4 ngoại trưởng: Liên Xô, Anh, Mỹ và Pháp ở Bá Linh ra thông báo sẽ họp bàn về vấn đề “lập lại hòa bình ở Đông Dương” tại Giơ-ne-vơ vào tháng 4 tới.

19-2

Plê-ven đi thăm Điện Biên Phủ. Cùng đi có cả thứ trưởng bộ chiến tranh Pháp Đờ Sơ-vi-nhê và các tướng Ê-ly, Fay, Bô-đê, Blăng...

Na-va nhận định “ngọn trào tiến công của Việt Minh đã đến lúc xuống” và ra lệnh phản công trên khắp các chiến trường Đông Dương.

22-2

Tại mặt trận Điện Biên Phủ, Bộ chỉ huy Mặt trận triệu tập hội nghị cán bộ chiến dịch để kiểm điểm công tác chuẩn bị tiến công đợt một.

24-2

Liên quân Lào Việt giải phóng thị trấn Phong Sa Lý, Bun Tai và Bun Nua, mở rộng vùng giải phóng ở lưu vực sông Nậm Hu.

26-2

Tại đồng bằng Bắc Bộ, quân ta tiến công tiêu diệt vị trí Lạc Đạo trên đường số 5. Cô-nhi yêu cầu Na-va điều về cho y một trong ba GM cùng với 5 tiểu đoàn dù mà Na-va đang sử dụng vào chiến dịch Ất-lâng.

27-2

Chính phủ Pháp tính số thiệt hại về cuộc chiến tranh Đông Dương từ năm 1945 đến mùa xuân năm 1953: Chiến tranh đã tiêu tốn đến 2.000 tỷ phơ-răng. Từ năm 1952, Mỹ đã viện trợ cho Pháp hơn 1.000 tỷ.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, quân ta tiêu diệt 1 tiểu đoàn địch ở vị trí Vạn Bảo (Nam Định), phá hủy 8 xe vận tải.

28-2

Tại mặt trận Điện Biên Phủ, Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đến thăm hội nghị động viên chiến dịch của cán bộ pháo binh.

- Quân địch đánh ra thăm dò ở phía đông nam Điện Biên Phủ.

THÁNG 3 NĂM 1954

1-3

Plê-ven về Pa-ri tuyên bố một cách bịp bợm: “Ở Đông Dương không có vấn đề quân sự, chỉ có vấn đề chính trị mà thôi”.

- Tại Điện Biên Phủ, địch lại đánh ra thăm dò ta ở phía tây.

4-3

Tướng Na-va lại cùng Cô-nhi đi kiểm tra Điện Biên Phủ. Đờ Cát thấy không cần tăng thêm lực lượng cho đồn trú khi Na-va gợi ý muốn đưa thêm 3 tiểu đoàn.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, quân ta bí mật đột nhập sân bay Gia Lâm, đốt cháy 18 máy bay, 2 máy phát điện, 1 kho xăng.

7-3

Bộ đội địa phương Kiến An đột nhập sân bay Cát Bi (Hải Phòng), phá hủy hơn 50 máy bay địch.

8-3

Tại Điện Biên Phủ, trọng pháo 105mm và pháo cao xạ của ta bắt đầu vào chiếm lĩnh trận địa.

Phòng nhì (tình báo) của Cô-nhi báo cáo những triệu chứng tỏ ra quân ta sẽ tiến công Điện Biên Phủ vào ngày 15 tháng 3. Na-va xác nhận điều đó có thể xảy ra nhưng lại cho rằng quân ta khó mà vượt qua được rất nhiều khó khăn để đưa pháo vào gần lòng chảo.

9-3

Nhận được tin ngày 15 tháng 3 quân ta sẽ tiến công vào hệ thống đường số 5, vào các sân bay và có thể cả Điện Biên Phủ, Cô-nhi vội xin gấp 3 tiểu đoàn khinh quân để bổ sung cho các đơn vị dù và xe tăng đã bị xộc xệch, chuẩn bị đối phó ở mặt trận đồng bằng Bắc Bộ.

10-3

Hồ Chủ tịch gửi thư động viên tới toàn thể cán bộ, chiến sĩ và dân công ở Điện Biên Phủ sắp bước vào chiến đấu.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp ra nhật lệnh động viên tất cả cán bộ, chiến sĩ, tất cả các đơn vị kiên quyết tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

Sơn pháo 75mm của ta bắn hỏng 2 máy bay vận tải ở sân bay Mường Thanh.

Na-va một lần nữa báo cho Cô-nhi biết không có một lực lượng nào bổ sung cho đồng bằng Bắc Bộ và giao trách nhiệm cho Cô-nhi phải tự tổ chức bảo vệ các căn cứ không quân bằng những phương tiện hiện có, 2 tiểu đoàn dù đã sẵn sàng rời Xê-nô về Hà Nội, nhưng chỉ khởi hành khi nào tình hình đồng bằng thật nghiêm trọng.

11-3

Tại Điện Biên Phủ, những khẩu trọng pháo cuối cùng của ta đã vào chiếm lĩnh trận địa.

- Quân ta bắt đầu đào trận địa xuất phát tiến công vào Him Lam.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, trong một đêm quân ta cắt đứt đường số 5, san bằng 13 bốt và tháp canh.

12-3

Tại Điện Biên Phủ:

10 giờ 30 phút, sơn pháo và cối ta bắn mạnh vào sân bay, phá hủy 3 máy bay trinh sát.

Một tiểu đoàn địch với 5 xe tăng đánh ra, định phá trận địa tiến công Him Lam của quân ta, bị hỏa lực cối ta bắn mạnh phải rút lui. Một đoạn chiến hào ta bị địch phá hủy. Đêm quân ta đến khôi phục lại.

Cô-nhi lên Điện Biên Phủ. Y đến trung tâm đề kháng Him Lam ra những chỉ thị cần thiết một khi bị ta tiến công.

Na-va cho quân đổ bộ lên Quy Nhơn thực hiện bước 2 của chiến dịch Ất-lăng.

Tại đồng bằng, ta phục kích trên đường số 5, đoạn từ Bần Yên Nhân đến Như Quỳnh tiêu diệt một đoàn xe quân sự, phá hủy 17 xe, trong đó có 4 thiết giáp, 13 xe vận tải và 60 tên lính thuộc GM3.

- Tại Liên khu 4, bộ đội Thừa Thiên đánh lật nhào một đoàn xe lửa quân sự ở Văn Xá.

13-3

Đợt tiến công thứ nhất bắt đầu:

- 9 giờ sáng, sơn pháo ta bắn cháy 1 Đa-cô-ta ở sân bay Mường Thanh.

12 giờ trưa: lại bắn cháy 1 Hen-cát, 1 Đa-cô-ta.

13 giờ: 1 đại đội địch và 2 xe tăng lại ra đánh phá trận địa xuất phát tiến công của quân ta ở Him Lam. Đại đội lựu pháo 806 được lệnh nổ 20 phát đạn đầu tiên vào Him Lam và Mường Thanh. 18 phát trúng mục tiêu, phá 7 ụ súng... Bọn địch đang đánh phá trận địa ta lập tức rút chạy.

14 giờ 30 phút: sơn pháo ta bắn cháy 1 Đa-cô-ta ở sân bay Hồng Cúm.

15 giờ, 2 trung đoàn của Đại đoàn 312 chiếm lĩnh trận địa xuất phát tiến công vào Him Lam.

17 giờ, pháo binh ta tập kích dồn dập vào khu trung tâm sân bay Mường Thanh và cả 3 cứ điểm của trung tâm đề kháng Him Lam. 5 máy bay địch bị

phá hủy. Một kho xăng và nhiều kho tàng bốc cháy. 12 khẩu đại bác và cối các loại bị phá hủy. Khoảng 150 tên sĩ quan và lính địch bị thương vong bởi trận tập kích của pháo ta. Đợt tiến công thứ nhất của quân ta bắt đầu.

18 giờ 30 phút: xung kích bắt đầu lên bộc phá.

22 giờ 30: quân ta tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Him Lam gồm 3 cứ điểm do tiểu đoàn 3, trung đoàn lê dương thứ 13 chiếm đóng.

Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ra chỉ thị cho các chiến trường toàn quốc tích cực hoạt động đánh địch để phối hợp với chiến trường chính.

Ở đồng bằng Bắc Bộ, đêm 12 rạng 13 tháng 3, ta tiêu diệt vị trí Nghĩa Lộ trên đường số 5, một vị trí công sự kiểu mới. Hai đại đội địch bị diệt gọn, 7 xe vận tải và xe “gíp” bị phá.

Tại Nam Định, 139 lính bù nhìn chạy sang hàng ngũ ta đem theo cả vũ khí.

Tại Phủ Lý, ta bao vây vị trí Phương Khê, địch phải đưa 2 GM đến phá vây. Khi quân chiếm đóng đồn Phương Khê rút chạy, ta truy kích diệt và bắt sống 150 tên.

14-3

7 giờ: tại Điện Biên Phủ, cao xạ ta hạ chiếc máy bay đầu tiên.

9 giờ: 1 tiểu đoàn và 5 xe tăng địch thọc đánh ra định phản kích chiếm lại Him Lam, nhưng bị pháo ta bắn chặn ác liệt phải rút lui.

12 giờ: được ta cho phép, địch cho xe hồng thập tự ra Him Lam lấy thương binh về.

Địch tăng viện cho Điện Biên Phủ tiểu đoàn dù ngụy số 5 (5^o BPVN) và 4 khẩu 105mm để bù vào số pháo đã bị phá hủy đêm 13 tháng 3. Hai chiếc máy bay lên thẳng vừa đổ xuống Điện Biên Phủ liền bị pháo ta bắn cháy ngay.

17 giờ: pháo ta bắn chuẩn bị vào cứ điểm đồi Độc Lập, sau đó, thỉnh thoảng lại bắn một đợt mãnh liệt cho đến khi bộ binh ta xung phong tiêu diệt cứ điểm này.

Tại Liên khu 4, ta tiêu diệt vị trí Võ Xá.

Tại Liên khu 5, GM 100 đang vận chuyển trên đường số 13 (Quy Nhơn - Plây Cu) thì bị quân ta phục kích, diệt gần 100 tên.

15-3

2 giờ, quân ta bắt đầu tiến công bằng lựu pháo 105mm vào cứ điểm đồi Độc Lập.

3 giờ 30 phút, chính thức tiến công bằng sơn pháo 75 và bộ binh, đến 6 giờ 30 phút thì tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm.

6 giờ: Đờ Cát tung 2 tiểu đoàn và 6 xe tăng theo đường Điện Biên Lai Châu định phản kích lên đồi Độc Lập, nhưng bị ta đánh lui.

12 giờ 45 phút: Pi-rốt, chỉ huy pháo binh tập đoàn cứ điểm dùng lựu đạn tự sát. 6 khẩu 105mm của địch bị phá hủy. Trong 3 ngày 13, 14, 15 pháo binh địch đã bắn về tuyến quân ta 30.000 viên đạn.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, ta phục kích bắn cháy và đắm 2 xuồng, 1 ca-nô, tiêu diệt 1 đại đội thủy quân lục chiến ở Yên Lệnh, sông Hồng.

16-3

- Bộ chỉ huy Mặt trận Điện Biên Phủ triệu tập hội nghị cán bộ chiến dịch để sơ kết thắng lợi đợt 1 và trao nhiệm vụ đợt 2. Trong đợt này ta phải tiếp tục xây dựng trận địa bao vây cho thật vững chắc, tiếp tục tiến công các cứ điểm vòng ngoài, phải kiềm chế pháo binh địch ráo riết hơn nữa, phải khống chế sân bay...

Tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 (6° BPC) nhảy dù xuống tăng viện cho Điện Biên Phủ.

Na-va chỉ thị cho tướng Găm-bi-ê, tổng tham mưu trưởng quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương phải thực hiện gấp kế hoạch làm mưa nhân tạo trên đường giao thông từ hậu phương ta ra mặt trận Điện Biên Phủ để ngăn cản việc tiếp tế của ta.

- Tại đồng bằng Bắc Bộ, một đoàn tàu quân sự địch bị trúng mìn của du kích Văn Lâm, Hưng Yên.

17-3

- Tại Điện Biên Phủ, hồi 15 giờ, pháo ta bắn 20 phát vào đồn Bản Kéo, 2 đại đội lính Thái chạy ra hàng với toàn bộ vũ khí.

- Đợt tiến công thứ nhất của quân ta kết thúc, quân ta đã tiêu diệt gọn 2 trung tâm đề kháng mạnh nhất của địch. Pháo ta đã phá hủy tất cả số máy bay đậu trên sân bay Mường Thanh. Pháo cao xạ ta đã hạ 12 máy bay các loại. Tổng số thiệt hại của địch khoảng 2.000 tên.

- Tại Liên khu 5, quân ta tiến công Quan Cầu: 150 tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu.

18-3

Không quân của địch bối rối trước hoạt động khống chế sân bay và kiềm chế không phận của pháo ta. Lô-danh (Lauzin), tư lệnh không quân Pháp ở Đông Dương báo cáo với Na-va việc tiếp tế bằng đường không hàng tháng từ

4.000 tấn đã tăng lên tới 10.000 tấn. Dù thả xuống không có cách gì lấy lại. Na-va đã phải tính đến chuyện cầu cứu Mỹ, đặt mua lựu, phụ tùng của Nhật Bản và Phi-líp-pin để may dù. Lô-danh chỉ thị cho những tên phi công lái máy bay Đa-cô-ta phải thả dù ở độ cao 2.000-3.000 mét để tránh đạn cao xạ của ta, đồng thời chỉ thị nghiên cứu cách thả dù mở chậm.

19-3

Dự trữ đạn 105mm và lương thực của địch bắt đầu khó khăn. Đờ Cát gọi điện cho Cô-nhi: “Việc mất Điện Biên Phủ, mất I-da-ben (Hồng Cúm), tôi cho là không thể tránh được trong một thời gian ngắn. Phải tính đến chuyện cử La-lăng cố gắng đi tìm con đường sang Lào để rút lui”

20-3

Tại Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi thư cho bộ đội động viên tiếp tục xây dựng trận địa tiến công và bao vây địch sát hơn nữa.

- Tại Liên khu 4, quân ta phục kích tiến công một đoàn xe lửa trên đường Huế - Tua-ran. Một đầu máy và 5 toa xe bị phá hủy. Một đại đội địch bị tiêu diệt.

22-3

Tại Tòa nhà trắng, Ai-xen-hao tiếp tướng Ê-ly (đến Hoa Thịnh Đốn từ ngày 20-3), có cả đô đốc Mỹ Rát-pho tham dự, bàn cách cứu vãn “con nhím” Điện Biên Phủ.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, quân và dân đường số 5 vẫn hoạt động mạnh, làm ngừng hẳn việc vận chuyển của địch trên 70 ki-lô-mét đường sắt.

Tại Hưng Yên, ta phục kích diệt gọn một đoàn xe 88 chiếc ở cách Dị Sử 2 ki-lô-mét.

- Tại Liên khu 5, ta tiến công GM 100 ở Plây Rinh diệt 500 tên, phá hủy 1 xe thiết giáp và 22 xe vận tải; tập kích vị trí La Hay (Phú Yên) địch mới chiếm đóng, diệt 670 tên. Tại Quảng Nam, ta tập kích thị xã Hội An, diệt một lúc 3 vị trí, thu toàn bộ vũ khí.

23-3

Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi điện nhiệt liệt khen ngợi quân và dân đường số 5 đã thắng lớn trong những trận giao thông chiến vừa qua.

- Tại Thái Bình, quân ta tập kích tiêu diệt 2 đại đội địch ở vị trí Đức Hậu.

24-3

Cô-nhi chỉ thị cho Đờ Cát cố chống đỡ với quân ta đến mùa mưa. Y cho rằng quân ta đã bị thiệt hại nặng, khó có thể bổ sung ngay. Mưa xuống thì đường tiếp tế của ta từ hậu phương ra sẽ không dùng được, trận địa chiến

hào bao vây của ta ở Điện Biên Phủ cũng ngập trong bùn lầy và nước đọng. Do đó mà ta không thể nào đánh kéo dài, không thể nào thu được thắng lợi. Ngược lại, quân đội đồn trú đã được bổ sung lực lượng mạnh mẽ, vấn đề tiếp tế vũ khí, lương thực vẫn có thể tiến hành thường xuyên. Cuộc thí nghiệm thả dù ở độ cao 1.500 mét đã đem lại kết quả tốt.

Tại Liên khu 5, quân địch đánh chiếm Bình Định. Quân và dân Liên khu 5 đã căng bẫy chờ chúng. Bằng mọi biện pháp, với tất cả các thứ vũ khí, quân và dân Liên khu 5 đã diệt và bắt 800 tên địch.

Tại Mỹ, đô đốc Rát-pho đưa ra cho Ê-ly một kế hoạch cứu vãn Điện Biên Phủ: Dùng từ 70 đến 80 máy bay oanh tạc hạng nặng B.29 với sự yểm hộ của 150 khu trục thuộc hạm đội 7 Mỹ đến oanh tạc xung quanh Điện Biên Phủ.

Từ 25 đến 27-3

Tại Điện Biên Phủ, trong hội nghị cán bộ, Bộ chỉ huy Mặt trận đề ra nhiệm vụ cho đợt 2 là tiêu diệt các điểm cao tại khu đông, uy hiếp trực tiếp khu trung tâm Mường Thanh.

Cô-nhi viết thư cho Na-va: “Mỗi ngày phải chuyên chở gần 2.000 tấn theo đường sắt từ Hải Phòng lên Hà Nội, nhưng Việt Minh liên tiếp đánh đổ các đoàn tàu” Cô-nhi yêu cầu tăng cường lực lượng cơ động và công binh bởi vì không giải quyết được vận chuyển tiếp tế thì sẽ dẫn đến phải rút lui cả Hà Nội.

Từ ngày 13 tháng 3 đến nay, quân địch đã dùng 750 máy bay chiến đấu thả 1.100 tấn bom vào tuyến quân ta. Trận địa chiến hào quân ta vẫn tiếp tục bò vào khu trung tâm và các điểm cao khu đông.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, ta chống càn tiêu diệt 511 tên của GM 4 ở Hạ Bằng, Sơn Tây.

Trên đường số 5, quân ta phục kích đánh 2 đại đội thuộc GM 3, một trung đội công binh đang đi mở đường. Kết quả: 85 tên bị bỏ mạng, 65 tên bị bắt, phá hủy 2 xe tăng, 3 thiết giáp, 13 xe vận tải, giải thoát 108 chị em phụ nữ bị bắt giam ở Nhà tiền Hà Nội mà chúng giơng theo.

27-3

Tại Ngọc Chiến (Sơn La) quân ta diệt thổ phỉ, bắt 307 tù binh, thu 531 súng các loại.

Trong thời gian chuẩn bị đợt 2, quân ta đã đẩy mạnh hoạt động nhỏ và đẩy lùi tất cả các cuộc phản công của địch từ Mường Thanh ra. Quân địch bị thiệt hại: 450 tên chết và bị thương, 6 xe bị phá hủy, 3 máy bay khu trục, 2 máy bay vận tải bị hạ, 2 chiếc khác bị bắn cháy trên đường băng. Kể từ

ngày 27 tháng 3 trở đi, sân bay không dùng được nữa. Quân địch chỉ có thể tiếp tế bằng thả dù.

28-3

Tại Điện Biên Phủ, chiếc máy bay thứ 43 bị hạ.

29-3

Tại Điện Biên Phủ, trong 10 ngày tích cực chuẩn bị tiến công đợt 2, quân ta đã đào hơn 100 ki-lô-mét giao thông hào, trong đó có đường hào trục bao quanh Mường Thanh và rất nhiều chiến hào nối liền trận địa xuất phát xung phong giữa trung đoàn này với trung đoàn khác.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp gửi thư động viên quân ta bước vào chiến đấu đợt 2.

Đường liên lạc giữa Mường Thanh và Hồng Cúm hoàn toàn bị cắt đứt.

Tại Pa-ri, Bộ Quốc phòng Pháp họp nghiên cứu thực hiện kế hoạch “Điều hâu” của Mỹ và cử Brô-hông (Brohon) sang Đông Dương gặp Na-va để cùng nghiên cứu những điều kiện, khả năng thực hiện kế hoạch đó.

Na-va gửi thư cho Cô-nhi: “Về vấn đề này (tức là vấn đề kêu thiếu mọi phương tiện của Cô-nhi), tôi chỉ có thể nhắc lại điều mà tôi đã nói với ngài khá nhiều lần là: chúng ta đang bị cuốn vào một cuộc tổng giao chiến.

Trong việc phân phối binh lực, rõ ràng ngài là người được chiếu cố hơn các vị chỉ huy ở địa phương khác. Lúc nào ngài cũng nâng nặc đòi tăng viện chỉ có nghĩa là ngài đòi hỏi tôi điều mà chính bản thân ngài cũng biết là tôi không thể nào thêm được cho ngài, hoặc nếu tôi có thêm cho ngài thì tức là tôi đã làm thiệt hại cho các bạn chiến đấu của ngài”

Tại Liên khu 5, quân ta phục kích trên đường số 19 và tiến công đèo Thượng An: Tiểu đoàn 17 của GM 11 hoàn toàn bị tiêu diệt, 4 đại bác 105mm, 18 xe vận tải GMC bị phá hủy.

30-3

Đợt tiến công thứ 2 bắt đầu:

17 giờ, pháo ta tập kích dữ dội vào khu trung tâm và các điểm cao khu đông.

18 giờ, bộ binh bắt đầu nổ súng tiến công.

Sau 45 phút chiến đấu ta tiêu diệt xong cứ điểm C1. Sau 1 giờ 30 phút chiến đấu, ta chiếm xong đồi E. Sau 2 giờ chiến đấu ta làm chủ điểm cao D1. Tiêu diệt xong các điểm cao trên, các đơn vị đều bắt đầu phát triển đánh sang các điểm cao C2, D2. Một đơn vị của ta thọc hẳn vào tiểu đoàn dù nguy

số 5 và trận địa pháo binh địch đặt ở cứ điểm 210 sau các đồi E, D. Phía đồi A1, 18 giờ 30 phút ta mở hai mũi xung phong vào phía đông bắc cứ điểm.

- Tại Liên khu 5, quân ta lại phục kích đánh địch ở Đèo Mang, phía đông An Khê, tiêu diệt 1 đại đội địch.

31-3

- 3 giờ, tiểu đoàn 11 tiêu diệt xong trận địa pháo địch ở cứ điểm 210.

- Tại đồi A1, 4 giờ sáng, ta đã chiếm 2 phần 3 cứ điểm, quân địch dựa vào một phần còn lại và hầm ngầm kiên cố tiếp tục chống cự kịch liệt với ta. Đến sáng sớm, địch thúc tiểu đoàn dù thuộc địa số 6 lên phản kích. Cuộc chiến đấu ở đây đã diễn ra giằng co quyết liệt. Đến chiều địch chiếm lại được 2 phần 3 cứ điểm, ta chỉ còn giữ được 1 phần 3 ở phía đông bắc.

Bộ chỉ huy Mặt trận quyết định thay lực lượng tiếp tục tiến công A1, đồng thời chỉ thị cho cả mặt đông và tây cùng hoạt động để phân tán binh lực của địch.

Tại Liên khu 4, ta đánh lật nhào một đoàn tàu gồm 1 đầu máy, 5 toa và tiêu diệt 1 đại đội địch.

THÁNG 4 NĂM 1954

1-4

Cuộc chiến đấu ở đồi A1 vẫn diễn ra ác liệt. Nhiều trận xung phong và phản xung phong diễn ra liên tiếp.

- Ở phía tây, ta đánh lấn, tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm 106.

Na-va chỉ thị cho Cô-nhi: Quân đội đồn trú phải kéo dài cuộc chống giữ đến mùa nước thì Việt Minh buộc phải cởi vòng vây.

2-4

Tại Điện Biên Phủ:

Cứ điểm 311 (tức Căng Na) ở phía tây Điện Biên Phủ bị uy hiếp mạnh, 120 tên thuộc 2 đại đội của tiểu đoàn Thái số 3 chạy ra hàng quân ta.

- 2 đội dũng sĩ của ta thâm nhập vào sân bay, bắt 10 tù binh.

11 giờ quân địch từ Mường Thanh ra phản kích định chiếm lại mỏm thềm lìa trên đồi A1, nhưng bị quân ta đánh lui. Nửa đêm, ta lại tổ chức một đợt tiến công mới nhưng vẫn không kết quả.

Tại đồng bằng Bắc Bộ:

Ta tiêu diệt 2 đại đội của tiểu đoàn khinh quân 709 ở vị trí Đông Tạ (Kiến An).

3-4

Địch tăng viện tiểu đoàn dù thuộc địa lên Điện Biên Phủ.

4-4

- 4 giờ, trung đoàn 102 được lệnh ngừng tiến công cứ điểm A1 và bàn giao nhiệm vụ phòng ngự cho đơn vị bạn. Quân địch vẫn chiếm 2 phần 3 cứ điểm, quân ta giữ mỏm thềm lia.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, trên đường số 5 ta lại đánh đổ một đoàn tàu quân sự chở đầy binh lính và vũ khí của địch.

Tại Liên khu 5, ta phục kích diệt 6 xe và một số lính địch.

Tại Hạ Lào, Liên quân Lào - Việt phục kích đánh 1 tiểu đoàn địch ở km 59 đường số 13, diệt 1 đại đội địch, phá hủy 30 xe cơ giới và 4 đại bác 105 ly.

5-4

Đêm 4 tháng 4 ta tiến công cứ điểm 105, quân ta tiêu diệt 3 phần 4 cứ điểm, đến sáng địch cho 1 tiểu đoàn, 5 xe tăng phản kích từ Mường Thanh ra. Ta tiêu diệt được một số. Nhưng đến 8 giờ, địch chiếm lại được cứ điểm 105.

Đợt tiến công thứ hai của quân ta vào khu đông chấm dứt. Trong đợt này, quân ta đã tiêu diệt được khoảng 2.300 tên địch gồm 1 tiểu đoàn và 9 đại đội. Pháo cao xạ ta đã hạ 4 máy bay địch.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, ta tiêu diệt vị trí Hòa Đình (Bắc Ninh) diệt 155 tên.

7-4

Tại đồng bằng Bắc Bộ, ta tiến công vị trí Thượng Tó gần Hà Nam, tiêu diệt 230 tên địch thuộc tiểu đoàn 3 trung đoàn lê dương số 5 (3/5 RED).

Tại Liên khu 4, ta tập kích vị trí Sơn Tùng, diệt 90 tên.

Tại Điện Biên Phủ, địch thả dù tăng viện tiểu đoàn dù thuộc địa số 2 (2^e BEP).

Máy bay trinh sát của Mỹ bay trên bầu trời Điện Biên Phủ để nghiên cứu điều kiện thực hiện kế hoạch "Điều hâu"

Trong hội nghị cán bộ, Bộ chỉ huy Mặt trận Điện Biên Phủ nhận định thắng lợi đợt 2, biểu dương những tiến bộ, đồng thời phê phán những hiện tượng sai lầm trong đợt chiến đấu vừa qua.

Bộ chỉ huy Mặt trận Điện Biên Phủ đề ra nhiệm vụ mới:

- Tiêu diệt thêm một bộ phận những lực lượng mới của địch.

- Đánh chiếm thêm một số cứ điểm.

Tăng cường và tiếp tục đào trận địa tiến công bao vây thọc hẳn vào khu trung tâm để cắt đứt tiếp tế, tiếp viện địch, chuẩn bị mọi điều kiện có lợi để chuyển sang tổng công kích.

8-4

Địch tăng viện tiểu đoàn dù thứ 4 cho Điện Biên Phủ.

9-4

Quân địch dồn lực lượng phản kích định chiếm lại C1. Cuộc chiến đấu đã diễn ra quyết liệt. Mỗi bên chiếm một nửa cứ điểm.

Súng phòng không 12,7 ly ta hạ chiếc máy bay vận tải hai thân (C.119) đầu tiên.

10-4

- Địch tiếp tục thả tiểu đoàn dù thuộc địa số 2 (2^e BEP) xuống Điện Biên Phủ.

Quân địch dã man thả bom vào bản Long Nhai, nơi mà chúng đã tập trung dân làm chết một lúc 444 đồng bào ta.

Tại đồng bằng Bắc Bộ, ta tập kích vị trí Đan Nhiễm (Hưng Yên) diệt 125 tên địch.

12-4

Pháo cao xạ ta hạ một B.24. Đó là chiếc máy bay thứ 50 bị ta bắn rơi ở Điện Biên Phủ.

- Na-va nghiên cứu định thực hiện kế hoạch Công-đơ, một kế hoạch đánh tháo cho quân đội đồn trú Điện Biên Phủ chạy sang Lào.

- Tại Liên khu 5, ta lại phục kích đánh địch trên đường số 19 từ Plây Cu đi An Khê, diệt 22 xe địch.

13-4

Hồi 15 giờ, một máy bay oanh tạc B.26 địch thả bom nhằm vào quân lính chúng chiếm đóng ở bắc khu trung tâm Mường Thanh.

14-4

Cô-nhi báo cho Đờ Cát biết kế hoạch Công-đơ sẽ được thực hiện với 4 tiểu đoàn đặt dưới quyền chỉ huy của trung tá Gô-đa (Godard). Đến 20 tháng 4 lực lượng này sẽ tiến đến vùng Mường Khoa - Pắc Luông thuộc lưu vực sông Nậm Hu.

15-4

Tại Hà Nội, Cờ-nhi tiếp tư lệnh không quân Mỹ Pa-tơ-rít-giơ đến để nghiên cứu lại kế hoạch “Điều hâu” Kế hoạch đó giờ được dự kiến như sau: 90 máy bay oanh tạc hạng nặng B.29 sẽ xuất phát từ căn cứ Ma-ni (Phi-líp-pin) đến đánh Điện Biên Phủ.

Đờ Cát được thăng tướng.

16-4

Tại đồng bằng Bắc Bộ, bộ đội ta chặn đánh diệt 300 tên địch đi càn ở vùng Duyên Hà (Thái Bình).

18-4

Tại Điện Biên Phủ, ta tiêu diệt cứ điểm 105 (bắc sân bay).

Tại đồng bằng Bắc Bộ, ta phục kích 1 tiểu đoàn địch ở vùng Đông Biên (Nam Định) diệt 250, bắt sống 254 tên thuộc GMVN, thu rất nhiều vũ khí, đạn dược.

- Tướng Mỹ Can-đê-ra (Caldera) cầm đầu một phái đoàn đến Sài Gòn trực tiếp kiểm tra việc chuẩn bị thực hiện kế hoạch “Điều hâu”

Quân ta chiếm cứ điểm 105, làm chủ 208, 106, cắt ngang sân bay Mường Thanh.

19-4

Tại Điện Biên Phủ, ta bẻ gãy các đợt phản kích của địch ra cứ điểm 105.

20-4

Tại đồng bằng Bắc Bộ, ta phục kích trên đường số 5, gần Như Quỳnh (Hưng Yên) diệt 1 tiểu đoàn địch thuộc GM3, thu 85 súng trường, 25 trung tiểu liên, phá hủy 3 xe tăng.

Na-va gửi về Pháp bản báo cáo tình hình quân sự ở Đông Dương. Theo y, cuộc tổng phản công của ta đã diễn ra sớm 8 tháng trước thời hạn mà y đã dự kiến. Y đề nghị với chính phủ Pháp hoặc ngừng bắn trước khi thương lượng, hoặc thương lượng mà không ngừng bắn, trong lúc đó thì tích cực chuẩn bị một quân đoàn tác chiến mới, người của Pháp, trang bị và tiền của Mỹ, để tiến hành một cuộc chiến tranh mới bằng những phương tiện khổng lồ...

22-4

Ta tiêu diệt cứ điểm 206 bằng chiến thuật đánh lén, cứ điểm cuối cùng của địch nằm sát sân bay ở về phía tây. Mãi đến sáng hôm sau Đờ Cát mới biết việc này.

- Quân ta hoàn toàn làm chủ sân bay.

Bộ chỉ huy Mặt trận kêu gọi các chiến sĩ Điện Biên Phủ hãy đẩy mạnh phong trào “săn Tây, bắn tĩa” và chuẩn bị tiến công đợt 3: tiếp tục tiêu diệt sinh lực địch, đánh chiếm cho hết các điểm cao phía đông và các cứ điểm đợt xuất phía tây, đưa tất cả hỏa lực các cỡ của ta vào gần để khống chế không phận, uy hiếp khu trung tâm, tăng cường hoạt động tiêu hao địch và tranh đoạt tiếp tế, tiến tới tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.

23-4

2 tiểu đoàn địch với 5 xe tăng phản kích đánh ra cứ điểm 206 nhưng hoàn toàn thất bại. Hơn 2 đại đội lính dù bị tiêu diệt.

Một khẩu đội sơn pháo 75 ly của ta bố trí trên đồi E diệt 4 khẩu 105 ly địch giữa lúc chúng vừa kéo ra khỏi công sự.

Bộ tham mưu của Na-va báo cho Cô-nhi biết là 150 bao than hoạt tính và 150 túi bột hóa học sẽ rời Pa-ri ngày 24 tháng 4 bằng máy bay để dùng vào việc làm mưa nhân tạo trên các tuyến đường giao thông của ta.

Tại Điện Biên Phủ, trận địa chiến hào quân ta từ hai mũi phía đông và tây cắt ngang sân bay đã gặp nhau.

Tại Pari, ngoại trưởng Pháp và Anh gặp nhau bàn về kế hoạch “Điều hâu”

26-4

Hội nghị Giơ-ne-vơ bàn về Triều Tiên và Đông Dương khai mạc.

27-4

Tại Điện Biên Phủ, Đảng ủy Mặt trận triệu tập hội nghị bí thư đảng ủy các đại đoàn phê phán các hiện tượng “hữu khuynh tiêu cực”

28-4

- Tại Liên khu 4, ta tiến công vào Ưu Điem, Phò Trạch tiêu diệt hơn 200 tên địch, 1 kho xăng bị đốt cháy.

- Địch bắt đầu thực hiện kế hoạch tháo chạy (Công-đơ) nhưng thất bại.

Sân bay Mường Thanh hoàn toàn bị ta khống chế, địch chỉ còn cách thả dù.

THÁNG 5 NĂM 1954

1-5

Đợt tiến công thứ 3 bắt đầu.

- Ở phía đông: trung đoàn 98 tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm C1 sau 20 ngày tranh chấp ác liệt với địch. Trung đoàn 209 tiêu diệt các cứ điểm 505, 505A (dưới chân dãy điểm cao khu đông).

- Ở phía tây: trung đoàn 88 đánh lấn tiêu diệt cứ điểm 311A.

Ở phía nam (Hồng Cúm) trung đoàn 57 đánh vào khu C, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.

- Lương thực của quân đội đồn trú chỉ còn lại có 3 ngày, 275 viên đạn 155 ly, 14.000 viên 105 ly và 5.000 viên cối 120 ly.

3-5

Đêm 2 tháng 5, trung đoàn 36 tiêu diệt cứ điểm 311B ở phía tây Mường Thanh.

Trận địa quân ta bao vây sát khu trung tâm chỉ còn cách sở chỉ huy Đờ Cát trên dưới 300 mét.

Một đại đội ta được lệnh đóng chốt ở bản Nà Ti, không cho địch tháo chạy sang Lào.

Cô-nhi chỉ thị cho Đờ Cát một kế hoạch tháo chạy khác gọi là kế hoạch “Chim biển” (Albatros), nhưng tất cả bọn sĩ quan chỉ huy Điện Biên Phủ đều mất tin tưởng. Đờ Cát quyết định ở lại với thương binh.

4-5

Quân địch phản kích định chiếm lại cứ điểm 311B nhưng thất bại.

5-5

Địch thả tiếp tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 xuống Điện Biên Phủ.

6-5

Quân ta đã đào xong một đường ngầm đưa 1.000 ki-lô-gam bộc phá vào đặt dưới hầm ngầm của địch và một hào giao thông cắt đôi A1 với A3, cô lập cứ điểm A1 với khu trung tâm.

20 giờ 30 phút: toàn mặt trận lách tiếng nổ của khối bộc phá 1.000 ki-lô-gam làm hiệu lệnh.

23 giờ: trung đoàn 165 tiến công vào cứ điểm 506 bên bờ sông Nậm Rốm, tiêu diệt 2 đại đội của tiểu đoàn dù số 6.

- Trung đoàn 209 tiến công cứ điểm 507, nhưng không thành công.

Trung đoàn 102 đánh vào cứ điểm 310, tiêu diệt đại đội 1 thuộc tiểu đoàn dù 1 (1^e BEP) ở phía tây.

7-5

- Các máy bay tiếp tế, tiếp viện lên Điện Biên đều quay về Hà Nội.

2 giờ 30 phút: cờ “Quyết chiến Quyết thắng” của quân ta đã tung bay trên điểm cao A1. Tên quan tư chỉ huy ở đây bị ta bắt.

- 4 giờ ta tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm A1.

5 giờ 30 phút: 2 đại đội và 1 xe tăng phản kích đánh lên A1, nhưng bị hỏa lực pháo của ta bắn cho tơi bời phải rút chạy. Đó là trận phản kích cuối cùng của địch lên điểm cao A1.

9 giờ: dưới hỏa lực yểm trợ của trung đoàn 174 trên A1 và hỏa lực mạnh mẽ của pháo binh ta, trung đoàn 98 tiêu diệt hoàn toàn C2, bắt trên 600 tên địch.

Trung đoàn 165 đánh chiếm 506.

Trung đoàn 209 tiến công 507 và tiếp tục lấn đất.

Tình hình lúc này: sau khi quân ta đã tiến công thắng lợi các điểm cao A1, C1, C2, 506, 310, khu vực chiếm đóng của địch chỉ còn lại mỗi chiều trên dưới 1.000 mét. Tinh thần binh lính địch hoàn toàn tan rã.

10 giờ: Cô-nhi nói chuyện với Đờ Cát qua vô tuyến điện thoại.

14 giờ: thấy quân địch có nhiều triệu chứng tan rã, lợi dụng thời cơ có lợi, Đại đoàn 312 ra lệnh cho trung đoàn 209 tiếp tục tiến công cứ điểm 507 ở gần cầu Mường Thanh. Hầu như trong tất cả các trận địa của địch đều xuất hiện cờ trắng, vải trắng. Trung đoàn 209 tiến công tiêu diệt các cứ điểm 508, 509, tiến sát bờ sông Nậm Rốm. Trong khu trung tâm bắt đầu có triệu chứng địch phá hủy vũ khí, và quăng vũ khí xuống sông. Ngay trong lòng Mường Thanh cũng xuất hiện cờ trắng. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy Mặt trận ra lệnh: *Tổng công kích tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Điện Biên Phủ.*

15 giờ 30 phút: các đơn vị thuộc Đại đoàn 308 và 312 tiến công vào tung thâm. Các sĩ quan đều đến vây quanh bên cạnh Đờ Cát: Lãng-gle, Bi-gia, Lơ-mơ-ni-ê, Va-đô... Đờ Cát điện về Cô-nhi báo cáo tiếng súng chống cự sẽ ngừng vào 7 giờ sáng mai.

16 giờ: đơn vị đầu tiên của Đại đoàn 312 vượt qua cầu Mường Thanh. 1 tiểu đội bộ binh thuộc trung đoàn 209 thọc sâu vào sở chỉ huy bắt tướng Đờ Cát và toàn bộ cơ quan tham mưu của y.

16 giờ: Pa-gít, tham mưu trưởng tập đoàn cứ điểm gọi điện cho La-lăng ở Hồng Cúm thúc phải gấp rút thực hiện kế hoạch tháo chạy.

16 giờ 30 phút: quân ta tiến sát đến sở chỉ huy Đờ Cát.

17 giờ 30 phút: Đại đoàn 312 báo cáo lên Bộ chỉ huy Mặt trận: "Tất cả quân địch trong khu trung tâm đã đầu hàng. Đờ Cát và cả ban tham mưu của hắn đã bị bắt"

17 giờ 55 phút: Cô-nhi điện báo cho La-lăng tìm mọi cách tháo chạy.

18 giờ 30 phút: Xa-lăng ra lệnh cho quân lính rời khỏi Hồng Cúm.

19 giờ: trung đoàn 57 truy kích sát địch về phía Lào.

20 giờ: tiêu diệt toàn bộ quân địch ở phân khu Hồng Cúm đang rút chạy.

22 giờ ngày 7 tháng 5 năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc hoàn toàn thắng lợi sau 55 ngày đêm chiến đấu anh dũng, sáng tạo của quân và dân toàn mặt trận.

24 giờ: toàn bộ quân địch ở Hồng Cúm gồm 2.000 tên rút chạy đã đầu hàng quân ta.

Thế là sau 55 ngày đêm chiến đấu ác liệt, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc đại thắng lợi.

Bản sao lưu trữ

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG, VẬT CHẤT HẬU CẦN, KỸ THUẬT PHỤC VỤ CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ*

I. QUÂN SỐ THAM GIA CHIẾN DỊCH, QUÂN SỐ HẬU CẦN CHIẾN DỊCH, LỰC LƯỢNG TĂNG CƯỜNG CHO HẬU CẦN CHIẾN DỊCH, THỜI GIAN CHIẾN DỊCH

TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ	QUÂN SỐ
Bộ binh: - Đại đoàn 308 312 316 304 <p style="text-align: right;"><i>Cộng:</i></p>	3 trung đoàn (36, 88, 102) 3 (141, 165, 209) 2 (98, 174) 1 (57 và giữa đợt 2 thêm 2 tiểu đoàn của trung đoàn 9) <hr style="width: 50%; margin-left: 0;"/> 9 trung đoàn + 2 tiểu đoàn	
Pháo binh: - Trung đoàn 45 675 - Trung đoàn cao xạ 37 (367) - Tiểu đoàn hỏa tiễn 46 <p style="text-align: right;"><i>Cộng:</i></p>	2 tiểu đoàn 105 (24 khẩu) 6 đại đội 75 (18 khẩu) 5 cối 120 (20 khẩu) 1 tiểu đoàn cối 82 (36 khẩu) 1 ĐKZ 75 (12 khẩu) 3 tiểu đoàn (36 khẩu) 1 (12 khẩu) <hr style="width: 50%; margin-left: 0;"/> 8 tiểu đoàn + 11 đại đội	
Công binh: - Trung đoàn công binh đại đoàn 351 - Công binh Cục Vận tải <p style="text-align: right;"><i>Cộng:</i></p> Bộ tư lệnh chiến dịch, tham mưu, chính trị.	4 tiểu đoàn 1 _____ 5 tiểu đoàn	1.754

* Dẫn theo *Tổng kết hậu cần chiến dịch Điện Biên Phủ* - Tổng cục Hậu cần xuất bản.

TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ	QUÂN SỐ
Hậu cần chiến dịch:		
- Chỉ huy sở hậu phương chiến dịch	1	
- Chỉ huy sở các tuyến KC	3	
- Đội điều trị quân y ¹	7 ĐĐT (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7)	679
- Đội vận tải ô tô	Gồm 446 xe	
Binh trạm	BT 18, trạm điều chỉnh giao thông	
- Kho	Quân nhu, Quân khí...	
<i>Cộng:</i>		3.168 ²
Tổng số quân		53.830

Lực lượng tăng cường cho hậu cần chiến dịch:

Công binh 4 tiểu đoàn công binh sửa đường.

Thông tin 2 đại đội.

- Pháo cao xạ 2 tiểu đoàn 37 ly (24 khẩu), 1 đại đội 12,7 ly.

- Thanh niên xung phong.

Dân công 33.500 (phục vụ 3 triệu ngày công).

Thời gian chiến dịch:

Thời gian bộ đội hoạt động ở chiến trường: 165 ngày (5 tháng rưỡi, từ tháng 11 năm 1953 đến tháng 5 năm 1954).

Thời gian hậu cần chiến dịch hoạt động: 210 ngày (7 tháng, từ tháng 11 năm 1953 đến tháng 7 năm 1954).

Đợt đánh Lai Châu 15-11-1953 - 12-1953.

Đợt đánh Thượng Lào 26-1-1953 - 6-3-1954.

Đợt chuẩn bị 26-1-1954 - 13-3-1954 (47 ngày đêm).

Đợt 1, 2, 3 13-3-1954 - 7-5-1954 (56 ngày đêm).

(Từ 17-1 đến 26-1 kéo pháo vào; từ 27-1 đến 5-2 kéo pháo ra).

1. Ngoài ra còn 4 đội điều trị của 4 đại đoàn: 308, 312, X..., 351.

2. Phân chia ra có 9 cán bộ cao cấp, 120 cán bộ trung cấp, 246 cán bộ sơ cấp, còn lại là cán bộ từ trung đội tới chiến sĩ.

II. KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NHÂN, VẬT LỰC ĐỂ PHỤC VỤ CHIẾN DỊCH (CHỈ TÍNH RIÊNG CHO ĐIỆN BIÊN PHỦ)

ĐỊA PHƯƠNG	Gạo (tấn)	Thịt (tấn)	Thực phẩm khác (tấn)	Dân công (người)	Xe đạp thồ (chiếc)	Phương tiện khác
Liên khu Việt Bắc	5.229	454	226	36.519	8.065	
Liên khu 3	1.464	64	51	6.402	1.712	
Liên khu 4	9.052		640	186.714	11.214	
Khu Tây Bắc	7.311	389		31.818		11.800
Lưu vực Nậm Hu	300					mảng nửa
Ở Thượng Lào	1.700					và 500 ngựa thồ
Cộng	25.056	907	917	261.453¹	20.991²	

III. KẾT QUẢ BỘ ĐỘI TỰ TỨC VÀ HẬU CẦN ĐƠN VỊ ĐẢM NHIỆM

TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG
Đại đoàn bộ binh X	Trong 25 ngày đào 52 tấn củ mài, kiếm 32 tấn rau rừng, đánh 12 tấn cá.
312	Tổ chức 1 đoàn 100 xe thồ để mua vật phẩm cần thiết từ hậu phương ra.
316	Tổ chức đánh từng đàn bò lên tiếp phẩm thịt tươi cho đơn vị.
Đại đoàn 351	Làm thịt ướp chuyển từ hậu phương ra được 100 tấn.
Tất cả các đơn vị	Đơn vị nói chung đã tự tổ chức trồng rau, ngâm giá, kiếm rau rừng, đánh cá, tổ chức thu mua rau và thịt, tổ chức tiếp tế thuốc hút, đường kẹo, thuốc đánh răng, xà phòng...

1. Trong số dân công này hậu cần chiến dịch sử dụng 33.300, số còn lại do Hội đồng Cung cấp mặt trận sử dụng ở hậu phương.

2. Ở tiền tuyến, hậu cần chiến dịch sử dụng 2.500 chiếc, số còn lại cũng do Hội đồng Cung cấp mặt trận sử dụng ở hậu phương.

BẢO ĐẢM VẬT PHẨM

CHỈ TIÊU	Kế hoạch	THỰC HIỆN CẤP PHÁT		TIÊU THỤ			Ghi chú
		Số lượng	Tỷ lệ so kế hoạch	Số lượng	Tỷ lệ so thực hiện	Cơ số	
1	2	3	4	5	6	7	8
Thực phẩm (tấn) - Gạo - Muối - Thịt - Thức ăn khô - Thực phẩm khác		25.056 907 917 469		14.950 268 577 565 469			Số cấp phát chỉ tính được số ở hỏa tuyến
Cộng:		27.349		16.829			
Đạn dược (viên) Bộ binh: - Trường, trung đại liên - Tiểu liên Pháo trực tiếp: - ĐKZ 57 - ĐKZ 75 - Badôca 90 Cối 60 - 81 và 82 - 120 Pháo gián tiếp: - Sơn pháo 75 - Lựu pháo 105 Đạn hỏa tiễn H6 Cao xạ 37ly	1.388.500 885.000 4.300 4.000 1.720 22.700 34.934 4.250 3.750 15.094 4.000 46.000	1.285.000 907.000 4.150 4.000 1.820 21.800 35.993 4.360 3.574 15.118 4.000 40.600		950.000 840.000 4.000 530 1.800 23.230 37.300 3.000 4.700 16.600 836 31.750		3 cơ số 2,3 1,5 2,5 4,3 7,6 6,3 8,6 14,0 3,5	Trung bình 1 khẩu tiêu thụ như sau (không tính riêng được) 280 viên 70 quả 45 - 25 - 130 - 230 - 190 - 260 - 700 - 70 - 950 -

1	2	3	4	5	6	7	8
Cao xạ 12,7ly	700.500	706.600		512.000		6,0	6000 quả
Lựu đạn	96.180	96.480		86.080			
Bộ phá phóng	3.000	1.600		1.500			
Bộ phá ống (m)	6.000	5.300		4.000			
Thuốc nổ (tấn)	26	27,5		25			
Cuốc (chiếc)	5.200	4.950		4.700			
Xêng (chiếc)	8.000	8.700		7.800			
Dao (chiếc)	3.000	2.920		2.900			
Dầu (lít)	1.800	1.860					
Mỡ (kg)	280	280					
Cộng (tấn)	1.500	1.450	96%	1.200	82%		
Thuốc, dụng cụ							
Quân y (tấn)	45	55		55			- Thêm 10T chiến lợi phẩm (tính ra 10.814 phuy 200 lít)
Quân trang (tấn)		71		71			
Xăng dầu ô tô (tấn)		1.783		1.783			
Vật phẩm khác (tấn)		51		51			
Tổng cộng (tấn)		30.759		19.989			Thực phẩm chỉ tính số cấp phát, tiêu thụ từ tuyến hậu cần hỏa tuyến

IV. BẢO ĐẢM QUÂN Y

PHÂN LOẠI	Đợt truy kích Lai Châu	Đợt hoạt động ở Thượng Lào	Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ				Số lượng (người)	Tỷ lệ so với quân số
			Đợt chuẩn bị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3		
Tử vong hỏa tuyến (%)				37	25	22		
Số thương binh	206 (0,38%)	233 (0,42%)	1.234 (2,3%)	2.262	4.378 (15,7%)	1.817	10.130	18,8% Trong đó: 56,6% nhẹ 26,6% vừa 16,8% nặng
Số bệnh binh							4.489	8,3%

TÌNH HÌNH CHUYỂN THƯƠNG BINH HỎA TUYẾN
VỀ TUYẾN QUÂN Y TRUNG ĐOÀN (TÍNH THEO TỶ LỆ %)

ĐỢT TÍNH	Trước 6 giờ	6-12 giờ	12-24 giờ	24-36 giờ	36-48 giờ	Sau 48 giờ
Truy kích Lai Châu	12,4	45,1	41,6	0,9		
Hoạt động ở Thượng Lào	2,7	46,1	12,8		11,7	26,7
Ở Điện Biên Phủ:						
Thời kỳ chuẩn bị	17,0	25,0	27,3	17,6	8,8	4,1
Đợt 1	34,4	58,5	6,5			0,6
Đợt 2	21,0	14,8	11,6	12,3	10,6	29,7
Đợt 3	63,0	28,8	6,1	1,8		0,3

TÌNH HÌNH CHUYỂN THƯƠNG BINH TỪ TIỀN PHƯƠNG
VỀ HẬU PHƯƠNG (TÍNH THEO NGƯỜI THƯƠNG BINH)

THỜI GIAN	Bằng ô tô	Bằng cồng	Đi bộ	Cộng
Thời kỳ chuẩn bị	454			454
- Đợt 1 từ 13-3 đến 16-4	1.720	225		1.945
- Đợt 2 từ 17-4 đến 30-4	1.161			1.161
- Đợt 3 từ 1-5 đến 5-6	4.805	680	559	6.044
<i>Cộng</i>	8.140	905	559	9.604
Tỷ lệ%	84,7	9,4	5,9	

Chú thích: Có 72 thương binh quá nặng để lại điều trị tại Điện Biên Phủ.

KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ

CHỈ TIÊU	Số lượng người	Tỷ lệ	Chú thích
Số ngày điều trị trung bình			
Khỏi trả về đơn vị ở tại mặt trận	4.683	32,1%	
Khỏi trả về đơn vị tính đến 5-6-1954	7.166	49,0%	(tính từ đầu)
Tàn phế			
Chết		1,7%	

Cứu chữa tù - hàng binh

Tổ chức chăm nom và sử dụng các thầy thuốc, nhân viên quân y của địch cứu chữa cho 1.487 tên tù, hàng binh bị thương.

V. CÔNG TÁC VẬN CHUYỂN

	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG CỦA			
		Hội đồng Cung cấp mặt trận	Tổng cục Cung cấp	Hậu cần chiến dịch	Chung
1	2	3	4	5	6
<i>1. Số vật phẩm vận chuyển</i>	Tấn				30.759
<i>2. Số tấn/km theo phương thức vận chuyển:</i>	T/km				
- Bằng cơ giới (ô tô)	-	1.176.300	1.582.000	1.429.700	4.188.000
- Bằng dân công	-	Không thống kê được		53.980	
- Bằng phương tiện thô sơ	-			84.675	262.600 ¹
- Bằng đường thủy	-			123.900	
<i>Cộng</i>		1.176.300	1.582.000	1.692.300	4.450.600
<i>3. Tuyến vận chuyển cơ giới:</i>					
- Lạng Sơn - Bờ Đậu	km		180		180
- Cao Bằng - Bờ Đậu			296		296
- Hòa Bình - Cò Nòi		184			184
- Bờ Đậu - Sơn La		369	369		369
- Sơn La - Điện Biên Phủ				173	173
- Lai Châu - Tuần Giáo				98	98
- Khu vực hỏa tuyến				30	30
<i>Cộng</i>		553	845	301	1.350

1. Tỷ lệ tấn/km giữa các phương tiện và lực lượng vận chuyển:

- Cơ giới 94,1%
- Thô sơ 4,7%
- Dân công 1,2%

1	2	3	4	5	6
Dân công, xe đạp thồ, thuyền mảng:					
- Nho Quan - Bãi Sang	km	140			140
- Thanh Hóa - Bãi Sang		185			185
- Bản Lèn - Lai Châu				80	80
- Lai Châu - Cò Cháy				85	85
- Mường Luân - Nà Sang				60	60
<i>Cộng</i>		325		225	550
<i>Tổng cộng</i>		878	845	526	1.880
<i>4. Lực lượng và phương tiện vận tải:</i>					
- Dân công vận tải	người	Không thống kê được			
- Ô tô ¹	chiếc	182 (lúc nhiều nhất 237)		446	628
- Xe đạp thồ		18.491		2.500	20.991
- Thuyền mảng				11.660	11.660
- Phà, ca nô, thuyền lớn					140
- Ngựa thồ	con	140		500	500

Chú thích:

Tuyến sông Nậm Na công binh đã phá 102 thác đá thành 2.200m³ để thông đường vận chuyển.

Theo thống kê của công binh, trong chiến dịch từ trung tuyến lên đã chữa 308 km đường ô tô và làm mới 63 km đường kéo pháo, kết hợp cho đường vận chuyển hậu cần chiến dịch xuống các đơn vị. Tổng số khối lượng: 35.000m³ đất, 15.000m³ đá, 1.700m cầu.

1. Số ô tô trong chiến dịch bị hư hỏng nặng 78 chiếc:

- Trong số này bị hỏng hoàn toàn: 14 chiếc.

Phân loại nguyên nhân hư hỏng:

Bị máy bay địch bắn: 32 chiếc.

Bị đổ 43 chiếc.

Bị cháy 3 chiếc.

- Trong tổng số 628 xe có 94 chiếc mượn của pháo binh.

VI. THU DỌN CHIẾN LỢI PHẨM

TÊN VẬT PHẨM	Đơn vị tính	Số lượng	Chú thích
1. Vũ khí đạn dược	Tấn	1.000	Đạn pháo 105 đã dùng bổ sung ngay trong tác chiến
2. Thuốc, dụng cụ quân y		20	Dùng ngay 10 tấn cho chiến dịch
3. Thực phẩm (đồ hộp)		40	Không thống kê được số lẻ tẻ
4. Ô tô	Chiếc	46	
5. Et-xăng	Phuy 200l	200	
6. Máy và dụng cụ thông tin	Tấn	43	
<i>Cộng</i>	Tấn	1.500	

DỰ LUẬN QUỐC TẾ VỀ CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

“Quân dân Lào vô cùng phấn khởi và tin tưởng ở thắng lợi của các bạn, coi đó là những thắng lợi của bản thân mình. Chiến thắng Điện Biên Phủ có ảnh hưởng và giá trị vô cùng to lớn đối với cuộc kháng chiến chung của ba nước Việt, Kơ-me, Lào và đối với phong trào đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới hiện nay, đặc biệt là đối với Pa-thét Lào, nhất là đối với Thượng Lào, nó tạo thêm nhiều thuận lợi để quân và dân Lào phát triển những thắng lợi của mình trong Đông Xuân qua, củng cố khu giải phóng, đẩy mạnh chiến tranh du kích toàn bộ tiến lên. Không những thế, Điện Biên Phủ được giải phóng sẽ mở thông hoàn toàn biên giới giữa Thượng Lào với Bắc Bộ Việt Nam, làm cho tình đoàn kết Việt - Lào càng được thắt chặt thắm thiết hơn nữa.

Với những sự liên quan chặt chẽ nói trên, chúng tôi nhận thấy rằng các bạn chiến đấu ở Điện Biên Phủ hiện nay, ngoài nhiệm vụ giải phóng cho đất nước các bạn, chính các bạn cũng đang làm nhiệm vụ giúp đỡ, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của Pa-thét Lào”

(Trích thư của Hoàng thân Xu-pha-nu-vông - Thủ tướng Chính phủ kháng chiến Pa-thét Lào động viên các chiến sĩ Điện Biên Phủ).

Chiến thắng Điện Biên Phủ không phải chỉ là thắng lợi của quân đội và nhân dân Việt Nam mà còn là thắng lợi chung của nhân dân các nước ở Đông Dương.

(Đài Pa-thét Lào, ngày 7-5-1964).

“Chiến thắng Điện Biên Phủ là đỉnh cao của cuộc tấn công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 trên toàn chiến trường Đông Dương, đập tan kế hoạch

Na-va của đế quốc Pháp - Mỹ, là chiến thắng vĩ đại của nhân dân và Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, là thắng lợi chung của quân đội và nhân dân ba nước Lào Việt Nam Cam-pu-chia chúng ta, là thắng lợi của tình đoàn kết liên minh chiến đấu toàn diện giữa quân đội và nhân dân ba nước mà Việt Nam là trụ cột. Với chiến thắng lịch sử này, cuộc kháng chiến trường kỳ, anh dũng của ba dân tộc anh em chúng ta chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đã kết thúc thắng lợi vẻ vang, tạo ra cục diện chính trị mới ở Đông Dương và những điều kiện cơ bản để đưa sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ba nước đi tới thắng lợi hoàn toàn như ngày nay.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là sự mở đầu thời kỳ tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới, đánh dấu bước phát triển mới của ba dòng thác cách mạng trong thời đại ngày nay và đã được ghi vào lịch sử của loài người tiến bộ, là sự biểu hiện lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh anh dũng bất khuất và chủ nghĩa anh hùng cách mạng quyết chiến quyết thắng của các dân tộc bị áp bức chống lại các thế lực thực dân, đế quốc và phản động. Nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân Lào vô cùng tự hào về chiến thắng Điện Biên Phủ oai hùng, tự hào được đóng góp phần mình vào thắng lợi vĩ đại của nhân dân ba nước Đông Dương chúng ta”

(Trích điện mừng của Đại tướng Khăm-tày Xi-phăn-đon - Bộ trưởng Quốc phòng nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào gửi Đại tướng Văn Tiến Dũng nhân kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ - Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 8-5-1984).

“Chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng vĩ đại có ý nghĩa lịch sử và quốc tế to lớn. Chiến thắng Điện Biên Phủ báo hiệu sự sụp đổ tất yếu của hệ thống thuộc địa trên thế giới, đồng thời mở đầu thất bại của chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ ở Đông Dương.

Với những tình cảm anh em thân thiết, nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia coi chiến thắng Điện Biên Phủ của Việt Nam như chiến thắng chung của nhân dân ba nước Đông Dương và rất tự hào đã góp phần nhỏ của mình vào chiến thắng vĩ đại đó. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã chứng minh một cách sinh động sức mạnh của tình đoàn kết chiến đấu giữa ba nước anh em Cam-pu-chia Việt Nam Lào trở thành một quy luật phát triển đưa cả ba dân tộc chúng ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đánh bại thực dân Pháp, đế quốc Mỹ...

Nhân dân và quân đội nhân dân cách mạng Cam-pu-chia đời đời biết ơn những chiến sĩ Điện Biên năm xưa và con em họ ngày nay, những chiến sĩ tình nguyện đã giúp chúng tôi đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn-pốt và đang chịu đựng hy sinh gian khổ tiếp tục giúp đỡ nhân dân và các lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Chúng tôi nguyện noi theo tấm gương anh hùng và tinh thần quốc tế vô sản cao cả của các chiến sĩ Điện Biên Phủ để đưa sự nghiệp cách mạng Cam-pu-chia đến thắng lợi hoàn toàn, góp phần bảo vệ độc lập tự do của mỗi nước anh em trên bán đảo Đông Dương, bảo vệ hòa bình và ổn định trong khu vực và trên toàn thế giới”

(Trích điện mừng của đồng chí Bu Thoong Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhân dân cách mạng, Bộ trưởng Quốc phòng Cam-pu-chia gửi đồng chí Văn Tiến Dũng, Bộ trưởng Quốc phòng nước ta nhân kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên Phủ - Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 8-5-1984).

Chúng tôi đã theo dõi từ xa chiến thắng Điện Biên Phủ; giờ phút này, chúng tôi lại được sống lại như ở Điện Biên Phủ dù chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ.

Điện Biên Phủ không kết thúc ở năm 1954. Ảnh hưởng của Điện Biên Phủ tồn tại đến ngày nay và lan rộng khắp cả Đông Dương, đặc biệt là ở Cam-pu-chia.

Điện Biên Phủ không chỉ đơn thuần là một thắng lợi quân sự của những người anh em Việt Nam. Điện Biên Phủ còn có giá trị về mặt củng cố sự hiểu biết, tình đoàn kết và hữu nghị giữa ba dân tộc Đông Dương: Việt Nam, Lào, Khơ Me.

(Cảm tưởng của phái đoàn Cam-pu-chia sang thăm Việt Nam - Tài liệu Viện Bảo tàng quân đội, Sổ vàng 1964-1971).

“Chiến thắng Điện Biên Phủ” đã ghi một trang mới trong lịch sử của nhân dân bị áp bức.

(Báo *Tin nhanh*, Cam-pu-chia, ngày 7-5-1964).

“Chiến dịch Điện Biên Phủ là một cuộc quyết chiến vĩ đại trên chiến trường Đông Dương. Chiến dịch Điện Biên Phủ cũng là tượng trưng cho sự thiện chiến dũng cảm của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ là một tấm gương tốt cho cuộc đấu tranh chống thực dân, giành độc lập dân tộc của nhân dân các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ La-tinh.

Chiến dịch Điện Biên Phủ là sự kết thúc nhục nhã của quân đội thực dân Pháp được đế quốc Mỹ ủng hộ ở chiến trường Đông Dương.

Xin chúc Quân đội nhân dân Việt Nam giành thắng lợi huy hoàng trong sự nghiệp đấu tranh nhằm thống nhất Tổ quốc, bảo vệ công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp xây dựng quân đội tiến lên chính quy và hiện đại”

(Đoàn đại biểu hữu nghị quân sự Trung Quốc thăm Điện Biên Phủ ngày 24 tháng 2 năm 1962.

Nguyên soái **DIỆP KIỂM ANH**

Thượng tướng **LƯU Á LÂU**

Trung tướng **TIÊU HOA**).

“Chiến thắng Điện Biên Phủ đã chứng minh một cách hùng hồn trước toàn thể thế giới một chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin là chủ nghĩa đế quốc và tất cả bọn phản động không bao giờ tự động rút khỏi vũ đài lịch sử. Đứng trước chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai vũ trang đến tận răng, chỉ có dựa vào cuộc đấu tranh vũ trang của tất cả các dân tộc và nhân dân bị áp bức mới giành được thắng lợi của cách mạng và chỉ có nhân dân dám đấu tranh và dám giành thắng lợi mới đánh bại được sự xâm lược và áp bức của chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai, giành giải phóng hoàn toàn cho mình. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã cổ vũ lòng tin của nhân dân cách mạng trên thế giới vào thắng lợi của đấu tranh và đã nêu một gương sáng cho tất cả các dân tộc và nhân dân bị áp bức trên toàn thế giới”

(Trích bài phát biểu của Trung tướng Lương Tấn Diệp tại cuộc mít tinh kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ của TCCT Quân giải phóng Trung Quốc - Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 7-5-1964).

“Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng đã giải phóng hoàn toàn Điện Biên Phủ, cứ điểm cuối cùng của bọn thực dân Pháp xâm lược ở Tây Bắc vào

ngày 7 tháng 5 năm 1954. Tin ấy đã làm cho chúng ta rất vui mừng. Giải phóng Điện Biên Phủ đã viết nên một trang sử huy hoàng trong lịch sử chống xâm lược của nhân dân Việt Nam. Nó báo hiệu Quân đội nhân dân Việt Nam về chiến lược, chiến thuật đã bước vào một giai đoạn mới, cán cân lực lượng giữa Quân đội nhân dân Việt Nam và bọn thực dân Pháp trên chiến trường Việt Nam đã có những biến chuyển lớn, đồng thời cũng báo hiệu kế hoạch quân sự của Na-va được sự ủng hộ toàn lực của đế quốc Mỹ đã sắp đi đến chỗ sơn cùng thủy tận và triệt để phá sản. Việc ấy đối với bọn hiếu chiến Mỹ, Pháp rõ ràng là một đòn cực kỳ nghiêm trọng.

Chiến công vĩ đại và sáng chói như vậy thực chưa từng thấy trong lịch sử chống xâm lược của nhân dân Việt Nam. Điều đó chứng minh rằng một quân đội nhân dân anh hùng do Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, có kinh nghiệm dày dặn, có tổ chức, có kỷ luật, lại được nhân dân nhiệt liệt ủng hộ là một quân đội chỉ có thể chiến thắng, không thể chiến bại, một quân đội mà không một sức mạnh nào có thể phá vỡ nổi.

Việc giải phóng Điện Biên Phủ lại một lần nữa nói lên thời đại mà bọn đế quốc tự do hoành hành ở châu Á đã qua và không bao giờ trở lại.

(Trích dịch báo *Thế giới trí thức*, Trung Quốc, ngày 20-5-1954).

“Cuộc chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam trong những điều kiện gay go đã đưa đến thắng lợi trên chiến trường Điện Biên Phủ. Nhân dân Việt Nam đã đạt được thêm những thắng lợi vĩ đại và đã chứng tỏ sức mạnh của mình trong cuộc chiến đấu chính nghĩa chống đế quốc xâm lược. Việc giải phóng Điện Biên Phủ một lần nữa làm cho toàn thế giới thấy rằng nhân dân Việt Nam đã vùng dậy và không có một lực lượng nào khuất phục nổi...”

(Trích *Nhân dân nhật báo*, Trung Quốc, ngày 9-5-1954).

Xã luận *Nhân dân nhật báo* viết: Chiến thắng Điện Biên Phủ có ý nghĩa lịch sử vĩ đại. Nó không những là một cái mốc đánh dấu thời đại của nhân dân Việt Nam mà trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới, nó còn là một sự kiện cần được nói đến nhiều và ca ngợi nhiều. Bài xã luận nhấn mạnh: Chiến thắng Điện Biên Phủ là một thất bại thảm hại của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á sau chiến tranh thế giới thứ hai, là một

thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt Nam và tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Sau khi nhắc lại lời Hồ Chủ tịch nói về ý nghĩa chiến thắng Điện Biên Phủ tại Hội nghị chính trị đặc biệt vừa rồi, bài xã luận viết tiếp: Những chiến công huy hoàng và kinh nghiệm thắng lợi của nhân dân và Quân đội nhân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ đã trở thành một sức mạnh cổ vũ to lớn đối với các dân tộc trên thế giới đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành độc lập dân tộc.

Mười năm qua, nghe đến tên Điện Biên Phủ, bọn đế quốc lại tán đảm kinh hồn, còn các dân tộc đang anh dũng chiến đấu chống đế quốc thì tăng thêm vô hạn dũng khí và niềm tin thắng lợi. Chiến thắng Điện Biên Phủ có ảnh hưởng sâu sắc và rộng lớn như vậy là vì nó là tấm gương sáng chói của nhân dân cách mạng dùng đấu tranh vũ trang chiến thắng chủ nghĩa đế quốc.

(Trích *Nhân dân nhật báo*, Trung Quốc, ngày 7-5-1964. Bài "Ý nghĩa lịch sử vĩ đại của chiến thắng Điện Biên Phủ").

"Quân đội nhân dân Việt Nam đã giải phóng Điện Biên Phủ, nơi mà bọn thực dân xâm lược cho rằng "không thể xâm phạm được" Tất cả những người yêu chuộng chính nghĩa toàn thế giới đều vô cùng phấn khởi về sự thắng lợi vĩ đại trong công cuộc đấu tranh giành tự do và độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Giải phóng Điện Biên Phủ làm cho bọn đế quốc Pháp, Mỹ mất đi cứ điểm cuối cùng ở khu Tây Bắc Việt Nam, cũng tức là những âm mưu biến khu vực này trở thành bàn đạp để xâm chiếm nước Việt Nam của kế hoạch Na-va đã hoàn toàn thất bại. Giải phóng Điện Biên Phủ dẫn đến sự rối loạn của bọn xâm lược. Pa-ri và Hoa Thịnh Đốn sợ hãi, kinh hoàng đối với sự kiện này, thật khó mà tưởng tượng được.

Thắng lợi của Quân đội nhân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ sẽ vĩnh viễn ghi lại trên những trang sử đấu tranh vẻ vang giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam..."

(Trích *Bình luận của Thông tấn xã Triều Tiên* ngày 10-5-1954).

Chiến thắng Điện Biên Phủ không những chỉ là chiến thắng của nhân dân Việt Nam mà còn là chiến thắng chung của tất cả các dân tộc bị áp bức, bị bóc lột, đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và tự do. Thắng lợi này không những giáng những đòn mạnh mẽ vào bọn thực dân Pháp mà cả vào bọn đế quốc Mỹ. Chiến thắng này một lần nữa chứng minh rằng khi mà nhân dân bị áp bức và bóc lột tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc và thực dân, họ có thể đánh bại được những kẻ thù hung dữ và tàn bạo, giành độc lập dân tộc và tự do, và củng cố nền độc lập đã giành được qua đấu tranh gian khổ.

(Trích báo *Lao động tân văn*, cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Triều Tiên, ngày 7-5-1964).

Nhân dân và những người cộng sản In-đô-nê-xi-a theo dõi rất sát cuộc đấu tranh anh dũng của Quân đội nhân dân Việt Nam và coi những thắng lợi của Quân đội nhân dân Việt Nam như những thắng lợi của mình. Nhân dân In-đô-nê-xi-a yêu nước được tin thắng lợi của nhân dân Việt Nam tại Điện Biên Phủ thì tưởng chừng như trái tim muốn bùng lên vì sung sướng.

Thắng lợi lịch sử này cổ vũ nhân dân In-đô-nê-xi-a và nói rõ cho nhân dân In-đô-nê-xi-a rằng dù bọn đế quốc mạnh đến đâu, chúng nhất định cũng sẽ bị đánh bại bởi một dân tộc quyết tâm kháng chiến.

Bài học Điện Biên Phủ quý báu đã được nhân dân In-đô-nê-xi-a đem áp dụng năm ngoái lúc bọn đế quốc Mỹ cùng bọn trong nước phát động cuộc phản cách mạng vũ trang ở In-đô-nê-xi-a. Nhân dân In-đô-nê-xi-a đã kiên quyết chống lại bọn phiến loạn và áp lực của Mỹ muốn đưa quân đổ bộ ở Xu-ma-tơ-ra lấy cớ là bảo hộ giếng dầu lửa của mình. Nhờ có sự nhất trí và quyết tâm của nhân dân và chính phủ In-đô-nê-xi-a, việc đổ bộ của quân Mỹ bị phá tan và các chiến dịch quân sự ở Tây Xu-ma-tơ-ra và Bắc Xu-la-vê-di chống bọn phiến loạn đã thắng lợi to lớn...”.

(Trích lời phát biểu của đồng chí Ai-dích, Tổng bí thư Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a, trong cuộc chiêu đãi đoàn đại biểu Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a sang thăm Việt Nam tối 30-3-1959).

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam không những là một nguồn cổ vũ và khuyến khích nhân dân Á - Phi trong cuộc đấu tranh chống nền thống trị của đế quốc ở mỗi nước, trong cuộc đấu tranh xóa bỏ nền thống trị đó, mà còn làm suy yếu ngay lực lượng của chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù chung của nhân dân Á - Phi.

Chiến thắng lịch sử vĩ đại của Quân đội nhân dân Việt Nam đã đập tan quân đội hiện đại và hùng mạnh của thực dân Pháp trong trận Điện Biên Phủ là một bài học quan trọng chứng minh cho toàn thế giới thấy rằng lực lượng của bọn đế quốc tuy có vẻ ghê gớm và hùng hổ nhưng thực ra lực lượng của nhân dân có thể hoàn toàn đánh bại và đập tan được.

Chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại không những là một nguồn tự hào của nhân dân Việt Nam, mà còn là một nguồn tự hào của giai cấp công nhân trên thế giới và đặc biệt là của nhân dân Á - Phi.

Chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại là tượng trưng cho ưu thế của lực lượng nhân dân đối với lực lượng đế quốc chủ nghĩa...”

(Trích điện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a chúc mừng kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam).

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đưa đến cho nhà văn Thái Lan Cô-li In-xin-xai nhiều suy nghĩ sâu sắc về vai trò của quần chúng nhân dân. Ông viết:

“Tìm chân lý bao giờ cũng gặp khó khăn và khó khăn không phải là nhỏ, có điều chúng ta phải biết tìm cách khắc phục nó. Nhân dân Việt Nam vừa thành công trong việc kéo pháo lên những ngọn núi cao và hiểm trở để giành chiến thắng Điện Biên Phủ. Điều đó chứng tỏ sức mạnh của quần chúng. Bọn đang nằm đợi chờ thần chết, cho đến nay vẫn không hiểu sức mạnh của quần chúng có thể chinh phục được thế giới...”

(Trích trong tập truyện ngắn “Hiện đại”, đăng trong tuần báo Thái Lan, 5-5-1958).

“Nhưng trái ngược lại với những cố gắng của các báo chí phản động, dư luận đã thấy rõ tình cảnh không có lối thoát của bộ phận lớn quân đội

Pháp bị bao vây ở Điện Biên Phủ, càng chứng tỏ tình hình của cả đội quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Trước dư luận, Điện Biên Phủ có nghĩa là sự phá sản của các kế hoạch của bọn thực dân và trước hết là sự phá sản của cái “kế hoạch Na-va” phiêu lưu mà trước đây người ta đã quảng cáo rầm rĩ.

Giải phóng cứ điểm này chứng tỏ lực lượng của Quân đội nhân dân Việt Nam và ý chí không gì lay chuyển nổi của nhân dân Việt Nam kiên quyết bảo vệ nền tự do, độc lập của mình. Bài học Điện Biên Phủ nói lên rằng tất cả mọi âm mưu giải quyết vấn đề Đông Dương bằng cách tiếp tục cuộc chiến tranh thuộc địa đều bị thất bại. Nhưng trái với ý muốn của các nhóm phản động, không tài nào kìm được tiếng nói của dư luận tất cả các nước đang đòi phải lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng quyền tự do dân tộc của các dân tộc Đông Dương...”

(Trích báo *Sao Đỏ*, Liên Xô, ngày 8-5-1954).

Báo *Sự thật* (Liên Xô) ca ngợi chiến thắng Điện Biên Phủ, dẫn tới việc chấm dứt cuộc chiến tranh của thực dân Pháp ở Đông Dương và nêu bật cuộc đấu tranh anh dũng của quân và dân ta chống cuộc xâm lược của đế quốc Mỹ, vì sự nghiệp bảo vệ tự do và độc lập.

Bài báo viết:

“Đối với nhân dân Việt Nam, từ “Điện Biên Phủ” đã vang lên như lời kêu gọi phát huy ý chí kiên cường, như sự tượng trưng cho thắng lợi sau này”

Bài báo hoan nghênh thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, nêu bật thành tích của nhân dân ta trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau khi ký kết Hiệp định Pa-ri và nhấn mạnh: “Nhiệt tình cách mạng của nhân dân thể hiện hùng hồn trên chiến trường Điện Biên Phủ cũng như trong những trận chiến đấu khác, ý chí kiên cường nhằm đạt tới mục tiêu hiện nay đang được biểu hiện bằng chủ nghĩa anh hùng trong lao động của những người xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa”

(Trích báo *Sự thật*, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Liên Xô, ngày 7-5-1974).

“Chiến thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ cho toàn thế giới thấy rõ tính chất tuyệt vọng của bất cứ âm mưu nào nhằm làm nhục ý chí và lòng dũng cảm của những người yêu nước Việt Nam”

(Trích báo Sao Đỏ, Liên Xô).

“Thắng lợi của Quân đội nhân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ là một trong những trang đấu tranh rực rỡ nhất, không những của nhân dân Việt Nam, mà còn của tất cả các dân tộc bị áp bức đang đấu tranh cho tự do và độc lập”

(Dẫn theo: La-vô-rít-sép - *Đông Dương sau chiến tranh thế giới thứ hai*. M, Nxb Quan hệ Quốc tế, 1960, tr. 93-94).

Đối với chúng tôi, những người dân Xô-viết, Điện Biên Phủ là tượng trưng cho sức mạnh vô địch của nhân dân Việt Nam đã vùng lên bảo vệ lấy khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc của mình bị bọn thực dân giày xéo. Nếu bạn hỏi bất cứ người dân Xô-viết nào rằng có biết Điện Biên Phủ không thì bạn có thể tin chắc được là người đó sẽ trả lời bạn: Điện Biên Phủ là nơi mà nhân dân Việt Nam đã đánh tan thành đội lính Lê dương, kỷ niệm xấu xa của Pháp đã đánh bại kế hoạch của bọn thực dân Pháp và đã chứng minh cụ thể cho toàn thế giới biết rằng một dân tộc bảo vệ nên tự do của Tổ quốc mình đã có thể lập nên chiến công như thế nào. Điện Biên Phủ, đó là trang sử vàng trong lịch sử đấu tranh anh hùng của nhân dân Việt Nam, đó là trận đánh đã mang lại hòa bình ở Việt Nam.

(Trích: A-rô-xê-nhi-ép, phụ trách sở Thông tin Liên Xô tại Việt Nam. Báo *Quân đội nhân dân*, từ 5 đến 8-5-1958).

“Điện Biên Phủ tượng trưng cho sự nghiệp anh hùng của nhân dân Việt Nam. Ở đây, nhân dân Việt Nam đã đánh cho bọn thực dân Pháp và bọn đế quốc giúp đỡ chúng một đòn chí mạng, đem lại thắng lợi cuối cùng cho công cuộc cách mạng ở miền Bắc Việt Nam”

(Trích cảm tưởng của thiếu tướng Pê-lê Va-xi-li Pê-đô-rô-vích và đại tá Ni-ki-tin Ê-mi-lai-in Pa-lô-vích (Liên Xô) ghi vào Sổ vàng Điện Biên Phủ ngày 14-2-1962).

“Chiến thắng Điện Biên Phủ của nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại của mình đi vào lịch sử cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của các dân tộc châu Á như là một trong những hành động anh hùng nhất và đã mở đường cho nhân dân Việt Nam đi tới chủ nghĩa xã hội, tự do và hạnh phúc”

(Phái đoàn Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ Đức thăm hữu nghị Hà Nội, ngày 26-1-1960).

“Chiến thắng Điện Biên Phủ của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam có thể đánh giá như một “trận Xta-lin-grát” của lịch sử chiến đấu giải phóng thuộc địa. Chúng ta hãy liên tưởng: Khi quân đội Liên Xô chiến thắng phát xít Đức và đế quốc Nhật năm 1945, thì nhân dân Việt Nam cũng đã tự giải phóng khỏi ách thuộc địa. Nhưng chẳng bao lâu sau, quân đội viễn chinh Pháp đã trở lại và buộc nhà nước non trẻ này phải hy sinh một lần nữa trong cuộc chiến đấu mới. Một cuộc chiến tranh ác liệt kéo dài 8 năm lại bắt đầu và nhân dân Việt Nam đã là nhân tố quyết định thắng lợi cơ bản qua trận đánh 55 ngày đêm ở Điện Biên Phủ. Chủ nghĩa đế quốc đã chuốc lấy một thất bại về quân sự. Trên cao nguyên này của miền Bắc nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã viết nên một trang sử đánh tan hệ thống thuộc địa đế quốc”

(Trích báo *Quân đội nhân dân*, Cộng hòa dân chủ Đức, ngày 8-5-1974).

Với chiến thắng vẻ vang của mình chống bọn thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam đã ghi vào lịch sử của thời đại chúng ta một trong những trang lịch sử đấu tranh đẹp nhất chống bọn đế quốc. Trong cuộc chiến đấu ngoan cường của nhân dân Việt Nam anh dũng, tim chúng tôi đã hòa cùng một nhịp với các bạn trước mọi sự kiện xảy ra và chúng tôi đã cùng chia sẻ niềm vui với những người anh em Việt Nam khi nghe tin ngọn cờ chiến thắng của các bạn đã cắm lên cứ điểm Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ đã trở thành tượng trưng cho cuộc đấu tranh anh dũng của một dân tộc thiết tha yêu chuộng tự do và có một sức sống bất khuất...”

(Trích lời chào mừng của đồng chí Phơ-ren-xơ Nê-dơ-van, trưởng đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Hung-ga-ri trong buổi lễ kỷ niệm lần thứ 15 ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Hà Nội).

“Thắng lợi có ý nghĩa lịch sử này là một cái mốc quan trọng đánh dấu sự tan vỡ hệ thống thực dân kiểu cũ của Pháp. Không rút được bài học thất bại của Pháp, đúng 10 năm sau Mỹ đã dựng lên sự kiện vịnh Bắc Bộ để lấy cớ trực tiếp đưa quân vào miền Nam Việt Nam. Nhưng không một thế lực nào, một hành động tàn bạo nào có thể phá vỡ nổi sức kháng cự của nhân dân Việt Nam. Tháng 1 năm 1973, nhân dân Việt Nam lại một lần nữa chiến thắng”

(Trích báo *Quân đội nhân dân*, Hung-ga-ri, ngày 7-5-1974).

“Một trong những biểu tượng của thời đại chúng ta đang sống là thắng lợi của nhân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ. Thắng lợi đó đã chứng minh một cách hùng hồn rằng chủ nghĩa thực dân đã đến ngày tận số...”

20 năm trước đây, Điện Biên Phủ đã chỉ cho toàn thế giới thấy rằng thời đại chủ nghĩa thực dân đã vĩnh viễn qua rồi. Chiến tranh thực dân không thể mang lại thắng lợi cho bất cứ một nước thực dân nào cũng như cho các thế lực đế quốc hay thực dân kiểu mới cấu kết với nhau...

Giá trị lịch sử thắng lợi của nhân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ là nêu bật được tình hình đã thay đổi trên thế giới và sự bất lực của bọn thực dân trước tình hình đó. Đó là thất bại không chỉ riêng của chính sách thực dân Pháp và cũng không phải “lỗi lầm” riêng của tên tướng thực dân này hay tướng thực dân khác”

(Trích báo *Mặt trận Tổ quốc*, Bun-ga-ri, ngày 6-5-1974).

“20 năm trước đây, cùng ngày này, nhân dân Việt Nam anh hùng đã ghi một trong những trang chói lọi nhất trong lịch sử của mình. Điện Biên Phủ là tấm gương sáng ngời tinh thần dám nghĩ dám làm, để giáng một đòn quyết liệt vào bọn xâm lược nước ngoài. Chủ nghĩa anh hùng tập thể của các chiến sĩ quân đội nhân dân, tinh thần cao đẹp, sự hy sinh quên mình của họ đã chỉ cho cả thế giới thấy rằng: những khát vọng xâm lược hòng buộc nhân dân Việt Nam phải quỳ gối đã bị thảm bại hoàn toàn, những mưu toan bóp nghẹt khao khát tự do và độc lập của nhân dân Việt Nam cũng không thể nào thực hiện được.

Chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ có ý nghĩa chính trị to lớn với phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam, mà còn ở cả Đông Dương và ở bất cứ nơi nào trên thế giới đang chiến đấu chống các thế lực của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Chính vì vậy mà ngay cả đến hôm nay, tấm gương Điện Biên Phủ vẫn còn sáng chói và nghiêm khắc cảnh cáo các âm mưu của các thế lực phản động định quay ngược bánh xe lịch sử, áp đặt ý muốn của chúng và tước bỏ quyền thiêng liêng của một dân tộc quyết giành quyền tự do và quyền tự quyết.

Phải chăng đó là chân lý của thời đại, của thế kỷ thứ XX trong lúc sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng thế giới đang ở thế tiến công mãnh liệt vào dinh lũy của bọn đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, buộc chúng phải lùi từng bước, phải sụp đổ từng bộ phận và đang đứng trước nguy cơ bị sụp đổ hoàn toàn”

(Trích báo *Ngọn cờ Nông nghiệp*, Bun-ga-ri, ngày 13-5-1974).

Trận Điện Biên Phủ là bằng chứng cho thấy rằng nhân dân Việt Nam vừa là những chiến sĩ du kích không thể nào so sánh được lại vừa là người thắng thế trong cuộc đối chiến. Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để truyền đạt bài học mà chúng tôi học được ở đây cho công nhân và tất cả những người dân chủ Bắc Mỹ.”

(Trích cảm tưởng của đoàn đại biểu Ca-na-đa sang thăm Việt Nam. Theo tài liệu Viện Bảo tàng quân đội. Sổ vàng 1964-1971).

“Thắng lợi vĩ đại Điện Biên Phủ cách đây mười năm đã đánh dấu một giai đoạn mới trong sự nghiệp giải phóng hoàn toàn nhân dân Việt Nam và trong phong trào giải phóng dân tộc và chống đế quốc ở Đông Nam Á.

Bài báo nhấn mạnh: Trong tình hình quốc tế hiện nay, một dân tộc dù nhỏ bé vẫn có thể đánh bại kẻ thù dù lớn mạnh và hung bạo, nếu dân tộc đó có tinh thần cách mạng, được sự lãnh đạo của một đảng cách mạng, biết đoàn kết đấu tranh cho độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, và được nhân dân thế giới ủng hộ.

Chiến thắng Điện Biên Phủ chỉ ra con đường duy nhất cho các dân tộc bị áp bức chống lại sự xâm lược và nô dịch của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân và giành quyền tự do là con đường đấu tranh chính trị rộng rãi của toàn dân và bạo lực vũ trang”

(Trích báo *Tiếng nói nhân dân*, An-ba-ni, ngày 7-5-1964).

“Trên toàn thế giới, việc thất thủ Điện Biên Phủ xuất hiện như một sự kiện hàng đầu trong những năm gần đây, khiến những đồng minh của phương Tây buồn rầu, còn những nước cộng sản thì vui mừng”

(Trích báo *Chiến đấu*, Pháp, ngày 8-5-1954).

Chiến thắng Điện Biên Phủ mà hôm nay các đồng chí làm lễ kỷ niệm quang vinh, - chúng tôi hết sức vui mừng được họp mặt cùng với các đồng chí trong dịp này, là kết quả rực rỡ của cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân các đồng chí dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng các đồng chí, đứng đầu là đồng chí Hồ Chí Minh kính mến.

“Điện Biên Phủ đã điếm tiếng chuông báo giờ chết của chủ nghĩa thực dân Pháp, không những ở Việt Nam mà cả ở bộ phận còn lại của khối thuộc địa của nó. Khó mà có thể nêu lên một ý niệm trung thành về những ảnh hưởng của chiến thắng Điện Biên Phủ ở An-giê-ri. Nhân dân nước chúng tôi đã đón thắng lợi Điện Biên Phủ với một niềm vui to lớn khác nào như đối với thắng lợi của bản thân mình. Nhân dân An-giê-ri được khuyến khích bởi sự thất bại quân sự của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Điện Biên Phủ và được kinh nghiệm của cuộc đấu tranh vũ trang thắng lợi của các đồng chí soi sáng đã mau chóng cầm vũ khí kiên quyết đấu tranh để chấm dứt chế độ thống trị thuộc địa mà họ đã phải chịu từ 125 năm nay...”

(Trích lời đáp của đồng chí Lác-bi Bu-ha-li, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản An-giê-ri trong buổi chiêu đãi đoàn đại biểu Đảng Cộng sản An-giê-ri sang thăm Việt Nam, tối 6-5-1961).

"Phía An-giê-ri bày tỏ sự khâm phục sâu sắc đối với nhân dân Việt Nam anh hùng, thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến “không

có gì quý hơn độc lập, tự do”, đã tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, lập nên chiến công Điện Biên Phủ lừng lẫy, giải phóng một nửa đất nước, sau đó lại kiên trì cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao, giành được thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại, đưa đến việc ký kết Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, góp phần quan trọng làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và giáng một đòn mạnh mẽ vào chủ nghĩa thực dân mới. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam cũng là thắng lợi chung của nhân dân các nước Đông Dương, của phong trào các nước không liên kết, của các lực lượng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội!”

(Thông cáo chung Việt Nam - An-giê-ri.
Báo Nhân dân, 9-3-1974).

“Đối với nhân dân An-giê-ri và đối với các dân tộc bị áp bức trên thế giới, trận Điện Biên Phủ nổ ra như một tiếng sấm giữa một bầu trời xám xịt. Đó là lần đầu tiên, sau gần một trăm năm nô lệ, một nước thuộc địa đã bắt một đế quốc thực dân hùng mạnh từng nổi danh vô địch phải rút lui nhục nhã. Trải qua mấy nghìn năm, bao nhiêu cuộc khởi nghĩa của các dân tộc bị áp bức đều bị chìm trong máu. Không thể nói hết về Điện Biên Phủ, về tầm quan trọng của tiếng sét nổ ngay trên đầu thù đó. Nó vang dội khắp quả đất như một tiếng gọi không thể cưỡng lại được.”

(Trích sổ tay viết về Việt Nam sau khi đến thăm Việt Nam về của nhà thơ An-giê-ri, Ka-tep Ya-xin.
Trong “Tiếng nói của lương tri và trái tim” H. 1973,
Nxb Văn học, tr. 345).

Các báo An-giê-ri đã đăng bài và ảnh nhân ngày kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ kèm theo một bức ảnh ghi lại cảnh Hồ Chủ tịch cùng các đồng chí trong Bộ Chính trị: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đang họp bàn về kế hoạch tiến công Điện Biên Phủ.

Bài báo viết: “Cách đây 20 năm, Điện Biên Phủ đã vĩnh viễn gióng hồi chuông cáo chung chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam. Đó là một chiến thắng, nhưng đồng thời cũng là một bài học mà ảnh hưởng của nó đã vượt qua biên giới của đất nước nhỏ bé này để báo hiệu sự giải phóng của các dân tộc trên khắp thế giới thứ ba”. Sau khi giới thiệu trận đánh, sự tham gia của mọi

tầng lớp nhân dân ta bên cạnh các chiến sĩ và kết quả của trận đánh, bài báo kết luận: “Ngày 7 tháng 5, Điện Biên Phủ thất thủ và kéo theo sự sụp đổ của tất cả những ảo tưởng thực dân. Vài tháng sau, ở An-giê-ri, trong những vùng rừng núi O-rét, có những người chỉ với quyết tâm đã kế tục sự nghiệp cách mạng quang vinh đó và đang sắp sửa làm thay đổi bộ mặt của thế giới thứ ba”

(Trích bài: “Điện Biên Phủ cũng ngày này 20 năm về trước...” - Báo Chiến sĩ, An-giê-ri, ngày 8-5-1974).

“Chiến thắng Điện Biên Phủ là thắng lợi của nhân dân Việt Nam và cũng là thắng lợi của tất cả các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, thắng lợi của nhân dân bị áp bức bóc lột trên toàn thế giới”

(Trích bài: Điện Biên Phủ hay là buổi xế chiều của chủ nghĩa thực dân Pháp. Báo Nhân dân xuất bản bằng tiếng A-rập ở An-giê-ri, ngày 7-5-1974).

“Không thể nào đánh giá được những ảnh hưởng của Điện Biên Phủ. Thật vậy, Điện Biên Phủ đã giúp cho các dân tộc thuộc địa hãnh diện ngẩng cao đầu. Điện Biên Phủ là một trong những nền tảng vững chắc của hội nghị Băng-đung.

Điện Biên Phủ là sự thủ tiêu vĩnh viễn chủ nghĩa thực dân Pháp ở châu Á. Điện Biên Phủ là lời kêu gọi các dân tộc bị trị tiến lên xung phong chiếm lĩnh các pháo đài cuối cùng của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc trên thế giới. Điện Biên Phủ mở đầu cho một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của châu Á và châu Phi.

Đối với An-giê-ri, đối với nhân dân An-giê-ri, Điện Biên Phủ mãi mãi sẽ là một chiến thắng của họ. Đối với nhân dân An-giê-ri, Điện Biên Phủ đã trả thù cho những liệt sĩ An-giê-ri và mang lại cho người An-giê-ri lòng tự tin sắt đá cùng với niềm tin tưởng cách mạng An-giê-ri cuối cùng nhất định thắng lợi”

(Trích lời phát biểu của đồng chí Ô-ma Au-se-đích (Omar Oussedich) - Bí thư quốc vụ, thiếu tá tư lệnh, trưởng phái đoàn quân sự nước Cộng hòa An-giê-ri sang thăm Việt Nam).

“Chủ tịch Hồ Chí Minh không những chỉ là người của nước Việt Nam mà còn là người của tất cả các nước đã chống lại, đã đánh đổ chủ nghĩa thực dân, đã mang lại chiến thắng hoặc sẽ chiến thắng. Cuộc đấu tranh của các bạn là ngọn roi làm thức tỉnh các dân tộc thuộc địa. Chiến thắng Điện Biên Phủ là một cái mốc trong lịch sử loài người. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử có một sự kiện như vậy”

(Trích lời phát biểu của Tổng thống Tuy-ni-di Buo-gi-ba (Buorguiba) trong dịp tiếp đoàn đại biểu Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Bộ trưởng Ngoại giao Ung Văn Khiêm dẫn đầu sang thăm một số nước châu Phi đầu năm 1961).

“ Binh lính thiện chiến và những sĩ quan cao cấp trong quân đội xâm lược Pháp đã bị các bạn đè bẹp ở Điện Biên Phủ; chiến thắng có tính chất quyết định này đã gây niềm phấn khởi sâu sắc nhất trong trái tim của nhân dân Ma-rốc chúng tôi, cũng như trong trái tim của nhân dân châu Phi và toàn thể những người bị áp bức. Đối với những kẻ còn mơ ngủ và hoài nghi thì chiến thắng Điện Biên Phủ là một sự kích thích làm cho họ thức tỉnh và tin tưởng. Nó đã làm tăng gấp bội nhiệt tình và lòng tin tưởng của những người đã lao mình vào cuộc chiến đấu.

Chúng tôi không thể quên rằng chính là nhờ được những thắng lợi quân sự và kinh nghiệm quý báu của các bạn cổ vũ mà nhân dân Ma-rốc chúng tôi đã cầm vũ khí giành lại độc lập... Tấm gương của các bạn đã soi sáng con đường đen tối của các dân tộc châu Phi và những thắng lợi của các bạn, thắng lợi đạt được nhờ có cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười và chiến thắng của nhân dân Trung Quốc, đã mở đường cho phần lớn trong số 24 quốc gia châu Phi hiện nay được hưởng nền độc lập... Các đồng chí thân mến, các đồng chí thật đáng tự hào và đáng được người ta nhiệt liệt biết ơn về điều đó!”

(Trích lời chào mừng Đại hội Đảng Lao động Việt Nam lần thứ III (9-1960) của đồng chí A-li Ya-ta, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Ma-rốc).

“Thắng lợi của nhân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ có tính chất quyết định làm thức tỉnh ý thức dân tộc và lòng yêu nước của nhân dân các nước thuộc địa của Pháp ở châu Phi”

(Trích lời phát biểu của ông A-len Kin-ghê, trưởng đoàn đại biểu Đảng Liên minh nhân dân Ca-mơ-run trong cuộc mít tinh chào mừng đoàn ở Hà Nội ngày 24 tháng 9 năm 1961).

Các bạn Ca-mơ-run thì coi chiến thắng Điện Biên Phủ là “một trường học vĩ đại, không những là một trường học sống mà còn là sự cáo chung của chủ nghĩa đế quốc ở Việt Nam và chủ nghĩa đế quốc trên thế giới, sự góp sức vào công cuộc đại cách mạng đang tiến hành trên khắp thế giới để giải phóng các dân tộc bị áp bức, nô dịch”

(Trích cảm tưởng của ông Phê-lích Rô-lăng Un-my, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Ca-mơ-run ghi trong Sổ vàng Viện Bảo tàng cách mạng Việt Nam, 5-11-1959).

Ở đây người ta thấy nổi bật lên một cách rạch ròi những hành động anh hùng của nhân dân, tài năng của nhân dân hướng về một mục đích duy nhất: thắng quân thù. Điều đó đã có thể thực hiện được nhờ có sự lãnh đạo chính trị tài tình, năng lực tổ chức, tinh thần cao của Đảng Lao động Việt Nam và của vị lãnh tụ xuất sắc và uy tín, đồng chí Hồ Chí Minh.

Ở Điện Biên Phủ, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã đạt tới đỉnh cao của thắng lợi và chủ nghĩa thực dân Pháp độc ác đã bị tan vỡ trước Xta-lin-gơ-rát của Việt Nam. Chiến thắng Điện Biên Phủ có một tầm quan trọng trong lịch sử quốc tế và đã mở ra một giai đoạn mới trong cuộc đấu tranh anh hùng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa nhằm tự giải phóng khỏi ách của chủ nghĩa đế quốc Pháp, Anh, Bỉ và Mỹ.

Tinh thần Điện Biên Phủ ngày nay là ánh đèn pha chiếu rọi cho hàng triệu người bị áp bức trên toàn thế giới, và sự trung thành với tinh thần quang vinh đó là điều bảo đảm duy nhất cho thắng lợi trong hành động cách mạng chống sự thống trị của chủ nghĩa đế quốc ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ La-tinh của chúng tôi.

Ngày nay, sự thức tỉnh rực rỡ của các dân tộc ở châu Mỹ La-tinh với Cu-ba là đội tiên phong đang đi theo đường bay sáng ngời của Điện Biên Phủ.

Với tư cách là một người yêu nước bình thường của Ha-i-ti và của châu Mỹ La-tinh, tôi xin chào những anh hùng ở Điện Biên Phủ và ở tất cả các nơi khác trên đất nước Việt Nam, nơi mà nhân dân anh hùng, đi theo Đảng công nông vững mạnh và xuất sắc của mình, đã cho thế giới thấy rõ tinh thần cao cả, dũng cảm, ngoan cường, kiên quyết trước chính sách gây chiến của chủ nghĩa đế quốc quốc tế do Mỹ cầm đầu.

Tinh thần đoàn kết giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước châu Mỹ La-tinh muôn năm!

Tinh thần cách mạng của Điện Biên Phủ muôn năm!

Quân đội nhân dân của nước Việt Nam quang vinh muôn năm!"

(Nhà thơ René Depestre, Ha-i-ti, ngày 5-12-1960.

Trích dịch tài liệu của Viện Bảo tàng quân đội

Dẫn theo: *Âm mưu của đế quốc Pháp - Mỹ trong chiến dịch Điện Biên Phủ*, Nxb Sử học, Hà Nội - 1964, tr. 180-181).

“Quân đội Hồ Chí Minh phá tan được tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là một sự kiện có ý nghĩa rất lớn. Thất bại này không những chỉ là thất bại thảm hại của riêng bọn thực dân Pháp, một kẻ đã cố liều mạng để âm mưu xâm chiếm đất nước Đông Dương giàu đẹp mà trước hết là thất bại lớn lao của kế hoạch chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Ai-xen-hao-ơ và Đa-lét chấp hành một cách trung thành ý chí của bọn tư bản lũng đoạn ở phố U-ôn để tiến hành việc tiếp tục mở rộng cuộc chiến tranh bẩn thỉu ở Đông Dương. Họ có mộng tưởng lấy Đông Dương làm bàn đạp để phát động chiến tranh nguyên tử và toàn diện, rộng rãi ở châu Á để đối phó với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và sau nữa là đối phó với Liên Xô.

Điện Biên Phủ bị hạ đã lộ rõ sự phá sản chính sách của phố U-ôn hòng chinh phục các nước ở Đông Nam Á. Tất cả những nhà tuyên truyền của đế quốc Mỹ mặc dầu bị thương tâm đến chừng nào cũng không thể không thừa nhận sự phá sản nhục nhã của chính sách Đa-lét.

Nhân dân các nước Á Phi đã nhận thức một cách rõ ràng ý nghĩa chân thực của sự kiện trọng đại đã phát sinh ở Điện Biên Phủ. Họ vui mừng, phấn khởi về những thắng lợi của Quân đội nhân dân Việt Nam và cho rằng đây là một thắng lợi vô cùng to lớn của toàn thể nhân dân thế giới đối với chủ nghĩa đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ”

Thắng lợi ở Điện Biên Phủ là một sự cố vũ vô cùng to lớn cho các lực lượng đang đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, đồng thời sự phát triển ở Đông Dương trong giai đoạn gần đây đã thúc đẩy và làm tăng cường sự phản kháng cái chính sách khống chế tàn bạo của Mỹ ở các nước tư bản khác”

Giải phóng Điện Biên Phủ là thắng lợi trọng yếu trong sự nghiệp đấu tranh cho tự do và hòa bình thế giới. Thắng lợi này là thắng lợi mà quân đội nhân dân Việt Nam đã giành được trong cuộc đấu tranh anh dũng để chống lại một kẻ địch được trang bị những vũ khí tối tân, ưu việt hơn. Đây lại một lần nữa chứng minh một cách hùng hồn rằng nhân dân thế giới sẽ không cho phép xiềng xích của phổ U-ôn quàng lên cổ họ”

(Trích bài viết của đồng chí Uy-li-am Phao-xơ (William Foster) Chủ tịch Đảng Cộng sản Mỹ đăng trên *Công nhân nhật báo*, ngày 10-5-1954).

Thảm trạng ở Điện Biên Phủ không thể khiến cho bất cứ người bạn nào của nước Pháp bàng quan, thảm trạng đó đã minh họa một cách khắc nghiệt sự quy tụ lịch sử của hai hệ thống lực lượng. Một mặt, đó là sự vươn lên giành độc lập của những dân tộc cho đến nay bị nô dịch đi theo con đường mà trước kia các dân tộc ở châu Âu và châu Mỹ đã đi, kể cả nước Mỹ khi họ nổi lên chống lại nước Anh. Một mặt khác, đó là sự “lên đài” lịch sử hoạt động của châu Á. Không phải chỉ là một châu Á của những sự trầm tư mặc tưởng của Khổng Tử, của những đền chùa thếp vàng, mà còn là một châu Á không muốn trở thành đất nước của những người cu-li chết trong nghèo đói để phục dịch bọn quan lại và những đồng minh da trắng của họ, một châu Á muốn giành lấy quyền nhìn về tương lai, bằng cả bạo lực nếu cần thiết.

Chúng ta đang chứng kiến sự nổi dậy của châu Á và các nước châu Âu từ trước vẫn coi châu Á như một thuộc địa, đã không biết hoặc không muốn cải thiện cuộc sống của quần chúng nhân dân thì nay thấy quần chúng nhân

dân, bằng một sự kết hợp giữa chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa cộng sản vươn mình lên chống lại họ. Phải không biết tí gì về lịch sử cũng như về tâm lý mới tỏ ra ngạc nhiên trước hiện tượng đó...”

(Trích bài viết của tác giả Hernam Jaime Delgado, giáo sư trường Đại học Bu-e-nốt Ai-rét trích đăng trên báo *Chiến đấu*, Ác-giăng-tin, ngày 10-5-1954).

“Nhân dân Việt Nam bắt buộc phải chiến đấu một cách vô cùng gian khổ trong gần mười năm để cuối cùng có trận chiến thắng quang vinh và lịch sử Điện Biên Phủ.

Việt Nam là một tên gọi vô cùng thân thiết, vô cùng gần gũi đối với trái tim mọi người Cu-ba. Việt Nam đối với chúng tôi là một tấm gương, một nguồn cổ vũ trong cuộc đấu tranh của chúng tôi. Nhân dân Cu-ba hiểu rất rõ vai trò vô cùng lớn lao của nhân dân Việt Nam trong phong trào cách mạng và trong phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Việt Nam đã nêu cho tất cả các dân tộc bị áp bức bóc lột trên thế giới một bài học bất hủ.

Nhân dân Việt Nam vốn là một dân tộc nhỏ bé và nghèo nàn nhưng đã đánh bại hai lực lượng phản động hùng mạnh nhất trong thế giới hiện tại. Đó là một tấm gương vĩ đại mà nhân dân Việt Nam đã nêu cho thế giới”

(Trích diễn văn của đồng chí Phi-đen Ca-xơ-rô Ru-đơ - Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Cu Ba, Thủ tướng Chính phủ cách mạng Cu Ba đọc nhân dịp sang thăm nước ta năm 1973).

"Lịch sử của nhân dân Việt Nam, trải qua hơn 1000 năm đấu tranh quyết liệt chống sự bất công của những chế độ xã hội khác nhau, chống ách thống trị nước ngoài, đã rèn luyện nên tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam, nêu gương cho nhân dân các nước đấu tranh giành tự do và giành quyền tự quyết định vận mệnh của mình. Tiêu biểu cho tinh thần đó là chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử".

(Trích lời đáp của Thứ trưởng Ngoại giao Cu Ba Héc-to Ro-đơ-ri-ghết Lom-pac - trưởng đoàn đại biểu Chính phủ cách mạng nước Cộng hòa Cu Ba sang thăm Việt Nam trong buổi chiều đăi tối 30-11-1961. Dẫn theo "Ám mưu của đế quốc Pháp - Mỹ...", Sđd, tr. 161).

Khi một dân tộc được sự lãnh đạo của một Đảng có tổ chức thì dân tộc ấy ở Việt Nam hay ở Cu Ba, không những là người vô địch mà còn là người chiến thắng. Nhân dân Cu Ba đang đứng ở trận tuyến tiên tiêu chống chủ nghĩa đế quốc, cần học tập những kinh nghiệm của nhân dân Việt Nam anh em và phân tích những hình thức đấu tranh của nhân dân Việt Nam để hoàn thiện phương thức đấu tranh của mình. Những chiến công anh hùng trong trận Điện Biên Phủ đã soi sáng con đường của những người đang đấu tranh ở Việt Nam cũng như ở châu Mỹ và đang cổ vũ các dân tộc bị áp bức vùng dậy đấu tranh chống áp bức.”

(Trích lời phát biểu của thiếu tá H.G. O-li-vê-ra tại cuộc mít tinh do Bộ Quốc phòng Cu Ba tổ chức kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ tối 6-5-1964 tại La Ha-ba-na - Báo *Quân đội nhân dân*, 14 đến 15-5-1964).

“Khi một chiến sĩ tự mình làm giá súng cho một chiến sĩ khác nhắm đạn vào quân thù, như một anh hùng đã làm ở Điện Biên Phủ trước đây, thì chính hành động đó đã nói lên không có gì quý hơn độc lập tự do.

Như vậy là thông qua chủ nghĩa anh hùng nẩy sinh hàng ngày trong nhân dân Việt Nam, người ta đã tìm thấy lời giải thích hay nhất về học thuyết vì độc lập và tự do của Hồ Chủ tịch”

(Trích dẫn: Mác-ta-ro-giát (nhà báo Cu Ba), trong “*Tiếng nói của lương tri và trái tim*” H. 1973, Nxb Văn học, tr. 260).

“Từ lâu nhân dân Man-gát chúng tôi mong muốn có được tình hữu nghị của nhân dân Việt Nam anh hùng mà tên tuổi đã gắn liền với chiến thắng Điện Biên Phủ, tiếng chuông cáo chung của chủ nghĩa thực dân Pháp, mở đường cho các dân tộc thuộc địa, trong đó có nhân dân Man-gát chúng tôi, tiến lên giành lấy độc lập tự do”.

(Trích lời chào mừng của Bộ trưởng Ngoại giao nước Cộng hòa Man-gát nhân dịp phái đoàn nước Việt Nam sang thăm, ngày 26-6-1974).

“Điện Biên Phủ là một thắng lợi mà trải qua những năm tháng đã trở thành một biểu tượng vĩ đại của chủ nghĩa anh hùng và yêu nước cách mạng và là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với các dân tộc đang đấu tranh chống các thế lực thực dân...”

Ngày nay chiến thắng Điện Biên Phủ còn là một thành trì về lòng quả cảm của các dân tộc chúng ta trước sự can thiệp của đế quốc Mỹ...”

(Trích điện mừng của Chủ tịch hội Ni-ca-ra-goa hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa Tê-nê-nhét Tê-dét gửi đồng chí Trường Chinh - Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 13-5-1984).

“Chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ là thắng lợi của một tư tưởng chiến lược ưu việt. Điện Biên Phủ chủ yếu là thắng lợi của nhân dân, của con người Việt Nam.

Đã từng chịu đựng những gian khổ không lường được, những hy sinh không thể tưởng tượng được, các chiến sĩ Điện Biên Phủ rất xứng đáng với chiến thắng vinh quang của nhiều năm kháng chiến.

Các chiến sĩ Điện Biên Phủ đã mở đường thắng lợi cho nhân dân nước các bạn.

Đồng thời và đặc biệt, các bạn đã cổ vũ các lực lượng đấu tranh giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc trên toàn thế giới.

Vì thế, các bạn không chỉ là những chiến sĩ yêu nước, mà cũng đồng thời là những chiến sĩ quốc tế mẫu mực”

(Trích cảm tưởng của phái đoàn Đảng Cộng sản Rê-uy-ni-ông sang thăm Việt Nam (9-9-1968), Báo *tàng quân đội*, Số vàng 1964-1971).

Các đồng chí đã góp phần quyết định vào cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức bằng cách chứng minh rằng một dân tộc quyết tâm đấu tranh giành tự do và được những chiến sĩ đã tôi luyện giáo dục và lãnh đạo theo những nguyên lý khoa học để được thực tế xác nhận là một dân tộc mà không một lực lượng nào có thể quật ngã được.

Bằng cách đánh tan xác bọn quân phiệt Pháp ở Điện Biên Phủ, các đồng chí đã mở cho các dân tộc bị đế quốc Pháp đô hộ con đường tiến lên độc lập dân tộc...”

(Trích diễn văn của đồng chí Ma-đây-ra Công-ta, trưởng đoàn đại biểu Chính phủ nước Cộng hòa Ma-li trong cuộc mít tinh chào mừng đoàn ở Hà Nội ngày 5-10-1961. Dẫn theo: “*Âm mưu của bọn đế quốc Pháp - Mỹ...*”, Sđd, tr. 175-176.

Điện Biên Phủ thất thủ là một sự cảnh cáo nghiêm khắc đối với chủ nghĩa đế quốc ở châu Á, châu Phi và ở tất cả các nơi mà những kẻ chiếm đoạt mưu mô làm nhục các dân tộc hoặc phá hoại nền độc lập của họ...

Bất kể những nguyên nhân của sự thất bại Điện Biên Phủ là như thế nào, bước tiến của phong trào giải phóng sẽ tiếp tục và còn nhiều pháo đài đế quốc sẽ sụp đổ”

(Trích báo *Al Gum Gyrria*, Ai Cập, ngày 8-5-1954).

“Thực dân Pháp đã thay đổi biện pháp, đó là vì chúng đã rút kinh nghiệm bài học đầu tiên là khi một dân tộc đã cương quyết chiến đấu thì bao giờ cũng thay thế được đại bác và súng ống. Nhân dân Việt Nam đã giáng cho chủ nghĩa thực dân một đòn chí tử đầu tiên. Việc đó đã đem lợi ích cho các dân tộc châu Phi”

(Trích lời phát biểu của Ngài Xê-cu Tu-rê, Tổng thống nước Cộng hòa Ghi-nê sang thăm Việt Nam, tháng 9-1960).

“Điện Biên Phủ! Cái tên đó kêu như một tiếng roi bi thảm đánh ngang tai bọn thực dân, nhưng lại thổi to ngọn lửa chiến đấu của những người đang cầm khí giới trong tay để chống lại áp bức.

Điện Biên Phủ! Tiếng chuông đưa ma của chủ nghĩa đế quốc kéo liên hồi bởi một dân tộc khao khát muốn phục hồi địa vị và nhân phẩm của mình, đã mãi mãi trở thành một gương sáng cho các nước Á, Phi anh em đang sống trong vòng nô dịch.

Điện Biên Phủ, cái bóng ma đó như lưới gươm Đa-mô-clét treo trên đầu chủ nghĩa đế quốc ở An-giê-ri, ở Ca-mơ-run, Công-gô, Gu-an-đa, U-run-đi và ở Lào”

(Trích phát biểu của đồng chí Giảng Báp-ti-xơ Đê-en - Trưởng đoàn đại biểu Tổng liên đoàn lao động Ghi-nê dự Đại hội công đoàn Việt Nam, tháng 5-1961).

“Đảng Cộng sản Ấn Độ và những người Ấn Độ dân chủ đã luôn luôn chú trọng theo dõi các cuộc đấu tranh lâu dài và quyết liệt của nhân dân Việt Nam chống lại chủ nghĩa đế quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản sáng suốt và anh hùng, đứng đầu là đồng chí Hồ Chí Minh mà nhiều người ở Ấn Độ vẫn quen gọi trìu mến là Bác Hồ.

Cuộc Cách mạng tháng Tám và cuộc chiến tranh ái quốc chống xâm lược của quân đội và nhân dân Việt Nam kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ vĩ đại và bằng hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 đã được ca ngợi rộng khắp trong nước chúng tôi. Một nước nhỏ như nước các đồng chí đã đánh bại một bọn thực dân hùng mạnh như thực dân Pháp, điều đó đã cổ vũ nhân dân nước chúng tôi và làm cho nhân dân nước chúng tôi thêm tin tưởng ở tương lai của mình”

(Trích lời chào mừng Đại hội Đảng Lao động Việt Nam lần thứ III của đồng chí K.Đa-mô-đa-ran thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Ấn Độ).

“Chúng ta chào mừng quân đội của Cụ Hồ Chí Minh trong trận chiến thắng to lớn này. Chúng ta chân thành mong hội nghị Giơ-ne-vơ đạt được kết quả...”

(Trích báo *Thời đại mới*, Ấn Độ, ngày 7-5-1954).

“Đây là một chiến thắng của nhân dân Đông Dương và cũng là của nhân dân châu Á”

(Trích tuần báo *Bom-bay*, Ấn Độ, ngày 10-5-1954).

Chúng tôi đã thấy được tất cả quá trình đấu tranh, quá trình tổ chức, sự hy sinh và sự vận dụng đúng đắn các phương pháp cả về chiến lược và chiến thuật trong một cuộc đấu tranh giải phóng. Tinh thần kháng chiến, sự dũng cảm cao độ cho đến sự bền bỉ phi thường là những chỗ dựa chắc chắn cho một quan điểm chính trị vững vàng và một quan điểm chiến tranh đúng đắn, khi biết kết hợp tất cả những lực lượng và tài nguyên của đất nước bằng một sự động viên toàn diện. Tất cả quá trình anh hùng này là phương pháp duy nhất đạt tới đỉnh cao của nó là chiến dịch Điện Biên Phủ. Điều đó được thể hiện bằng mối liên kết hữu cơ, tinh thần đoàn kết của cả nước và lời hứa làm cho Tổ quốc phồn vinh, hạnh phúc. Vì chính cái thắng lợi giành được đã làm cho đất nước này trở thành kỳ diệu, anh hùng ở vùng Đông Nam Á, tấm gương sáng cho loài người và cho tất cả các dân tộc đang đấu tranh cho tự do và chủ quyền của mình"

(Trích cảm tưởng của thiếu tá Mô-ta, Phái đoàn quân sự Vê-nê-zu-ê-la sang thăm Việt Nam, ngày 20-1-1964 Tài liệu Viện Bảo tàng quân đội, Sổ vàng 1964-1971).

"Thưa đồng chí Chủ tịch kính mến,

Trong lịch sử bốn nghìn năm của mình, nhân dân Việt Nam đã viết nên vô vàn trang sử anh hùng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và rõ ràng một trong những trang quan trọng nhất đó, do ý nghĩa cũng như tiếng vang quốc tế của nó, là chiến thắng Điện Biên Phủ.

Chiến thắng này đã dẫn đến việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ ngày 20 tháng 7 năm 1954 công nhận nền độc lập không chỉ của Việt Nam mà còn của cả nước láng giềng Cam-pu-chia và Lào, và chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp trên toàn bán đảo Đông Dương, mặc dù theo hiệp định đó, Tổ quốc Việt Nam còn tạm thời bị chia cắt và kéo dài chế độ thực dân kiểu mới thối nát ở miền Nam Việt Nam.

Đối với nhân dân Việt Nam, thắng lợi Điện Biên Phủ đã chấm dứt đêm dài áp bức và bóc lột thực dân tàn bạo gần một trăm năm và mở đầu một cuộc sống mới trong độc lập và tự do dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ tối cao, đứng đầu. Cuộc xâm lược của đế quốc Mỹ ngay sau đó đã buộc nhân dân Việt Nam phải tiếp tục chiến đấu trong gần 30 năm cho tới ngày giành được thắng lợi hoàn toàn vào mùa xuân 1975.

Điện Biên Phủ còn là một thất bại to lớn và quyết định của hệ thống thực dân trên phạm vi toàn thế giới, nó chứng minh trên thực tế là chủ nghĩa thực dân nhất định bị đánh bại và đẩy mạnh cao trào giải phóng dân tộc ở trên ba lục địa chúng ta"

(Trích điện mừng của đồng chí Rô-nê Ani-giô Ca-pô-tê - Tổng bí thư Tổ chức Đoàn kết với nhân dân các nước Á Phi và Mỹ La-tinh, ngày 19-4-1984).

"Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ hồi năm 1954 đã là tia lửa gây ra một loạt vụ nổ khác, góp phần chấm dứt chủ nghĩa thực dân Pháp ở châu Phi. Sáu tháng sau chiến thắng Điện Biên Phủ, cuộc chiến tranh giải phóng An-giê-ri bắt đầu. Đúng một năm sau đó, Pháp buộc phải trao trả độc lập cho Ma-rốc và 4 tháng sau, trả độc lập cho Tuy-ni-di. Những thắng lợi đó đã nhanh chóng thúc đẩy sự sụp đổ của bọn đế quốc.

Các nước thuộc địa cũ của Pháp được kết quả của chiến thắng Điện Biên Phủ cổ vũ thì các dân tộc Á-rập và châu Phi khác đã rút được bài học từ chiến thắng của Việt Nam đối với Mỹ trong cuộc chiến tranh Đông Dương thứ hai"

(Trích dẫn: *Tia lửa từ Việt Nam*. Bài của Tạp chí Á - Phi - Mỹ La tinh số ra ngày 24-12-1973 - Báo Quân đội nhân dân, ngày 29-12-1973).

HỘI NGHỊ KHOA HỌC VỀ CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ TỔ CHỨC TẠI LA HA-BA-NA (CU BA)

Ngày 6 tháng 5 tại La Ha-ba-na, Ủy ban Cu Ba đoàn kết với Việt Nam đã tổ chức hội nghị khoa học nhân kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Nhiều giáo sư đại học, nhà nghiên cứu lịch sử và triết học thuộc Viện Hàn lâm khoa học, Bộ Các lực lượng vũ trang cách mạng và Trường Đảng trung ương Ni-cô Lô-pét của Đảng Cộng sản Cu Ba đã tới dự.

Các đồng chí Nguyễn Vĩnh Nam... đại diện lâm thời, đại tá Nguyễn Trí Anh... tùy viên quân sự và nữ anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Tạ Thị Kiều cùng nhiều cán bộ đại sứ quán nước ta tại Cu Ba cũng có mặt tại hội nghị.

Trong số khách mời dự họp có nhiều vị trong đoàn ngoại giao và tùy viên quân sự sứ quán các nước anh em.

Đồng chí Rê-nê Rô-đri-g hét Crút... Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Cu Ba, Chủ tịch Viện Cu Ba hữu nghị với các dân tộc (ICAP) và Ủy ban Cu Ba đoàn kết với Việt Nam đã khai mạc hội nghị.

Hội nghị đã nghe và thảo luận ba bản tham luận về các đề tài: “Bối cảnh quốc tế trong thời gian diễn ra trận Điện Biên Phủ”, “Điện Biên Phủ: thắng lợi chiến thuật, chiến lược của phong trào cách mạng Việt Nam” và “Ý nghĩa lịch sử của trận Điện Biên Phủ đối với phong trào cách mạng thế giới”

Các bản tham luận đã nhắc lại câu nói của đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô: “Việt Nam đã có những đóng góp phi thường cho loài người. Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là bài học lớn nhất đối với tất cả các chiến sĩ, tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Việt Nam là một bài học thực tiễn và một bài học lý luận lớn”

Những người dự hội nghị nhất trí thông qua tuyên bố cuối cùng trong đó khẳng định: “Các dân tộc còn đang rên xiết dưới gông xiềng áp bức ở Á, Phi

và Mỹ La-tinh, nhìn thấy ở Việt Nam và Điện Biên Phủ một mặt trời hy vọng chiếu sáng con đường đi lên giành độc lập thực sự và hoàn toàn”

Tuyên bố nhấn mạnh: “Cu Ba gắn bó với Việt Nam vì có chung những nguyện vọng và lý tưởng, trong suốt mấy chục năm qua đã làm hết sức mình để góp phần vào thắng lợi của nhân dân Việt Nam anh em”

“Bản anh hùng ca kiểu mẫu Điện Biên Phủ cách đây 30 năm” là đầu đề bài báo dài đăng trên trang quốc tế của báo Gran-ma ngày 7 tháng 5, nhân kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện Biên Phủ.

Báo giới thiệu bối cảnh trong nước và quốc tế, âm mưu và kế hoạch của bọn thực dân Pháp khi lập căn cứ Điện Biên Phủ và diễn biến của trận đánh kết thúc với thắng lợi huy hoàng của quân và dân ta.

Bài báo cũng vạch sự can thiệp của đế quốc Mỹ và nêu rõ: Điện Biên Phủ đánh dấu thất bại vĩnh viễn của chủ nghĩa thực dân châu Âu ở Đông Nam Á, nhưng đồng thời cũng là thất bại lớn đầu tiên của đế quốc Mỹ ở Đông Dương.

Điện Biên Phủ còn mở ra cho các dân tộc khác trên thế giới niềm hy vọng và con đường đi lên. Điện Biên Phủ là một điểm tựa trong hướng tiến lên được Chủ tịch Hồ Chí Minh bất diệt vạch ra để giành lấy cái quý nhất: “Độc lập và tự do”

(Theo báo *Nhân Dân*, số ra ngày 7-5-1984).

NHỮNG BÀI HỌC CỦA ĐIỆN BIÊN PHỦ VÀ THỜI ĐẠI*

P.XVE-TÓP

Phó tiến sĩ sử học Liên Xô

Ngày nay, khi tình hình quốc tế trở nên hết sức căng thẳng do các hành động phiêu lưu của Mỹ và các đồng minh của Mỹ trong khối NATO gây nên, tự nhiên khiến ta nhớ lại những thời điểm lịch sử trong thời kỳ sau chiến tranh. Lúc đó Oa-sinh-tơn tay vung vũ khí hạt nhân, đã mưu toan ngăn chặn bánh xe lịch sử, buộc các nước và các dân tộc khác nhau phải chấp nhận một tương lai có lợi cho chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Ở phương Tây người ta tính toán rằng trong 30 năm đầu sau chiến tranh (1946-1975), Mỹ đã 215 lần trực tiếp hoặc gián tiếp sử dụng các lực lượng vũ trang vào các mục tiêu chính trị, 33 trường hợp đứng trước giới hạn sử dụng vũ khí hạt nhân. Một trong những trường hợp đó 30 năm trước đây có liên quan tới Đông Dương.

Từ đó đến nay, những người dân bình dị của hành tinh chúng ta mong muốn được sống hòa bình và hạnh phúc. Song, ở Đông Dương chủ nghĩa tư bản thế giới lại muốn bóp chết nguyện vọng tự do và chủ nghĩa xã hội của các dân tộc trong khu vực. Phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia đã dẫn đến việc các nước này tuyên bố độc lập thoát khỏi ách thực dân vào năm 1945. Bọn thực dân cố gắng khôi phục vị trí của chúng bằng cách đưa vào Đông Dương một đội quân viễn chinh mạnh. Mỹ không trực tiếp tham gia chiến tranh nhưng rất quan tâm đến việc “kìm chân chủ nghĩa cộng sản” ở Đông Nam Á. Nhằm giành thắng lợi quân sự đối với các lực lượng giải phóng dân tộc, trong năm tài chính 1953-1954, Mỹ đã viện trợ cho Pháp tổng số hơn một tỷ đô la.

Đến năm 1954, sau khi đã hết mọi khả năng giành thắng lợi, bọn thực dân chỉ còn hy vọng vào Điện Biên Phủ. Tại đây, Hăng-ri Na-va, tổng tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp, đã quyết định đánh một đòn trí mạng vào Quân đội nhân dân Việt Nam hòng chấm dứt mọi hành

* Bài đăng trên báo *Quân đội nhân dân chủ nhật*, ngày 22-4-1984.

động kháng chiến của nhân dân Việt Nam đối với ách thống trị bên ngoài. Toàn bộ guồng máy chiến tranh của thực dân Pháp đã được huy động cho Điện Biên Phủ. Trong mưu đồ ủng hộ công nhằm giúp đỡ đồng minh Pháp của mình, các tướng Mỹ đã đề nghị sử dụng vũ khí hạt nhân ở Điện Biên Phủ. Mỹ còn vạch ra các kế hoạch yểm trợ cho quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương bằng các lực lượng không quân và hải quân của Mỹ.

Điện Biên Phủ đã trở thành trận đánh quyết định của cuộc chiến tranh Đông Dương mà người chiến thắng là nhân dân Việt Nam. Tại đây chủ nghĩa đế quốc Pháp đã bị giáng một đòn chí tử. Trận Điện Biên Phủ đã góp phần làm nên thắng lợi của Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương, đẩy nhanh sự tan rã của đế quốc thực dân Pháp và hệ thống thực dân của chủ nghĩa đế quốc nói chung. Năm 1954, nhân dân Việt Nam đã đập tan kế hoạch của đế quốc Mỹ hòng biến chiến tranh Đông Dương thành chiến tranh thế giới. Sự thật là lúc đó các tướng và các nhà chính trị của Mỹ chưa hiểu được rằng không thể áp đặt cho nhân dân Việt Nam ý chí của người khác. Để chứng minh chân lý đó, những người anh hùng làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ và con cháu của họ phải mất gần 30 năm ròng chiến đấu bền bỉ chống lại sự can thiệp trực tiếp của Mỹ vào Đông Dương. Cho đến năm 1973 năm Mỹ phải chịu nỗi cay đắng của thất bại nhục nhã.

Ngày nay, từ khoảng cách 30 năm, một lần nữa phân tích những yếu tố giúp nhân dân Việt Nam làm nên chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ là việc làm bổ ích. Yếu tố hàng đầu là vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng trên cơ sở áp dụng khôn khéo lý luận Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của đất nước mình đã đề ra được đường lối quân sự và chính trị chung đúng đắn. Là người bảo vệ lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động, ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã thu hút được đại đa số nhân dân trong nước về phía Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng đã hết sức chú ý đến các công tác quân sự, trong đó có chiến dịch Điện Biên Phủ. Đầu tháng 12 năm 1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra nghị quyết tiến hành một chiến dịch nhằm tiêu diệt hoàn toàn kẻ địch ở Điện Biên Phủ, Đảng ủy Bộ tư lệnh và ban tiếp vận mặt trận Điện Biên Phủ đã được thành lập. Điều quan trọng cần nhấn mạnh là trong suốt 55 ngày đêm quyết chủ động tác chiến luôn nằm trong tay các chiến sĩ Việt Nam.

Biết được tin chiến thắng Điện Biên Phủ, thế giới lấy làm khâm phục tài thao lược, chủ nghĩa anh hùng, lòng dũng cảm và tinh thần xả thân của nhân dân Việt Nam. Làm sao những tên lính của đội quân viễn chinh có thể nghĩ rằng những chiến sĩ yêu nước Việt Nam thiếu ăn, thiếu kỹ thuật vận tải và công binh hiện đại lại làm được hàng trăm ki-lô-mét đường vắt qua rừng, núi đến tận trận địa, đào được hàng trăm ki-lô-mét đường hầm và giao thông hào, đưa những khẩu pháo hạng nặng vượt qua những dốc núi dựng đứng, để rồi sau đó với tinh thần độc lập và tự do, dũng mãnh lao vào chiến đấu với kẻ địch?!

Sự thống nhất và giúp đỡ lẫn nhau của các chiến sĩ yêu nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia đóng vai trò quan trọng trong chiến thắng Điện Biên Phủ. Những hoạt động quân sự chính xác của Quân giải phóng nhân dân Lào và của các chiến sĩ yêu nước Việt Nam từ tháng 12 năm 1953 đến tháng 2 năm 1954 đã gây tổn thất nặng nề cho quân đội thực dân trên tất cả mặt trận ở Lào. Tháng 2 năm 1954, chiến dịch giải phóng Kon Tum và Hạ Lào đã nối liền các vùng giải phóng Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia thành một tuyến. Khả năng quân đội thực dân tiếp tế cho Điện Biên Phủ giảm xuống rõ rệt. Tháng 3 năm 1954, khi chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn, các đơn vị Quân đội giải phóng nhân dân Lào đã bao vây quân Pháp ở Luông Phra Băng định tìm cách cứu viện tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị bao vây.

Một yếu tố quan trọng khác là sự ủng hộ tinh thần và vật chất to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa dành cho Việt Nam. Năm 1950, Việt Nam đã được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận về mặt ngoại giao. Thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình, trong những năm kháng chiến, Liên Xô đã gửi cho các chiến sĩ yêu nước Việt Nam các vũ khí hiện đại, thuốc men, các hàng hóa kinh tế khác cần thiết để đánh thắng thực dân Pháp. Vũ khí Liên Xô đã đóng vai trò quan trọng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, chẳng hạn như các phương tiện phòng không đã bẻ gãy các cố gắng tiếp viện cho quân đội viễn chinh bằng cầu hàng không.

Phong trào đoàn kết với cuộc đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước Đông Dương đã bao trùm những tầng lớp rộng rãi nhất trong dư luận xã hội thế giới. Bên cạnh các nước xã hội chủ nghĩa phong trào này có khí thế mạnh mẽ nhất ở ngay nước Pháp. Tên tuổi của chị Ray-mông Điêng và anh Hăng-ri Mác-tanh dũng cảm đấu tranh chống cuộc chiến tranh thực dân ở Việt Nam đã vang dội toàn thế giới. Để ngăn chặn việc vận chuyển xe tăng cho quân đội viễn chinh Pháp, chị Ray-mông Điêng đã nằm chắn ngang đường ray đoàn tàu quân sự. Do hoạt động chống chiến tranh trong quân đội, người

chiến sĩ cộng sản Hăng-ri Mác-tanh đã bị kết án 8 năm tù. Có thể nói rằng phong trào chống chiến tranh đã làm tê liệt hoạt động của chính phủ Pháp.

Cuộc chiến tranh ở Đông Dương đã làm cho tất cả những người trung thực phải xúc động. Phóng viên báo *Sự thật* ở Anh tháng 4 năm 1954 đã viết về một trường hợp như sau: “Trong khi hạ nghị viện đang bàn cãi thì một người phụ nữ Anh từ tầng thượng tung xuống những tờ truyền đơn có dòng chữ: “Đông Dương không thể là Triều Tiên thứ hai” Người phụ nữ đó hô to: “Chúng tôi không muốn chiến tranh!”

Thắng lợi huy hoàng của các chiến sĩ yêu nước Việt Nam ở Điện Biên Phủ là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố mà Đảng Cộng sản do đồng chí Hồ Chí Minh đứng đầu đã sử dụng một cách tài tình. Bản thân chiến thắng này đã mang lại những kết quả quan trọng. Bị một đòn hết sức nặng nề, bọn đế quốc phải ký kết hiệp định hòa bình ở Giơ-ne-vơ và thừa nhận nền độc lập của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia. Như vậy chiến thắng Điện Biên Phủ đã không chỉ mang lại độc lập cho nhân dân Việt Nam mà còn mang lại độc lập cho nhân dân Lào và Cam-pu-chia.

Chiến công hiển hách của nhân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ đã chấm dứt ngọn lửa chiến tranh mà do các hành động của Mỹ đe dọa lan ra ngoài phạm vi khu vực. Các chiến sĩ Điện Biên Phủ đã bảo vệ được hòa bình trên hành tinh.

Trận Điện Biên Phủ để lại bài học lịch sử quan trọng cho các thế hệ mai sau. Sự thống nhất ý chí và hành động của các nước xã hội chủ nghĩa, của toàn thể loài người tiến bộ có khả năng đập tan những mối đe dọa quái đản nhất của chủ nghĩa đế quốc. Điện Biên Phủ dạy rằng ngay cả hiện nay, để ngăn chặn những thế lực hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc và phản động phải củng cố sức mạnh quân sự của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đoàn kết mọi lực lượng tiến bộ của hành tinh vào một mặt trận chống chiến tranh, chống đế quốc.

ĐIỆN BIÊN PHỦ 1954 - THẤT BẠI CÓ TÍNH CHẤT QUYẾT ĐỊNH CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở ĐÔNG DƯƠNG*

WILJRIED LULEI

Giáo sư sử học Cộng hòa dân chủ Đức.

Ngày 20 tháng 11 năm 1953, bầu trời thung lũng Điện Biên Phủ thuộc khu vực Tây Bắc Việt Nam đã rung chuyển bởi tiếng gầm rú của những động cơ máy bay hạng nặng. Hàng nghìn lính dù của quân viễn chinh Pháp đã nhảy xuống một sân bay dã chiến nhỏ do quân Nhật Bản xây từ trước, khi chúng bị đẩy tới đây trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Chỉ trong ít tuần lễ, quân Pháp đã xây dựng ở đây một căn cứ vững chắc bao gồm 3 khu vực với 16.000 quân (gồm 17 tiểu đoàn bộ binh và lính dù, 3 đơn vị pháo binh, 3 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội xe tăng, 1 đơn vị vận tải với hai trăm xe, cùng 1 đơn vị không quân gồm 14 máy bay)¹ Căn cứ Điện Biên Phủ gồm 49 hệ thống boong-ke, vừa mang tính độc lập như một pháo đài vừa có thể chi viện chiến đấu cho nhau. Hai sân bay còn có hai cụm pháo. Ở đây các đơn vị cơ giới có thể cơ động một cách nhanh chóng đến bất cứ vị trí nào trong phạm vi của thung lũng với chiều dài 18 cây số và chiều ngang từ 6 đến 8 cây số. Những đơn vị của Pháp chủ yếu là lính nhà nghề thiện chiến, lính lê dương và lính Bắc Phi được coi là thiện chiến nhất trong quân đội xâm lược Pháp tại Đông Dương. Ngoài ra còn có một số đại đội lính Thái. Đội quân này được trang bị hoàn hảo, chủ yếu là các thiết bị vũ khí của Mỹ².

Một vấn đề được đặt ra là, vì sao một căn cứ hiện đại vững chắc, lớn như vậy lại được xây dựng ở một vùng rừng núi dân cư thưa thớt, xa các vùng chiến sự khác, giao thông đi lại thì khó khăn? Lý do là người Pháp muốn bằng căn cứ này thách đố Quân đội nhân dân Việt Nam chấp nhận một trận đánh có tính chất quyết định với thế bất lợi thuộc về phía Quân đội nhân dân Việt Nam.

Cuối năm 1953, ảo tưởng của thực dân Pháp muốn dùng biện pháp vũ lực để tái lập sự thống trị trên bán đảo Đông Dương đã bị tan vỡ. Trong 7 năm

* Bài viết của Wiljried Lulei đăng trên Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 5-1989.

1. Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1964, tr.75.

2. Dẫn theo: La-vô-rít-sép, *Đông Dương sau chiến tranh thế giới thứ hai*. M, Nxb Quan hệ quốc tế, 1960.

chiến đấu, nhân dân Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia đã bảo vệ nền độc lập của mình, không chịu cúi đầu. Quân đội nhân dân Việt Nam với sự giúp đỡ, ủng hộ của đại đa số quần chúng nhân dân đã ngoan cường chống lại kẻ thù được trang bị và kỹ thuật hơn hẳn một cách có hiệu quả, và ngày càng giành được thế chủ động trên chiến trường. Quân đội Pháp bị dồn vào thế bí, trong nhiều trận đánh lớn đã nếm mùi thất bại nặng nề. Dư luận quốc tế lên án cuộc chiến tranh bẩn thỉu do Pháp gây ra ngày càng mạnh mẽ. Chiến thắng Điện Biên Phủ nếu không là bước ngoặt của cuộc chiến tranh thì cũng thay đổi có tính chất quyết định tình thế chính trị quân sự, đẩy kẻ thù xâm lược vào thế yếu¹

Tổng tư lệnh quân đội Pháp, tướng Na-va cũng như các cố vấn Pháp, Mỹ thì xuất phát điểm của họ là:

1. Theo quan điểm phổ biến trong quân đội Pháp thì phải có một chiến dịch quyết định mới có thể bảo đảm được sự chiến thắng của quân đội Pháp.

2. Họ tin tưởng rằng Quân đội nhân dân Việt Nam nhất định sẽ tiến công vào Điện Biên Phủ, vì vị trí này án ngữ con đường sang Lào và kiểm soát toàn bộ cửa ngõ qua Tây Bắc, đặc biệt là Lai Châu, nơi đang diễn ra các cuộc chiến quyết liệt.

3. Họ tin rằng trong cuộc tiến công vào Điện Biên Phủ, Quân đội nhân dân Việt Nam sẽ không có phương tiện giải quyết được hậu cần. Còn phía quân đội Pháp sẽ dễ dàng dùng đường không tiếp tế, vì khoảng cách Điện Biên - Hà Nội chỉ có chừng 200 cây số, với khả năng mà Mỹ đã hứa dành cho quân đội Pháp một số máy bay để tiếp tế. Trong khi đó theo tính toán của các chuyên gia Pháp, Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ có thể tiếp tế từ đồng bằng sông Hồng theo con đường bộ dài chừng 500 cây số, qua rừng núi, đầm lầy và dưới sự khống chế của không quân Pháp. Những người thiết kế, xây dựng hệ thống boong-ke và các cứ điểm dày đặc tại Điện Biên Phủ cho rằng căn cứ này là bất khả xâm phạm.

Lúc đầu, Quân đội nhân dân Việt Nam tỏ ra ít chú ý đến sự chiếm đóng Điện Biên Phủ của quân đội viễn chinh Pháp. Họ chỉ bao vây một cách lỏng lẻo, sau đó mới dần xiết chặt vòng vây. Chính thời gian đầu là thời gian họ tiếp tục phối hợp với các lực lượng yêu nước Lào tiến công những vùng khác. Ngày 12 tháng 12 năm 1953, Quân đội nhân dân giải phóng Lai Châu (gần biên giới Trung Quốc). Đầu năm 1954, Quân đội nhân dân giải phóng Lào và Quân đội nhân dân Việt Nam đã giải phóng Trung Lào. Như vậy, Lào bị chia làm hai phần. Lực lượng giải phóng lại bao vây uy hiếp vùng cố đô

1. *Điện Biên Phủ. Before - During - After* (Vietnamese Studies, Nr.43) Hanoi 1976 p9.

Luông Phra Băng, buộc quân Pháp phải tăng cường lực lượng chốt giữ. Điện Biên Phủ lúc này còn yên tĩnh. Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở đây là tướng Đờ Cát-xơ-ri còn hung hăng, cho rải truyền đơn khiêu khích “các ngài Việt Minh ở đâu, mời các ngài ra tham chiến, các ngài sẽ bị nghiền nát”¹.

Quân đội nhân dân Việt Nam bắt đầu tiến công vào ngày 13 tháng 3 năm 1954. Mở đầu là những loạt tiến công bằng các đợt pháo kích dữ dội. Các lực lượng này được vận chuyển và cất giấu cẩn thận. Quân Pháp hoang mang bất ngờ nên đến tận phút cuối cùng của trận đánh vẫn không thể chống trả một cách có hiệu quả. Trong khi pháo 75ly và 105ly của Quân đội nhân dân Việt Nam nã vào hai sân bay và các trận địa pháo không được ngụy trang che chắn của đối phương, thì pháo binh của Pháp bắn vu vơ và máy bay oanh tạc không trúng mục tiêu. Ngay tối đầu tiên, Quân đội nhân dân Việt Nam đã chiếm được đồi Him Lam. Chỉ huy pháo binh Pháp ở Điện Biên Phủ là đại tá Pi-rốt đã tự tử. Từ cuối tháng 3, tình thế của quân Pháp trở nên bi đát. Trước hết, việc tiếp tế bằng máy bay ngày càng khó khăn.

Quân đội nhân dân Việt Nam đã lập được chiến công đáng cảm phục trong việc tập trung nhân lực và mọi phương tiện cần thiết cho chiến dịch Điện Biên Phủ. Khoảng 50.000 người (4 sư đoàn bộ binh, 5 đơn vị pháo binh, 1 đơn vị pháo cao xạ và 1 đơn vị công binh) đã được huy động vào chiến dịch. Những khó khăn đã được giải quyết nhờ sự nỗ lực của hàng vạn dân công với phương tiện xe đạp thồ, quang gánh. Một điều kiện khác là sự viện trợ giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa cho cuộc chiến tranh của nhân dân Việt Nam.

Cuộc tiến công của Quân đội nhân dân Việt Nam chia làm 3 giai đoạn²:

Giai đoạn 1 (từ 13 đến 17 tháng 3): Đánh chiếm cứ điểm phía bắc: Him Lam, Độc Lập và Bản Kéo. Như vậy trong giai đoạn 1, quân đội Pháp đã hoàn toàn mất khu vực phía bắc.

Giai đoạn 2 (từ 30 tháng 3 đến 24 tháng 4): Với những trận tiến công như vũ bão vào khu vực trung tâm, Quân đội nhân dân Việt Nam đã chiếm được hàng loạt hệ thống boong-ke, các đường băng chính của các sân bay bị phá hỏng, các đường nối các boong-ke với nhau bị chặt đứt. Ở đây, Quân đội nhân dân đã phát triển một lối đánh đặc biệt. Để đánh chiếm các boong-ke mà ít thiệt hại nhất, bộ binh Việt Nam đã tiến hành đào các hệ thống giao thông hào để tiến dần vào sát mục tiêu, chia cắt và vây chặt, đánh lấn.

1. Theo F.F Jensen, *Erlebtes Vietnam*, Berlin 1955, tr.129.

2. Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ*, Sđd, tr. 109 và *Việt Nam - Những sự kiện 1945-1975*, tập 1, Hà Nội, tr. 121.

Giai đoạn 3 (từ 1 đến 7 tháng 5): Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm các cứ điểm phía nam Hồng Cúm và 2 hệ thống boong-ke trung tâm. Ngày 7 tháng 5, lúc 17 giờ 30 phút Quân đội nhân dân Việt Nam đã tiến vào hầm chỉ huy của Đờ Cát-xơ-ri vừa được phong hàm thiếu tướng.

Sau 55 ngày đêm, chiến dịch gay go, gây thiệt hại lớn cho cả hai bên đã kết thúc. Thắng lợi hoàn toàn thuộc về Quân đội nhân dân Việt Nam. Quân đội Pháp bị thiệt hại lớn, 62 máy bay cùng số lượng lớn vũ khí và phương tiện chiến tranh bị mất về tay Quân đội nhân dân Việt Nam và bị thiêu hủy. Và điều quan trọng là ảo tưởng nghiền nát Quân đội nhân dân Việt Nam trong trận đánh quyết định này hoàn toàn tan vỡ, quá trình của chiến dịch đã thể hiện các chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu vì độc lập của Tổ quốc được nhân dân ủng hộ đã có tinh thần chiến đấu hơn hẳn so với đạo quân đánh thuê nhà nghề của Pháp. Chiến dịch này cũng thể hiện sự hơn hẳn về đường lối quân sự của Đảng Lao động Việt Nam. Nghệ thuật quân sự được phát triển trong cuộc chiến tranh chống xâm lược dưới sự chỉ huy của Bộ tư lệnh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đạt đến đỉnh cao trong chiến dịch Điện Biên Phủ, một chiến dịch có sự phối hợp tài tình với các hoạt động vũ trang ở những khu vực khác. Sự giúp đỡ to lớn của các nước anh em đã rút ngắn khoảng cách về trang bị giữa quân đội Pháp và Quân đội nhân dân. Quân đội nhân dân Việt Nam đã được trang bị những vũ khí hiện đại để đối phó với máy bay, và có thể khống chế các sân bay. Đồng thời, nhờ những phản ứng quốc tế, đặc biệt là Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã ngăn chặn đế quốc Mỹ và Pháp không biến chiến tranh Đông Dương thành cuộc chiến tranh có tính chất quốc tế như kiểu chiến tranh Triều Tiên. Sau sự kiện Điện Biên Phủ một ngày, chính phủ Pháp buộc phải chấp nhận đàm phán về việc kết thúc chiến tranh, điều mà từ trước đến nay họ vẫn tìm cách trì hoãn. Thất bại về đường lối chính trị ở Đông Dương được thể hiện qua chiến dịch Điện Biên Phủ là một nguyên do cơ bản của chính phủ La-ni-en bị đổ ngày 9 tháng 6. Tổng thống Măng-đét Phơ-răng-xơ đã ký Hiệp định Giơ-ne-vơ vào ngày 20 và 21 tháng 7 năm 1954. Pháp buộc phải công nhận nền độc lập của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. Chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ là bước ngoặt quyết định trong cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam chống lại thực dân Pháp, mà đồng thời cũng là thắng lợi có ý nghĩa của các dân tộc trong cuộc đấu tranh giải phóng chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Chiến thắng này và Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương góp phần quan trọng vào việc làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho lực lượng hòa bình tiến bộ và độc lập, ngăn chặn mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc muốn biến chiến tranh nóng

thành chiến tranh lạnh trong giữa những năm 50, đại tá người Pháp, F.T.Schneider, đã viết không có gì là quá đáng: “Kết quả của sự thất bại này và của việc đàm phán tiếp đó cần được coi là sự bại trận của toàn bộ thế giới phương Tây. Bởi vì đây là sự chiến thắng của cộng sản đối với tư bản, của dân thuộc địa đối với thực dân” Thất bại của chính sách, sức mạnh của chủ nghĩa đế quốc ở Điện Biên Phủ mở ra khả năng giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình, kết thúc ách thực dân và chiến tranh trong khu vực này. Khả năng này khi đó chưa thể thực hiện được vì đế quốc Mỹ, kẻ đã giúp Pháp tới 60% kinh phí vào thời điểm năm 1953 và đến 80% vào thời điểm năm 1954 khi họ muốn thế chân Pháp ở Đông Dương. Họ đã được ném mùi “Điện Biên Phủ” ở Sài Gòn vào năm 1975.

Bản sao lưu trữ

ĐIỆN BIÊN PHỦ TRANG LỊCH SỬ VẺ VANG TRONG CUỘC ĐẤU TRANH ANH DŨNG CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM*

Trung tướng G.GIA-MI-AN

Ủy viên Trung ương Đảng; Chủ tịch Ủy ban cựu chiến binh Mông Cổ; Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết với nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia; Chủ tịch Hội Hữu nghị Mông Cổ - Việt Nam; Anh hùng nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ.

Trong những ngày này, cùng với nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có nhân dân Mông Cổ, nhân dân Việt Nam anh hùng long trọng kỷ niệm lần thứ 30, ngày chiến thắng Điện Biên Phủ.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, nhờ chiến thắng ở Điện Biên Phủ, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp đã kết thúc. Thắng lợi này không những thủ tiêu ách thống trị của bọn thực dân Pháp ở ba nước Đông Dương, mà còn là nguồn cổ vũ to lớn đối với các dân tộc đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, vì độc lập, tự do.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã chứng minh một cách hùng hồn về sức mạnh vô địch của cuộc đấu tranh chính nghĩa vì tự do, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội của các dân tộc; về số phận diệt vong không gì cứu vãn nổi của các thế lực đế quốc phản động.

Với cuộc tiến công Đông Xuân 1953-1954, quân đội và các chiến sĩ yêu nước Việt Nam anh hùng không những đập tan kế hoạch Na-va, mà còn buộc Pháp phải ngồi vào bàn thương lượng và ngày 21 tháng 7 năm 1954, buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chỉ chiến tranh ở Đông Dương.

Trận Điện Biên Phủ 55 ngày đêm là cuộc đụng đầu gay go, quyết liệt giữa một bên là bọn thực dân Pháp cáo già, bọn can thiệp Mỹ và một bên là Quân đội nhân dân Việt Nam đã được tôi luyện và thử thách.

* Bài đăng trên báo *Nhân Dân*, ngày 6-5-1984.

Những chiến thắng của các chiến sĩ Việt Nam ở Điện Biên Phủ đã cổ vũ cuộc đấu tranh của nhân dân ba nước Đông Dương vì tự do và độc lập. Cùng với nhân dân Lào và các chiến sĩ yêu nước Lào, quân đội Việt Nam đã giải phóng được một nửa lãnh thổ và gần một nửa số dân Lào.

Chiến thắng Điện Biên Phủ không những đánh bại bọn thực dân Pháp mà còn là đòn giáng trả quyết định đối với âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ mưu toan xâm chiếm ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Chiến thắng Điện Biên Phủ không những là đỉnh cao chói lọi của cuộc kháng chiến lâu dài của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, mà còn là sự kiện trọng đại trong lịch sử đấu tranh vũ trang của các dân tộc nhỏ bé đang chiến đấu chống một quân đội nhà nghề thực dân, đế quốc.

Chiến thắng Điện Biên Phủ còn gắn liền với đường lối quân sự, chính trị đúng đắn và sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Chiến thắng Điện Biên Phủ gắn liền với vai trò quan trọng của các hoạt động vũ trang của Quân đội giải phóng Lào, của các lực lượng vũ trang cách mạng Cam-pu-chia, của sự giúp đỡ, ủng hộ đoàn kết chiến đấu của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới.

Những thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam anh hùng anh em trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chống sự xâm lược của các thế lực đế quốc và bọn bá quyền lại càng nhân thêm và làm phong phú thêm truyền thống vẻ vang của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ quang vinh.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam đã chứng minh hùng hồn rằng không một thế lực xâm lược nào có thể khuất phục nổi nguyện vọng của các dân tộc đang đấu tranh vì tự do, độc lập và tiến bộ xã hội.

Những thắng lợi lịch sử của nhân dân Việt Nam trong thời gian qua đã thể hiện sức mạnh tổng hợp của tình hữu nghị và tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Liên Xô, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các lực lượng tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới.

Do chính sách phiêu lưu mạo hiểm của các thế lực đế quốc hiếu chiến đang ráo riết chạy đua vũ trang, thành lập lực lượng phản ứng nhanh, gây đối đầu nhằm đẩy nhân loại đến nguy cơ bùng nổ chiến tranh hạt nhân, cho

nên tình hình thế giới, trong đó có hòa bình, an ninh của châu Á cũng đang bị đe dọa nghiêm trọng.

Hiện nay, chính quyền Mỹ đang tăng cường dính líu quân sự vào khu vực châu Á Thái Bình Dương, không những làm cho tình hình ở lục địa này trở nên căng thẳng, mà còn đe dọa hòa bình, an ninh của các nước châu Á độc lập. Tình hình ở khu vực Đông Nam Á cũng đang trở nên hết sức phức tạp. Các thế lực đế quốc và bọn bá quyền đang trắng trợn can thiệp vào công việc nội bộ của các nước và mưu toan giành lại ảnh hưởng đã mất ở khu vực này. Giới quân sự của Lầu năm góc mưu toan biến khu vực rộng lớn châu Á Thái Bình Dương thành bàn đạp quân sự chiến lược của chúng, đồng thời áp ủ ý đồ thâm độc nhằm phá hoại sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, tự do và độc lập dân tộc ở châu Á. Trong tình hình thế giới phức tạp như vậy, thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam chống bọn xâm lược nước ngoài ngày nay lại càng có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Nhân dịp kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ, các lực lượng tiến bộ châu Á và trên toàn thế giới lại hô vang khẩu hiệu "Đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh chống chiến tranh, chống những hành động xâm lược của các thế lực đế quốc và phản động, vì hòa bình"

Năm nay, nhân dân Mông Cổ sẽ kỷ niệm rộng rãi lần thứ 45 ngày chiến thắng Khan Khin Gôn đánh tan quân phiệt Nhật - những kẻ đã đe dọa trực tiếp chủ quyền và độc lập của nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ.

Nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lịch sử trọng đại của hai dân tộc chúng ta, một lần nữa chúng tôi xin bày tỏ quyết tâm sắt đá của mình trong cuộc đấu tranh không mệt mỏi nhằm bảo vệ nền hòa bình và an ninh trên toàn thế giới, loại trừ nguy cơ chiến tranh hạt nhân, bảo vệ vững chắc những thành quả của chủ nghĩa xã hội.

MIỀN NAM VIỆT NAM SẼ LẠI CÔNG HIẾN CHÚNG TA MỘT CHIẾN THẮNG KHÁC NHƯ ĐIỆN BIÊN PHỦ*

Thiếu tướng KYAW ZAW (Miến Điện)

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, tôi cùng nhân dân Miến Điện, xin chúc cách mạng Việt Nam toàn thắng. Khi chúng tôi được tin tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ do hai sư đoàn quân tinh nhuệ Pháp đóng giữ đã rơi vào tay nhân dân Việt Nam, lúc đầu chúng tôi rất ngạc nhiên. Sau chúng tôi thấy rất sung sướng. Chúng tôi ngạc nhiên vì một pháo đài của Pháp kiên cố như vậy, được cả Mỹ giúp đỡ, lại rơi vào tay quân du kích Việt Nam, kể cả viên tư lệnh chỉ huy pháo đài.

Đây là một chiến thắng đầu tiên của một nước vốn là thuộc địa nhỏ yếu đối với một nước đế quốc giàu mạnh. Chiến thắng này cho thấy rõ nhân dân Việt Nam đã phải đấu tranh như thế nào để chiến thắng đế quốc, bắt đầu từ giai đoạn dùng vũ khí thô sơ đến khi tiến hành một cuộc chiến tranh hiện đại. Về mặt quân sự, chiến thắng Điện Biên Phủ phải được coi là chiến thắng của một dân tộc bắt đầu bằng chiến tranh du kích chống quân thù nhưng có thể chiến thắng những pháo đài kiên cố của đế quốc, buộc chúng phải đầu hàng và chỉ có đầu hàng chứ không có con đường nào khác. Trận Điện Biên Phủ cho thấy rõ khả năng lãnh đạo quân sự một cách khoa học của nhân dân làm cho sự phòng thủ của quân thù lớn mạnh như thế nào đi nữa và dùng vũ khí gì đi nữa, cũng vẫn có thể bị đánh tan. Chiến thắng Điện Biên Phủ chỉ rõ làm như thế nào để có thể với những vũ khí tầm thường vẫn có thể chiến thắng những pháo đài kiên cố của địch và làm thế nào để phát huy tác dụng tinh thần dũng cảm và đầu óc tổ chức. Sau cùng trận Điện Biên Phủ tỏ rõ làm thế nào để biến lượng thành chất để giành thắng lợi.

* Trong thời gian diễn ra chiến dịch Điện Biên Phủ, ông Kyaw Zaw làm Tư lệnh quân khu Bắc Miến Điện trực tiếp chỉ huy chiến dịch đánh tàn quân Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch tràn vào đất Miến. Bài viết của ông nhân kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ; đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, ngày 14-5-1964.

Chiến thắng Điện Biên Phủ đã làm tiêu tan tất cả mọi hy vọng của đế quốc trong chiến tranh Đông Dương và buộc chúng phải nhượng bộ ở hội nghị Giơ-ne-vơ. Nhân dân Miến chúng tôi lúc đó rất vui mừng phấn khởi khi nhận được tin chiến thắng Điện Biên Phủ. Vừa lúc Điện Biên Phủ chiến thắng thì chúng tôi ở Miến Điện cũng đang ăn mừng chiến thắng bọn Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch. Từ năm 1949, quân Quốc dân đảng đã bắt đầu xâm nhập một phần năm đất Miến Điện về phía đông, ở đây với hơn 12 ngàn quân, chúng lập nhiều căn cứ quân sự và căn cứ không quân. Năm 1954, chúng tôi mở nhiều trận lớn đánh quân Quốc dân đảng và trong tháng 4, tháng 5 năm 1954 đã đánh lùi chúng về biên giới Thái Lan. Chúng tôi đang vui mừng chiến thắng Quốc dân đảng, chiến thắng Điện Biên Phủ lại làm cho chúng tôi sung sướng và phấn khởi hơn. Rồi chúng tôi kết luận rằng việc chúng tôi chiến thắng nhanh Quốc dân đảng gắn liền với chiến thắng Điện Biên Phủ. Khi bọn đế quốc đang bối rối ở Điện Biên Phủ, chúng tôi có thời cơ thuận lợi để tiêu diệt Quốc dân đảng hoạt động dưới cùng một chiến lược của đế quốc chủ nó. Cho nên chiến thắng Điện Biên Phủ không những khuyến khích chúng tôi về tinh thần mà còn giúp chúng tôi về vật chất một cách hiệu quả. Vì vậy chúng tôi phải chịu ơn nhân dân Việt Nam dưng cảm. Sau tháng 5 thì chúng tôi đánh tan bọn Quốc dân đảng đóng ở vùng biên giới Thái Lào Miến.

Chiến thắng Điện Biên Phủ gây nên những làn sóng lớn trên khắp thế giới. Đặc biệt chiến thắng Điện Biên Phủ đem lại những bài học rất bổ ích cho nhân dân Á, Phi, Mỹ La-tinh trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đối với châu Á, chiến thắng Điện Biên Phủ không những giúp bài học và ủng hộ tinh thần mà còn thực tế giúp bằng vật chất. Bài học quý báu nhất của trận Điện Biên Phủ là một nước thuộc địa, dù nhỏ thế nào đi nữa, cũng vẫn có thể chiến thắng đế quốc hùng mạnh như Pháp được Mỹ ủng hộ. Sau chiến tranh Triều Tiên, trận Điện Biên Phủ đã làm cho đế quốc bị tổn thương nặng. Trận Điện Biên Phủ cho ta thấy các dân tộc thuộc địa bị áp bức dù nhỏ yếu vẫn có thể là kẻ chiến thắng nếu kiên trì đấu tranh cách mạng.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là tiếp tục chiến thắng của nhân dân Triều Tiên và Trung Quốc trong chiến tranh Triều Tiên. Và chiến thắng ở Cu Ba và châu Mỹ La-tinh cũng như chiến thắng của An-giê-ri ở Phi châu là tiếp tục chiến thắng của nhân dân Việt Nam ở Điện Biên Phủ.

Trận Điện Biên Phủ đã gây mâu thuẫn sâu sắc giữa đế quốc Mỹ mạnh hơn, với đế quốc Anh, Pháp yếu hơn. Những mâu thuẫn đó tập trung trong

vấn đề chiến lược của đế quốc ở Đông Nam Á: đế quốc Mỹ tiếp tục chính sách áp bức đối với nhân dân Đông Nam Á và tiếp tục dùng vũ lực để nô dịch khu vực này. Còn bọn Anh, Pháp đã có kinh nghiệm bản thân không muốn theo tất cả mọi bước của Mỹ. Những mâu thuẫn đó có lợi cho các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập dân tộc. Những mâu thuẫn đó tạo thời cơ tốt cho nhân dân và làm suy yếu đế quốc. Cho nên chiến thắng Điện Biên Phủ không những làm thay đổi tình thế trong chiến tranh Đông Dương mà còn lợi cho phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Đông Nam Á.

Liên hệ tới tình hình Việt Nam đang đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội và để thống nhất Tổ quốc, chúng tôi tin tưởng rằng nhân dân Việt Nam cũng sẽ thắng lợi trong cuộc đấu tranh này, vì nhân dân Việt Nam đã từng chiến thắng những đế quốc lớn, đã giàu kinh nghiệm qua trận Điện Biên Phủ và nhiều trận khác trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Cùng với nhân dân Miến Điện, tôi xin chúc nhân dân Việt Nam nhiều thắng lợi nhân dịp kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

Đặc biệt tôi xin chúc nhân dân miền Nam Việt Nam thắng lợi trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc hiện nay. Ở đây tôi xin nói lên sự lo lắng của nhân dân chúng tôi đối với nhân dân miền Nam Việt Nam khi được tin nhân dân miền Nam Việt Nam bị đàn áp tàn bạo... Chúng tôi lo lắng liệu nhân dân miền Nam Việt Nam có thể chiến thắng đế quốc Mỹ được không. Nhưng những mối lo lắng của chúng tôi đã được giảm dần trước những chiến thắng liên tiếp của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Chiến tranh ở miền Nam Việt Nam là một cuộc chiến tranh giữa một dân tộc nhược tiểu và bọn đế quốc dữ mạnh nhất. Chiến tranh ở miền Nam Việt Nam là một cuộc chiến tranh gắn liền với vận mệnh của tất cả các dân tộc bị áp bức. Nhân dân toàn thế giới không một phút ngừng theo dõi tình hình xảy ra ở miền Nam Việt Nam. Trong cuộc đấu tranh chống bọn đế quốc mạnh nhất, nhân dân miền Nam Việt Nam đã hy sinh không bờ bến để chiến thắng quân thù. Chiến tranh du kích đã trở thành một cuộc chiến tranh yêu nước được toàn thể nhân dân miền Nam Việt Nam tham gia. Chúng tôi được biết hiện nay hai phần ba đất đai miền Nam Việt Nam đã được giải phóng.

Về mặt chính trị, nhân dân miền Nam Việt Nam đoàn kết thành một khối duy nhất dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và được sự đồng tình ủng hộ của dư luận thế giới trong đó kể cả nhân dân Mỹ. Về phía đế quốc chúng không được ai ủng hộ mà lại

thêm nhiều mâu thuẫn mới. Ngay ở Mỹ cũng xuất hiện nhiều mâu thuẫn. Vì vậy, nhân dân thế giới tin chắc rằng đế quốc Mỹ, dù đàn áp nhân dân miền Nam Việt Nam thế nào đi nữa, dù chúng gặp may mắn đến đâu đi nữa, chúng cũng không thể nào cản nổi nhân dân miền Nam Việt Nam chiến thắng. Tôi tin rằng nhân dân miền Nam Việt Nam sẽ lại cống hiến chúng ta một bài học quý báu khác như chiến thắng Điện Biên Phủ.

Bản sao lưu trữ

ĐIỆN BIÊN PHỦ CÒN LÀ THẤT BẠI CỦA MỸ*

Nhà sử học **PI-E RÔ-CÔN** (Pierre Rocolle)

Giáo sư giảng dạy tại Trường Cao đẳng chiến tranh của Pháp

Đại tá Đờ Cát đã được thăng chức thiếu tướng. Các trung tá được đưa lên hàng đại tá... Nhưng đến ngày 18-3, tình hình Điện Biên Phủ coi như không cứu vãn được nữa rồi. Đến ngày 27, 28-4, tập đoàn cứ điểm này coi như đang trải qua những ngày hấp hối. Các cứ điểm ở vòng ngoài lần lượt bị Việt Minh đánh chiếm hoặc phải rút bỏ.

Lúc quân địch sắp mở đợt tấn công thứ ba, việc tiếp tế vận tải đường không ngày càng khó khăn. Từ giữa tháng Tư, các khẩu pháo cao xạ của đối phương đã giăng lưới lửa khắp trời Điện Biên và hễ một chiếc máy bay nào xuất hiện là lập tức bị lưới lửa địch bủa vây. Các phi công người Mỹ lái máy bay vận tải C.119 tiếp tế cho Điện Biên Phủ đòi phải được bảo vệ. Thế là mỗi khi có một máy bay vận tải do người Mỹ lái đến, phải có bốn hoặc sáu máy bay khu trục yểm trợ quay cuồng khắp bầu trời, liều mạng bỏ nhào xuống những khẩu cao xạ 37 ly của Việt Minh.

Viện trợ Mỹ đã được tăng cường bằng đô la và bằng vũ khí, đạn dược.

Từ sau khi tướng Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi rời khỏi chức vụ, Hoa Kỳ quan tâm ngày càng nhiều đến Đông Dương. Trong những năm 1952-1953 sự quan tâm đó được cụ thể hóa bằng những cuộc thăm viếng dập dìu của các nhân vật quân sự cũng như dân sự Mỹ, nhất là bằng việc thành lập cơ quan M.A.G nhằm giải quyết các vấn đề trao dụng cụ chiến tranh cho Pháp.

Mùa đông 1953-1954, và nhất là trong thời gian chiến đấu ở Điện Biên Phủ, Hoa Kỳ đã có nỗ lực lớn trong việc thỏa mãn những nhu cầu cấp bách của Pháp. Nhận sự đóng góp to lớn vào chiến tranh Đông Dương, Hoa Kỳ rõ ràng là có ý đồ xen vào việc xây dựng các lực lượng Việt Nam.

* Đây là đoạn trích trong cuốn sách "Tại sao Điện Biên Phủ" của tác giả Pi-e Rô-côn. Cuốn sách này đã được phát hành rộng rãi ở phương Tây và trên thế giới từ nhiều năm qua. Chúng tôi xin trích đăng lại (Theo báo *Nhân Dân* ngày 25-4-1984) để bạn đọc tham khảo.

Cũng như ở Nam Triều Tiên lúc đầu họ đề nghị với Pháp được gửi những huấn luyện viên của Mỹ tới mà thôi.

Bộ chỉ huy Pháp có cơ sở để nghi ngờ rằng Oa-sinh-ton đang tìm cách nắm lấy quân đội Việt Nam và như thế là viện trợ Mỹ sẽ đem lại hậu quả ngày một nặng nề.

Chính phủ Pháp tưởng rằng có thể làm vừa lòng ông bạn Mỹ bằng một bức thư của ngoại trưởng Bi-dôn gửi sứ quán Mỹ ở Pa-ri ngày 29-9-1953. Thế là một phái đoàn do tướng Ô Đa-ni-en dẫn đầu được cấp tốc gửi đến Sài Gòn bất liên lạc với tướng Na-va.

Theo tướng Na-va thì vừa chân ướt chân ráo đến Sài Gòn, Ô Đa-ni-en đã đòi được biết kế hoạch tác chiến của Pháp ở Đông Dương. Không những biết mà khi cần thiết thì còn tham gia nghiên cứu kế hoạch nữa. Việc này làm cho tướng Na-va rất ngượng. Na-va hỏi tướng Ê-li thì ông này trả lời: “Ô Đa-ni-en là một nhân vật có ảnh hưởng lớn ở Oa-sinh-ton” Và nhấn mạnh thêm: “Tôi được đô đốc Mỹ Rát-pho cho biết về tài đức của Ô Đa-ni-en. Ông ta rất phục kế hoạch của ông (kế hoạch Na-va). Tướng Ô Đa-ni-en sẽ giúp ông rất nhiều. Ô Đa-ni-en sẽ góp phần rất lớn vào việc làm cho Oa-sinh-ton thấy được những khó khăn và yêu cầu của chúng ta ở Đông Dương”

Việt Minh có biết Hoa Kỳ ngày một tham gia sâu vào cuộc chiến tranh hay không? Việc Mỹ chuyển cho Pháp các loại vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh cũng như sự có mặt của nhân viên quân sự Mỹ ở Sài Gòn không thể lọt qua mắt họ. Hơn nữa, đầu năm 1954, báo chí họ cung cấp cho họ những tin tức trực tiếp: Ngày 6-3, họ có thể biết đích xác khoản tiền Mỹ giúp Pháp trong năm đó, Thủ tướng Pháp cũng đã nói rõ cả số nhân viên Mỹ đến công cán ở Đông Dương.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, dụng cụ chiến tranh của Mỹ ùn ùn đổ vào Đông Dương cũng được báo chí đưa tin một cách chính xác: ngày 23-3-tức ngày thứ 10 của cuộc chiến đấu, báo chí ở Oa-sinh-ton đưa tin một đội máy bay ném bom B26 và máy bay vận tải mới lại sắp được đưa sang Đông Dương. Ngày 26-3 phi công Mỹ tham gia chiến đấu ở Đông Dương cũng được báo chí tường thuật lại, rồi những máy bay “cướp biển” được tàu chở máy bay của Mỹ đem tới cũng được đưa tin...

Báo *Luy-ma-ni-tê* chủ nhật, số ra ngày 11-4-1954 đã viết dưới đầu đề lớn, cảnh cáo: “Máu đổ ở Đông Dương sẽ biến thành túi bạc ở Oa-sinh-ton”

Sau khi nhận được tin tức không lành từ Điện Biên Phủ, chiều 19-4, tướng Ê-li đã bay sang Mỹ. Qua cuộc tiếp xúc với Ai-xen-hao và Đa-lét, tướng Ê-li được người Mỹ cho biết họ không muốn thương lượng với Việt

Nam ở Giơ-ne-vơ chứng nào tình hình quân sự chưa tạo được thế mạnh cho ngoại giao.

Cũng trong cuộc gặp gỡ này, đô đốc Rát-pho, chủ tịch hội đồng tham mưu trưởng của Mỹ, bất ngờ đưa ra đề nghị: Để cứu Điện Biên Phủ, bộ chỉ huy tối cao Mỹ sẵn sàng trực tiếp giúp đỡ quân viễn chinh Pháp, sự giúp đỡ đó bao gồm việc dùng không quân và pháo đài bay hạng nặng B29 đặt căn cứ ở Phi-lip-pin tiến công các vị trí đóng quân của Việt Minh ở Điện Biên Phủ.

Ngày 8-4, đô đốc Hốp-út, tham mưu trưởng hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ, được phái đến gặp tướng Na-va để hoàn chỉnh kế hoạch “điều hâu” mà Rát-pho đã phác họa ra. Kế hoạch “điều hâu” bao gồm 60 máy bay ném bom B29, mỗi chiếc mang 8, 9 tấn bom và 450 máy bay khu trục Mỹ ở Phi-lip-pin sẵn sàng cất cánh. Rát-pho đã chuẩn bị tất cả. Máy bay và phi công Mỹ ném bom sẽ không mang quân hàm, quân hiệu và sẽ lấy những phi công đang nghỉ phép để tránh rắc rối về mặt quốc tế.

Hai tàu chở máy bay Bốc-xơ và Ét-xếch đã tiến vào vịnh Bắc Bộ từ ngày 10-4 để các máy bay tiêm kích của hải quân Mỹ có thể can thiệp ngay tức khắc.

Trước đó, ngày 14-3, tướng Pa-tơ-rích, tổng chỉ huy không quân Mỹ ở Viễn Đông đến Sài Gòn. Ông ta ra Hà Nội, rồi ông ta bay lượn trên bầu trời Điện Biên Phủ ở tầm cao.

Trước đó nữa, ngày 7-3, một chiếc máy bay phản lực rất lạ bay trên bầu trời Bắc Bộ đã làm cho Bộ chỉ huy Pháp hốt hoảng tưởng không quân Trung Cộng chuẩn bị can thiệp. Mấy giờ sau mới nhận ra là máy bay “thanh kiếm” của Mỹ. Họ không hề báo trước cho bộ chỉ huy Pháp biết.

Ngày 23-4, tổng thống Ai-xen-hao trả lời một thông điệp của Chính phủ Pháp: “Tôi thấy cần nói rõ cho những người bạn Pháp biết rằng nếu Hoa Kỳ góp cờ và góp lực lượng quân sự - hải, lục, không quân - thì phải đánh đến kỳ thắng. Chúng tôi không thể tự cho phép mình đánh cuộc cả uy tín của nước Mỹ để rồi hứng lấy một thất bại mang tiếng xấu trên thế giới”

Cũng ngày hôm đó, ngày 23-4 - tức là ba ngày trước khi hội nghị Giơ-ne-vơ khai mạc vừa đến Pa-ri, ngoại trưởng Mỹ Đa-lét đã nói nhỏ vào tai ngoại trưởng Pháp Bi-đôn: “Nếu như chúng tôi cho ông hai quả bom nguyên tử để thắng ở Điện Biên Phủ thì ông nghĩ thế nào?”...

TIẾNG SẤM ĐIỆN BIÊN PHỦ HÃY CÒN VANG VỌNG

Trên toàn thế giới, Waterloo trước đây không gây tiếng vang bằng, Điện Biên Phủ thất thủ gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đó là một trong những thảm bại lớn nhất của phương Tây, báo trước sự sụp đổ của các đế quốc thuộc địa và sự cáo chung của một nền cộng hòa. Tiếng sấm Điện Biên Phủ hãy còn vang vọng...” (tr. 427).

* Về nguyên nhân thất bại:

“Trước hết, tại chất lượng cao của những đối thủ trước mặt ta, những chiến binh hăng hái? Có thể là như vậy. Các vị tướng trong quân đội họ, không có gì phân biệt các vị ấy với lính thường, nếu không phải là tuổi tác mà màu chiếc ngôi sao đính ở cổ áo. Quân phục của họ cũng được may bằng cùng một thứ vải, họ đi cùng một loại giày thô ấy, chiếc mũ cối không phân biệt tí nào giữa người nọ với người kia, mà các vị đại tá cũng lội bộ như binh nhì. Họ sống bằng gạo mà họ mang theo, bằng khoai củ đào được trong rừng, bằng cá họ câu được và uống nước từ các dòng suối. Không có những cô thư ký xinh đẹp, không có khẩu phần đặc biệt, không có xe ô-tô, không có cờ hiệu phấp phới trong gió, nhưng, quý thần ơi, lại có chiến thắng! Tôi xin phép được thưa với các vị tướng cao cấp của quân đội có trách nhiệm bảo vệ phương Tây: “Một ngày nào đó, nếu các vị phải tự vệ chống lại họ, xin đừng trông cậy vào các nguyên tắc chiến lược hay tên lửa của các vị như Navarre từng trông cậy ở pháo binh”

Sau đó, là tại các vị chỉ huy cao cấp của ta xoàng quá. Ở khoảng cách xa căn cứ của mình gấp đôi, họ lại hy vọng tái diễn kinh nghiệm chưa hoàn chỉnh của Nà Sản. Lỗi tại sự nông nổi đã khiến họ coi kẻ thù chỉ là tên ngu xuẩn, lỗi tại sự ganh tỵ đã làm cho họ xâu xé nhau, lỗi tại sự yếu kém của một quân đội trong đó người ta luôn chỉ định người chỉ huy căn cứ vào thâm niên. Lỗi tại sự tự mãn của các vị chỉ huy, sự không hiểu biết gì về kẻ địch, tại nhận định quá dễ dãi của họ về quân đội mình và phương tiện của mình. Cái đó gọi là sự tự cao tự đại. Ôi, đâu rồi những vị tướng của nước Cộng hòa đã hy sinh trước quân thù năm 29 tuổi.

Ôi, chỉ còn một đám ông già lổ bịch, má hóp nhăn nheo, buổi sáng còn lo khạc đờm và buổi tối, đứng lên nặng nhọc sau bữa tiệc chiêu đãi của các vị cao ủy!

Bất chấp hàng tấn bom rải xuống các trục lộ giao thông, con đường tiếp đạn cho quân đội nhân dân không bao giờ bị cắt. Không phải viện trợ bên ngoài đã đánh bại tướng Navarre, mà chính là những chiếc xe đạp Peugeot, thồ 200, 300 ký hàng và đẩy bằng sức người, những con người ăn chưa đủ no và ngủ thì nằm ngay dưới đất trải tấm ni lông. Cái đã đánh bại tướng Navarre, không phải là phương tiện, mà là sự thông minh và ý chí của đối phương...” (tr. 448-449).

(Trích dẫn: Giuyn Roa (Jules Roy), *Trận Điện Biên Phủ dưới con mắt người Pháp*; người dịch: Bùi Trân Phượng, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2002. Tài bản lần thứ nhất).

Những sự thật tàn nhẫn về chiến tranh Đông Dương là như thế. Không phải chỉ là một sự thất bại về chính trị, nó còn là một sự thất bại về quân sự có một tầm quan trọng đặc biệt vì lần đầu tiên từ sau cuộc thất bại ở Y-oóc-tao (Yorktown) năm 1871 (ở đó có một đội quân Pháp Mỹ đã buộc người Anh phải đầu hàng), một cường quốc thuộc địa đã bị một nước bảo hộ cũ của họ đánh cho thất bại.

“Và chúng ta cũng không viện được lý do dễ dàng là kẻ địch có ưu thế về trang bị để tự bào chữa (lý do của năm 1940) vì, dù cho có giúp đỡ khá nhiều, Trung Quốc cũng không hề cung cấp cho nước Việt Nam dân chủ cộng hòa một máy bay, một xe tăng hoặc một khẩu trọng pháo nào. Chúng ta cũng không thể đổ tội cho những “đợt sóng người” Trung Quốc, Triều Tiên mà quân đội Liên hiệp quốc đã phải đương đầu ở Triều Tiên: tất cả những nguồn tài liệu của phương Tây đều thống nhất công nhận là chúng ta có một ưu thế về quân số ít nhất là 120.000 người đối với kẻ địch. Lỗi lầm phạm phải là trong một lĩnh vực khác: tinh thần và chiến thuật. Vấn đề tinh thần từ trước và sau này cũng luôn luôn như vậy là vấn đề căn bản trong một cuộc chiến tranh khởi nghĩa (hãy xem Cu Ba!); binh sĩ của chúng ta, dù cho họ dũng cảm và thực sự là họ dũng cảm thì cũng không phải là “những người của Năm thứ II”¹, và do những sự do dự về chính trị ở Pa-ri, chúng ta

1. Ý muốn nói là quân đội Pháp thiếu một tinh thần cách mạng như những người đã làm cuộc cách mạng tư sản dân quyền Pháp năm 1789 - (N.D chú thích).

đã không thành công trong việc đặt nhân dân địa phương “vào cuộc chiến tranh” Một sự sai lầm khác của Pháp nghiêm trọng hơn vì nó có tính chất bao quát chung là sự phân tán quân số ngày càng tăng do địch mở những cuộc hành binh nhanh chóng với những đơn vị tinh nhuệ. Một sự uy hiếp của Việt Minh ở Thượng Lào đưa đến chỗ phải tăng viện 5 tiểu đoàn cho Mường Ngòi; sự uy hiếp ở Thà Khẹt tiếp theo sau là sự tấn công vào sân bay Sênô ở Hạ Lào đưa đến chỗ phải thành lập trung đoàn tác chiến Trung Lào (G.O.M.L) và rút trung đoàn cơ động 51 khỏi Khơ-me. Cuối cùng, việc mở cuộc tấn công đánh lạc hướng Át-lăng-tơ (Atlante) vào căn cứ của Việt Minh ở Liên khu 5 tháng 2-1954 đã khiến cho Bộ Tổng tư lệnh phải sử dụng hai trung đoàn cơ động (số 11 và 100), chưa nói đến những phương tiện hậu cần quan trọng của hải quân và không quân. Còn như chủ trương rằng cuộc hành binh Át-lăng-tơ có hiệu quả giữ chân các đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam ở Nam Trung Bộ để không sử dụng ở Điện Biên Phủ thì chỉ cần liếc mắt trên bản đồ Đông Dương cũng đủ thấy chủ trương đó rất ít phù hợp với thực tế. Vậy thì chỉ còn một sự giải thích cuối cùng về trận đánh: đó là để tránh một trận đánh khác vào mùa xuân 1954 nhằm giành lấy đồng bằng sông Hồng, cái “đồng bằng có ích” nổi tiếng của tướng Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi. Một lần nữa, các nhà chuyên môn tìm cách chứng minh rằng việc cử được 5 sư đoàn địch đến một nơi cách đồng bằng 300 cây số là một thành tích về chiến lược chưa nói đến những thất bại nặng nề của Quân đội nhân dân Việt Nam xung quanh Điện Biên Phủ. Sự thật phũ phàng là sự hy sinh của 13.000 người ở Điện Biên Phủ tuyệt nhiên chẳng phục vụ cho một cái gì cả...”

(Trích dẫn: Béc-na Phôn, *Tại sao Việt Minh (Le Viet-Minh)*, Nxb Armand Colin, Pa-ri 1960, tr. 219, 220, 221. Dẫn theo: *Ám mưu của đế quốc Pháp - Mỹ trong chiến dịch Điện Biên Phủ* (Bùi Đình Thanh, Ngô Tiến Chất, Lưu Trác, Lê Gia Xứng sưu tầm, biên dịch và biên soạn), Nxb Sử học, Hà Nội-1963, tr.105, 106, 107)

ĐIỆN BIÊN PHỦ QUA ĐÁNH GIÁ CỦA MỘT SỐ NHÀ LÃNH ĐẠO VÀ TƯỚNG LĨNH PHÁP

Sau khi tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ thất thủ và cho đến tận nay, các nhà quân sự, chính trị tư sản Pháp và của phe đế quốc vẫn không ngừng đi tìm nguyên nhân thất bại của nó. Tướng Cô-nhi, chỉ huy ở Bắc Bộ, đổ lỗi cho tướng Na-va. Tướng Na-va đổ lỗi cho chính phủ La-ni-en. La-ni-en lại viết sách vạch ra những sai lầm của Na-va:

“Ngày 28-11-1953, tướng Na-va nắm được các tình báo của Phòng Nhì cho biết là đại bộ phận quân đội chủ lực Việt Minh đã rời đồng bằng lên Tây Bắc, do đó đã trực tiếp uy hiếp Lào bằng một cuộc tấn công mạnh mẽ. Và chính ngày mồng 3 tháng chạp, căn cứ vào cuộc hành binh đó mà tướng tổng tư lệnh đã quyết định nhận tiếp chiến với địch ở Tây Bắc bằng cách tập trung phòng ngự ở căn cứ Điện Biên Phủ, căn cứ đó phải được giữ vững bằng bất cứ giá nào... Quyết định này đã rõ ràng đi ngược lại với chiến lược vẫn được tướng tổng tư lệnh theo đuổi từ trước tới lúc đó là tránh không tiếp chiến với chủ lực Việt Minh. Chính quyết định đó là nguồn gốc chiến lược của cuộc thất trận Điện Biên Phủ.

“Giải thích ra sao quyết định bất ngờ đó? Tại sao có một sự khinh suất đến thế bây giờ người ta có thể nói như vậy khi các sự kiện đã được biết rõ hơn lại do một tướng chỉ huy từ trước tới lúc đó vẫn tỏ ra rất thận trọng phạm phải, tướng này đã có những dự kiến ban đầu sáng suốt, đã trông thấy những cuộc hành binh cục bộ có hiệu quả, và cuối cùng đã không phải không biết rằng chính phủ vẫn phản đối bất cứ cuộc hành binh mạo hiểm nào?

“Rất rõ ràng là khi ra quyết định ấy, tướng tổng tư lệnh đã không dự đoán được là nó sẽ đưa ông ta đi xa quá đáng những cái mà ông ta tưởng có thể xảy ra được. Vì cho rằng Điện Biên Phủ là một cái nhọt tụ độc hơn là một trận quyết định nên theo ý ông ta, Điện Biên Phủ sẽ chỉ cho phép đổi hướng tấn công và giữ lại một bộ phận lực lượng địch, sẽ cắt đường liên lạc giữa địch với Trung Quốc, sẽ trở thành điểm xuất phát cho cuộc tấn công về phía chúng ta, cuối cùng là để bảo vệ cả Thượng Lào lẫn đồng bằng. Chính kẻ địch, với những cuộc hành quân khéo léo, đã bắt chúng ta phải đánh một trận có tầm quan trọng đến thế ở Điện Biên Phủ.

“Sự sai lầm của bộ chỉ huy là ở chỗ tướng chúng ta đã thu hút địch tới một vị trí, ở đó ưu thế của chúng ta sẽ bảo đảm thắng lợi, thế mà trái lại, chính địch đã chọn trận địa đó.

“Theo ý tôi, nguyên nhân của sự sai lầm đó có hai. Đầu tiên là nguyên nhân tâm lý, là sự lạc quan quá đáng luôn có về phía chúng ta trong những tuần lễ trước khi xảy ra cuộc tấn công cứ điểm. Sau nữa là sự thiếu sót của tình báo về lực lượng địch, nhất là về trọng pháo và cao xạ pháo. Đánh giá quá cao sự trội hơn của chúng ta về mặt chiến lược, chúng ta đã đánh giá quá thấp khả năng của địch về mặt chiến thuật.

Cần phải đánh dấu rằng sự bất lực của các cơ quan tình báo chúng ta đã không cho phép nó đánh giá lực lượng địch một cách thích đáng. Sự thiếu sót về tin tức trái ngược với sự thiếu sót về giữ bí mật trong chúng ta là một trong những yếu tố tai hại nhất của cuộc chiến tranh này. Nắm được đầy đủ ý định của chúng ta, kẻ địch đã hầu như hoàn toàn giữ được bí mật về ý định của họ.

“Cũng do đó, tướng Võ Nguyên Giáp đã quyết định tấn công Điện Biên Phủ, vì ông ta theo nguyên tắc tập trung lực lượng vào nơi mà ông ta biết là điểm yếu của địch thủ, trong khi đó thì về phía chúng ta, nhiều người đã mong muốn cuộc tấn công Điện Biên Phủ, vì họ tưởng rằng chúng ta là những kẻ mạnh hơn.

“Sự sai lầm bi thảm đó đã phạm phải nhất là về các phương tiện mà kẻ địch có về pháo binh. Thực tế, trong khi chỉ riêng có các phi công là tỏ ý lo ngại phần nào về số phận của chiến dịch, thì chính những pháo thủ của chúng ta đã để cho chiến dịch bị thất bại. Ưu thế của chúng ta trong lĩnh vực đó là rất lớn. Nhưng sự đánh giá của chúng ta về phương tiện của địch lại quá thấp so với thực tế. Chính tướng Võ Nguyên Giáp đã tự mình nói với tướng Bô-pho (Beaufort) ít lâu sau là: trong sự đánh giá về phương tiện hành động của ông ta, chúng ta bao giờ cũng lạc hậu tới một năm.

“Trước sự mù tịt của chúng ta, kẻ địch đã có thể đem tới các sườn núi xung quanh Điện Biên Phủ một lực lượng trọng pháo tương đối quan trọng, giấu các khẩu pháo bằng một sự ngụy trang hoàn thiện, đặt các khẩu pháo vào hầm ngầm, phân tán từng khẩu một trên trận địa, chứ không phải tập trung lại thành từng pháo đội, và tiếp tế cho chúng một khối lượng đạn dược không ai ngờ tới. Chính sự mãnh liệt về các đợt bắn pháo chuẩn bị trên những vị trí tiên tiêu của chúng ta, chính các đợt bắn được tiến hành theo một nhịp độ chưa từng biết tới ở Đông Dương, hơn là vì hiệu quả xạ kích của chúng, đã đem tới cho quân đội ta một sự bất ngờ có tính chất quyết định. Sự tan rã mà điều bất ngờ ấy đem đến cho cứ điểm cố thủ, mãi về sau vẫn không bao giờ có thể khắc phục được.

“Người ta hình dung được dễ dàng sự bất ngờ mà bản thân tướng tổng tư lệnh gặp phải, khi đọc các hồi ký của ông ta, trong đó người ta thấy ông ta coi vũ khí hạng nặng mà ông ta có rất nhiều ở hậu phương là “vũ khí công kênh” Chính loại vũ khí công kênh đó đã được tướng Giáp biết đem đến tận các sườn núi khuất ở Điện Biên Phủ. Chính nó đã làm cho các vị trí tiền tiêu Ga-bơ-ri-en-ơ và Bê-a-tơ-rít-xơ (tức là vị trí Him Lam và Độc Lập *N.D chú thích*) bị hạ ngay hôm đầu. Chính nó cuối cùng, đã quyết định số phận chiến dịch. Với sự lùi lại trong thời gian, lỗi lầm chiến lược hiện ra thực rõ ràng. Lỗi lầm thể hiện ở chỗ nhận tiếp chiến với chủ lực Việt Minh vào một lúc không cần thiết, trên một trận địa mà kẻ địch tìm thấy những thuận lợi tối đa, trong những điều kiện bất lợi nhất cho các lực lượng Pháp - Việt (Việt = nguy quân - *N.D. ghi chú*). Phần lớn công việc vận chuyển của địch đều tiến hành bằng dân công. Sự gần gũi các căn cứ của địch là một thuận lợi rất lớn cho họ. Trái lại, sự xa cách của các căn cứ Pháp, việc thiếu các đường cái lớn và các đường ô tô có thể đi được, đã bắt buộc chúng ta chỉ có thể dùng đường hàng không để thực hành tất cả các công việc vận chuyển. Gánh nặng của không quân chúng ta thực quả là quá đáng, ngay cả thí dụ rằng các điều kiện thời tiết không có gì là bất lợi.

“Sự chật hẹp tương đối của cứ điểm cố thủ, hình thù lòng chảo của nó càng làm nguy cơ tăng thêm. Riêng việc các vị trí tiền tiêu bị hạ đã làm cho đường máy bay cất cánh mất tác dụng - mà đó lại là nguyên nhân của sự tồn tại và chiếm đóng cứ điểm.

“Tất cả các lý do đó, nếu vẫn chỉ dẫn đến cuộc hành binh thứ yếu và trong thời kỳ yên tĩnh thì đều không có gì trái với chủ trương chiếm đóng căn cứ đó cả. Nhưng những lý do nói trên đã tuyệt đối chống lại ý định có thể làm cho Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của một chiến dịch có tính chất quyết định. Vì cái nơi đã được chấp nhận nếu không phải là được chọn lựa để chiến đấu ấy, đã làm cho chúng ta mất toàn bộ những thuận lợi do ưu thế vô cùng lớn lao mà pháo binh, cơ giới và không quân đem đến cho chúng ta.

“Thực tế, ở Đông Dương, Việt Minh chỉ có một trăm năm mươi khẩu pháo 105 và 155 tối tân, còn chúng ta thì có một nghìn mốt. Họ không có chiếc xe thiết giáp và máy bay nào, trong khi đó đến ngày đình chiến, lực lượng Pháp - Việt có ba trăm xe tăng và hơn sáu trăm năm mươi máy bay.

“Sự thận trọng muốn rằng chúng ta không nên tiếp chiến, trước khi lực lượng của chúng ta chưa được cải tổ toàn bộ. Lô-gích muốn rằng, dù thế nào chăng nữa, điều hơn hết là chúng ta sẽ chọn một cuộc chiến đấu chính quy trên địa hình bằng phẳng và ít bị che khuất, ở đồng bằng chẳng hạn, gần căn cứ của chúng ta.

“Vũ khí tối tân của chúng ta nhờ đó sẽ phát huy được hoàn toàn tác dụng. Trái lại, bộ binh Việt Minh, trong rừng rậm và trên những sườn núi bao bọc Điện Biên Phủ, tự cảm thấy máy bay không thể phát hiện ra họ, xe thiết giáp không thể tới gần họ, tránh được mọi sự tập trung lớn về pháo có uy lực mãnh liệt, những người bộ binh đó đã thực sự được đặt trong những điều kiện tâm lý và vật chất tốt nhất để chiến đấu.

“Trong lịch sử của mỗi dân tộc đều có những sự kiện có tính chất quyết định. Những tên gắn liền với chúng, cả những ngày tháng cũng thế, chứa đựng một ý nghĩa vượt qua bản thân các sự kiện đó. Sáng sửa hay đen tối, trước mắt mọi người, những sự kiện đó đều tượng trưng cho số phận tốt hay xấu của nước nhà”

“Điện Biên Phủ là một trong những tên như thế. Ngày 7-5-1954, sau 57 ngày cầm cự khiến cho thế giới phải khâm phục, cứ điểm cố thủ đã bị hạ. Ba tháng sau, hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết: đó là một thất bại ngoại giao thêm vào với thất bại quân sự. Hơn nữa, hiệp ước còn có ý định lật nhào đến tận gốc tất cả những cái gì đã là chính sách trong bảy năm liền của chúng ta. Mọi người đều biết hậu quả của nó. Một chuỗi dài thử thách mở ra trước chúng ta. Đó là, sau vài tuần lễ, trước sự ngạc nhiên của các bạn đồng minh chúng ta, sự bác bỏ khối cộng đồng phòng thủ châu Âu, một sáng kiến cao thượng do người Pháp đề ra, và có thể dành cho nước Pháp địa vị hàng đầu trong công cuộc xây dựng châu Âu không thể tránh được và cần thiết. Đó là sự thất vọng về vấn đề Xa-rơ (Sarre), là Bắc Phi bùng cháy, cuối cùng là khối đoàn kết Đại Tây Dương bị nguy khốn. Điện Biên Phủ, Giơ-ne-vơ giữa hai tên đó, giữa hai nhật kỳ đó, là một trong những bước ngoặt bi thảm nhất của đời sống dân tộc chúng ta...”

(La-ni-en - *Le drame indochinois (Thảm trạng Đông Dương)*, Nxb Plon, Pa-ri, 1957, tr. 38, 39, 40, 41, 44, 45, 46, 53, 54).

Chúng ta đã sử dụng binh lính của chúng ta, nhưng đối phương đã chiến đấu bằng một cuộc chiến tranh tổng lực có mọi điều: Kỷ luật - chính trị - kinh tế - tuyên truyền đều được huy động. Đó là ý kiến tôi, cũng là lý do về sự thất bại của Pháp, cuối cùng cũng có thể gọi là thất bại của Mỹ.

Ngay cả với người nào nghĩ sẽ không thể xảy ra chuyện này thì cũng phải thừa nhận, đây là sự thất bại không sao chối cãi được”.

“Tôi nhìn họ khởi hành với vũ khí như là khẩu súng săn. Họ ra đi tháng này qua tháng khác. Họ có thể tổ chức từng tiểu đội nhỏ thành trung đội. Rồi trung đội thành các đại đội. Và các tiểu đoàn trở nên các binh đoàn, cuối cùng là các sư đoàn hoàn chỉnh. Tôi nhận ra tất cả điểm này và có thể kể cho ông rằng họ trở thành đạo bộ binh mạnh nhất thế giới. Họ không thiếu nhân lực, từng người mang nổi 50 kg trong đêm tối, mà chỉ cần ăn có một bát cơm, đi đôi dép lốp và rồi ca vang suốt trên đường ra trận.

Theo quan niệm của tôi, họ trở nên một đơn vị bộ binh kiệt xuất và được huấn luyện để đánh bại chúng ta. Bây giờ chúng ta không còn gì cả, chúng ta đã ở xa nước Pháp, nhưng phải nhận rằng họ cũng đánh bại cả người Mỹ. Bởi vậy họ thật là kiệt xuất...” (tr. 30-31).

(Thú nhận của Đại tướng Mác-xen Bi-gia (Marcel Bigeard) - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pháp đã hồi hưu (năm 1954 là thiếu tá ở Điện Biên Phủ) - Dẫn theo Mai-cơn Mắc-li-e, *Hồ sơ mới về Điện Biên Phủ* (Lê Tiến dịch, trích từ tập ký sự sử thi *Cuộc chiến tranh mười ngàn ngày*), Nxb Thông tin, Hà Nội 1989, tr. 29).

Thú nhận về nguyên nhân thất bại ở Điện Biên Phủ:

“Nguyên nhân đầu tiên tôi nghĩ đến - và đã nhiều lần nhắc tới là điều kiện địa hình của tập đoàn cứ điểm: ta ở trong khu lòng chảo, còn đối phương thì chiếm lĩnh các điểm cao vây quanh. Tình hình này tất nhiên khiến phòng ngự của ta rất khó khăn nhất là từ khi đối phương có được những phương tiện hỏa lực mạnh hơn rất nhiều lần so với ta dự kiến.

Nhưng dù ở vị trí như thế nào và hỏa lực đối phương mạnh đến đâu tập đoàn cứ điểm không phải không thể phòng ngự được. Trước khi bị tiến công, không một chỉ huy nào của tập đoàn cứ điểm cũng như không một vị khách am hiểu nào lên thăm Điện Biên Phủ lại đánh giá nó như thế. Và lại, trong đại chiến 1914-1918, nhiều vị trí phòng thủ cũng trong tình trạng bị khổng chế tương tự mà vẫn chống trụ được trong nhiều tháng.

Nhiều nguyên nhân thất bại khác cũng được tìm kiếm trong những khuyết điểm mà chỉ huy các cấp của ta phạm phải. Thực vậy, trong nhận thức và tổ chức phòng thủ, cũng như trong chuẩn bị và chỉ huy chiến đấu, ta có thể nêu lên những sơ suất và sai lầm nghiêm trọng.

Việc phân bố lực lượng của tập đoàn cứ điểm giữa khu trung tâm và các cụm cứ điểm vòng ngoài rõ ràng là kém: lực lượng phòng thủ ở Bêatrixơ và Gabrien quá yếu.

Những đơn vị yếu kém đã không được thay thế bằng các đơn vị mạnh hơn lấy ở đồng bằng lên trước khi xảy ra trận đánh.

Một số trận địa không được xây dựng đủ vững để chống lại hỏa lực của pháo binh và súng cối hạng nặng của đối phương.

Việc chuẩn bị chiến đấu chống lại pháo binh và phòng không đối phương không được tiến hành đầy đủ, do các chuyên gia của ta quá lạc quan, đã gán ghép cho họ những nhận thức của chính mình và đánh giá thấp khả năng của họ.

Các bộ tham mưu ở Hà Nội đã tổ chức hiệp đồng rất tồi các hoạt động giữa mặt đất và trên không.

Cuối cùng và trên hết là việc không thi hành các cuộc phản kích trong những ngày 14 và 15 như kế hoạch đã dự kiến, điều đó đã làm tiêu tan mọi hy vọng thắng lợi.

Những thiếu sót và sai phạm trên, một phần thuộc về chỉ huy tập đoàn cứ điểm, một phần thuộc về không quân, nhưng phần chủ yếu là thuộc về chỉ huy lực lượng ở Bắc Bộ, nơi có trách nhiệm chuẩn bị và điều khiển trận đánh. Đương nhiên, với tư cách là tổng chỉ huy tôi là người phải chịu trách nhiệm chung...

Tuy nhiên, thất bại này không phải không thể tránh được: một sự thúc tỉnh, một nỗ lực vươn lên là có thể giúp ta tránh khỏi, thất bại này cũng không phải là sắp xảy ra đến nơi vì Việt Minh chưa phải đã đủ sức để đánh ta bại. Nhưng quyết định tai hại về việc họp Hội nghị Giơ-ne-vơ vào một thời điểm bất lợi nhất - tức là vào lúc vấn đề của ta không kịp điều chỉnh nữa đã hoàn toàn làm thay đổi mọi căn cứ của vấn đề. Từ một mục tiêu thuần túy quân sự, đối thủ của chúng ta đã biến Điện Biên Phủ thành một mục tiêu chủ yếu là chính trị, đánh giá với mọi hy sinh, bởi việc mất nó sẽ dẫn đến sự "sụp đổ tinh thần của nước Pháp" mà tướng Giáp đã nêu trong một chỉ thị của ông ta..." (tr. 236, 237, 238).

Trên mọi phương diện, sự kết hợp giữa chính trị quân sự đã được Việt Minh tiến hành với một sự khéo léo bậc thầy.

Về quân sự, Việt Minh đặt chúng ta trước một vấn đề mà họ biết là hóc búa nhất: đó là vấn đề bảo vệ Lào. Họ để ta chỉ có thể lựa chọn giữa hai giải pháp, mà cả hai giải pháp đều đáng sợ như nhau: hoặc bảo vệ người bạn đồng minh và dẫn sâu vào một công việc nguy hiểm, hoặc bỏ rơi bạn và chấp nhận việc khối liên hiệp Pháp bị giáng đòn chết tươi trước khi nó kịp ra đời.

Về chính trị, mục đích của cuộc vận động của Việt Minh là phá hoại tinh thần của nước Pháp và các quốc gia liên kết.

Đối với dư luận Pháp, vẫn là bài ca muôn thuở: cuộc đấu tranh vô ích, hao người tốn của, hy sinh chỉ để béo bở cho người Mỹ, v.v. Người ta “khoe”, nếu hòa bình, nước Pháp vẫn giữ được những quyền lợi nhất định về kinh tế, văn hóa và có thể cả về chính trị: quyền lợi của Pháp vẫn được cứu vãn, vậy tại sao phải tiếp tục chiến tranh? Chiến dịch tuyên truyền của Việt Minh lại được sự phụ họa tích cực của một số chính trị gia Pháp, những người muốn nhẩy ra nắm quyền bằng cách ủng hộ hòa bình bất kể đó là thứ hòa bình như thế nào.

Đối với các quốc gia liên kết, Việt Minh tuyên truyền có hòa bình là có độc lập và người Pháp phải ra đi. Việt Minh úp mở cho họ biết là bất kỳ thế nào người Pháp cũng phải sửa soạn để bỏ cuộc và thương lượng với Việt Minh. Quân đội các quốc gia Việt Nam là mục tiêu chính của chiến dịch tuyên truyền này.

Trong cuộc vận động tuyên truyền của mình, Việt Minh còn có cái lợi là Pháp có con bài gì thì họ đều biết và nắm chắc, còn về phía họ thì mọi con bài đều được giấu kín... Trước ngón “võ kín” của Việt Minh, miếng võ của chúng ta lại lúng túng hơn bao giờ hết...” (tr. 268-269).

(Hãng-ri Na-va, *Thời điểm của những sự thật*, Nhà xuất bản Công an nhân dân - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Hà Nội 1994; dựa theo nguyên bản tiếng Pháp “Le temps des Vérités” do Nxb Plon-Paris xuất bản năm 1979).

Ra-un Xa-lăng đã từng “phục vụ” ở Đông Dương từ năm 1924, hồi còn mang lon quan hai. Trong cuộc chiến tranh chống Pháp của nhân dân ta, Xa-lăng là tướng bốn sao và làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương trong nhiều năm.

Dưới đây chúng tôi trích đăng một đoạn trong cuốn hồi ký Sự cáo chung của một đế quốc của tướng Xa-lăng, xuất bản tại Pa-ri, năm 1971.

Mùa mưa đã hết. Cái gì sẽ xảy ra đây? Ông Giáp sẽ tập trung cố gắng đánh vào đâu đây?

Trong những ngày sau đó, tôi chờ đợi một chiến dịch mới của Việt Minh đã rõ nét ở vùng Tây Bắc. Mục tiêu đầu tiên có thể là Nghĩa Lộ. Bởi vậy, tôi quyết định tiếp tục nghiên cứu về quân đội Việt Minh, một đối thủ lạ lùng. Với sự giúp đỡ của đại tá Bờ-roay-en và đại úy Ga-le, tôi tìm hiểu sâu hơn.

Chúng tôi tập hợp một số tối đa những bức điện mật đã khám phá được của đối phương trong nhiều chiến dịch khác nhau, cộng với những tài liệu tác chiến bắt được trên các chiến trường là đã lập được một hồ sơ phong phú rồi. Ở đây tôi muốn phát triển tài liệu trên những nét chính để tìm hiểu cuộc chiến tranh mà Việt Minh đang tiến hành chống lại chúng ta. Nước Pháp chưa bao giờ biết hết giá trị và khả năng của đối phương...

Quân đội Việt Minh, từ nhân dân mà ra, hòa với nhân dân làm một, tìm sức sống trong nhân dân. Quân đội là “sức mạnh chủ yếu” của chế độ, là lực lượng chiến đấu hoàn toàn có khả năng trong một cuộc chiến tranh cơ động. Nhiệm vụ của nó là phá hủy các đồn bốt của chúng ta và tiêu diệt các đội quân cứu viện trong những cuộc đụng độ lớn. Quân đội Việt Minh còn có khả năng tiến hành chiến tranh du kích và làm công tác tuyên truyền, đánh cơ động cũng giỏi mà đánh công kiên cũng giỏi.

Hiện nay quân đội đó đã phát triển đến mức quyết định. Nó gồm có các trung đoàn bộ binh, các trung đoàn pháo binh và công binh, các tiểu đoàn cao xạ và các đơn vị quân báo. Ngoài ra, còn có các đơn vị tổng dự bị, các trung đoàn và tiểu đoàn độc lập, đặc biệt ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ...

Bộ chỉ huy Việt Minh đặc biệt quan tâm đến việc tạo cho quân đội của họ có những thời gian nghỉ ngơi và xây dựng nhằm mục đích thực hiện “sự liên tục của các chiến dịch, sự chuẩn bị, bổ sung và phát triển lực lượng chiến đấu”

Ngày nay nó đã trở thành một đội quân rất hăng vì trẻ, dễ dàng vượt qua mọi thử thách vì toàn thể quân đội đều xuất thân từ nông dân là những người đã quen lao động vất vả và quen chịu đựng gian khổ. Quân đội này là một quân đội quên mình vì họ có lý tưởng, có lòng căm thù địch luôn luôn được duy trì và do hàng nghìn tổ Đảng kiểm tra.

Một nét chủ yếu là sự phối hợp giữa chính trị và quân sự được thực hiện ở tất cả các cấp trong khi làm nhiệm vụ.

Là người lính chính trị phục vụ lý tưởng cách mạng, người chiến sĩ Việt Minh lấy những điều dạy sau đây làm chủ thuyết:

- Dũng cảm, kiên cường, quyết tâm tiêu diệt sinh lực địch;
- Chiến đấu quyết liệt, liên tục, đến cùng, không bao giờ chịu đầu hàng;
- Giải thích không bao giờ mệt mỏi cho nhân dân hiểu rõ chính sách nhân từ của Chính phủ, cổ vũ nhân dân kháng chiến mà không bao giờ xâm phạm đến tài sản của nhân dân;

Thực hiện đoàn kết nhất trí hoàn toàn giữa các cấp bậc quân đội, giữa chỉ huy và chiến sĩ, giữa chiến sĩ là đảng viên và chiến sĩ là quần chúng chưa vào Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy họ: “Người chỉ huy, người chính trị viên phải là người anh em của các chiến sĩ bình thường, phải chăm sóc đến đời sống của các chiến sĩ, phải chú ý đến từng bữa ăn, lo lắng của các chiến sĩ”.

Cả một hệ thống tổ Đảng đã gánh vác mọi trách nhiệm trong quân đội. Đảng vào sâu trong quân đội đến mức cao nhất. Việc này tôi tìm ra từ trong các tài liệu tháng tám vừa qua. Nguyễn Chí Thanh, một Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đáng gờm, đặt cơ sở giáo dục tư tưởng sâu rộng trong toàn quân và xuống tận từng đơn vị nhỏ, tác động mạnh mẽ đến tinh thần và ý chí của mọi chiến sĩ...

Cuối tháng 7 năm 1952, những tài liệu chúng tôi có trong tay cho phép xác định một cách chính xác về quân số và tổ chức của quân đội Việt Minh.

Ông Giáp có tất cả 108.000 quân chính quy, 53.000 quân địa phương và 115.000 du kích. Tổng cộng là 276.000 người cầm vũ khí. Ngoài ra, còn lực lượng dân quân làm nhiệm vụ canh gác các thôn xóm. Những người này, khi cần thiết, có thể dùng cuộc đánh nhau với súng trường của chúng ta.

Trong thời gian này, quân số của chúng ta lên tới 260.000 người. Lợi thế hình như thuộc về ông Giáp tuy ông không có máy bay, cũng không có cả phương tiện vận chuyển bằng ô tô. Trên cán cân, đây là một điều đáng kể!...

Quân đội Việt Minh đã thành lập sư đoàn. Họ có sáu sư... Đơn vị nhỏ nhất chia làm tổ ba người. Những tổ này rất linh hoạt đối với việc chuẩn bị và thực hiện nhiệm vụ bằng cách phát huy nhiều sáng kiến. Các tổ ba người làm cho việc huấn luyện chiến sĩ của cán bộ có những thuận lợi lớn. Hệ thống tổ chức này làm cho cán bộ sống thân mật với chiến sĩ và tìm hiểu được những nhu cầu của họ.

Trong quyển sổ ghi chép tìm thấy trong người một chiến sĩ Việt Minh ở Nghĩa Lộ, tôi thấy ghi: “Chúng tôi họp tổ giữa một khu rừng. Chúng tôi đã kiểm điểm về việc mình không hoàn thành nhiệm vụ, chúng tôi đã rút kinh nghiệm, tự phê bình và hứa sẽ sửa chữa khuyết điểm”

Về lương thực, trong lúc vận động, bộ đội Việt Minh thường mang trên mình mỗi người “một ruột tượng” gạo đủ ăn trong ba ngày... giống như quân đội ta hồi chiến tranh thế giới 1914-1918 vậy!

Còn về tiếp tế đạn dược thì do dân công đảm nhiệm. Họ đông như kiến...

Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy rõ bộ chỉ huy đối phương rất chú trọng về chất lượng chiến đấu để tăng sức mạnh và hiệu quả chiến đấu. Dưới ánh

sáng của các cuộc chiến đấu, bộ máy chiến tranh của họ được cải tiến dần dần và liên tục, đã đạt được chất lượng bằng cách giữ cho tất cả mọi chiến sĩ luôn luôn có tinh thần cao. Nhiệm vụ chủ yếu của Tổng cục Chính trị là động viên tinh thần chiến đấu, chủ nghĩa anh hùng và lòng dũng cảm, lòng tin mác-xít và lòng căm thù địch. Họ nuôi dưỡng trong mọi người chiến sĩ của họ sức chịu đựng gian khổ và tinh thần hy sinh cao độ. Họ không ngừng cải tiến kỹ thuật và chiến thuật, và nhằm mục đích đó, họ đã hoàn chỉnh được một chế độ cung cấp trang bị thích hợp cho quân đội.

Ông Giáp cũng tự phê bình. Tôi đã đọc bản báo cáo của ông ta. Trong báo cáo đó, ông ta kết thúc bằng những câu như sau:

Với tinh thần người chiến sĩ cách mạng, chúng ta phải thấy rằng do những khuyết điểm vừa mắc phải, chúng ta không làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, với nhân dân. Nếu không phạm những khuyết điểm thì thắng lợi của ta còn lớn hơn. Chúng ta phải quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm đó”

Việc người chỉ huy tối cao tự phê bình như vậy đã có tiếng vang xuống tận từng tiểu tổ, khiến các chỉ huy cấp dưới và quân đội phải được kiểm tra chặt chẽ hơn về mặt huấn luyện và áp dụng ngay những bài học kinh nghiệm vào thực tiễn chiến đấu.

Từ tất cả những tài liệu này, tôi đúc kết lại và thấy rằng quân đội Việt Minh làm việc rất nhiều và tiến lên bằng nỗ lực tự giác. Đây là một đội lực quân ưu việt. Tất cả các đơn vị đều do những đơn vị trưởng, đơn vị phó và chính trị viên chỉ huy chặt chẽ. Các đơn vị đều tươi trẻ và dày dặn qua những cuộc hành quân ban đêm. Những thử thách gian khổ và liên tiếp làm cho họ trở thành những người coi cái chết nhẹ như lông hồng. Chúng tôi trông thấy họ xung phong. Họ luôn tiến lên phía trước, mang theo bộc phá và mìn, mở đột phá khẩu trong hàng rào, nhảy vào chiến hào và lô cốt của chúng tôi, vì mệnh lệnh là triệt để phải tuân theo, vì coi thường mọi nguy hiểm, cán bộ và chính trị viên cứ đứng thẳng người mà hô xung phong, vì kèn xung trận thổi vang, và vì phải tiêu diệt địch bằng bất cứ giá nào.

Một bộ binh như thế, khi thương vong lại biết nhanh chóng hàn gắn vết thương của mình và sống dậy với khí thế bừng bừng, là một công cụ chiến đấu có một không hai.

Theo tôi nghĩ, bộ binh Việt Minh là kẻ thù đáng sợ nhất của nước Pháp kể từ thời Véc-đoong. Họ còn mạnh hơn cả quân Đức vì không những họ có chất lượng chiến đấu cao mà còn là một khối tích cực hoạt động với một lòng tin nồng nhiệt. Ông Giáp biết rõ điều đó và bản thân tôi đã biết chắc chắn về

điều đó. Việc này khiến tôi lo lắng mỗi lần mùa khô tới, vì đội quân tiến công chỉ huy tốt hơn lại nhảy xổ vào các hệ thống phòng thủ của chúng tôi với một hỏa lực và số đơn vị chính quy đã được nhân lên gấp ba lần, đồng thời lại đã cải tiến cách đánh.

Thật vậy, trong năm 1952, bộ chỉ huy Việt Minh dựa trên cơ sở tự phê bình, rút kinh nghiệm ở các tiểu tổ đã không ngừng đi sâu vào chiến thuật tiến công. Họ áp dụng những kinh nghiệm mới mẻ nhất của Hồng quân Trung Quốc ở Triều Tiên và những kinh nghiệm riêng của chính họ rút ra từ những thất bại khốn đốn của chúng ta ở Nghĩa Lộ, Sơn Bục, Lai Đồng, Tu Vũ và Xóm Pheo.

Suốt ngày và suốt đêm, quân đội tiến công của Việt Minh cứ lặng lẽ thay phiên nhau tiếp cận các vị trí của chúng tôi, không ngừng, không nghỉ. Có khi tám lần, có khi đến mười lần, họ dùng bộc phá đánh thủng hệ thống hàng rào, tiến công lô cốt, bắn ba-dô-ca rồi nhảy ào vào. Họ dùng những chiếc mộc bện bằng rơm hoặc đan bằng tre để che mảnh đạn pháo của chúng tôi. Họ còn biết dựng lên nhiều căn cứ hỏa lực nhằm mục đích chế ngự quân phòng thủ của chúng tôi.

Toàn bộ cách bố trí xuất phát đó của họ đều được đưa vào càng gần đồn của chúng tôi càng tốt, vào sát hàng rào, để tránh và hạn chế hỏa lực pháo binh của chúng tôi. Khi những đợt phá khẩu được mở ra trong các lô cốt ở các góc đồn và những đường thâm nhập được chuẩn bị sẵn bằng cách dùng kéo cắt đứt hàng rào và dùng bộc phá phá tung hàng rào, các đợt xung phong với quân số áp đảo cũng đồng thời được ào ạt tung ra để uy hiếp tinh thần quân đồn trú và đánh tràn vào ngay tức khắc. Nếu họ thất bại, họ lại bắt đầu làm lại... không bao giờ chịu lùi bước!

Pi-e Lãng-gle, tư lệnh quân dù Pháp ở Điện Biên Phủ nhận xét:

“Không ai có thể ngờ rằng trong 50 ngày bộ binh Việt Minh lại đào được tới 400 kilômét hào giao thông ở lớp đất ruộng của Điện Biên Phủ. Và bộ chỉ huy quân ta đã khám phá được rằng lưới xẻng và lưới cuốc của họ cũng là những vũ khí mạnh mẽ như xe tăng và máy bay.

Ở mặt đông và mặt tây của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, công việc đào hào của họ đã được tiến hành rất nhanh chóng. Hàng ngày những tấm ảnh chụp được từ máy bay đều cho thấy rõ sự tiến triển của những đường hào của Việt Minh, giống như những cái vôi của con bạch tuộc. Những chiến hào vượt qua cứ điểm Đô-mi-ních từ phía tây, tiến lại gần cứ điểm Ê-li-an từ phía nam rồi xuất hiện ở mặt tây gần cứ điểm Clô-đin và chỉ còn cách có 50 mét ở mặt bắc cứ điểm Huy-ghét rồi đến hôm sau là tới sát luôn.

Các đơn vị đóng sát địch phản ứng quyết liệt. Những đoạn hào giao thông đã bị phát hiện đều được lấp đất lại và gài mìn. Những kẻ địch không mệt mỏi vẫn tiếp tục công việc, và trên thực tế quân ta đã phải tiến hành những hoạt động chiến đấu thật sự để giải tỏa cho các cứ điểm bị đe dọa nhất”

Đờ Cát-xtơ-ri thì thú nhận:

“Các vị tổng chỉ huy của chúng tôi đều tốt nghiệp ở các học viện quân sự cao cấp, đều là những vị tướng sừng sỏ, đã có tiếng tăm lừng lẫy. Thất bại của cuộc chiến tranh ở Đông Dương là do nhiều nguyên nhân, trong đó do chính phủ Pháp không cung cấp đủ lực lượng và chiến cụ cần thiết, chỉ cho một ngân sách chiến tranh nhỏ giọt, hạn chế, làm bó tay các vị tổng chỉ huy của chúng tôi...”

Và thanh minh: “... Điện Biên Phủ thất bại không phải do tôi mà là do ngài tổng chỉ huy, đại tướng Na-va và do ngài tổng chỉ huy trưởng Bắc Bộ, trung tướng Cô-nhi. Cũng còn do chính phủ Pháp nữa. Là chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, tôi đã làm hết sức mình để bảo vệ nó suốt 57 ngày đêm trước áp lực ghê gớm của Việt Minh, có thể nói tôi đã làm tròn phận sự của người lính trên chiến trường. Còn thua cuộc ở đó là do những nguyên nhân khác. Nhưng, tôi thừa nhận tướng Giáp đã sành sỏi, khôn ngoan hơn tôi, hơn cả tướng Cô-nhi và Na-va. Tôi hân hạnh được làm đối thủ của tướng Giáp, được làm “kẻ chiến bại trực tiếp” của một người tài giỏi như tướng Giáp. Tôi ngưỡng mộ và kính phục ông ta”

(Dẫn theo: Lê Mạnh Thái, *Hỏi cung tù binh Điện Biên*, Hồi ký, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1987, tr. 127 - 128).

GẶP ĐỜ CÁT*

Việc quay phim ở các trại tù binh đã xong. Còn phải quay viên tướng Đờ Cát-xtơ-ri ở cách các trại này mấy cây số.

Chúng tôi phải đi mất gần ba tiếng đồng hồ mới tới làng Đờ Cát-xtơ-ri đang ở. Trời đã xế chiều khi chúng tôi vào ngồi trong căn nhà tre nứa, nơi sẽ

* Tác giả: R.Các-men nhà điện ảnh Liên Xô (Thúy Toàn trích dịch) đăng trên báo *Quân đội nhân dân*.

diễn ra cuộc gặp mặt của chúng tôi với viên chỉ huy hệ thống cứ điểm Điện Biên Phủ.

Ông ta bước vào, người cao, gầy, miệng ngậm tẩu, tay cầm chiếc gậy tre. Từ hàng mấy trăm bức ảnh trên các trang họa báo Pháp, cặp mắt lạnh lùng màu rong biển này đã từng nhìn tôi. Tôi nhìn lên gương mặt dài dài với cái mũi thẳng nhọn, cái cổ gầy, những ngón tay thanh tú của tay quý tộc đã nhanh chóng bước lên những bậc thang danh vọng quân sự chói chang.

Những tấm ảnh do những chiếc máy bay cuối cùng đưa từ Điện Biên Phủ về, Đờ Cát-xtơ-ri trông thật khủng khiếp - bộ mặt gầy sạm hốc hác, râu ria lởm chởm, cặp mắt trũng sâu. Đặc biệt bi thảm là bức ảnh ông ta qua ra-di-ô từ biệt vợ trước khi đầu hàng. Bên cạnh kèm theo bức ảnh người đàn bà khóc lóc thê thảm trước máy phóng thanh chụp ở Hà Nội.

So với những bức ảnh kinh khủng ở Điện Biên Phủ, trông Đờ Cát-xtơ-ri lúc này thật là bảnh. Râu, tóc nhẵn nhụi, cử động nhẹ nhõm. Vẫn ngậm tẩu, ông ta nhoẻn cặp môi mỏng, nhợt nhạt, nở một nụ cười ngoại giao.

Tôi hỏi về sức khỏe của ông ta. Đờ Cát-xtơ-ri tuyên bố tức khắc và dứt khoát rằng ông ta chỉ có thể bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của mình đối với các sĩ quan và binh lính Việt Nam về sự đối xử nhân đạo đối với tù binh Pháp:

Thoạt đầu, do những thay đổi về các điều kiện sống, nhiều người chúng tôi đau ốm. Nhưng người Việt Nam, bằng mọi khả năng của mình đã chữa chạy cho chúng tôi. Chỉ huy các trại tù binh là những người có văn hóa, có học thức. Sự đối xử hiệp sĩ của họ, chúng tôi cảm thấy trên mỗi bước đi.

- Ông có điều kiện viết thư về nước không?

- Ở trại, chúng tôi được viết. Riêng bản thân tôi sau khi bị bắt làm tù binh đã một lần viết thư về Hà Nội, nhưng còn chưa nhận được thư trả lời của vợ tôi. Có thể là bà ấy đã trở về Pháp và lá thư của tôi lại phải đuổi theo vợ tôi.

Tôi đi vào vấn đề chủ yếu, chúng tôi đang xây dựng bộ phim phản ánh các sự kiện ở Việt Nam. Tôi muốn quay viên tướng trong các điều kiện mà ông ta hiện đang sống ở trại tù binh.

- Tôi không phản đối.

Ngoài ra, tôi muốn phỏng vấn ghi âm, đề nghị ông nói vài lời trước máy ghi âm của máy quay phim.

Đờ Cát-xtơ-ri mỉm cười:

- Ông muốn tôi phát biểu một tuyên bố gì chăng?

- Không bao giờ lại như vậy! Ông có thể nói tất cả những gì ông muốn nói.

Nhưng dù sao đi nữa, cụ thể là nói gì?

Nếu như ông đã hỏi tôi điều đó, thì tất nhiên không phải nói về thời tiết, về khí hậu của Việt Nam! Muốn được nghe ý kiến của ông về chiến tranh và hòa bình ở Đông Dương.

Được, tôi sẽ nói. Tôi sẽ rất dễ dàng nói về vấn đề này, bởi vì những thử thách mà tôi phải chịu vừa qua, sự tham gia trực tiếp của tôi trong cuộc chiến tranh, hình thành đầy đủ các quan niệm của tôi về chiến tranh và hòa bình. Tôi sẽ nói.

Qua các chứng cứ thấy rõ viên tướng muốn tiếp tục câu chuyện. Tôi đã trả lời một số câu hỏi của ông ta. Tôi cho biết rằng tôi không chỉ làm phim, mà còn dự định viết một cuốn sách về những ngày tôi ở Đông Dương.

Sau chiến tranh, nếu như ông cần các tài liệu cho cuốn sách ấy, tôi có thể nói cho ông biết nhiều điều...

Câu chuyện với Đờ Cát-xơ-ri bị bắt làm tù binh ở Điện Biên Phủ đã mở đầu như vậy trong căn nhà tre nữa...

Đờ Cát-xơ-ri nhận rằng:

Quân đội Việt Nam đã thể hiện chiến lược cao trong trận này. Tướng Na-va tập trung ở Điện Biên Phủ những lực lượng khá lớn, nhưng chiến thuật tập trung quân của ông ấy đã bị chiến lược của Việt Minh bẻ gãy. Họ bắt buộc Na-va phải xé lẻ quân của mình ra. Các hoạt động quân sự ở Luông Pha Băng và ở châu thổ buộc Na-va phải phân tán lực lượng của mình và phá tan kế hoạch của ông ấy.

Nghệ thuật quân sự trước hết là ở chỗ làm sao lợi dụng có lợi và tập trung lực lượng cần thiết tiêu diệt đối phương, Na-va đã không làm được việc đó. Na-va đã sai lầm ghê gớm. Ông ấy đánh giá quá thấp bộ binh và pháo binh của Việt Nam và quá tin vào hai nhân tố của quân đội Pháp: máy bay và pháo binh. Còn quân lính Pháp không thể hoạt động được vì pháo binh Việt Nam, vì sức mạnh của pháo binh đó. Pháo binh của Pháp đã bị pháo binh Việt Nam đánh dập. Chiến lược và chiến thuật của đối thủ chúng tôi rất đúng đắn. Chúng tôi, những người quân sự phải thành thực nói rằng chúng tôi đã thua ở Điện Biên Phủ...

Viên tướng đưa tách cà phê lên môi, tay ông ta run run.

Ý kiến của ông thế nào? Cuộc chiến tranh ở Việt Nam có vô hy vọng với quân đội viễn chinh Pháp không?

- Đúng như thế! Không chỉ bây giờ tôi mới nói điều này, mà đã nhiều lần tôi đã từng nói với Na-va: nếu ông thua ở Điện Biên Phủ là ông thua cuộc chiến tranh ở Đông Dương...

PHÚT CUỐI CÙNG

Phút cuối cùng của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ tắt thở, nhưng những sĩ quan và binh lính Pháp còn sống sót lại vui mừng vì được quân ta đối đãi nhân đạo. "Một niềm vui trào lên xâm chiếm lòng tôi", đây là lời của Grô-vanh, thiếu tá quân y Pháp, người cuối cùng rời khỏi Điện Biên Phủ. Dưới đây là đoạn cuối cùng, trích trong tập hồi ký của Grô-vanh.

Chúng tôi đã sẵn sàng. Đúng 17 giờ 15 phút...

Tôi ra những mệnh lệnh cuối cùng. Về trang phục: quần soóc hoặc quần dài, sơ mi cộc tay hay dài tay bằng ka ki. Cấp hiệu, phù hiệu quân y chính tể. Trên cánh tay trái đeo một cái băng có chữ thập đỏ. Chúng tôi không có sẵn thứ này. Ai nấy sẽ tự làm cho mình bằng một mảnh vải và thuốc đỏ.

Đội công tác của Gin-đơ-rây ở lại trong phòng mổ. Đội hồi sinh ở lại trong khu của mình. Ở mỗi hầm sẽ để lại một y tá. Tôi và những người khác thì sẽ đứng chờ ở hầm trung tâm. Giơ-ne-vi-e-vơ sẽ ở lại bên cạnh tôi.

Chúng tôi đã sẵn sàng. Đúng 17 giờ 15 phút. Một không khí im lặng bao trùm cả trong và ngoài hầm, thỉnh thoảng lại nghe thấy những tiếng nổ ỉnh tai, đó là những tiếng nổ ở các kho đạn.

Bỗng nhiên, người ta nghe thấy có tiếng nói, nhiều giọng nói hòa âm, những câu nói ngắn, rung động, tiếng nói của người Việt Nam. Những tiếng nói ấy truyền vào chúng tôi qua các ống thông hơi, tiếp đó là những bước chân đi. Tiếng động dồn dập trên nóc hầm chúng tôi. Tiếng lách cách của những thứ vũ khí chạm vào nhau.

Họ đến từ phía nào? Từ cửa phía bắc hay từ cửa phía tây?

Tôi đi ra lối cửa phía tây và liêu lĩnh bước lên bậc đầu: Việt Minh! Tôi đã trông thấy họ! Họ bận quần áo màu xanh lá cây. Trên đầu đội chiếc mũ cứng có buộc những mảnh dù xé vụn, lất phất, xanh và vàng... Đúng là họ, họ kia. Dáng điệu nhanh nhẹn, họ đi qua trong một khoảng trời vuông và xanh ở ngay trước mắt tôi.

Chúng tôi lại nghe những tiếng nói trầm trầm và nhiều vô kể. Trạm quân y tiền phương không thu hút sự chú ý của họ, ít nhất là lúc đó. Họ trở lại

ngay. Nhưng, trong đó, tôi thấy một chiếc ca lô màu đỏ. Đúng là thiếu tướng (tướng Đờ Cát ND). Tôi chỉ nhìn thấy nửa người trên của ông ta, thẳng và cứng nhắc. Người ông ta tái xanh, xanh một cách đáng sợ. Môi vẫn ngậm một miếng thuốc lá. Theo sau ông ta là đại tá Duy-cờ-ru, thiếu tá Lê-ô, thiếu tá Mê-hay, tất cả những người trong bộ tham mưu.

Quang cảnh ấy kéo dài trong vài giây đồng hồ.

Tôi trở về chỗ ngã tư đường hầm. Một vài y tá tái người đi vì sợ. Tôi cố gắng trấn an tinh thần cho họ.

Các bạn yên tâm! Họ không đối xử tồi tệ đâu. Họ đã dẫn tướng Đờ Cát đi rồi.

Lơ Bu-đếch nằm im trên bàn mổ, hấn đã tỉnh. Hấn vẫn còn bị ảnh hưởng của thuốc gây mê. Hấn cười và hỏi:

Này, có gì để hồi sức không?

Tôi từ từ đi tới cửa phía bắc, lần cuối cùng tôi bị trượt chân vì bùn trơn. Trở lại hầm của tôi, tôi chào “vĩnh biệt” Phúc và Y-an. Ở phòng hồi sức, tôi “tạm biệt” Xin-ve-xtơ-rơ, Xi-mông Ma-ri. Đến hầm bên, bắt tay Rô-lanh, Ê-pha-lin, Rông-đô.

Đến trước bậc thang lây lội ở cửa ra vào và, bỗng nhiên, tôi thấy một đôi chân dính bùn hiện ra trước mắt.

Tôi đã đoán chừng thấy các mẩu vải xanh. Tiếp theo hai bàn chân ấy, tôi nhìn thấy một chiếc dây lưng, những trái lựu đạn, một khẩu tiểu liên treo ngang. Một khuôn mặt hiện ra dưới vành mũ lợp lá. Hai con mắt hơi xệch trên khuôn mặt trái xoan xanh nhợt. Một cái khoát tay:

- Đi về!...

“Đi về” có nghĩa là đi ra.

Tôi quay lại phía Giơ-nơ-vi-e-vơ và nói với cô ta:

- Bám sát theo tôi.

Tôi nói với những người còn lại:

Tất cả theo tôi!...

Tôi rẽ sang phía trước mặt hầm của Cuốc-tát. Nghe một tiếng kêu như xé lòng: “Thiếu tá” Tôi không muốn nghe. Tiến lên, tôi ngược nhìn mảnh trời xanh vuông vẫn đang xích lại gần, trèo lên bậc thêm trơn nhẫy. Ánh sáng chói chang của mặt trời đập vào mắt. Buộc phải nheo mắt lại. Tôi hít không khí căng lồng ngực, nhưng nó có cái mùi của một thứ bệnh dịch. Tiếng động của những bước chân của đoàn chúng tôi vang vọng trong tai.

- Đi, mau lên!

Trong phút chốc, tôi nhận ra rằng đây là một Điện Biên Phủ mới. Một sự đảo lộn hoàn toàn. Tôi thấy những đám khói lớn đang bốc lên, chậm chạp và luôn biến dạng trên các đỉnh đồi. Trời một màu xanh, rất trong.

Tôi đang đi trên trận địa của chúng tôi, nhan nhản những thương binh đang ngồi hoặc nằm ngay trên mặt đất, những bông băng của họ nhuộm đầy bùn, họ nhìn chúng tôi đi qua, bàng hoàng.

Bên phải, một tử thi nằm trên sườn dốc nhà bếp, ruồi nhặng bám đầy. Bên trái, gần hàng rào dây thép gai, một xác chết khác trương lên, sắp rửa ra; hàng ngàn con dòi lúc nhúc bên trên.

Chúng tôi tới chỗ ngã tư. Biết rằng tôi sẽ phải đi về phía cầu, chúng tôi bị buộc phải đi theo đội quân từ cứ điểm Cơ-lô-đin và các công sự trung tâm đổ xuống. Có những lính lê dương, pháo binh, một số lính nhảy dù của tiểu đoàn nhảy dù hải ngoại số 2 và số 1. gương mặt họ lộ rõ vẻ mệt mỏi, chán ngán. Nhưng trong con mắt họ lúc nào cũng toát ra một tia căm giận phải nén chịu.

Còn Việt Minh? Với tầm mắt có thể nhìn tới chỗ xa nhất của chiến trường Điện Biên Phủ, tôi chỉ nhìn thấy những người hiền lành, mặc quần áo xanh, lanh lẹ nhảy từ hầm này qua hầm khác, hoặc đi trong hàng ngũ rất trật tự. Hàng trăm, hàng ngàn người; tưởng như họ từ trong các hầm của chúng tôi đi ra!

Chúng tôi đi xuống phía cầu, còn họ thì đi lên phía trung tâm. Một vài người trong bọn họ tò mò nhìn tôi; những người khác chỉ nhìn bằng con mắt lơ đãng.

Nghe thấy một vài câu tiếng Việt. Tôi hiểu. Không có lời sỉ nhục nào. Họ đều xắn quần lên tới đầu gối và bùn đã bọc kín những đôi dép mỏng bằng vải và cao su.

Chúng tôi qua cầu; trên cầu hàng trăm vết đạn, nhưng cầu vẫn còn chắc.

Giơ-nơ-vi-e-vơ đi theo tôi, im lặng, và tôi chợt nghĩ đến Ô-đét, Ô-đét đã đi theo tôi mùa đông năm 1947, trong cuộc hành quân từ Tuyên Quang tới Hà Nội. Nhưng cô ta đi trước tôi. Khẩu "côn" của cô đập vào đùi bên phải. Tôi có một khẩu các-bin, một viên đạn đã nằm sẵn trên nòng. Đó là điều cấm kỵ.

Sự im lặng như từ trên trời và trên các dãy núi cao đổ xuống, thật mệnh mông, lạ lùng và choáng người.

Chúng tôi đi qua những công sự của tiểu đoàn pháo thủ số 2, những hố đạn pháo nằm kề những chiếc hầm trống rỗng. Vũ khí ngổn ngang khắp nơi trong đám bùn lầy: súng trường, tiểu liên, hàng trăm quả lựu đạn.

Những ngọn đồi Ê-li-an và Đô-mi-ních đã ở gần phía trước. Những chiếc dù trắng phơi mình lốm đốm, những cái hầm toang hoác trên các sườn đồi. Hàng trăm cái khác nằm phơi giữa trời trên các sườn đồi Ê-li-an II.

Một chiếc mũ màu xanh, bên dưới là một đôi mắt hơi xéch, đen và linh hoạt, bỗng hiện ra trước mắt tôi. Tôi đứng dừng lại. Cái đội hình nhỏ bé xô đẩy nhau ở phía sau tôi.

Một câu nói bằng tiếng Pháp:

- Ông là thiếu tá Grô-vanh?

Vâng.

- Ông hãy trở lại bệnh viện của ông và tiếp tục chăm sóc thương binh của các ông. Đó là mệnh lệnh của Bộ chỉ huy tối cao của quân đội chúng tôi.

Một niềm vui trào lên xâm chiếm lòng tôi, lồng ngực tôi căng phồng. Những thương binh của tôi! Tôi đã quên mất họ rồi! Làm sao tôi có thể quên họ cơ chứ?

Tôi quay người lại. Giờ đây tôi đương ở cuối dòng người.

Giơ-nơ-vi-e-vơ nói:

- Ôi! Tôi rất hài lòng.

Ba-quýt, Lơ-vát-xơ, Gin-đơ-rây đều quay lại và nhìn tôi với nụ cười hể hả. Bây giờ chúng tôi đi ngược dòng với các bạn tôi, những tù binh khác, những người bị tước vũ khí, những người khốn khổ. Không bao giờ người ta nói với họ: “đằng sau quay”

Tôi chợt thoáng thấy cái đầu của Xi-ô-ni, ngay phía trước Giơ-nơ-vi-e-vơ. Có thể như thế ư? Tóc hần hung đỏ, hần còn trẻ. Chưa đầy hai mươi lăm tuổi, thế mà đã thấy những mảng tóc bạc.

Xi-ô-ni, mày đã thấy tóc mày chưa?

Thấy rồi, thiếu tá. Nhưng chính ngài đã thấy tóc của ngài chưa? Tóc của ngài cũng bạc hết cả rồi đấy!

Cái hàng ngũ nhỏ bé của tôi tiến bước hơn hở và tôi nhìn chung quanh bằng những con mắt khác. Những kiện thuốc và thực phẩm nằm rải rác khắp nơi, trên bờ sông, trong các hàng rào dây thép gai. Tôi sẽ đề nghị Việt Minh cho thu nhặt những thứ đó. Tôi thấy cả những thùng dầu hỏa và dầu xăng để chạy máy phát điện. Cạnh cầu, nhiều hòm huyết thanh xếp đống trong lưới hàng rào.

Một người nào đó nói:

Kìa, một hòm sữa!

Rất nhiều hòm đạn, hòm đạn pháo “105” nhận chìm dưới bùn. Vượt qua cầu, chúng tôi lại đi về phía ngã tư; vượt qua hai xác chết đã thối rữa, một bầy nhặng xanh bầu đặc kín.

Một mùi kinh khủng xông vào lỗ mũi. Chúng tôi đã tới trận địa công sự. Các thương binh không nhúc nhích. Dường như họ chờ chúng tôi. Bây giờ họ nhìn chúng tôi, niềm vui ánh lên trong mắt.

Một chiếc máy điện to, kền cằng, đang chạy liên tục trong gian hầm. Tôi dừng lại trước những lối đi lầy lội. Ở cửa phía bắc một mùi tanh nồng nặc và nóng hầm hập bốc ra từ cái ngách tối om.

Chậm chạp bước xuống, tôi trườn đi, hai tay bấu vào thành hào nhậy nhựa. Lại đặt chân vào lớp bùn dầy đặc, tôi nghĩ đến cái chân gãy bị trói chặt vừa nhìn lần cuối cùng, tới người bị thương ở ngực đang thổ huyết và hấp hối, tới người bị thương ở bụng đang rên rĩ và nhìn tôi một cách tuyệt vọng.

Tôi nghĩ rằng tôi đang trở lại với nghề thầy thuốc của mình.

Một thầy thuốc tù binh.

Nguyễn Trinh dịch.

THƯ MỤC

MỘT SỐ SÁCH VIẾT VỀ CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

* *Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ* (một số văn kiện Đảng), H. Sự thật, 1984, 150tr, 20 cm.

Trong dịp kỷ niệm 30 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, theo yêu cầu của Nhà xuất bản Sự thật, Viện lịch sử Đảng thuộc Viện Mác - Lênin đã sưu tầm một số văn kiện Đảng có liên quan đến cuộc Tổng tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm góp một phần nhỏ vào việc giáo dục truyền thống cách mạng một nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta hiện nay và góp phần vào việc học tập nghiên cứu lịch sử cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược, đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Tuy nhiên, một vài nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị về chiến dịch này chưa sưu tầm được. Mặc dù vậy, những văn kiện hiện có trong lần xuất bản này cũng đã nói lên được một sự thật lịch sử đanh thép: thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ chính là bắt nguồn từ đường lối chính trị, đường lối quân sự và toàn bộ đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã chứng minh một cách hùng hồn rằng, khi đề ra những đường lối đúng đắn như thế, Đảng ta đã xuất phát từ thực tế chiến trường, thực tế chiến đấu và xây dựng của nhân dân ta, xuất phát từ việc phân tích một cách khoa học so sánh lực lượng giữa ta và địch trong mỗi lúc. Điều đó chứng tỏ ngay từ đầu và trong suốt quá trình kháng chiến, Đảng ta đã nắm chắc quy luật của chiến tranh cách mạng, của chiến tranh nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp, đã từng bước xây dựng và nắm được khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

* *Đường tới Điện Biên Phủ*, Hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Hữu Mai thể hiện, H. Quân đội nhân dân, 1999, 440tr.

“*Đường tới Điện Biên Phủ*” là cuốn thứ hai trong bộ ba hồi ức về kháng chiến chống thực dân Pháp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng do nhà văn Hữu Mai thể hiện (cuốn thứ nhất “*Chiến đấu trong vòng vây*” đã xuất bản và cuốn thứ ba “*Điểm hẹn lịch sử*” sẽ được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ấn

hành vào dịp kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Quân đội (22-12-1944-22-12-1999).

“*Đường tới Điện Biên Phủ*” viết về thời kỳ đặc biệt quan trọng trong kháng chiến chống Pháp, thời kỳ quân đội và nhân dân ta chuyển sang đánh lớn, quyết giành thắng lợi nhằm kết thúc cuộc chiến với thực dân Pháp trước khi đế quốc Mỹ kịp can thiệp trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.

Thời kỳ này Đảng và lực lượng vũ trang nhân dân ta đứng trước những thách thức cực kỳ lớn. So sánh lực lượng quân sự còn đang bất lợi cho ta. Quân đội ta còn đơn thuần bộ binh, số lượng có hạn, trang bị yếu kém chỉ mới làm chủ một số vùng rừng núi, phải đương đầu với quân đội xâm lược có vũ khí hiện đại, vượt trội về số lượng, khống chế hoàn toàn vùng trời, vùng biển, đã chiếm phần lớn các thành phố, thị trấn, những vùng đồng bằng đông người, nhiều cửa, những vị trí chiến lược của ta. Nguy cơ Pháp, Mỹ quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương đang ngày một lớn.

Đây là thời kỳ ta lần lượt đánh bại ba tổng chỉ huy của quân đội viễn chinh: Các-păng-chi-ê, Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi và Xa-lăng. Đặc biệt, Đờ Lát là thống chế người Pháp duy nhất có mặt tại Đông Dương, nuôi quyết tâm dựa vào Mỹ giành chiến thắng trong chiến tranh xâm lược.

Ở tác phẩm này có nhiều sự kiện lịch sử chân xác, trong đó có những sự kiện mới được công bố lần đầu, hết sức phong phú cả về phía ta và phía địch, lý giải những nguyên nhân dẫn tới thành công. Đây có thể coi như là một bản tổng kết mới công phu, được hoàn thành sau nửa thế kỷ, trình bày dưới dạng hồi ký nhiều tính văn học. Những sự kiện, nhân vật lịch sử có quá trình, nhiều tầng, nhiều lớp đan xen vào nhau rất sinh động, truyền cảm và hấp dẫn, tạo nên một bức tranh tổng thể, giúp người đọc hiểu được tư duy chiến lược ở cấp vĩ mô, cũng như thấy rõ cuộc chiến đấu vô cùng anh dũng, sáng tạo của quân đội và nhân dân ta. Cuốn sách không những đáp ứng nhu cầu của bạn đọc rộng rãi mà còn rất bổ ích cho cả những nhà nghiên cứu về chiến tranh, về lịch sử, muốn tìm hiểu về sự lãnh đạo chiến tranh của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, quá trình hình thành nghệ thuật chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

* *Điện Biên Phủ*, Võ Nguyên Giáp, H. Chính trị quốc gia, 1994, 364tr.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ vĩ đại, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn “*Điện Biên Phủ*” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Như chúng ta đều biết, cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là cuộc quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ đã giành được thắng lợi vẻ vang, kết thúc oanh liệt cuộc kháng chiến lâu dài của quân và dân ta chống “cuộc chiến tranh xâm lược bản thủ” của đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ.

Năm 1958, nhân dịp kỷ niệm 4 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã viết bài cho báo “*Nhân Dân*” dưới đầu đề “*Điện Biên Phủ*” (khi in trong cuốn sách này được lấy đầu đề là “*Bài học thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ*”) nêu lên một số kinh nghiệm về chỉ đạo chiến tranh của Đảng ta, vấn đề chỉ đạo chiến lược, vấn đề chỉ đạo chiến dịch, mấy vấn đề chiến thuật, tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân đội, tinh thần phục vụ tiên tuyến của nhân dân.

Năm 1964, nhân dịp kỷ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, tác giả viết cuốn “*Điện Biên Phủ*” đầy đủ hơn, phong phú hơn do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in lần thứ ba.

Năm 1979, nhân dịp kỷ niệm 25 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in lần thứ sáu cuốn “*Điện Biên Phủ*” trong đó ngoài nội dung chiến thắng Điện Biên Phủ, tác giả còn nêu những suy nghĩ rút ra từ cuộc kháng chiến lâu dài chống đế quốc Pháp và chống đế quốc Mỹ, những suy nghĩ sau 25 năm chiến thắng Điện Biên Phủ.

Năm 1989, nhân dịp kỷ niệm 35 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết bài “*Quyết định khó khăn nhất*” đăng trên báo *Nhân Dân chủ nhật* về vấn đề thay đổi phương châm tác chiến trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

Năm 1994, nhân dịp kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, tác giả viết bài “*Điện Biên Phủ - 40 năm sau nhìn lại*” Từ đỉnh cao thắng lợi ngày nay, tác giả nhìn lại cuộc kháng chiến chống Pháp, cuộc kháng chiến chống Mỹ, những thành tựu và những thiếu sót của công cuộc xây dựng đất nước, tác giả nêu lên những suy nghĩ của mình về những giá trị tinh thần và kinh nghiệm thực tiễn của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo đường lối đổi mới của Đảng.

Trong lần xuất bản này, được sự đồng ý của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Nhà xuất bản sưu tầm và in tất cả những bài viết về Điện Biên Phủ của tác giả theo thứ tự từ hiện tại đi ngược thời gian về Điện Biên Phủ:

- Điện Biên Phủ - 40 năm sau nhìn lại.

- Quyết định khó khăn nhất.

Điện Biên Phủ (kèm theo những suy nghĩ nhân dịp kỷ niệm 25 năm).

Bài học thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.

Phụ lục

* *Điện Biên Phủ chiến dịch lịch sử*: Hồi ức, Hoàng Văn Thái, H. Quân đội nhân dân, 1994, 186tr.

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954 - 7-5-1994), Nhà xuất bản Quân đội nhân dân cho ra mắt bạn đọc cuốn “*Điện Biên Phủ - chiến dịch lịch sử*” Đây là cuốn Hồi ức của Đại tướng Hoàng Văn Thái, nguyên Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, kiêm Tham mưu trưởng Mặt trận Điện Biên Phủ. Bản thảo cuốn Hồi ức này được hoàn thành vào dịp kỷ niệm lần thứ 30 chiến thắng Điện Biên Phủ do Đại tá Trần Trọng Trung thể hiện.

Nội dung cuốn sách nhằm phục vụ rộng rãi bạn đọc, đồng thời cũng có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cán bộ nghiên cứu và cho việc giảng dạy, học tập ở các trường trong và ngoài quân đội.

* *Chiến thắng Điện Biên Phủ - sức mạnh dân tộc và tầm vóc thời đại*, H. Quân đội nhân dân, 1994, 364tr.

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, đỉnh cao của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, Viện lịch sử quân sự Việt Nam phối hợp với Viện sử học, Viện lịch sử Đảng, khoa Lịch sử Trường đại học Tổng hợp Hà Nội, khoa Lịch sử Trường đại học Sư phạm Hà Nội I tổ chức hội thảo khoa học nhằm hiểu sâu thêm về tầm vóc, nguyên nhân và bài học của chiến công vĩ đại này.

Cuốn “*Chiến thắng Điện Biên Phủ sức mạnh dân tộc và tầm vóc thời đại*” là một công trình tập thể, là thành quả của sự đóng góp của nhiều cơ quan và tác giả đã tham gia cuộc hội thảo trên, tập trung phân tích tầm vóc, ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi cùng những bài học của chiến thắng Điện Biên Phủ đối với sự nghiệp đổi mới đất nước và xây dựng quân đội trong tình hình hiện nay.

* *Điện Biên Phủ - mốc vàng lịch sử*, H. Quân đội nhân dân, 1994, 166tr.

Kỷ niệm 40 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954-1994), Thư viện quân đội, Hội giáo dục lịch sử thuộc Hội sử học Việt Nam và khoa Lịch sử Trường đại học Sư phạm Hà Nội I tổ chức biên soạn cuốn “*Điện Biên Phủ - mốc vàng lịch sử*”

Cuốn sách không phải là một chuyên khảo nghiên cứu về chiến thắng Điện Biên Phủ mà mang tính chất phổ biến kiến thức văn hóa - lịch sử.

Sách được bố cục thành 4 phần chính theo diễn biến lịch sử chiến thắng Điện Biên Phủ. Mỗi phần gồm bài khái quát mở đầu, tiếp đó là những mẫu chuyện có liên quan. Các mẫu chuyện, bài viết nhỏ được sắp xếp theo trình tự thời gian của sự kiện diễn ra ở tiền tuyến, cũng như hậu phương, đề cập đến những hành động chiến đấu anh hùng cũng như các khía cạnh sinh hoạt đời thường của quân, dân ta, những mẫu chuyện về tình cảnh của binh lính địch ở mặt trận, hoạt động của các chính khách, tướng lĩnh thực dân...

* *Điện Biên Phủ - trang sử anh hùng*, H. Quân đội nhân dân, 1984, 112tr.

Điện Biên Phủ, mảnh đất biên cương phía Tây Bắc của Tổ quốc ta, từ mùa xuân năm 1954 đã đi vào lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới như một chiến công oanh liệt của một dân tộc kiên quyết đứng lên tự giải phóng.

Ba mươi năm đã qua kể từ khi các chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam phát cao lá cờ Quyết chiến Quyết thắng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại trên nóc hầm sở chỉ huy của tướng Đờ Cát. Dưới ánh sáng của thời gian, chiến công Điện Biên Phủ, đỉnh cao của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, càng nổi lên rực rỡ, nêu một tấm gương chói lọi về sự chỉ đạo chiến lược tài tình của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chủ tịch, về nghệ thuật quân sự Việt Nam và sự chỉ huy tác chiến kiên quyết, linh hoạt của Bộ chỉ huy chiến dịch và cán bộ chỉ huy các cấp, về tinh thần chiến đấu anh dũng tuyệt vời, mưu trí, sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ các đơn vị chủ lực, hy sinh chiến đấu, phục vụ tiền tuyến của nhân dân các dân tộc Tây Bắc và đồng bào cả nước.

Cuốn "*Điện Biên Phủ - trang sử anh hùng*" là một tập ảnh khổ lớn dày hơn 100 trang dựng lại toàn bộ hình thái chiến trường Đông Dương năm 1953-1954; diễn biến và kết quả chiến dịch Điện Biên Phủ; Bài học Điện Biên Phủ đối với bọn xâm lược; Truyền thống Điện Biên Phủ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

* *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*: Dư luận thế giới về chiến dịch Điện Biên Phủ; Đỗ Thiệu, Đinh Kim Khánh, H. Quân đội nhân dân, 1984, In lần thứ ba có sửa chữa bổ sung, 452tr, 19cm.

"*Tiếng sấm Điện Biên Phủ*" ra đời nhân kỷ niệm 20 năm chiến thắng Điện Biên Phủ tập hợp một số ý kiến phong phú của thế giới nói về chiến thắng đó từ trước đến nay nhằm giới thiệu với bạn đọc:

- Diễn biến gay go, ác liệt của chiến cục Đông Xuân 1953-1954, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, một trận quyết chiến chiến lược có ý nghĩa quyết định cục diện chiến tranh mà cả hai bên đối chiến - cả địch và ta đều dốc sức ra để giành phần thắng về mình. Cuối cùng, thắng lợi đã về phía quân dân Việt Nam tài giỏi, anh hùng.

Tác động mạnh mẽ của chiến thắng Điện Biên Phủ đối với thế giới, đặc biệt là đối với chủ nghĩa đế quốc Pháp và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

- Sự khâm phục của thế giới đối với Đảng ta, nhân dân ta những người làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ.

* *Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu*, H. Vụ báo cáo viên Ban tuyên huấn Trung ương, 1984, 64tr.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Vụ báo cáo viên Ban tuyên huấn Trung ương biên soạn và xuất bản cuốn "*Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu*" Sách là một tập hợp rất phong phú những tư liệu ngắn gọn và súc tích về chiến thắng Điện Biên Phủ nhằm giúp các báo cáo viên và những người làm công tác tuyên huấn có những tư liệu đầy đủ để tuyên truyền về chiến thắng Điện Biên Phủ.

Nội dung gồm các bài viết và tư liệu sau:

Tầm vóc chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ.

Phát huy truyền thống Điện Biên Phủ, quyết tâm mang lá cờ chiến thắng của Tổ quốc Việt Nam lên những đỉnh cao mới.

Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược: số liệu, tư liệu, chiến công.

- Một số bài báo của Bác Hồ về Điện Biên Phủ.

Những lời thú nhận từ phía bên kia.

Vài gương mặt anh hùng Điện Biên Phủ.

- Một số mẩu chuyện về Điện Biên Phủ.

- Dư luận thế giới ca ngợi Việt Nam.

- Âm mưu của Mỹ trước và sau chiến thắng Điện Biên Phủ.

- Tập trung vào trại tù binh.

* *Điện Biên Phủ - lừng lẫy và suy ngẫm*, Phạm Chí Nhân, H. Văn hóa - Thông tin, 1994, 168tr, 19cm.

Tác giả của cuốn sách này là người đã tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ mùa xuân 1954 với tư cách người phụ trách cơ quan chính trị trung đoàn trong đội hình một đại đoàn chủ lực - Đại đoàn 308.

Tác giả muốn ghi lại những điều mắt thấy tai nghe và những việc đã làm cùng một vài suy nghĩ về Điện Biên Phủ, về Đại đoàn 308 trong chiến dịch Điện Biên Phủ một đơn vị chủ lực cơ động chiến lược, đánh giặc giỏi nổi tiếng, thường được sử dụng đánh những trận then chốt trong nhiều chiến dịch lớn đã hành quân gần 10.000km, tham gia 13 chiến dịch, trong đó có chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử. Trong chiến đấu, Đại đoàn luôn có quyết tâm cao, cơ động nhanh, tiến công kiên quyết, phát huy sức mạnh hiệp đồng binh chủng, đánh tập đoàn cứ điểm, đánh vận động, đánh tập kích, đánh giao thông, đánh địch trên các địa hình đều giỏi. Đại đoàn 308 trước đây và Sư đoàn 308 sau này binh đoàn chủ lực đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam là đội quân bách thắng, là nỗi kinh hoàng của quân xâm lược.

* *Trận Điện Biên Phủ nhìn từ hai phía*, Lê Kim, H. Thanh niên, 1994, 140tr.

Bốn mươi năm đã trôi qua kể từ khi nhân dân ta giành được thắng lợi vĩ đại ở Điện Biên Phủ, dẫn tới sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân Pháp. Từ đó đến nay đã có nhiều cuốn sách được xuất bản ở Việt Nam cũng như ở nhiều nước trên thế giới. Nhiều văn bản thuộc loại “tối mật” như các chỉ thị, mệnh lệnh tác chiến, nghị quyết của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, nghị quyết cuộc họp cấp cao của Tổng hành dinh quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương, những tài liệu tình báo và những phán đoán của cấp chỉ huy cao nhất ở cả hai phía đến nay đều lần lượt được “giải mật”. Tất cả những cái đó đã giúp cho nhiều nhà nghiên cứu cũng như bạn đọc rộng rãi hiểu rõ thêm về trận Điện Biên Phủ, từ tâm tư của người cầm quân, cuộc đấu trí của hai tổng hành dinh đến diễn biến của chiến dịch với những tài liệu xác thực.

Cuốn *“Trận Điện Biên Phủ nhìn từ hai phía”* cung cấp cho bạn đọc, nhất là tuổi trẻ những mẫu chuyện trung thực của chiến thắng Điện Biên Phủ qua một số nhân chứng lịch sử và những văn bản tổng kết của Bộ Quốc phòng nước ta cũng như các tài liệu của phía Pháp để thấy rõ chiều cao và bề sâu của chiến thắng.

Tướng Hăng-ri Na-va với trận Điện Biên, Lê Kim, H. Quân đội nhân dân, 1994, 99tr, 19cm.

Ngày 7-5-1954, tập đoàn cứ điểm của Pháp ở Điện Biên sụp đổ kéo theo sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương. Thảm bại to lớn chấn động địa cầu này gây bàng hoàng sững sốt trong giới quân sự đế

quốc. Làm sao một căn cứ quân sự mạnh nhất Đông Nam Á mà chính nhiều tướng Pháp và nhiều nhà quân sự Mỹ, Anh khi tới thị sát tại chỗ đều nhất trí khẳng định rằng “đó là một thành trì pháo đài bất khả xâm phạm” lại có thể bị quân đội một dân tộc “nhược tiểu” chiếm lĩnh trong vòng 56 ngày đêm chiến đấu?

Đại tướng Hăng-ri Na-va tổng chỉ huy các lực lượng viễn chinh Pháp ở Đông Dương giai đoạn 1953-1954 trở thành mục tiêu công kích liên tiếp của dư luận.

Về phần tướng Hăng-ri Na-va năm 1956 ông ta đã cho in một cuốn sách nhan đề “Đông Dương hấp hối” trình bày khá kỹ tình hình và sự chỉ đạo của mình trong hoàn cảnh rối ren lúc đó. Năm 1979, cuốn sách thứ hai và cũng là cuốn cuối cùng nhan đề “*Thời điểm của những sự thật*” có tính chất thanh minh và biện bạch.

Tại sao tướng Hăng-ri Na-va thua trận?

Một số nhà nghiên cứu sử học cho rằng: Tướng Hăng-ri Na-va là người cầm quân có tinh thần trách nhiệm, rất thận trọng nhưng ông lại gặp một đối thủ có tinh thần trách nhiệm cao và thận trọng hơn đó là tướng Võ Nguyên Giáp và điều không may là ông lại vấp phải một cuộc chiến tranh nhân dân, trong đó tinh thần và sức mạnh của người lính cũng như nhân dân Việt Nam được coi là phi thường.

Cuốn sách này dựa vào những lời biện bạch của chính tướng Hăng-ri Na-va cộng với những hồi ức của một số sĩ quan rất gần gũi ông ta và những tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Pháp mới được công bố nhằm nêu bật “thực chất tướng Hăng-ri Na-va” Qua đó, bạn đọc càng thấy rõ hơn ý nghĩa thắng lợi của chiến thắng Điện Biên Phủ.

* *Điện Biên Phủ - nhìn từ phía bên kia*, Mạc Văn Trọng, Nguyễn Đăng Vinh, Hoàng Thế Dũng, H. Quân đội nhân dân, 1994, 178tr.

Từ chiến thắng Điện Biên Phủ đến nay, bốn mươi năm đã trôi qua. Trong thời gian ấy, biết bao biến cố to lớn đã xảy ra trên trái đất của chúng ta. Điện Biên Phủ vẫn là nguồn động viên, cổ vũ đối với các nước đang đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Điện Biên Phủ tuy đã lùi vào lịch sử, nhưng cho đến nay nó vẫn là đề tài hấp dẫn đối với nhiều nhà nghiên cứu quân sự, nhiều nhà sử học với các quan điểm chính trị khác nhau và với những mục đích khác nhau.

Dù có sự khác biệt về chính kiến và quan điểm, tất cả đều công nhận sự thật hùng hồn là thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đã thất bại nặng

nê, còn quân đội và nhân dân Việt Nam thì đã giành được một thắng lợi chiến lược quyết định có ý nghĩa lịch sử, đưa cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam đến thắng lợi.

Cuốn *“Điện Biên Phủ - nhìn từ phía bên kia”* do Mạc Văn Trọng, Nguyễn Đăng Vinh, Hoàng Thế Dũng sưu tầm, tuyển chọn và biên soạn nhân kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ tập trung tuyển chọn và trích từ những bài viết và bình luận quân sự của các báo, tạp chí Pháp, những đoạn hồi ký của nhiều nhà chính trị, quân sự Pháp đã trực tiếp tham chiến hoặc có “dính líu” tới trận Điện Biên Phủ.

Vì vậy, *“Điện Biên Phủ - nhìn từ phía bên kia”* giúp bạn đọc hiểu rõ thêm “Tại sao Pháp thua trận Điện Biên? Và ý nghĩa, tầm quan trọng của chiến thắng Điện Biên Phủ đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc trên thế giới”, qua sự thú nhận của chính những người trong cuộc - đối phương của chúng ta trong cuộc đọ trí, đọ sức quyết liệt này.

* *Trận Điện Biên Phủ* (từ tháng 1-1953 đến tháng 5-1954), Jules Roy; dịch và hiệu đính: Bùi Đình Kế, H. Viện lịch sử quân sự Việt Nam, 1994, 180tr.

Suốt 40 năm qua, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhiều học giả, tướng lĩnh trong và ngoài nước. Đã có hàng trăm tác phẩm với nhiều thể loại, đề cập tới mọi góc độ của trận chiến nổi tiếng thế kỷ này.

Năm 1963, Giuyn Roa (Jules Roy) cựu đại tá không quân Pháp cho ra mắt bạn đọc cuốn *“Trận Điện Biên Phủ”* Ấn phẩm này dày hơn 600 trang hàm chứa nội dung rộng lớn về Điện Biên Phủ, về Đông Dương, bối cảnh nước Pháp... trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, ngoại giao. Điều rất đáng quan tâm là tác giả đã trích dẫn khá nhiều tài liệu từ những nguồn chính thức của Pháp.

Cuốn *Trận Điện Biên Phủ* (từ tháng 1-1953 đến tháng 5-1954) do Viện lịch sử quân sự Việt Nam xuất bản năm 1994 là sự tuyển dịch những nội dung cần thiết từ cuốn sách trên của Giuyn Roa để phục vụ công tác nghiên cứu và giúp bạn đọc rộng rãi có thêm thông tin tham khảo về chiến thắng vĩ đại kể trên.

* *Hồ sơ mới về Điện Biên Phủ* (trích từ tập ký sự sử thi: *Cuộc chiến tranh mười ngàn ngày*), Micheal Maclear; Ng. dịch: Lê Tiến, H. Thông tin, 1989, 43tr, 19cm.

“*Hồ sơ mới về Điện Biên Phủ*” là chương 3 trong cuốn sách đồ sộ của Mác-lie (Micheal Maclear) Hãng truyền hình Canada CBC “*Cuộc chiến tranh mười ngàn ngày*” do Nxb Thông tin xuất bản nhân kỷ niệm 35 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954 – 7-5-1989). Cuốn sách “*Việt Nam Cuộc chiến tranh mười ngàn ngày*” dày 479 trang (không kể phần mở đầu, phụ lục và chỉ dẫn) gồm 20 chương. Tác giả dùng thể loại ký, thuật lại các lời phỏng vấn, hồi tưởng, đồng thời cũng làm kịch bản cho bộ phim dài 10 giờ chiếu, cùng tên của ông. Mặc dù còn nhiều hạn chế về cách nhìn, một số phân tích sai lệch, lệ thuộc, tư liệu ngồn ngộn và đầy ắp, nhưng tác giả muốn kết luận rằng: Vết thương Việt Nam còn để lại những di chứng do chính sách sai lầm về chiến tranh của Mỹ và công trình to lớn và có ý nghĩa của Mai-cơ Mác-lie đóng góp cho sự nghiệp nghiên cứu về Việt Nam.

Cuốn sách này sẽ giúp cho bạn đọc nhìn toàn cảnh chiến dịch Điện Biên Phủ từ một phía khác – từ phía quân đội Pháp (từ cuối năm 1953 đến 7-5-1954) (kèm theo một số hình ảnh của các tướng lĩnh Pháp tại Điện Biên Phủ).

* LANIEL JESEPH *Le drame indochinois* (Tấn thảm kịch Đông Dương). Paris, Ed.Plon, 1964, 360tr.

Sau thất bại Điện Biên Phủ, nước Pháp chia rẽ, có nhiều ý kiến bất đồng, đổ lỗi cho nhau. Vì vậy, là thủ tướng Pháp trong thời kỳ ấy, J. Laniel thấy cần nói lên sự thật, phê bình tướng Na-va và thủ tướng Mendes France phạm sai lầm.

Cuốn sách gồm có:

Lời nói đầu.

I. Chính sách về Đông Dương của chính phủ Pháp.

II. Điện Biên Phủ. Những diễn biến về quân sự.

Trong mục này, tác giả phân tích những sai lầm về mặt chiến lược và về chiến thuật của tướng Na-va.

Về chiến lược tác giả cho rằng quân Pháp có nhiều đại bác, xe tăng, máy bay, nếu đánh ở đồng bằng thì có lợi thế hơn nhiều, nhưng Na-va không biết cách kéo Việt Minh xuống đồng bằng mà lại đánh lên rừng, nên Việt Minh rất lợi thế. Na-va chọn Điện Biên Phủ thì tất cả lợi thế của quân đội Pháp mất hết. Tác giả phê bình Na-va lạc quan tếu, cho mình mạnh và rất an tâm với tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, nhưng khi thấy Việt Minh có trọng pháo và lực lượng phòng không mạnh thì Na-va không kiếm cách rút ra sớm, sau đó lại mất tinh thần.

Về chiến thuật thì phạm sai lầm về bố trí lực lượng, tập trung quân ở khu trung tâm nhiều quá (8 trên 12 tiểu đoàn), khi bị mất vị trí tiền tiêu thì không cương quyết phản kích, không đánh vào con đường tiếp tế của Việt Minh. Trong trận đầu Na-va vẫn ở Sài Gòn mà không ra Hà Nội để góp ý trực tiếp với Đờ Cát.

Còn về nước Pháp, tác giả phê bình tinh thần chán nản muốn bỏ Điện Biên Phủ.

III. *Điện Biên Phủ*: thái độ của Chính phủ, Na-va lập tập đoàn cứ điểm mà không hỏi ý kiến chính phủ. Thái độ của Mỹ và Anh lừng khừng, v.v...

IV *Cuộc thách thức ở Giơ-ne-vơ*. Tác giả cho thủ tướng Mendes France sai lầm và phê bình Báo Đại là bàng quan với tình hình Việt Nam, v.v...

* ELY PAUL - *L'Indochine dans la tourmente* (Đông Dương trong cơn bão táp). Paris, Ed. Plon, 1964, 360tr.

Tác giả vốn là tổng tham mưu trưởng quân đội nước Pháp sau được cử làm tổng chỉ huy quân đội Đông Dương kiêm cao ủy Đông Dương, ngay sau trận đại bại ở Điện Biên Phủ.

Tập hồi ký này chia làm hai phần:

I. Phần tác giả đang giữ chức tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp.

Trình bày tình hình nước Pháp sau 7 năm chiến tranh Đông Dương. Có các chương:

Tình hình cuối năm 1953.

Phái đoàn Pléven.

Phái đoàn đi Hoa Thịnh Đốn (đi xin viện trợ của Mỹ).

Thất bại Điện Biên Phủ.

Hội nghị Giơ-ne-vơ.

Phản ứng sau Điện Biên Phủ.

Phái đoàn tháng 5 (để nghiên cứu việc thi hành lệnh ngừng bắn của Hiệp nghị Giơ-ne-vơ).

II. Phần tác giả nhận chức cao ủy và tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương từ 6-1954 đến 6-1955...

Cuối cùng tác giả nêu lên những kinh nghiệm chỉ huy và chống chiến tranh du kích, những quan điểm về chủ trương chống cộng, về nền độc lập của một nước thuộc địa, v.v...

* NAVARRE HENRI - *Agonie de l'Indochine 1953-1954* (Đông Dương hấp hối 1953-1954), Paris, Ed. Plon, 1958, 345tr.

Hăng-ri Na-va là đại tướng quân đội Pháp, tốt nghiệp trường Saint Cry¹ và trường Cao đẳng chiến tranh Pháp. Na-va đã phục vụ nhiều năm ở Xi-ri, Bắc Phi, nhất là ở Đức, Na-va có tham gia hoạt động bí mật chống phát-xít Đức, chỉ huy một trung đoàn thiết giáp. Tháng 5-1953, đang làm tham mưu trưởng cho thống chế Gioăng ở khối NATO, Na-va được chỉ định làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương.

Sau thảm bại Điện Biên Phủ, các giới chính trị và cầm quyền đã đổ hết trách nhiệm lên đầu quân đội Pháp, đặc biệt là đổ cho Na-va. Do đó, Na-va đã gửi kiến nghị phản đối lên Bộ trưởng quốc phòng Pháp, và yêu cầu thành lập ngay một hội đồng điều tra để xác định trách nhiệm về việc thất thủ Điện Biên Phủ. Sau ba tháng nghiên cứu, chính phủ Pháp từ chối đề nghị đó. Đầu năm 1955, Na-va tuyên bố “nếu trong mấy ngày nữa mà hội đồng điều tra không được thành lập”, y “sẽ tiết lộ trên báo chí toàn bộ sự thực trong giai đoạn kết thúc chiến tranh Đông Dương” Lời đe dọa này đã có hiệu lực: một tuần sau, hội đồng đã thành lập, và làm việc trong 7 ngày. Na-va yêu cầu đưa ra công khai những kết luận của hội đồng điều tra song chính phủ Pháp không chịu (riêng cá nhân Na-va, theo hội đồng, y chỉ chịu trách nhiệm về phần chiến dịch, còn vấn đề chỉ đạo chiến tranh và chiến lược quân sự thuộc trách nhiệm của các cơ quan khác). Vì vậy, Na-va đã xin ra khỏi quân đội và xuất bản quyển sách này.

Cuốn sách gồm 10 chương, phụ lục và nhiều bản đồ. Đáng chú ý là các chương:

Chương III: “Kế hoạch Na-va”

Chương IV: Vấn đề chỉ đạo chiến tranh.

Chương VI: Các chiến dịch trước Điện Biên Phủ.

Chương VII: Cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ.

Chương VIII: Hậu quả của chiến dịch Điện Biên Phủ.

Chương X: Các bài học của cuộc chiến tranh Đông Dương.

Phụ lục đăng bức thư trả lời Thủ tướng Pháp La-ni-en.

Đặc biệt, trong chương VII, Na-va có phân tích nguyên nhân thất thủ Điện Biên Phủ. Ngoài những nguyên nhân cụ thể về chiến kỹ thuật (tổ chức phòng ngự, chất lượng công sự, tổ chức phản pháo và phản kích, hợp đồng chiến đấu với không quân...), Na-va còn đưa ra những nguyên nhân sâu sắc hơn về chiến lược, về chỉ đạo chiến tranh...

1. Học viện Quân sự cao cấp của Pháp.

Mặc dầu viết với mục đích tự bào chữa, Na-va cũng đã nhìn thấy một phần và thừa nhận “Sự thất bại rất nặng nề về mặt chiến thuật” của quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ.

* **POUGET JEAN** *Nous étions à Dien Bien Phu* (Chúng tôi đã ở Điện Biên Phủ), Paris, Ed. PrensSES de la Cité, 1964, 448tr.

(Giăng Pu-giê là một sĩ quan thiết giáp trong quân đội Pháp. Năm 1942, thiếu úy Pu-giê tham gia du kích chống phát xít Đức. Năm 1948 đến 1950, y sang Đông Dương. Tháng 5 năm 1953, đang đóng ở Đức, y được cử làm bí thư của tướng Na-va, vừa được bổ nhiệm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Bốn tháng sau, y xuống đơn vị, làm đại đội trưởng ở tiểu đoàn dù thuộc địa số 1 1^{er} BPC. Hai ngày trước khi Điện Biên Phủ thất thủ, y cùng đơn vị nhảy dù xuống Điện Biên, ngày 7-5, y bị bắt làm tù binh.

Năm 35 tuổi, Pu-giê “giã từ binh nghiệp” với cấp thiếu tá, và bắt đầu viết văn.

“Chúng tôi đã ở Điện Biên Phủ” là cuốn hồi ký của y).

“Điện Biên Phủ chỉ còn là cái tên của một thảm họa... Sự nhục nhã vì bại trận, những nỗi đau khổ dằn vặt, sự khán kiệt về thể xác và nhất là việc khám phá ra một thế giới kỳ lạ... đối với những người đã trải qua cuộc chiến đấu tại đó...” Đó là lời mở đầu của viên sĩ quan bại trận.

Với cương vị bí thư của tướng Na-va, đã tham gia và chứng kiến từ đầu đến cuối chiến dịch Điện Biên Phủ, Pu-giê đã có những nhận xét sâu sắc về nhiều mặt.

Cuốn sách gồm 2 phần, 13 chương, một bản nhật ký hành quân và các phụ lục.

Phần đầu “Con đường đi tới Điện Biên” gồm 7 chương.

Phần hai “Cuộc chiến đấu”

Nhật ký hành quân: từ 13-3-1954 đến 9-5-1954.

Phần phụ lục: - Kế hoạch Na-va.

- Các lực lượng quân sự của Việt Minh.

Vấn đề tăng viện trong kế hoạch Na-va.

Tuy viết dưới dạng hồi ký, cuốn sách cũng có một số tư liệu có thể tham khảo trong nghiên cứu giai đoạn lịch sử 1953-1954, nhất là tình hình, chủ trương về mọi mặt của phía quân Pháp. Đặc biệt Pu-giê cũng nghiên cứu một số vấn đề của phía chúng ta để rút kinh nghiệm, đồng thời cũng để

thanh minh cho Na-va về một số vấn đề có liên quan cả đến Chính phủ và Bộ Quốc phòng Pháp.

Đáng chú ý là phần so sánh vấn đề hậu cần và tiếp tế của ta và địch, phân tù binh và tinh thần thái độ của các sĩ quan Pháp, từ các cấp tướng đến cấp úy.

* FALL BERNARD - *Dien Bien Phu, un coin d'enfer* (Điện Biên Phủ, một góc địa ngục) Paris, Ed. Laffon, 1968, 520tr.

Bằng những số liệu thực tế chứng minh qua những chuyến sang Đông Dương và ngay trong trận Điện Biên Phủ, tác giả Béc-na Phôn (Bernard Fall) đã viết cuốn sách "Điện Biên Phủ một góc địa ngục", tác giả ghi lại tỉ mỉ và chi tiết cùng một số hình ảnh minh họa toàn bộ những diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ. Đây cũng là những suy nghĩ của tác giả về cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân Việt Nam anh hùng, về Điện Biên Phủ, về bài học xương máu của bọn thực dân xâm lược.

Nội dung sách gồm các đề mục:

+ Lời giới thiệu.

- Trận tác chiến "Natacha"

- Căn cứ sân bay ở cứ điểm Điện Biên Phủ.

Những điểm xuất phát.

Vị trí bao vây.

Cuộc tấn công của Việt Minh ngày 13-3.

Thất bại về chiến thuật.

- Thất bại của Bộ tham mưu Pháp.

Nỗi lo âu về "Isorbelle"

- Trận tác chiến "Vautour" "Condor" và "Albatros"

- Cái chết trong trận "Castor"

- Kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ.

- Phần cuối cuốn sách.

* ROCOLLE PIERRE - *Pourquoi Dien Bien Phu* (Vì sao có thất bại Điện Biên Phủ), Paris, Ed. Croquis, 1972, 64tr. (Tập ảnh và sơ đồ).

Để giúp bạn đọc nghiên cứu hình thái chiến trường Điện Biên Phủ năm 1954, tác giả Pi-e Rô-côn (Pierre Rocolle) đã phác họa lại toàn bộ hệ thống bản đồ về các trận đánh, các cuộc hành binh, những mũi tiến công Điện Biên Phủ của quân dân Việt Nam từ mọi phía. Tác giả đã giới thiệu khá cụ thể và

chi tiết mọi diễn biến của chiến dịch với những số liệu chính thức qua 64 trang ảnh và sơ đồ minh họa. Bao gồm: hình ảnh các tướng tá chỉ huy ở Điện Biên Phủ trong hàng ngũ đội quân viễn chinh Pháp. Tiếp đó là các sơ đồ về các trận đánh của lực lượng quân đội viễn chinh và quân đội Pháp, bắt đầu từ trận thu đông năm 1952 đến năm 1954. Những mũi tiến công bằng đường bộ, đường thủy và đường hàng không dọc trên các vùng biên giới; việc tổ chức các cứ điểm tác chiến của quân đội Việt Minh và quân đội Pháp; các kiểu loại đại bác mà hai bên sử dụng trong các trận đánh như đại bác ĐKZ 57, đại bác 75mm của Nhật, đại bác 37mm của Liên Xô; các sư đoàn tham gia chiến dịch như Sư đoàn 308, Sư đoàn 312, Sư đoàn 316, Sư đoàn 304 của Việt Minh. Và cho đến cuộc chiến đấu thắng lợi cuối cùng.

* HEYMARD JEAN *Verité sur l'Indochine* (Sự thật về Đông Dương), Paris, Ed. Debresse, 1962, 284tr.

Đây là một cuốn sách của một người đã từng sống ở Đông Dương trong 40 năm, tự cho là hiểu biết về Đông Dương hơn ai hết. Tác giả thấy có nhiều sách báo tài liệu đề cao vai trò của Mỹ sau khi nhảy vào thay Pháp ở Đông Dương, và phê phán chế độ thực dân Pháp, các tướng tá Pháp nên tác giả viết sách này để tranh luận, đề cao vai trò “khai hóa văn minh” của nước Pháp và tố cáo chế độ thực dân mới, theo đô la của Mỹ. Cuốn sách gồm có 2 phần:

1. Trong phần đầu tác giả muốn vạch cho người Mỹ thấy họ đã nhìn sai “sự nghiệp thực dân” của Pháp ở Đông Dương và đến nay chính họ đang thi hành ở Đông Dương và khuyến khích nhân dân Đông Dương chống Pháp.

Tác giả phân tích mối quan hệ giữa Mỹ và Pháp trong vấn đề Việt Nam và quan hệ của từng nước đối với Việt Nam.

2. Trong phần hai tác giả nêu quan điểm của mình về mọi vấn đề ở Đông Dương trong thời chiến và trong thời bình, cần chú ý phân quan điểm về việc thất trận ở Điện Biên Phủ: Trước hết theo tác giả, thất bại đó là do các chính phủ Pháp nối tiếp nhau đều có chính sách cò con và trục lợi, giao phó quyền lợi của Đông Dương và nước Pháp cho các nghị viện, các tướng lĩnh quân đội, các tập đoàn tài chính, tất cả đều mù quáng.

Đi vào cụ thể tác giả nêu:

- Sự khác nhau giữa chiến tranh ở châu Âu, chiến tranh hiện đại khác với chiến tranh ở vùng nhiệt đới. Các tướng tổng chỉ huy ở Đông Dương chẳng hiểu gì về Đông Dương và Việt Nam thì làm sao mà thắng được.

Về việc chọn Điện Biên Phủ để xây dựng tập đoàn cứ điểm, tác giả cho rằng: tất cả các điều kiện xấu nhất cho Pháp đều tập trung ở đây (tác giả có

trình bày các sai lầm đó). Tác giả hết sức chê Cô-nhi và Na-va đã chọn địa điểm đó và cho rằng họ đã làm một cuộc chiến tranh mà chính họ không hiểu ra sao, và cho rằng họ đã bị sa bẫy mà không biết.

* BORNERT LUCIEN - *Dien Bien Phu, citadelle de la gbirc* (Điện Biên Phủ, thành trì của vinh quang), Paris, Ed. Documents du Monde, 1954, 174tr.

Đây là một sưu tầm những mẫu chuyện nhỏ hay tài liệu.

Tập chuyện này chia ra từng chương:

1. Lời mở đầu.

2. Điện Biên Phủ.

- Sự lớn mạnh của phong trào Việt Minh như thế nào,

Vì sao Pháp trở lại xâm chiếm Đông Dương?... Nước Pháp sẽ ra sao nếu thiếu thuộc địa?... v.v...

Vì sao phải chiếm đóng Điện Biên Phủ, công việc xây dựng tập đoàn cứ điểm này ra sao. Tình hình ta huy động dân công tải gạo lương thực...

3. Trận chiến đấu.

Tác giả kể từng mẫu chuyện chiến đấu và đời sống ở Điện Biên Phủ, sắp xếp theo thứ tự thời gian: như trận đánh đầu tiên, nói về lính lê dương, về huy động sử dụng không quân, về y tế ở Điện Biên Phủ, về vấn đề thương binh, về lính tình nguyện nhảy dù để cứu viện Điện Biên Phủ...

4. Những ngày cuối cùng: Đoạn này cũng gồm những mẫu chuyện xếp theo thứ tự ngày tháng: cuộc tấn công đợt hai của ta, tấn công các vị trí cuối cùng và kể tỉ mỉ về những phút cuối cùng khi Điện Biên Phủ sắp thất thủ.

5. Vấn đề vận chuyển thương binh sau ngày bại trận.

6. Điện Biên Phủ ngày này qua ngày khác: mục này gồm các bức điện tín mà tác giả chép và sắp đặt theo ngày tháng (từ bức điện ngày 20-11-1953 đến bức điện ngày 8-5 lúc Điện Biên Phủ thất thủ).

7. Các “anh hùng” ở Điện Biên Phủ: mục này tác giả đăng tiểu sử của những tên mà tác giả gọi là “anh hùng”, đại tá Lalande, Langlais, trung tá Bigeard, tên lính Pierre - Filloche...

* GRAWIN, Médecin - Cdt - *J'étais médecin à Dien Bien Phu* (Tôi đã làm thầy thuốc ở Điện Biên Phủ), Paris, Ed. France - Empirc, 1954, 382tr.

Đây là tập hồi ký của tác giả kể lại công việc y tế đã làm ở Điện Biên Phủ.

Cuốn sách có các chương:

1. Nơi tôi được bổ nhiệm đến làm việc lần cuối cùng.

2. Đoàn quân “C”
3. Trạm giải phẫu.
4. Phẫu thuật dã chiến.
5. Cuộc tấn công.
6. Những ngày tiếp theo.
7. Đêm ở Thái Bình.
8. Những người lính ở cứ điểm Đô-mi-ních.
9. Cô nữ y tá Giơ-nơ-vi-e-ơ. (Geneviève)¹.
10. Mưa và nắng tháng tư.
11. Một ngày vui vẻ.
12. Những lính dù.
13. Than người.
14. Khám bệnh lại lần cuối cùng.
15. Viên tướng.
16. Tù binh.

Qua tập hồi ký này, mặc dù tác giả cũng có ý phô trương thành tích của mình và cố tô vẽ mặt tốt đẹp của các trạm phẫu thuật dã chiến của Pháp, nhưng ta cũng thấy những mặt tối tệ của công tác y tế ở đó, qua từng trang hồi ký: chỗ nằm rất thiếu, chất đồng với nhau, ban đầu còn nằm trên cáng sau nằm xuống đất, nằm ngoài đường hầm. Hầm thì lầy lội, bùn có khi ngập đến ống chân, trơn như mỡ, vết thương thối, băng bông máu me, phân rác hôi thối khắp nơi.

Qua các đoạn ký sự về y tế, tác giả lại kể lại mỗi trận đánh Pháp bị thương bao nhiêu, thương như thế nào, hiệu quả các cuộc pháo kích của ta ra sao...

* JOUNEAUD J. H.- *De Verdun à Dien Bien Phu* (Từ Véc-đoong đến Điện Biên Phủ), Paris, Ed. Les Éditions du Scorpion, 1959, 245tr.

Giu-nô là một tướng tổng tư lệnh không quân của chính phủ Pháp thời Pétain.

a) Đây là một bản hồi ký của tác giả trong thời gian từ 1916 đến 1954, qua đó tác giả đề cao vai trò của không quân hạng nặng “Chỉ có những nước nào có một đội không quân mạnh mới mong đóng một vai trò trên thế giới,

1. Tên đầy đủ là Geneviève de Galard, một nữ y tá tình nguyện phục vụ trong quân đội Pháp ở tập đoàn Điện Biên Phủ những ngày cuối cùng.

trong lúc thời bình cũng như trong chiến tranh” Qua đó tác giả phê phán các tướng đã bác bỏ quan điểm này và tác giả dẫn chứng các trận thất bại lớn của Pháp như Véc-đoong, Điện Biên Phủ... v.v... là vì thiếu không quân hạng nặng.

b) Tác giả cũng phê phán vai trò của Thống chế Pétain và sự bất tài của y, một tướng chuyên môn chủ trương phòng thủ.

Đồng thời tác giả phê phán sự lộn xộn cố hữu của nước Anh “với chiến lược chia để trị”

Tập sách này gồm có 15 chương lớn.

Về *chương Điện Biên Phủ*, chương này dùng thất bại Điện Biên Phủ để dẫn chứng cho quan điểm về không quân của tác giả, và để phê phán sự vô trách nhiệm của chính phủ Pháp và vai trò của Anh trong giai đoạn đó. Theo tác giả thì vì không có không quân hạng nặng nên khi quân Pháp trở lại Đông Dương năm 1947 quân đội Pháp mới bị thiệt hại lớn trong các trận giao chiến với quân du kích Việt Nam và trong trận Điện Biên Phủ, quân đội Việt Nam có hỏa lực trọng pháo rất mạnh mà Pháp không có không quân mạnh nên thua trận. Tác giả kể lại lời của Thủ tướng Pháp M.Laniel: “Nếu Pháp có một đội không quân ném bom thì Điện Biên Phủ trở thành một trận đại thắng của nước Pháp”

* CATROUX GÉNÉRAL *Deux actes du drame Indochinois* (Hai màn của tấn thảm kịch Đông Dương), Paris, Ed. Plon, 1950, 235tr.

Tướng Catroux nguyên là toàn quyền Đông Dương từ 7-1939 đến 1940.

1. Tác giả viết để thanh minh hành động bắt tay Nhật một cách vô tổ chức của y và đổ trách nhiệm việc mất Đông Dương trong tay Nhật cho chính phủ Pháp và kẻ kế tục của ông ta là đô đốc Đờ-cu. Nội dung cuốn sách gồm 2 phần chính:

1. Hà Nội: tháng 6-1940.
2. Điện Biên Phủ: tháng 3 - 4 năm 1954.

Đây là hai đề mục khác nhau nhưng tác giả dụng ý để chung thành một quyển sách nhằm chứng minh, hai lần để mất Đông Dương đó đều do một nguyên nhân: Chính phủ Pháp thiếu nhìn xa trông rộng và thiếu kiên trì, thống nhất ý kiến trong chủ trương của mình, nên đã để mất Đông Dương.

Chương đầu: Hà Nội 6-1940, y thanh minh dài dòng với quan điểm của một tên thực dân và với một lý lẽ khoác lác, tránh tội.

Chương hai: Điện Biên Phủ 3 - 4 năm 1954 Chính phủ Pháp không muốn giữ đất mà chủ yếu là bảo tồn chủ lực để nếu hội nghị Giơ-ne-vơ không

thành công thì Pháp còn lực lượng để tiếp tục tấn công. Catroux trình bày ý đồ của kế hoạch Na-va gồm chiến lược phòng ngự trong những năm 1953-1954 và chuyển sang tiến công trong những năm 1954-1955. Với 2 điều kiện cơ bản là chính phủ Pháp phải tăng viện cho y và Việt Minh không nhận thêm được nhiều viện trợ quân sự.

* CỤC QUÂN BÁO *Sơ kết địch tình tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ*. (Hồ sơ lưu trữ), Cục Quân báo. H. BTTM, (). 32tr.

* Võ Nguyên Giáp *Ấm mưu của Pháp Mỹ trong kế hoạch Na-va và chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954*. Bài nói tại trường Nguyễn Ái Quốc. Viện KHQS, 1973.

* *Giới thiệu tóm tắt một số văn kiện chính thức của địch từ 1950 đến Hiệp nghị Giơ-ne-vơ* - "Tin quân sự địch", 1-1976, tr. 32-43.

Kế hoạch Na-va, những thành công và thất bại trong việc thực hiện kế hoạch đó - H. Ban TKCL Viện KHQS, (), tr. 48, 81.

* *Sự dính líu của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam 1945 - 1954*. Các phần: *Chính sách của Mỹ gặp "lúng túng"*; *Bên bờ vực của sự can thiệp*; *"Thảm họa" Giơ-ne-vơ*. Trích trong *"Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ về Việt Nam"* Tập I. H. TTXVN, 8-1971, tr. 22-30.

* CHAFFARD G *Hai cuộc chiến tranh của Việt Nam. Từ Valluy đến Westmoreland* (2 tập). H. 1979 (Phân viện TTKHQS HVQSCC). Dịch từ tiếng Pháp, Paris, La Table ronde 1969.

Tập 1: 395 tr. đ.m.

Tập 2: 213 tr. đ.m.

* CHEN KING C *Cuộc dàn xếp tại Giơ-ne-vơ 1954*, H. 1981 (Phân viện TTKHQS), 42 tr.

* DILLON DOUGLAS, đại sứ Mỹ tại Pháp *Dillon điện cho Dulles về việc xin không quân chi viện Điện Biên Phủ 5-4-1954*. Tài liệu mật của BQP Mỹ. Tập I. H. TTXVN, 1971.

* FALL BERNARD *Con đường không vui. Chiến tranh Đông Dương 1946-1954*. H. 1964. 282 tr. Hoàng Phấn dịch, Đoàn Phê hiệu đính.

* JOYEUX FRANÇOIS - *Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ I* (Giơ-ne-vơ 1954). H. Thông tin lý luận, 1981, 395 tr.

* HEYMARD JEAN *Chiến tranh Đông Dương và Điện Biên Phủ*. Trích cuốn *"Sự thật về Đông Dương"* .H (), 23 tr. Hoàng Thí dịch từ "La vérité sur l'Indochine"

* PAYART CLAUDE *Một số tư liệu về Điện Biên Phủ*. H. 1977, 206tr (TTKHQS sao). Trích dịch trong cuốn “20 năm xâu xé nước Pháp” P. Ed. Robert - Laffont, 1972.

* HOBBS RICHARD *Huyền thoại chiến thắng. Thế nào là chiến thắng trong chiến tranh?* (Lời mở đầu của Ác-lây Bốc-cơ). H. 1983, 191tr (TTKH và KTQS). Dịch từ tiếng Pháp, Colorado, “Westview Press”

* BERGOT ERWAN *Les 170 jours de Dien Bien Phu (Pháp)* (170 ngày Điện Biên Phủ). Collection “Troupes de choc” Jeannine BALLAND. P. “Presses de la Cité”, 1979, 320tr.

* BUTTINGER J *Vietnam: A Dragon Embattled* (Anh). (Việt Nam: Con rồng vào trận) 2 tập. London, “Press”, 1967.

Tập I: *From Colonialism to the Viet Minh*, 663tr.

Tập II: *Vietnam at War*. 679tr.

* BODARD LUSIEN *Cuộc chiến tranh Đông Dương*. Sài Gòn, 598tr. (BTTM ngụy). Dịch từ tiếng Pháp P. Ed Gallimard, 1967 (tái bản). 5 tập. TTKH và KTQS sao lại.

* BORNETT L *Dien Bien Phu - Citadelle de la gloire*. (Pháp) (*Điện Biên Phủ - Thành trì quang vinh*). P. Ed. Nouvelles presses mondiales, (), 174tr.

* BORNETT L - *Les rescapés de l'enfer*. (Pháp). (Những người thoát khỏi địa ngục). *Les Héros de Dien Bien Phu*. (Những anh hùng của Điện Biên Phủ). P. Documents du monde, 1954, 187tr.

* BOUDAREL G. CAVIGLIOLT P *Tướng Giáp suýt thất bại trong trận Điện Biên Phủ như thế nào?* H. 1983, 27tr (TVQĐ). Vũ Sơn dịch từ “*Le Nouvel observateur*” số ra ngày thứ sáu, 8-4-1983, “Comment Giáp a failli perdre la bataille de Dien Bien Phu”

* *Contribution à l'histoire de Dien Bien Phu* (Pháp). (Đóng góp vào lịch sử Điện Biên Phủ). H. Etudes Vietnamiennes, 1965, số 3.

1. Nói chuyện với Đại tướng Võ Nguyên Giáp. 2. Giành thắng lợi ở chiến dịch Điện Biên Phủ như thế nào? 3. Tiêu diệt đồi A1. 4. Hồi ký của tướng Giáp. 5. Diễn biến chiến dịch.

* DEVILLERS P - LACOUTURE JEAN - *End of a war: Indochina 1954*. (Anh). (Kết thúc một cuộc chiến tranh: Đông Dương 1954). Frederick A. Praegers publishers, 1969, 412 tr.

* FALL BERNARD - *The Two Vietnam. A political and military analysis.* (Anh). (Hai nước Việt Nam. Phân tích về chính trị và quân sự) N. Y. London Ed. Frederick A. Praeger 7-1963. 498tr.

(Về Điện Biên Phủ, xem các trang: 56, 90, 104, 125, 138, 147, 161, 191, 204, 222, 224, 143, 318, 347, 380, 410.

* GURTOV M. *The First Vietnam crisis (Anh).* (Cuộc khủng hoảng Việt Nam lần thứ nhất). N.Y., London Columbia University Press, 1967, 228tr.

Chiến lược cộng sản Trung Hoa và sự dính líu của 1953-1954.

* JOYEUX FRANÇOIS.- *La Chine et le règlement du premier conflit d'Indochine: Genève 1954.* (Pháp) (Trung Quốc và việc giải quyết cuộc xung đột Đông Dương lần thứ nhất Hiệp nghị Giơ-ne-vơ 1954). P., Publication de Sorbone, 1979. 467tr. Giới thiệu trong "*Politique étrangère*" 1980, tr. 246-249.

* LANGLAIS P. *Dien Bien Phu*, Ed. France Empire, 1963. 264tr và 245tr.

* RENALO JEAN - *L'enfer de Dien Bien Phu* (Pháp) (Địa ngục Điện Biên Phủ) P, Ed. Flammarion, 1955, 224tr.

* ROCOLLE P. *Pourquoi Dien Bien Phu?* (Pháp) (Tại sao Điện Biên Phủ?) S.L. Ed. Flammarion, 1968, 605tr.

* ROLAND A. - *L'action dans l'ombre avant Dien Bien Phu* (Pháp) (Hoạt động trong bóng tối trước khi Điện Biên Phủ thất thủ) P. Ed. Du Dauphin, 1971, 34tr.

MỤC LỤC

	Trang
- <i>Lời nhà xuất bản</i>	7
- <i>Phần thứ nhất:</i> Điện Biên trong lịch sử	15
- <i>Phần thứ hai:</i> Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ	65
- <i>Phần thứ ba:</i> Một số bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội về chiến thắng Điện Biên Phủ	195
- <i>Phần thứ tư:</i> Điện Biên Phủ qua những trang tư liệu	339

ĐIỆN BIÊN PHỦ MỐC - VÀNG THỜI ĐẠI

Chịu trách nhiệm xuất bản: PHẠM QUANG ĐỊNH
Chịu trách nhiệm bản thảo: PHẠM BÁ TOÀN
Biên tập: NGUYỄN DUY TƯỜNG
Trình bày: VŨ THỊ NGÀ
Sửa bản in: LÊ HẰNG, KIM OANH, MINH NGUYỆT
Bìa: MAI THƠ
NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
23 Lý Nam Đế – Hà Nội.
ĐT: 8455766, 7470780 Fax: (04) 7471106

DIỆN BIÊN PHỦ

**MỐC
VÀNG
THỜI
ĐẠI**

Giá : 255.000đ